

**Namo Tassa Bhagavato Arahato
Sammā Sambuddhassa**



VI DIỆU PHÁP CƠ BẢN ABHIDHAMMA

GIẢNG SƯ: KING MILANDA A

NHÀ XUẤT BẢN

**Namo Tassa Bhagavato Arahato
Sammā Sambuddhassa**

BÀI GIẢNG:

- ✘ **TÂM - TÂM SỞ**
- ✘ **TÂM SỞ PHỐI HỢP TÂM**
- ✘ **TÂM - TÂM SỞ PHỐI**
- ✘ **SỰ PHÂN TÍCH 6 PHÁP**
- ✘ **NGƯỜI - CỖ**
- ✘ **NGHIỆP**
- ✘ **SẮC PHÁP (PHẦN 1 + 2)**
- ✘ **LỘ TRÌNH TÂM**
- ✘ **THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN**

Room Paltalk:

- 1/ PHATGIAONAMTRUYENNT
- 2/ NGUYENNHUKYVIEN
- 3/ VIDIEUPHAPCOBAN

Giảng sư: Thầy KING MILANDA A – FB HOÀNG ĐẶNG

Trình bày: FB Châu Nguyễn

Hình họa: Việt Đặng

LỜI NÓI ĐẦU



Sammāsambuddhamatulaṃ

Sasaddhammagāṇuttamaṃ

Abhivādiya bhāsissaṃ

Abhidhammatthasaṅgahaṃ

Giảng sư King Milanda A đã thuyết giảng Vi Diệu Pháp căn bản cho lớp tại ba room Paltalk “PhatgiaonamtruyenNT”, “NguyenNhuKyVien” và “Vidieuphappcoban”

Quyển sách **"VI DIỆU PHÁP CỐ BẢN"** gồm các bài giảng: **TÂM VÀ TÂM SỞ, TÂM SỞ PHỐI HỢP TÂM, TÂM – TÂM SỞ PHỐI, SỰ PHÂN TÍCH 6 PHÁP, NGƯỜI – CÔI – NGHIỆP, SẮC PHÁP (PHẦN 1 + 2), LỘ TRÌNH TÂM, THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN** này được chúng tôi chép lại từ những lời giảng của Thầy King Milanda A – Hoàng Đặng đã giảng dạy qua 3 room kể trên.

Như một lời tri ơn đối với Thầy cùng Quý Chư Tăng và toàn thể Đạo Tràng đã tạo điều kiện cho chúng tôi được học tập, tìm hiểu sâu hơn về những lời dạy cao cả của Đức Thế Tôn, nhận thấy được lợi ích từ những gì đã được học qua lời giảng dễ hiểu, cụ thể của Thầy, chúng tôi thực sự mong mỏi tất cả những ai có lòng tìm hiểu và học hỏi về Phật Pháp đều hữu duyên đọc được quyển sách.

Kính dâng phần phước Pháp thí này đến với Quý Chư Tăng Ni, đặc biệt là Quý Sư giảng dạy ở hai room Paltalk Phatgiaonamtruyen, NguyenNhuKyVien và Thầy King Milanda A – Hoàng Đặng, cùng tất cả chúng sanh.

Ước mong Phật Pháp được trường tồn, hưng thịnh năm ngàn năm chẵn.

♦ Idamaṃ me puññaṃ āsavakkhayā'vahaṃ hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn trừ các lậu hoặc - trầm luân

♦ Idamaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện là duyên thành tựu được Niết bàn.

♦ Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi;

Phần phước của chúng con, xin chia đều đến tất cả sanh linh.

♦ Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.

Mong tất cả hãy thọ nhận phần phước ấy được đều nhau.

Sādhū Sādhū lành thay!

BÀI GIẢNG VI DIỆU PHÁP

PHẦN 1: TÂM

Room Paltalk: NGUYENNHUKYVIEN

Thời gian: Tháng 08/2018 – Tháng 03/2019

Room Paltalk: PHATGIAONAMTRUYENNT

Thời gian: Tháng 07/2018 – Tháng 01/2019

Giảng sư: **KING MILANDA A**

BÀI GIẢNG VI DIỆU PHÁP – PHẦN I: TÂM

Giảng sư: KING MILANDA A - FB HOÀNG ĐẶNG

BUỔI 1 – 18/08/2018 – Room NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/420544681950152>

GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ ĐỀ TÀI SIÊU LÝ HỌC SƠ CẤP

ABHIDHAMMA

Abhi: Cao siêu, Thù diệu, Thù thắng, Sâu sắc

Dhamma: là Pháp, là lời giáo huấn, là lời dạy, Giáo pháp vi diệu, Giáo pháp vô song có một không hai trên thế gian này, sẽ thấy được vi diệu, tuyệt vời của vị CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC. Cho nên sẽ rất cao siêu, sâu sắc, chói sáng, là Tinh hoa, Vi diệu của Giáo pháp của **ĐỨC THẾ TÔN**

Xuất xứ: từ lúc Đức Phật ở vào hạ thứ 7, Ngài lên Cung trời Đao lợi, Ngài thuyết tại Cung trời Đao lợi (là cảnh giới của Chư thiên – có 33 vị trời làm chủ nên được gọi là cõi Tam thập Tam thiên) để báo hiếu cho mẹ của mình là Hoàng hậu Maya.

Có 3 Tạng:

TANG KINH: nói về những lời giáo huấn, thường mang tính chế định nhiều hơn những sự quy ước, nói về đời sống, tu tập, làm thiện, tránh bất thiện, hành pháp ... để được sanh về cõi trời.

Tạng Kinh có 21 ngàn pháp uẩn (Pháp môn)

Tạng Kinh ví như những bông hoa thơm ngát rực rỡ

TANG LUẬT: giới luật được đặt ra, được Đức Thế Tôn chế định ra để cho các vị Tỷ kheo tu tập, ứng dụng trong đời sống, nếu mà không có luật thì không thể tu tập được.

Tạng Luật có 21 ngàn pháp uẩn (Pháp môn)

Tạng Luật ví như là cội nguồn, gốc rễ của các Pháp

TANG LUẬN: là TẠNG VI DIỆU PHÁP, là Tạng cốt lõi tinh hoa của Phật Pháp.

Tạng Luận có 42 ngàn pháp uẩn (Pháp môn)

Tạng Luận ví như lõi cây, là phần tinh túy của cây

☯ Để đạt được Tứ Vô ngại giải là:

LỢI ÍCH CỦA SỰ HỌC

PHÁP VÔ NGẠI GIẢI: đạt được sự thông suốt về các pháp

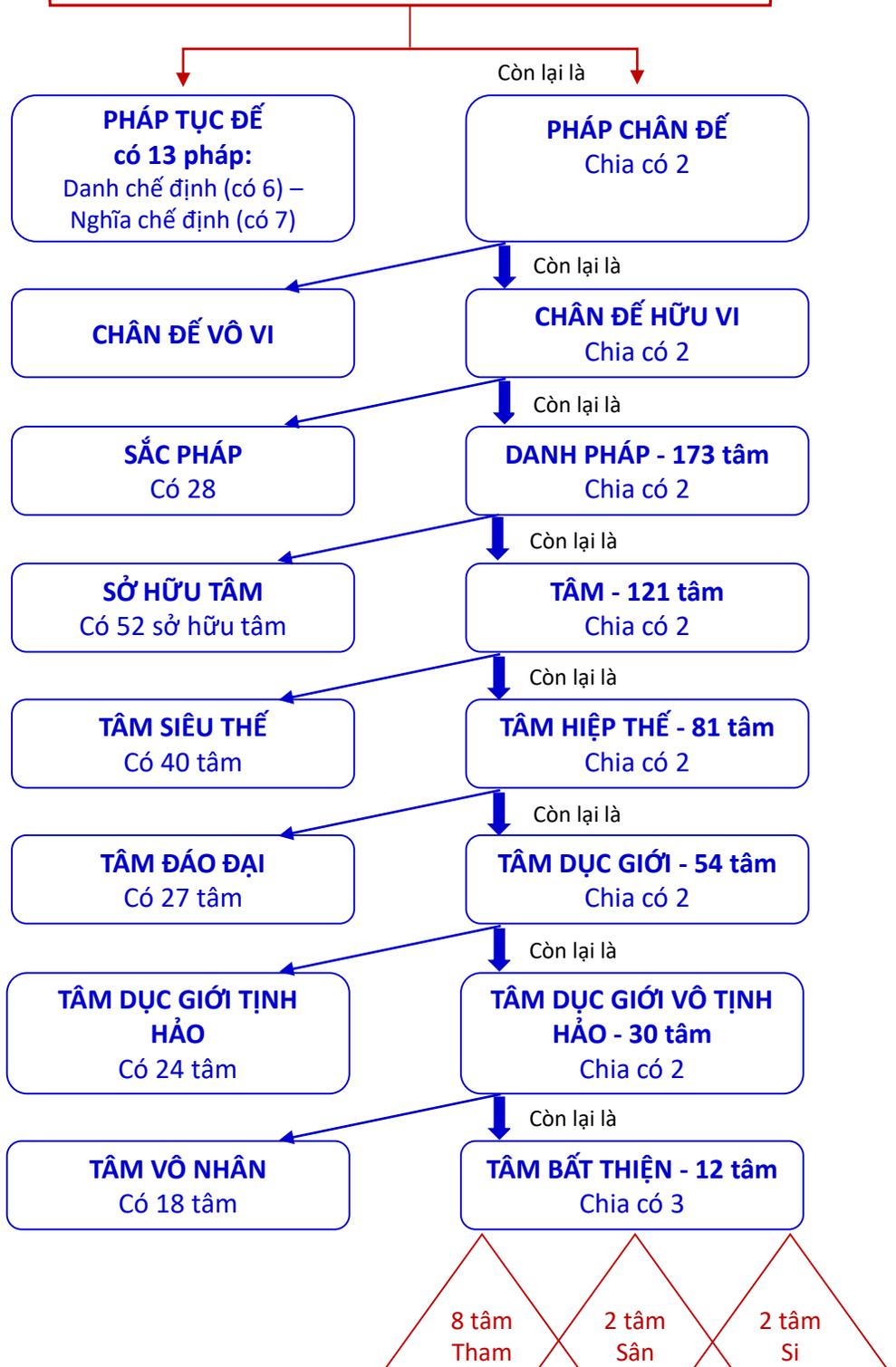
NGHĨA VÔ NGẠI GIẢI: các ý nghĩa được trình bày, giải thích, rõ ràng chi tiết để không bị lầm lẫn

TỪ VÔ NGẠI GIẢI: sẽ có nhiều từ ngữ để diễn đạt pháp 1 cách thông suốt không bị lẫn lộn

BIỆN VÔ NGẠI GIẢI: có sự thông suốt, biện tài lưu loát, giải thích 1 cách rõ ràng, không bị lúng túng lúng cúng về trình bày về pháp lý

☯ Sẽ thấy rõ được Pháp nào đúng, sai, đâu là nguy hiểm, giả dối để có những ý niệm đúng đắn không bị sai lệch, giúp cho phần hành được đúng đắn không bị sai lệch, không bị rơi vô tư kiến sai lầm.

TẤT CẢ LÀ PHÁP
LÀ TẤT CẢ HIỆN TƯỢNG CỦA TAM GIỚI
 chia có 2



PHÁP TỤC ĐẾ SAMMUTTISACCA

Tục là trần tục, Đế là sự thật. Là Pháp của sự thật của thế gian, những Pháp được định đặt, định để của thế gian này (6 pháp Danh chế định, 7 pháp Nghĩa chế định => Tổng cộng có 13 Pháp Chế định) Có 2

DANH CHẾ ĐỊNH - NĀMAPAÑÑATTI

paññatti: quy định, đặt để, chỉ định; là 1 danh từ đặt để ra để chỉ định 1 cái gì đó.

Có 6

NGHĨA CHẾ ĐỊNH - ATTHAPAÑÑATTI

Được đặt để ra, mượn Danh chế định để nói những ý nghĩa để thông hiểu lẫn nhau.

Có 7

1/ Danh chân chế định - VIJĀMĀNA PAÑÑATTI:

Danh chân là danh từ chỉ sự chân thật, có thật, sự hiện hữu thật, danh từ đặt để ra để chỉ cái gì nó có hiện hữu, có thực tướng thực tính, chỉ những Pháp thuộc về Pháp chân đế (Vô vi, Hữu vi, Sắc pháp, Sở hữu tâm, Tâm) (Tâm Tham, Tâm Thiện dục giới, Tâm Sở, Sắc Pháp)

2/ Phi danh chân chế định - AVIJĀMĀNA PAÑÑATTI:

Phi là không, danh là danh từ, chân là chân thật, chế định là đặt ra, chỉ những pháp đặt để không có thật để chỉ ra những thứ không có thật.

Vd: tên, lông, tóc của 1 người, xe, nhà ...

3/ Danh chân, Phi danh chân chế định - VIJĀMĀNA AVIJĀMĀNA PAÑÑATTI

Vd: Tâm sân của Châu (Tâm sân là danh chân, Châu là phi danh chân)

4/ Phi danh chân, Danh chân chế định - AVIJĀMĀNA VIJĀNMĀNA PAÑÑATTI

Vd: C.Nguyen có Tâm tham (C.Nguyen là phi danh chân, tâm tham là danh chân)

5/ Danh chân, Danh chân chế định - VIJĀMĀNA VIJĀMĀNA PAÑÑATTI

Vd: Tâm tham có Tà kiến (Tâm tham là danh chân, tà kiến là danh chân)

6/ Phi Danh chân, Phi danh chân chế định - AVIJĀMĀNA AVIJĀMĀNA PAÑÑATTI

Vd: LHoa chở CNguyen (LHoa, CNguyen là phi DC)

1/ Hình thức chế định - SANTHĀNĀ PAÑÑATTI

Là những hình thức bên ngoài như vuông, tròn, méo ...

2/ Hiệp thành chế định - SAMŪHA PAÑÑATTI

Là những thứ hoặc nhiều thứ ráp lại thành 1 cái gì đó

3/ Chúng sanh chế định - SATTĀ PAÑÑATTI

Vd: Con người, thú, gà vịt, chư thiên, phạm thiên

4/ Phương hướng chế định - DISĀ PAÑÑATTI

Vd: Đông Tây Nam Bắc : đặt ra để thông hiểu nhau

5/ Thời gian – thời tiết chế định - KĀLA PAÑÑATTI

Vd: 1 giờ, 2 giờ, 1 ngày 2 ngày... Xuân - Hạ - Thu - Đông

6/ Hư không chế định - ĀKĀSA PAÑÑATTI

Vd: Khoảng không giữa 2 cái có, như lỗ, hang, giếng ...

7/ Tiêu biểu (hình tướng) chế định - NIMITTA PAÑÑATTI:

là kiểu dáng, ký hiệu, hoặc là sơ tướng, quang tướng (trong Thiền)

PHÁP CHÂN ĐẾ -

PARAMATTHA SACCA:

Nghĩa: Sự thật tuyệt đối (pháp thực tính) không thể thay đổi được nhưng vẫn nằm trong định luật Vô thường

PHÁP CHÂN ĐẾ: có 3 ý nghĩa

BẤT BIẾN (không bao giờ thay đổi nhưng vẫn nằm trong định luật vô thường – trừ vô vi Pháp)

ĐỐI TƯỢNG CỦA TUỆ CAO (Pháp Chân đế hữu vi này là đối tượng để sanh trí tuệ, đưa chúng ta hướng dần giải thoát, đối tượng của Thiền Tứ niệm xứ - Vipassana: Sắc pháp, Danh pháp, Tâm, Sở hữu Tâm => là những đối tượng để hành tứ niệm xứ, để bắt làm đề mục tu tập và phát sanh trí tuệ; thấy rõ được thực tướng của các Pháp. Mượn tục để để thấy Chân đế)

ĐỆ NHẤT NGHĨA ĐẾ (sự thật tuyệt đối, chủ chế định)

TỤC ĐẾ – CHÂN ĐẾ

Nhiệm vụ Viên dung

4 PHÁP CHÂN ĐẾ

**TÂM
CITTA**

Có 121

**SỞ HỮU TÂM
CETASIKA**

Có 52

**SẮC PHÁP
RŪPA**

Có 28

**NIẾT BÀN
NIBBĀNA**

1

CHÂN ĐẾ:
Có 2 ý nghĩa

1/ Sự thật bản thể (Tâm, Sở hữu tâm, Sắc pháp, Niết bàn)

2/ Chân đế thuộc về Tứ thánh đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo)

TÂM – CITTA:

Là sự biết cảnh; Thân bắt cảnh theo các giác quan; Suy xét cảnh; Làm nên sự sai khác trong đời; Tạo nghiệp (thiện, bất thiện); Quấn tụ phiền não (tham, sân, si, ganh tỵ, tật đố, ích kỷ...); Sanh diệt liên tục

**TÂM CHỈ CÓ 1 NHƯNG
SANH RA 121 TÂM
(do 52 Tâm Sở)**

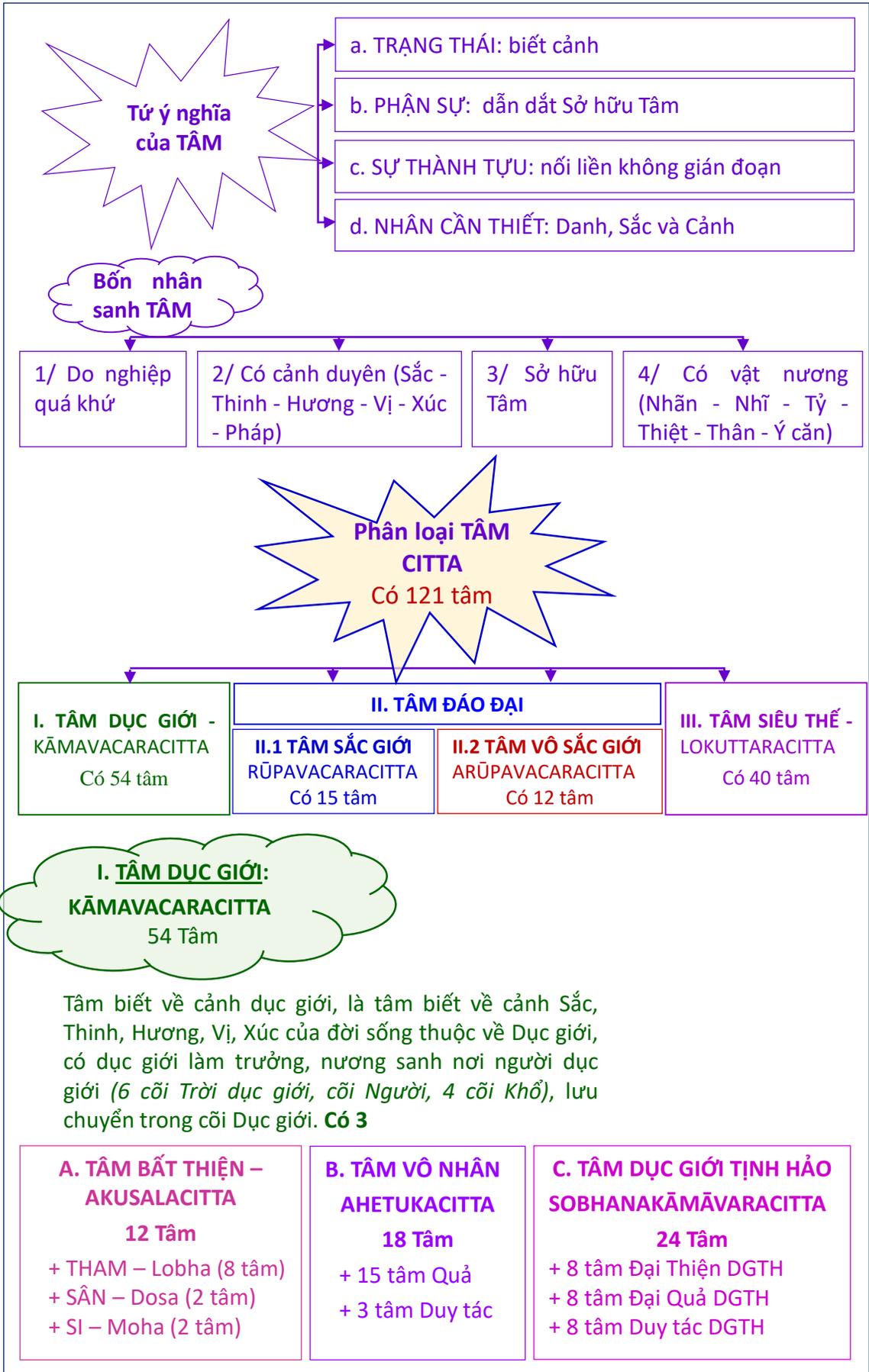
tốc độ cực nhanh, liên tục (vô gián duyên)

chạy bất kỳ nơi đâu

luôn đơn độc

Vô hình vô tướng nhưng có tướng trạng riêng biệt (tham, sân, si)

Trú xứ của tâm (y cứ sắc pháp mà Tâm nương)



**A. TÂM BẤT THIỆN
AKUSALA CITTA**

**TÂM THAM
LOBHAMŪLA
CITTA - có 8**

1. Tâm tham thọ hỷ Hợp tà Vô trợ –
SOMANASSA-SAHAGATAM DIṬṬHIGATASAMPAYUTTAM
ASAÑKHĀRIKAM

2. Tâm tham thọ hỷ Hợp tà Hữu trợ –
SOMANASSA-SAHAGATAM DIṬṬHIGATASAMPAYUTTAM
SASAÑKHĀRIKAM

3. Tâm tham thọ hỷ Ly tà Vô trợ –
SOMANASSA-SAHAGATAM DIṬṬHIGATAVIPPAYUTTAM
ASAÑKHĀRIKAM

4. Tâm tham thọ hỷ Ly tà Hữu trợ –
SOMANASSA-SAHAGATAM DIṬṬHIGATAVIPPAYUTTAM
SASAÑKHĀRIKAM

5. Tâm tham thọ xả Hợp tà Vô trợ –
UPEKKHĀ-SAHAGATAM DIṬṬHIGATASAMPAYUTTAM
ASAÑKHĀRIKAM

6. Tâm tham thọ xả Hợp tà Hữu trợ –
UPEKKHĀ-SAHAGATAM DIṬṬHIGATASAMPAYUTTAM
SASAÑKHĀRIKAM

7. Tâm tham thọ xả Ly tà Vô trợ –
UPEKKHĀ-SAHAGATAM DIṬṬHIGATAVIPPAYUTTAM
ASAÑKHĀRIKAM

8. Tâm tham thọ xả Ly tà Hữu trợ –
UPEKKHĀ-SAHAGATAM DIṬṬHIGATAVIPPAYUTTAM
SASAÑKHĀRIKAM

**TÂM SÂN
DOSAMŪLA
CITTA: có 2**

1. Tâm sân Thọ ưu hợp phần Vô trợ -
DOMANASSA.SAHAGATAM PAṬIGHASAMPAYUTTAM
ASAÑKHĀRIKAM

2. Tâm sân Thọ ưu hợp phần Hữu trợ –
DOMANASSA.SAHAGATAM PAṬIGHASAMPAYUTTAM
SASAÑKHĀRIKAM

**TÂM SI
MOHAMŪLA
CITTA: có 2**

1. Tâm si Thọ xả Hoài nghi –
UPEKKHĀ-SAHAGATAM VICIKICCHĀSAMPAYUTTAM

2. Tâm si Thọ xả Phóng dật –
UPEKKHĀ-SAHAGATAM UDDHACCHĀSAMPAYUTTAM

BUỔI 4 – ngày 08/09/2018 - Room NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/371667267073908>

**5 Ý nghĩa của
TÂM BẤT THIỆN -
AKUSALA CITTA**

1/ Bệnh hoạn: là 1 loại tâm bệnh hoạn	2/ Bất mỹ: là 1 loại tâm xấu xa không đẹp đẽ	3/ Không khôn khéo: là 1 loại tâm si mê, ngu dại	4/ Tội lỗi: lời nói gây đau khổ cho người khác	5/ Cho quả khổ
--	---	--	---	-------------------------------

**5 Nhân sanh
BẤT THIỆN**

1. Phi như lý tác ý: chúng ta để tâm mình suy nghĩ theo chiều hướng bất thiện, ác	2. Trú xứ không nên ở: chỗ ở gần nơi không tốt (sòng bãi, hàng xóm ác giới...) dễ tác động mình sanh tâm bất thiện	3. Thân cận phi hiền nhân: gần người xấu, ác, không lành	4. Ít tạo phước ở đời trước	5. Lập trường không chân chánh
--	---	---	--	---

BUỔI 5 – ngày 15/09/2018 - Room NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1176657869200079>

**TÂM THAM –
LOBHAMŪLA
CITTA**

- TÂM: là sự biết cảnh
- THAM: là sự ham muốn tham đắm, bám víu, mắc dính
- TÂM THAM:** là một loại Tâm có sự ham muốn, sự dính mắc đối tượng
- **VÔ TRỢ:** khởi nhanh
- **HỮU TRỢ:** có sự xúi giục, trợ giúp bên trong và bên ngoài

1. Tâm tham thọ hỷ Hợp tà Vô trợ –

SOMANASSA-SAHAGATAṀ DIṬṬHIGATASAMPAYUTTAM ASAÑKHĀRIKAṀ

- Tâm tham: sự ham muốn, dính mắc đối tượng
- Thọ: cảm giác, cảm thọ, cảm xúc
- Hỷ: vui vẻ, hoan hỉ, hưng phấn
- Hợp: tương ứng
- Tà: nghiêng, lệch, tri kiến sai lầm
- Vô trợ: không cần có sự trợ giúp
- => Nghĩa: khi có sự ham muốn cùng 1 lúc có sự hoan hỉ, vui thích với đối tượng và có khởi sanh tư tưởng sai lệch, khởi nhanh không cần sự trợ giúp

2. Tâm tham thọ hỷ Hợp tà Hữu trợ –

SOMANASSA-SAHAGATAṀ DIṬṬHIGATASAMPAYUTTAM SASAÑKHĀRIKAṀ

- Hợp tà: hợp với sự sai lệch, hợp tà kiến (chấp thường, chấp đoạn)
- Hữu trợ: có sự trợ giúp của đối tượng bên ngoài, hoặc có sự nhắc nhở trong tâm mình

3. Tâm tham thọ hỷ Ly tà Vô trợ –

SOMANASSA-SAHAGATAṀ DIṬṬHIGATAVIPPAYUTTAM ASAÑKHĀRIKAṀ

- Ly tà: ví dụ biết ăn cắp đồ là sai nhưng vẫn lấy

4. Tâm tham thọ hỷ Ly tà Hữu trợ –

SOMANASSA-SAHAGATAṀ DIṬṬHIGATAVIPPAYUTTAM SASAÑKHĀRIKAṀ

5. Tâm tham thọ xả Hợp tà Vô trợ –

UPEKKHĀ-SAHAGATAṀ DIṬṬHIGATASAMPAYUTTAM ASAÑKHĀRIKAṀ

- lấy đồ vật, ăn cắp 1 cách thần nhiên không biết là sai mà cho là đúng. Tâm này khởi lên không có trạng thái vui, không có sự xúi giục, hợp với tà kiến

6. Tâm tham thọ xả Hợp tà Hữu trợ –

UPEKKHĀ-SAHAGATAṀ DIṬṬHIGATASAMPAYUTTAM SASAÑKHĀRIKAṀ

- có sự xúi giục từ bên trong và bên ngoài

7. Tâm tham thọ xả Ly tà Vô trợ –

UPEKKHĀ-SAHAGATAṀ DIṬṬHIGATAVIPPAYUTTAM ASAÑKHĀRIKAṀ

- Khởi tâm tham 1 cách mau chóng, làm mà biết điều đó là sai, không có sự hoan hỉ, không có tà kiến

8. Tâm tham thọ xả Ly tà Hữu trợ –

UPEKKHĀ-SAHAGATAṀ DIṬṬHIGATAVIPPAYUTTAM SASAÑKHĀRIKAṀ

NOTE: Khi chúng ta khởi lên lòng ham muốn mà lúc đó chúng ta có tư tưởng sai lệch.

Ví dụ: khởi tâm tham lấy cắp đồ người khác mà chúng ta cho là :

- Điều đó **KHÔNG CÓ SAI**: thì đó là **HỢP TÀ** (Hợp tà còn có nghĩa là tin vào đấng thần linh nào đó)
- Điều đó là sai mà vẫn làm: thì đó là **LY TÀ** (Ly tà là không có tư tưởng tà kiến trong đó, không có nghĩa là Chánh trong đó)

4 Nhân sanh THAM

1. Tục sinh có nghiệp tham theo bè đảng (vì con người tục sinh bằng Tâm quả thiện, còn những loài thấp như súc sinh, Ngạ quỷ, Atula, Địa ngục thì tục sinh bằng Quả bất thiện)

2. Đòi kể trước trước đa tham (là những chủng tử phiền não đi theo mình)

3. Gặp cảnh đẹp, cảnh tốt (cảnh khả ái khả hỷ)

4. Gặp đối tượng khả ái, khả hỷ (vừa ý, hợp lòng mong muốn)

4 Nhân sanh THỌ HỖ

1. Tục sinh bằng Tâm Thọ hỷ (sát na tâm đầu tiên có mặt trong cuộc đời này là Tâm quả thiện thọ hỷ)

2. Không trầm tĩnh, trầm ngâm suy xét

3. Gặp cảnh tốt đẹp

4. Cách ly sự điều tàn đổ nát

BUỔI 6 – ngày 22/09/2018 - Room NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/495967524316576>

ĐỀ : sự thật

TỤC ĐỀ : sự thật thông thường trong thế gian

CHÂN ĐỀ : sự thật tuyệt đối, bất khả tư nghi

5 Nhân sanh TÀ KIẾN

1. Tánh nết quen tà kiến, sống - làm - suy tư : chấp theo tà kiến

2. Thân cận người tà kiến

3. Sống trái Phật pháp (không tin chân lý, không tin nhân quả)

4. Suy xét sai

5. Không khéo vọt tà kiến

5 Nhân sanh LY TÀ

1. Tánh nết không quen tà kiến

2. Không thân cận người tà kiến

3. Được nghe Phật pháp

4. Ít suy xét sai

5. Khéo vọt khỏi tà kiến

6 Nhân sanh VÔ TRỢ

1. Tục sanh có nghiệp vô trợ

2. Thân tâm mạnh mẽ

3. Đa nhân nại

4. Từng thấy, nghe sự kết quả của bậc hiền triết

5. Thuần thực việc làm

6. Vật thực, khí hậu, trú xứ thích hợp

**6 Nhân sanh
HỮU TRỢ**

1. Tục
sanh
bằng tâm
hữu trợ

2. Thân
tâm yếu
đuối

3. Thiếu
chí
nhẫn
nại

4. Không từng
thấy, nghe sự
kết quả của
bậc hiền triết

5. Không
thuần thực
trong việc
làm

6. Vật thực,
khí hậu, trú
xứ không
thích hợp

**4 Nhân sanh
THỌ XẢ**

1. Tục sinh tâm Thọ
xả

2. Có suy xét
tế nhị

3. Thường gặp
cảnh trung bình

4. Ly sự
điều tàn

**TÂM THAM
Cho quả
khác biệt**

1. HỖ cho quả hơn XẢ

2. VÔ TRỢ hơn HỮU TRỢ

3. TÀ KIẾN hơn LY TÀ

**TÊN TÂM
THAM GOM
THEO HỢP
ĐỒNG
8 tâm tham**

1 + 2: Tâm tham thọ hỷ tương ưng tà kiến

3 + 4: Tâm tham thọ hỷ bất tương ưng tà kiến

1 + 3: Tâm tham thọ hỷ Vô trợ

2 + 4: Tâm tham thọ hỷ Hữu trợ

➔ **1 + 2 + 3 + 4: TÂM THAM THỌ HỖ**

5 + 6: Tâm tham thọ xả tương ưng tà kiến

7 + 8: Tâm tham thọ xả bất tương ưng tà kiến

5 + 7: Tâm tham thọ xả Vô trợ

6 + 8: Tâm tham thọ xả Hữu trợ

➔ **5 + 6 + 7 + 8: TÂM THAM THỌ XẢ**

1 + 2 + 5 + 6: Tâm tham hợp tà kiến

3 + 4 + 7 + 8: Tâm tham ly tà

1 + 3 + 5 + 7: Tâm tham vô trợ

➔ 2 + 4 + 6 + 8: Tâm tham hữu trợ

TÂM SÂN
DOSAMŪLACITTA
Tâm có căn gốc là sân, có thực tính bực bội, khó chịu, không hài lòng, bất toại nguyện, nặng hơn là hận, phẫn nộ, ác độc.
Có 2

1. Tâm sân Thọ ưu Hợp phần Vô trợ –
DOMANASSASAHAGATAṀ PAṬIGHASAMPAYUTTAM
ASAÑKHĀRIKAṀ
(paṭigha: sự tức giận, bực bội, phẫn nộ; sampayuttam: tương ưng; asañkhārikam: vô trợ): Trạng thái Tâm sân có Thọ ưu đồng sanh, đồng thời tương ưng 1 sự phẫn nộ, tức tối khởi lên 1 cách nhanh chóng. Thọ: cảm xúc, cảm giác;
Thọ ưu (thuộc về thọ uẩn): cảm giác bất an, bực xúc, khó chịu...

2. Tâm sân Thọ ưu Hợp phần Hữu trợ –
DOMANASSASAHAGATAṀ PAṬIGHASAMPAYUTTAM
SASAÑKHĀRIKAṀ (sasañkhārikam: hữu trợ):
Trạng thái bực bội khó chịu tương ưng phẫn nộ khởi lên chậm hơn

4 Nhân sanh TÂM SÂN

- 1. Tánh nét quen sân
- 2. Không suy xét sâu xa
- 3. Thiếu kiến thức học, hiểu
- 4. Thường gặp cảnh xấu

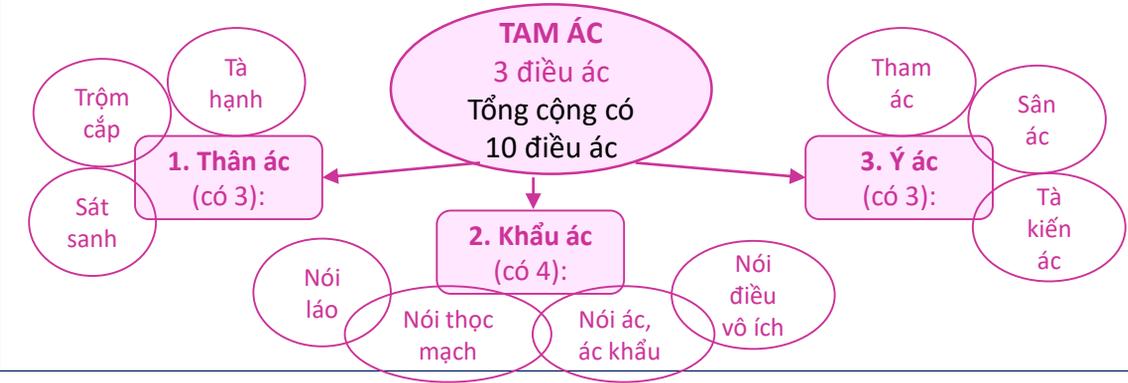
TÂM SI
MOHAMŪLA CITTA
Có 2

1. Tâm si thọ xả Hoài nghi – UPEKKHĀSAHAGATAṀ VICIKICCHĀSAMPAYUTTAM: có trạng thái phân vân
a. Si hoài nghi thông thường
b. Si hoài nghi đặc biệt: Phật, Pháp, Tăng, Tam học (giới, định, tuệ), quá khứ, vị lai, hiện tại, duyên sinh (y tương sinh)

2. Tâm si thọ xả Phóng dật – UPEKKHĀSAHAGATAṀ UDDHACCHĀSAMPAYUTTAM: Tâm chao đảo, loạng choạng

2 Nhân sanh TÂM SI

- 1. Phi như lý tác ý: Không đúng pháp, không đúng sự thật => Tâm mê muội
- 2. Pháp lậu làm nền tảng: Dục lậu, Hữu lậu, Kiến lậu, Vô minh lậu
- Kiến lậu : chìm đắm trong tà kiến, chấp thủ
- Dục lậu : ngâm tẩm lâu đời
- Hữu lậu : đắm chìm trong sanh hữu
- Vô minh lậu : chìm đắm trong u tối





BUỔI 8 – ngày 06/10/2018 - Room NGUYENNHUKYVIEN

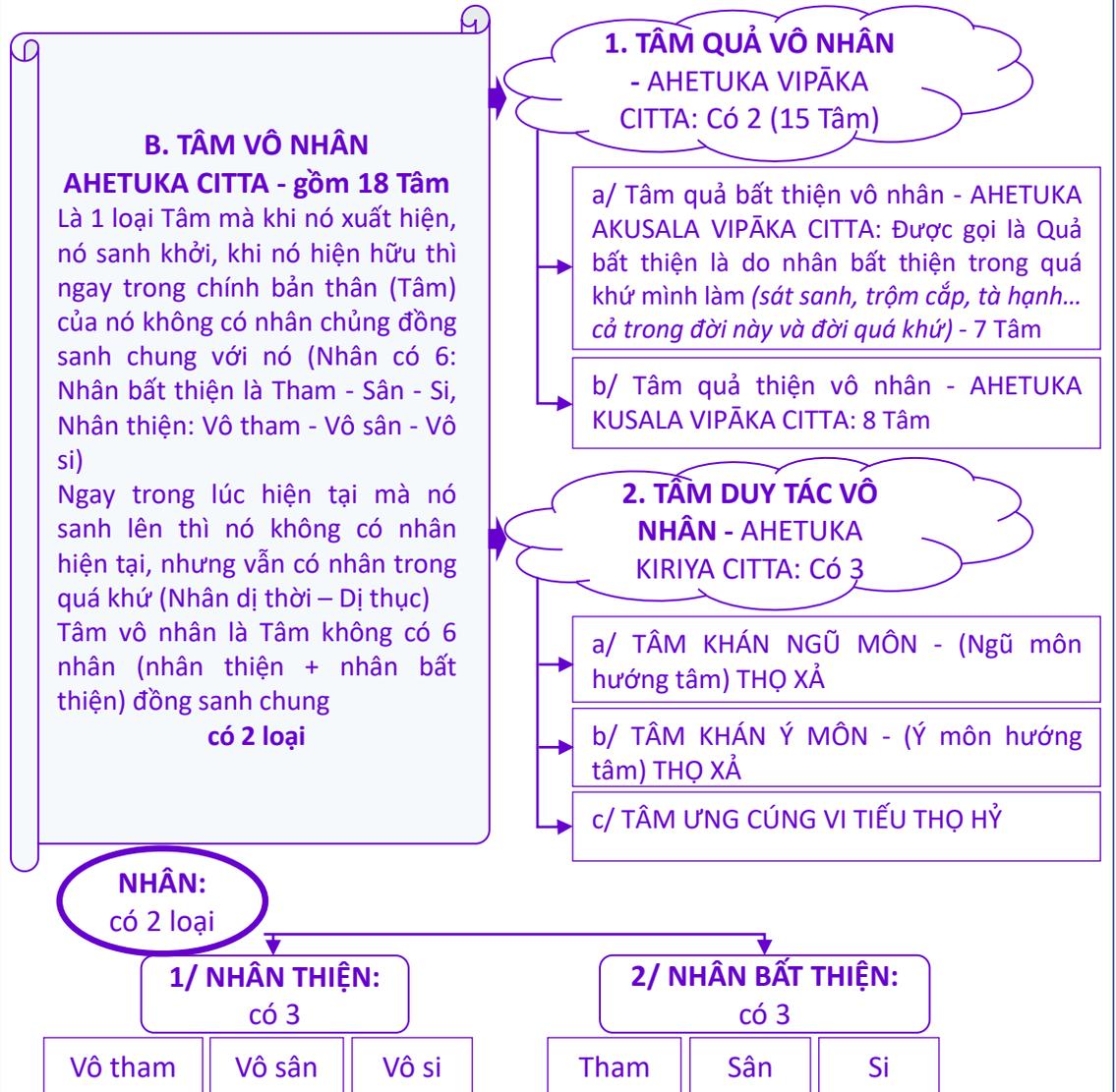
<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/534519097308250>

BUỔI 9 – ngày 13/10/2018 - Room NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/2567315420162740>

BUỔI 10 – ngày 20/10/2018 - Room NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/415740305749313>



1. TÂM QUẢ VÔ NHÂN - AHETUKA VIPĀKA CITTA

a/ TÂM QUẢ
BẤT THIỆN
VÔ NHÂN -
AHETUKA
AKUSALA
VIPĀKA CITTA:
Là kết quả
thành tựu do
nhân bất thiện
trong quá khứ
=> là mẹ đẻ
của Tâm quả
Vô nhân trong
thời HIỆN TẠI.
Có 7 tâm

1. **Nhãn thức thọ xả quả bất thiện vô nhân** – UPEKKHĀSAHAGATĀM AKUSALAVIPĀKĀM CAKKHU-VIÑÑĀṆĀM
Tâm biết nương qua con mắt để biết cảnh sắc bên ngoài, phải thấy & chịu những xấu xa đau khổ => là kết quả thành tựu trong quá khứ đã gây ra. Nhãn thức là cái biết nương nơi thần kinh nhãn, tâm nhãn thức sanh lên nương nơi thần kinh nhãn để bắt cảnh sắc, sanh và diệt tại đó luôn.

2. **Nhĩ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân** – UPEKKHĀSAHAGATĀM AKUSALAVIPĀKĀM SOTA-VIÑÑĀṆĀM
cái biết nương qua thần kinh nhĩ để bắt cảnh (nghe) cái biết qua thần kinh nhĩ để bắt lấy âm thanh bất thiện, xấu, khổ

3. **Tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân** – UPEKKHĀSAHAGATĀM AKUSALAVIPĀKĀM GHANA-VIÑÑĀṆĀM
tỷ thức: cái biết nương nơi thần kinh tỷ để phải chịu người lấy mùi hương xấu, tanh hôi

4. **Thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân** – UPEKKHĀSAHAGATĀM AKUSALAVIPĀKĀM JIVHĀ-VIÑÑĀṆĀM
Cái biết cảnh xấu nương từ thần kinh thiệt

5. **Thân thức thọ KHỔ quả bất thiện vô nhân** – DUKKHASAHAGATĀM, AKUSALAVIPĀKĀM KĀYA-VIÑÑĀṆĀM
Là cái thấy biết về cảnh xấu cảnh khổ nương nơi thân thức

6. **Tiếp xúc thọ xả quả bất thiện vô nhân** – UPEKKHĀSAHAGATĀM AKUSALAVIPĀKĀM SAMPAṬṬICCHANACITTĀM
Là nhận cảnh ở bên ngoài từ 5 thức

7. **Quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân** – UPEKKHĀSAHAGATĀM AKUSALAVIPĀKĀM SANTĪRAṆACITTĀM
Tâm quan sát làm phạm sự quan sát điều nghiên đối tượng

b/ TÂM QUẢ
THIỆN VÔ
NHÂN
AHETUKA
KUSALA
VIPĀKA
CITTA
Có 8 tâm

1. **Nhãn thức thọ xả quả thiện vô nhân** – UPEKKHĀSAHAGATĀM KUSALAVIPĀKĀM CAKKHU-VIÑÑĀṆĀM

2. **Nhĩ thức thọ xả quả thiện vô nhân** – UPEKKHĀSAHAGATĀM KUSALAVIPĀKĀM SOTA-VIÑÑĀṆĀM

3. **Tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân** – UPEKKHĀSAHAGATĀM KUSALAVIPĀKĀM - GHĀṆA-VIÑÑĀṆĀM

4. **Thiệt thức thọ xả quả thiện vô nhân** – UPEKKHĀSAHAGATĀM KUSALAVIPĀKĀM - JIVHĀ -VIÑÑĀṆĀM

5. **Thân thức thọ lạc quả thiện vô nhân** – SUKHASAHAGATĀM, KUSALAVIPĀKĀM KĀYAVIÑÑĀṆĀM

6. **Tiếp xúc thọ xả quả thiện vô nhân** – UPEKKHĀSAHAGATĀM KUSALAVIPĀKĀM SAMPAṬṬICCHANACITTĀM

7. **Quan sát thọ xả quả thiện vô nhân** – UPEKKHĀSAHAGATĀM KUSALAVIPĀKĀM SANTĪRAṆACITTĀM

8. **Quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân** – SOMANASSASAHAGATĀM KUSALAVIPĀKĀM SANTĪRAṆACITTĀM

2. TÂM DUY TÁC VÔ NHÂN - AHETUKA KIRIYA CITTA

Duy tác: Duy nhất chỉ có tác động mà không để lại hậu quả của nó, có 3

a. TÂM KHÁN NGŨ MÔN (Ngũ môn hướng tâm) THỌ XẢ

UPEKKHĀSAHAGATĀM
PAÑCADVĀRĀVAJJANACITTĀM:
Sanh lên nương ở Sắc ý vật và trú ở đó. Không có mặt ở cõi vô sắc mà chỉ có mặt ở cõi Danh Sắc.

có 3
nhân
sanh
KHÁN
NGŨ
MÔN

1. Sắc ý vật

2. Có cảnh Ngũ (sắc, thanh, hương, vị, xúc)

3. Có sự chú ý

b. TÂM KHÁN Ý MÔN (Ý môn hướng tâm) THỌ XẢ -

UPEKKHĀSAHAGATĀM
MANODVĀRĀVAJJANACITTĀM
Là tâm làm phạm sự xác định đối tượng (cảnh ngũ) từ ngoài đi vào trong và sanh lên tâm để tác thành nghiệp.

có 3
nhân
sanh
KHÁN
Ý
MÔN

1. Sắc ý vật

2. Có cảnh Ngũ (sắc, thanh, hương, vị, xúc) và cảnh Pháp

3. Có sự chú ý

- Khi dòng tâm thức chưa có đối tượng (cảnh sắc) thì gọi là hộ kiếp

- Khi có đối tượng (cảnh sắc), cảnh này sẽ đi vào mắt và tiếp xúc thần kinh nhãn, soi chiếu vào dòng tâm thức làm cho hộ kiếp rung động (hộ trì gìn giữ kiếp sống).

- Lúc này tâm Khán Ngũ môn sanh lên và hướng về cửa nhãn và diệt đi và tâm nhãn thức sanh (tâm tiếp thụ). Thâu nhận cảnh vào và tâm quan sát sanh lên để quan sát đối tượng, và diệt đi, lúc này tâm khán ý môn sanh lên và quan sát cảnh tốt hay xấu. Nếu là **cảnh xấu thì đồng tức sanh khởi**. Xấu thì sân sanh, tốt thì tham sanh.

c. TÂM ƯNG CÚNG VI TIỂU THỌ HỈ

SOMANASSA- SAHAGATĀM
HASITUPPĀDACITTĀM
Là tâm sinh tiểu, ưng chịu cúng dường, tâm ứng cúng vi tiểu là của vị A la hán

BUỔI 12 – ngày 03/11/2018 - Room NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1257042897808850>

BUỔI 13 – ngày 10/11/2018 - Room NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1106907206366754>

**SONG TÂM
QUẢ VÔ
NHÂN SỰ**

1. cặp NHÃN THỨC luôn làm việc THẤY

2. cặp NHĨ THỨC luôn làm việc NGHE

3. cặp TỶ THỨC luôn làm việc NGỬ

4. cặp THIỆT THỨC luôn làm việc NẾM

5. cặp THÂN THỨC luôn làm việc XÚC CHẠM

6. cặp TIẾP THẬU luôn làm việc TIẾP NHẬN CẢNH NGŨ do NGŨ SONG THỨC vừa ghi nhận

7. cặp QUAN SÁT THỌ XẢ

a. Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện

- tục sinh là chúng sinh khổ - Hộ kiếp

- Tử - Mót (thập di) - Quan sát

b. Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân làm 5 việc khác là tục sinh làm người lạc vô nhân

Riêng TÂM QUAN SÁT THỌ HỖ chỉ làm 2 việc QUAN SÁT và MÓT (THẬP DI)

**C. TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO -
SOBHANA KĀMĀVACARACITTA**

- KĀMĀVACARA: là Tâm tốt đẹp thường hiện hữu, lui tới, có mặt, xuất hiện trong cõi Dục giới (*mặc dù vẫn có mặt trong cõi sắc giới, cõi vô sắc giới, nhưng không thường xuyên như ở cõi dục giới*), là nhân lành của Dục Giới, quả lành sanh làm người trong cõi Dục Giới.

- SOBHANA: Tịnh hảo, Tốt đẹp, Tịnh hảo, Tịnh quang
Tịnh hảo: Tịnh là tốt đẹp. Sạch sẽ, thanh tịnh, khiết tịnh, trong sạch

Hảo: tốt, đẹp, khéo, đúng
có 3 loại, gồm 24 Tâm

I. TÂM ĐẠI THIỆN –

MAHĀKUSALACITTA: có 8 tâm

ĐẠI THIỆN (Đại: lớn - Thiện: tốt đẹp, những thiện pháp): Tâm đại thiện dục giới là nhân lành sẽ sanh quả tốt tức là nhân thành tựu làm người và trời cõi dục giới

a/ Làm được 10 phước thiện (Thập hạnh phúc)

b/ Có mặt trong nhiều loại chúng sanh: ngựa quý, bàng sanh, địa ngục, nhân loại, chư thiên, phạm thiên và các bậc thánh hữu học và hiện hữu trong nhiều cõi (Trừ bậc A la hán – dùng Tâm Duy tác)

II. TÂM ĐẠI QUẢ -

MAHĀVIPĀKACITTA: có 8 tâm

Là kết quả thành tựu của những nhân Thiện

III. TÂM ĐẠI HẠNH, DUY TÁC –

MAHĀKIRIYACITTA, có 8 tâm

C. TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO - SOBHANAKĀMĀVACARACITTA

I. TÂM ĐẠI THIỆN DỤC GIỚI TỊNH HẢO - MAHĀKUSALAKĀMĀVACARACITTA

ĐẠI THIỆN: Là những thiện pháp to lớn, vì những Tâm này sẽ làm được rất nhiều phước thiện – Thập hạnh phúc.

Có 8

1. Tâm Đại Thiện Thọ Hỷ Hợp Trí Vô Trợ - SOMANASSA-SAHAGATAṀ NĀṆASAMPAYUTTAM ASAṆKHĀRIKAM EKAM

2. Tâm Đại Thiện Thọ Hỷ Hợp Trí Hữu Trợ - SOMANASSA-SAHAGATAṀ NĀṆASAMPAYUTTAM SASAṆKHĀRIKAM EKAM

3. Tâm Đại Thiện Thọ Hỷ Ly Trí Vô Trợ - SOMANASSA-SAHAGATAṀ NĀṆAVIPPAYUTTAM ASAṆKHĀRIKAM EKAM

4. Tâm Đại Thiện Thọ Hỷ Ly Trí Hữu Trợ - SOMANASSA-SAHAGATAṀ NĀṆAVIPPAYUTTAM SASAṆKHĀRIKAM EKAM

5. Tâm Đại Thiện Thọ Xả Hợp Trí Vô Trợ - UPEKKHĀ-SAHAGATAṀ NĀṆASAMPAYUTTAM ASAṆKHĀRIKAM EKAM

6. Tâm Đại Thiện Thọ Xả Hợp Trí Hữu Trợ - UPEKKHĀ-SAHAGATAṀ NĀṆASAMPAYUTTAM SASAṆKHĀRIKAM EKAM

7. Tâm Đại Thiện Thọ Xả Ly Trí Vô Trợ - UPEKKHĀ-SAHAGATAṀ NĀṆAVIPPAYUTTAM ASAṆKHĀRIKAM EKAM

8. Tâm Đại Thiện Thọ Xả Ly Trí Hữu Trợ - UPEKKHĀ-SAHAGATAṀ NĀṆAVIPPAYUTTAM SASAṆKHĀRIKAM EKAM

DUYÊN KHỞI SANH 2 TỪ ĐẠI THIỆN

1/ Tính theo 10 phúc hành (Thập thiện nghiệp):

8 tâm thiện * 10 phước (bố thí, trì giới, tu tiến, cung kính, phụng thí, hồi hướng phước, tùy hỷ phước, thỉnh pháp, thuyết pháp, chấn chỉnh tri kiến) = **80 loại phước theo Tâm**

2/ Tính theo cảnh (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp):

$80 * 6 = 480$ Tâm thiện

3/ Tính theo tứ trường (dục, cần, tâm, thẩm (trí tuệ):

$480 * 4 = 1.920$ loại phước thiện

nếu tâm thiện ly trí (không thẩm) thì $480 * 3 = 1.440$

4/ Tính theo nghiệp (Thân, Khẩu, Ý): $1.920 * 3 = 5.760$

5/ Tính theo bậc (Thượng, Trung, Hạ): $5.760 * 3$ bậc = 17.280

ĐẶC BIỆT:

Đại Thiện Hợp Trí là nền tảng cho Thiền định, Thắng trí, Đạo và Quả

KHỔ ĐẾ: Nhận thức - cần biết rõ - đã biết

TẬP ĐẾ: Nhận thức - cần đoạn trừ - đã đoạn trừ

DIỆT ĐẾ: Nhận thức - cần chứng ngộ - đã chứng ngộ

ĐẠO ĐẾ: Nhận thức - cần tu tập - đã tu tập

TÂM THIỆN DỤC GIỚI TỊNH HẢO (DGTH)

Thiện có 5 ý nghĩa: không bệnh, tốt đẹp, khôn khéo, vô tội, cho quả vui

Tâm thiện: tốt đẹp, tịnh hảo, vô bệnh, điều hành thân khẩu ý, tạo nhân tốt, nhân lành cho quả vui, người trời tạo quả
có 8 loại Tâm

1. TÂM THIỆN THỌ HỖ HỢP TRÍ VÔ TRỢ:

- Tâm thiện thọ hỷ: Hoan hỷ trong thiện pháp
- Hợp trí: tương ứng với trí tuệ đối nghịch với si mê, u tối, ảo kiến...
- Vô trợ: Không có sự trợ giúp (hồn nhiên, không tư lự, không toan tính, không xúi bả)

2. TÂM THIỆN THỌ HỖ HỢP TRÍ HỮU TRỢ: có sự trợ giúp ngoài hoặc bên trong tâm mình

3. TÂM THIỆN THỌ HỖ LY TRÍ VÔ TRỢ: không có trí tuệ đồng sanh chung với nó, khởi lên nhanh chóng tự nhiên

4. TÂM THIỆN THỌ HỖ LY TRÍ HỮU TRỢ

5. TÂM THIỆN THỌ XẢ HỢP TRÍ VÔ TRỢ: thọ xả giống tâm thiện thọ hỷ, có trí tuệ nhưng không khởi sự hoan hỷ

6. TÂM THIỆN THỌ XẢ HỢP TRÍ HỮU TRỢ

7. TÂM THIỆN THỌ XẢ LY TRÍ VÔ TRỢ: không có trí, không khởi sự hoan hỷ

8. TÂM THIỆN THỌ XẢ LY TRÍ HỮU TRỢ

Cách 1:
có 2

a/ TRÍ ĐỜI: những môn học thông thường

b/ TRÍ ĐẠO: là những trí thấy được pháp Tam tướng, thấy Pháp chân đế

Cách 2:
có 2

a/ TRÍ HIỆP THỂ: là trí tuệ hợp với thể gian (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới)

b/ TRÍ SIÊU THỂ (Đạo Quả)

Cách 3:
có 2

a/ TRÍ HỮU LẬU: trí tuệ còn nằm trong dính mắc trong lậu hoặc (Dục lậu, Hữu lậu, Kiến lậu, Vô minh lậu)

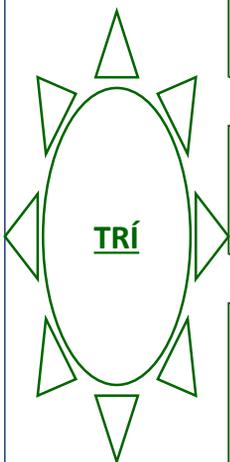
b/ TRÍ VÔ LẬU: trí của bậc A la hán đã đoạn tận không còn lậu hoặc nữa

Cách 4:
có 3:
3 loại trí hay 3 luân trong Tứ thánh đế

a/ SỰ THẬT TRÍ: trí nhận hiểu 4 sự thật: đây là Khổ đế, Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo lộ (con đường đưa đến sự khổ): phải biết rõ

b/ SỞ DỤNG TRÍ: trí nhận hiểu: trí nhận hiểu ứng dụng thực hành trong tứ đế (thuộc về pháp hành) (khổ đế: cần phải biến tri, cần phải biết rõ ràng, TẬP ĐẾ: cần phải đoạn trừ, DIỆT ĐẾ: cần phải tác chứng, chứng ngộ; ĐẠO ĐẾ (bát chánh đạo): cần phải tu tập

c/ SỞ TÁC TRÍ: trí rõ biết điều đã làm đối với Tứ thánh đế (tức là biết rõ Khổ đế cần biết mình đã biết rồi, Tập đến cần trừ thì đã trừ, Diệt đế (Niết bàn) cần chứng ngộ thì đã chứng ngộ, Đạo đế cần tu tập thì đã Tu tập





▶ **1. BỐ THÍ:** chia sớt tài sản vật dụng cho mọi người, cả sự hiểu biết của mình, có 2: **Vật thí và Pháp thí**
* ý nghĩa: xả ly, dứt bỏ, loại trừ, dẹp được tâm keo kiệt bủn xỉn.

▶ **2. TRÌ GIỚI:** nguyện thọ trì 5 giới, 8 giới để gìn giữ giới luật để ngăn ngừa ác pháp, người có gìn giữ giới luật Tâm sẽ mát mẻ an vui.

▶ **3. TU TIẾN** (chỉ tịnh, minh quán): thực hiện pháp làm cho tâm thanh tịnh, trở nên tốt đẹp, cho tâm yên lành an tịnh. Tu tiến có 2:
a. Chỉ tịnh: thiền chỉ, không đưa đến giải thoát
b. Minh quán (thiền quán, thiền minh sát): nương vào 4 pháp.

▶ **4. CUNG KÍNH:** thực hiện pháp cung kính để dẹp đi sự ngã mạn của mình, tôn trọng chào hỏi và kính trên nhường dưới

▶ **5. PHỤNG THỊ:** phục vụ cho mọi người, cho cộng đồng, phải đúng pháp và hợp pháp, làm để phát sanh Thiện nghiệp

▶ **6. HỒI HƯỚNG PHƯỚC:** là 1 phước lành, tâm khéo tác ý và hồi hướng thì hiệu quả cộng thêm từ phước quá khứ và trí tuệ hiện tại

▶ **7. TÙY HỖ PHƯỚC:** vui theo những phước thiện của người khác đã tạo, khéo léo nhìn tâm mình trước và khéo léo khởi tác ý với phước thiện người khác đã làm

▶ **8. THÍNH PHÁP:** nghe những điều tốt đẹp, đem đến sự lợi ích phát sinh trí tuệ (để giảm Tham, Sân, Si), nghe những pháp chân chính, từ những Bậc Trí tuệ

▶ **9. THUYẾT PHÁP:** nói lên những pháp đúng, cẩn thận lời nói, phải đúng Chánh pháp, Chánh tạng (không nói theo suy tư của mình)

▶ **10. CHẤN CHỈNH TRI KIẾN:** điều chỉnh tri kiến, kiến thức mình đúng pháp, loại bỏ điều sai và duy trì phát triển điều đúng.

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIỆN PHƯỚC VÀ PHÁP ĐỘ - PĀRAMĪ

THIỆN PHƯỚC: cho quả là sự an lạc, hạnh phúc, Hữu Vi pháp



PHÁP ĐỘ (PĀRAMĪ): là nền tảng của Đạo quả siêu thế, đưa đến sự giải thoát, chứng quả Niết bàn



LỤC ĐỘ PĀRAMĪ bên Bắc Tông

- 1. Bồ thí
- 2. Trì giới
- 3. Nhẫn nhục
- 4. Tinh tấn
- 5. Thiền định
- 6. Trí tuệ

Thiếu 4 pháp: + chân thật + quyết định + tâm từ + tâm xả

SỰ TẠO PHƯỚC

Có 3

1. PHƯỚC VẬT (vật chất, trú xứ, y áo...) TỐI THẮNG CỦA PHƯỚC VẬT: là thí TRÚ XỨ

2. PHƯỚC ĐỨC (nương theo ân đức pháp để hành trì, tu tập, gìn giữ giới hạnh..) TỐI THẮNG CỦA PHƯỚC ĐỨC: là tu tập Từ Bi Hỉ Xả

3. PHƯỚC TRÍ (nương theo ân đức tuệ giác của Đức Phật) TỐI THẮNG CỦA PHƯỚC TRÍ: quán xét về Tam tướng

PHƯỚC NHIẾP THẬU

Gom vào 3 nhóm

1. PHƯỚC VẬT: bố thí, phụng sự, hồi hướng phước

2. PHƯỚC ĐỨC: trì giới, tu tiến chỉ tịnh, cung kính tùy hỷ phước

3. PHƯỚC TRÍ: tu quán, thuyết pháp, nghe pháp, chấn chỉnh tri kiến

PHÂN CẤP THIỆN PHƯỚC

có 3

1. BẬC HẠ: dùng tốt và cho xấu (nô bộc thí)

2. BẬC TRUNG: dùng sao cho vậy (bằng hữu thí)

3. BẬC THƯỢNG: dùng xấu cho tốt (gia chủ thí)

THIỆN PHƯỚC - PHÂN THEO

TƯ DUY, có 3:

1. LẤY ĐỜI LÀM TRỌNG (sợ người khác xem thường mình, sợ chê cười nên mới làm chứ không thật tâm muốn làm)

2. LẤY MÌNH LÀM TRỌNG (làm vì mình, sợ người khác nói mình)

3. LẤY PHÁP LÀM TRỌNG (suy xét về Pháp, về những điều làm sẽ đem đến kết quả an vui cho mình và cho người)

BUỔI 16 – 26.10.2018 - ROOM PGNT

[https://www.youtube.com/watch?v=KvX4ja-](https://www.youtube.com/watch?v=KvX4ja-RIs8&list=PLlmcyhDVtjtLb4itsLgUprotte6LBjE1Z&index=16)

[RIs8&list=PLlmcyhDVtjtLb4itsLgUprotte6LBjE1Z&index=16](https://www.youtube.com/watch?v=KvX4ja-RIs8&list=PLlmcyhDVtjtLb4itsLgUprotte6LBjE1Z&index=16)

TÁC NHÂN TẠO

QUẢ

có 3

1. **TƯ TIỀN**: sự cố ý muốn làm thiện pháp

2. **TƯ HIỆN**: lúc thực hiện có sự khởi tâm, tác ý ngay lúc hiện tại

3. **TƯ HẬU**: hoan hỉ với thiện pháp sau khi làm

Thiện hợp trí

đủ tam tư

sẽ cho 16 Quả
gồm

8 Quả Đại Thiện Dục Giới
Tịnh Hảo

8 Tâm Quả Thiện Vô
Nhân

=> lặp lại nhiều lần cho
đến khi nào không có sức
cho nữa mới thôi

Thiện hợp trí thiếu

tam tư Hoặc Thiện

Ly Trí Đủ Tam Tư

sẽ cho 12 Quả gồm

8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân

4 Tâm quả thiện dục giới
tịnh hảo ly trí

=> kiếp sau sinh làm người
khó học pháp cao thượng
được và không tu đắc đạo
quả được

Thiện Ly

Trí Thiếu

Tam Tư

sẽ cho

8 Tâm Quả
Thiện Vô
Nhân

SỨC MẠNH TẠO QUẢ

có 3

HỖ mạnh hơn **XẢ**

HỢP TRÍ mạnh hơn **LY TRÍ**

VÔ TRỢ mạnh hơn **HỮU TRỢ**

5 NHÂN SANH THIỆN DỤC GIỚI

1. Tác ý khéo

2. Thân cận
bậc trí sĩ

3. Ở chỗ
đáng ở

4. Đòi trước đã
từng tạo phước

5. Tự lập trường
chân chánh

ĐẶC BIỆT

a. Chúng sanh trong cõi địa ngục mà khởi lên tâm thiện là lập tức thoát khỏi địa ngục.

b. Tất cả chúng sanh đều có tâm thiện dục giới ngoại trừ bậc A La Hán (không còn tâm thiện dục giới nữa, xài bằng tâm duy tác, tâm hoàn toàn trong sạch, không còn bận nhơ, không còn tạo nhân gieo quả nữa, là bậc thánh vô lậu) và Phạm Thiên Vô Tướng (vị này chỉ có Sắc pháp, không có Tâm)

c. Có trong nhiều cõi, trừ cõi Vô tướng

d. Tạo được nhiều Quả

e. Biết được nhiều Cảnh (cảnh khổ, cảnh vui, cảnh thiền)

BUỔI 15 – 08.12.2018 - Room NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/495279607720827>

4 NHÂN SANH TƯƠNG ƯNG TRÍ

1. Có nghiệp quen nết trí

2. Sanh nhằm cõi Vô Sân (cõi Sắc giới, Vô Sắc giới)

3. Đặng xa lìa phiền não

4. Gặp khi ngũ quyền mạnh (Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ)

4 NHÂN TẠO TRÍ

1. Tin ân đức Bậc ứng cúng (Bậc Toàn giác, Độc giác, Thánh văn giác)

2. Nghe Phật Pháp cao siêu (nghe Vidieuphap, Kinh tạng... đặt hết tâm trí vào)

3. Không dễ duôi lưng lầy (tâm luôn có Chánh niệm, sự ghi nhớ, thức tỉnh...)

4. Suy xét Pháp cao đã được nghe

**9 NGHIỆP TRÍ -
VIỆC LÀM TẠO
NÊN TRÍ TUỆ**

- ▶ 1. Thuyết pháp
- ▶ 2. Dạy nghề vô tội
- ▶ 3. Dạy chuyện không tội
- ▶ 4. Dạy tài không tội
- ▶ 5. Trọng người thuyết pháp
- ▶ 6. Cầu người thuyết pháp nghe
- ▶ 7. Làm phước nguyện sanh trí
- ▶ 8. Tự soạn kinh cao sách chánh
- ▶ 9. Bố thí sách cao kinh chánh

**7 NHÂN PHÁT
TRÍ**

- ▶ 1. Ưu gặp bậc trí học hỏi
- ▶ 2. Thân, Đồ, Chỗ ở sạch sẽ
- ▶ 3. Giữ gìn 5 căn (*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân*) nghĩa là giữ Chánh Niệm
- ▶ 4. Tránh người si mê (*người sống đam mê không trí tuệ*)
- ▶ 5. Thường xuyên gặp Bậc Trí thức
- ▶ 6. Cố tìm Phật pháp cao siêu
- ▶ 7. Ưu tìm pháp giải thoát

8 NHÂN ĐẮC TRÍ

1. Kính Sư (những bậc Thầy)	2. Cần vấn	3. Thanh tịnh	4. Trì giới	5. Cố vấn (cố gắng nghe pháp)
6. Tự cần (tự siêng năng cần mẫn)	7. Thuần niệm (tập cho mình niệm thuần thực)		8. Quán ngũ uẩn (quán xét 5 uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức)	

THẮNG TRÍ LỤC THÔNG

- ▶ 1. BIẾN HÓA THÔNG
- ▶ 2. THIÊN NHĨ THÔNG
- ▶ 3. THA TÂM THÔNG (người khác suy nghĩ mình biết liền)
- ▶ 4. TỨC MẠNG THÔNG (biết được tiền kiếp của mình)
- ▶ 5. THIÊN NHÃN THÔNG (thấy được đời sống chúng sanh)
- ▶ 6. LẬU TẬN THÔNG (chỉ có bậc thánh A la hán mới làm được)

C. TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO - SOBHANAKĀMĀVACARACITTA

II. TÂM ĐẠI QUẢ DỤC GIỚI TỊNH HẢO

MAHĀVIPĀKAVACARACITTA

8 TÂM QUẢ DỤC GIỚI TỊNH HẢO
– ATTHA KĀMĀVACARA VIPĀKA CITTĀNI

Vipaka: quả; Vi + paka: sai khác, sự làm cho chín mùi, kết quả làm cho chín mùi bởi sự sai khác lẫn nhau.

Vipaka còn gọi là dị thực, dị là khác, thực là quả: KẾT QUẢ THÀNH TỰU NÓ KHÁC THỜI.

8 TÂM ĐẠI QUẢ: là kết quả thành tựu do những nhân Thiện

1. Tâm Quả Thiện Thọ Hỷ Hợp Trí Vô Trợ - SOMANASSA-SAHAGATĀM NĀṆASAMPAYUTTĀM ASAṆKHĀRIKAM. EKĀM

2. Tâm Quả Thiện Thọ Hỷ Hợp Trí Hữu Trợ - SOMANASSA-SAHAGATĀM NĀṆASAMPAYUTTĀM SASAṆKHĀRIKAM. EKĀM

3. Tâm Quả Thiện Thọ Hỷ Ly Trí Vô Trợ - SOMANASSA-SAHAGATĀM NĀṆAVIPPAYUTTĀM ASAṆKHĀRIKAM. EKĀM

4. Tâm Quả Thiện Thọ Hỷ Ly Trí Hữu Trợ - SOMANASSA-SAHAGATĀM NĀṆAVIPPAYUTTĀM SASAṆKHĀRIKAM. EKĀM

5. Tâm Quả Thiện Thọ Xả Hợp Trí Vô Trợ - UPEKKHĀ-SAHAGATĀM NĀṆASAMPAYUTTĀM ASAṆKHĀRIKAM. EKĀM

6. Tâm Quả Thiện Thọ Xả Hợp Trí Hữu Trợ - UPEKKHĀ-SAHAGATĀM NĀṆASAMPAYUTTĀM SASAṆKHĀRIKAM. EKĀM

7. Tâm Quả Thiện Thọ Xả Ly Trí Vô Trợ - UPEKKHĀ-SAHAGATĀM NĀṆAVIPPAYUTTĀM ASAṆKHĀRIKAM. EKĀM

8. Tâm Quả Thiện Thọ Xả Ly Trí Hữu Trợ - UPEKKHĀ-SAHAGATĀM NĀṆAVIPPAYUTTĀM SASAṆKHĀRIKAM. EKĀM

QUẢ ĐẠI THIỆN -
có 3 ý nghĩa:

1. Thành quả do nhân đại thiện

2. Thành tựu nhân thiện dục giới

3. Nền tảng cho sự thành tựu thiện và đạo quả

NHIỆM VỤ TÂM QUẢ ĐẠI THIỆN -

có 4

1. TỤC SINH: Khi chúng sanh tục sinh làm người, nếu người nhĩ nhân thì thuộc Tâm quả đại thiện ly trí (không có trí tuệ), khởi đầu 1 kiếp sống, nếu người tam nhân thì thuộc Tâm quả đại thiện hợp trí đủ Tam nhân Vô tham, Vô sân, Vô si => tục sinh 1 kiếp sống mới. Phút cận tử khởi lên dòng Tâm thiện, đồng tốc thiện thì khi tới sát na tử sẽ là nhân cho kiếp sống mới là Tâm quả đại thiện (2 nhân: Ly trí, 3 nhân: Hợp trí)

2. HỘ KIẾP: Hộ trì kiếp sống: khi tục sinh xong thì gìn giữ kiếp sống của người đó cho đến khi chết

3. TỬ: Tâm tử cũng là tâm Quả đó

↳ TỤC SINH, HỘ KIẾP, TỬ LÀM VIỆC GIỐNG NHAU, CÓ CÙNG 1 LOẠI TÂM GIỐNG NHAU, LÀM PHẬN SỰ KHÁC NHAU

4. THẬP DI (MÓT): Hưởng cảnh dư của lộ đồng tốc, của dòng tâm thức khởi lên với cảnh rất lớn

PHỤ CHÚ

↳ 2 Tâm Quan sát **THỌ XẢ** làm thêm 4 việc: Tục sinh, Hộ kiếp, Tử, Thập di

+ Quả Bất thiện vô nhân: sanh làm chúng sanh khổ (Ngạ quỷ, Atula, Súc sanh, địa ngục, hàng phi nhân), xong thì làm thêm Hộ kiếp, Tử và Mót

+ Quả Thiện vô nhân: thì sanh làm chúng sanh thuộc người lạc vô nhân – người không có trí tuệ, hiểu biết bình thường như người bệnh đao, tật nguyền, sút môi ...

↳ Tâm quan sát **THỌ HỖ**: thuộc quả thiện, cảnh đẹp chỉ làm phận sự quan sát rồi làm thêm việc Thập di

ĐẶC BIỆT

CHƯ PHẬT VÀ CHƯ VỊ A LA HÁN cũng có tất cả 23 loại Tâm quả này (8 Tâm quả Đại thiện, 8 Tâm quả thiện Vô nhân, 7 Tâm quả Bất thiện) (do nghiệp đã gieo trong quá khứ, đến khi tịch diệt Niết Bàn mới hết)

NGUYÊN NHÂN CỦA VIỆC TỬ: Tử là sự diệt tận của Mạng quyền, sức nóng và thức của 1 cá nhân.

Mạng quyền: khả năng, quyền để giữ đời sống, có 2 loại:

+ **Danh mạng quyền**: Tâm sở mạng quyền: có khả năng gìn giữ các thể loại tâm được sống còn;

+ **Sắc mạng quyền**: gìn giữ thể chất, sắc pháp được tồn tại

+ **sự chết**: là sự chấm dứt của cả 2 (danh mạng quyền và sắc mạng quyền),

+ **sức nóng**: là nhiệt độ (tetro), là âm dương

+ và thức của 1 cá nhân: là tâm

NGUYÊN NHÂN CỦA VIỆC TỬ

Có 4

1. Tuổi thọ diệt (hết tuổi thọ)
(chết do đến tuổi thọ, chừng 80)

2. Nghiệp diệt (hết nghiệp có nghiệp vụ duy trì sự sống)

3. Cả 2 diệt (chết vì hết cả 2 nguyên nhân trên)

4. Sát nghiệp (bất đắc kỳ tử)
(chết vì do sát nghiệp chen vào (ác nghiệp) khi ta vẫn còn tuổi thọ và sanh nghiệp)

NGHIỆP SANH LÚC CẬN TỬ

Có 4 loại nghiệp

1. Cực trọng nghiệp (các nghiệp thiện của thiên, cực ác nghiệp: giết cha, giết mẹ, giết A la hán, làm thân Phật chảy máu, chia rẽ Tăng)

2. Cận tử nghiệp (các nghiệp thiện hay bất thiện trong đời sống mình đã làm)

3. Nghiệp Tương (thấy hình ảnh tốt hoặc xấu mà mình đã làm sanh lên trong giờ phút cận tử - ví dụ kẻ đồ tể mà thấy con dao)

4. Thú Tướng (cảnh giới khởi lên trong lúc cận tử: làm điều tốt thấy cảnh trời, hoặc làm nhiều việc ác thấy cảnh địa ngục trong giờ phút cận tử)

**NHỮNG ĐIỀU
CẦN BIẾT**

1/ **4 điều trên** (cực trọng nghiệp, cận tử nghiệp, nghiệp tướng, thú tướng) được khởi lên trong 5 sát na đồng tốc lúc cận tử và 2 sát na đồng sở duyên (2 sát na mót) (có thể có hoặc không)

2/ Tái sanh trong cõi tương ứng

3/ **Người Tam nhân: có thể tái sanh ở mọi Cảnh giới** (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới)

4/ **Người Nhị nhân và Vô nhân:** chỉ tái sanh cõi Dục giới

5/ **Phạm thiên Sắc giới, Vô sắc giới:** sẽ không bị tái sanh làm người Vô nhân, Nhị nhân

6/ Tử tâm diệt đồng nghĩa là chết (*khi tâm tử sanh lên, rồi diệt mất lúc đó sẽ thực sự là chết*)

7/ Khi chết rồi, chỉ còn có sắc Âm dương còn tạo, cho đến khi xác thân tan rã (*không có sắc Tâm và sắc Vật thực*)

8/ Tử tâm diệt ►► liền sau đó 1 sát na Tục sinh sanh khởi (kiết sanh thức) + 14 sát na Tâm hộ kiếp (*sanh diệt liên tiếp*) + Ý môn hướng tâm (KYM) + 7 sát na Tâm tham + Hộ kiếp ►► lộ diễn tiến của 1 đời sống mới

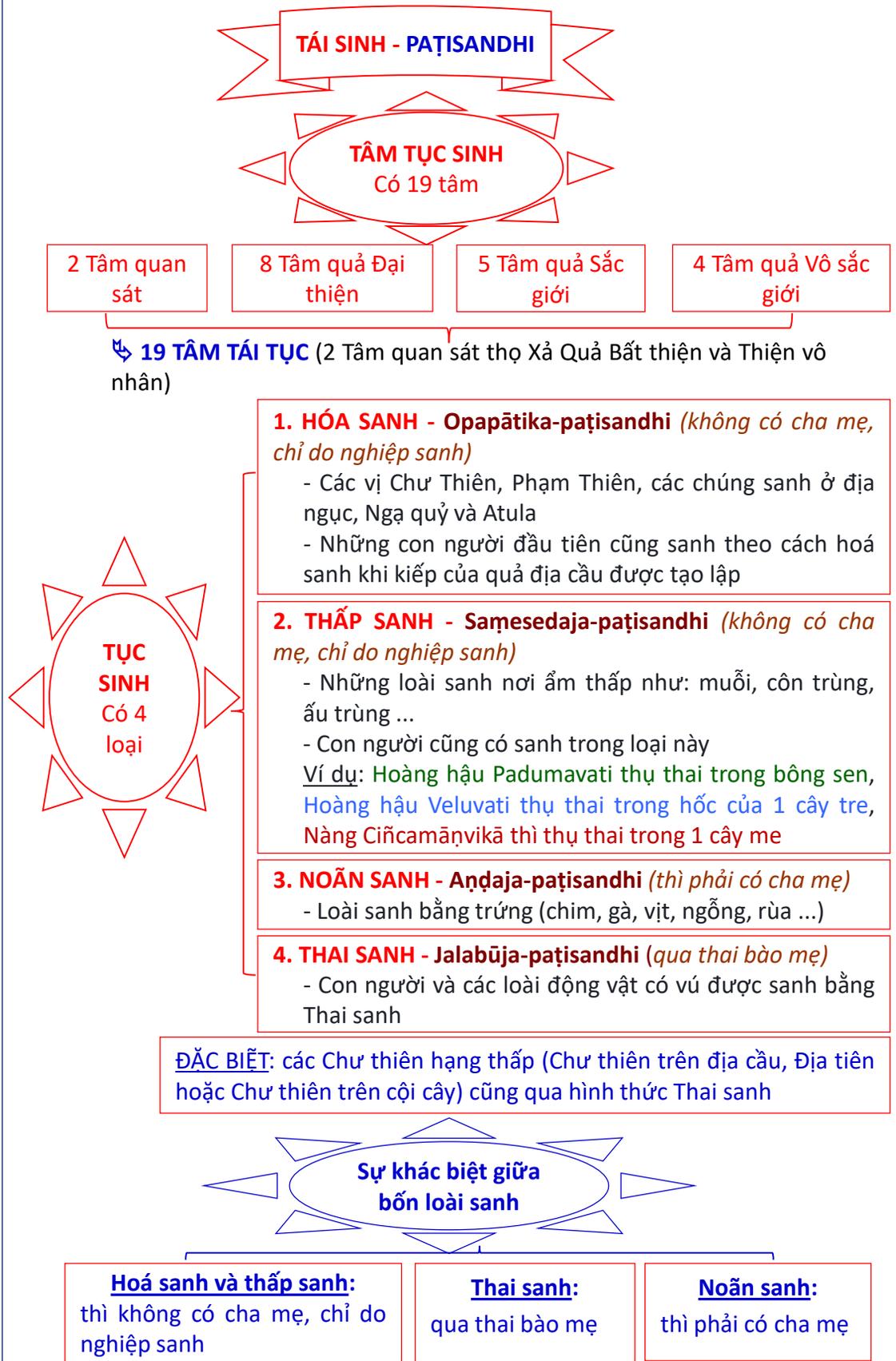
9/ Tục sinh cõi Vô sắc không có Sắc ý vật (*không có vật chất để cho Tâm nương, Tâm tự hoạt động đơn độc hay còn gọi là không có Đoàn tâm*)

10/ Tục sinh tâm nào thì Tử tâm đó

11/ Tử tâm nào thì **không phải** là Tâm tục sinh

12/ Tâm tục sinh, Tâm hộ kiếp, Tâm tử: có cùng 1 cảnh đồng sở hữu tâm (*cùng bắt 1 cảnh quá khứ chung*)

13/ Đối tượng (cảnh) lúc lâm chung như thế nào thì Tâm tục sinh, và Hộ kiếp của kiếp sống mới đều như nhau



NHÂN CẦN THIẾT CHO SỰ TÁI SANH

có 3 điều kiện thiết yếu cho sự thụ thai

1. Người mẹ vừa có kinh nguyệt

2. Có sự giao phối

3. Có sự chết và sự tục sinh ngay trong khoảng thời gian từ lúc giao hợp không lâu (7-15 ngày): thức tái tục

NHỮNG TRƯỜNG HỢP LẠ

Không có sự giao hợp vẫn mang thai như

1. Trường hợp thứ 1: Đức bồ tát Suvaṇṇasāma tục sanh trong thai bào người mẹ, khi người cha dùng tay vuốt rốn của bà sau thời kỳ kinh nguyệt.

2. Trường hợp thứ 2: Là mẹ của đức vua Caṇḍapajjota bị con rết bò ngang bụng, cảm thấy hưng phấn, sau kỳ kinh nguyệt thì bà mang thai.

3. Trường hợp thứ 3: là loại con cò hay vạc cảm thấy hưng phấn khi có cơn gió nồm thổi và mang thai.

4. Trường hợp tiếp: là 1 vị Tỳ khưu ni thời Đức Phật đã nuốt tinh dịch vấy lên lá y của vị Sư là chồng của bà trước đây và bà mang thai.

5. Còn 1 trường hợp nữa là 1 con nai cái sau khi nuốt nước tiểu có chứa tinh dịch của vị đạo sĩ đã mang thai và sanh 1 người con trai tên Isisinga.

SỰ DIỄN TIẾN TRONG QUÁ TRÌNH TỤC SINH THAI BÀO

↪ **Tâm tục sanh + những sắc chất cực nhỏ phát sanh gọi là Kalala** (Noãn hoàn Kalala: là chất lỏng trong suốt, cực nhỏ, xuất hiện ngay giai đoạn đầu của thai bào do nghiệp tạo; nó không là tinh dịch của cha, cũng không là noãn châu của mẹ, chỉ là do nghiệp tạo): DO NGHIỆP CỦA QUÁ KHỨ

↪ **Có tinh dịch + Noãn châu** khoẻ, đủ điều kiện: NGHIỆP CỦA HIỆN TẠI

TÓM TẮT

có 4 điều kiện để phát sinh 1 thai sanh

↪ **TÂM TỤC SINH**

↪ **KALALA**

↪ **TINH DỊCH**

↪ **NOÃN CHÂU**

**SỰ
HIỆN
KHỞI
CỦA
SẮC
PHÁP**

**A. ĐỐI
VỚI
THAI
SANH**

Tuần lễ thứ 1:

- **Chất sắc KALALA** phát sinh là có 3 bợn Sắc nghiệp đầu tiên sanh cùng với Tâm tục sinh.
- **Chất sắc KALALA** phát sinh có 3 bợn (thần kinh Thân + sắc Tính (*tính nam, nữ*) + sắc Ý vật) đầu tiên sanh cùng với Tâm tục sinh.

Tuần lễ thứ 2: chất sắc ABBUDA phát sanh ở tuần thứ 2, chất KALALA sẽ biến thành chất nước hơi đặc sệt, lớn từ từ lên và đặc lại có màu hồng nhạt (lúc này có sắc vật thực sanh) => **chất ABBUDA**.

Tuần lễ thứ 3: chất ABBUDA phát triển lớn lên thành cục thịt đỏ được gọi là **chất PESI**

Tuần lễ thứ 4: Chất PESI phát triển trở nên cứng chắc và có dạng như quả trứng gà gọi là **chất GHANA**

Tuần lễ thứ 5: Chất GHANA khởi sự lú (mọc) ra 5 núp (1 lớn + 4 nhỏ). Đó là sự hình thành của đầu và hai tay hai chân gọi là **chất PANCASIKHA**

Từ đây trở đi phát triển thành con người hoàn chỉnh - **ĐÂY LÀ GIAI ĐOẠN TÁI TỤC CỦA SẮC PHÁP.**

Đến tuần lễ thứ 11 các Sắc thần kinh sanh (nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, còn thần kinh thân đã sanh từ Sát na tâm đầu tiên), lúc này nếu có nghiệp gì trong quá khứ thì sắc thần kinh nào đó sẽ không sanh được nên trở thành người khuyết tật từ trong bụng mẹ.

**B. TỤC
SANH
BẰNG
CÁCH
HÓA
SANH**

Chư thiên dục giới, phạm thiên sắc giới, các loài Atula, Nga quý, Địa ngục đều tục sanh bằng cách hoá sanh ngoại trừ 1 số trường hợp đặc biệt.

1/ Chư Thiên Dục giới: Khi vừa khởi Tâm tục sinh đồng thời có 7 bợn Sắc sanh: 5 bợn Sắc Thần kinh (nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân), bợn sắc tính (nam tính, hay nữ tính) và bợn Sắc Ý vật.

=> Chư thiên ở Cõi Dục giới có Nam, có Nữ

2/ Phạm thiên Sắc giới: chỉ có 2 bợn thần kinh Nhãn và thần kinh Nhĩ xuất hiện trong Cõi thiên Sắc giới (có nghĩa là có thân tướng nhưng không có những hệ thần kinh khác ngoài 2 thần kinh trên).

NHỮNG ĐIỀU ĐẶC BIỆT:

+ **NHỮNG VỊ PHẠM THIÊN SẮC GIỚI** không có hơi thở và bợn vật thực cũng không sinh. Họ chỉ sống bằng Hỷ Lạc do THIÊN.

+ **CÁC VỊ PHẠM THIÊN VÔ TƯỚNG:** ngay từ lúc Tục sinh không có Tâm, chỉ có Sắc mạng quyền sinh.

+ Đặc biệt hơn nữa **NHỮNG VỊ PHẠM THIÊN CÕI VÔ SẮC:** khi Tục sinh hoàn toàn không có sắc (thân tướng) mà chỉ có Tâm sinh khởi liên tục hàng ngàn đại kiếp.

3/ Chúng sanh ở Địa ngục, Nga quý, Atula cũng Hóa sanh như các vị trời dục giới với 7 bợn sắc (5 bợn sắc thần kinh + sắc tính + sắc ý vật) phát sanh cùng lúc với Tâm tục sinh. Đặc biệt là **CHÚNG KHÔNG BỊ KHIẾM KHUYẾT VỀ CÁC CĂN** (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) vì chúng phải có đầy đủ để trả các ác nghiệp mà chúng đã tạo.

**C. TỤC
SANH BẰNG
CÁCH THẤP
SANH**

Loài thấp sanh là loài sanh nơi ẩm thấp và phát triển của các Sắc nghiệp cũng giống như loài thai sanh, nhưng điểm duy nhất sai biệt trong loài này là: Sắc vật thực (đoàn thực) sanh khởi từ khi chúng nuốt nước miếng vào

TÓM LẠI

↳ **Ở cõi dục giới:** thì có đủ
Noãn - Thai - Thấp - Hoá

↳ **Ở cõi sắc giới:**
chỉ có Hoá sanh.

↳ **Ở cõi vô sắc:** thì
không có Sắc sanh

C. TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO - SOBHAÑAKĀMĀVACARACITTA

III. TÂM DUY TÁC DỤC GIỚI TỊNH HẢO –

MAHĀKIRIYAKĀMĀVACARACITTA

8 TÂM DUY TÁC DỤC GIỚI – AṬṬHA KĀMĀVACARA KIRIYA CITTĀNI

Mahā: đại, to lớn; Kiriya: hành động không cho kết quả

TÂM DUY TÁC: là Tâm duy nhất chỉ có tác động mà không có hậu quả của tác động đó. Chỉ có trong bậc thánh A La Hán mà thôi, phàm phu và bậc thánh hữu học thì không có.

1. Tâm Duy tác Thọ Hỷ Hợp Trí Vô Trợ - SOMANASSA-SAHAGATAṀ ÑĀÑASAMPAYUTTĀṀ ASAÑKHĀRIKAM. EKAM

2. Tâm Duy tác Thọ Hỷ Hợp Trí Hữu Trợ - SOMANASSA-SAHAGATAṀ ÑĀÑASAMPAYUTTĀṀ SASAÑKHĀRIKAM. EKAM

3. Tâm Duy tác Thọ Hỷ Ly Trí Vô Trợ - SOMANASSA-SAHAGATAṀ ÑĀÑAVIPPAYUTTĀṀ ASAÑKHĀRIKAM. EKAM

4. Tâm Duy tác Thọ Hỷ Ly Trí Hữu Trợ - SOMANASSA-SAHAGATAṀ ÑĀÑAVIPPAYUTTĀṀ SASAÑKHĀRIKAM. EKAM

5. Tâm Duy tác Thọ Xả Hợp Trí Vô Trợ - UPEKKHĀ-SAHAGATAṀ ÑĀÑASAMPAYUTTĀṀ ASAÑKHĀRIKAM. EKAM

6. Tâm Duy tác Thọ Xả Hợp Trí Hữu Trợ - UPEKKHĀ-SAHAGATAṀ ÑĀÑASAMPAYUTTĀṀ SASAÑKHĀRIKAM. EKAM

7. Tâm Duy tác Thọ Xả Ly Trí Vô Trợ - UPEKKHĀ-SAHAGATAṀ ÑĀÑAVIPPAYUTTĀṀ ASAÑKHĀRIKAM. EKAM

8. Tâm Duy tác Thọ Xả Ly Trí Hữu Trợ - UPEKKHĀ-SAHAGATAṀ ÑĀÑAVIPPAYUTTĀṀ SASAÑKHĀRIKAM. EKAM

=> Đó là 8 Tâm Duy tác Dục giới Hữu nhân – **IMĀNI AṬṬHA'PI SAHETUKAKĀMĀVACARAKIRIYĀCITTĀNI NĀMA.**

TÓM LƯỢC SƠ

1- **Tâm Duy tác Thọ hỷ hợp trí Vô trợ:** Tâm của bậc A La Hán khi thấy cảnh thọ hỷ hợp với trí tuệ, khởi lên một cách nhanh chóng.

2- **Tâm Duy tác Thọ hỷ hợp trí Hữu trợ:** thọ hỷ hợp trí tuệ, khởi lên do được sự trợ giúp, nhắc nhở của người khác, hay từ Tâm trong sạch của chính mình.

3- **Tâm Duy tác Thọ hỷ ly trí Vô trợ:** trạng thái tâm của vị A La Hán khi làm những việc bình thường không cần dùng trí tuệ (ăn, uống, ngủ, vệ sinh...) trừ khi vị A La Hán giảng pháp, thuyết pháp, suy tư thì trí tuệ phát sanh.

Phần Tâm còn lại thọ XẢ: là không có sự ham thích, vui thích trong vấn đề gì đó.

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT

- a. Thuộc về Vô Ký tánh (không thuộc thiện, cũng không thuộc bất thiện)
- b. 3 nhân tương ưng (vô tham, vô sân, vô si) thuộc vô ký nhân. Tâm Duy Tác Ly Trí thì chỉ có 2 nhân Vô tham, Vô sân thôi.
- c. Tâm Duy tác: chỉ có trong bậc A La Hán
- d. Có mặt trong 26 cõi (trừ 4 cõi khổ và cõi vô tưởng)
- e. Đối với 3 thời (hiện tại, quá khứ, vị lai) chỉ có trong thời hiện tại vì A La Hán không còn quá khứ tục sinh kiếp hiện tại và cũng không có tái sinh nữa.
- f. Thọ có 2: Hỷ và Xả
- g. Uẩn: thuộc về Thức uẩn (uẩn gồm 5: sắc, thọ, tưởng, hành, thức)
- h. Phàm nhân + 3 bậc thánh đầu: không có 8 Tâm Duy tác này.
- j. Bậc A La Hán: không có 8 Tâm Đại Thiện Dục Giới. A La Hán: có Hợp trí và Ly trí, Hỷ và Xả, Vô trợ và Hữu trợ

GOM TÂM DỤC GIỚI TỊNH

HẢO THEO TÊN GỌI

1-3-5-7 Thiện, Quả, Duy tác = TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO VÔ TRỢ	2-4-6-8 Thiện, Quả, Duy tác = TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO HỮU TRỢ	1-2-5-6 Thiện, Quả, Duy tác = TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO HỢP TRÍ	3-4-7-8 Thiện, Quả, Duy tác = TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO LY TRÍ	1-2-3-4 Thiện, Quả, Duy tác = TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO THỌ HỦY	5-6-7-8 Thiện, Quả, Duy tác = TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO THỌ XẢ
--	---	---	--	---	--

1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8 Thiện, Quả, Duy tác = **TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO**

SỨC MẠNH

HỢP TRÍ hơn **LY TRÍ**

THỌ HỦY hơn **THỌ XẢ**

VÔ TRỢ hơn **HỮU TRỢ**

GOM TÂM DỤC

GIỚI THEO

NHÓM TÊN

(toàn bộ Tâm dục
giới)

12 Tâm Bất thiện + 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo = **TÂM DỤC GIỚI HỮU NHÂN** (có nhân đồng sanh: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si)

7 Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân + 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân + 8 Tâm Quả Thiện Dục Giới Hữu Nhân = **TÂM QUẢ DỤC GIỚI**

7 Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân + 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân = **TÂM QUẢ VÔ NHÂN**

18 Tâm Vô Nhân + 12 Tâm Bất Thiện = **TÂM DỤC GIỚI VÔ TỊNH HẢO**

12 Tâm Bất Thiện + 18 Tâm Vô Nhân + 24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Hữu Nhân = **TÂM DỤC GIỚI**

1-3-5-7 (tâm Tham) - 9 (tâm Sân) - 11-12 (tâm Si)
+ 1-3-5-7 (tâm DGTH) = **VÔ TRỢ**

Ghi chú :

TÂM THAM: 1- tham, hỷ, hợp tà, vô trợ 3- tham, hỷ, ly tà, vô trợ
5- tham, xả, hợp tà, vô trợ 7- tham, xả, ly tà, vô trợ

TÂM SÂN: 9- Sân, thọ ưu, hợp phần, vô trợ

TÂM SI: 11- Si, xả, hoài nghi 12- Si, xả, phóng dật

TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO: 1- đại thiện- quả- duy tác, hỷ, hợp trí, vô trợ
3- đại thiện- quả- duy tác, hỷ, ly trí, vô trợ
5- đại thiện- quả- duy tác, xả, hợp trí, vô trợ
7- đại thiện- quả- duy tác, xả, ly trí, vô trợ

2-4-6-8 (tâm Tham) - 10 (tâm Sân)
+ 2-4-6-8 (tâm Dục giới tịnh hảo) = **HỮU TRỢ**

Ghi chú :

TÂM THAM: 2- tham, hỷ, hợp tà, hữu trợ 4- tham, hỷ, ly tà, hữu trợ
6- tham, xả, hợp tà, hữu trợ 8- tham, xả, ly tà, hữu trợ

TÂM SÂN: 10- Sân, ưu, hợp phần, hữu trợ

TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO: 2- đại thiện-quả-duy tác, hỷ, hợp trí, hữu trợ
4- đại thiện- quả- duy tác, hỷ, ly trí, hữu trợ
6- đại thiện-quả-duy tác, xả, hợp trí, hữu trợ
8- đại thiện-quả-duy tác, xả, ly trí, hữu trợ

1-2-3-4 (tham-thọ hỷ) + 1-2-3-4 (tâm Dục giới tịnh hảo: Đại thiện-Quả-Duy tác thọ hỷ) = **HỠ**

5-6-7-8 (tâm tham thọ xả) - 11-12 (tâm si)
+ 14 tâm xả vô nhân (4 cặp song thức Nhãn - Nhĩ - Tỷ - Thiết thọ xả, tiếp
thâu-quan sát quả thiện, bất thiện, khán ngũ môn, khán ý môn)
+ 5-6-7-8 (dục giới tịnh hảo) = **XẢ**

Ghi chú:

TÂM THAM: 5- tham, xả, hợp tà, vô trợ 6- tham, xả, hợp tà, hữu trợ
7- tham, xả, ly tà, vô trợ 8- tham, xả, ly tà, hữu trợ

TÂM SI: 11- si, xả, hoài nghi
12- si, xả, phóng dật

TÂM QUẢ VÔ NHÂN + TÂM DUY TÁC VÔ NHÂN:

1-2 nhãn thức, xả, quả bất thiện/ thiện
3-4 nhĩ thức, xả, quả bất thiện/ thiện
5-6 tỷ thức, xả, quả bất thiện/ thiện
7-8 thiết thức, xả, quả bất thiện/ thiện
11-12 tiếp thâu, xả, quả bất thiện/ thiện
13-14 quan sát, xả, quả bất thiện/ thiện
16- khán ngũ môn, xả
17- khán ý môn, xả
=> Tổng cộng: **14 TÂM XẢ VÔ NHÂN**

TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO:

5- đại thiện- quả- duy tác, xả, hợp trí, vô trợ
6- đại thiện- quả- duy tác, xả, hợp trí, hữu trợ
7- đại thiện- quả- duy tác, xả, ly trí, vô trợ
8- đại thiện- quả- duy tác, xả, ly trí, hữu trợ

II. TÂM ĐÁO ĐẠI

MAHAGGATACITTA – 27 Tâm

Tâm đạo đại (Mahaggata): đi đến sự rộng lớn, còn gọi là Tâm đại hành, Tâm cao thượng

MAHA: lớn; **GATA:** đi đến => Tâm nào đi vào sự an tịnh rộng lớn gọi là Tâm Đạo đại

Đáo: có nghĩa là đi (đáo bỉ ngạn: đi đến bờ kia)

RŪPA: Sắc; **AVACARA:** linh động, di chuyển, đi tới => Tâm thường lưu chuyển hiện hữu trong Sắc giới

RŪPAVACARACITTA: Những tâm thường lưu chuyển hiện hữu trong Sắc giới

có 2 nhóm loại:

II.1 TÂM SẮC GIỚI – RŪPAVACARACITTA

Có 3 nhóm:

A. Tâm thiện Sắc giới - RŪPAVACARA KUSALACITTA

B. Tâm Quả thiện Sắc giới - RŪPAVACARA VIPĀKAKUSALACITTA

C. Tâm Duy tác Sắc giới - RŪPAVACARA KIRIYĀCITTA

II.2 TÂM VÔ SẮC GIỚI – ARŪPAVACARACITTA

Có 3 nhóm:

A. Tâm thiện Vô Sắc giới - ARŪPAVACARA KUSALACITTA

B. Tâm Quả thiện Vô Sắc giới - ARŪPAVACARA VIPĀKAKUSALACITTA

C. Tâm Duy tác Vô Sắc giới - ARŪPAVACARA KIRIYĀCITTA

II. TÂM ĐÁO ĐẠI – MAHAGGATACITTA

Có 2 nhóm, gồm 27 Tâm

II.1 TÂM SẮC GIỚI – RŪPAVACARACITTA

Có 3 nhóm, gồm 15 tâm:

1. Tâm thiện Sắc giới - RŪPAVACARA KUSALACITTA, có 5:

1.1 Vitakka - Vicāra - Pīti - Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Paṭhamajjhāna - Kusalacittaṃ

1.2 Vicāra - Pīti - Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Dutiyajjhāna - Kusalacittaṃ

1.3 Pīti - Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Tatiyajjhāna - Kusalacittaṃ

1.4 Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Catutthajjhāna - Kusalacittaṃ

1.5 Upekkhā - Ekaggatā - sahitaṃ Pañcamajjhāna - Kusalacittam ceti

2. Tâm Quả thiện Sắc giới - RŪPAVACARA VIPĀKAKUSALACITTA

2.1 Vitakka - Vicāra - Pīti - Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Paṭhamajjhāna - Vipākacittaṃ

2.2 Vicāra - Pīti - Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Dutiyajjhāna - Vipākacittaṃ

2.3 Pīti - Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Tatiyajjhāna - Vipākacittaṃ

2.4 Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Catutthajjhāna - Vipākacittaṃ

2.5 Upekkhā - Ekaggatā - sahitaṃ Pañcamajjhāna - Vipākacittaṃ ceti

3. Tâm Duy tác Sắc giới - RŪPAVACARA KIRIYĀCITTA

3.1 Vitakka - Vicāra - Pīti - Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Paṭhamajjhāna - Kriyācittaṃ

3.2 Vicāra - Pīti - Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Dutiyajjhāna - Kriyācittaṃ

3.3 Pīti - Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Tatiyajjhāna - Kriyācittaṃ

3.4 Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Catutthajjhāna - Kriyācittaṃ

3.5 Upekkhā - Ekaggatā - sahitaṃ Pañcamajjhāna - Kriyācittaṃ ceti

II.2 TÂM VÔ SẮC GIỚI – ARŪPAVACARACITTA, 3 nhóm, gồm 12 tâm:

1. Tâm thiện Vô Sắc giới - ARŪPAVACARA KUSALACITTA, có 4

1.1 Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ - Ākāsānañcāyatana Kusalacitta

1.2 Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ - Viññāṇañcāyatana Kusalacitta

1.3 Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ - Ākiñcaññāyatana Kusalacitta

1.4 Tâm Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, - Nevasaññānāsaññāyatana Kusalacitta

2. Tâm Quả Thiện Vô Sắc Giới, ARŪPAVACARA VIPĀKAKUSALACITTA, có 4

2.1 Tâm Quả Thiện Không Vô Biên Xứ - Ākāsānañcāyatana Vipākakusalacitta

2.2 Tâm Quả Thiện Thức Vô Biên Xứ - Viññāṇañcāyatana Vipākakusalacitta

2.3 Tâm Quả Thiện Vô Sở Hữu Xứ - Ākiñcaññāyatana Vipākakusalacitta

2.4 Tâm Quả Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ - Nevasaññānāsaññāyatana Vipākakusalacitta

3. Tâm Duy tác Vô Sắc giới - ARŪPAVACARA KIRIYĀCITTA

3.1 Tâm Duy Tác Không Vô Biên Xứ - Ākāsānañcāyatana Kiriya-citta

3.2 Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ - Viññāṇañcāyatana Kiriya-citta

3.3 Tâm Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ - Ākiñcaññāyatana Kiriya-citta

3.4 Tâm Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ - Nevasaññānāsaññāyatana Kiriya-citta

II.1 TÂM SẮC GIỚI – RŪPAVACARACITTA

II.1A. RŪPĀVACARA-KUSALA CITTĀNI; có 5:

1. Vitakka - Vicāra - Pīti - Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Paṭhamajjhāna - Kusalacittaṃ
2. Vicāra - Pīti - Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Dutiyajjhāna - Kusalacittaṃ
3. Pīti - Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Tatiyajjhāna - Kusalacittaṃ
4. Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Catutthajjhāna - Kusalacittaṃ
5. Upekkhā - Ekaggatā - Sahitaṃ Pañcamajjhāna - Kusalacittam ceti

IMĀNI PAÑCAPI RŪPĀVACARA - KUSALACITTĀNI NĀMA - Tâm thiện thuộc Sắc giới; Có 5:

1. Tâm Thiện Sơ Thiền cùng với Tầm, Tứ, Phi, Lạc, Định
2. Tâm Thiện Nhị Thiền cùng với Tứ, Phi, Lạc, Định
3. Tâm Thiện Tam Thiền cùng với Phi, Lạc, Định
4. Tâm Thiện Tứ Thiền cùng với Lạc, Định
5. Tâm Thiện Ngũ Thiền cùng với Xả và Định

Định danh - TÂM SẮC GIỚI có 3 cách

1. Lấy đề mục là Sắc pháp để tu thiền
2. Nhân sanh làm Phạm thiên Sắc giới
3. Thành tựu quả sắc giới sanh về Cõi Sắc giới (*do nhân đắc được thiền sắc giới nên cho về quả sắc giới*)

↳ Định đặt ra là TÂM SẮC GIỚI

TÂM SẮC GIỚI: gọi là Tâm thiền, có 3 lý:

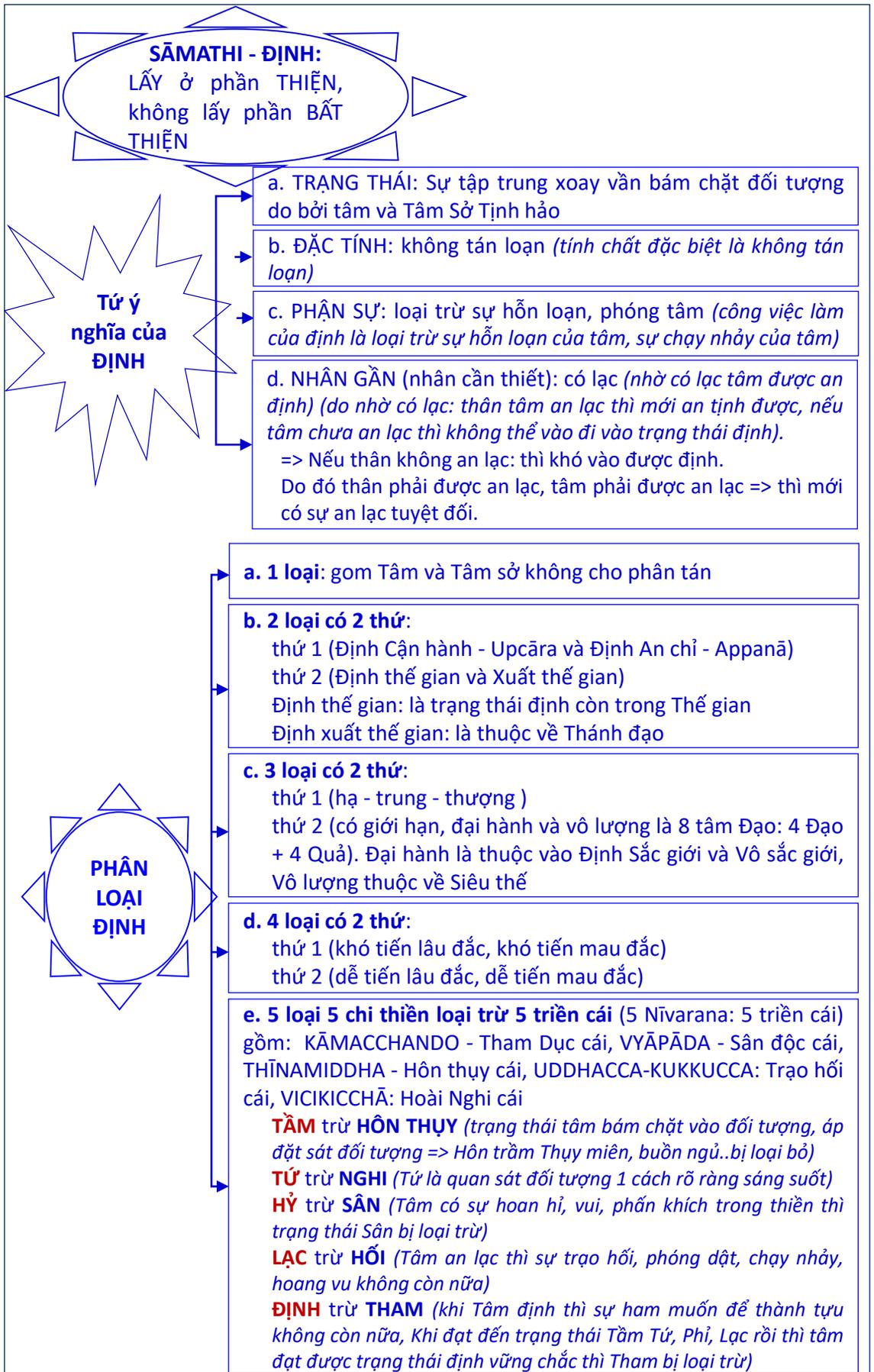
1. Bám chặt vào 1 đối tượng duy nhất (*khi Tâm bám chặt vào 1 đối tượng Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền ...*)
2. Thiêu đốt các pháp làm chướng ngại cho thiền (*thiêu đốt hủy diệt các pháp làm trở ngại cho tâm thiền*)
3. Kết hợp các chi thiền: khi đắc được thiền

TÂM THIÊN SẮC GIỚI - RŪPAVACARA KUSALACITTA
Gọi là Tâm thiền thiện Sắc giới - RŪPAVACARA JHĀNA KUSALACITTA
 (Jhāna: thiền), Gọi là Thiền: có 3 ý nghĩa

1. Trạng thái tu luyện nội tâm đạt đến sự tĩnh lặng (tu tập làm sao để tâm đạt đến sự vắng lặng)
2. Suy gẫm, bám sát, chăm chú mạnh vào đối tượng, tập trung tinh thần đắm mình chìm sâu vào đối tượng được chọn lọc
3. Thiêu đốt các pháp chướng ngại

Thiền Sắc giới, Thiền Vô sắc giới: thuộc THIÊN CHỈ TỊNH (thiền hiệp thế Samāhi)

📖 **Tất cả 8 tầng thiền:** đều thuộc về Hiệp thế, chỉ đạt được đến trạng thái tịnh chứ không làm ta giải thoát để chấm dứt sanh tử (thiền Siêu thế)



THIỀN
Có 2 loại

1/ Thiền chỉ - SAMMATHA
(Hiệp thế): đạt Định và
Thắng Trí thông (Abhīnā)

2/ Thiền quán - VIPASSANA (Siêu thế): Thiền
quán đưa đến đắc được Thánh đạo, Thánh
quả => Đây là pháp thiền mà chỉ có Đức Phật
tìm ra được.

**CÁ TÍNH LIÊN
HỆ ĐẾN
THIỀN**

có 6 là:

**THAM, SÂN,
SI, TÍN, GIÁC,
TÂM**

a/ TÁNH TÍN đi với TÁNH THAM

Về khía cạnh **Bất Thiện**: THAM nặng tình cảm

Về khía cạnh **Thiện**: ĐỨC TIN cũng nặng về tình cảm

THAM: tầm cầu **khóai lạc, giác quan**

ĐỨC TIN: tầm cầu **công đức** (giới, thí, làm phước..)

THAM: không từ bỏ cái gì **có hại**

ĐỨC TIN: không từ bỏ cái gì **có lợi**

b/ TÁNH GIÁC (Trí tuệ) đi với TÁNH SÂN

Về khía cạnh **Bất Thiện**: SÂN không tình cảm, không bám víu
đối tượng

Về khía cạnh **Thiện**: TRÍ TUỆ cũng không tình cảm và cũng
không bám víu

SÂN: thì chỉ tìm cho ra những **lỗi không thật có**

TUỆ: thì chỉ tìm những **lỗi thật có**

SÂN: thì sanh khởi trong cách **buộc tội** chúng sanh

TUỆ: sanh khởi bằng cách **buộc tội** các Hành

c/ TÁNH TÂM đi với TÁNH SI

SI không được an do **bối rối**

TÂM không được an do **suy nghĩ nhiều**

SI bị lay chuyển do **nông cạn**

TÂM bị lay chuyển do **suy đoán**

ĐOÁN TÁNH

1/ VỀ TƯỚNG ĐI

✦ **TÁNH THAM**: khi đi tự nhiên,
có bước đi cẩn thận, đặt chân
xuống từ từ khoan thai, nhắc
chân lên cũng khoan thai từ từ.

✦ **TÁNH SÂN**: bước đi như thể
đào đất bằng những đầu ngón
chân, đặt chân xuống và nhắc
chân lên cũng rất nhanh.

✦ **TÁNH SI**: đi với dáng bối rối,
đặt chân xuống và nhắc chân lên
1 cách do dự

2/ VỀ DÁNG ĐI

✦ **NGƯỜI THAM**: có vẻ chắc chắn
nhịp nhàng

✦ **NGƯỜI SÂN**: thì dáng đi cứng
cỏi

✦ **NGƯỜI SI**: thì dáng đi rối ren

ĐOÁN TÁNH

3/ TRƯỚC KHI NGỦ

✦ **NGƯỜI THAM:** trải giường 1 cách thông dong, không vội vàng, từ từ đặt lưng xuống, sắp đặt tay chân 1 cách ngay ngắn và ngủ 1 cách an ổn. Khi thức dậy thay vì đứng dậy ngay thì người này đứng từ từ như thể còn hoài nghi chưa quyết định.

✦ **NGƯỜI SÂN:** Trải giường 1 cách vội vàng, gieo mình xuống ngủ với gương mặt nhăn nhó, khi thức dậy đứng lên 1 cách mau lẹ, có ai hỏi trả lời như thể rất là bực mình.

✦ **NGƯỜI SI:** trải giường lộn xộn, ngủ úp mặt, thân thể bò dài ra.

4/ HÀNH ĐỘNG

✦ **NGƯỜI THAM:** làm việc 1 cách từ tốn, khéo léo, đều đặn.

✦ **NGƯỜI SÂN:** làm 1 cách căng thẳng, cứng cỏi, không có đều.

✦ **NGƯỜI SI:** làm vụng về như thể đang bối rối, không đều và không có quyết định.

5/ CÁCH ĂN MẶC

✦ **NGƯỜI THAM:** mặc áo, y không quá chật, không quá lỏng, cẩn thận ngay ngắn.

✦ **NGƯỜI SÂN:** mặc áo y chật và không có sửa cho gọn gàng.

✦ **NGƯỜI SI:** mặc áo, y lỏng, rộng, và mặc một cách hoang mang.

6/ QUA CÁCH ĂN

✦ **NGƯỜI THAM:** thích ngọt ngào béo bở, khi ăn từng miếng vừa phải không quá lớn (không ngốn), ăn không vội vàng thưởng thức vị ngon, khoái ăn ngon.

✦ **NGƯỜI SÂN:** thích ăn đồ dai và chua, khi ăn làm từng miếng lớn đầy cả miệng, ăn hấp tấp không thưởng thức mùi vị món ăn.

✦ **NGƯỜI SI:** không có chọn lựa nhất định, khi ăn làm thức ăn thành những miếng nhỏ không tròn đều, hay làm rớt đồ ăn vụn trên đĩa, trên môi trên mặt, làm lấm mặt, tâm trí phiêu lưu nghĩ hết chuyện này đến chuyện khác khi ăn.

7/ QUA CÁCH NHÌN

✦ **NGƯỜI THAM:** nhìn thấy 1 sắc gì dù hơi thích ý cũng ngắm thật lâu như thể ngạc nhiên, nắm lấy những đức tính vụn vặt mà không kể những khuyết điểm. Khi từ giả đi 1 cách nuối tiếc như không muốn rời.

✦ **NGƯỜI SÂN:** trông thấy 1 sắc nào hơi khó ưa là tránh nhìn lâu, soi mói các khuyết điểm nhỏ, bỏ qua những đức tính thật. Khi từ giả ra đi không nuối tiếc như thể muốn đi cho khuất mắt

✦ **NGƯỜI SI:** nhìn bất cứ sắc nào nó thuộc ba phải (ai khen nó khen-ai chê nó chê) mà thật sự trong tâm bình thản 1 cách vô trí

ĐOÁN TÁNH

8/ QUA TÂM TRẠNG

✦ **NGƯỜI THAM:** có những tâm trạng như lừa dối, gian lận, kiêu mạn, ác độc, đa dục, bất mãn, làm đom, khoe khoang.

✦ **NGƯỜI SÂN:** có những tâm trạng như giận dữ, thù hằn, phỉ báng, thống trị, ganh tị, biển lận.

✦ **NGƯỜI SI:** có những tâm trạng như chờ đẫn, lừ đừ, dao động, lo âu, bất định, bám víu dai không chịu xả bỏ.

✦ **NGƯỜI TÍN:** có những tâm trạng như rộng rãi, thường mong muốn gặp các bậc cao nhân, mong nghe được diệu pháp, vui vẻ hồn nhiên, thành thật tin tưởng về những gì gợi niềm tin.

✦ **NGƯỜI CÓ TÁNH GIÁC (TRÍ TUỆ):** có những tâm trạng như dễ nói, có bạn tốt, biết vừa đủ trong ẩm thực, có niềm, ưa sự thức tỉnh, thích nỗ lực đúng hướng.

✦ **NGƯỜI CÓ TÁNH TẦM (SUY NGHĨ - TƯ DUY):** thường có những tâm trạng như nói nhiều, dễ hoà mình, ban đêm phun khói-ban ngày chiếu sáng (suy tư, đêm lên kế hoạch để mai thực hiện, tâm thức cũng hay lăng xăng suy nghĩ khắp cùng)

9/ SỰ VẬT TƯƠNG ỨNG ĐỐI TRỊ VỚI CÁ TÁNH

✦ **NGƯỜI THAM:** mọi thứ thô xấu là vật đối trị

✦ **NGƯỜI SÂN:** đẹp tốt mát mẻ

✦ **NGƯỜI SI:** thông thoáng, khoáng đạt, không bưng bít tối tăm

✦ **NGƯỜI CÓ TÁNH TÍN:** nơi tốt đẹp làm tăng trưởng niềm tin

✦ **NGƯỜI CÓ TÁNH GIÁC:** mọi thứ đều hợp

✦ **NGƯỜI CÓ TÁNH TẦM:** tìm nơi hang sâu, rừng rậm vắng vẻ để làm giảm bớt tánh lăng xăng suy tầm

BUỔI 21 – 19.01.2019 – ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/671150983293848>

BUỔI 20 - 14.12.2018 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

https://www.youtube.com/watch?v=_Gj9czMj8fQ&list=PLlmcyhDVtjtLb4itsLgUprotte6LBjE1Z&index=20

40 ĐỀ MỤC THIỀN:
chia làm 7 nhóm

1/ 10 đề mục tưởng niệm (tùy niệm) ANUSSATI, gồm:
Ân đức Phật, Ân đức Pháp, Ân đức Tăng, Giới, Thí, Thiên, Niết Bàn, Sự chết, Niệm thân (32 thể trược), Hơi thở.

2/ 10 đề mục KASINA, gồm:
Đất, Nước, Lửa, Gió, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Ánh sáng, Hư không.

3/ 10 đề mục bất mỹ (tử thi) ASUBHA, gồm:
Thây phình trương, Thây bầm xanh, Thây chảy nước vàng, Thây bị bể nứt, Thây thú ăn, Thây phân lìa, Thây rã rời, Thây chảy máu, Thây sâu đục và Bộ xương.

4/ 4 đề mục phạm trú BRAHMAVIHĀRA
gồm: Từ, Bi, Hỷ, Xả

5/ 1 đề mục quán tưởng vật thực bất tịnh

6/ 1 đề mục phân tích Tứ đại:
Đất, Nước, Lửa, Gió

7/ 4 đề mục thiền Vô sắc

ĐỀ MỤC THIỀN THÍCH HỢP TÂM TÁNH

a/ Tánh Tham:
10 đề mục bất mỹ + niệm thân
32 thể trược

b/ Tánh Sân:
Tứ vô lượng tâm + 3 Kasina (đất nước gió trừ lửa)

c/ Tánh Si:
hơi thở

d/ Tánh Tín:
Phật, Pháp, Tăng, Thí, Giới, Thiên

e/ Tánh Giác:
sự chết, Niết bàn, Vật thực, Tứ đại

☸ **Tất cả đề mục còn lại hợp với tất cả bản tánh**

CÁCH TU
Đề mục hành thiền
KAMMATTHĀNA

Kamma: công phu hành thiền hay là quán niệm
Thāna: trạm, căn cứ, cơ hội, hàm xúc ý nghĩa về đề tài tu tập, tu niệm
KAMMATTHĀNA: những đề tài để hành thiền hay đề mục hành thiền

Kasina
Đất:

Lấy đất làm thành hình tròn ép mỏng dẹt khoảng 1 gang tay, trét cho bằng láng, có màu hồng đất sét: gọi là **SƠ TƯỚNG (PARIKAMMA NIMITTA)** hay còn gọi là **Chuẩn bị tướng**

Chăm chú nhìn vào đối tượng đó, nhắm mắt rồi mở mắt liên tục, niệm đất đất đất đến khi nhắm mắt vẫn thấy hình tròn sáng hiện ra nhưng vẫn còn thô sơ, còn dấu vết dọc ngang của đất sét: gọi là **THÔ TƯỚNG (UGGAHA NIMITTA)**

Tiếp tục chú tâm trên đối tượng thô tướng đó, nhắm mắt quán sát chăm chú trên vòng tròn đó, niệm cho đến khi thành **QUANG TƯỚNG (PATĪBHĀGA NIMITTA)**, niệm đến khi thành hình tròn sáng rực không còn tí vết => **tiến vào cận định UPACĀRASAMĀDHI**

Tiếp tục trên đề mục quang tướng, chăm chú áp tâm, tập trung tối đa trên đối tượng này cho đến khi **Đắc Sơ Thiền** (khắc được 5 triền cái) **PATHAMAJJHĀNA**

LỘ TRÌNH DIỄN TIẾN CỦA DÒNG TÂM THỨC - THIỀN

Trước tiên là hộ kiếp BHAVANGA (hữu phần) từ hộ kiếp vừa qua, tới hộ kiếp rúng động

↳ cho tới **Hộ kiếp dứt dòng** - BHAVANGUPACCHEDA thì dừng lại

↳ ý môn hướng tâm khởi lên với đối tượng là **Quang tướng** - PATĪBHĀGA NIMITTA

↳ tiếp đến là **Động tốc tâm** (tốc hành tâm) JAVANA, bắt đầu với **Sát na chuẩn bị** - PARIKAMMA

↳ tiếp đến là **Cận hành** - UPACĀRA

↳ tiếp nữa là **Thuận thứ** - ANULOMA

↳ tiếp là **Chuyển tộc** (chuyển tánh) - GOTRABHŪ

↳ tiếp cuối là **An chỉ** (sát na định) - APPANĀ => đắc được sơ thiền (thuộc về sắc giới, không còn dục giới nữa)

An chỉ tịnh (Định) thuộc về Sơ thiền có đủ 5 chi Tâm, Tứ, Phỉ, Lạc, Định (5 chi thiền này diệt trừ 5 triền cái, làm cho 5 triền cái vắng mặt không hiện hữu được)

LỘ TÂM NHỮNG NGƯỜI TU VỀ THIỀN CHỈ LÀ NHƯ VẬY

NGƯỜI ĐẮC SƠ THIỀN CẦN LUYỆN CHO ĐẾN KHI THUẦN THỰC

<p>↳ Nhập - Xuất liên tục cho đến khi đạt kiên cố định (7 ngày)</p>	<p>↳ 5 giác quan (Mắt - Tai - Mũi - Lưỡi - Thân) ngưng hoạt động tạm thời, không biết, không còn cảm xúc nữa, ngồi yên bất động, không bị tác động từ bên ngoài.</p>	<p>↳ 5 Triền cái (Tham - Sân - Hôn thụ - Trạo hối - Hoài nghi) cũng tạm ngưng</p>	<p>↳ lấy cùng Quang tướng để tu tiến lên Nhị, Tam, Tứ, Ngũ thiền => để lên Nhị thiền</p>
--	---	--	--

5 TẦNG THIỀN SẮC GIỚI

1. SƠ THIỀN (Tâm, Tứ, Phỉ, Lạc, Định)	2. NHỊ THIỀN (Tứ, Phỉ, Lạc, Định)	3. TAM THIỀN (Phỉ, Lạc, Định)	4. TỨ THIỀN (Lạc, Định)	5. NGŨ THIỀN (Xả Và Định)
--	--------------------------------------	----------------------------------	----------------------------	------------------------------

PHẠM TRÚ (Tứ vô lượng tâm) – **BRAHMAVIHĀRA** :
Trạng thái phẩm hạnh cao thượng không giới hạn.

Brahma: cao thượng, cao nhã

Brahmacariya: lối sống cao thượng, lối sống phạm hạnh, phẩm hạnh cao nhã

Vihāra: phương thức hay trạng thái phẩm hạnh, trạng thái của cuộc sống

1. TÂM TỪ - METTĀ

✦ **Ý nghĩa:** Làm cho Tâm trở nên êm dịu, mát mẻ

✦ **Đối nghịch:**
Trực tiếp: là tâm Sân, Hận...
Gián tiếp: là ái dục, trù mến, yêu thương...

✦ **Tướng trạng:** Là lòng chân thành với ước nguyện tất cả chúng sanh luôn được an lành, hạnh phúc

✦ **Phân sự:** Thực hiện từ ái bao trùm không phân biệt chúng sanh

✦ **Nhân cần thiết:** Có chúng sanh

✦ **Đặc điểm chánh yếu:** Thái độ từ ái, yêu thương, không phân biệt.

2. TÂM BI - KARUNĀ

✦ **Ý nghĩa:** có sự rung động trước sự đau khổ của chúng sanh

✦ **Đối nghịch:**
Trực tiếp: là sự ươn hèn, suy nhược.
Gián tiếp: là âu sầu, phiền muộn

✦ **Tướng trạng:** Sự thương xót trước đau khổ của chúng sanh

✦ **Phân sự:** Là xoa dịu và tiêu trừ mọi nỗi đau của chúng sanh

✦ **Nhân cần thiết:** Có chúng sanh đang đau khổ

✦ **Đặc điểm chánh yếu:** Có thái độ rung động, thương xót chúng sanh khổ

3. TÂM HỖ - MUDITĀ

✦ **Ý nghĩa:** vui với cái vui của người khác

✦ **Đối nghịch:**
Trực tiếp: sự ganh tỵ.
Gián tiếp: pháp hỷ hạ đẳng

✦ **Tướng trạng:** có sự hoan hỉ với hạnh phúc của người khác

✦ **Phân sự:** là chung vui, chung mừng, ca tụng ngợi khen trước sự thịnh vượng của người khác

✦ **Nhân cần thiết:** có chúng sanh đang hạnh phúc.

✦ **Đặc điểm chánh yếu:** loại trừ mọi hình thức bất mãn ganh tỵ.

4. TÂM XẢ - UPEKKHĀ

✦ **Ý nghĩa:** vô tư, không ái, không ghét bỏ, bình thản, không chao động

✦ **Đối nghịch:**
Trực tiếp: là luyến ái.
Gián tiếp: là lạnh lùng

✦ **Tướng trạng:** sự bình thản quân bình của tâm.

✦ **Phân sự:** không xao động trước nghịch cảnh hoặc thuận cảnh.

✦ **Nhân cần thiết:** tất cả đối tượng (không phân biệt tốt xấu)

✦ **Đặc điểm chánh yếu:** vô tư, bình thản



↪ **SƠ THIỀN:**

có 25 đề mục gồm:

- + 10 Kasina (*đất-nước-lửa-gió-xanh-vàng-trắng-đỏ-hư không-sánh sáng*)
- + 10 đề mục tử thi
- + 1 đề mục hơi thở
- + 3 phạm trú đầu (*Từ, Bi, Hỷ*)
- + 1 thể trước.

↪ **NHỊ, TAM, TỨ THIỀN:**

có 14 đề mục gồm:

- + 10 Kasina
- + 1 hơi thở
- + 3 phạm trú đầu

↪ **NGŨ THIỀN (có xả và định):**

có 12 đề mục gồm:

- + 10 Kasina
- + 1 hơi thở
- + 1 xả vô lượng tâm

↪ **10 ĐỀ MỤC TÙY NIỆM NGOẠI TRỪ THỂ TRƯỚC VÀ HƠI THỞ:**

không đặc thiền, chỉ đặc Cận định

↪ **4 ĐỀ MỤC VÔ SẮC:**

mỗi đề mục đặc được 1 tầng Thiền Vô sắc

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT

1/ có 22 đề mục có được 3 loại Ấn tướng (*Sơ tướng, Thô tướng, Quang tướng*) là:

- + 10 Kasina
- + 10 tử thi
- + 1 hơi thở
- + 1 thể trước.

2/ 4 đề mục Phạm trú (*Từ - Bi - Hỷ - Xả*) và đề mục Vô sắc: không có 3 ấn tướng này

3/ Tứ vô lượng tâm + Không vô biên xứ + Vô sở hữu xứ: thì nương cảnh Chế định (*Danh chế định, Nghĩa chế định*)

4/ Thức vô biên xứ + Phi tướng phi phi tướng xứ: nương cảnh Chân đế (*Hữu vi + Vô vi*)

II.1 TÂM SẮC GIỚI – RŪPAVACARACITTA

II.1B. RŪPĀVACARA-VIPĀKA CITTĀNI - có 5:

1. Vitakka - Vicāra - Pīti – Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Paṭhamajjhāna-Vipākacittaṃ

2. Vicāra - Pīti – Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Dutiyajjhāna - Vipākacittaṃ

3. Pīti – Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Tatiyajjhāna - Vipākacittaṃ

4. Sukha - Ekaggatā - Sahitaṃ Catutthajjhāna - Vipākacittaṃ

5. Upekkhā - Ekaggatā - Sahitaṃ Pañcamajjhāna - Vipākacittam ceti

IMĀNI PAÑCAPI RŪPĀVACARA-VIPĀKACITTĀNI NĀMA - Tâm Quả thuộc Sắc giới Có 5:

1. Tâm Quả Sơ Thiền, cùng với Tầm, Tứ, Phi, Lạc, Định

2. Tâm Quả Nhị Thiền, cùng với Tứ, Phi, Lạc, Định

3. Tâm Quả Tam Thiền, cùng với Phi, Lạc, Định

4. Tâm Quả Tứ Thiền, cùng với Lạc, Định

5. Tâm Quả Ngũ Thiền, cùng với Xả và Định

TÂM QUẢ SẮC GIỚI:
Là kết quả thành tựu do bởi Tâm thiện Sắc giới

↪ 1 người tu đắc được Sơ thiền: cho quả sơ thiền

↪ 1 người đắc Nhị thiền: cho quả Nhị thiền

↪ 1 người tu đắc được Tam thiền: cho quả Tam thiền

↪ 1 người đắc Tứ thiền: cho quả Tứ thiền

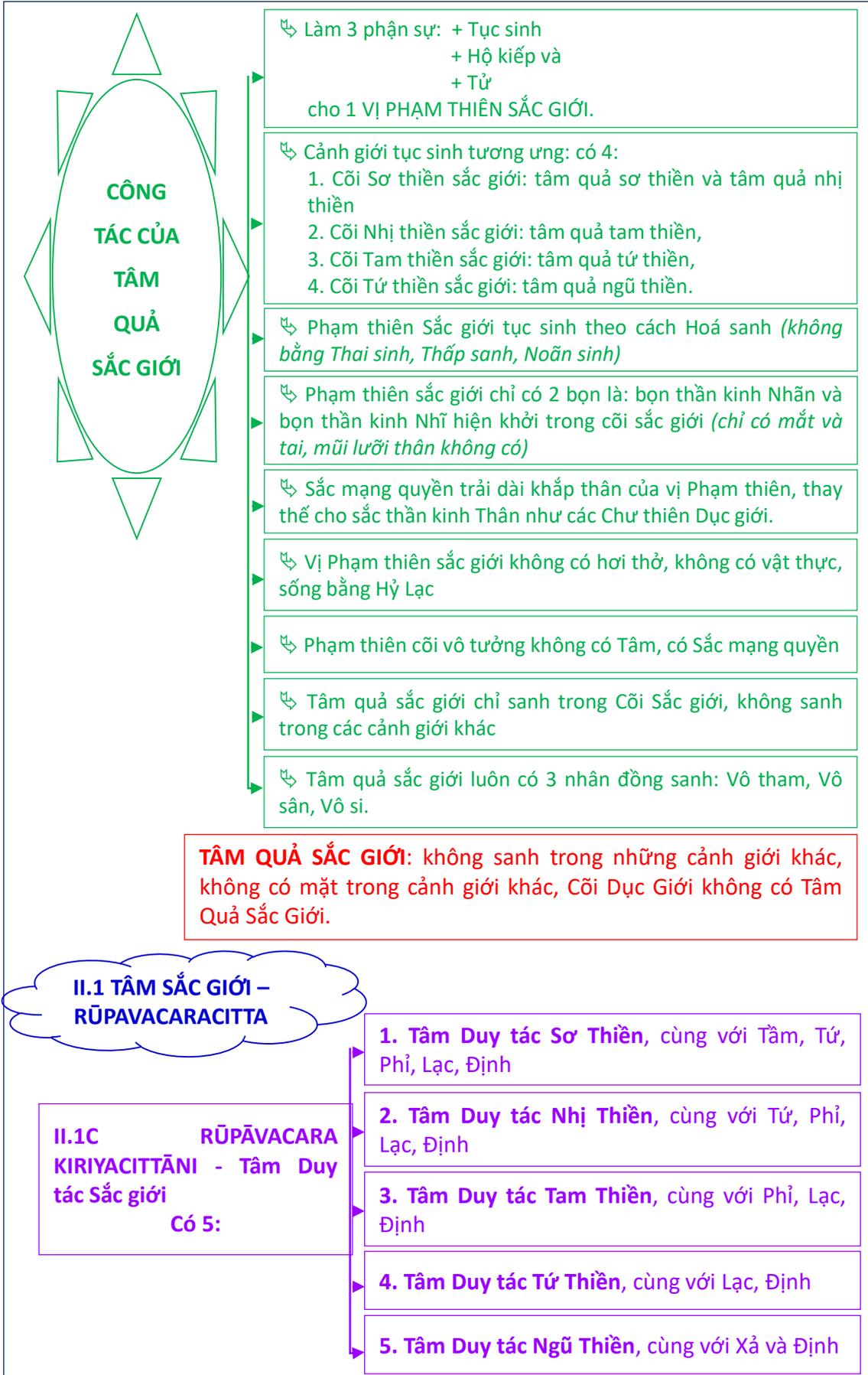
↪ 1 người đắc Ngũ thiền: cho quả Ngũ thiền

=> **NHÂN QUẢ** rất rõ ràng

Nếu đến giờ phút lâm chung mà vẫn không bị hoại thiền, rời tử, rồi tục sinh trở lại: thì tục sinh bằng TÂM QUẢ SẮC GIỚI.

1 người đắc được thiền sắc giới mà: chưa tử, bị đứt thiền, hoại thiền do phạm vào giới luật thì **TỤC SINH** lại bằng **TÂM DỤC GIỚI**, không có **TÂM QUẢ SẮC GIỚI**

1 người đắc thiền phải giữ cho: tâm được trong sạch cho đến khi tử thì mới được **TỤC SINH** lại bằng **TÂM QUẢ SẮC GIỚI**



II.2 TÂM VÔ SẮC GIỚI - ARŪPAVACARACITTA

TÂM VÔ SẮC – ARŪPA

1/ Là Tâm bắt đầu
mục Vô sắc làm
đối tượng

2/ Là có quả cho
sinh về cõi Thiên
Vô sắc

3/ Là Tâm nào
lưu chuyển trong
Vô sắc giới gọi là
Tâm vô sắc

=> Tâm nào mà
bắt không phải là
sắc pháp (*không
có sắc làm đối
tượng*) thì được
gọi là **TÂM VÔ
SẮC**;

Có 4 loại:

1/ KHÔNG VÔ BIÊN XỨ - ĀKĀSĀNAÑCĀYAṬANA

Ākāsa: không gian, Anañtā: rộng lớn, Āyaṭana: trú xứ, nơi chỗ

=> Ākāsānañcāyaṭana: trú xứ không gian bao la vô tận = không vô biên xứ

✦ Muốn tu đạt phải thấy nguy hiểm trong các Sắc, mong mỗi tách Ly sắc

✦ Muốn vượt qua các Sắc phải nhập 5 thiền sắc với 1 trong 9 Kasina (trừ hư không)

✦ Muốn tu qua Không vô biên xứ phải xả thiền (khi nhập đến ngũ thiền), bắt lấy Quang tướng (Pātibhāga Nimitta)

✦ Rải rộng ra với tác ý Hư không vô tận

✦ Trải lan khắp vũ trụ đến hết mức giới hạn (không gian ánh sáng này không thật)

✦ Thu về rồi phóng ra cho đến thuần thục.

✦ Bỏ ấn tướng Kasina, không tác ý đến nó nữa.

✦ Chú ý đến Hư không

✦ Niệm không gian vô tận - ĀKĀSO ANAṬO

✦ Chú tâm nhiều lần cho đến khi đắc định Không vô biên xứ

✦ Khi đắc thiền thì ấn chứng Kasina biến mất.

↳ Manodvārāvajjana (Ý môn hướng tâm) ↳ Parikamma (Sát na chuẩn bị) ↳ Upacāra (Cận hành) ↳ Anuloma (Thuận thứ) ↳ Gotrabhū (Chuyển tộc) ↳ Ākāsānañcāyatana (Không vô biên xứ)

2/ THỨC VÔ BIÊN XỨ - VIÑÑĀNAÑCĀYATANA

Viññāna: Thức, anañtā: rộng lớn vô tận, Āyatana: trú xứ, nơi chỗ

Viññānañcāyatana => Nơi biết của thức vô tận = trú xứ vô tận rộng lớn của Thức

✦ Suy xét Không vô biên xứ không bền vững dễ rơi về thiền sắc

✦ Lấy tâm Không vô biên xứ làm đối tượng tu tập (*chân đế*)

✦ Niệm Viññāna anantā (*thức vô tận*)

✦ Chú niệm để đến đạt được định Thức vô biên xứ

II.2 TÂM VÔ SẮC GIỚI - ARŪPAVACARACITTA

TÂM VÔ SẮC – ARŪPA

1/ Là Tâm bắt đề mục Vô sắc làm đối tượng
2/ Là có quả cho sanh về cõi Thiên Vô sắc
3/ Là Tâm nào lưu chuyển trong Vô sắc giới gọi là Tâm vô sắc
=> Tâm nào mà bắt không phải là sắc pháp (*không có sắc làm đối tượng*) thì được gọi là **TÂM VÔ SẮC**;

Có 4 loại:

3/ VÔ SỞ HỮU XỨ - ĀKIÑCAÑÑĀYATANA

Ākiñca: vô sở hữu, Āyatana: trú xứ, nơi chỗ

=> Ākiñcaññāyatana = vô sở hữu xứ = Trú xứ vô sở hữu

Có hai cách luyện

1/ Lấy Không vô biên xứ, niệm "không có gì" Natthi kiñci (chế định)

2/ Lấy Thức vô biên xứ sau khi đã diệt mất niệm Natthi kiñci (không có chi) Chú niệm để đạt để đến Ākiñcaññāyatana = Vô sở hữu xứ.

4/ PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG XỨ - NEVASAÑÑĀ- NĀSAÑÑĀYATANA

Nevasañña: Không có tướng, Anāsañña: Không không có tướng

NEVASAÑÑĀ-NĀSAÑÑĀYATANA: không tướng, không không tướng (có mà như không có, không có mà như có)

Cách tu: lấy Vô sở hữu xứ để niệm đến khi đạt được **PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG XỨ.**

TÓM LẠI
Đối tượng của 4 Tâm
thiền Vô sắc

<p>1/ Không vô biên xứ: lấy QUANG TƯỚNG THIỀN SẮC làm đối tượng</p>	<p>2/ Thức vô biên xứ: lấy KHÔNG VÔ BIÊN XỨ làm đối tượng</p>	<p>3/ Vô sở hữu xứ: lấy KHÔNG VÔ BIÊN XỨ hoặc THỨC VÔ BIÊN XỨ ĐÃ DIỆT làm đối tượng và niệm "không có gì hết"</p>	<p>4/ Phi tướng phi phi tướng xứ: lấy VÔ SỞ HỮU XỨ làm đối tượng</p>
--	--	---	---

SỰ KHÁC NHAU GIỮA THIỀN SẮC GIỚI VÀ THIỀN VÔ SẮC GIỚI

5 TẦNG THIỀN SẮC GIỚI: khác biệt nhau do các chi thiền, Năm tầng Thiền Sắc Giới khác biệt nhau

4 TẦNG THIỀN VÔ SẮC GIỚI: khác biệt nhau do đề mục gom Tâm, Thiền vô sắc có 2 chi: Xả Và Định (càng lên cao càng vi tế), Thiền vô sắc vượt qua áng xứ - không vượt qua thiền chi như thiền sắc giới

SỰ LỢI ÍCH CỦA TU THIỀN CHỈ
 có 5

- 1/ Hiện tại lạc trú (Tâm an tịnh, vắng lặng, An lạc)
- 2/ Làm nền tảng cho thiền Quán: cận định và định
- 3/ Thành tựu thắng trí và thần thông, khi đạt 5 thiền sắc giới sẽ đạt được 5 thông: Thiên nhãn thông, Túc mạng thông, Thiên nhĩ thông, Thần túc thông và Tha tâm thông.
- 4/ Sanh về Phạm thiên Sắc Giới / Vô sắc Giới
- 5/ Nhập được Diệt - Thọ - Tưởng - Định: Bậc thánh A Na Hàm hay Thánh A La Hán chứng đạt được 8 thiền chứng mới có thể chứng đạt trạng thái vô dư niết bàn tạm thời tức là **an trú** vào **DIỆT - THỌ - TƯỞNG - ĐỊNH**.

II.2 TÂM VÔ SẮC GIỚI - ARŪPAVACARACITTA

1/ TÂM THIỆN VÔ SẮC GIỚI – ARŪPAVACARA KUSALACITTA

1.1 Tâm Thiện Không Vô
Biên Xứ
ĀKĀSĀNAÑCĀYATANA
KUSALACITTA

1.2 Tâm Thiện Thức Vô
Biên Xứ
VIÑÑĀNAÑCĀYATANA
KUSALACITTA

1.3 Tâm Thiện Vô Sở
Hữu Xứ
ĀKIÑCAÑÑĀYATANA
KUSALACITTA

1.4 Tâm Thiện Phi Tưởng
Phi Phi Tưởng Xứ
NEVASAÑÑĀ-
NĀSAÑÑĀYATANA
KUSALACITTA

2/ TÂM QUẢ VÔ SẮC GIỚI

ARŪPAVACARAVIPĀKACITTA:

Là tâm được thành tựu
do bởi Tâm thiện vô sắc
giới (Tâm thiện làm
nhân cho Tâm quả)

Về công tác (phận sự): có
3 gồm: TỤC SINH, HỘ
KIẾP, TỬ

Vd: Khi tu bằng tâm thiện
không vô biên xứ, sẽ tục sinh
bằng tâm quả không vô biên
xứ. Khi sanh 1 kiếp sống mới,
sẽ trở thành hộ kiếp duy trì
gìn giữ kiếp sống sau khi tục
sinh cho đến khi tử, khi tử
cũng bằng Tâm quả thiện
Không vô biên xứ

CẢNH GIỚI: tục sanh
tương ứng theo các tầng
thiền đã đắc

Cõi vô sắc không có sắc,
chỉ có tâm = cõi này không
có hình tướng không có
sắc pháp..... chỉ có Tâm.

Có 4 loại tâm: như 4 Tâm
thiền thiện Vô sắc giới

Cả 4 tâm quả này thuộc
Thọ Xả

Có đầy đủ 3 nhân thiện:
Vô tham, Vô sân, Vô si
đồng sanh

Về thể tánh: thuộc Vô ký
tánh

Không nương bất kỳ vật
nào

VỀ UẨN: thuộc Thức uẩn

3/ TÂM DUY TÁC VÔ SẮC GIỚI -

ARŪPĀVACARAKRIYĀCITTA

Đây là tâm của bậc A
la hán tu chứng các
tầng thiền vô sắc này

Không cho quả dị thực,
không làm việc Tục sinh,
Hộ kiếp, Tử

Bậc A la hán luyện làm
nền tảng nhập Thiền Diệt

Về thể tánh : thuộc Vô
Ký tánh (không phải
thiện, không phải bất
thiện)

Có 4 loại tâm tương ứng
với thiền Thiện

Thuộc về Thọ Xả

**III. LOKUTTARA CITTĀNI -
TÂM SIÊU THỂ**
Có 40 tâm

Ý nghĩa

Là Tâm biết cảnh ngoài thế gian

Là Tâm Hữu vi nhưng bắt đối tượng vô vi (pháp hữu vi: có sanh có diệt, Vô vi: trạng thái Vô sanh bất diệt)

Có 2 nhóm:

A/ LOKUTTARA MAGGA CITTĀNI
– Tâm Đạo Siêu Thế, có 4:

- 1/ SOTĀPATTIMAGGACITTĀM
nhập lưu đạo tâm: SƠ ĐẠO
- 2/ SAKADĀGĀMIMAGGACITTĀM
nhứt lai đạo tâm: NHỊ ĐẠO
- 3/ ANĀGĀMIMAGGACITTĀM
bất lai đạo tâm: TAM ĐẠO
- 4/ ARAHATTAMAGGACITTĀM
vô sanh đạo tâm: TỨ ĐẠO

B/ LOKUTTARA PHALA CITTĀNI –
Tâm Quả Siêu Thế, có 4:

- 1/ SOTĀPATTIPHALACITTĀM
nhập lưu quả tâm: SƠ QUẢ
- 2/ SAKADĀGĀMIPHALACITTĀM
nhứt lai quả tâm: NHỊ QUẢ
- 3/ ANĀGĀMIPHALACITTĀM
bất lai quả tâm: TAM QUẢ
- 4/ ARAHATTAPHALACITTĀM
vô sanh quả tâm: TỨ QUẢ

**A/ LOKUTTARA MAGGA
CITTĀNI – Tâm Đạo Siêu Thế**

**1/ SOTĀPATTIMAGGACITTĀM:
Nhập lưu đạo tâm - TÂM SƠ ĐẠO**

SOTA: dòng nước;
APATTI: nhập vào;
MAGGA: Đạo, Thánh đạo
=> Tâm bước vào dòng nước
Thánh đạo (Sơ đạo tâm, Tu đà hoàn)

↪ Có 8 chi đạo

↪ Bước vào dòng suối thánh đạo lần đầu tiên

↪ Sát trừ 3 phiền não: Thân kiến (*chấp*), Hoài nghi (*sự nghi ngờ Phật Pháp Tăng*), Giới cấm thủ (*lễ nghi, mê tín, giới cấm không đem đến giải thoát*)

↪ Trí tuệ làm chủ lực: để phá tan màn Vô minh

↪ Chứng ngộ niết bàn lần thứ 1

=> KHÔNG CÒN RƠI XUỐNG CẢNH KHỔ

NHÂN SANH TÂM ĐẠO, có 4

↪ Gặp được bậc chân nhân (*người nói đúng theo Pháp, theo Chánh tạng, không nói theo tư kiến*)

↪ Được nghe Chánh pháp (*không nghe thì khó thành tựu*)

↪ Tác ý khéo (*tác ý Pháp hướng đến Niết bàn, đưa đến sự giải thoát*)

↪ Hành trì theo Chánh pháp đặc biệt đến đạo quả (*là hành theo Tứ niệm xứ, theo thiền quán chứ không theo thiền chỉ*)

CHÚ Ý: TÂM SƠ ĐẠO không sanh ở cõi Vô Sắc: vì không đủ 4 nhân sanh (không đủ hình tướng, không thể nghe)

2/ SAKADĀGĀMIMAGGACITTĀM
Nhứt lai đạo tâm - TÂM NHỊ ĐẠO

Sa: thân ngắn
Kadā: khi nào
Āgāmi: sự trở lại, sự tái sanh
Sakadāgāmi: Khi nào có sự thân ngắn, sự tái sanh
Sakadāgāmimagga: Nhứt lai đạo tâm hay còn gọi Tư đà hàm

↳ Tâm tương ưng đạo có sự thân ngắn, sự trở lại thì gọi là nhứt lai đạo tâm

↳ Có đủ 8 chi đạo

↳ Chứng ngộ Niết bàn lần thứ 2

↳ làm giảm nhẹ 2 kiết sử: Dục ái và Sân

↳ chỉ trở lại cõi dục giới 1 lần

NHÂN SANH NHỊ ĐẠO, có 2

↳ Tác ý khéo

↳ Hành theo Chánh pháp

CHÚ Ý: TÂM NHỊ, TAM, TỨ ĐẠO: có ở cõi Vô sắc, chỉ cần 2 nhân sanh là TÁC Ý KHÉO và HÀNH THEO CHÁNH PHÁP

BUỔI 26 – 23.03.2019 – ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/2316537358600445>

3/ ANĀGĀMIMAGGACITTĀM
Bất lai đạo tâm - TÂM TAM ĐẠO

ANĀGĀMI: không còn trở lại dục giới;
Magga: đạo
Citta: tâm
=> **Anāgāmimagga**: Bất lai đạo tâm (tâm của bậc A Na Hàm), A na hàm đạo

↳ có 8 chi đạo đồng sanh (*Bát Chánh đạo: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định, đồng sanh 1 lượt với tám chi đạo này*)

↳ chứng ngộ niết bàn lần thứ 3 (*lần thứ 1 là Tâm Sơ Đạo, lần thứ 2 Tâm Nhị Đạo*)

↳ sát trừ 2 kiết sử: Dục ái và Sân (*tâm Tam đạo này sanh lên diệt luôn 2 trạng thái tâm này, không còn Dục ái, không còn Sân*)

↳ diệt trừ trọn vẹn 5 hạ phần kiết sử ở giai đoạn này: Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ, Dục ái và Sân bị diệt trừ.

↳ không còn tái sanh cõi Dục giới.

NHÂN SANH TAM ĐẠO, có 2

↳ Tác ý khéo

↳ Hành theo Chánh pháp

CHÚ Ý: TÂM NHỊ, TAM, TỨ ĐẠO: có ở cõi Vô sắc, chỉ cần 2 nhân sanh là tác ý khéo và hành theo Chánh pháp

4/ ARAHATTAMAGGACITTAM Vô sanh đạo tâm - TÂM TỨ ĐẠO

- Arahatta: sự giải thoát cuối cùng, sự thoát ly cuối cùng của đời sống này, không còn đời sống nào nối tiếp phía sau nữa, hoàn toàn chấm dứt, dòng luân hồi Thập Nhị Nhân Duyên ngưng không còn hoạt động nữa

- Araham: bậc vô sanh, bậc sát tặc (*sát những phiền não, lậu hoặc trong tâm, hoàn toàn dứt tuyệt không còn nữa*), bậc ứng cúng (*bậc xứng đáng để chư thiên và loài người đánh lễ cúng dường*)

=> ARAHATTAMAGGACITTA: Vô sanh đạo tâm, Alahan

↳ có 8 chi đạo đồng sanh

↳ chứng ngộ Niết bàn lần thứ 4 (lần cuối cùng, hoàn toàn sáng tỏ như trăng rằm, không còn vết nhơ)

↳ sát trừ 5 thượng phần kiết sử: Ái Sắc (ái luyến về cảnh trời Sắc giới - đời sống của những vị Phạm thiên Sắc giới), Ái Vô sắc (cảnh trời Vô sắc, diệt trừ cảnh giới vi tế vi diệu, cảnh giới tưởng chừng như trường cửu, bất tử), Ngã mạn (sự so sánh hơn thua), Phóng dật, Vô minh => chỉ có Bậc Alahan mới diệt trừ được

↳ Vô sanh bất tử

NHÂN SANH TỨ ĐẠO, có 2

↳ Tác ý khéo

↳ Hành theo Chánh pháp

CHÚ Ý: TÂM NHỊ, TAM, TỨ ĐẠO : có ở cõi Vô sắc, chỉ cần 2 nhân sanh là TÁC Ý KHÉO và HÀNH THEO CHÁNH PHÁP

B/ LOKUTTARA PHALA CITTANI – Tâm Quả Siêu Thế

↳ là kết quả từ Tâm đạo (*Tâm đạo vừa diệt 1 sát na là Tâm quả sanh lên liền 2 Sát na*)

↳ sanh ngay sau Tâm đạo vừa diệt 1 sát na

↳ cùng đối tượng với Tâm đạo là Niết bàn (*Tâm Đạo chứng ngộ Niết bàn, Tâm Quả hưởng cảnh Niết bàn*)

↳ thuộc về giống Quả (*thuộc hệ quả, không thuộc hệ nhân*)

↳ đã sát trừ phiền não (*Tâm Quả là tâm đã sát trừ phiền não, Tâm Đạo là Tâm đang sát trừ phiền não*)

Có 4 Tâm Quả tương ứng với 4 Tâm Đạo

1/ SOTĀPATTIPHALACITTAM - TÂM SƠ QUẢ
Nhập lưu quả tâm

2/ SAKADĀGĀMIPHALACITTAM - TÂM NHỊ QUẢ
Bậc Nhất lai

3/ ANĀGĀMIPHALACITTAM - TÂM TAM QUẢ
Bậc Bất lai – hay còn gọi là A na hàm

4/ ARAHATTAPHALACITTAM - TÂM TỨ QUẢ
Vô sanh quả tâm

1/ TÂM SƠ QUẢ -
SOTĀPATTIPHALACITTĀM
Nhập lưu quả tâm

↳ trở lại cõi Dục 7 lần nếu không chứng đạo cao hơn

↳ tùy thuộc Ngũ quyền: Tín - Tấn - Niệm - Định - Tuệ
a. Mạnh: tái sanh Dục giới 1 lần (nhất quờn sanh nhân)
b. Trung bình: sanh Dục giới từ 2 đến 6 lần (đa lục quờn nhân)
c. Yếu: 7 lần (đa thất quờn nhân) (chậm nhất đến kiếp thứ 7 là phải đắc Alahan)

✧ Theo cách khác 1 (cũng theo Ngũ quyền)

↳ Tuệ quyền mạnh (minh sát): 1 lần sanh (trí tuệ mạnh chỉ sanh về cõi dục giới 1 lần, sau đó chứng đắc những đạo quả cao hơn)

↳ Định tuệ ngang nhau: từ 2 đến 6 lần trở về cõi dục giới

↳ Định mạnh (tuệ yếu): 7 lần

✧ Theo cách khác 2

↳ Tín mạnh: đắc sơ đạo là bậc tùy tín hành, sơ quả là bậc tín chí

↳ Tuệ mạnh: đắc sơ đạo là bậc tùy pháp hành, đắc sơ quả là bậc kiến đáo

**SỰ TRỞ LẠI
DỤC GIỚI**

↳ Chỉ có cho 2 bậc Sơ quả và Nhị quả mà thôi và chỉ cho những vị không chứng thiên chỉ tịnh (*bậc Tam quả không có trở lại Dục giới*)

↳ Thánh Sơ quả chứng đạt thiên chỉ tịnh: mệnh chung sanh về cõi Phạm thiên sẽ không trở lại cõi dục nữa (*họ có thể sanh về Cõi Sắc giới hay Vô sắc giới*)

2/ TÂM NHỊ QUẢ -
SAKADĀGĀMIPHALACITTĀM -
Bậc Nhất Lai ở cõi dục không thiên chứng, có 5 hạng:

a/ đắc tại cõi nhân loại, Niết bàn tại NHÂN GIỚI

b/ đắc tại cõi nhân loại, Niết bàn cõi CHƯ THIÊN

c/ đắc tại cõi Chư thiên, và Niết bàn tại THIÊN GIỚI, có 3 cách:
+ sanh tại cõi đó - Niết bàn tại đó
+ sanh tại cõi đó, Niết bàn cõi chư thiên khác
+ sanh cõi đó, mệnh chung sanh cõi khác, rồi sanh trở lại cõi đó, rồi Niết bàn

d/ đắc tại cõi Chư thiên, Niết bàn cõi NHÂN LOẠI.

e/ đắc cõi nhân loại, sanh về thiên giới rồi trở lại cõi nhân loại, Niết bàn

✧ Bậc Nhất Lai chứng thiên Sắc giới, Vô Sắc giới thì sanh hẳn về cõi PHẠM THIÊN, không trở về cõi Dục giới nữa

3/ TÂM TAM QUẢ - ANĀGĀMIPHALACITTAM được gọi là **Bậc bất lai, A na hàm**

Cảnh giới của Bậc bất lai: có 2:

↳ Cảnh giới Nhân loại

↳ Cảnh giới Phạm thiên: đắc thiên nào về Cõi đó, không đắc thiên khi thân hoại mang chung sanh về cõi Phạm thiên Sơ thiên Sắc giới (còn gọi là Bậc Lạc quán)

✧ ĐẶC BIỆT:

Cảnh giới đặc biệt dành riêng cho Bậc bất lai đắc ngũ thiên sắc giới: là cõi Tịnh Cư thiên (còn gọi là cõi ngũ tịnh cư)

Ngũ quyền liên hệ Cõi Ngũ tịnh cư

↳ **TÍN QUYỀN MẠNH:** sanh về cõi vô phiền, sống 1 ngàn đại kiếp

↳ **TẤN QUYỀN MẠNH:** sanh về Cõi Vô Nhiệt, 2 ngàn đại kiếp

↳ **NIỆM QUYỀN MẠNH:** sanh về Cõi Thiện Hiện, 4 ngàn đại kiếp

↳ **ĐỊNH QUYỀN MẠNH:** sanh về Cõi Thiện Kiến, 8 ngàn đại kiếp

↳ **TUỆ QUYỀN MẠNH:** sanh về Cõi Sắc Cứu Cánh, vị này chắc chắn đắc quả Alahan trong kiếp ở cõi này, sống 16 ngàn đại kiếp

↳ **NẾU 5 QUYỀN ĐỒNG ĐẲNG:** thì sanh về Cõi Quảng Quả (cõi Tứ thiên)

↳ **NẾU CHƯA CHỨNG ĐẮC A LA HÁN** sẽ sanh lại cõi này cho đến khi nào chứng đắc A la hán, và Niết Bàn tại cõi đó

5 CHỦNG LOẠI BẬC THÁNH BẤT HOÀN

1/ TRUNG BANG BẤT HOÀN: vị thánh bất lai sanh về cõi tịnh cư, chứng đạt A la hán ở cõi ấy trong nửa tuổi thọ trở về trước

2/ SANH BANG BẤT HOÀN: nửa tuổi thọ về sau (chứng đắc Alahan lâu hơn)

3/ VÔ HÀNH BANG BẤT HOÀN: không cần phải tinh tấn nhiều vẫn đắc Alahan

4/ HỮU HÀNH BANG BẤT HOÀN: cần phải tinh tấn nhiều mới đắc Alahan

5/ THƯỢNG LƯU BANG BẤT HOÀN: phải sanh lên cõi cao hơn đến Cõi sắc cứu cánh thiên mới chứng đắc quả Alahan

4/ TÂM TỨ QUẢ -
ARAHATTAPHALACITTAM -
 Vô sanh quả tâm
TÂM CỦA BẬC ALAHAN,
 Có 2:

1/ **BẬC LẠC QUÁN:** Alahan tuệ giải thoát (*bậc này chỉ tu thiền tứ niệm xứ, tu về thiền quán và chứng đắc đạo quả Alahan, những vị này không có tu tập về thiền chỉ*)

2/ **BẬC CÓ THIỀN CHỨNG:** tức bậc có thiền Hiệp thế Alahan tâm (gọi là A La Hán tâm giải thoát) (*tu về Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền*)

Alahan Tâm giải thoát: tùy theo quyền mạnh yếu, có 2 bậc

a. Alahan Tam minh: bậc này chứng đạt được Túc mạng minh, Sanh tử minh, Lộ tận minh

b. Alahan Lục thông: là bậc Alahan có đủ **6 Pháp thông:**

5 thần
thông
đầu
gọi là
Hiệp
thế
thông

1/ **Thiên nhãn thông** (*mắt trời, thấy được đời sống chúng sanh, thấy được thân tướng của chúng sanh, những sắc tế dù cho loài hoá sanh vẫn thấy được, thấy được duyên nghiệp của chúng sanh hữu hình, hiểu được đời sống chúng sanh từ thô cho đến tế*)

2/ **Thần túc thông** (*thần thông làm được những điều phi thường*)

3/ **Tha tâm thông** (*biết được tâm của người khác khi họ chỉ khởi tư tưởng lên là bắt được tư tưởng liền*)

4/ **Túc mạng thông** (*biết được đời sống quá khứ của mình, biết được tiền kiếp của mình*)

5/ **Thiên nhĩ thông** (*nghe được rất nhiều thứ âm thanh đặc biệt, hoặc tiếng nói của chư thiên, những âm vang ở 1 nơi rất xa*)

6/ **Lộ tận thông** (*chỉ có những vị Alahan mới có được, thắng trí, đoạn trừ các lậu hoặc, diệt trừ phiền não*)

BẬC ALAHAN TỨ TUỆ PHÂN TÍCH
 Là vị Alahan có tuệ quyền mạnh,
 thông đạt được 4 điều

1/ **Thông đạt nghĩa lý:** nghĩa vô ngại giải (*không có gì cản trở được, có thể giải nghĩa được hết*)

2/ **Thông đạt pháp:** pháp vô ngại giải (*tất cả pháp tục đế, chân đế, vô vi, hữu vi họ đều thông đạt và giải thích 1 cách rõ ràng*)

3/ **Thông đạt từ ngữ:** từ vô ngại giải (*từ ngữ giải nghĩa 1 cách thông suốt, dù bất kỳ 1 ngôn ngữ nào, đạt đến trình độ siêu thoát*)

4/ **Thông đạt biện tài:** biện vô ngại giải (*bất cứ đề tài nào đưa ra họ đều biện giải được 1 cách sáng suốt, minh bạch*)

3 bậc A LA HÁN
 tính theo Pārāmi
 (pháp độ)

Bậc Toàn
giác: 30
Pārāmi:
hạ,
trung,
thượng

Bậc Độc
giác: 20
Pārāmi:
hạ,
trung

Bậc Thịnh
văn giác:
10
Pārāmi:
hạ

5 bậc A LA HÁN

A la hán
Câu phần
giải thoát
(đắc 8 thiền
hoặc chưa
đủ 8 thiền)

A la
hán
Tam
minh

A la
hán
Lục
thông

A la
hán
Tuệ
phân
tích

A la
hán
Nhất
minh

BẢNG TỔNG KẾT TÂM

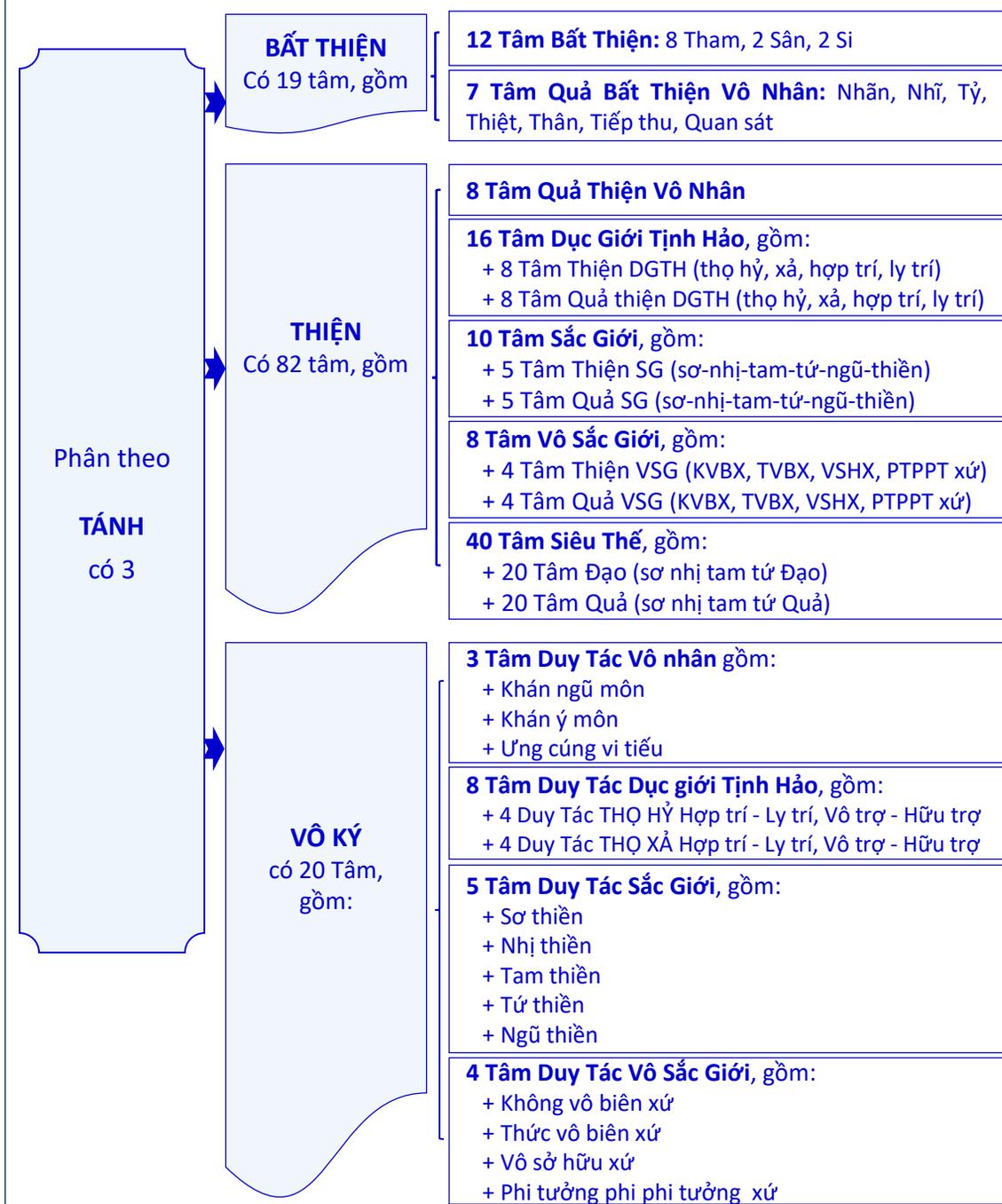
89 tâm (4 đạo 4 quả) gồm:

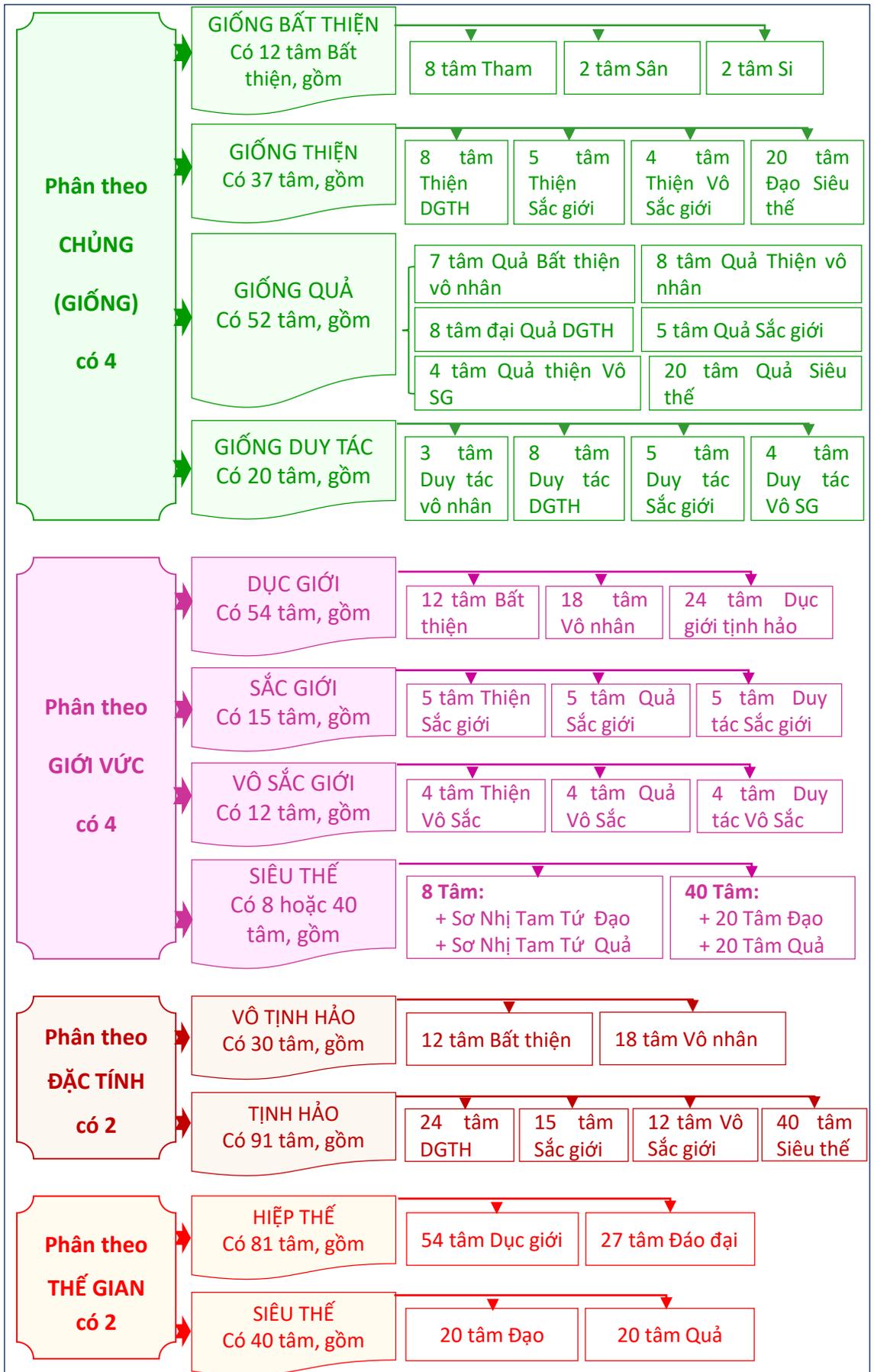
- + 54 Tâm Dục giới
- + 15 Tâm Sắc giới
- + 12 Tâm Vô Sắc giới
- + 4 Đạo, 4 Quả

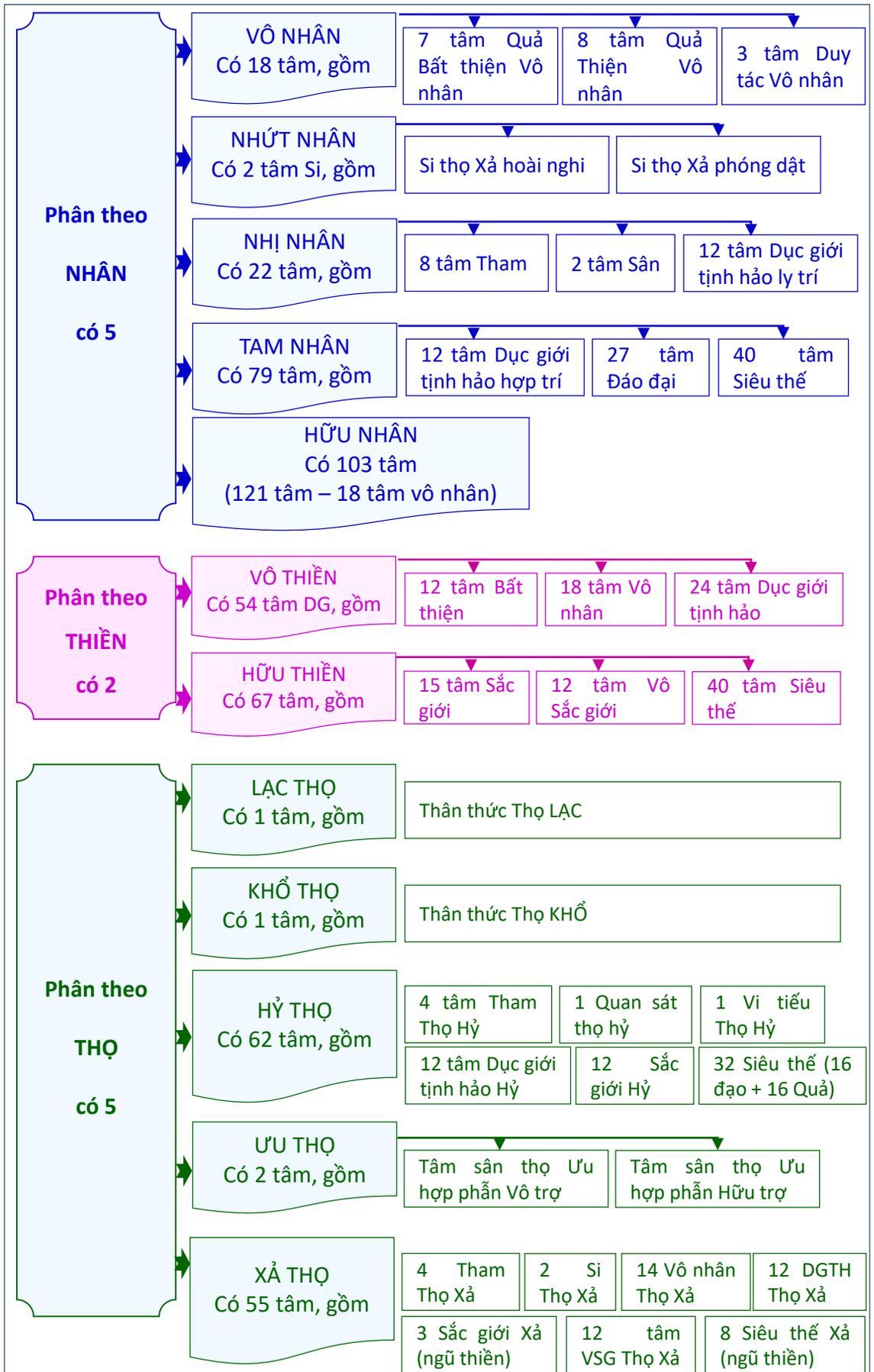
hoặc

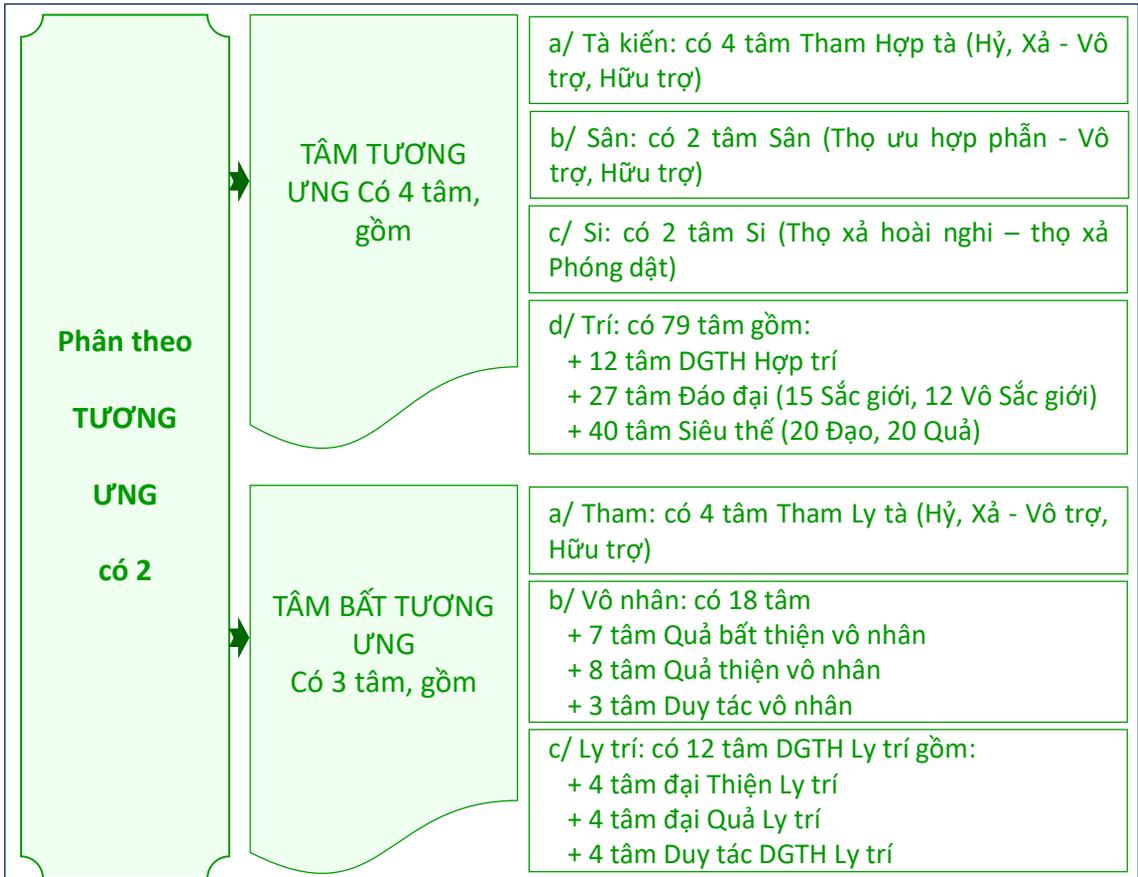
121 tâm (20 đạo 20 quả) gồm:

- + 54 Tâm Dục giới
- + 15 Tâm Sắc giới
- + 12 Tâm Vô Sắc giới
- + 20 Đạo, 20 Quả









BÀI GIẢNG VI DIỆU PHÁP

PHẦN 2: TÂM SỞ

Room Paltalk: PHATGIAONAMTRUYENNT

Thời gian: Tháng 01/2019 – Tháng 08/2020

Room Paltalk: NGUYENNHUKYVIEN

Thời gian: Tháng 04/2019 – Tháng 04/2020

Giảng sư: **KING MILANDA A**

BÀI GIẢNG VI DIỆU PHÁP – PHẦN II : TÂM SỞ

Giảng sư: KING MILANDA A - FB HOÀNG ĐẶNG

BUỔI 28 – 06.04.2019 – Room NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/747155559045789>

TÂM SỞ - CETASIKA

EKUPPĀDA-NIRODHĀ CA EKĀLAMBANAVATTHUKĀ. CETOYUTTĀ DVIPAÑÑĀSA DHAMMĀ CETASIKĀ MATĀ

NĂM MƯƠI HAI TRẠNG THÁI TÂM (YẾU TỐ TINH THẦN) ĐỒNG LIÊN HỢP VỚI TÂM VƯƠNG, ĐỒNG PHÁT SANH VÀ ĐỒNG HOẠI DIỆT CÙNG TÂM VƯƠNG, ĐỒNG CÓ MỘT ĐỐI TƯỢNG VÀ MỘT CĂN CÙNG TÂM VƯƠNG, ĐƯỢC GỌI LÀ TÂM SỞ

Cetasika: cái gì liên kết với Tâm, hoà hợp với thức là Cetasika

Có 3 nhóm:

Nhóm 1: có 13 tâm
TÂM SỞ TỢ THA
AÑÑASAMĀNA
CETASIKA

Nhóm 2: có 14 tâm
TÂM SỞ BẤT THIỆN
AKUSALA CETASIKA

Nhóm 3: có 25 tâm
TÂM SỞ TỊNH HẢO
SOBHANA CETASIKA

Một số ý nghĩa về Tâm sở

các yếu tố tâm lý bổ túc, tô điểm, tô màu, tạo phẩm chất, tạo nên sự đặc thù riêng cho tâm, hoà trộn với tâm

có cùng với Tâm gọi là Tâm sở

khăng khít với Tâm cũng gọi là Tâm sở

không xa lìa nơi trú của Tâm nương trú gọi là Sở hữu Tâm

Ví dụ: 1 ly nước lạnh trong suốt được ví như Tâm (sự biết cảnh đơn thuần), sau khi ta bỏ đường, chanh hay sữa thì nó sẽ ra ly nước chanh hay loại nước khác (thì đường muối chanh... được ví là Tâm sở, khăng khít với Tâm – nước)

CÓ 4 SỰ ĐỒNG VỚI TÂM

1/ **đồng SANH**: khi Tâm sanh thì Tâm sở đồng sanh với Tâm

2/ **đồng DIỆT**: khi Tâm diệt thì Tâm sở diệt

3/ **đồng BIẾT**: Tâm biết cảnh nào Tâm sở biết cảnh đó

4/ **đồng NƯƠNG CĂN** (trừ Cõi Vô Sắc): Tâm nương căn nào thì Tâm sở nương căn đó. Ví dụ:

* Tâm nương ở sắc ý vật thì **TÂM SỞ CŨNG NƯƠNG Ở SẮC Ý VẬT**,

* Tâm nương ở nhãn căn thì **TÂM SỞ CŨNG NƯƠNG Ở NHÃN CĂN**,

* Tâm nương ở nhĩ căn thì **TÂM SỞ CŨNG NƯƠNG Ở NHĨ CĂN**.

☞ KHI NÀO CÓ ĐỦ TỐI THIỂU 3 SỰ ĐỒNG VỚI TÂM GỌI LÀ TÂM SỞ



- a. TRẠNG THÁI: gắn kết với Tâm, nương nơi Tâm
- b. PHẬN SỰ: không lia Tâm
- c. SỰ THÀNH TỰU: biết chung 1 cảnh với Tâm (Tâm biết cảnh nào thì Tâm sở biết cảnh đó)
- d. NHÂN CẦN THIẾT: có Tâm sanh

NHÓM 1:
TÂM SỞ TỰ THA - AÑÑASAMĀNA CETASIKA
 AÑÑĀ: 1 cái khác
 SAMĀNA: chung
 AÑÑASAMĀNA: chung với cái khác
 Tự: tương tự, Tha: cái khác
 Tự tha: tương tự giống như cái khác, cái khác ra sao thì nó là như vậy.
 Có 2 nhóm:

I. TÂM SỞ BIẾN HÀNH - SABBACITTASĀDHĀRAṆA.
 SABBACITTA: tất cả tâm/
 SĀDHĀRAṆA: chung, công cộng
 Biến: có mặt khắp nơi/
 Hành: di chuyển, đi. Tâm sở biến hành là Tâm sở có mặt trong tất cả các loại Tâm (121 tâm), hợp với tất cả tâm nên gọi là Biến hành
 Có 7:
 1/ Xúc - PHASSA
 2/ Thọ - VEDANĀ
 3/ Tưởng - SAÑÑĀ
 4/ Tư - CETANĀ
 5/ Nhất hành - EKAGGATĀ
 6/ Mạng quyền - JĪVITINDRIYA
 7/ Tác ý - MANASIKĀRA

II. TÂM SỞ BIỆT CẢNH - PAKIṆṆAKA CETASIKA.
 Có 6:
 1/ Tầm - VITAKKA
 2/ Tứ - VICĀRA
 3/ Thắng giải - ADHIMOKKHA
 4/ Cần - VIRIYA
 5/ Hỷ - PITI
 6/ Dục - CHANDA

I. TÂM SỞ BIẾN HÀNH - SABBACITTASĀDHĀRAṆA.

I.1/ TÂM SỞ XÚC - PHASSA:
 Phas: chạm vào, tiếp xúc, chạm, đụng cảnh.
 Khi nào có sự tiếp chạm giữa Tâm & Cảnh khi đó có Tâm Sở xúc

Đối với CÕI NGŨ UẨN
 (5 uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn)

◆ khi có sự tiếp xúc giữa Căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn – mắt tai mũi lưỡi thân), Cảnh (sắc, thanh, hương, vị, xúc – đối tượng của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) thì có Thức sanh khởi (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức) thì khi đó Tâm Sở Xúc có mặt => phải có sự tiếp xúc của Căn – Cảnh – Thức.

◆ đối với Cảnh pháp: chỉ cần Cảnh và Tâm thì Tâm sở xúc có mặt (những cảnh sinh khởi bên trong Tâm thì chỉ cần Cảnh và Tâm)

Đối với CÕI TỨ DANH UẨN (không có Sắc uẩn, thuộc Cõi Vô sắc, sống bằng Tâm, không có Sắc pháp): chỉ cần có Cảnh và Tâm xúc chạm nhau thì khi đó có Tâm sở xúc

◆ Xúc Tâm sở dẫn đầu, không có xúc, tâm lộ không sanh (nếu không có sự xúc chạm của căn, cảnh, thức thì Tâm lộ sẽ không phát sanh)

TẤT CẢ CÁC PHÁP LẤY XÚC LÀM TẬP KHỞI

◆ Tâm Sở Xúc ưu tiên không có nghĩa là nó sanh trước các Tâm Sở khác (có nghĩa là tất cả sanh cùng 1 lúc trong 1 sát na chứ không riêng tâm sở xúc)

◆ Cảnh + Thân căn = 0 (ví dụ: sự xúc chạm đụng vào thân căn mà không có thức thì Tâm sở xúc không phát sanh - như người hôn mê có chạm vào cũng không biết)

◆ Tâm sở xúc là khác, mà sự xúc chạm là khác (Tâm sở xúc thuộc về Danh Pháp, phải có sự biết, sự tri giác)



XÚC
 có 6 loại:

<p>1/ NHÃN XÚC: cảnh sắc + thần kinh nhãn (hay nhãn xứ) (được định danh là nhãn xúc)</p>	<p>2/ NHĨ XÚC: cảnh thanh + thần kinh nhĩ (nhĩ xứ) khi có âm thanh đi vào thần kinh nhĩ, tiếp xúc hệ thần kinh nhĩ, truyền tín hiệu vào trong dòng tâm thức của mình thì lúc đó nhĩ xúc phát sinh) => được định danh là nhĩ xúc</p>	<p>3/ TỶ XÚC: cảnh hương + thần kinh tỷ (tỷ xứ) Mùi hương bay vào đụng vào thần kinh tỷ trong mũi, sẽ phát sinh tỷ xúc</p>	<p>4/ THIẾT XÚC: cảnh vị + thần kinh thiệt (thần kinh trải dài trên lưỡi) (thiệt xứ)</p>	<p>5/ THÂN XÚC: cảnh xúc + thần kinh thân chỉ có 3 đại tạo nên cảnh xúc là Đất (cứng-mềm), Lửa (nóng-lạnh), Gió (di động, di chuyển)</p>	<p>6/ Ý XÚC: cảnh pháp + ý xứ (tâm hộ kiếp)</p>
---	--	---	--	---	---

XÚC PHÂN THEO CỐI có 3:

✦ CỐI DỰC GIỚI: có đủ 6 xúc (6 căn + 6 cảnh = 6 xúc)

✦ CỐI SẮC GIỚI: có 3 căn + 3 cảnh = 3 xúc (nhãn, nhĩ, ý) (cối phạm thiên tu thiền Sắc giới họ chỉ có nhãn, nhĩ và ý căn)

✦ CỐI VÔ SẮC GIỚI: có 1 xúc (cảnh pháp + ý xứ = ý xúc) (cối không có sắc pháp)

XÚC PHÂN THEO HƯỚNG có 2:

✦ 5 XÚC: thuộc ngoại hướng xúc

✦ Ý XÚC: thuộc nội hướng xúc

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ XÚC

a. TRẠNG THÁI: sự xúc chạm cảnh

b. PHẬN SỰ: gom thâu các tâm sở khác kết dính vào tâm để tiếp xúc căn và cảnh

c. SỰ THÀNH TỰU: Tâm, Tâm Sở, Căn, Cảnh hợp lại

d. NHÂN CẦN THIẾT: có cảnh trợ bầy khác nhau

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

↳ Mỗi căn xúc chỉ biết cảnh riêng của nó (nhãn xúc biết cảnh sắc, nhĩ xúc biết cảnh thanh, tỷ xúc biết cảnh hương, thiệt xúc biết cảnh vị, thân xúc biết cảnh xúc)

↳ Riêng Ý XÚC biết cả 6 Cảnh (vì do cảnh chạm vào ý xứ (tâm hộ kiếp) và nó có nhiều tâm sở đồng sanh hơn các căn kia)

↳ Có mặt trong 121 Tâm

↳ Đồng hiện hữu với 51 Tâm Sở (trừ Xúc) (trong tâm tham nó cũng sanh chung, hay tâm sân nó cũng cùng sanh chung...)

↳ Hiệp cùng 3 thể tánh: Thiện, Bất thiện, Vô ký

↳ Xúc duyên cho Thọ (không có xúc thì không thể có thọ, không có thọ thì không có thể phát sanh những vấn đề xảy ra về sau)

↳ Xúc thuộc hành uẩn (ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức)

↳ Tương ưng với Tứ danh uẩn

↳ Bất tương ưng sắc uẩn (bởi nó thuộc về Danh Pháp, không tương ưng với sắc Pháp)

I.2/ TÂM SỞ THỌ - VEDANĀ

từ căn vid = hưởng cảnh là thọ
VEDANĀ: hưởng cảnh, gọi là Thọ

Khi có cảnh đến tiếp xúc vào dòng Tâm thức mình thì Tâm sở Thọ sẽ thọ lãnh cảnh đó, hưởng thọ cảnh đó

◆ Xúc là vật thực cho Thọ (*chính do có sự xúc này mới phát sanh cái thọ, Xúc làm duyên cho Thọ*), còn gọi là Xúc thực.

◆ Thọ là 1 uẩn trong 5 uẩn (5 uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức)

◆ Niết bàn không là Thọ (*Niết Bàn là trạng thái, đối tượng của tâm siêu thế, là trạng thái Vô sanh bất diệt*), Thọ có thể hưởng cảnh Niết bàn (*cảm thọ đồng sanh trong tâm siêu thế, có thể hưởng cảnh niết bàn*), nhưng Niết Bàn không hề có thọ trong đó.

PHÂN LOẠI THỌ

<p>THỌ có 2: 1/ Thân thọ 2/ Tâm thọ</p>	<p>THỌ có 3: 1/ Khổ thọ 2/ Lạc thọ 3/ Xả thọ</p>	<p>◆ Khía cạnh về ngũ song thức: Khổ thọ và Lạc thọ thuộc về Thân thức</p> <p>◆ Xả thọ thuộc về 4 song thức còn lại (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt)</p>	<p>THỌ có 5: 1/ Khổ thọ 2/ Lạc thọ 3/ Hỷ thọ 4/ Ưu thọ 5/ Xả thọ (thuộc cả 2: thân & tâm)</p>	<p>Thân thọ</p> <p>Tâm thọ</p>	<p>THỌ có 6: 1/ Nhãn thọ 2/ Nhĩ thọ 3/ Tỷ thọ 4/ Thiệt thọ 5/ Thân thọ 6/ Ý thọ</p>
--	---	--	--	--------------------------------	--

Phần đặc biệt có 108 thọ

6 CẢNH (sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp)	x 3 THỌ (khổ, lạc, xả)	= 18 THỌ
18 THỌ	x 2 (nhiễm 6 cảnh và không nhiễm 6 cảnh)	= 36 THỌ
36 THỌ	x 3 THỜI (quá khứ, hiện tại, vị lai)	= 108 THỌ

TỬ Ý NGHĨA THEO 5 THỌ

1. THỌ KHỔ

- a. TRẠNG THÁI: nhân cảnh xúc xấu
- b. PHẬN SỰ: Tạo sự héo sầu cho các pháp tương ưng
- c. SỰ THÀNH TỰU: có thân thọ khổ
- d. NHÂN CẦN THIẾT: có thần kinh thân

2. THỌ LẠC

- a. TRẠNG THÁI: hưởng cảnh tốt
- b. PHẬN SỰ: tạo sự phát triển cho các pháp tương ưng
- c. SỰ THÀNH TỰU: có thân thọ lạc
- d. NHÂN CẦN THIẾT: có thần kinh thân

THỌ KHỔ - THỌ LẠC thuộc về Thân. Khi có sự chạm vào Thân:
 + Nếu cảnh Xúc xấu không tốt, gây sự đau đớn khổ sở thì thuộc về Thọ Khổ
 + Nếu cảnh Xúc tốt đẹp thuộc về Thọ Lạc

3. THỌ HỖ

- a. TRẠNG THÁI: cảm thọ vui nhận hưởng cảnh mong muốn
- b. PHẬN SỰ: thọ dụng cảnh đáng mong mỏi
- c. SỰ THÀNH TỰU: tâm được vui
- d. NHÂN CẦN THIẾT: thân yên tĩnh, tâm an lạc

**MUỐN
TÂM YÊN
LẶNG
PHẢI
ĐƯỢC 6
KHÔNG**

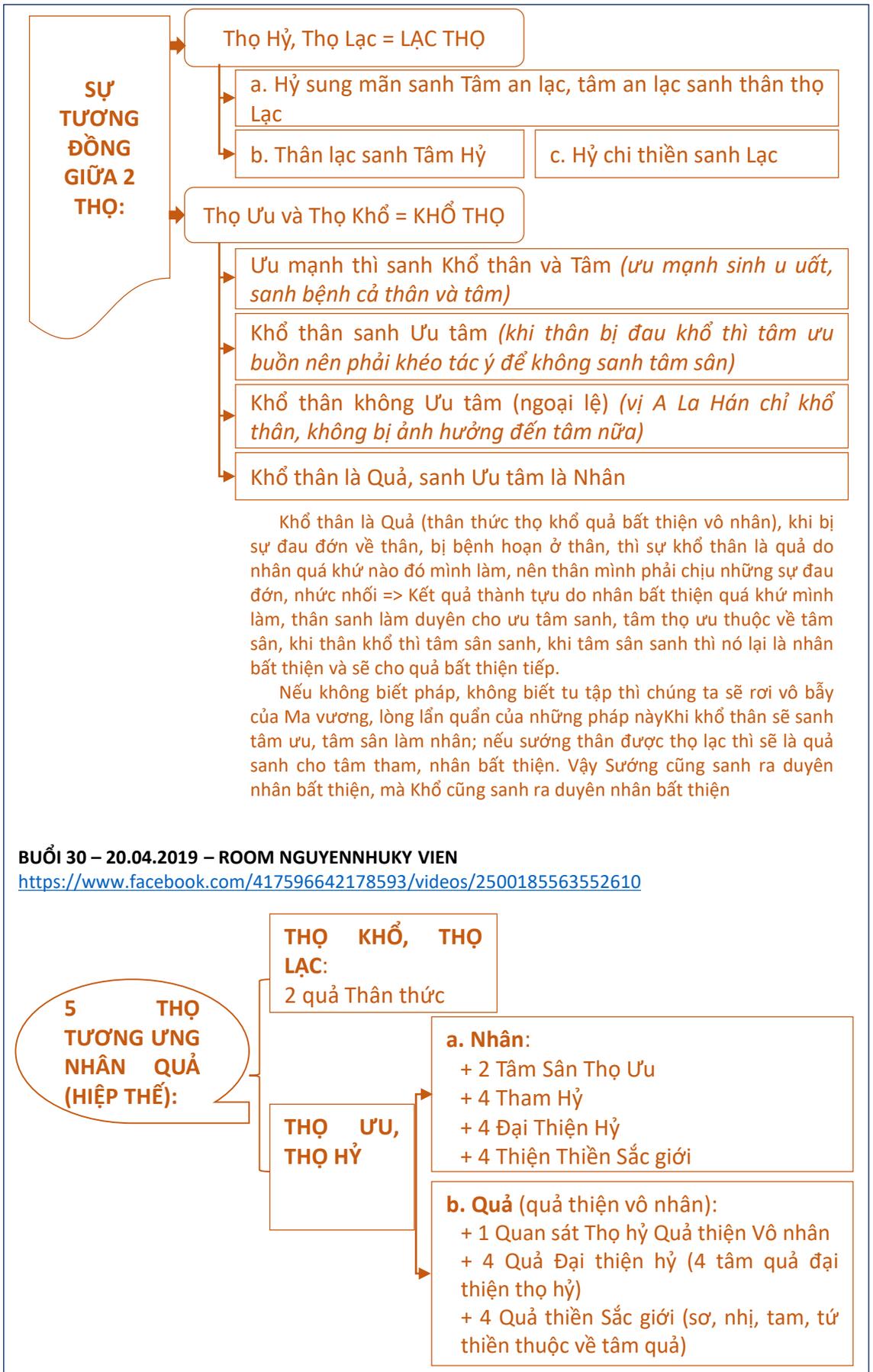
- a. Không gặp suy sụp về tài sản - BHOGABYASANAM
- b. Không gặp tổn giảm về thân tộc - NĀTIBYASANAM
- c. Không bị bất hạnh về bệnh hoạn - ROGABYASANAM
- d. Không có hư hoại về giới - SĪLABYASANAM
- e. Không có hư hoại về tri kiến - DIṬṬHABYASANAM
- f. Không bị phiền não dấy loạn - KILESABYASANAM

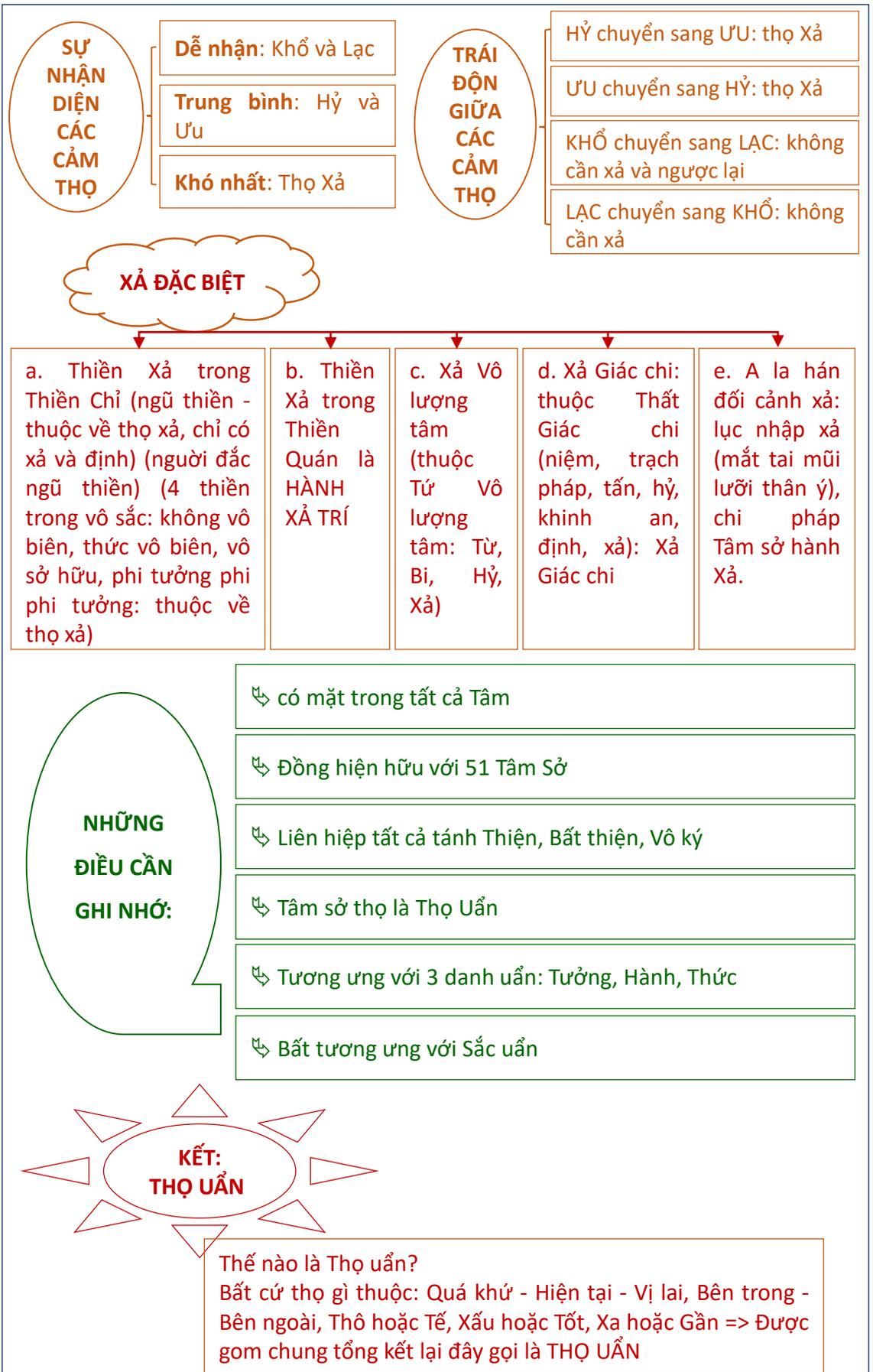
4. THỌ ƯU

- a. TRẠNG THÁI: thọ cảnh phiền muộn không đáng ưu
- b. PHẬN SỰ: tiếp thu cảnh không hài lòng
- c. SỰ THÀNH TỰU: có sự khổ tâm
- d. NHÂN CẦN THIẾT: có sắc ý vật

5. THỌ XẢ

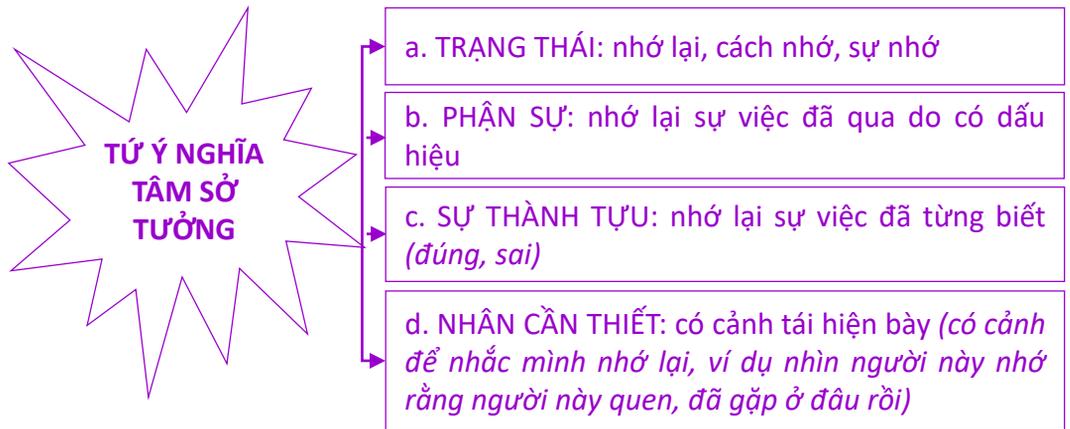
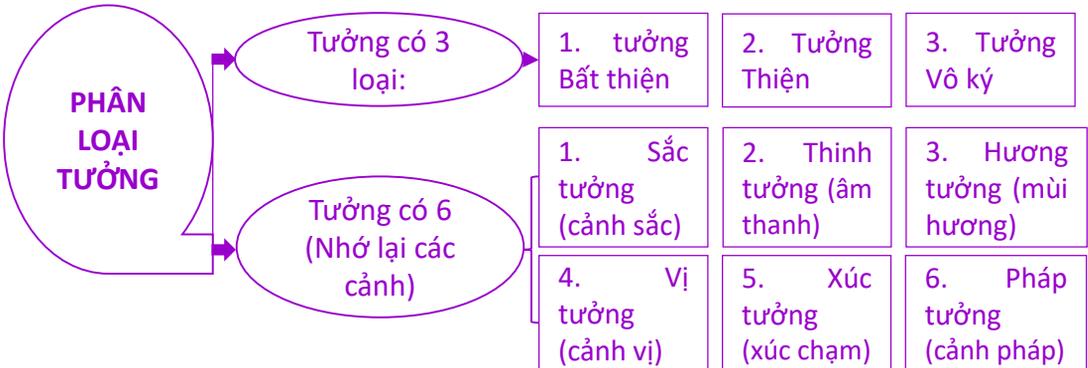
- a. TRẠNG THÁI: nhận cảnh thân nhiên
- b. PHẬN SỰ: cân bằng các Pháp tương ưng
- c. SỰ THÀNH TỰU: là vắng lặng
- d. NHÂN CẦN THIẾT: xa lìa sự hoan hỷ





I.3/ TÂM SỞ TƯỚNG - SAÑÑĀ

♦ saññā = saṃ + ñā: biết cái đã từng biết, nhớ lại, nhận ra vật gì đó, hay nhớ lại qua dấu hiệu đã từng biết.



TƯỚNG CÓ 2 MẶT: đúng và sai

Ví dụ: như kiểu thầy bói xem voi, tướng cái voi là con voi... là tướng sai, ban đêm thấy cọng dây tưởng con rắn

SỰ LIÊN HỆ TƯỚNG - THỨC - TRÍ:
thí dụ đồng tiền

TƯỚNG TRI nhận ra đồng tiền qua cái biết của tướng	THỨC TRI nhận biết đồng tiền là có giá trị	TUỆ TRI là trí phân tích đồng tiền...
--	--	---

3 PHÁP TƯỚNG LÀM HẠI CHÚNG SANH:

Dục tướng, sân tướng và não hại tướng => làm chúng ta bị đau khổ, đắm chìm, sự bất lợi trong đời sống

DỤC TƯỚNG sự tưởng nhớ về sắc, thinh, hương, vị, xúc ... dục	SÂN TƯỚNG nhớ đến sự sân hận, bực bội, sự khó chịu, uất ức ...	NÃO HẠI TƯỚNG: nhớ đến việc thù hằn, muốn làm hại người này người kia...
--	--	--

3/ TÂM SỞ TƯỚNG - SAÑÑĀ

10 TƯỚNG ĐƯA ĐẾN LỢI ÍCH LỚN

1. **Tướng bất tịnh:** vd đối với tướng thân con người là tóc lông móng răng máu mủ ruột non ruột già... => giúp giảm sự tham ái đối với thân ngũ uẩn này.

2. **Tướng sự chết:** Niệm tướng về sự chết không phải để cho mình bi quan yếm thế, mà là giúp cho mình tinh cần tinh tấn trong thiện pháp, cố gắng tu cho tốt ráo hơn, nhanh lẹ hơn => làm động cơ phát triển khả năng về sự tinh cần

3. **Tướng nhàm chán trong vật thực**

4. **Tướng không hoan hỷ với các pháp thế gian:** Suy nghĩ pháp thế gian này chỉ là những thú vui tạm bợ, không có thật => vì hoan hỷ với nó càng nhiều thì sự dính mắc trong thế gian pháp càng nặng, khó giải thoát

5. **Vô thường tướng:** Tướng về sự thay đổi biến đổi, vô thường

6. Khổ tướng trên vô thường

7. Vô ngã tướng trên khổ

8. Tướng đoạn tận

9. Tướng ly tham

10. Tướng đoạn diệt

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

Đặc biệt Niết bàn, Tướng vẫn biết được đó là Niết Bàn

↪ Trong ngũ uẩn: tướng là một trong năm uẩn

↪ Tướng có mặt trong 121 tâm (tất cả các tâm)

↪ Đồng hiện hữu với các Tâm Sở

↪ Hiệp cùng các thể tánh Thiện, Bất Thiện, Vô ký

↪ Tương ứng với 3 uẩn: Thọ, Hành, Thức

↪ Bất tương ứng với Sắc uẩn

↪ Tướng vẫn sanh với đối tượng dù mới gặp lần, qua ít nhiều dữ kiện

KẾT: THỌ UẨN

Thế nào là Tướng uẩn? Bất cứ tướng gì thuộc: Quá khứ - Hiện tại - Vị lai, Bên trong - Bên ngoài, Tho - Tế, Xấu - Tốt, Xa - Gần => Được gom chung lại thành 1 nhóm, đây gọi là Tướng uẩn

I.4/ TÂM SỞ TƯ - CETANĀ CETASIKA

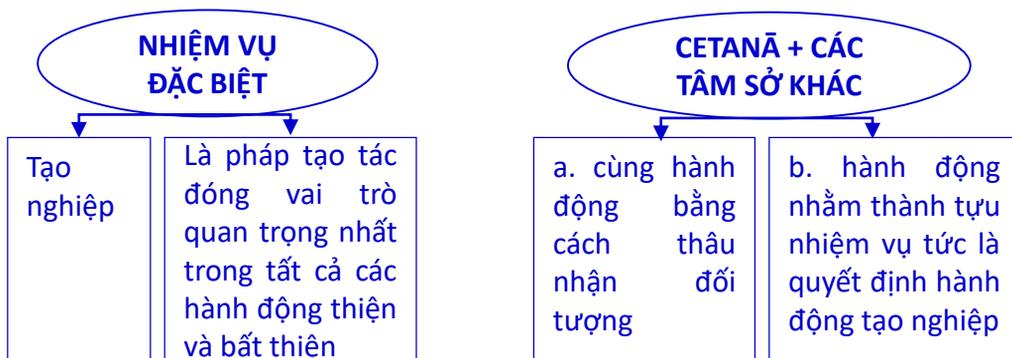
Cetanā (Tư), Citta (Tâm), Cetasika (Tâm sở): 3 chữ này xuất nguyên từ căn chữ CIT: nghĩa là suy gẫm, suy tư, là Tâm sở quan trọng nhất

♦ **Suy gẫm:**

- a. cái hiện bày: suy gẫm cái gì đang hiện bày trước mắt
- b. cái ẩn tàng: ẩn tàng bên trong tâm của mình
- c. tạo hành động

♦ **Suy tư:**

- a. tác hành nhiệm vụ của mình
- b. phối trí sinh hoạt của các Tâm Sở khác đồng phát sanh



TRONG HIỆP THỂ

Cetanā cực kỳ quan trọng, vì nó tạo nghiệp và tích lũy nghiệp.

TRONG SIÊU THỂ

đôn đốc các pháp đồng sanh, do vậy nó không tạo nghiệp (*sơ nhị tam tứ đạo, sơ nhị tam tứ quả thì Tâm sở Tư không làm nhiệm vụ tạo nghiệp nữa, chỉ đôn đốc thúc đẩy các pháp đồng sanh để tạo sự thành tựu chứng đắc đạo quả*)

TRONG TÂM QUẢ

Cetanā cũng không làm việc tạo nghiệp, chỉ thúc giục các Tâm sở đồng sanh làm nhiệm vụ cho Tâm quả được viên thành và vì thuộc tâm thụ động.

TRONG TÂM DUY TÁC

- a. Tâm của các bậc Alahan không còn tạo nghiệp (*tâm này đã đoạn trừ tất cả các kiết sử phiền não lậu hoặc không còn dư sót, nên Tâm sở Tư trong tâm của các vị Alahan không còn tạo nghiệp được*)
- b. Khán Ngũ môn và Khán Ý môn thì là loại tâm này làm việc theo phản ứng máy móc (*chỉ làm việc phản ứng do tác động của cảnh đi vào dòng tâm thức, không tạo nhân cho quả*)

**4/ TÂM SỞ TƯ
CETANĀ CETASIKA**

Cetanā (Tâm sở Tư) trong 12 nhân duyên

(Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão tử)

a. **là hành - Saṅkhāra**: có 3 là :

- + Phi phúc hành (*là những hành động gọi là phi phúc, bất thiện như là tham sân si*)
- + Phúc hành (*những hành động thiện dục giới hoặc thiện sắc giới*)
- + Bất động hành (*thiện vô sắc*)

b. **Hữu - Bhava**: Cetanā này là Nghiệp hữu

HÀNH duyên THỨC

Như vậy CETANĀ duyên THỨC (thức tục sinh, thức tái tạo)

VÔ MINH duyên HÀNH

Như vậy VÔ MINH duyên CETANĀ

Tâm sở Tư trong 5 uẩn (ngũ uẩn) có

HÀNH UẨN là 50 Tâm sở (trừ tâm sở Thọ, tâm sở Tưởng), nhưng quan trọng nhất là Tâm sở Tư (*nó tạo tác, tạo nghiệp, gây nên những nghiệp để đưa chúng sanh đi chịu sự đau khổ, hạnh phúc hoặc tái sanh luân hồi trong Tam giới*)

SẮC UẨN: thuộc Sắc pháp

DANH UẨN: Thọ - Tưởng - Hành - Thức

ĐỨC PHẬT CÓ DẠY: CHÚNG SANH CÓ NGHIỆP LÀ THAI TẠNG - NGHIỆP LÀ CETANA

NGHIỆP có 2 loại:

1/ **NGHIỆP ĐỒNG SANH**: Tâm sở tư đồng sanh với Tâm thiện và Bất thiện (*để tạo nghiệp*)

2/ **NGHIỆP BIỆT THỜI** (*khác thời*): là mãnh lực sẽ tạo Quả (*quả về sau như vui buồn*) và Sắc Nghiệp do Tâm sở Tư hợp với Tâm Bất thiện hay Thiện để lại di hường, ảnh hưởng về sau.

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ TƯ

a. **TRẠNG THÁI**: sự tác động, điều hành, đôn đốc đến các pháp tương ưng (*những pháp đồng sanh chung*)

b. **PHẬN SỰ**: tập hợp các pháp đồng sanh cùng hưởng về cảnh bắt lấy đối tượng

c. **SỰ THÀNH TỰU**: có sự phối hợp, điều khiển, sắp đặt các pháp tương ưng

d. **NHÂN CẦN THIẾT**: có 3 danh uẩn là Thọ, Tưởng và Thức uẩn (*vì nó là Hành uẩn nên cần phải có Thọ Tưởng và Thức*)

4/ TÂM SỞ TƯ CETANĀ CETASIKA

PHÂN LOẠI

có 6
(6 cảnh
nương
với 6
căn)

1/ SẮC TƯ (phần Sắc pháp: đối tượng của con mắt): Sở Hữu Tư hiệp Nhãn Thức để tác thành sự ghi nhận Cảnh Sắc (*tâm sở Tư hiệp với nhãn thức để tác thành sự ghi nhận cảnh sắc*)

2/ THINH TƯ: Sở Hữu Tư hiệp Nhĩ Thức (*nhĩ thức thọ xả quả thiện, quả bất thiện*) để tác thành sự ghi nhận Cảnh Thinh.

3/ KHÍ TƯ: Sở Hữu Tư hiệp Tỷ Thức để tác thành sự ghi nhận Cảnh Khí (*tâm thuộc tỷ thức nương với tỷ căn để tác thành sự ghi nhận cảnh khí*)

4/ VI TƯ: Sở Hữu Tư hiệp Thiết Thức để tác thành sự ghi nhận Cảnh Vị (*Tâm để nương thần kinh thiết để bắt cảnh vị*)

5/ XÚC TƯ: Sở Hữu Tư hiệp Thân Thức để tác thành sự ghi nhận Cảnh Xúc (*đất, lửa, gió*) (*tâm sở Tư hiệp với thân thức để tác thành sự ghi nhận cảnh xúc, cảnh xúc ở đây là sự xúc chạm, mà sự xúc chạm là Đất Lửa Gió mới tạo được cảnh xúc, Nước không thể tạo cảnh xúc vì nước là phần sắc tế*)

6/ PHÁP TƯ: Sở Hữu Tư hiệp Ý Thức để tác thành sự suy nghĩ, hồi tưởng, ghi nhận Cảnh Pháp (*nội phần bên trong*)

PHẦN HÀNH CETANA

a. trong tâm **Bất thiện và thiện thuộc Hiệp thể** (tâm thuộc hiệp thể): tạo nghiệp, lưu giữ chủng tử và tác thành cho quả về sau.

b. trong **Siêu thể**: Tuệ (*tâm sở trí tuệ - tuệ quyền*) diệt các kiết sử (*thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái và sân, ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh*), Cetanā chỉ hỗ trợ điều hành các pháp tương ưng và nhất là bát chánh đạo (*chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định*)

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

↳ Tư xuất hiện trong tất cả Tâm

↳ Đồng hiện hữu với 51 Tâm Sở còn lại

↳ Liên hiệp với các thể tánh Thiện, Bất Thiện, Vô ký

↳ Tương ưng với Tứ Danh uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức)

↳ Bất tương ưng với Sắc uẩn

I.5/ TÂM SỞ NHẤT HÀNH (ĐỊNH) - EKAGGATĀ

=> eka = một (1) ;
agga= cao tột

=> ekaggatā = là điểm cao tột, nhứt điểm, nhứt hành, định

◆ Sự gom Tâm và Tâm sở an trú vào 1 điểm, 1 đối tượng là Ekaggatā (*chú tâm trên 1 đối tượng, 1 đề mục, 1 vấn đề nào đó thì được gọi là Ekaggatā*)

◆ Xâu kết các pháp liên kết nhau cùng an trú trong cảnh là Ekaggatā (*vì không có pháp nào sanh lên mà chỉ có mình nó, phải có rất nhiều chi pháp khác đồng sanh chung, xâu kết những pháp liên kết lại*)

◆ Giữ Tâm quân bình không lay động trong cảnh là Ekaggatā (*không bị chao đảo, không bị bắt cảnh này cảnh kia*)

◆ Gìn giữ các Pháp trên một đối tượng là Ekaggatā (*phải có sự chú Tâm, sự gom Tâm, sự xâu kết, sự gìn giữ các Pháp trên 1 đối tượng mới được gọi là Nhất Hành*)

PHÂN LOẠI ĐỊNH

a/ ĐỊNH THÔNG THƯỜNG (*sát na định*): thông thường làm việc gì cũng cần có đỉnh để tập trung làm (*vẽ, hát, chơi đàn ... vẫn có định, định trên 1 sát na*)

b/ CẬN ĐỊNH: tu tập thiền định đi vô gần tới nhập định, gần sát nhập định

c/ NHẬP ĐỊNH (*trú trên 1 đối tượng duy nhất*): có sự chú tâm hoàn toàn trên đề mục

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ NHẤT HÀNH

a. TRẠNG THÁI: không loạn động, không chao động trước đối tượng

b. PHẬN SỰ: gom các Danh pháp đồng sanh quy về 1 mỗi (*gom những Tâm sở và Tâm đồng sanh chung với nó quy về 1 đối tượng duy nhất*)

c. SỰ THÀNH TỰU: hiện bày sự yên tĩnh, yên trú vững vàng trong cảnh

d. NHÂN CẦN THIẾT: có Thọ Lạc, sự an lạc, an vui và nhất là sự vắng mặt của Si Phóng dật và Si Hoài nghi (*phải có thọ lạc mới có thể đạt cận định hay định được, và phải có sự vắng mặt của Si phóng dật và Si hoài nghi mới có định được -> phải giữ thân cho được an lạc*)

ĐỨC PHẬT CÓ DẠY :

"THÂN YÊN LẠNG DẪN ĐẾN TÂM YÊN LẠNG, TÂM YÊN LẠNG DẪN ĐẾN PHIÊN NÃO YÊN LẠNG".

5/ TÂM SỞ NHẤT HÀNH (ĐỊNH) - EKAGGATĀ

Đối nghịch của EKAGGATĀ là: 2 si Tâm (Tâm si thọ xả hoại nghi, Tâm si thọ xả phóng dật)

Định (Nhất hành) - EKAGGATĀ trong các Tâm: Thọ khổ (Thân thức thọ khổ), Thọ ưu (2 Tâm sân): để định trên 1 đối tượng
- Tâm sở tinh tấn: phối hợp để giúp Tâm định trên cảnh trái ý nghịch lòng
- Tâm sở Tư: lôi kéo điều hành

Định là thiền, là thiền chi (*các chi thiền*), là tên gọi của Thiền (*Sơ, Nhị, Tam, Tứ Thiền*)

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

↳ có mặt trong tất cả Tâm (*Tâm bất thiện, Tâm vô nhân, Tâm dục giới, Tâm đạo đọa, Tâm siêu thế* đều có mặt hết, làm việc để định trên 1 đối tượng: định thông thường, định cận định hoặc nhập định)

↳ Đồng hiện hữu với 51 Tâm Sở còn lại

↳ Liên kết cùng các thể tánh Thiện, Bất Thiện, Vô ký (tâm Quả hay Duy tác đều có mặt)

↳ Tương ưng với Tứ Danh uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức)

↳ Bất tương ưng với Sắc uẩn

1.6/ TÂM SỞ MẠNG QUYỀN – JĪVITINDRIYA

♦ JĪVITA: mạng, vì nó bảo tồn đời sống danh pháp tồn tại 3 sát na: sanh, trụ, diệt

♦ INDRIYA: quyền, vì có khả năng cai quản, kiểm soát các pháp đồng sanh cùng làm 1 phận sự

♦ JĪVITINDRIYA: cai quản sự tồn tại của các pháp gọi là Mạng quyền

PHÂN LOẠI MẠNG QUYỀN

1/ DANH MẠNG QUYỀN: bảo tồn đời sống danh pháp tồn tại 3 sát na tiểu (*sanh, trụ, diệt*)

2/ SẮC MẠNG QUYỀN: bảo tồn đời sống sắc pháp tồn tại 51 sát na tiểu (*bảng 17 sát na tâm*) 17 sát na tâm sanh diệt sanh diệt thì Sắc Pháp mới diệt, Sắc Mạng quyền gìn giữ Sắc pháp sanh khởi lên tồn tại trong 51 sát na tiểu

* 17 sát na tâm x 3 sát na tiểu = 51 sát na tiểu

* sát na Sanh (sát na tiểu đầu tiên): là khởi đầu của Sắc pháp

* sát na Diệt (cuối cùng): là sát na thứ 51 là Sắc pháp diệt

* 49 sát na giữa: gọi là sát na trụ

6/ TÂM SỞ MẠNG QUYỀN – JĪVITINDRIYA

* 1 Sắc pháp sanh lên, nó tồn tại cho đến 17 sát na Tâm (*sanh diệt sanh diệt ... 17 sát na Tâm như vậy thì sắc pháp nó mới diệt, sanh diệt chậm hơn Tâm 17 lần*). Nghĩa là Tâm sanh 17 lần thì sắc pháp nó mới diệt. Tâm sanh lên, thì sắc pháp sanh theo, mà sắc pháp sanh thì nó không có diệt liền giống như Tâm.

* Sắc pháp chậm hơn Danh pháp (Tâm) 17 lần
 Mỗi 1 sát na tâm có 3 sát na tiểu (*sanh trụ diệt*) rồi tâm khác sanh lên (*lại sanh trụ diệt*).... liên tục như vậy => 17 sát na Tâm x 3 sát na tiểu = 51. Trong 17 sát na Tâm như vậy, 1 sát na Tâm đầu tiên sanh lên thì Sắc pháp sanh theo

Ví dụ : bây giờ có 17 cái bánh (Tâm), mỗi cái bánh có 3 màu : xanh - vàng – đen / xanh = sanh; vàng = trụ; đen = diệt

+ khi sắc pháp sanh ngay màu xanh của cái bánh đầu tiên = Sắc sanh khởi

+ khi sắc pháp diệt ngay màu đen của cái bánh cuối cùng = Sắc diệt

+ còn lại = Sắc trụ

◆ Loài thảo mộc cũng có sắc mạng quyền nhưng khác với chúng sanh có thức tánh là do nghiệp tạo (*là nó cũng có sắc tố để gìn giữ cho cây sống, tồn tại, mà nó không có thức tánh nên sắc mạng quyền của thảo mộc khác chúng sanh có Tâm*)

◆ Danh mạng quyền và Sắc Mạng quyền khởi sanh đồng thời vào lúc ta được bà mẹ thọ thai và đồng thời hoại diệt lúc ta chết.

◆ Chết là sự chấm dứt Mạng quyền – JĪVITINDRIYA



a. TRẠNG THÁI: bảo trì, bảo tồn, chăm nom các pháp đồng sanh chung với nó

b. PHẬN SỰ: làm cho các pháp đồng sanh được tồn tại thọ mạng trong 3 sát na tiểu rồi nó mới diệt

c. SỰ THÀNH TỰU: các pháp đồng sanh được tồn tại sống còn đến sát na diệt (*sát na tiểu mà thôi*)

d. NHÂN CẦN THIẾT: là phải có Thọ uẩn, Tướng uẩn và Thức uẩn

↳ Tâm sở Mạng quyền KHÔNG PHẢI là pháp sanh ra các Tâm, Tâm sở khác mà nó chỉ làm phận sự nuôi dưỡng bảo tồn các pháp đồng sanh (như nước nuôi hoa, bảo mẫu nuôi em bé ...)

↳ Tâm, Tâm sở diệt thì chính Mạng quyền cũng bị diệt

↳ Tâm, Tâm sở sanh thì Mạng quyền cũng sanh

↳ Mạng quyền vừa bảo hộ các Tâm, Tâm sở khác và cũng tự bảo hộ chính mình.

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

↳ có mặt trong tất cả Tâm (121 tâm)

↳ Hiệp cùng các thể tánh Thiện, Bất Thiện, Vô ký

↳ Bất tương ưng với Sắc uẩn

↳ Đồng hiện hữu với 51 Tâm Sở còn lại

↳ Tương ưng với Tứ Danh uẩn

**7/ TÂM SỞ TÁC Ý -
MANASIKĀRA CETASIKA**

♦ Manasī: nơi tâm, nơi ý
Kāra: làm, tạo tác

♦ Manasikāra: tạo tác nơi ý (tác ý) hoặc là sự chú ý

♦ **MANASIKĀRA CETASIKA:** gom thô đối tượng làm thành cảnh cho Tâm



**TỨ Ý NGHĨA
TÂM SỞ
TÁC Ý**

a. TRẠNG THÁI: là cách hướng dẫn pháp tương ứng bắt cảnh trọn vẹn

b. PHẬN SỰ: làm cho Tâm, Tâm Sở sanh chung với nó phối hợp bắt níu lấy cảnh

c. SỰ THÀNH TỰU: hướng tâm đến cảnh (vd 1 người lái tàu hướng tàu về 1 điểm đến)

d. NHÂN CẦN THIẾT: là phải có cảnh (phải có đối tượng, phải có cảnh quá khứ hoặc hiện tại hoặc vị lai gì cũng được)

**PHÂN LOẠI
TÁC Ý**

1/ Như Lý Tác Ý - Yoni So Manasikāra
yoni: trung tâm, nguyên nhân, duyên, điều kiện tạo
so: đúng, hợp, thích nghi, tương ứng đúng pháp
yoni so: chú ý đúng theo pháp
Yoni so manasikāra - Như lý tác ý:
khéo tác ý đúng chân pháp, đúng nhân duyên sanh khởi các pháp

2/ Phi Như Lý Tác Ý - Ayoni So Manasikāra
Ayoni so manasikāra - Phi như lý tác ý (vụng tác ý): là không lưu ý đến những gì liên quan đến nhân duyên, nghiệp quả hay không chú ý đến những thực tính pháp, hoặc không hiểu biết thiếu trí tuệ.

ĐỨC PHẬT CÓ DẠY: DO NHƯ LÝ TÁC Ý, NÀY CÁC TỬ KHEO, CÁC GIÁC CHI CHƯA SANH ĐƯỢC SANH KHỞI, VÀ CÁC GIÁC CHI ĐÃ SANH ĐI ĐẾN TU TẬP VIÊN MÃN.

**2 ĐẶC TÍNH
TÁC Ý**

- 1/ Chú ý đến cảnh
- 2/ Tạo thành cảnh cho Tâm (ngoại, nội) (Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc là cảnh ngoại, Cảnh Pháp là cảnh nội)

**3 THỂ LOẠI
TÁC Ý**

1/ Tác ý thành cảnh: sự chú tâm hướng tâm đến cảnh nó tạo thành cảnh cho tâm (*tâm sở tác ý sanh lên hướng về đối tượng, bắt lấy cảnh đó để tạo thành cảnh cho tâm biết được*)

2/ Tác ý thành lộ tâm: tâm sở Tác ý này sanh lên trong tâm Ngũ Môn hướng tâm (*tâm khán ngũ môn*) để mở đường cho lộ ngũ phát sanh. *Khi có cảnh đến làm thành cảnh cho tâm (vd cảnh sắc tiếp xúc con mắt, đưng vô con mắt là hệ thần kinh nhãn, thì nó truyền tín hiệu vô trong dòng tâm thức, đưng vô hộ kiếp, rồi từ hộ kiếp qua rúng động, dứt dòng, rồi khán ngũ môn mới sanh lên. Khi tâm khán ngũ môn sanh lên để nó hướng về con mắt, hướng về đối tượng đi vào mắt thì nó mở đường cho lộ tâm sanh. Khi đó nhãn thức sanh để bắt cảnh sắc, và 1 loạt lộ trình tâm phát sanh sau như đến tiếp thu, quan sát, xác định, đồng tốc thì được gọi là tác ý thành lộ tâm hay tác ý thành lộ ngũ*

Ngũ môn hướng tâm: Là tâm hướng đến 5 cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc; khi 5 cảnh này xuất hiện chi phối tâm hộ kiếp (tâm Hữu phần). Tâm khán ngũ môn là tâm khai mở lộ ngũ môn để ngũ song thức phát sanh.

3/ Tác ý thành đồng lực: sanh lên trong Ý môn hướng tâm, tâm sở Tác ý sanh lên trong Tâm Khán ý môn, là tâm làm nhiệm vụ xác định cảnh, khai mở cho lộ đồng tốc phát sanh (*7 sát na đồng tốc Javana*) nên được gọi là tác ý thành đồng lực

♣ *Tâm Khán Ý Môn là tâm làm nhiệm vụ xác định (Voṭṭhapana) cảnh pháp và khai mở cho tâm đồng tốc (tâm tốc hành - Javana) sinh khởi. Do đó tâm này còn được gọi là " tác ý thành thực đồng tốc ".*

**NHÂN SANH
NHƯ LÝ TÁC Ý**
YONI SO
MANASIKĀRA
có 5

1/ Tích trữ thiện nghiệp trong quá khứ: *trước đời sống này có sự tích lũy, tu tập, tích trữ thiện nghiệp nhất là những thiện nghiệp có liên hệ đến trí tuệ*

2/ Ở nơi có Chánh pháp (*pháp đúng, pháp cao, thật sự là chánh pháp*) hay có Bậc Thiện trí thức (*bậc có hiểu biết về Đạo Pháp, nhân quả, nhân duyên...*)

3/ Thân cận bậc Thiện trí thức

4/ Được nghe Chánh pháp

5/ An trú Thân, Khẩu, Ý trong Thiện pháp

**NHỮNG
ĐIỀU CẦN
GHI NHỚ:**

↪ có mặt trong tất cả Tâm (121 tâm)

↪ Hiệp cùng các thể tánh Thiện, Bất Thiện, Vô ký

↪ Bất tương ưng với Sắc uẩn

↪ Đồng sanh với 51 Tâm Sở còn lại

↪ Tương ưng với Tứ Danh uẩn

8 PHÁP BẤT LY

Sắc pháp và Danh pháp có sự giống nhau

VỀ DANH PHÁP: có 7 Tâm sở biến hành là Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý + Tâm:
☞ 1 Tâm sanh lên phải có đầy đủ 8 danh pháp bất ly như vậy

VỀ SẮC PHÁP: cũng có 8 sắc bất ly là Tứ đại (gồm Đất, Nước, Lửa, Gió) và Sắc, Khí, Vị, Vật thực.

Bất kỳ Sắc pháp dù nhỏ hay lớn đến đâu cũng phải có sắc của nó (sắc) (*xanh đỏ tím vàng...*); dù vật chất nhỏ hay lớn tới đâu đi nữa vẫn có mùi của nó (khí) (*thơm hôi chua*); bất kỳ sắc pháp nào cũng có vị của nó (vị) (*chua ngọt đắng cay lạt mặn ngọt...*); sắc Vật thực còn gọi là sắc dưỡng tố để nuôi những sắc pháp khác được tồn tại (vật thực)

BUỔI 36 – 29.06.2019 – ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/527879524428395>

II. TÂM SỞ BIỆT CẢNH - PAKIṆṆAKA CETASIKA.

Có 6:

II.1 TÂM SỞ TÂM - VITAKKA CETASIKA

◆ "Vi" + căn "takk"
"vi" : là đặc biệt,
"takk" : là suy gẫm, suy tư, ý niệm, tư duy

◆ Vi" + căn "takk" = Vitakka: Suy gẫm, suy tư một cách đặc biệt

ĐẶC TÍNH CHÁNH YẾU CỦA VITAKKA

◆ Nâng cao các Tâm sở đồng sanh chung đến đối tượng

◆ Nâng cao các Tâm sở đồng sanh chung đến đối tượng. Áp đặt các Tâm sở lên đối tượng: áp các Tâm sở cùng nâng lên với nó rồi áp đặt vào đối tượng đó

◆ Quăng ném các Tâm sở vào đối tượng: Tâm sở Tâm sanh lên, quăng kéo tất cả những Tâm sở khác ném lên đối tượng đó

TỬ Ý NGHĨA TÂM SỞ TÂM

a. TRẠNG THÁI: đem các pháp đồng sanh đi đến cảnh (quăng ném lên cảnh)

b. PHẬN SỰ: Làm cho Tâm - Tâm sở tiếp xúc cảnh

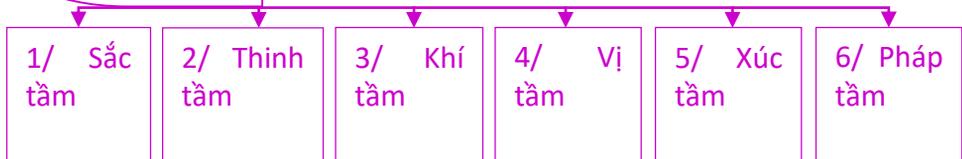
c. SỰ THÀNH TỰU: Tâm và Tâm sở đồng sanh gặp được cảnh

d. NHÂN CẦN THIẾT: phải có cảnh (*đối tượng*) và 3 uẩn ngoài ra (*Tâm sở Tâm thuộc Hành uẩn nên phải có 3 uẩn là Thọ Tưởng Thức đồng sanh chung*)

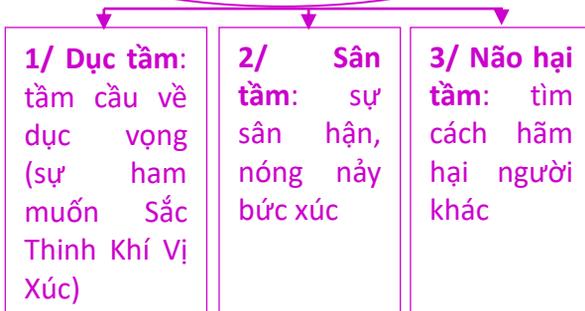
II.1 TÂM SỞ TÂM - VITAKKA CETASIKA

- ◆ Sự suy tư, suy nghĩ, tầm cảnh: đó là đặc tính của Tâm
- ◆ Làm cho mất ngủ do Tâm (*khi bị mất ngủ là do chính Tâm sở Tâm này làm việc, nó bắt cảnh nên làm cho mất ngủ*)
- ◆ Khi muốn an định Tâm nhưng Tâm bất an suy nghĩ, bắt cảnh sai khác: cũng do Tâm (*muốn được an định thì phải an trú Tâm*)
- ◆ Khi thiền Tâm áp Tâm liên tục trên đối tượng
- ◆ Tác ý là hướng Tâm đến đối tượng, Tâm thì quảng Tâm áp đến đối tượng
- ◆ Tâm khi được nâng cao phát triển đầy đủ sẽ trở thành chi Tâm trong thiền
- ◆ Trong Siêu thế thì Tâm trở thành Chánh Tư duy (*khi TS Tâm sanh trong Tâm siêu thế, nó trở thành 1 trong Bát chi đạo là Chánh tư duy, TS Tâm này suy tư áp đặt trên đối tượng quan tâm là Niết bàn - vì đối tượng của Tâm siêu thế là Niết bàn. Có nghĩa là nó sẽ là suy nghĩ chân chánh do đã có sự suy tư áp đặt vào đối tượng là Niết bàn nên trở thành Chánh tư duy*)

PHÂN LOẠI TÂM



Ác bất thiện TÂM có 3



TƯ DUY TÂM có 2



II.1 TÂM SỞ TÂM - VITAKKA CETASIKA

ĐỨC PHẬT
CÓ DẠY 5
CÁCH AN
TRÚ TÂM
VÀO THIỆN
PHÁP

1/ Nghĩ đến 1 tướng thiện: nghĩ đến thiện pháp mạnh đã làm để đánh bật tư tưởng bất thiện ra, không cho nó được tồn tại nữa, để trị tham dục tướng, sân hận tướng, si mê tướng là cách tạm thời giải thoát trong lúc đánh vắng những ác pháp đó ra ngoài khỏi dòng tâm thức.

2/ Quan sát những nguy hiểm của các Tà Tâm: quan sát những vấn đề tai hại, nguy hiểm đem đến hậu quả ghê tởm, làm cho Tâm ghê tởm. Quan sát tà tâm để thấy sự nguy hiểm, ghê tởm của những pháp này để đánh bật ra khỏi dòng tâm thức mình.

3/ Không lưu ý đến những cảnh ấy: không nghĩ đến những đối tượng đó nữa, ngoảnh mặt làm ngơ.

4/ Quán sát sự sinh diệt của các cảnh ấy: xem nó khởi lên và diệt đi của ác pháp làm cho Tà Tư duy giảm đi từ từ, từ thô đến tế.

5/ Nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy Tâm chế ngự Tâm: để đánh bại những pháp bất thiện đó.

Sự khác biệt của 3 Tâm sở:
TƯ - TÁC Ý - TÂM

✘ **TƯ:**

Đôn đốc các pháp đồng sanh để làm phận sự

✘ **TÁC Ý:**

Hướng tâm đến đối tượng

✘ **TÂM:**

Quảng tâm trên đối tượng

**NHỮNG
ĐIỀU CẦN
GHI NHỚ:**

↳ Không phối hợp với ngũ song thức (*nhãn nhĩ tỷ thiệt thân - thiện và bất thiện*)

↳ Phối hợp với 44 Tâm Dục giới (54-10) + 11 Tâm Sơ thiên (3 Sắc giới + 8 Siêu thế) (Tâm sở Tâm chỉ có trong Tâm Sơ thiên)

↳ Hiệp cùng 3 thể tánh Thiện - Bất thiện - Vô ký

↳ Tương ưng với Tứ danh uẩn (*Thọ Tưởng Hành Thức*)

↳ Bất tương ưng với Sắc uẩn

II.2 TÂM SỞ TỨ - VICĀRA CETASIKA

Vi : đặc biệt

Car: đi thênh thang, bất định

♦ VICĀRA - TỨ, là:

- Suy xét trên đối tượng
- Quan sát đi quanh cảnh 1 cách đặc biệt
- Dán áp Tâm liên tục trên đối tượng
- Dò xét, quán sát, điều nghiên đối tượng 1 cách khẳng khái, chặt chẽ

Sự khác biệt giữa TÂM (Vitakka) và TỨ (Vicāra)

✘ TÂM

+ ví như con ong bay áp đến hoa sen
 + ví như chim đang đập cánh bay lên
 + ví như đánh vào trống

✘ TỨ

=> ví như con ong bay lượn quanh hoa sen để quan sát
 => ví như chim đang bay lượn trên không trung
 => ví như âm vang



- a. TRẠNG THÁI: là cách trông nom cảnh
- b. PHẬN SỰ: làm cho Tâm và Tâm sở đồng sanh chung với nó khẳng khái với cảnh liên tục
- c. SỰ THÀNH TỰU: đã khẳng khái được cảnh, siết chặt làm cho các pháp tương ứng với nó nhận biết được cảnh đó, không cho xa lìa cảnh
- d. NHÂN CẦN THIẾT: phải có cảnh (đối tượng) và 3 uẩn ngoài ra (Tâm sở Tứ thuộc Hành uẩn, Thọ Tướng Thức: Danh uẩn)

PHÂN LOẠI TỨ

- 1/ Sắc Tứ (khi Tứ liên hệ với cảnh sắc: quan sát cảnh sắc, điều nghiên cảnh sắc)
- 2/ Thính Tứ (quan sát âm thanh)
- 3/ Khí Tứ (mùi)
- 4/ Vị Tứ (nếm: vị ngọt cay đắng)
- 5/ Xúc Tứ (sự xúc chạm)
- 6/ Pháp Tứ (thành phần thuộc nội phần bên trong)

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

- ↪ Không có mặt trong Ngũ song thức: vì 5 đối thức chỉ là loại Tâm làm việc 1 cách máy móc do tác động 1 cách tự nhiên phát sanh lên, không cần có Tâm Tứ.
- ↪ Có mặt trong 44 Tâm Dục giới (54-10) + 11 Tâm Sơ thiền (3 Sắc giới sơ thiền + 8 Siêu thế sơ thiền) + 11 Tâm Nhị thiền (3 Sắc giới nhị thiền + 8 Siêu thế nhị thiền)
- ↪ Hiệp cùng 3 thể tánh Thiện - Bất thiện - Vô ký
- ↪ Tương ứng với Tứ danh uẩn
- ↪ Bất tương ứng với Sắc uẩn

II.3 TÂM SỞ THẮNG GIẢI - ADHIMOKKHO CETASIKA

Adhi + Muc: phóng thích

♦ Adhimokkha: phóng thích Tâm ra khỏi HOÀI NGHI để tiến đến đối tượng, quả quyết, khẳng định, phán quyết, thắng giải



a. TRẠNG THÁI: là cách quyết định phá tan trạng thái lưỡng lự (vì khi còn có sự phân vân lưỡng lự thì khởi tâm lên phóng thích ra khỏi trạng thái lưỡng lự đó)

b. PHẬN SỰ: làm cho Tâm quyết chắc trong cảnh không do dự

c. SỰ THÀNH TỰU: đã có sự quyết đoán cảnh thực hiện

d. NHÂN CẦN THIẾT: cần có cảnh để phân đoán, phán quyết, hay quyết định

PHÂN LOẠI PHÁN QUYẾT

1/ Tà quyết: đúng quyết sai, sai quyết đúng

2/ Chánh quyết: đúng quyết đúng, sai quyết sai

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

↪ Không có mặt trong Ngũ song thức (*Nhãn Nhĩ Tỷ Thiệt Thân - thiện và bất thiện*) + SI hoài nghi = 11

↪ Có mặt trong 110 Tâm (121 Tâm - 11)

↪ Tương ứng với Tứ danh uẩn

↪ Bất tương ứng với Sắc uẩn

II.4 TÂM SỞ CẦN - VIRIYA CETASIKA

- ♦ Vira: người chuyên cần nỗ lực
- ♦ Viriya: cố gắng, nỗ lực, trợ giúp, nâng đỡ, cần mẫn, siêng năng, chịu đựng

4 KHÍA CẠNH CỦA TÂM SỞ CẦN

1/ Tấn quyền: điều hành, cai quản	Tấn: điều cai
2/ Tấn lực: sức mạnh không thối lui trước nghịch pháp	
3/ Cần giác chi: tinh cần đưa đến giác ngộ	
4/ Chánh tinh tấn: tích cực trong việc diệt nghiệp luân hồi để chứng đạt Niết Bàn	

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ CẦN

- a. TRẠNG THÁI: cách siêng năng, chịu đựng
- b. PHẬN SỰ: trợ giúp các pháp đồng sanh không lui sụt
- c. SỰ THÀNH TỰU: không lui sụt
- d. NHÂN CẦN THIẾT: có điều lo âu, điều làm rúng động Tâm như : cảnh già, đau, chết, cảnh khổ

PHÂN LOẠI CẦN

1/ TÀ CẦN: siêng năng trong tà pháp.
(ví dụ: tích cực làm ăn lừa gạt...)

2/ CHÁNH CẦN: Tứ Chánh cần (*Thận cần, Trừ cần, Tu cần, Bảo cần*)
(lời giảng: phải có tu tập theo tứ chánh cần mới tiến hoá được)

THẬN CẦN: là cần thận: cố gắng gìn giữ cho ác pháp đừng sanh bằng tâm chánh niệm

TRỪ CẦN: khi mà ác pháp sanh thì nỗ lực phải diệt nó, tinh cần tinh tấn dùng mọi cách diệt ác pháp ra khỏi đời sống của mình

TU CẦN: những thiện pháp nào chưa sanh: như bố thí, từ, bi, hỷ, về thân chưa làm tốt đẹp thì mình phải làm cho những thiện pháp chưa sanh nỗ lực cho nó phát sanh

BẢO CẦN: những thiện pháp nào đã sanh, phải bảo trì, gìn giữ cho được lớn mạnh

II.4 TÂM SỞ CẦN - VIRIYA CETASIKA

BÁT THẨM CẦN - SANVEGAVATTHU THÊ THẨM

1/ Khổ sanh

2/ Khổ già

3/ Khổ bệnh

4/ Khổ chết

5/ Khổ địa ngục

6/ Khổ bàng sanh

7/ Khổ nọ quý

8/ Khổ Atula

BÁT ĐOAN CẦN

có 4 đôi

CẶP 1: Công việc đã thành tựu/ sắp làm

(lời giảng: khi làm xong sự việc này, nghĩ đến việc khác chưa làm, khởi siêng năng hay sắp làm nghĩ đến còn nhiều việc khác nữa nên khởi siêng năng lên)

CẶP 2: Đi đường về đến/ gần sắp đi

(lời giảng: khi mà về đến thì thấy thời gian đi quá nhiều, còn có quá nhiều công việc bê trễ chưa làm phải lo làm hay sắp đi thì thấy quá nhiều công việc chưa làm để đi nên phải lo làm, khởi siêng năng)

CẶP 3: Bệnh hoạn vừa hết bệnh/ vừa nhuộm bệnh

(lời giảng: khi hết bệnh nhớ lại lúc đang bệnh không làm được gì, khởi lên tâm phải làm việc để bù thời gian đã không làm được hoặc khi chưa bệnh thì cố gắng làm trong những lúc không bệnh vì còn khả năng làm được để hoàn thành)

CẶP 4: vật thực thiếu ăn/ đủ ăn

(lời giảng: khi thiếu ăn thì cố gắng làm để không thiếu ăn, bị đói nên siêng năng làm việc hay khi đã đủ ăn thì càng phải tác ý siêng năng hơn để làm việc không để bị đói kém, thiếu ăn)

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

↪ Không có mặt trong 15 Tâm quả vô nhân + 1 Khán ngũ môn (bởi vì các Tâm này sanh lên không cần phải có sự cố gắng tích cực) = 16

↪ Có mặt trong 105 Tâm (121 Tâm - 16)

↪ Hiệp cùng 3 thể tánh: Thiện – Bất thiện – Vô ký

↪ Tương ứng với Tứ danh uẩn

↪ Bất tương ứng với Sắc uẩn

**II.5 TÂM SỞ HỖ -
PĪTI CETASIKA**

Pī: là hân hoan, thích thú, hoan hỉ
Pīti: hân hoan, vui thích, hứng thú, mừng, phấn khởi, sáng khoái, hạnh phúc, no lòng, phấn chấn, hài lòng, sung sướng

**HỖ
CÓ 3 LOẠI**

1/ Hỷ thiện:

- Vui mừng, hoan hỷ với hạnh phúc người khác (khi thấy người khác được hạnh phúc, giàu sang, tốt đẹp, gia đình hạnh phúc ... thì mình vui mừng với hạnh phúc người khác, tâm mình khởi lên sự hoan hỷ, cảm xúc vui mừng với hạnh phúc của người khác)
- Hoan hỷ trong các thiện nghiệp (như bố thí, làm việc thiện, giúp đỡ người khác, tu tiền, hành những công đức nào đó)
- Ở đây hoan hỷ, sau đây hoan hỷ, trong cả 2 trạng thái người hành thiện đều hoan hỷ.
- Hỷ trong thiền chi (tầm tứ phi lạc định)

2/ Hỷ bất thiện:

- mừng vui thoả thích trong các dục
- hân hoan khi chiến thắng kẻ thù
- hỷ lạc trong khi tham được thành tựu

3/ Hỷ vô ký: là hỷ của các vị Alahan

**PHÂN
LOẠI HỖ**

1/ Tiểu hỷ: loại hỷ khi phát sanh có cảm giác rờn rợn nổi da gà khắp cơ thể nhưng kéo dài không lâu

2/ Sát na hỷ (đản hỷ hay quang hỷ): là loại hỷ chỉ thoáng qua, khi phát sanh nó có cảm giác ánh sáng phát ra từ cơ thể giống như ánh chớp rồi mất

3/ Hải triều hỷ: là loại hỷ khi phát sanh có cảm giác từng lượn sóng ngày càng dâng cao tựa như thủy triều lên

4/ Khinh hỷ: là loại hỷ khi phát sanh làm cho có cảm giác thân nhẹ nhàng dường như bốc lên cao

5/ Sung mãn hỷ (sấm hỷ): là loại hỷ khi phát sanh có cảm giác no vui đượm nhuần khắp cơ thể và tồn tại lâu dài khiến hành giả có cảm giác thật hạnh phúc



a. TRẠNG THÁI: có sự vui mừng, phấn khởi, tho thích với cảnh (khác cảm thọ vì cảm thọ nhận hưởng cảnh, thọ cảnh vui, nhận cảnh được mong muốn)

b. PHẬN SỰ: làm cho Thân lạc - Tâm hỷ

c. SỰ THÀNH TỰU: tâm được hưng phấn, no lòng, bùng lên (khác sự thành tựu của cảm thọ là tâm được an vui)

d. NHÂN CẦN THIẾT: Thọ uẩn, Tưởng uẩn và Thức uẩn (Tâm sở Hỷ này thuộc Hành uẩn, khác với nhân cần thiết của Thọ hỷ là thân yên tĩnh và tâm an lạc)

↳ Đặc điểm của tâm sở Hỷ này là tạo thích thú, hoan hỷ đối tượng

↳ Pīti tạm thời khắc phục triền cái, oán ghét, sân hận hay bất toại nguyện

↳ Thọ hỷ chỉ là hưởng cảm giác thôi (*thụ động*)

↳ Còn Tâm sở Hỷ là làm cho phấn khởi thích thú...(*chủ động*)

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

↳ Có mặt trong 62 Tâm thọ Hỷ ngoại trừ ngũ thiền (4 tham hỷ, 1 quan sát hỷ, 1 ưng cúng vi tiểu, 12 DGTH hỷ, 12 sắc giới hỷ, 32 siêu thế hỷ)

↳ Hiệp cùng 3 thể tánh: Thiện – Bất thiện – Vô ký

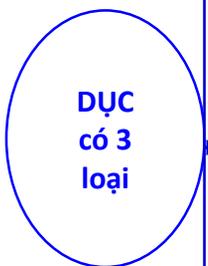
↳ Đồng sanh Thọ Hỷ (*Hỷ sanh thì thọ Hỷ cũng sanh*)

↳ Tương ứng với Tứ danh uẩn

↳ Bất tương ứng với Sắc uẩn

**II.6. TÂM SỞ DỤC -
CHANDA CETASIKA**

Từ căn Chad : là mong muốn, ước muốn
Pīti : ý muốn làm, mong muốn làm nhưng chưa có
pha lẫn Thiện, Bất thiện hay Vô ký



1/ THAM DỤC: là khát vọng tầm cầu duyên theo lục trần (*sắc - thính - hương - vị - xúc - pháp trần*), là 1 trong 5 triền cái thuộc pháp Bất thiện (*sự ham muốn hưởng thụ thú vui trong đời sống*)

2/ PHÁP DỤC: là ý muốn chân chánh, sự ước muốn chân chánh, dục như ý túc. (*là sự ước muốn làm thiện pháp như bố thí, hành thiền, tạo phước báo, giữ giới, muốn tu tập những pháp cao...*) (*Tham thiền: sự ước muốn thành tựu những thiện pháp*)

3/ TÁC DỤC: sự mong muốn làm của các vị A La Hán (*một vị A La Hán không còn pháp bất thiện hay pháp thiện mà họ sống bằng tâm duy tác, nên ý muốn của họ chỉ có thể gọi là tác dục*) (*muốn độ đời, độ người*)

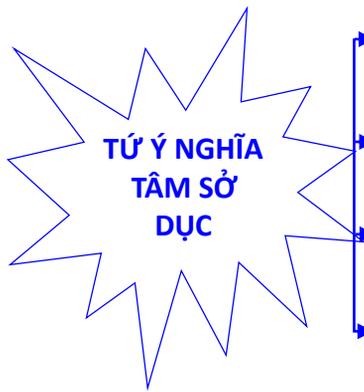
↪ **Dục không có mặt trong hai Tâm Si** (Hoài nghi, Phóng dật)

↪ **Dục có mặt trong Tâm sân** (*lời giảng: vì tâm sân sanh lên sẽ có ý muốn tàn phá, đập đổ, huỷ diệt đối tượng làm mình sân*)

↪ **Dục Tâm sở không có mặt trong 18 Tâm Vô nhân**

(*lời giảng: ngũ song thức (nhãn nhĩ tỷ thiệt thân thức), 2 tiếp xúc, 3 quan sát, khán ngũ môn, khán ý môn, ưng cúng vi tiểu: không có Tâm Sở Dục đồng sanh chung, là Tâm Vô Nhân làm việc 1 cách máy móc do sự tác động của căn - cảnh nên ko có mong muốn*), làm việc Tục sinh, Hộ kiếp, Tử cũng đều không có Tâm sở Dục;

ngay cả hai Tâm quan sát làm việc tục sinh (*quan sát thọ xả quả bất thiện: tục sinh vào những chúng sanh khổ: súc sanh, ngạ quỷ, Atula, địa ngục, qsat thọ xả quả thiện: tục sinh làm người lạc vô nhân (là người không có 3 nhân thiện Vô tham Vô sân Vô si – là người bị tật nguyên trong lúc thọ thai đã bị, 2 tâm quan sát này làm việc tục sinh, sẽ làm luôn cả hộ kiếp, luôn cả tử thì không có dục đồng sanh chung)*) cũng đều không có Tâm sở Dục vì Tâm tục sinh làm cả 3 phạm sự. TỤC SINH TÂM NÀO THÌ TỬ TÂM ĐÓ, nhưng tử tâm nào thì chưa chắc tục sinh tâm đó vì còn do nhân thiện hay bất thiện trong quá khứ.



a. TRẠNG THÁI: có sự hy vọng, mong mỏi cho được cảnh

b. PHẬN SỰ: làm cho tâm mong mỏi tìm kiếm cảnh

c. SỰ THÀNH TỰU: được cảnh mong muốn

d. NHÂN CẦN THIẾT: có cảnh đáng mong mỏi, đáng ao ước

**NHỮNG
ĐIỀU CẦN
GHI NHỚ:**

↪ Không có mặt trong 18 Tâm vô nhân và 2 Tâm Si

↪ Có mặt trong tất cả tâm còn lại (101 Tâm: 10 Tâm Bất thiện, 24 Tâm Dục giới, 27 Tâm Đáo đại, 40 Tâm Siêu thế)

↪ Hiệp cùng 3 thể tánh: Thiện – Bất thiện – Vô ký

↪ Tương ứng với Tứ danh uẩn

↪ Bất tương ứng với Sắc uẩn

**Nhóm 2: TÂM SỞ BẤT THIỆN - AKUSALA
CETASIKA (14 tâm)**

AKUSALA – Bất thiện, có 5 nghĩa:

1. **Bệnh hoạn** (đem đến sự đau khổ, đau đớn)
2. **Không tốt đẹp** (xấu, dơ bẩn)
3. **Không khôn khéo** (bị Tham Sân Si che mờ lý trí)
4. **Làm lỗi** (làm những lỗi sai lầm)
5. **Tạo quả khổ** (làm việc bất thiện sẽ cho quả khổ)

**I/ TÂM SỞ SI PHẦN -
MOCATUCACETASIKA**

Được gọi là Tâm sở Bất thiện Biến hành vì cả 4 Tâm sở này đều có mặt trong tất cả các Tâm Bất thiện có 4 gồm:

- 1/ SI - MOHA
- 2/ VÔ TÂM - AHIRIKAM
- 3/ VÔ QUÝ - ANOTTAPPAM
- 4/ PHÓNG DẬT - UDDHACCAM

**II/ TÂM SỞ THAM
PHẦN -
LOTIKACETASIKA**

Gom những Tâm sở có liên hệ cấu hữu với Tham, dính mắc đối tượng, tụ lại thành chung nhóm

có 3 gồm:

- 1/ THAM - LOBHO
- 2/ TÀ KIẾN - DIṬṬHI
- 3/ NGÃ MẠN - MĀNO

**III/ TÂM SỞ SÂN
PHẦN -
MOCATUKACETASIKA**

Gom những Tâm sở có liên hệ cấu hữu với Sân, bắt lấy đối tượng tụ lại thành chung nhóm được gọi là Sân phần

có 4 :

- 1/ SÂN - DOSO
- 2/ TẬT - ISSĀ
- 3/ LẶN - MACCHARIYAM
- 4/ HỐI - KUKKUCAM

**IV/ TÂM SỞ HÔN PHẦN -
THĪDUKACETASIKA**

có 2 :

- 1/ HÔN TRẦM - THĪNACETASIKA
- 2/ THỤY MIÊN - MIDDHACETASIKA

**V/ TÂM SỞ HOÀI NGHI
-
VICIKICCHĀCETASIKA**

I/ TÂM SỞ SI PHẦN - MOCATUCACETASIKA

I.1/ TÂM SỞ SI – MOHA
 Từ căn Muh: mê mờ, làm lạc

MOHA: Trạng thái mê mờ làm lạc, u tối làm ngăn che sự sáng suốt, không cho thấy rõ thực tánh pháp
 SI: Không biết điều đáng biết, biết điều không đáng biết



- a. TRẠNG THÁI: mờ ám, không hiểu biết điều đáng biết trái với trí tuệ
- b. PHẬN SỰ: che ngăn sự sáng suốt không cho thấy thực tính pháp
- c. SỰ THÀNH TỰU: có sự mờ ám, tối tăm
- d. NHÂN CẦN THIẾT: không khéo dùng tâm, vụng tác ý

↪ **SI LÀ CỘI RỄ, LÀ CĂN GỐC CỦA CÁC PHÁP BẤT THIỆN, LÀ 1 TRONG 3 NHÂN BẤT THIỆN**



- a. TRẠNG THÁI: không có trí tuệ
- b. PHẬN SỰ: làm cho tự mình cùng các pháp đồng sanh mê muội
- c. SỰ THÀNH TỰU: che khuất bản thể tướng bên trong
- d. NHÂN CẦN THIẾT: do có Pháp lậu (dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu)

SỰ GIỐNG VÀ KHÁC NHAU GIỮA SI VÀ VÔ MINH

a. **GIỐNG:** không hiểu biết (ngu si, u tối)

b. **KHÁC:**

SI

VÔ MINH

Về sự thành tựu và nhân cần thiết: nhân cần thiết là không khéo dụng tâm (ví như nước sơn đen)
 # Chỉ hoạt động trong các pháp bất thiện
 # Tác thành các pháp bất thiện trực tiếp đồng sanh

Về sự thành tựu và nhân cần thiết: nhân cần thiết là pháp lậu, dục lậu, kiến lậu, hữu lậu (ví như vật bị sơn đen)
 # Hoạt động bao trùm tam giới
 # Tác động đến các pháp bằng cách gián tiếp che khuất thực tính pháp

AVIJJĀ – Vô minh: không biết rõ, không thấu rõ các pháp thực tính

**CÓ 8 ĐIỀU
KHÔNG
BIẾT RÕ:**

1/ Bất tri Khổ: không thông hiểu về sự khổ của ngũ thủ uẩn (*không hiểu được thân ngũ uẩn này chính là do chấp thủ mà thành hoặc không biết cái thân này có những sự khổ như nào*)

2/ Bất tri Tập: không thông hiểu tập khởi của Khổ (*tập khởi ở đây chính là tham, nó chính là nguyên nhân gây ra khổ*)

3/ Bất tri khổ Diệt: Không thông hiểu sự diệt khổ (*sự chấm dứt đau khổ là Niết Bàn*)

4/ Bất tri Đạo lộ khổ diệt: không thông hiểu con đường đưa đến diệt khổ (*con đường đó là bát chánh đạo, chúng ta đều hiểu trên những lời dạy của Đức Phật để lại chứ không thấu hiểu thực sự như bậc Thánh Nhân*)

5/ Bất tri Quá khứ: không biết rằng mình đã từng hiện hữu ở quá khứ, có kiếp sống quá khứ (*không tin và không hiểu được kiếp quá khứ, chúng ta chỉ đoán mò mà thôi, nên chúng ta biết về nó rất mù mờ*)

6/ Bất tri Vị lai: không biết rằng mình sẽ có mặt trong tương lai, có kiếp sống sau

7/ Bất tri Quá khứ, Vị lai: không biết có đời sống quá khứ và vị lai, tức là đời sống vui khổ hiện tại bị chi phối bởi quá khứ, và sở hành hiện tại ảnh hưởng đến tương lai (*mình không nhận ra tại sao mình khổ đau, bệnh hoạn, bức xúc, may mắn... mình ko nhận ra nó là do nhân quá khứ, và việc làm của mình hiện tại mình cũng ko biết nó ảnh hưởng đến vị lai như nào*)

8/ Bất tri Pháp duyên khởi y tương sinh: không biết duyên khởi các pháp sanh do nhân quả liên quan

**NHỮNG
ĐIỀU CẦN
GHI NHỚ:**

↪ Có mặt trong 12 tâm Bất thiện

↪ Hiệp với thể tánh Bất thiện

↪ Thuộc tánh Bất thiện

↪ Tương ứng với Tứ danh uẩn

↪ Bất tương ứng với Sắc uẩn

I/ TÂM SỞ SI PHẦN - MOCATUCACETASIKA

I.2/ TÂM SỞ VÔ TÂM – AHIRIKA CETASIKA

A + hirika: Không hổ thẹn
Tâm: Thẹn, xấu hổ

Vô tâm - Ahirika: trạng thái không hổ thẹn, không xấu hổ, không mắc cỡ, không có lương tâm đối với tội lỗi

VÔ TÂM

đi chung với:

TÀ KIẾN, MÊ TÍN => chẳng những không hổ thẹn mà còn tự hào với những điều lầm lạc

NGÃ MẠN => đã sai, không biết hổ thẹn mà còn vênh vênh tự đắc với điều sai quấy của mình

PHẪN NỘ => không còn biết thẹn tội lỗi là gì, bất chấp tất cả những hành động có thể gây hại đến người khác

VÔ TÂM, có 2 cách

1/ Theo đời: làm những điều sai trái người đời chê trách

2/ Theo đạo: tạo thân khẩu ý ác không hề hổ thẹn xấu hổ

Theo pháp tu: lỏa thể - thờ bộ phận sinh dục nam nữ, thờ bò, chó

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ VÔ TÂM

a. TRẠNG THÁI: không có sự xấu hổ với các điều tội lỗi, ác, xấu

b. PHẬN SỰ: Thực hiện các điều ác xấu tội lỗi

c. SỰ THÀNH TỰU: Không lui sụt với các ác pháp

d. NHÂN CẦN THIẾT: Không biết tự trọng

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

↪ Có mặt trong 12 tâm Bất thiện

↪ Hiệp các thể tánh Bất thiện

↪ Thuộc giống Bất thiện

↪ Tương ưng với Tứ danh uẩn

↪ Bất tương ưng với Sắc uẩn

**I/ TÂM SỞ SI PHẦN -
MOCATUCACETASIKA**

**I.3 TÂM SỞ VÔ QUÝ (ÚY)
- ANOTTAPPA CETASIKA**

Quý: sợ hãi - Úy: sợ sệt, sợ hãi
Anottappa : "Na" + "ava" + "tapp": không ray rứt,
không khó chịu, không ghê sợ tội lỗi

VÔ TÂM + VÔ QUÝ: cả 2 luôn đi chung, hễ có sự không e dè, không
sợ hãi tội lỗi thì sẽ không ghê sợ tội lỗi, được ví như 1 người trần
trường và 1 tên sát thủ



a. TRẠNG THÁI: không ghê sợ đối với ác pháp

b. PHẬN SỰ: Thực hiện tội lỗi, ác hạnh

c. SỰ THÀNH TỰU: Không rụt rè không sợ hãi khi
làm ác

d. NHÂN CẦN THIẾT: Không tôn trọng người
khác

**NHỮNG
ĐIỀU CẦN
GHI NHỚ:**

↳ Đồng sanh cùng 12 tâm Bất thiện

↳ Hiệp các thể tánh Bất thiện

↳ Thuộc giống Bất thiện

↳ Tương ưng với Tứ danh uẩn

↳ Bất tương ưng với Sắc uẩn

VÔ TÂM - AHIRIKA & VÔ QUÝ - ANOTTAPPA

là 2 pháp làm phá tan mọi việc trên thế gian (tàn
ác, hãm hại, tham ô, tranh cướp...)

**I/ TÂM SỞ SI PHẦN -
MOCATUCACETASIKA**

**I.4 TÂM SỞ PHÓNG DẬT
– UDDHACCA CETASIKA**

U: trên

U: trên + căn Dhu: chao
động, rung chuyển

Phóng dật: nhàn hạ,
rảnh rang, không cái gì
bó buộc

Dật: nhàn rãi, buông
thả, phóng đãng, mông
lung

↳ Là Trạng thái chuyển động bên trên, không trụ
vững, chập chờn, dao động, không định phóng
tâm

↳ Như vó ngựa vừa chạm đất vội lia ngay để
chạm vào điểm khác

↳ Như cá bị vớt lên khỏi nước vùng vẫy

↳ Như Tâm vừa bắt cảnh lại bị kéo rời sang cảnh
khác

↳ Như mây vừa tụ bị gió thổi tan khác

↳ Như bụi thổi tung toé



a. TRẠNG THÁI: có sự không yên tịnh

b. PHẬN SỰ: làm cho tâm không an trụ chắc chắn
trong cảnh lâu

c. SỰ THÀNH TỰU: tâm không yên tĩnh bị dao
động

d. NHÂN CẦN THIẾT: không khéo tác ý, vụng tác ý

**NHỮNG
ĐIỀU CẦN
GHI NHỚ:**

↳ Có mặt trong 12 tâm Bất thiện

↳ Hiệp cùng thể tánh Bất thiện

↳ Thuộc giống Bất thiện

↳ Tương ưng với Tứ danh uẩn

↳ Bất tương ưng với Sắc uẩn

↳ Là 1 trong 5 triền cái đối nghịch chi thiện lạc

MOHA - AHIRIKA - ANOTTAPPA - UDDHACCA

Là khai cuộc dẫn đầu cho các Tâm sở bất thiện
và hiện hữu chung trong 12 Tâm bất thiện,
được gọi Tâm sở Bất thiện biến hành

II/ TÂM SỞ THAM PHẦN - LOTIKACETASIKA

II.1 TÂM SỞ THAM: LOBHACETASIKA

Từ căn Lub: bám chặt vào, cột lại, bám níu, khát vọng, ái luyến
“lubhatīti = lobha: Bám chặt vào, gọi là Tham”

Thái độ bám chặt vào các đối tượng được coi là tốt, đẹp, mỹ miều, hấp dẫn nương qua các căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) được gọi là Tham

Tham + Tà kiến: bám giữ, nắm chặt các quan kiến sai lầm (sự tham bám, nắm chặt, nắm giữ đeo níu những quan kiến tư kiến sai lệch sai lầm, sự mê tín, mê muội)

Tham + Ly tà có ngã mạn: thì bám thủ những gì thuộc về riêng mình (có một sự bám thủ vào những gì riêng về mình, có sự so sánh cao cống hơn thua)

Thủ - UPĀDĀNA: bám chặt, nắm giữ mạnh mẽ, thủ, tham tích cực

PEMA - tình thương

TANHĀ - ái dục

RĀGA - khát ái, đắm nhiễm

PIYA - yêu dấu, thương mến

KĀYA - sự thân yêu

NANDI - vui thú

ABHIJJHĀ - muốn được

ICCHĀ - nguyện vọng

=> những từ diễn tả luyến ái tùy theo mức độ nặng nhẹ khác nhau

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ THAM

a. TRẠNG THÁI: chấp dính cảnh (làm cho những Tâm sở đồng sanh chung chấp dính cảnh)

b. PHẬN SỰ: làm cho Tâm dính mắc cảnh

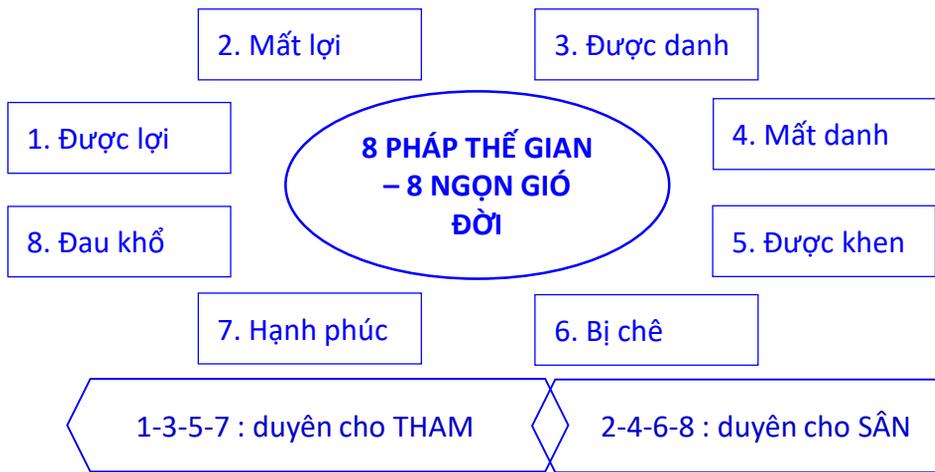
c. SỰ THÀNH TỰU: không buông rời cảnh

d. NHÂN CẦN THIẾT: ưa gặp, thích gặp trong pháp trói buộc (mình thích những thứ đẹp đẽ, mê ly, ngon lành)

**II.1 TÂM SỞ THAM:
LOBHACETASIKA**



↳ chúng ta có tu tập để lên những cảnh trời cao cỡ nào thì vẫn không thoát khỏi những luyến ái, chấp giữ vào thứ tốt đẹp của cảnh trời đó



- NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:**
- ↳ Có mặt trong 8 tâm Tham
 - ↳ Hiệp cùng thể tánh Bất thiện
 - ↳ Thuộc giống Bất thiện
 - ↳ Đồng tương hợp với 2 thọ Hỷ và Xả
 - ↳ Tương ưng với Tứ danh uẩn
 - ↳ Bất tương ưng với Sắc uẩn
 - ↳ Làm công tác Đồng tốc

II/ TÂM SỞ THAM PHẦN - LOTIKACETASIKA

II.2 TÂM SỞ TÀ KIẾN - DIṬṬHICETASIKA

Dis: thấy, biết
Ditthi: quan kiến, quan điểm

Micchā Diṭṭhi: Tà kiến: Là sự thấy sai không đúng với sự thật, nhận thức với một quan điểm không đúng với thực tánh pháp

SammaDiṭṭhi: Chánh kiến

PHÂN LOẠI PHÁN QUYẾT

1/ Tà kiến thông thường: là thấy sai sự vật, ta, của ta

SAKKĀYADITTHI: Thân kiến tính theo 5 uẩn, mỗi uẩn có 4 loại:
a/ Thấy sắc uẩn là Tự ngã
b/ Thấy sắc uẩn trong Tự ngã
c/ Thấy tự ngã có Sắc uẩn
d/ Thấy tự ngã trong Sắc uẩn
=> 4 loại x 5 uẩn (sắc thọ tưởng hành thức) = 20 loại tà kiến liên hệ thân kiến

2/ Tà kiến đặc tính:

- ◆ Thấy sai các pháp thực tính, kiến thủ Uppādanaditthi (chấp thủ về quan kiến sai lầm) (vô thường thấy thường, thường còn bất biến, linh hồn trường cửu)
- ◆ Thấy sai trong các pháp tà ngụy (tu theo phái lỗi thể... mà cho là đúng)

TÀ KIẾN CỐ ĐỊNH, có 3:

<p>1/ Vô nhân kiến: Không có nhân tạo tác, tất cả ngẫu nhiên hành, không tin nhân quả</p>	<p>2/ Vô hữu kiến: sau khi chết là hết, hành động không quả báo, chúng sanh do sự kết hợp tứ đại, khi chết trở về cát bụi.</p>	<p>3/ Vô hành kiến: không nhân, không quả</p>
--	---	--

TÀ KIẾN CHÁNH YẾU, có 2:

Thường kiến	Đoạn kiến
62 Tà kiến, đưa đến rất nhiều vấn đề xảy ra trong đời sống của mình	

II.2 TÂM SỞ TÀ KIẾN - DIṬṬHICETASIKA

DUYÊN SANH KHỞI TÀ KIẾN có 2:

1/ **Tiếng nói của người khác:** truyền thuyết, suy luận siêu hình, những lời hư ngụy không đúng sự thật theo chân pháp (*nghe người khác nói làm cho mình phát sanh sự dính mắc theo*)

2/ **Không như lý tác ý** (*không khéo tác ý, ba phải, ai nói gì nghe đó, không phát sinh trí tuệ để suy xét vấn đề*)

NHÂN SANH TÀ KIẾN, có 5:

1/ Có khuynh hướng Tà kiến (*người có khuynh hướng tư tưởng liên hệ đến tà kiến*), Thường kiến (*thích những chủ trương về thường kiến: có đấng thần linh tạo hoá, tạo ra thứ gì đó thường hằng bất biến*), Đoạn kiến (*chết là hết, không có kiếp sau*)

2/ Thân cận người Tà kiến

3/ Hờ hững với Chánh pháp (*không quan tâm khi nghe nói đến Chánh pháp*)

4/ Nhiều suy luận sai lầm (*suy nghĩ về hưởng dục lạc, đời sống thú vui là tối thượng, ăn ngon sống trong nhung lụa là hạnh phúc tối thượng, hoặc Niết bàn là cõi đáng được hưởng thụ nên cố gắng tu niệm để về cõi Niết bàn hưởng ngọc ngà châu báu, hoặc điều bất khả tư nghì, năng lực thiền định thần thông, hoặc bàn tán về nghiệp quả => làm cho điên đảo sai lầm cuồng trí và tà tín*)

5/ Không khéo vượt ra sai lầm (*không đủ sức và trí tuệ để vượt ra*)

4 ĐIÊN ĐẢO PHÁP

1/ Vô thường cho là thường

2/ Khổ cho là Lạc

3/ Vô ngã cho là ngã (*không có tự ngã nào trong thân mình, mà mình cho là có, vô hình mình không thể thấy được*)

4/ Bất tịnh cho là tịnh: thân bất tịnh (*gồm tóc lông móng răng da thịt gân xương máu mủ đờm nhớt mà mình cho là đẹp, là tịnh*)

II.2 TÂM SỞ TÀ KIẾN - DIṬṬHICETASIKA



a. TRẠNG THÁI: khăng khít, cố chấp với điều không đúng với chân lý

b. PHẬN SỰ: suy xét sai sự thật

c. SỰ THÀNH TỰU: chấp cứng theo sự sai lầm

d. NHÂN CẦN THIẾT: không gặp bậc Hiền trí

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

↪ Có mặt trong 8 tâm Tham Hợp tà

↪ Hiệp cùng thể tánh Bất thiện

↪ Thuộc giống Bất thiện

↪ Đồng tương hợp với 2 thọ Hỷ và Xả

↪ Đồng sanh với 2 nhân Tham và Si

↪ Làm công tác đồng tốc Javana (7 sát na đồng tốc tạo nghiệp, tạo nhân cho nghiệp kiếp hiện tại, kiếp sau, kiếp tới và cho quả liên tục về sau)

↪ Tương ứng với Tứ Danh uẩn

↪ Bất tương ứng với Sắc uẩn

II/ TÂM SỞ THAM PHẦN - LOTIKACETASIKA

II.3 TÂM SỞ NGÃ MẠN - MĀNACETASIKA

từ căn Man: chấp, chõng lên nhau

Māna: tự đắc, tự kiêu, tự cao, tự mãn, so sánh giữa mình và người, ngạo mạn, tự tôn, tự ti mặc cảm

Tự hào điều mình có hơn người gọi là ngã mạn

MỘT SỐ PHÁP NÓI VỀ NGÃ MẠN, KIÊU HÃNH

Kiêu hãnh về:

Sanh Chủng, Họ Tộc, Sức Khỏe, Tuổi Thanh Niên, Đời Sống, Lợi Lộc, Sự Lễ Kính, Sự Trọng Vọng, Sự Tôn Vinh, Tuỳ Tùng, Tài Sản, Dung Sắc, Học Vấn, Biện Tài, Bậc Lão Thành, Khất Thực, Danh Dự, Oai Nghi, Thần Thông, Danh Tiếng, Giới Hạnh, Thiền Chứng, Nghề Nghiệp, Tài Cao, Khoáng Đạm, Địa Vị, Sự Sung Túc

9 SỰ Ỗ

(hơn - bằng - thua)

Nhóm hơn, có 3:

- 1/ Hơn ỷ Hơn
- 2/ Hơn ỷ Bằng
- 3/ Hơn ỷ Thua

Nhóm bằng, có 3:

- 1/ Bằng ỷ Hơn
- 2/ Bằng ỷ Bằng
- 3/ Bằng ỷ Thua

Nhóm thua, có 3:

- 1/ Thua ỷ Hơn
- 2/ Thua ỷ Bằng
- 3/ Thua ỷ Thua

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ NGÃ MẠN

a. TRẠNG THÁI: có sự lừng lẫy, kiêu căng, tự phụ

b. PHẬN SỰ: thúc đẩy làm cho các pháp tương ưng lừng lẫy

c. SỰ THÀNH TỰU: cống cao, tự đại

d. NHÂN CẦN THIẾT: có đối tượng so sánh

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

↪ Có mặt trong 8 tâm Tham Ly tà

↪ Hiệp cùng thể tánh Bất thiện

↪ Thuộc giống Bất thiện

↪ Đồng tương hợp với 2 thọ Hỷ và Xả

↪ Đồng sanh với 2 nhân Tham và Si

↪ Làm công tác đồng tốc Javana

↪ Tương ưng với Tứ Danh uẩn

↪ Bất tương ưng với Sắc uẩn

III/ TÂM SỞ SÂN PHẦN – MOCATUKACETASIKA

III.1 TÂM SỞ SÂN – DOSACETASIKA

Căn Du: khó chịu

Dosa: sân, nóng giận, phẫn nộ

Buồn rầu (SOKA), khóc than (PARIDEVA), khó chịu (DOMANASSA), sát hại (HIMSĀ), ác ý (PALĀSA), phẫn nộ (KODHA), khiếp đảm (BHERAVA), sợ hãi (BHAYA)



a. TRẠNG THÁI: thân tâm nóng nảy, thô tháo

b. PHẬN SỰ: làm cho tâm nóng nảy, thiêu đốt huỷ diệt đối tượng

c. SỰ THÀNH TỰU: phạm ác nghiệp, phá hoại, gây tổn hại cho mình, người hoặc cả 2

d. NHÂN CẦN THIẾT: có cảnh vật, đối tượng bất khả ý thiếu hiểu biết hay thiếu lý trí

Nguyên nhân phát khởi TÂM SÂN có 2

Ái ngã (tự thương mình, tự tôn mình, coi mình là số 1)

Ái sở ngã (những gì thuộc về mình)

CÓ 3 NHÓM TỪ 2 NHÂN TRÊN DO BỞI SUY TƯ THEO 3 THỜI

Nhóm 1: 1/ người ấy đã làm hại tôi
2/ người ấy đang làm hại tôi
3/ người ấy sẽ làm hại tôi

Nhóm 2 (thuộc về sở ngã):
1/ người ấy đã làm hại người thân của tôi
2/ người ấy đang làm hại người thân của tôi
3/ người ấy sẽ làm hại người thân của tôi

Nhóm 3:
1/ người ấy đã làm lợi đến kẻ thù của tôi
2/ người ấy đang làm lợi đến kẻ thù của tôi
3/ người ấy sẽ làm lợi đến kẻ thù của tôi

Và còn nhiều nguyên nhân khác như: buồn tủi, cô đơn, chán đời, gia đình bất hoà, công việc thất bại, thất tình, lo âu, sầu muộn ...

III.1 TÂM SỞ SÂN – DOSACETASIKA

=> Là nguyên nhân đưa đến sự phát sanh Tâm sở Sân trong đời sống hàng ngày rất thường xuyên, đầy đủ

=> bản thể của Tâm Sân này là pháp đưa đến sự tai hại rất trầm trọng làm cho thân bại danh liệt, nhà cửa tan nát, cho nên cố gắng giữ tâm mình luôn tỉnh giác, thức tỉnh, ghi nhớ, cần khéo tác ý

ĐẶC TÍNH NGƯỜI NẶNG VỀ SÂN có 6:

1/ Hung dữ	2/ Thù oán	3/ Bạc ơn (bội ân)	4/ Nâng cao mình	5/ Ganh tỵ	6/ Bỏn xẻn
------------	------------	--------------------	------------------	------------	------------

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

↪ Hiệp cùng 2 tâm Sân (vô trợ, hữu trợ)

↪ Thuộc thể tánh Bất thiện

↪ Thuộc giống Bất thiện (do thuộc giống, thuộc tánh nên chỉ cho sanh về cõi xấu, cõi ác hợp với nó)

↪ Sanh trong 11 cõi Dục giới (4 cõi Khổ và 7 cõi Dục giới và những cõi thiên sắc giới, Vô sắc giới thì nó không sanh được)

↪ Hiệp cùng 1 thọ (thọ Ưu)

↪ Làm công tác đồng tốc Javana (tạo nghiệp ngay trong kiếp hiện tại, gieo nhân ác thì bị quả trong kiếp hiện tại, kiếp sau, kiếp tới và những kiếp dài dài về sau)

↪ Tương ưng với Tứ Danh uẩn

↪ Bất tương ưng với Sắc uẩn

III/ TÂM SỞ SÂN PHẦN – MOCATUKACETASIKA

III.2 TÂM SỞ TẬT (GANH TỶ) - ISSĀ CETASIKA

I + căn SU: đố kỵ, ganh ghét, tật đố
ISSĀ: sự ganh tỵ, ganh tức với sự thành công của người khác, không chịu được khi thấy người khác hơn mình



a. TRẠNG THÁI: Là sự đố kỵ, ganh ghét với phần hơn hay sự thành đạt của người khác

b. PHẬN SỰ: không vừa lòng với phần hơn, phần trội nổi của người

c. SỰ THÀNH TỰU: tránh mặt, quay lưng với phần hơn của kẻ khác

d. NHÂN CẦN THIẾT: danh lợi, tài sản, hạnh phúc, sự thành đạt của kẻ khác hơn mình

LÒNG GANH TỶ
THƯỜNG PHÁT KHỞI
TRONG ĐỜI

Cùng nghề	Cùng môi trường hoạt động	Cùng chí hướng	Nghèo ganh giàu	Người ganh thú
Ganh vì lợi lộc	Ganh vì tín ngưỡng	Ganh vì sự trọng vọng danh tiếng	Ganh vì sự tôn vinh vinh danh	Ganh vì sự cúng dường

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

- ↪ Hiện hữu trong 2 tâm Sân (vô trợ, hữu trợ)
- ↪ Hiệp cùng thể tánh Bất thiện
- ↪ Thuộc giống Bất thiện
- ↪ Tương hợp với Thọ Ưu
- ↪ Đồng sanh với 2 nhân Sân và Si
- ↪ Làm công tác đồng tốc Javana
- ↪ Tương ứng với Tứ danh uẩn
- ↪ Bất tương ứng Sắc uẩn

III/ TÂM SỞ SÂN PHẦN – MOCATUKACETASIKA

III.3 TÂM SỞ LẬN - MACCHARIYAM CETASIKA

Macchariya: Bỏ xén, sang tham, keo kiệt, hà tiện, bòn rít

Căn Mā: đừng, không được

Accha: Trong sạch, tinh khiết, chói sáng, hiển lộ

Ariya: điều cao quý, tốt đẹp

Macchariyam: Đừng, không được cho điều cao quý, tốt đẹp, tinh khiết hiển lộ

Giấu nệ sự thành đạt, sự thịnh vượng của mình

Che dấu, làm cho không ai biết sự thành đạt của mình sẽ có hoặc đã có

Không muốn cho ai những gì thuộc về mình

Không muốn chia sẻ cái mình có cho ai

Không muốn, ngăn cản không cho người khác cho

Thấy người khác cho vật tốt ... tiếc nuối

Cho rồi sanh tiếc nuối

5 LOẠI BỎ XÉN

1/ Bỏ xén chỗ ở

2/ Bỏ xén thân tộc

3/ Bỏ xén lợi lộc

4/ Bỏ xén dung sắc, danh tiếng

5/ Bỏ xén Pháp

TRƯỜNG HỢP KHÔNG CHIA SẺ KHÔNG LÀ BỎ XÉN

Không cho rượu, thuốc gây tác hại

Không cho tiền bạc sử dụng vào việc xấu

Không cho chỗ ở, trú xứ đến người ác

Trục xuất những thành phần gây tác hại tới người xung quanh

Không khen thưởng những kẻ ngạo mạn, hoặc khen tặng biết sẽ sanh cao ngạo

Không thí pháp đến hạng người mượn hoa cúng Phật, gạt gẫm, trục lợi hoặc đấu đá binh khí miệng lưỡi

III.3 TÂM SỞ LẬN - MACCHARIYAM CETASIKA



a. TRẠNG THÁI: che dấu tài sản hay sự thành đạt của mình

b. PHẬN SỰ: không chịu chia sẻ hoặc cho người khác liên hệ đến tài sản của mình

c. SỰ THÀNH TỰU: không san sẻ tài sản, bòn rít, không cho ra

d. NHÂN CẦN THIẾT: là tài sản, sự thành đạt của mình

Cho gì là cho Lực? Cho gì là cho Sắc? Cho gì là cho Lạc? Cho gì là cho Mắt? Cho gì cho Tất cả?

ĐỨC THỂ TÔN GIẢNG GIẢI:

"Cho ăn là cho lực / Cho mặc là cho sắc / Cho xe là cho lạc / Cho đèn là cho mắt / Cho trú xứ là cho tất cả"

AI GIẢNG DẠY CHÁNH PHÁP, VỊ ẤY CHO BẤT TỬ

**NHỮNG
ĐIỀU CẦN
GHI NHỚ:**

↪ Có mặt trong 2 tâm Sân (vô trợ, hữu trợ)

↪ Hiệp cùng thể tánh Bất thiện

↪ Thuộc giống Bất thiện

↪ Đồng sanh với 2 nhân Sân và Si

↪ Tương hợp với 1 Thọ là Thọ Ưu

↪ Làm công tác đồng tốc Javana (tạo nghiệp ngay trong kiếp hiện tại, gieo nhân ác thì bị quả trong kiếp hiện tại, kiếp sau, kiếp tới và những kiếp dài dài về sau)

↪ Tương ứng với Tứ danh uẩn

↪ Bất tương ứng sắc uẩn

III/ TÂM SỞ SÂN PHẦN – MOCATUKACETASIKA

III.4 TÂM SỞ HỐI - KUKKUCCACETASIKA

Ku: xấu, quấy

Kukkuccaṃ: Trạng thái của người bồn chồn lo âu, hối hận vì đã có hành động sai lầm

Kukkucca: Ân hận, Lo âu, Bối rối

NHÂN SANH HỐI HẬN, RAY RÚT NỘI TÂM, có 2

1/ Việc ác đã làm

2/ Việc thiện đã không làm

PHÂN LOẠI TÂM SỞ HỐI, có 4

1/ Việc không đáng làm nghĩ là đáng

2/ Việc đáng làm nghĩ không đáng

3/ Việc không tội, nghĩ tội

4/ Việc tội, nghĩ không tội

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ HỐI

a. TRẠNG THÁI: là cách hối tiếc, hối hận, ray rút việc đã qua

b. PHẬN SỰ: làm cho tâm bức bối ray rút với việc đã qua

c. SỰ THÀNH TỰU: có sự ân hận, hối hận trong tâm

d. NHÂN CẦN THIẾT: có việc xấu- ác, đã làm, việc lành việc phước không làm được

“Idha socati pecca socati. / Pāpakārī ubhayattha socati. / So socati so vihaññati. / Disvā kammakilitthaṃ attano.”

Ở đây sầu muộn. Sau đây sầu muộn. Trong cả hai trạng thái người hành ác đều sầu muộn. Sầu muộn, phiền khổ, vì nhận thức tính cách nhiễm ô của chính hành động mình.”

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ:

↪ Có mặt trong 2 tâm Sân (vô trợ, hữu trợ)

↪ Hiệp cùng thể tánh Bất thiện

↪ Thuộc giống Bất thiện

↪ Đồng sanh với 2 nhân Sân và Si

↪ Tương hợp với 1 Thọ là Thọ Ưu

↪ Làm công tác đồng tốc Javana

↪ Tương ưng với Tứ danh uẩn - Bất tương ưng sắc uẩn

IV/ TÂM SỞ HÔN PHẦN – THĪDUKACETASIKA

IV.1 TÂM SỞ HÔN TRẦM - THĪNACETASIKA

Hôn: hôn ám, mờ tối

Trầm: chìm đắm, trầm mê trong bóng tối

Thina căn từ The: co rút lại

Thena = thana = thina: là trạng thái co rút như lông gà trước ngọn lửa, Trạng thái ương yếu bệnh hoạn, sự co rúm không muốn hoạt động, không nhạy bén, sự lười biếng đã dười, sự mất linh hoạt làm cho Tâm và Tâm sở bị trì trệ

Đối nghịch với Hôn trầm là Tinh tấn

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ HÔN TRẦM

a. TRẠNG THÁI: là cách lười biếng chặn đứng sự siêng năng

b. PHẬN SỰ: rời bỏ tinh tấn làm cho không còn siêng năng tích cực đưa đến ngoại lộ tâm bước vào hộ kiếp

c. SỰ THÀNH TỰU: là tâm bị lui sụt

d. NHÂN CẦN THIẾT: không khéo tác ý, vụng dụng tâm

IV.2 TÂM SỞ THUY MIÊN - MIDDHACETASIKA

Thuy: buồn ngủ, ngủ gật

Miên: ngủ (Thất miên là mất ngủ, Thôi miên là khiến ai đó đi vào giấc ngủ)

Middha căn từ Middh: không có khả năng hoạt động

Middha: trạng thái bần thần, đã dười, buồn ngủ, uể oải, phản ánh tâm trạng không còn hăng hái, không còn năng nổ hoạt động

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ THUY MIÊN

a. TRẠNG THÁI: không thích hợp với việc làm

b. PHẬN SỰ: che đậy Tâm

c. SỰ THÀNH TỰU: ngủ mơ màng hay là buồn ngủ

d. NHÂN CẦN THIẾT: không khởi sinh tác ý đúng

IV/ TÂM SỞ HÔN PHẦN – THĪDUKACETASIKA

SỰ GIỐNG VÀ KHÁC GIỮA 2 TÂM SỞ HÔN TRẦM - THUY MIÊN

Giống nhau

Mất khả năng ngăn chặn sự linh hoạt của các pháp đồng sanh

Cùng đối nghịch với tinh tấn

Làm cho các pháp trở nên thô cứng, sượng sùng, khó thích ứng

Khác nhau

HÔN TRẦM: làm cho tâm trở nên thụ động, lười nhác

THUY MIÊN: tác động làm cho tâm và tâm sở rơi vào trạng thái buồn ngủ

HÔN TRẦM - THUY MIÊN
khi phát triển mạnh trở thành Hôn thuy cái

Hôn Thuy cái - THINAMIDDHA NĪVĀRAṆA, khi chúng phát mạnh thì sẽ trở thành chướng ngại của Thiền định và Đạo quả

Thân mệt mỏi do làm việc quá độ cần nghỉ ngơi nhưng tâm chưa buồn ngủ, uể oải

Các vị A La Hán không còn Hôn Thuy, nhưng khi thân mệt vẫn ngủ, đưa tâm vào Hộ kiếp ngay

Cả 2 Tâm sở Hôn trầm và Thuy miên phát lộ là khi sắp ngủ (có chỗ nói khi vừa thức giấc)

Ác ma hỏi Đức Thế Tôn “Sao Ngài còn nằm ngủ. Sao Ngài vẫn nằm ngủ. Sao Ngài ngủ như vậy. Như kẻ chết nằm co. Nghĩ rằng nhà trống không. Nên Ngài ngủ như vậy. Sao Ngài ngủ như vậy. Khi mặt trời đã mọc.”

ĐỨC THẾ TÔN TRẢ LỜI: “Khi không còn tham ái. Với lưới triền, nọc độc. Người như vậy giải thoát. Không bị dẫn nơi nào. Ác ma, bậc Giác ngộ. Mọi sanh y diệt tận. Vị ấy nếu có ngủ. Nhà người làm được gì?”

IV/ TÂM SỞ HÔN PHẦN – THĪDUKACETASIKA

CHỮA TRỊ 2 PHÁP HÔN THỤY

Tác ý đến 8 khổ nạn

1/ Khổ Sanh	2/ Khổ Già	3/ Khổ Bệnh	4/ Khổ Chết	5/ Khổ Địa ngục	6/ Khổ Bàn sanh	7/ Khổ Ngạ quỷ	8/ Khổ Atula
-------------	------------	-------------	-------------	-----------------	-----------------	----------------	--------------

TRỪ DIỆT 2 PHÁP HÔN THỤY ĐANG SANH (ĐANG XÂM NHẬP), có 10 cách:

- 1/ Chớ có tác ý đến nó, chớ có tưởng nhiều đến nó
- 2/ Quán xét pháp đã nghe đã học để làm tăng trưởng Tâm Tứ
- 3/ Đọc, tụng kinh 1 cách rộng rãi
- 4/ Kéo 2 lỗ tai, xoa bóp chân
- 5/ Đứng dậy đi rửa mắt nhìn về phía chân trời, nhìn lên các vì sao lấp lánh
- 6/ Tác ý đến quang tướng Nimitta (ánh sáng)
- 7/ Trú tâm trên chỗ đi kinh hành: tưởng trước mặt, tưởng sau lưng (lưu ý khoảng cách trước mặt hay biến chuyển sau lưng)
- 8/ Hướng nội không hướng ngoại (lưu ý trong tâm)
- 9/ Đi ngủ, nằm dáng sư tử, chánh niệm tỉnh giác, tác ý tưởng thức giấc
- 10/ Thức dậy phải thật mau để diệt Hôn Thụy

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ GIỮA 2 TÂM SỞ HÔN TRẦM VÀ THỤY MIÊN

- ↪ Có mặt trong 5 Tâm bất thiện hữu trợ (4 tham hữu trợ, 1 sân hữu trợ)
- ↪ Hiệp cùng thể tánh Bất thiện
- ↪ Thuộc giống Bất thiện
- ↪ Tương hợp với 3 thọ là: Hỷ - Ưu và Xả
- ↪ Đồng sanh với 3 nhân Tham, Sân và Si
- ↪ Làm công tác đồng tốc Javana
- ↪ Tương ưng với Tứ danh uẩn - Bất tương ưng sắc uẩn

BUỔI 49 – 27.09.2019 – nghi

BUỔI 50 – 03.10.2019 – ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1134023393434751>

V/ TÂM SỞ HOÀI NGHI – VICIKICCHĀCETASIKA

Vi + căn Kit + Cha: nghi ngờ, ko quyết định
Vicikicchā: Nghi ngờ, phân vân, lưỡng lự, không quyết đoán

PHÂN LOẠI NGHI, có 2

1/ Nghi thông thường

2/ Nghi đặc biệt, có 2:

a. Nghi về đạo đức: tốt - xấu, thiện - bất thiện

b. Nghi về tín ngưỡng: Đức Phật toàn giác toàn tri? Pháp của Ngài có mang đến lợi ích? Ngài có đạt quả vị Phật?

HOÀI NGHI VỀ THỰC TÍNH PHÁP, có 8 cách

1/ Hoài nghi Ân đức Phật (tịnh, tri, trí)	2/ Hoài nghi Ân đức Pháp	3/ Hoài nghi Ân đức Tăng	4/ Hoài nghi Tam học (giới, định, tuệ)	5/ Hoài nghi về Quá khứ	6/ Hoài nghi về Vị lai	7/ Hoài nghi về Hiện tại	7/ Hoài nghi về lý duyên khởi
---	--------------------------	--------------------------	--	-------------------------	------------------------	--------------------------	-------------------------------

HOÀI NGHI VỀ ĐỨC PHẬT, có 5 điều:

1/ Đức Phật có thật sự chứng đắc nhất thiết trí không?	2/ Hào quang của đức Phật có chiếu sáng nơi khuất không?	3/ Hào quang của Đức Phật phóng ra khi suy xét về tạng luận Abhidhamma có đúng và đầy đủ chăng?	4/ Đức Phật dùng song thông lược nhiếp phục hàng ngoại đạo rồi an cư mùa mưa ở cung trời Đạo lợi có thật chăng?	5/ Ngài có thật sự diệt trừ vô minh bằng năng lực trí tuệ không?
--	--	---	---	--

HOÀI NGHI VỀ ÂN ĐỨC PHÁP, có 4 điều:

1/ Sự đắc chứng 4 thánh đạo có hay không	2/ Sự thành đạt 4 thánh quả có hay không	3/ Trạng thái niết bàn có phải là vắng lặng chấm dứt khổ không	4/ Giáo pháp của Đức Phật có phải là 84 ngàn pháp uẩn không
--	--	--	---

=> Lời dạy của đức Phật là gì, có bao nhiêu giáo lý tất cả?

Xác nhận từ Ngài Ananda: Ta nhận được từ Đức Phật là 82 ngàn pháp uẩn, Nhận từ chư Tỳ khưu (bậc Alahan) 2 ngàn pháp uẩn.

V/ TÂM SỞ HOÀI NGHI – VICIKICCHĀCETASIKA

NGHI VỀ 3 THỜI:

Quá khứ - Hiện tại - Vị lai

Quá khứ, có 5:

1/ không biết kiếp trước có ta không?

2/ Hay là kiếp trước ta không có?

3/ Nếu kiếp trước ta có, ta là gì?

4/ Nếu ta là người thì là người như thế nào?

5/ Nếu ta là người, cách sinh hoạt của ta khi ấy ra sao?

Vị lai, có 5:

1/ Kiếp sau ta sẽ có phải không?

2/ Hay là kiếp sau ta không có?

3/ Kiếp sau nếu có ta, ta sẽ là gì?

4/ Làm thế nào kiếp sau có được ta?

5/ Kiếp sau có ta, ta sẽ ra sao?

Hiện tại, có 5:

1/ Đây là ta phải chăng?

2/ Cái gì là ta trong hiện tại đây?

3/ Ta có mặt để làm gì?

4/ Ta sẽ thành đạt hay thất bại ra sao, vận mệnh như thế nào?

5/ Chúng sanh có mặt trong hiện tại từ đâu có?

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ NGHI

a. TRẠNG THÁI: là cách hoài nghi

b. PHẬN SỰ: làm cho lung lay, dao động, lượng lự phân vân

c. SỰ THÀNH TỰU: không thể quyết đoán, không cương quyết

d. NHÂN CẦN THIẾT: không khéo tác ý

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ

↪ Có mặt trong Tâm Si Hoài nghi

↪ Hiệp cùng thể tánh Bất thiện

↪ Thuộc giống Bất thiện

↪ Tương hợp với 1 thọ là: thọ Xả

↪ Đồng sanh với nhân Si

↪ Làm công tác đồng tốc Javana

↪ Tương ứng với Tứ danh uẩn - Bất tương ứng sắc uẩn

PHẦN KẾT TÂM SỞ BẤT THIỆN:

**Những Tâm sở
trực tiếp đối trị
Tâm sở Bất
thiện**

TRÍ

SI

TÀM

VÔ TÀM

QUÝ

VÔ QUÝ

NIỆM

PHÓNG
DẬT

VÔ THAM

THAM

CHÁNH
KIẾN

TRỪ

TÀ KIẾN

VÔ THAM

THAM và
NGÃ MẠN

VÔ SÂN

SÂN

TUỖ HỖ

TẬT ĐÓ

BI trừ LẶN

THAM

HÀNH XẢ

HÓI

NHU TÂM

HÔN TRÂM

NHU THÂN

THUY MIÊN

THẮNG
GIẢI

NGHI

VỀ 5 TRIỀN CÁI

Chi TÂM

HÔN THUY CÁI

Chi TƯ

HOÀI NGHI CÁI

Chi HỖ

**ĐỐI
TRỊ**

SÂN ĐỘC CÁI

Chi LẠC

TRẠO HỐI CÁI

Chi ĐỊNH

THAM DỤC CÁI

**Nhóm 3: TÂM SỞ TỊNH HẢO –
SOBHANA CETASIKA**

Sobhana: Chói sáng, Rực rỡ, Tịnh hảo

Tịnh: Sạch, Tinh nguyên, Thanh tịnh

Hảo: tốt, lành, đẹp, hay, giỏi, khéo, đúng

Có 25 Tâm, chia làm 4 nhóm

**I. SOBHANASĀDHĀRAṆĀ - TÂM SỞ
TỊNH HẢO BIẾN HÀNH, có 19 tâm**

1. TÍN - SADDHA
2. NIỆM - SATI
3. TÂM - HIRI
4. QUÝ - OTTAPPAṂ
5. VÔ THAM - ALOBHOCETASIKA
6. VÔ SÂN - ADOSA CETASIKA
7. HÀNH XẢ - TATRAMAJJHATTATĀ
8. TỊNH THÂN - KĀYA PASSADDHI
9. TỊNH TÂM - CITTA PASSADDHI
10. KHINH THÂN - KĀYALAHUTĀ
11. KHINH TÂM - CITTALAHUTĀ
12. NHU THÂN - KĀYAMUDUTĀ
13. NHU TÂM - CITTAMUDUTĀ
14. THÍCH THÂN - KĀYAKAMMAÑÑATĀ
15. THÍCH TÂM - CITTA-KAMMAÑÑATĀ
16. THUẦN THÂN - KĀYAPĀGUÑÑATĀ
17. THUẦN TÂM - CITTA-PĀGUÑÑATĀ
18. CHÁNH THÂN - KĀYUJJUKATĀ
19. CHÁNH TÂM - CITTUJJUKATĀ

TÂM SỞ TỊNH HẢO,
có 3 nghĩa:

là những
trạng thái
tốt, đẹp,
trong
lành,
đúng đắn

có liên
hện đến 3
nhân
thiện "Vô
tham, Vô
sân, Vô si"

khi chúng
có mặt thì
các Tâm,
Tâm sở
bất thiện
biến mất

II. VIRATIYO –

GIỚI PHẦN, có 3 tâm

1. CHÁNH NGŨ -
SAMMĀVĀCĀ
2. CHÁNH NGHIỆP -
SAMMĀKAMMANTO
3. CHÁNH MẠNG - SAMMĀ
ĀJĪVO

III. APPAMAÑÑĀ –

VÔ LƯỢNG PHẦN, có 2 tâm

- 1/ TÂM BI - KARUNĀ
- 2/ TÂM HỖ - MUDITĀ

**IV. PAÑÑINDRIYA - TUỆ
QUYỀN, có 1 tâm.**

**Ý NGHĨA TỊNH
HẢO, có 5**

Không bệnh

Tốt đẹp

Khôn khéo

Không tội lỗi

Có quả an vui

I. SOBHANASĀDHĀRAṆĀ - TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH

I.1 TÍN – SADDHA

"Sam", tốt đẹp + căn "dah", thiết lập, đặt lên, để trên, Tốt đẹp + thiết lập đặt lên để trên

+ Lòng tin, đức tin, sự tin tưởng

+ Đặt tâm trên đối tượng 1 cách đúng đắn, chân chánh

+ Trong sạch hoá Tâm, Tâm sở

+ Nghi hoặc bị tiêu trừ

+ Chánh tín

+ Diệt tà tín

PHÂN LOẠI TÍN,
có 2:

1/ TÀ TÍN - MICCHĀSADDHĀ: tin sai, tin vào những điều không thật

cuồng tín: đặt niềm tin vào đối tượng 1 cách thiên nặng, cực đoan, tà kiến nặng

mê tín:

- ↳ tin vào các vấn đề vô căn cứ
- ↳ tin có linh hồn trường cửu bất biến
- ↳ tin có đấng sáng tạo chủ
- ↳ tin có thần linh ban phúc giáng họa
- ↳ tin vào các lễ nghi cúng tế: đốt giấy tiền vàng bạc... gửi xuống âm phủ
- ↳ tin vào các lối tu sai lạc như: khổ hạnh, tu hạnh bò, chó, hạnh khoả thân ...
- ↳ tin do nghe đồn có Phật, Thần... linh ứng

2/ CHÁNH TÍN - SAMMĀSADDHĀ: tin đúng, tin vào những điều thật có (như tin nghiệp, tin quả, tin vào tư nghiệp, tin vào sự giác ngộ của Đức Thế Tôn)

TÍN CÓ 2 (PHÂN THEO NGƯỜI)

1/ Phàm Tín: niềm tin chưa vững chắc vẫn có thể thay đổi nằm trong 2 loại tín trên

2/ Thánh Tín: niềm tin vững chắc không thể thay đổi (của Bạc Thánh Tu đà hườn trở lên)

THẬT VÀ KHÔNG THẬT

+ Điều KHÔNG THẬT tin là có THẬT = Tà tín (vd: linh hồn xuất ra khi người chết đi, hoặc linh hồn vất vưởng 49 ngày chờ tái sinh)

+ Điều THẬT CÓ cho là KHÔNG CÓ = Tà tín (vd: không tin đời sống vô thường, là thay đổi, là biến diệt, không tin sinh tử luân hồi trong 31 cõi)

**I. SOBHANASĀDHĀRAṆĀ -
TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH**

I.1/ TÍN – SADDHA

**TÍN LÀ PHÁP
TỊNH HẢO,
ĐỒNG SANH
TRONG CÁC
TÂM TỊNH HẢO
NHƯ:**

👉 Trong Tâm Thiện DGTH: làm các thiện sự lý trí hoặc hợp trí đều có tín, chánh tín khởi đầu trong thiện pháp

👉 Trong Tâm Quả Thiện DGTH: làm công tác tục sinh của người nhị nhân (vô tham vô sân), tam nhân (vô tham vô sân vô si), tín trợ lực cho trong sạch hoá các tâm, tâm sở đồng sanh.

👉 Trong Tâm Duy Tác DGTH: gọi là Thánh tín

👉 Trong các Tâm Đáo Đại (Sắc Giới, Vô Sắc Giới): tín trợ cho Tâm được chứng đắc các tầng thiền (tín lực)

👉 Trong các Tâm Siêu Thế: tín trở nên bất động vì đã thấy rõ chân diệu pháp



**I. SOBHANASĀDHĀRAṆĀ -
 TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH**

I.1/ TÍN – SADDHA



A. Tin Phật, có 4

1/ do Sắc tướng của Ngài

2/ do Âm thanh của Ngài

3/ do Tâm bình đẳng của Ngài

4/ do nghe Pháp của Ngài

B. Tin Pháp

1/ Do nhận định rõ Tam tướng (vô thường - khổ - vô ngã)

2/ Bất chánh đạo

C. Tin Tăng: 4 bậc thánh quả (4 đôi 8 vị)



a. TRẠNG THÁI: tin tưởng, tin vào Tam bảo, nghiệp báo nhân quả

b. PHẬN SỰ: trong sạch hoá làm cho Tâm đặt để niềm tin vào các điều chân chánh

c. SỰ THÀNH TỰU: không nhớ bản do mê tín

d. NHÂN CẦN THIẾT: có những điều đáng tin tưởng (Tam bảo, nghiệp quả)



- ↪ Có mặt trong các Tâm Tịnh hảo
- ↪ Đồng sanh 24 Tâm sở tịnh hảo còn lại và 13 Tâm sở tợ tha
- ↪ Hiệp cùng thể tánh Thiện, Vô ký
- ↪ Thuộc giống Thiện, Quả và Duy tác
- ↪ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (vô tham, vô sân, vô si)
- ↪ Tương hợp với 2 Thọ: Hỷ và Xả
- ↪ Tương ưng với Tứ danh uẩn
- ↪ Bất tương ưng Sắc uẩn

I. SOBHANASĀDHĀRAṆĀ - TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH

I.2 TÂM SỞ NIỆM - SATI

căn sar: hồi nhớ, nhớ đến

sar + a =sarati: ghi nhớ, mang theo

+ hồi nhớ lại do gìn giữ

+ kêu gọi đem trở lại tâm

+ sự chú tâm hồi nhớ

+ mang trong tâm cái gì nghịch nghĩa với trạng thái nông cạn và lãng quên

+ sự chú tâm xem như 1 khả năng, 1 năng lực, chánh niệm

+ Ghi nhận, nhận thức, tỉnh thức, biết rõ Thân Thọ Tâm Pháp

SATI nếu khéo huấn luyện sẽ đưa đến **Túc mạng minh** -
PUBBENIVĀSĀNUSSATI
ÑĀṆAM

ĐẶC
TÍNH
CỦA
NIỆM ĐỐI
VỚI ÁC
VÀ
THIỆN

a. Đối với Ác pháp

Gìn giữ không cho các ác pháp sinh khởi

Niệm diệt các ác pháp đã sanh

b. Đối với Thiện pháp

Gìn giữ không cho các thiện pháp bị bỏ quên

Để các thiện pháp được hiện khởi liên tục

THỰC TRẠNG
CỦA NIỆM

Không quên

Không trôi nổi
như sương

Ghim sâu, chìm
sâu, ghi nhớ sâu

I. SOBHANASĀDHĀRAṆĀ - TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH

I.2 TÂM SỞ NIỆM - SATI

NIỆM – SATI: ghi nhận, ghi nhớ đơn thuần (cả tục để lẫn chân để)

a/ Chánh niệm – SAMMASATI (sammā + sati): ghi nhận rõ, biết rõ chân để pháp, vô thường, khổ, vô ngã

BỐN LỢI ÍCH CỦA CHÁNH NIỆM:

1/ pháp tính của đời

2/ pháp hằng đưa đến sự tiến hoá

3/ hưởng được an vui

4/ hàng ngày đời sống đặc biệt hơn

NHÂN SANH NIỆM GIÁC CHI có 4:

Là 1 trong 7 pháp đưa đến sự giác ngộ

1/ Chánh niệm lương tri

2/ Tránh người lẫn và hay quên

3/ Thân cận người có chánh niệm vững

4/ Chăm chú với Thân, Tâm hành động

b/ Tà niệm - MICCHĀSATI:

- + ghi nhận sai lệch, ghi nhớ lệch lạc, tưởng lầm lẫn
- + Tà niệm chắc chắn không phải do Tâm sở Niệm điều dẫn mà do Tâm sở Tưởng phối hợp với Tham, Sân hoặc Si và Tà kiến sai sử

THIỆN CHO LÀ BẤT THIỆN

bổ thí sẽ không có kết quả gì, chẳng đem lợi ích chi

trì giới không phải thiện pháp vì nó trói buộc đời sống chúng sanh

tham thiền chẳng lợi ích gì, chết là hết

BẤT THIỆN CHO LÀ THIỆN

Thuốc cho bệnh nhân chết vì thấy để sống thêm sẽ khổ, cho chết tốt hơn

Cướp người giàu giúp người nghèo ...

c/ Thất niệm – SAMMOHASATI

- + Mất đi sự ghi nhớ, mê muội
- + Phóng dật là chi pháp của thất niệm

I. SOBHANASĀDHĀRANĀ - TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH

I.2 TÂM SỞ NIỆM - SATI

NIỆM LÀ TÂM SỞ TỊNH HẢO: có mặt trong các Tâm tịnh hảo

- + với **Tâm thiện DGTH Ly trí** (không có trí tuệ, sở hữu vô trí): Niệm chỉ ghi nhận các pháp tục đế, chưa thấy được thực tính pháp
- + với **Tâm thiện DGTH hợp trí**: Niệm ghi nhận được thực tính pháp
- + với **Tâm Đáo đại** (thiện sắc giới, vô sắc giới): Niệm hỗ trợ cho định được vững mạnh (niệm lực)
- + với **Tâm Siêu thế** (tâm đạo, tâm quả): Niệm trở thành 1 trong bát chi đạo tức chánh niệm



- a. **TRẠNG THÁI**: cách tỉnh thức không sơ ý, không trôi nổi
- b. **PHẬN SỰ**: ghi nhớ, làm cho không quên
- c. **SỰ THÀNH TỰU**: trau dồi tâm kháng khí với cảnh, canh giữ, bảo vệ 6 căn
- d. **NHÂN CẦN THIẾT**: biết vững chắc

**NIỆM TRONG
TỨ NIỆM XỨ**

1/ **NIỆM THÂN**: ghi nhận cả 2 pháp Tục đế và Chân đế

2/ **NIỆM THỌ - TÂM - PHÁP**: ghi nhận toàn Chân đế

BUỔI 55 – 12.12.2019 – ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/707493669657301>

A/ NIỆM THÂN: có 6 mục

1/ Hơi thở

2/ Đại oai nghi: đi, đứng, ngồi, nằm, ngồi, đứng đi.

3/ Tiểu oai nghi



4/ 32 thể trước chia làm 2 nhóm: Địa đại và Thủy đại

4.1/ Nhóm ĐẤT – PATHAVĪDHĀTU, Địa đại:

1. Kesā : Tóc (mọc trên da đầu)
2. Lomā : Lông (mọc toàn da thân)
3. Nakhā : Móng (mọc 10 đầu ngón tay, 10 ngón chân)
4. Dantā : Răng (mọc 2 hàm răng trên và dưới)
5. Taco : Da (bao bọc toàn thân)
6. Maṃsaṃ : Thịt (dính với xương)
7. Nahāru : Gân (có toàn thân)
8. Aṭṭhi : Xương
9. Aṭṭhimiñjaṃ : Tủy
10. Vakkam : Thận
11. Hadayaṃ : Trái tim
12. Yakanam : Gan
13. Kilomakam : Màng phổi
14. Pihakam : Bao tử
15. Papphasam : Buồng phổi
16. Antam : Ruột già
17. Antagunam : Ruột non
18. Udariyam : Vật thực mới
19. Kaṛisaṃ : Phần
20. Mattaluṅgam : Ốc

4.2/ Nhóm NƯỚC – ĀPODHĀTU, Thủy đại:

21. Pittam : Mật
22. Semham : Đàm
23. Pubbo : Mủ
24. Lohitam : Máu
25. Sedo : Mồ hôi
26. Medo : Mỡ đặc
27. Assu : Nước mắt
28. Vasā : Mỡ lỏng
29. Khelo : Nước miếng (bọt)
30. Singhāṇikā : Nước mũi
31. Lasikā : Nước nhớt trong các khớp xương
32. Muttam : Nước tiểu

5/ Tứ đại: Đất, Nước, Lửa, Gió

6/ Tứ thi:

a/ một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa một, hai, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra;

b/ bị các loài quạ, điều hâu, chim, kên kên; côn trùng ăn

c/ với các xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cốt lại, cột lại;

d/ với các xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại; với các xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại và chỉ còn xương không dính lại với nhau rải rác chỗ này chỗ kia, ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, xương bắp vế ...

=> Toàn xương trắng màu vỏ ốc, chỉ còn có đồng xương lâu hơn 1 năm và chỉ còn có xương thối trở thành bột



B. NIỆM THỌ, có 3:

1/ Khổ Thọ

2/ Lạc Thọ

3/ Xả Thọ

Thuộc vật chất (thuộc về thân của mình), không thuộc vật chất - Nội phần (thuộc về Tâm), Ngoại phần – Sanh, diệt

C. NIỆM TÂM, có 6 nhóm:

Nhóm 1: THAM - SÂN – SI

"Với tâm có tham, biết rằng tâm có tham"; hay
"Với tâm không tham, biết rằng tâm không tham"; hay
"Với tâm có sân, biết rằng tâm có sân"; hay
"Với tâm không sân, biết rằng tâm không sân"; hay
"Với tâm có si, biết rằng tâm có si"; hay
"Với tâm không si, biết rằng tâm không si"

Nhóm 2: THÂU NHIẾP (GOM LẠI) VÀ TÁN LOẠN

"Với tâm thâu nhiếp, biết rằng tâm được thâu nhiếp"; hay
"Với tâm tán loạn, biết rằng tâm bị tán loạn"

Nhóm 3: QUẢNG ĐẠI VÀ KHÔNG QUẢNG ĐẠI

"Với tâm quảng đại, biết rằng tâm được quảng đại"; hay
"Với tâm không quảng đại, biết rằng tâm không được quảng đại"

Nhóm 4: HỮU HẠN VÔ HẠN (HỮU THƯỢNG)

"Với tâm hữu hạn, biết rằng tâm hữu hạn"; hay
"Với tâm vô thượng, biết rằng tâm vô thượng"

Nhóm 5: Định và Không định

"Với tâm có định, biết rằng tâm có định"; hay
"Với tâm không định, biết rằng tâm không định"

Nhóm 6: Giải thoát và Không giải thoát

"Với tâm giải thoát, biết rằng tâm có giải thoát"; hay
"Với tâm không giải thoát, biết rằng tâm không giải thoát"



D. NIỆM PHÁP, có 5 nhóm:

1/ 5 **triền cái**: Tham dục, Sân hận, Hôn thuy, Trạo hối, Nghi

2/ 5 **thủ uẩn**: Sắc Thọ Tướng Hành Thức

3/ 6 **Nội xứ** (Nhãn Nhĩ Tỷ Thiệt Thân Ý) - 6 Ngoại xứ (Sắc Thinh Khí Vị Xúc Pháp)

4/ **Thất giác chi**: Niệm - Trạch - Tấn - Hỷ - Khinh - Định - Xả

5/ **Tứ diệu đế**: Khổ - Tập - Diệt - Đạo

+ thế nào Khổ Thánh đế?

Sanh là khổ, già là khổ, chết là khổ, Sầu, Bi, Khổ, Ưu, Nỗi là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại Năm Thủ uẩn là khổ

+ thế nào là Khổ tập Thánh đế?

Sự tham ái đưa đến tái sanh, câu hữu với Hỷ và Tham, tìm cầu Hỷ Lạc chỗ này chỗ kia. Như Dục Ái, Hữu Ái, Vô Hữu Ái

+ thế nào là Khổ diệt Thánh đế?

Sự diệt tận không còn luyến tiếc Tham Ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy)

+ thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế?

Đó là bát chi Thánh đạo, tức Chánh Kiến - Chánh Tư Duy - Chánh Ngữ - Chánh Nghiệp - Chánh Mạng - Chánh Tinh Tấn - Chánh Niệm - Chánh Định

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ

↪ Có mặt trong các Tâm Tịnh hảo

↪ Đồng sanh 24 Tâm sở Tịnh hảo còn lại và 13 Tâm sở Tợ tha

↪ Hiệp cùng thể tánh Thiện, Vô ký

↪ Thuộc giống Thiện, Quả và Duy tác

↪ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)

↪ Tương hợp với 2 Thọ: Hỷ và Xả

↪ Tương ứng với Tứ danh uẩn

↪ Bất tương ứng Sắc uẩn

**I. SOBHANASĀDHĀRANĀ -
TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH**

I.3 TÂM SỞ TÂM - HIRI

+ Tâm: thẹn, xấu hổ, tự tâm hình ố, tự thẹn mình xấu

+ Hiri: e ngại, e dè, hổ thẹn, xấu hổ, mắc cỡ với các điều xấu, điều tội lỗi có thể phát sanh từ thân khẩu, nên hổ thẹn.

Một số từ khác:

↪ Lương tâm (người có lương tâm nên không dám làm ác)

↪ Ngăn ngừa: cảm thấy hổ thẹn không cho thân khẩu ác pháp sanh

**5 PHÁP LÀM
PHÁT SANH TÂM**

1/ Dòng tộc
cao quý

2/ Tuổi đời
cao

3/ Địa vị xã
hội

4/ Học vị

5/ Phạt
pháp

**TỨ Ý NGHĨA
TÂM SỞ
TÂM**

a. TRẠNG THÁI: là cách ghét sự tội lỗi, không ưa thích tội lỗi

b. PHẬN SỰ: là không làm việc tội lỗi

c. SỰ THÀNH TỰU: là cách lui sụt với chuyện ác, xấu, né tránh tội lỗi

d. NHÂN CẦN THIẾT: là biết tự trọng

**NHỮNG
ĐIỀU CẦN
GHI NHỚ**

↪ Có mặt trong các Tâm Tịnh hảo

↪ Đồng sanh 24 Tâm sở Tịnh hảo còn lại và 13 Tâm sở Tợ tha

↪ Hiệp cùng thể tánh Thiện, Vô ký

↪ Thuộc giống Thiện, Quả và Duy tác

↪ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)

↪ Tương hợp với 2 Thọ: Hỷ và Xả

↪ Tương ưng với Tứ danh uẩn

↪ Bất tương ưng Sắc uẩn

I. SOBHANASĀDHĀRANĀ - TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH

I.4 TÂM SỞ QUÝ - OTTAPPAṀ

+ Quý: sợ hãi, ghê sợ, động lòng vì sợ mà tâm rung động gọi là Quý

Ottappa: thấy nguy hại với thân hành ác, khẩu hành ác

- ↪ Sợ hãi với các việc ác
- ↪ Ghê tởm với các điều đáng ghê tởm
- ↪ Kinh sợ do biết các quả xấu trong tương lai

4 PHÁP LÀM PHÁT SANH QUÝ

1/ sợ tù tội

2/ sợ khổ
canh

3/ sợ bị
quở trách

4/ sợ lương tâm cắn
rứt, tự trách mình

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ QUÝ

a. TRẠNG THÁI: ghê sợ, chán ghét tội lỗi, nguy hại của tội lỗi

b. PHẬN SỰ: không làm tội lỗi, không tạo ra điều nguy hại

c. SỰ THÀNH TỰU: lui sụt né tránh tội lỗi

d. NHÂN CẦN THIẾT: tôn trọng người, sợ người chỉ trích

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ

↪ Có mặt trong các Tâm Tịnh hảo

↪ Đồng sanh 24 Tâm sở tịnh hảo còn lại và 13 Tâm sở tợ tha

↪ Hiệp cùng thể tánh Thiện, Vô ký

↪ Thuộc giống Thiện, Quả và Duy tác

↪ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)

↪ Tương hợp với 2 Thọ: Hỷ và Xả

↪ Tương ưng với Tứ danh uẩn

↪ Bất tương ưng Sắc uẩn

KẾT: TÂM – QUÝ

Là cặp song sinh, là 2 pháp trắng, là 2 pháp hộ trì thể gian, là 2 pháp ngăn ngừa thân tâm tránh phạm các điều ác, là 2 pháp tác thành bậc Sa môn.

I. SOBHANASĀDHĀRANĀ - TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH

I.5 TÂM SỞ VÔ THAM - ALOBHOCETASIKA

Alobh: không dính mắc,
như nước lã trên lá sen
Vô tham: biết đối tượng,
nhận thức được đối
tượng trong trạng thái
không dính mắc

+ Lòng quảng đại, hạnh bố thí, lòng vị tha

+ Buông bỏ, từ khước, không đeo níu, không
chiếm hữu

+ Nhân đưa đến lòng quảng đại, rộng lượng, bố
thí, hào phóng

+ Đối nghịch với sự ích kỷ và tham đắm

VÔ THAM: Không lấy cái gì đã
có dư

THAM: lấy điều mình đã
dư thừa

VÔ THAM: không phát sanh
sầu muộn đau khổ khi xa
cách người thân yêu

THAM: thì không thể
chịu đựng nỗi tình trạng
xa cách người thân yêu

VÔ THAM – ALOBHO: là 1 trong 3 nhân thiện, là căn bản của
Thiện, là nhân đưa đến sự hoàn hảo trong thiện

**ĐẶC
BIỆT**

1. ALOBHA: không tái sanh vào cảnh ngã quý, vì thường chúng
sinh sa đoạ vào cảnh này do ái dục

2. ALOBHA: tiêu trừ cực đoan sống lợi dưỡng

3. ALOBHA: có khả năng cắt đứt dây tham ái trói buộc

4. ALOBHA: đưa đến tình trạng sức khỏe tốt do không tham
đắm trong các dục đam mê

5. ALOBHA: là nhân sanh giàu sang do có lòng quảng đại

6. ALOBHA: là con đường đưa đến cõi trời

7. ALOBHA: luôn có đời sống an bình hạnh phúc do không
dính mắc, không luyến ái

8. ALOBHA: nhân sanh tuệ minh sát sâu sắc về lý vô thường,
thấy tất cả đều giả tạm nên không dính mắc, nghịch nghĩa là
tham dính mắc vì thấy sự vật là thường

I. SOBHANASĀDHĀRANĀ - TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH

I.5 TÂM SỞ VÔ THAM - ALOBHOCETASIKA

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ VÔ THAM

a. TRẠNG THÁI: tâm không đắm nhiễm trong cảnh

b. PHẬN SỰ: không nắm giữ, không chấp trước, không dính mắc, vượt thoát các trói buộc

c. SỰ THÀNH TỰU: không bám lấy cái đang hiện hữu, không bị nhiễm đắm cảnh ưa thích, đỉnh cao của Vô tham là không bám lấy 1 sinh hữu mới

d. NHÂN CẦN THIẾT: có tác ý khéo

NHỮNG ĐIỀU LỢI ÍCH

↪ giảm, hạn chế và diệt trừ Tham ác

↪ dẹp lòng bòn xén, phát huy hạnh bố thí

↪ Sống biết đủ

↪ nhân đưa đến thoát khổ "ái biệt ly khổ và cầu bất đắc khổ"

↪ thiếu (ít) bệnh, trường thọ

↪ sống bình an, hoà thuận, không tranh chấp với đời

↪ được quả báu lớn

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ

↪ Có mặt trong các Tâm Tịnh hảo

↪ Đồng sanh 24 Tâm sở tịnh hảo còn lại và 13 Tâm sở tợ tha

↪ Hiệp cùng thể tánh Thiện, Vô ký

↪ Thuộc giống Thiện, Quả và Duy tác

↪ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)

↪ Tương hợp với 2 Thọ: Hỷ và Xả

↪ Tương ưng với Tứ danh uẩn

↪ Bất tương ưng Sắc uẩn

**I. SOBHANASĀDHĀRANĀ -
TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH**

**I.6 TÂM SỞ VÔ SÂN –
ADOSA CETASIKA**

Adosa: không hận, không sân, không bất bình, không khó chịu khi đối diện với nghịch cảnh

+ Nhẫn nại, bình thản trong mọi hoàn cảnh nghịch

+ Không gắt gỏng, không bực bội, không bất mãn

+ Mát mẻ, từ tâm

ĐẶC BIỆT

1. ADOSA: nhân đưa đến cuộc sống đức hạnh

2. ADOSA: không phát sanh sầu muộn dù có sống chung với người không ưa

3. ADOSA: sự mau già đến chậm, trẻ lâu

4. ADOSA: đem đến cuộc sống hoà thuận vui vẻ

5. ADOSA: có nhiều bạn lành

6. ADOSA: không tái sanh vào địa ngục

7. ADOSA: làm tiêu trừ đời sống cực đoan thiên về khổ hạnh

8. ADOSA: cắt đứt dây trói buộc sân hận

9. ADOSA: đưa đến cõi phạm thiên

10. ADOSA: sống an vui giữa những gì không vui

11. ADOSA: phát triển tuệ minh sát sâu sắc về đặc tướng khổ

VÔ THAM có tuệ minh sát về Vô thường

VÔ SÂN có tuệ minh sát về Khổ

VÔ SI có tuệ minh sát về Vô ngã

**TỨ Ý NGHĨA
TÂM SỞ VÔ
SÂN**

a. TRẠNG THÁI: không tàn hại, không độc, không đối kháng

b. PHẬN SỰ: xua đuổi sự tàn hại, tránh xa sự sát hại, xua đuổi sự nóng nảy

c. SỰ THÀNH TỰU: hiện khởi sự êm dịu, mát mẻ

d. NHÂN CẦN THIẾT: có tác ý khéo

I.6 TÂM SỞ VÔ SÂN – ADOSA CETASIKA

NHỮNG ĐIỀU LỢI ÍCH

- ↪ giảm, hạn chế và diệt trừ Sân ác
- ↪ Dẹp lòng ganh tị, phát huy từ tâm
- ↪ Sống biết yêu thương
- ↪ Nhân đưa đến thoát khổ "Oán tắng hội khổ"
- ↪ Trẻ lâu, chậm lão hoá
- ↪ Sống bình an, hoà thuận, mát mẻ yêu người yêu đời
- ↪ được quả báu lớn

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ

- ↪ Có mặt trong các Tâm Tịnh hảo
- ↪ Đồng sanh 24 Tâm sở tịnh hảo còn lại và 13 Tâm sở tợ tha
- ↪ Hiệp cùng thể tánh Thiện, Vô ký
- ↪ Thuộc giống Thiện, Quả và Duy tác
- ↪ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)
- ↪ Tương hợp với 2 Thọ: Hỷ và Xả
- ↪ Tương ưng với Tứ danh uẩn
- ↪ Bất tương ưng Sắc uẩn

I. SOBHANASĀDHĀRAṆĀ - TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH

I.7 TÂM SỞ HÀNH XẢ - TATRAMAJJHATTATĀ

Tatra: ở đó
Majjhataṭā: ở khoảng giữa, tức không thiên về bên nào, quân bình

☞ Đặc tính của Tâm sở Hành Xả: vô tư, không thiên vị

+ Làm cho các danh pháp đồng sanh với nó được quân bình

+ Tâm sở Hành xả khi phát triển cao dần sẽ trở thành xả vô lượng tâm, xả tâm giải thoát, xả giác chi



a. TRẠNG THÁI: làm cho Tâm và các Tâm sở ngang nhau

b. PHẬN SỰ: cản trở sự lui sụt

c. SỰ THÀNH TỰU: tạo ra được sự quân bình

d. NHÂN CẦN THIẾT: có pháp hoà hợp nhau

NHỮNG SỰ LỢI ÍCH:

Thành tựu các pháp thượng nhân như: Đắc Thiền Định, Thắng Trí Thông, Tuệ Quán, Niết Bàn

PHÂN LOẠI TÂM SỞ HÀNH XẢ

1/ Hợp sanh cùng Tâm Hợp trí được quân bình

2/ Hợp sanh cùng Tâm Ly trí (chỉ giữ cho tâm ở trạng thái quân bình mà thôi)

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ

☞ Có mặt trong các Tâm Tịnh hảo

☞ Đồng sanh 24 Tâm sở tịnh hảo còn lại và 13 Tâm sở tợ tha

☞ Hiệp cùng thể tánh Thiện, Vô ký

☞ Thuộc giống Thiện, Quả và Duy tác

☞ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)

☞ Tương hợp với 2 Thọ: Hỷ và Xả

☞ Tương ưng với Tứ danh uẩn

☞ Bất tương ưng Sắc uẩn

I. SOBHANASĀDHĀRANĀ - TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH

I.8 TÂM SỞ TỊNH THÂN - KĀYA PASSADDHI

I.9 TÂM SỞ TỊNH TÂM - CITTA PASSADDHI

Passaddhi: trạng thái an tĩnh, yên lặng, tự tại

KĀYA PASSADDHI: là Tâm sở làm yên tĩnh các Tâm sở khác = tịnh Thân (không phải là tâm sở làm yên tĩnh thân mình)

CITTA PASSADDHI: là Tâm sở làm cho Tâm được yên tĩnh = Tịnh Tâm

ĐẶC TÍNH CỦA PASSADDHI:

Tiêu trừ, hay làm giảm dịu tình trạng nóng bỏng của dục vọng

ĐỐI TRỊ VỚI PHÓNG DẬT: 2 Tâm sở

Tịnh Thân – Tịnh Tâm này trị phóng dật (là tâm chạy nhảy lung tung, tán loạn)

NHỮNG TỪ NGỮ TƯƠNG QUAN VÀ TIẾN BẬC VỚI PASSADDHI

◆ Yên lặng

◆ Tĩnh lặng, trầm tĩnh trước sự khổ

◆ Lắng dịu, sự khổ được lắng

◆ An tịnh, đưa đến trạng thái an tịnh



a. TRẠNG THÁI: an tịnh, lìa xa sự sôi nổi của Sở hữu Tâm và Tâm

b. PHẬN SỰ: làm cho êm dịu sự sôi nổi, Tâm - Tâm sở không còn dao động

c. SỰ THÀNH TỰU: Tâm - Tâm sở yên tĩnh, êm dịu, mát mẻ

d. NHÂN CẦN THIẾT: Sở hữu Tâm và Tâm

PASSADDHI: tu đến mức độ cao sẽ trở thành một trong Thất giác chi BOJJHAŅGA

CÓ 7 PHÁP GIÁC CHI:

1/ NIỆM: có sự chánh niệm, ghi nhận ghi nhớ một trong tam tướng là Vô thường, Khổ, vô ngã

2/ TRẠCH (TRÍ): trí phân biệt, nhận ra được đâu là Vô thường, Khổ, Vô ngã

3/ TẤN: sự nỗ lực tinh tấn, cố gắng tinh tấn làm cho phát triển trong Thiện pháp, gìn giữ trong những pháp tu nắm được

4/ HỖ: sự vui lòng, hoan hỉ, hài lòng thích thú khi đã duy trì được những pháp mình đã tu tập được

5/ TỊNH: làm cho thân tâm được yên tĩnh do duyên từ hỷ sinh

6/ ĐỊNH: Tâm được an định, an trú định

7/ XẢ: quân bình các Tâm – Tâm sở trong vấn đề tu học về tam tướng

I.8 TÂM SỞ TỊNH THÂN - KĀYA PASSADDHI

I.9 TÂM SỞ TỊNH TÂM - CITTA PASSADDHI

**10 PHÁP ĐƯỢC
YÊN TỊNH DO:**

1/ **Lời nói** được yên tịnh do chứng **SƠ THIỀN**

2/ **Tâm và Tứ** được yên tịnh do chứng **NHỊ THIỀN**

3/ **Hỷ** được yên tịnh do chứng **TAM THIỀN**

4/ **Hơi thở ra - vào** được yên tịnh do chứng **TỨ THIỀN**

5/ **Sắc tướng** được yên tịnh do chứng **KHÔNG VÔ BIÊN XỨ**

6/ **Không vô biên xứ** được yên tịnh do chứng **THỨC VÔ BIÊN XỨ**

7/ **Thức vô biên xứ** được yên tịnh do chứng **VÔ SỞ HỮU XỨ**

8/ **Vô sở hữu xứ** được yên tịnh do chứng **PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ**

9/ **Thọ - Tướng** được yên tịnh do **Nhập DIỆT TƯỞNG ĐỊNH**

10/ **Các thiền nã** như Tham, Sân, Si được yên tịnh do **ĐOẠN TẬN CÁC LẬU HOẶC**

**NHỮNG
ĐIỀU CẦN
GHI NHỚ**

↪ Có mặt trong các Tâm Tịnh hảo

↪ Đồng sanh 23 Tâm sở tịnh hảo còn lại và 13 Tâm sở tợ tha

↪ Hiệp cùng thể tánh Thiện, Vô ký

↪ Thuộc giống Thiện, Quả và Duy tác

↪ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)

↪ Tương hợp với 2 Thọ: Hỷ và Xả

↪ Tương ưng với Tứ danh uẩn

↪ Bất tương ưng Sắc uẩn

I. SOBHANASĀDHĀRAṆĀ - TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH

I.10 KHINH THÂN - KĀYLAHUTĀ

I.11 KHINH TÂM – CITTALAHUTĀ

Căn từ Laghu: nhẹ, mau
Laghutā - tiếng Sanskrit, Lahutā - tiếng Pāli

 **KĀYLAHUTĀ - Khinh tâm sở - Khinh thân:** Tâm sở làm cho "Thọ - Tưởng - Hành - Uẩn" được khinh nhẹ, linh hoạt, không chậm chạp, không chần chừ (Tâm sở Thọ, Tâm sở Tưởng và những Tâm sở còn lại)

 **CITTALAHUTĀ - Khinh tâm:** Tâm sở làm cho Thức Uẩn (Tâm) được khinh nhẹ, linh hoạt, không chậm chạp, không chần chừ

☯ ĐẶC TÍNH CỦA 2 TÂM SỞ KHINH THÂN – KHINH TÂM:

- + Nhẹ nhàng, thư thái
- + Tiêu trừ trạng thái nặng nề của Tâm và Tâm sở (đồng sanh chung với nó)

☯ NGHỊCH NGHĨA VỚI: HÔN TRẦM VÀ THUY MIÊN (vì 2 tâm sở này làm cho Tâm và Tâm sở đi chung với nó làm cho nặng nề trì trệ)

VÀI NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA 2 TÂM SỞ NÀY

◆ Suy nghĩ nhanh

◆ Mau hiểu, tìm giải pháp để giải quyết các khúc mắc nhanh, gọn, lẹ

◆ Khi phối hợp với trí sẽ trở thành bén trí, lanh trí, tốc trí

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ KHINH THÂN - KHINH TÂM

a. TRẠNG THÁI: nhẹ nhàng, lia bỏ sự nặng nề của Thọ, Tưởng, Hành và Thức uẩn

b. PHẬN SỰ: làm cho không bị sự nặng nề chi phối Tâm, Tâm sở hoặc làm cho Tâm, Tâm sở trở nên nhẹ nhàng

c. SỰ THÀNH TỰU: Tâm và Tâm sở không bị trì trệ và trở nên nhẹ nhàng

d. NHÂN CẦN THIẾT: có Thức uẩn (thuộc về Tâm) và Thọ - Tưởng - Hành (Tâm sở)

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ

↪ Có mặt trong các Tâm Tịnh hảo

↪ Đồng sanh 23 T.sở Tịnh hảo còn lại và 13 T.sở tợ tha

↪ Hiệp cùng thể tánh Thiện, Vô ký

↪ Thuộc giống Thiện, Quả và Duy tác

↪ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)

↪ Tương hợp với 2 Thọ: Hỷ và Xả

↪ Tương ưng với Tứ danh uẩn

↪ Bất tương ưng Sắc uẩn

I. SOBHANASĀDHĀRAṆĀ - TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH

I.12 NHU THÂN - KĀYAMUDUTĀ

I.13 NHU TÂM - CITTAMUDUTĀ

Mudu: mềm dẻo, dịu dàng, dễ thương, dễ uốn nắn

KĀYAMUDUTĀ: sự nhu nhuyễn, mềm mại, không thô cứng, không cương ngạnh của Thọ, Tướng và Hành uẩn = Nhu Thân hay Nhu Tâm sở

CITTAMUDUTĀ: sự nhu nhuyễn, mềm mại, không thô cứng, không cương ngạnh của Thức uẩn = Nhu Tâm

CÁC PHÁP LÀM CHO TÂM - TÂM SỞ TRỞ NÊN CỨNG CỎI (KHÓ DẠY)

◆ Tà kiến

◆ Ngã mạn

◆ Nghi ngờ Tam bảo (Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo)

◆ Phẫn nộ, chống đối với các bậc đồng phạm hạnh



a. TRẠNG THÁI: là sự mềm mại, dịu dàng của Tâm, Tâm sở

b. PHẬN SỰ: làm tan biến sự cứng rắn của Tâm, Tâm sở / hạn chế sự cứng cỏi, sượng sần của Tâm và Tâm sở

c. SỰ THÀNH TỰU: dịu dàng, dễ bắt cảnh và không uể oải

d. NHÂN CẦN THIẾT: có Tâm (Thức) và Tâm sở (Thọ, Tướng, Hành uẩn)

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ

↪ Có mặt trong các Tâm Tịnh hảo

↪ Đồng sanh 23 Tâm sở tịnh hảo còn lại và 13 Tâm sở tợ tha

↪ Hiệp cùng thể tánh Thiện, Vô ký

↪ Thuộc giống Thiện, Quả và Duy tác

↪ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)

↪ Tương hợp với 2 Thọ: Hỷ và Xả

↪ Tương ứng với Tứ danh uẩn

↪ Bất tương ứng Sắc uẩn

I. SOBHANASĀDHĀRAṆĀ - TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH

I.14 THÍCH THÂN - KĀYA KAMMAÑÑATĀ
I.15 THÍCH TÂM - CITTA-KAMMAÑÑATĀ
Kamma" + "nya" + "tā" = Kammanyatā =
Kammaññatā: trạng thái dễ sử dụng, tình
trạng có thể dùng, thích nghi, thích ứng
Kāya: thân

👉 **KĀYAKAMMAÑÑATĀ**: thích ứng
tâm sở/ tâm sở làm cho các tâm sở
khác thích ứng với cảnh

👉 **CITTA- KAMMAÑÑATĀ**: thích
ứng tâm/ tâm sở làm cho tâm thích
ứng với đối tượng

ĐẶC TÍNH: Tiêu trừ trạng thái
không dùng được, khó sử dụng
của Tâm sở và Tâm vương

NGHỊCH NGHĨA: Tham dục, Sân hận và
Hoài nghi

NHỮNG SỰ DỄ DÀNG

◆ dễ dàng thực hành các Thiện pháp

◆ dễ thành tựu các tầng Thiền

◆ dễ thành tựu 5 thắng trí: Thiên Nhãn thông,
Thiên Nhĩ thông, Thần Túc thông, Tha Tâm
thông, Túc Mạng thông

◆ dễ diệt trừ các lậu hoặc Āsava: Dục Lậu,
Hữu Lậu, Kiến Lậu, Vô Minh Lậu

TỬ Ý NGHĨA TÂM SỞ THÍCH THÂN + THÍCH TÂM

a. TRẠNG THÁI: Thân - Tâm thoát ra hiện trạng
không thích ứng, xa lìa sự không thích hợp

b. PHẬN SỰ: làm tan biến, xa lìa sự không thích
nghi của Thân - Tâm

c. SỰ THÀNH TỰU: là thích ứng, thích hợp của cả
2 Tâm sở làm công việc khi tiếp nhận với đối
tượng

d. NHÂN CẦN THIẾT: có Tâm (Thức) và Tâm sở
(Thọ, Tưởng, Hành uẩn)

**I. SOBHANASĀDHĀRANĀ -
TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH**

I.16 THUẦN THÂN – KĀYAPĀGUÑÑATĀ

I.17 THUẦN TÂM – CITTA-PĀGUÑÑATĀ

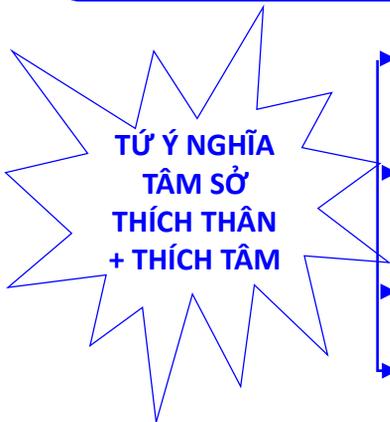
pa + căn guṇ + tā = Pāguññatā: sự thuần
thục, tinh luyện

👉 **KĀYAPĀGUÑÑATĀ CETASIKA:** sự tinh luyện thuần
thục của Tâm sở/ Tâm sở làm cho các Tâm sở khác
được thuần thực

👉 **CITTA- PĀGUÑÑATĀ:** sự tinh luyện thuần thực
của Tâm/Tâm sở làm cho Tâm được tinh luyện
thuần thực

ĐẶC TÍNH: tiêu trừ tình trạng ương
yếu bệnh hoạn của Tâm và Tâm sở

NGỊCH NGHĨA: thiếu niềm tin,
mất tự tin, Tâm trở nên ương yếu
bệnh hoạn trì trệ



a. **TRẠNG THÁI:** không đình trệ của Tâm và Tâm
sở

b. **PHẬN SỰ:** phá cách, làm tan biến sự đình trệ
của Tâm và Tâm sở

c. **SỰ THÀNH TỰU:** lìa xa, không dính đến điều
xấu, tội lỗi

d. **NHÂN CẦN THIẾT:** có Tâm (Thức) và Tâm sở
(Thọ, Tưởng, Hành uẩn)

BUỔI 64 – 12.03.2020 – ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/687078252037452>

I.18 CHÁNH THÂN – KĀYUJJUKATĀ

I.19 CHÁNH TÂM – CITTUJJUKATĀ

Uju: ngay thẳng

Ujuka + tā =ujjukatā ngay thẳng, chánh
trực, không cong vẹo, không quanh co

👉 **KĀYUJJUKATĀ:**
+ sự ngay thẳng chân chánh của Tâm sở
+ Tâm sở làm cho các Tâm sở khác được ngay thẳng
chánh trực

👉 **CITTUJJUKATĀ:**
+ sự ngay thẳng của Tâm
+ Tâm sở làm cho Tâm được ngay thẳng chánh trực

I.18 CHÁNH THÂN – KĀYUJJUKATĀ

I.19 CHÁNH TÂM – CITTUJJUKATĀ

NÓI CÁCH KHÁC

◆ Pháp nào là sự ngay thẳng, cách ngay thẳng, không cong vẹo, không vặn vẹo, không quanh co của Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn (50 tâm sở còn lại) là CHÁNH THÂN - KĀYUJJUKATĀ

◆ Pháp nào là sự ngay thẳng, cách ngay thẳng, không cong vẹo, không vặn vẹo, không quanh co của Thức uẩn là CHÁNH TÂM - CITTUJJUKATĀ

**TỨ Ý NGHĨA
TÂM SỞ
CHÁNH
THÂN +
CHÁNH TÂM**

a. TRẠNG THÁI: chân chánh và ngay thẳng của Tâm, Tâm sở

b. PHẬN SỰ: đối trị sự tà vạy, sự không chánh trực

c. SỰ THÀNH TỰU: được chơn chánh không tà vạy, không cong vẹo

d. NHÂN CẦN THIẾT: có Tâm (Thức) và Tâm sở (Thọ, Tưởng, Hành uẩn)

**NHỮNG
ĐIỀU CẦN
GHI NHỚ**

↪ Có mặt trong các Tâm Tịnh hảo

↪ Đồng sanh 23 Tâm sở tịnh hảo còn lại và 13 Tâm sở tợ tha

↪ Hiệp cùng thể tánh Thiện, Vô ký

↪ Thuộc giống Thiện, Quả và Duy tác

↪ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)

↪ Tương hợp với 2 Thọ: Hỷ và Xả

↪ Tương ứng với Tứ danh uẩn

↪ Bất tương ứng Sắc uẩn

KẾT:

19 Tâm sở Tịnh hảo này ĐỒNG PHÁT SANH CÙNG TẤT CẢ TÂM SỞ TỊNH HẢO, nên được gọi là Tâm sở Tịnh hảo Biến hành.

6 Tâm sở còn lại phát sanh tùy lúc, tùy Tâm.

II/ TÂM SỞ GIỚI PHẦN - VIRATICETASIKA

Vi + căn "ram": thoả thích trong
Virati: Tiết chế, thoả thích trong
sự kiêng cử

ATTHASĀLINI, có 3 loại tiết chế:

1. Kiêng tránh do có được SAMPATTA-VIRATI
Sampatti: sự may mắn, hạnh phúc
Kiêng tránh làm điều bất thiện do có được:
 - + Tập quán nhiều đời kiếp trước
 - + Do truyền thống gia tộc
 - + Do suy tư đến dòng dõi, tông môn, địa vị, tuổi tác, nền giáo dục...
2. Kiêng tránh do có thọ trì giới luật SAMĀDĀNA-VIRATI (đời, đạo)
3. Kiêng tránh do đoạn trừ SAMUCCHEDA-VIRATI

8 PHÁP KIÊNG GIỮ KHÁC

- ✦ **5 Căn:**
kiêng giữ Mắt Tai Mũi Lưỡi Thân tiếp xúc 5 cảnh Sắc Thính Hương Vị Xúc không để cho Tham Sân sanh khởi hoặc phạm vào giới cấm
- ✦ **3 Thân - Khẩu - Ý:**
Giữ gìn không cho tạo ác nghiệp

Luôn là pháp đối nghịch với Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng

II/ TÂM SỞ GIỚI PHẦN - VIRATICETASIKA

II.1 TÂM SỞ CHÁNH NGŨ - SAMMĀVĀCĀ CETASIKA

Sammā: chân chánh - Vācā: lời nói

Sammāvācā: lời nói chân chánh, Chánh ngữ

SỰ TIẾT CHẾ, KIÊNG CỬ TRÁNH XA THUỘC VỀ LỜI NÓI

1/ nói lời giả dối MUSĀVĀDA:

Thấy nói không thấy	Nghe nói không nghe	Có thọ nhận nói không thọ nhận	Không phạm hạnh nói có	Có phạm hạnh nói không
---------------------	---------------------	--------------------------------	------------------------	------------------------

=> rơi vào Tà ngữ

2/ nói lời đâm thọc PĪSUNĀVĀCĀ

nói chia rẽ, đâm thọc, dù có thật nhưng với tâm chia rẽ

3/ lời thô lỗ cộc cằn PHARUSAVĀCĀ

nói ác cho người khác, nói ác, lời nói thô lỗ, chửi mắng, nguyền rủa

4/ nói nhảm nhí vô ích SAMPAPPHALĀPA

NHỮNG ĐIỀU ĐẶC BIỆT

Nói lời có lợi ích cho mình, cho người, cho cả 2.
Có 10 điều:

1/ nói về ít ham muốn: sự thỏa mãn về đời sống của thế gian

2/ nói về biết đủ

3/ nói về sống độc cư: sống riêng biệt 1 mình

4/ nói về không ô nhiễm

5/ nói về Tinh tấn

6/ nói về thành tựu Giới

7/ nói về thành tựu Định

8/ nói về thành tựu Tuệ

9/ nói về thành tựu Giải thoát

10/ nói về thành tựu Giải thoát Tri kiến

II.1 TÂM SỞ CHÁNH NGŨ - SAMMĀVĀCĀ CETASIKA

NÓI ĐÚNG THỜI:

là khi thấy thích hợp mới nói, có 4:

1/ tùy thời giảng Pháp

2/ tùy thời đàm luận Pháp

3/ tùy thời tu tập Thiền chỉ

4/ tùy thời tu tập Thiền quán

NÓI ĐÚNG NGƯỜI:

nói đúng đối tượng nên nói:

1/ Nói về tín với người có Tín

2/ Nói về giới với người có Giới

3/ Nói về nghe nhiều với người thích nghe

4/ Nói về bố thí với người có Tâm rộng mở

5/ Nói về trí tuệ với người có Trí tuệ

=> Ngược lại là sai đối tượng, là Ác thuyết

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ CHÁNH NGŨ

a. TRẠNG THÁI: gìn giữ Chánh ngữ

b. PHẬN SỰ: tránh xa những điều hư ngụy, giả dối

c. SỰ THÀNH TỰU: đoạn trừ Tà ngữ

d. NHÂN CẦN THIẾT: Tín, Niệm, Tàm, Quý và Thiểu dục

II/ TÂM SỞ GIỚI PHẦN - VIRATICETASIKA

II.2 TÂM SỞ CHÁNH NGHIỆP SAMMĀKAMMANTĀ CETASIKA

Sammā: chân chánh

Kammantā: công việc, hành động

Sammākammantā: Việc làm đúng, hành động đúng, việc làm chân chánh

Là điều xử, kiêng tránh thân ác nghiệp, đoạn trừ tà nghiệp

CÓ 3 THÂN ÁC

1/ Sát sanh

(làm những việc giết chóc, sát hại chúng sanh)

2/ Trộm cắp

(những gì không thuộc của mình)

3/ Tà hạnh trong các dục



TỬ Ý NGHĨA TÂM SỞ CHÁNH NGHIỆP

a. TRẠNG THÁI: làm việc đúng, trợ giúp các pháp và tự mình diệt trừ phiền não

b. PHẬN SỰ: tránh xa các Ác nghiệp

c. SỰ THÀNH TỰU: đoạn trừ Tà nghiệp

d. NHÂN CẦN THIẾT: có Tín (niềm tin), Niệm (sự ghi nhớ), Tàm, Quý (biết ghê sợ hổ thẹn tội lỗi) và Thiểu dục

II.3 TÂM SỞ CHÁNH MẠNG - SAMMĀJJIVĀ CETASIKA

Ajjivo: sự nuôi mạng sống, nuôi sống
Sammā-ajjivo: Sự nuôi mạng sống chân chánh, không dùng Thân ác Khẩu ác để nuôi mạng sống (sát sanh, trộm cắp, lường gạt ... để tạo ra vật chất nuôi mạng sống)

Tránh xa sự nuôi mạng bất chánh

Ngăn chặn các ác hạnh

Đoạn trừ các tà mạng

CÓ 5 NGHỀ TÀ MẠNG

1/ buôn bán người

2/ buôn bán thú sống

3/ buôn bán chất độc

4/ buôn bán vũ khí

5/ buôn bán chất say



- a. **TRẠNG THÁI**: trong sạch, từ bỏ, không phạm vào các ác hạnh (Thân ác và Khẩu ác)
- b. **PHẬN SỰ**: duy trì sự sống chân chánh, ngăn chặn ác hạnh
- c. **SỰ THÀNH TỰU**: đoạn trừ Tà mạng, không hành các Ác hạnh
- d. **NHÂN CẦN THIẾT**: có Tín (niềm tin), Niệm (sự ghi nhớ), Trì, Quý (biết ghê sợ hổ thẹn tội lỗi) và Thiếu dục

Điều xử thân hành đúng đắn thì do Chánh Nghiệp

Điều xử khẩu nói đúng đắn thì do Chánh Ngữ

Khi thân khẩu có liên hệ đến sự nuôi mạng đúng, chân chánh thì do Chánh Mạng đảm đương

trong **TÂM THIỆN DỤC GIỚI** chỉ phát sanh 1 trong 3: Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng

trong **TÂM ĐẠO SIÊU THỂ** thì cả 3 Giới phần đồng sanh để làm phận sự diệt trừ phiền não thô (ĐỊNH phần diệt trừ phiền não Trung, TUỆ phần diệt trừ phiền não Tế)



- ↳ Có mặt trong 40 Tâm Siêu Thế (20 đạo 20 quả) + 8 Tâm Đại thiện Dục giới (8 tâm thiện DGTH) = 48 Tâm
- ↳ Đồng sanh 24 Tâm sở Tịnh hảo còn lại + 13 Tâm sở Tợ tha
- ↳ Hiệp cùng thể tánh Thiện và Vô ký (vì nó thuộc Tâm sở Tịnh hảo – tốt đẹp)
- ↳ Thuộc giống Thiện và Quả
- ↳ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)
- ↳ Tương hợp với 2 Thọ: Hỷ và Xả
- ↳ Làm công tác đồng tặc Javana (7 sát na của lộ trình tâm)
- ↳ Tương ưng với Tứ danh uẩn
- ↳ Bất tương ưng Sắc uẩn

III/ TÂM SỞ VÔ LƯỢNG PHẦN - APPAMAÑÑĀYA CETASIKA

Appamaññā: biến thể của appamanna: không đo lường, không giới hạn
Appamaññā: Tâm sở vô lượng phần

1/ TÂM BI - KARUNĀ

Có 2:

2/ TÂM HỖ - MUDITĀ

ĐẶC TÍNH CỦA VÔ LƯỢNG APPAMAÑÑĀ

▶ Có đối tượng vô lượng chúng sinh

▶ Không phân biệt, không giới hạn chúng sinh hạng loại nào

APPAMAÑÑĀYA - CÓ 3 THỂ LOẠI VÔ LƯỢNG:

▶ 1/ Pháp vô lượng (Pháp là vô cùng tận)

▶ 2/ Phương hướng vô lượng (trên - dưới, ngang - rộng, sâu - dài)

▶ 3/ Chúng sanh vô lượng (đủ thứ lớn, nhỏ, mập, ốm, cao, gầy, 2 chân, 4 chân, vô hình)

III.1 TÂM SỞ BI - KARUNĀ CETASIKA

Từ Kar+ una: lòng trắc ẩn, lòng bi mẫn

Karunā: Làm rung động trái tim tốt đẹp qua dấu hiệu đau khổ của chúng sanh khác gọi là Karunā

TỨ Ý NGHĨA TÂM SỞ BI

a. TRẠNG THÁI: mong muốn chúng sanh thoát khổ hoặc là cách muốn bài trừ đau khổ của chúng sanh

b. PHẬN SỰ: không chịu đựng nổi khi thấy chúng sanh khổ hoặc không thể làm ngơ trước sự đau khổ của chúng sanh khác

c. SỰ THÀNH TỰU: có lòng nhân từ hoặc là không ép uống chúng sanh khác

d. NHÂN CẦN THIẾT: gặp những chúng sanh đau khổ, thấy được nhu cầu cần thiết của chúng sanh đang bị khổ vây chặt

III.1 TÂM SỞ BI - KARUNĀ CETASIKA

2 LOẠI CẶP KHỔ

Cặp 1: Khổ
Hiện tại và
Khổ Tương
lai

Cặp 2: Khổ
Vật chất và
Khổ Tinh
thần

=> Với Tâm Bi, mong muốn chúng sanh được thoát khỏi tất cả 2 loại cặp khổ trên

KẺ THÙ CỦA BI, có 2

1/ Trực tiếp: là sự tàn bạo, sự phản nộ

2/ Gián tiếp: sự phiền muộn sanh khởi khi không thể giúp chúng sanh đang đau khổ

BI CÓ 2 TRẠNG THÁI:

Tích cực

Tiêu cực

BI PHỐI HỢP VỚI THỌ

↳ BI thường sanh chung với THỌ XẢ vì đối tượng là chúng sanh đau khổ, nếu không như lý tác ý sẽ sanh Thọ Ưu (thành Tâm Sân)

↳ BI sanh chung với THỌ HỦ chỉ khi thấy chúng sanh thoát khỏi sự khổ hành hạ dày vò tàn khốc v.v...

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ

↳ Có mặt trong 8 Tâm Đại thiện dục giới + 8 Tâm Duy tác dục giới + 12 Tâm Sắc giới Hỷ (Sơ Nhị Tam Tứ thiên) = 28 Tâm

↳ Đồng sanh 24 Tâm sở Tịnh hảo còn lại + 13 Tâm sở Tợ tha

↳ Hiệp cùng thể tánh Thiện và Vô ký (vì nó thuộc Tâm sở Tịnh hảo – tốt đẹp)

↳ Thuộc giống Thiện, Quả và Duy tác

↳ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)

↳ Tương ứng với 2 Thọ: Hỷ và Xả

↳ Làm 4 công việc : Tục sinh, Hộ kiếp, Tử và Đồng tốc

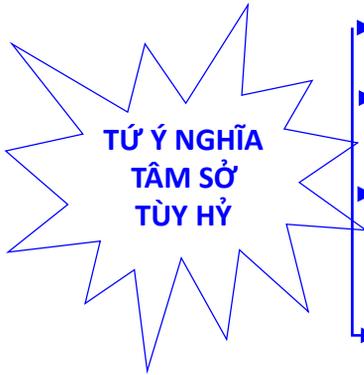
↳ Tương ứng với Tứ danh uẩn

↳ Bất tương ứng Sắc uẩn

III.2 TÂM SỞ TÙY HỖ - MUDITĀ CETASIKA

Căn Mud: hoan hỷ, bằng lòng

Tùy hỷ, trạng thái vui vẻ, hoan hỷ trước cái đẹp, cái tốt, niềm hạnh phúc của người khác



a. TRẠNG THÁI: Vui theo quả phúc của chúng sanh

b. PHẬN SỰ: không ganh tỵ với chúng sanh khác

c. SỰ THÀNH TỰU: hài lòng với sự tiến hoá, sự hạnh phúc của chúng sanh khác, phá huỷ sự chán ghét

d. NHÂN CẦN THIẾT: nhận thấy chúng sanh tạo và hưởng hạnh phúc hoặc thấy biết có chúng sanh thành đạt

KẺ THÙ CỦA TÙY HỖ, có 2

1/ Trực tiếp: lòng ganh tỵ

2/ Gián tiếp: là duyên đưa đến Tham Hỷ

NHỮNG ĐIỀU CẦN GHI NHỚ

↳ Có mặt trong 8 Tâm Đại thiện dục giới + 8 Tâm Duy tác dục giới + 12 Tâm Sắc giới Hỷ (Sơ Nhị Tam Tứ thiên) = 28 Tâm

↳ Đồng sanh 24 Tâm sở Tịnh hảo còn lại + 13 Tâm sở Tợ tha

↳ Hiệp cùng thể tánh Thiện và Vô ký (vì nó thuộc Tâm sở Tịnh hảo – tốt đẹp)

↳ Thuộc giống Thiện, Quả và Duy tác

↳ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)

↳ Tương ứng với 2 Thọ: Hỷ và Xả

↳ Làm 4 công việc : Tục sinh, Hộ kiếp, Tử và Đồng tốc

↳ Tương ứng với Tứ Danh uẩn (Thọ Tướng Hành Thức)

↳ Bất tương ứng Sắc uẩn

PHẦN KẾT TÂM SỞ VÔ LƯỢNG PHẦN

BI

TÙY HỖ

là 2 trong Tứ Vô lượng Tâm

Từ = Vô sân

Xả = Hành xả

TỪ

BI

HỖ

được làm đề
mục tu tập
"Vô lượng"

➤ Sẽ chứng đắc thiền từ Sơ thiền đến Tứ thiền sắc giới

XẢ VÔ LƯỢNG

➤ thì sẽ đắc Ngũ thiền Sắc giới

10 Pháp
PĀRĀMĪ

Bố thí - DĀNA

Trì giới - SĪLA

Xuất gia - NEKKHAMMA

Trí tuệ - PANNĀ

Tinh tấn - VIRIYA

Nhẫn nại - KHANTI

Chân thật - SACCA

Quyết định - ADHĪTTHĀNA

Tâm từ - METTĀ

Tâm xả - UPEKKHĀ

TỪ và XẢ

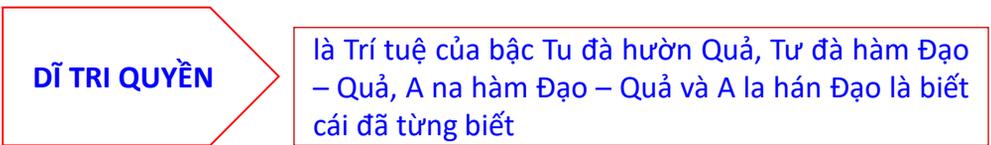
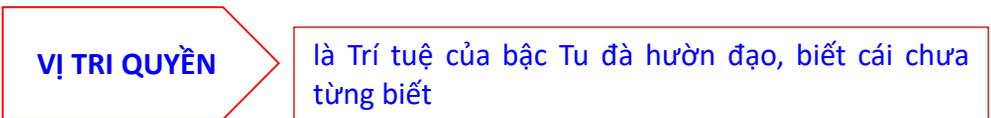
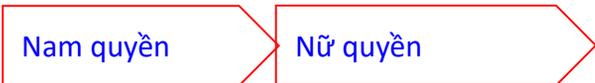
➤ biết cảnh chúng sanh và nhiều cảnh sai khác kể cả Niết bàn nên được tính vào trong 10 pháp Pāramī

**IV/ TÂM SỞ TUỆ
QUYỀN –
PAÑÑINDRIYA**

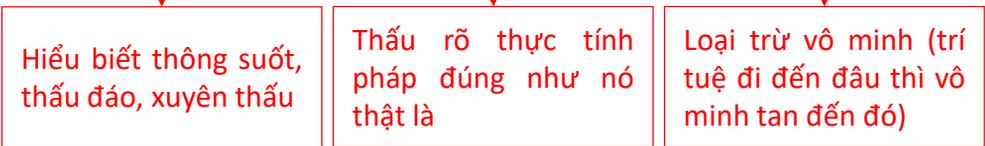
Pa + căn ña:
PA: cùng khắp, trọn vẹn, đầy đủ, chân chánh, đúng;
ÑÃ= hiểu biết
PAÑÑÃA = hiểu biết trọn vẹn, đầy đủ, chơn chánh, đúng, tuệ

ÑÃNA: trí # PAÑÑÃ: tuệ
tiếng Saṅkrit: Prajñā, Jñāna

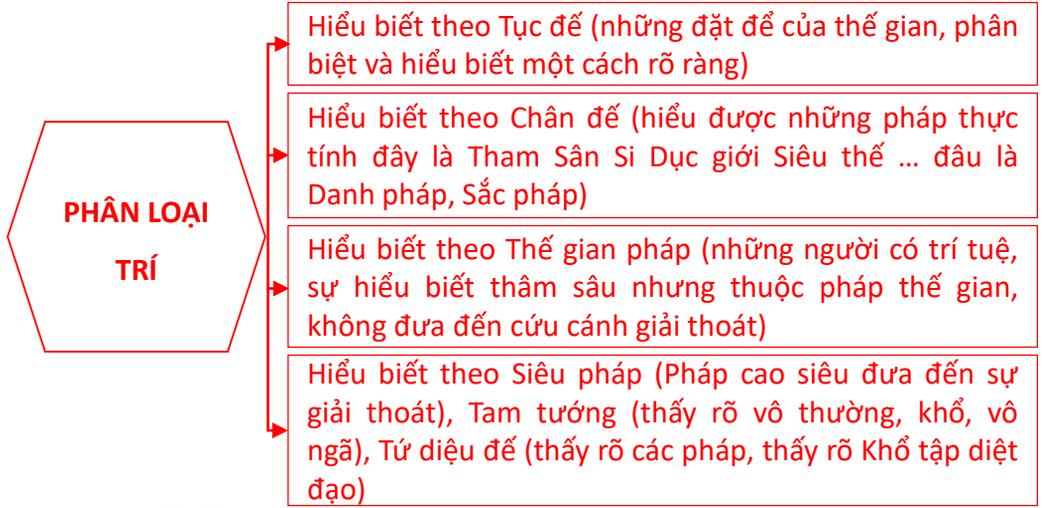
INDRIYA: khả năng, năng lực, quyền kiểm soát trong lãnh vực riêng



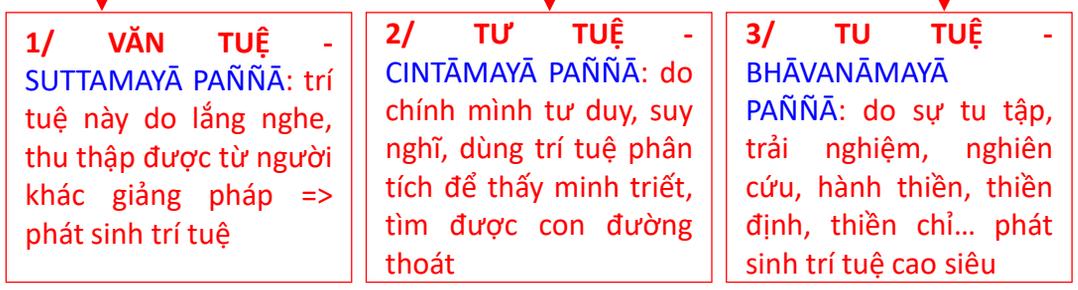
ĐẶC TÍNH CỦA TRÍ TUỆ



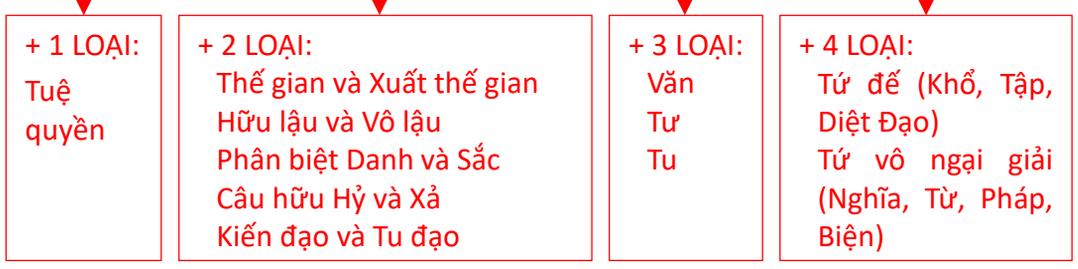
**IV/ TÂM SỞ TUỆ QUYỀN
- PAÑÑINDRIYA**



TAM TUỆ



TUỆ PHÂN THEO THANH TỊNH ĐẠO



ĐẶC BIỆT: có 73 loại Trí do Ngài Sāriputta thuyết giảng

67 loại trí là từ phổ thông cho đến các Vị Thánh văn

6 loại trí còn lại chỉ có nơi bậc **CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC**

**SỰ HIỆN
HỮU CỦA
TUỆ**

- 1/ Thẩm như ý túc: có trong Tứ thần túc (Dục Cần Tâm Thẩm – Thẩm là trí tuệ)
- 2/ Tuệ quyền có trong 5 quyền (Tín Tấn Niệm Định Tuệ)
- 3/ Tuệ lực có trong 5 lực (Tín Tấn Niệm Định Tuệ lực)
- 4/ Trạch pháp giác chi có trong Thất giác chi (Niệm Trạch Tấn Hỷ Khinh Định Xả)
- 5/ Chánh kiến có trong Bát chánh đạo (Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định)

CĂN GỐC CỦA TRÍ TUỆ LÀ VÔ SI

**TỨ Ý NGHĨA
TÂM SỞ
TUỆ QUYỀN**

- a. TRẠNG THÁI: biết rõ, thấu tột pháp thực tính
- b. PHẬN SỰ: phá tan, bài trừ sự tối tăm
- c. SỰ THÀNH TỰU: không mê muội, không nhiễm đắm
- d. NHÂN CẦN THIẾT: tác ý khéo (để trí tuệ phát sinh), Tịnh (tâm yên tịnh), tục sinh Tam nhân (có đủ 3 nhân Vô Tham Vô Sân Vô Si – là nhân cần thiết để phát sinh trí tuệ dễ dàng)

**NHỮNG
ĐIỀU CẦN
GHI NHỚ**

- ↳ Có mặt trong 4 Tâm đại thiện DG hợp trí + 4 Tâm đại quả DG hợp trí + 4 Tâm duy tác DG hợp trí + 15 Tâm Sắc giới + 12 Tâm Vô sắc giới + 40 Tâm Siêu thế = **79 Tâm**
- ↳ Đồng sanh 24 Tâm sở Tịnh hảo còn lại + 13 Tâm sở Tợ tha
- ↳ Hiệp cùng thể tánh Thiện và Vô ký
- ↳ Thuộc giống Thiện, Quả và Duy tác
- ↳ Đồng sanh với 3 nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)
- ↳ Tương ưng với 2 Thọ: Hỷ và Xả
- ↳ Làm 4 công việc : Tục sinh, Hộ kiếp, Tử và Đồng tốc
- ↳ Tương ưng với Tứ Danh uẩn (Thọ Tướng Hành Thức)
- ↳ Bất tương ưng Sắc uẩn

TỔNG KẾT TÂM SỞ

13 TỢ THA

+

14 BẤT THIỆN

+

25 TỊNH HẢO

=

52 TÂM SỞ

7 BIẾN HÀNH TÂM SỞ

luôn có mặt trong tất cả Tâm

6 BIỆT CẢNH TÂM SỞ

Thì tùy theo

4 SI PHẦN (Bất
Thiện Biến Hành)

Có đủ trong 12 tâm Bất thiện

Các TÂM SỞ BẤT THIỆN
còn lại

Thì tùy theo

19 TÂM SỞ TỊNH
HẢO BIẾN HÀNH

luôn có mặt trong các Tâm Tịnh hảo

Các TÂM SỞ TỊNH HẢO
còn lại

Thì tùy theo

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDHASSA**

**GIÁO TRÌNH VI DIỆU PHÁP CƠ BẢN
ABHIDHAMMA**

TÂM SỞ PHỐI HỢP TÂM



**Room Paltalk: PHATGIAONAMTRUYENNT
THỜI GIAN: 18.10.2019 – 25.10.2019**

**Room Paltalk: NguyenNhuKyVien
THỜI GIAN: 18.04.2020 – 25.04.2020**

Giảng sư: KING MILANDA A

CETASIKASANGAHA TÂM SỞ PHỐI HỢP

Tesaṃ cittāviyuttānaṃ -- yathāyogamito paraṃ / Cittuppādesu paccekaṃ - sampayogo pavuccati : Satta sabbattha yujjanti / Yathāyogaṃ pakiṇṇakā / Cuddasā kusalesveva / sobhanesveva sobhanā./

Tùy trường hợp, trong những loại tâm khác nhau sự phối hợp của mỗi Tâm sở này sẽ được đề cập đến sau đây : Bảy, liên hợp với tất cả các loại tâm. / Sáu tâm sở Riêng Biệt liên hợp tùy trường hợp. / Mười Bốn chỉ liên hợp với các loại tâm Bất Thiện. / Mười Chín tâm sở Đẹp, chỉ phát sanh trong tâm Đẹp.

Katham? Sabbacittasādhāraṇā tāva satta cetasikā sabbesupi ekūnanavuti cittuppādesu labbhanti./ Bằng cách nào? Trước tiên, bảy Tâm sở Biến Hành được thấy trong tất cả tám mươi chín loại tâm.

PAKIṆṆAKESU PANA: Trong các tâm sở Biệt Cảnh

1/ Vitakko tāva dvipaṇcaviññāṇa vajjitakāmāva- caracittesu ceva ekādasasu paṭhamajjhānacittesu cāti pañcapaññāsacittesu uppajjati.

"TÂM" phát sanh trong NĂM MƯƠI LĂM LOẠI TÂM, đó là:

- Trong tất cả các loại tâm thuộc Dục Giới, ngoại trừ cặp Ngũ song thức ($54 - 10 = 44$)
- Cũng phát sanh trong mười một loại tâm của Sơ Thiên ($44 + 11 = 55$).

2/ Vicāro pana tesu ceva ekādasasu dutiyajjhānacittesu cāti chasaṭṭhi cittesu jāyati. "TỨ", phát sanh trong SÁU MƯƠI SÁU LOẠI TÂM, đó là :

- + Trong năm mươi lăm loại kể trên (mục 1)
- + Và trong mười một loại tâm của NHỊ THIÊN. ($55 + 11 = 66$)

3/ Adhimokkho dvipaṇcaviññāṇavicikicchā vajjitacittesu.

"THẮNG GIẢI", phát sanh trong TẤT CẢ CÁC LOẠI TÂM, ngoại trừ CẶP NGŨ SONG THỨC và loại TÂM LIÊN HỢP VỚI "HOÀI NGHI". ($89 - 11 = 78$).

4/ Viriyam pañcadvārāvajjana -- dvipaṇca- viññāṇa - sampaticchana - santīrana - vajjitacittesu. "CẦN", phát sanh trong TẤT CẢ CÁC LOẠI TÂM, ngoại trừ NGŨ MÔN HƯỚNG TÂM, NGŨ SONG THỨC, TIẾP THỌ TÂM, VÀ QUAN SÁT TÂM. ($89 - 16 = 73$)

5/ Pīti domanas-supek-khāsaḥagata - kāya - viññāṇa - catutthajjhāna - vajjitacittesu./ "HỖ", phát sanh trong TẤT CẢ CÁC LOẠI TÂM, ngoại trừ những loại tâm liên hợp với THỌ ƯU và THỌ XẢ, THÂN THỨC, và TÂM TỨ THIÊN ($121 - (2+55+2+11) = 51$)

6/ Chando ahetuka - momūhavajjita cittesu labbhati./ "DỤC" phát sanh trong TẤT CẢ CÁC LOẠI TÂM ngoại trừ những loại TÂM VÔ NHÂN và hai loại TÂM LIÊN HỢP VỚI SI ($89 - 20 = 69$)

Te pana cittuppādā yathāk - kamaṃ: Chasaṭṭhi pañcapaññāsa -- ekādasasa ca solasa/ Sattati vīsati ceva -- pakiṇṇakavivajjitā/ Pañcapaññāsa chasaṭṭhiṭṭhasatati tisattati/ Ekapaññāsa cekūna -- sattati sapakiṇṇakā.

Kể theo thứ tự, các loại tâm này là :

66, 55, 11, 16, 70 và 20 KHÔNG CÓ TÂM SỞ RIÊNG BIỆT.

55, 66, 78, 73, 51, 69 phát sanh cùng với những loại TÂM SỞ RIÊNG BIỆT.

**TÂM SỞ VÀ TÂM PHỐI HỢP
 CETASIKA SANGAHA**

52 TÂM SỞ

121 TÂM

7 TÂM SỞ BIẾN HÀNH:
 Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành (Định), Mạng quyền, Tác ý

có mặt trong 121 TÂM
 (7 tâm sở này đồng sanh, đồng diệt, đồng nương, đồng biết)

6 TÂM SỞ BIỆT CẢNH

TÂM SỞ TẦM

là 1 trong 6 Tâm sở biệt cảnh, áp tâm trên đối tượng, quăng ném lên đối tượng. Tầm có mặt trong Sơ thiền vì Tầm là 1 chi của Sơ thiền Sắc giới (Tầm Tứ Phi Lạc Định)

có 55 TÂM

*** 44 TÂM DỤC GIỚI :**
 + 12 TÂM BẤT THIỆN (8 Tham, 2 Sân, 2 Si)
 + 8 TÂM VÔ NHÂN (2 Tiếp thân, 3 quan sát, 1 khán ngũ môn, 1 khán ý môn, 1 ưng cúng vi tiểu)
 + 24 Tâm DGTH (8 Tâm thiện, 8 Tâm Quả thiện, 8 Tâm duy tác)

*** 11 SƠ THIỀN** (3 Sơ thiền SG: Thiện, Quả và Duy tác, 4 Đạo sơ thiền, 4 Quả sơ thiền)

bất cảnh riêng biệt, tùy theo thể loại tâm, tâm trạng mà nó phát sanh

TÂM SỞ TƯ

có 66 TÂM

*** 44 TÂM DỤC GIỚI** (12 Tâm bất thiện, 8 Tâm vô nhân, 24 Tâm DGTH)

*** 11 SƠ THIỀN** (3 Sơ thiền SG, 4 Đạo sơ thiền, 4 Quả sơ thiền)

*** 11 NHỊ THIỀN** (3 Nhị thiền SG, 4 Đạo nhị thiền, 4 Quả nhị thiền)

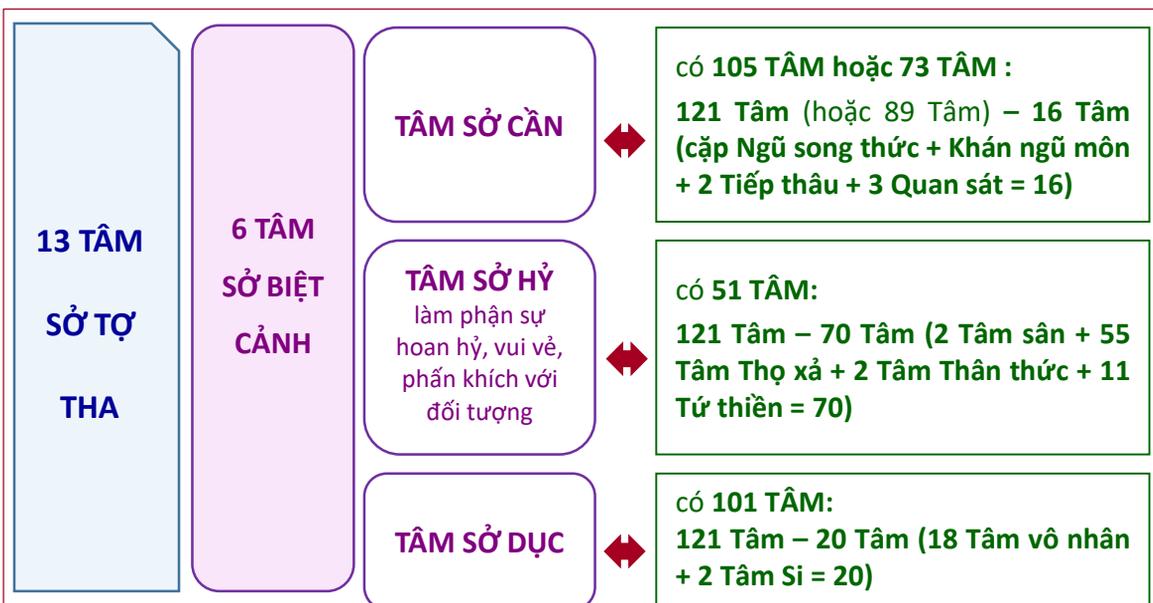
TÂM SỞ THẮNG GIẢI

Thắng giải là sự quyết định, khi người ta đã khởi sự quyết định thì Nghi sẽ không có mặt và được đoạn trừ (không phải đoạn trừ hoàn toàn mà chỉ là không hiện hữu)

có 110 TÂM hoặc 78 TÂM

121 Tâm (hoặc 89 Tâm) – 11 Tâm (cặp Ngũ song thức + Si Hoài Nghi = 11)

13 TÂM SỞ TỰ THA



🌀 CHỨNG ĐẮC

- + Sơ thiền : có 5 gồm TÂM, TỨ, HỖ, LẠC, ĐỊNH
- + Nhị thiền : có 4 gồm TỨ, HỖ, LẠC, ĐỊNH
- + Tam thiền : có 3 gồm HỖ, LẠC, ĐỊNH
- + Tứ thiền : có 2 gồm LẠC, ĐỊNH
- + Ngũ thiền : có XẢ, ĐỊNH

	<p>🌀 TỔNG KẾT : Kể theo thứ tự các loại Tâm này, Có và Không có TÂM SỞ BIỆT CẢNH</p> <p>+ Có : 55 Tâm, 66 Tứ, 78 Thắng giải, 73 Cần, 51 Hỷ, 69 Dục</p> <p>+ Không có : 66 Tâm, 55 Tứ, 11 Thắng giải, 16 Cần, 70 Hỷ, 20 Dục</p> <p>Hoặc :</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 30%;">♣ TÂM</td> <td style="width: 30%;">: có 55</td> <td style="width: 30%;">không có 66</td> </tr> <tr> <td>♣ TỨ</td> <td>: có 66</td> <td>không có 55</td> </tr> <tr> <td>♣ THẮNG GIẢI</td> <td>: có 110 hoặc 78</td> <td>không có 11</td> </tr> <tr> <td>♣ CẦN</td> <td>: có 105 hoặc 73</td> <td>không có 16</td> </tr> <tr> <td>♣ HỖ</td> <td>: có 51</td> <td>không có 70</td> </tr> <tr> <td>♣ DỤC</td> <td>: có 69</td> <td>không có 20</td> </tr> </table>	♣ TÂM	: có 55	không có 66	♣ TỨ	: có 66	không có 55	♣ THẮNG GIẢI	: có 110 hoặc 78	không có 11	♣ CẦN	: có 105 hoặc 73	không có 16	♣ HỖ	: có 51	không có 70	♣ DỤC	: có 69	không có 20
♣ TÂM	: có 55	không có 66																	
♣ TỨ	: có 66	không có 55																	
♣ THẮNG GIẢI	: có 110 hoặc 78	không có 11																	
♣ CẦN	: có 105 hoặc 73	không có 16																	
♣ HỖ	: có 51	không có 70																	
♣ DỤC	: có 69	không có 20																	

BUỔI 58 – 18.10.2019 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/674662279990110>

AKUSALA SANGAHA TÂM SỞ BẤT THIỆN PHỐI HỢP

1/ **Akusalesu pana Moho, Ahirikaṃ, Anottappaṃ, Uddhaccaṃ cāti cattārome cetasikā sabbākusala sādhāraṇā nāma. Sabbesupi dvādasākusalesu labbhanti.**

Trong các tâm sở Bất Thiện có bốn loại này, SI, VÔ TÂM, VÔ QUÝ VÀ PHÓNG DẬT nằm trong tất cả các loại TÂM BẤT THIỆN.

2/ **Lobho aṭṭhasu lobhasahaga tesveva labbhati**

THAM chỉ nằm trong tám loại tâm bắt nguồn từ căn tham.

+ **Diṭṭhi catusu diṭṭhigata sampayuttesu.**

TÀ KIẾN nằm trong bốn loại tâm LIÊN HỢP VỚI TÀ KIẾN.

+ **Māno catusu diṭṭhigata vippayuttesu.**

NGÃ MẠN nằm trong bốn loại tâm KHÔNG LIÊN HỢP VỚI TÀ KIẾN.

3/ **Doso, Issā, Macchariyaṃ, Kukkuccaṃ ca dvīsu paṭighacittesu.**

SÂN, TẬT, LẶN và HỐI nằm trong hai loại tâm LIÊN HỢP VỚI SÂN

4/ **Thīnaṃ, Middhaṃ pañcasu sasaṅkhārikacittesu.**

HÔN TRẦM và THỤY MIÊN, nằm trong năm loại TÂM HỮU TRỢ

5/ **Vicikicchā vicikicchāsahagatacitteteveva labbhātīti.**

HOÀI NGHỈ, chỉ nằm trong loại tâm liên hợp với HOÀI NGHỈ

Sabbāpuññesu cattāro -- lobhamūle tayo gatā

Dosamūlesu cattāro -- sasaṅkhāre dvayaṃ tathā

Vicikicchā vicikicchācette cāti catuddasa

Dvādasā kusalesveva -- sampayujjanti pañcadhā.

Tóm lược:

+ Bốn được thấy trong tất cả các loại TÂM BẤT THIỆN,

+ Ba trong các loại tâm bắt nguồn từ CĂN THAM,

+ Bốn trong những loại tâm bắt nguồn từ CĂN SÂN,

+ và Hai từ các loại TÂM CÓ HỮU TRỢ.

HOÀI NGHỈ hiện hữu trong loại TÂM LIÊN HỢP VỚI HOÀI NGHỈ.

Như vậy, MƯỜI BỐN TÂM SỞ BẤT THIỆN chỉ **đồng phát sanh cùng** MƯỜI HAI TÂM VƯƠNG BẤT THIỆN bằng Năm cách

Buổi 70 - 25.04.2020 ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/224489502305533>

Buổi 59 – 25.10.2019 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/385283329042083>

14 TÂM SỞ BẤT THIỆN PHỐI	TÂM SỞ SI PHẦN (Si, Vô Tâm, Vô Quý, Phóng Dật)	↔	12 TÂM BẤT THIỆN
	TÂM SỞ THAM	↔	8 TÂM THAM
	TÂM SỞ TÀ KIẾN	↔	4 TÂM THAM HỢP TÀ
	TÂM SỞ NGÃ MẠN	↔	4 TÂM THAM LY TÀ
	TÂM SỞ SÂN PHẦN (Sân – Tật – Lận – Hối)	↔	2 TÂM SÂN
	TÂM SỞ HÔN TRẦM + THỤY MIÊN	↔	+ 4 TÂM THAM HỮU TRỢ + 1 TÂM SÂN HỮU TRỢ
	TÂM SỞ HOÀI NGHI	↔	TÂM SI HOÀI NGHI
25 TÂM SỞ TỊNH HẢO PHỐI	19 TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH Tín, Niệm, Tâm, Quý, Vô Tham, Vô Sân, Hành Xả, Tịnh Thân, Tịnh Tâm, Khinh Thân, Khinh Tâm, Nhu Thân, Nhu Tâm, Thích Thân, Thích Tâm, Thuần Thân, Thuần Tâm, Chánh Thân, Chánh Tâm	↔	CÓ 59 TÂM: + 24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO + 27 TÂM ĐÁO ĐẠI + 8 TÂM SIÊU THỂ
	3 TÂM SỞ GIỚI PHẦN Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng	↔	CÓ 16 TÂM : + 24 TÂM THIỆN DỤC GIỚI TỊNH HẢO + 8 TÂM SIÊU THỂ
	2 TÂM SỞ VÔ LƯỢNG PHẦN BI, TÙY HỖ	↔	CÓ 28 TÂM : + 8 TÂM THIỆN DỤC GIỚI + 8 TÂM DUY TÁC DỤC GIỚI + 12 TÂM THIỀN SẮC GIỚI
	TÂM SỞ TUỆ QUYỀN	↔	CÓ 47 TÂM : + 12 TÂM DGTH HỢP TRÍ + 27 TÂM ĐÁO ĐẠI + 8 TÂM SIÊU THỂ

**NHỮNG
TÂM SỞ
PHÁT
SANH
TRONG
CÁC TÂM
TUỖ THEO**

TẬT, LẶN, HỐI: sanh chung với SÂN theo từng loại

TÀ KIẾN sanh với THAM HỢP TÀ

NGÃ MẠN sanh với THAM LY TÀ

HÔN TRẦM - THUY MIÊN: sanh với các TÂM BẤT THIỆN HỮU TRỢ

3 GIỚI PHẦN (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng) sanh tùy theo THIỆN DỤC GIỚI TỊNH HẢO hoặc SIÊU THỂ

BI - TUỖ HỖ: tùy theo THIỀN TÂM SẮC GIỚI hoặc THIỆN DỤC GIỚI, DUY TÁC DỤC GIỚI

**NHỮNG
TÂM SỞ
PHÁT
SANH
TRONG
CÁC TÂM
NHẤT
ĐỊNH**

36 TÂM SỞ gồm: 13 TS TỢ THA + 23 TS TỊNH HẢO (25 TSTH - 2 VÔ LƯỢNG PHẦN) : **TÂM SIÊU THỂ**

35 TÂM SỞ gồm: 13 TS TỢ THA + 22 TS TỊNH HẢO (25 TSTH - 3 GIỚI PHẦN) : **TÂM THIỀN**

38 TÂM SỞ gồm: 13 TỢ THA + 25 TS TỊNH HẢO: **TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO**

27 TÂM SỞ gồm: 13 TỢ THA + 14 TS BẤT THIỆN: **TÂM BẤT THIỆN**

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDHASSA**

**GIÁO TRÌNH VI DIỆU PHÁP CƠ BẢN
ABHIDHAMMA**

TÂM – TÂM SỞ PHỐI HỢP



+ Room Paltalk: PHATGIAONAMTRUYENNT
THỜI GIAN: 22.11.2019 – 20.12.2019

+ Room Paltalk: NguyenNhuKyVien
THỜI GIAN: 02.05.2020 – 30.05.2020

Giảng sư: KING MILANDA A

CITTA - CETASIKA SANGAHO TÂM, TÂM SỞ PHỐI HỢP

1. Akusalesu pana lobhamūlesu tāva paṭhame asaṅkhārike aññasamānā terasa cetasikā akusalasādhāraṇā cattāro cāti sattarasa lobhadiṭṭhīhi saddhiṃ ekunavīsati dhammā saṅgahaṃ gacchanti.

Bây giờ, để bắt đầu, trong loại **TÂM BẤT THIỆN** đầu tiên vô trợ, mười chín Tâm sở phối hợp như sau : 13 Tâm Sở Tợ Tha, 4 Tâm Sở Bất Thiện Biến Hành, là 17, cùng với Tâm sở THAM và TÀ KIẾN = 19

2. Tatheva dutiye asaṅkhārike lobhamānena.

Cùng thể ấy, trong loại **Tâm Thứ Nhì thuộc VÔ TRỢ**, mười bảy tâm sở trên, cùng với Tâm sở THAM và NGÃ MẠN = 19

3. Tatiye tatheva pītivajjitā lobha-diṭṭhīhi saha aṭṭhārasa.

Trong loại **Tâm thứ ba VÔ TRỢ**, có mười tám Tâm sở, cùng với Tâm sở THAM và TÀ KIẾN, nhưng không có HỖ = 18.

4. Catutthe tatheva lobha-mānena. / Trong loại **Tâm thứ tư VÔ TRỢ** có mười tám tâm sở cùng với THAM và NGÃ MẠN = 18

5. Pañcame paṭighasampayutte asaṅkhārike doso issā macchariyaṃ kukkuccañcāti catūhi saddhiṃ pītivajjitā te eva vīsati dhammā saṅgayhanti. Issā, macchariya, kukkucāni, panet tha paccekameva yojetabbāni.

Trong loại **TÂM VÔ TRỢ** thứ năm liên hợp với SÂN, hai mươi Tâm sở trên, trừ HỖ, cùng phối hợp với SÂN, TẬT, LẶN, và HỐI. Trong bốn Tâm sở này : TẬT, LẶN và HỐI phải được phối hợp một cách riêng rẽ = 20

6. Sasaṅkhārikapañcakepi tatheva thīna- middhena vise setvā yojetabbā.

Trong **NĂM LOẠI TÂM CÓ SỰ HỮU TRỢ**, các Tâm sở trên phải được phối hợp với nhau cùng thể ấy, có điều khác biệt là phải thêm vào hai Tâm sở HỒN TRẦM và THỤY MIÊN.

7. Chanda-pītivajjitā pana aññasamānā ekādasa akusalasādhāraṇa cattāro cāti paṇṇarasa dhammā uddhaccasahagata sampayujjanti.

Trong loại **TÂM LIÊN HỢP VỚI PHÓNG DẬT** có 15 Tâm sở hiện hữu là: mười một Tâm sở Tợ tha, trừ DỤC và HỖ và bốn tâm sở Bất Thiện Biến hành = 15

8. Vicikicchāsahagatacittē ca adhimokkha virahitā vicikicchā sahatā tatheva paṇṇa - rasadhammā samupalabbhantīti sabbathāpi dvādasākusalacittuppādesu paccekam yojiya - mānāpi gaṇanavasena sattadhāva saṅgahitā bhavanti.

Trong loại **TÂM LIÊN HỢP VỚI HOÀI NGHI**, mười lăm Tâm sở phối hợp như trên cùng với hoài nghi, nhưng KHÔNG CÓ TÂM SỞ NHẤT HÀNH = 15
Như vậy, trong tất cả mười hai loại **TÂM BẤT THIỆN** hợp lại trở thành bảy, tùy theo những phương cách phối hợp .

Ekūnavīsattṭhārasa -- vīsekavīsa vīsati // Dvāvīsa paṇṇaraseti -- sattadhā kusale thitā // Sādhāraṇā ca cattāro -- samānā ca dasā pare // Cuddasete pavuccanti – sabbākusalayogino

Mười chín, mười tám, hai mươi, hai mươi mốt, hai mươi, hai mươi hai, mười lăm. Như vậy, trong **TÂM BẤT THIỆN** có bảy cách phối hợp của Tâm sở.
Mười bốn tâm sở này là: bốn Bất Thiện biến hành và mười **TÂM SỞ TỢ THA** (trừ DỤC, HỖ, ĐINH trong 2 Tâm Sĩ) được nói là liên hợp với tất cả các loại **TÂM VƯƠNG BẤT THIỆN**.

I/
AKUSALACITTA -
SANGAHO,
TÂM BẤT THIỆN
PHỐI HỢP

CITTA-CETASIKA-SANGAHO
TÂM, TÂM SỞ PHỐI HỢP

- Paramatthasacca: Đệ nhất Nghĩa đế, Chân đế, Thực tính pháp
 - + Parama: cùng tột, không thể biến đổi, không thể biến sang dạng khác
 - + Attha: điều, vật
- Parama + attha: điều không thể thay đổi, không thể biến đổi được nhưng vẫn sanh diệt
- 🌀 PARAMATTHASACCA: sự thật tuyệt đối vì không thể biến đổi, chân như (*trạng thái như thế nào thì như thế đó chứ không có nghĩa là thường hằng*)

BẢN THỂ HAY THỰC TÍNH CỦA TÂM
gồm có 3 khía cạnh:

1/ Chính nó có bản chất biết cảnh

2/ Nó làm nhân cho các sở hữu cùng biết cảnh như nó

3/ Nó làm cho sinh vật và các vật vô tri trở nên sai biệt đa dạng

Pháp thực tính gọi là Paramattha là do 3 ý nghĩa

1/ Đặc biệt (không thay đổi): không bao giờ đổi từ cái này sang cái khác, không thể đổi từ Tâm này sang Tâm khác, dạng này sang dạng khác.

2/ Cảnh của tuệ cao: Tâm Tham, Tâm Sân, Tâm Si, Tâm Vô nhân, Tâm Dục giới là Đối tượng của TUỆ CAO, người phải có trí tuệ mới thấy được Trạng tướng của nó, trí tuệ ngày càng phát triển. Bởi vì nó là Pháp của thực tính, Pháp cần có một trí tuệ rõ ràng mới thấy được.

3/ Chủ chế định: nó là chủ vì có Pháp thực tính mới có Pháp Tục đế được

DITTHAM VO BHIKKHAVE CARANAM NĀMA CITTANTI? TAM BHANTE. TAM PI KHO BHIKKHAVE CARANAM CITTAM CITTENA CINTITANTI TENĀPI KHO BHIKKHAVE CARANENA CITTENA CITTAÑÑEVA CITTATARANTI, NĀHAM BHIKKHAVE AÑÑAM EKANIKĀYAMPI SAMANUPASSĀMI YAM EVAM CITTAM YATHAYIDAM BHIKKHAVE TIRACCHĀNAGATĀ PĀNĀ TE PI KHO BHIKKHAVE TIRACCHĀNAGATEHI PĀNEHI CITTAÑÑEVA CITTATANANTI.

"Này các Tỳ kheo! Có bao giờ các người nhìn thấy bức hoạ nào chưa? Thưa có ạ - này các Tỳ kheo, cho đến ngay cả bức tranh đó, nếu nó có cái gì phức tạp, sai biệt trong ấy cũng là **do Tâm sáng tác nên**. Này các Tỳ kheo, **Tâm là cái phức tạp, đa dạng hơn cả bức tranh phức tạp đó nữa**. Này các Tỳ kheo, trong tất cả các chúng sanh trên đời, ta chưa thấy một sanh loài nào phức tạp, sai biệt, đa dạng như loài bàng sanh cả, mà tất cả những cái phức tạp đó đều do Tâm mà ra, **chính Tâm tạo ra cái sai biệt, đa dạng đó, này các Tỳ kheo, Tâm còn phức tạp hơn cả các loài bàng sanh**"

☸ CITTENA NIYATE LOKOCITTENA PARIKASSATICITTASSA EKADHAMMASSASABBEVA VASAMANVAGŪ

"Thế gian này được Tâm dắt đi siêu đọa, tất cả chúng sanh đều đi theo quyền lực của cái Tâm".

☸ CITTANĀNATTAMĀGAMMANĀNATTAM HOTI VĀYUNOVĀYUNĀMATTATO NĀNĀHOTI KĀYASSA IÑJANĀ

"Chính vì Tâm luôn phức tạp đa dạng nên có các oai nghi cử động phức tạp. Chính nhờ có các oai nghi đó mà thân thể mới cử động được".

☸ VICITTAKARAN ĀCITTAMATTANO CITTATĀYA VĀ CITTAKAMMAKILESEHICITTAM TĀYATI VĀ TATHĀ CINOTI ATTASANTĀNAMVICITTĀRAMMANANTI CA

"Gọi là Tâm vì nó tạo ra sự sai biệt đa dạng (32 tâm quả), hay gọi là Tâm vì bản chất của chính nó là đa phức tạp, sai biệt (121 tâm).

TÂM - TÂM SỞ PHỐI HỢP

TÂM BẤT THIỆN PHỐI HỢP - AKUSALACITTA SANGAHO

8 TÂM THAM

13 TÂM SỞ TỰ THA
= 7 Tâm sở Biến hành +
6 Tâm sở Biệt cảnh

2 TÂM SỞ HÔN PHẦN:
Hôn trầm + Thụy miên

1/ Tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ	13 TS TT	4 TS Si phần	1 TS Tham	1 TS Tà kiến		= 19 TÂM SỞ
2/ Tâm tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ	13 TS TT	4 TS Si phần	1 TS Tham	1 TS Tà kiến	2 TS Hôn phần	= 21 TÂM SỞ
3/ Tâm tham thọ hỷ ly tà vô trợ	13 TS TT	4 TS Si phần	1 TS Tham	1 TS Ngã mạn		= 19 TÂM SỞ
4/ Tâm tham thọ hỷ ly tà hữu trợ	13 TS TT	4 TS Si phần	1 TS Tham	1 TS Ngã mạn	2 TS Hôn phần	= 21 TÂM SỞ
5/ Tâm tham thọ xả hợp tà vô trợ	12 TS TT (13TS TT – Hỷ)	4 TS Si phần	1 TS Tham	1 TS Tà kiến		= 18 TÂM SỞ
6/ Tâm tham thọ xả hợp tà hữu trợ	12 TS TT (13TS TT – Hỷ)	4 TS Si phần	1 TS Tham	1 TS Tà kiến	2 TS Hôn phần	= 20 TÂM SỞ
7/ Tâm tham thọ xả ly tà vô trợ	12 TS TT (13TS TT – Hỷ)	4 TS Si phần	1 TS Tham	1 TS Ngã mạn		= 18 TÂM SỞ
8/ Tâm tham thọ xả ly tà hữu trợ	12 TS TT (13TS TT – Hỷ)	4 TS Si phần	1 TS Tham	1 TS Ngã mạn	2 TS Hôn phần	= 20 TÂM SỞ

2 TÂM SÂN

4 Tâm sở Si phần: + Si + Vô tà + Vô Quý + Phóng dật

4 Tâm sở Sân phần:
Sân, Tật, Lận, Hối

1/ Tâm sân thọ ưu hợp phần vô trợ	12 TS TT (13TS TT – Hỷ)	4 TS Si phần	4 TS Sân phần			= 20 TÂM SỞ
2/ Tâm sân thọ ưu hợp phần hữu trợ	12 TS TT (13TS TT – Hỷ)	4 TS Si phần	4 TS Sân phần	2 TS Hôn phần		= 22 TÂM SỞ

2 TÂM SI

1/ Tâm si thọ xả hoại nghi	10 TS TT (13TS TT – Thắng giải, Hỷ, Dục)	4 TS Si phần	4 TS Hoại Nghi			= 15 TÂM SỞ
2/ Tâm si thọ xả phóng dật	11 TS TT (13TS TT – Hỷ, Dục)	4 TS Si phần				= 15 TÂM SỞ

CITTA - CETASIKA SANGAHO TÂM, TÂM SỞ PHỐI HỢP

II/ AHETUKA

CITTA -

SANGAHO

TÂM VÔ NHÂN

PHỐI HỢP

**Ahetukesu pana hasanacitte tava chanda vajjitā
Aññasamānā dvādasa dhammāsaṅgahaṃ gacchanti.**

Đối với TÂM VÔ NHÂN trong loại TÂM VI TIỂU, để khởi đầu, có mười hai TÂM SỞ TỢ THA, không có tánh cách Thiện hay Bất thiện phối hợp với nhau, trừ DỤC = 12

Tathā votthapane chanda-pīti-vajjitā.

Cùng thể ấy, trong Tâm KHÁN Ý MÔN, trừ DỤC và HỖ = 11

Sukhasantīraṇe chanda-viriya-vajjitā.

Trong loại TÂM QUAN SÁT, liên hợp với THỌ HỖ, trừ DỤC và TINH TẤN = 11

**Manodhātuttikāhetukapaṭisaṅgāle chanda – pīti – viriya
-vajjitā.**

Trong bộ ba TÂM Ý GIỚI và cặp TÂM QUAN SÁT XẢ VÔ NHÂN, trừ DỤC, HỖ và TINH TẤN = 10

**Dvipañcaviññāṇe pakīṇṇakavajjitā te yeva saṅgahanti' - ti
sabbathāpi.**

Trong hai loại NGŨ SONG THỨC, tất cả TÂM SỞ phối hợp với nhau, ngoại trừ các TÂM SỞ BIỆT CẢNH = 7

**Dvādasekādasa dasa satta cāti catubbidho
Aṭṭhārasāhetukesu cittuppādesu saṅgaho.**

Mười hai, Mười một, Mười, Bảy -- như vậy, đối với Mười tám loại TÂM VÔ NHÂN các TÂM SỞ phối hợp với nhau bằng bốn phương cách

TÂM - TÂM SỞ PHỐI HỢP

TÂM VÔ NHÂN PHỐI HỢP

– AHETUKA CITTA SANGAHO

Tâm vô nhân : là Tâm không có 6 nhân

Tâm Vô nhân có 18 gồm: 7 Tâm Quả Bất thiện, 8 Tâm Quả Thiện, 3 Tâm Duy tác

1/ NGŨ SONG THỨC

**Nhãn + Nhĩ + Tỷ + Thiệt + Thân
Thiện và Bất thiện**

+ 5 đôi thức này có mặt trong 7 Tâm sở Biến hành vì đây là QUY LUẬT CỦA PHÁP CHÂN ĐẾ, tối thiểu phải có 8 thành tố phối hợp chung mới tạo thành một pháp sanh được, mới thành tựu (8 danh bất ly). Sắc pháp cũng có 8 sắc bất ly.

+ Không có những Tâm sở Biệt cảnh đi theo vì nó làm phạm sự đơn giản theo chức năng của nó, nên không cần sự hỗ trợ nào khác.

có 7 TÂM SỞ BIẾN HÀNH: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý

đồng sanh, đồng diệt, đồng nương, đồng biết chung.

Nhãn thức chỉ làm nhiệm vụ thấy, âm thanh đến thì Nhĩ thức nghe không cần có sự hỗ trợ nào của các Tâm sở khác.

Ví dụ: Khi cảnh sắc đến xúc chạm vô thần kinh nhãn, truyền tín hiệu vô dòng tâm thức, làm cho Khán ngũ môn sanh khởi, để hướng về cảnh sắc.

2/ 3 Ý GIỚI: 2 Tiếp Thâu, 1 Khán Ngũ môn

+ 2 Tiếp Thâu: nương trú nơi Sắc Ý vật, ngoại trừ 7 Tâm sở Biến hành.

+ Khán ngũ môn: tâm sanh lên làm phạm sự mở cửa cho cảnh vô nên không cần phải có Cần, Hỷ, Dục, không cần có sự mong muốn.

có 10 TÂM SỞ GỒM: 7 Tâm Sở Biến hành + Tầm, Tư, Thắng Giải (trừ Cần, Hỷ, Dục)

+ có thêm Tầm vì Tầm lúc này sanh chung với tâm Tiếp thâu: làm phạm sự mang cảnh bên ngoài vào, soi chiếu và thâu cảnh vô.

+ Tư có mặt vì khi có Tầm phải có Tư, xuất hiện như cặp bài trùng, Tư suy xét cảnh sau khi Tầm mang cảnh đến.

+ Thắng giải là quyết định, làm phạm sự không do dự, quyết định cảnh do Tầm, Tư đưa vô.

+ Tâm tiếp thâu đưa cảnh vào dòng tâm thức mà thôi, không cần có tâm sở Cần xuất hiện.

+ Không có Hỷ vì Tâm Tiếp thâu làm công việc Thọ Xả.

+ Không có Dục vì Tiếp thâu không hề có sự mong muốn nhận cảnh.

TÂM VÔ NHÂN PHỐI HỢP
- AHETUKA CITTA SANGAHO
Tâm vô nhân là Tâm không có 6 nhân

3/ 2 TÂM QUAN SÁT THỌ XẢ: Quả thiện, Quả Bất thiện vô nhân.
+ Làm vấn đề quan sát cảnh từ tâm tiếp thu đưa vô

có 10 TÂM SỞ GỒM: 7 Tâm Sở Biến hành + Tâm, Tứ, Thắng Giải (trừ Cần, Hỷ, Dục)
+ chỉ là quan sát cảnh đơn thuần, nên giống như 2 tâm Tiếp thu

4/ TÂM QUAN SÁT THỌ HỖ
Tâm quan sát thọ hỷ thuộc tâm thiện

có 11 TÂM SỞ GỒM: 7 Tâm Sở Biến hành + Tâm, Tứ, Thắng Giải, Hỷ (trừ Cần, Dục)
Cảnh đến với 2 tâm Quan sát Thọ xả không có mạnh, đẹp như Quan sát thọ Hỷ vì đối tượng nó đẹp và sáng chói hơn.

5/ KHÁN Ý MÔN

+ Là tâm làm phận sự đoán cảnh, xác định cảnh trong lộ ngũ môn (lộ ngũ môn: phát sinh lên do 5 cảnh bên ngoài Sắc Thinh Khí Vị Xúc)
Vd: cảnh sắc sanh lên thì KNM sanh lên, Nhãn thức -> Tiếp thu -> Quan sát -> Tâm KYM sanh lên làm nhiệm vụ xác định cảnh trong lộ Ngũ môn này.

có 11 TÂM SỞ GỒM: 7 Tâm Sở Biến hành + Tâm, Tứ, Thắng Giải, Cần (trừ Dục, Hỷ)
+ Mở đường cho Lộ đồng tốc sanh nên cần phải có Tâm sở Cần (*KYM làm nhiệm vụ mở cửa, mở đường cho lộ đồng tốc sanh lên*)
+ Không có Hỷ vì KYM đang làm nhiệm vụ xác định cảnh và mở cửa cho lộ ý sanh khởi
+ Không có Dục vì KYM không mong cầu cảnh đến

6/ ƯNG CÚNG VI TIỂU

+ Ưng cúng vi tiểu Là Tâm của 1 vị Alahan, cần có tâm sở Cần vì nếu không có thì không thể làm việc sai khiến việc hé răng cười

có 12 TÂM SỞ GỒM: 7 Tâm Sở Biến hành + Tâm, Tứ, Thắng Giải, Hỷ, Cần (trừ Dục)
+ Làm phận sự đồng lực nên phải có tâm sở Cần
+ Khi tâm ưng cúng sanh lên, có sự vui thích với cảnh nên có Hỷ.
+ Không có Dục vì do cảnh tác động làm cho sự mỉm cười phát sanh chứ không có sự mong muốn trong đó

CITTA - CETASIKA SANGAHO TÂM, TÂM SỞ PHỐI HỢP

III/ KĀMĀVACARA SOBHANACITTA - SANGAHO TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO PHỐI HỢP

Kāmāvacara-sobhanesu pana kusalesu tāva paṭhamadvaye Aññasamānā terasa cetasikā pañcavisati Sobhanacetāsikā cāti aṭṭhatimsa-dhammā saṅgahaṃ gacchanti.

Trước tiên, trong hai loại tâm Tịnh hảo đầu thuộc Dục Giới có ba mươi tám tâm sở phối hợp nhau như sau: mười ba TÂM SỞ TỶ THA và hai mươi lăm TÂM SỞ TỊNH HẢO = 38

Appamaññā Viratiyo panettha pañcapi paccekameva yojetabbā.

Hai tâm sở VÔ LƯỢNG và ba GIỚI PHẦN phải được phối hợp riêng biệt

Tathā dutiyadvaye ñāṇavajjitā

Cùng thể ấy trong cặp thứ nhì, tất cả các Tâm sở trên đều hiện hữu, ngoại trừ TRI KIẾN = 37

Tatiyadvaye ñāṇasampayuttā pītivajjitā

Trong cặp thứ ba, liên hợp với TRI KIẾN, HỖ bị loại trừ = 37

Catutthadvaye ñāṇapītivajjitā. Te eva saṅgayhanti.

Trong cặp thứ tư, TRI KIẾN và HỖ bị loại trừ = 36

Kiriyacittesupi Virativajjitā.

Trong TÂM DUY TÁC, ba GIỚI PHẦN bị loại trừ = 35

Tatheva catusupi dukesu catudhā va saṅgayhanti.

Như ở trên, bốn cặp phối hợp bằng bốn phương cách

Tathā vipākesu ca Appamaññā-Virativajjitā. Te eva saṅgayhantīti sabbathāpi catuvisati kāmāvacarasobhanacittesu dukavasena dvādasadhāva saṅgaho hotīti.

Các tâm sở này phát sanh cùng thể ấy trong TÂM QUẢ, ngoại trừ những TÂM SỞ VÔ LƯỢNG và những GIỚI PHẦN. Như vậy trong tất cả hai mươi bốn loại TÂM TỊNH HẢO thuộc DỤC GIỚI có mười hai cách phối hợp, theo từng cặp.

TÂM - TÂM SỞ PHỐI HỢP

TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO PHỐI HỢP – KĀMĀVACARA SOBHANACITTA - SANGAHO

13 TÂM SỞ TỢ THA:

+ 7 Tâm sở Biến hành:
Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất
hành, Mạng quyền, Tác ý
+ 6 Tâm sở Biệt cảnh:
Tầm, Tứ, Thắng giải, Cần,
Hỷ, Dục

25 TÂM SỞ TỊNH HẢO:

+ 19 Tịnh hảo biến hành: Tín, Niệm, Tàm, Quý, Vô
tham, Vô sân, Hành xả, Tịnh thân, Tịnh tâm, Kinh
thân, Kinh tâm, Nhu thân, Nhu tâm, Thích Thân,
Thích tâm, Thuận thân, Thuận tâm, Chánh thân,
Chánh tâm.
+ 3 Giới phần: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh
mạng
+ 2 Vô lượng phần: Bi, Tùy Hỷ
+ 1 Tuệ quyền.

A/ 8 TÂM THIỆN DỤC GIỚI TỊNH HẢO

- 1/ Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ
- 2/ ... hữu trợ
- 3/ Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ
- 4/ ... hữu trợ
- 5/ Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ
- 6/ ... hữu trợ
- 7/ Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ
- 8/ ... hữu trợ

1 + 2

13 Tâm sở Tợ tha

25 Tâm sở tịnh hảo

= 38 Tâm

3 + 4

13 Tâm sở Tợ tha

24 Tâm sở Tịnh hảo
(25 TSTH – Tuệ quyền)

= 37 Tâm

5 + 6

12 Tâm sở Tợ tha
(13TSTT – Hỷ)

25 Tâm sở Tịnh hảo

= 37 Tâm

7 + 8

12 Tâm sở Tợ tha
(13TSTT – Hỷ)

24 Tâm sở Tịnh hảo
(25 TSTH – Tuệ quyền)

= 36 Tâm

B/ 8 TÂM QUẢ THIỆN DỤC GIỚI TỊNH HẢO

- 1/ Tâm quả thiện thọ hỷ hợp trí vô
trợ
- 2/ ... hữu trợ
- 3/ Tâm quả thiện thọ hỷ ly trí vô trợ
- 4/ ... hữu trợ
- 5/ Tâm quả thiện thọ xả hợp trí vô
trợ
- 6/ ... hữu trợ
- 7/ Tâm quả thiện thọ xả ly trí vô trợ
- 8/ ... hữu trợ

1 + 2

13 Tâm sở Tợ tha

20 Tâm sở Tịnh hảo
(25TSTH - 3 Giới phần, 2
Vô lượng phần)

= 33 Tâm

3 + 4

13 Tâm sở Tợ tha

19 Tâm sở Tịnh hảo
(25TSTH - 3 Giới phần, 2
Vô lượng phần, Tuệ quyền)

= 32 Tâm

5 + 6

12 Tâm sở Tợ tha
(13TSTT – Hỷ)

20 Tâm sở Tịnh hảo
(25TSTH - 3 Giới phần, 2
Vô lượng phần)

= 32 Tâm

7 + 8

12 Tâm sở Tợ tha
(13TSTT – Hỷ)

19 Tâm sở Tịnh hảo
(25TSTH - 3 Giới phần, 2
Vô lượng phần, Tuệ quyền)

= 31 Tâm

C/ 8 TÂM DUY TÁC DỤC GIỚI TỊNH HẢO

- 1/ Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ
- 2/ ... hữu trợ
- 3/ Tâm duy tác thọ hỷ ly trí vô trợ
- 4/ ... hữu trợ
- 5/ Tâm duy tác thọ xả hợp trí vô trợ
- 6/ ... hữu trợ
- 7/ Tâm duy tác thọ xả ly trí vô trợ
- 8/ ... hữu trợ

1 + 2

13 Tâm sở Tợ tha

22 Tâm sở Tịnh hảo
(25TSTH - 3 Giới phần)

= 35 Tâm

3 + 4

13 Tâm sở Tợ tha

21 Tâm sở Tịnh hảo
(25TSTH - 3 Giới phần, Tuệ
quyền)

= 34 Tâm

5 + 6

12 Tâm sở Tợ tha
(13TSTT – Hỷ)

22 Tâm sở Tịnh hảo
(25TSTH - 3 Giới phần)

= 34 Tâm

7 + 8

12 Tâm sở Tợ tha
(13TSTT – Hỷ)

21 Tâm sở Tịnh hảo
(25TSTH - 3 Giới phần, Tuệ
quyền)

= 33 Tâm

A/ 8 TÂM THIỆN DỤC GIỚI TỊNH HẢO

1/ Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ + 2/ ... hữu trợ

+ 14 Tâm Sở Bất Thiện: không có vì đây là TÂM THIỆN

+ 19 Tâm Sở Tịnh Hảo Biến Hành: luôn có mặt trong tất cả Tâm tịnh hảo

+ Tâm sở Tuệ quyền: Có vì là Hợp trí

+ 3 Giới phần (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng) có mặt không cùng lúc vì mỗi giới có 1 đối tượng riêng biệt khác nhau.

Ví dụ Chánh ngữ: khi nào mình gặp trường hợp để phải giữ Chánh ngữ thì lúc đó có Tâm sở Chánh ngữ sanh khởi, khi không thì sẽ không có. Khi có người nào hỏi mình gì đó thì mình giữ Chánh ngữ nghĩa là không nói dối, không nói láo thì khi đó Chánh ngữ mới sanh được. khi nào có đối tượng đến thì nó mới có. Tương tự vậy với Chánh nghiệp (*hành động chân chánh*), khi nào có vấn đề mới phát sanh được, còn không thì cũng không có sanh. Chánh mạng (*nuôi mạng chân chánh*) cũng vậy.

=> 3 TÂM NÀY CHỈ CÓ THỂ CÓ MẶT CÙNG LÚC TRONG TÂM ĐẠO TÂM QUẢ SIÊU THỂ MÀ THÔI, CHỨ TRONG TÂM TỊNH HẢO NÀY THÌ KHÔNG CÓ MẶT CÙNG LÚC CẢ 3.

+ 2 Vô lượng phần: có mặt tùy theo đối tượng, lúc có cái này thì không có cái kia. Đang đau khổ có Tâm Bi, đang hạnh phúc có Tùy hỷ

- Bi: có mặt trong THỌ HỖ, Tâm Bi có đối tượng là chúng sanh đang đau khổ. Tâm Bi khởi lên thương xót chúng sanh đau khổ, thì ngay lúc đó **không có mặt** trong tâm thiện thọ Hỷ, chỉ có mặt trong tâm thiện thọ xả. Tuy nhiên có trong thiện Thọ Hỷ vì khi thấy chúng sanh đó thoát được cảnh khổ thì Tâm Bi khởi lên lúc đó có được sự hỷ trong đó -> Bi chỉ có Hỷ khi thấy chúng sanh đau khổ vừa thoát khổ sau đó, khác thời gian thời điểm.

- Tùy hỷ: có mặt với đối tượng đang được an lạc, hạnh phúc, hoan hỷ với điều đó.

+ Tâm sở TUỆ QUYỀN: đương nhiên có vì là Tâm thiện thọ hỷ Hợp trí

NẾU CÓ GIỚI PHẦN THÌ KHÔNG CÓ VÔ LƯỢNG PHẦN, VÀ NẾU CÓ VÔ LƯỢNG PHẦN THÌ KHÔNG CÓ GIỚI PHẦN, CÓ TÙY THEO.

3/ Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ + 4/ ... hữu trợ

+ Tâm thuộc LY TRÍ nên không có Tuệ quyền xuất hiện trong đó, chính do sự không khéo tác ý cho dù có giữ giới.

5/ Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ + 6/ ... hữu trợ

+ Thọ xả: nên không có Hỷ, loại trừ Hỷ

+ 3 Giới phần: có tùy theo (như 1 + 2)

+ 2 Vô lượng phần: dù thọ xả nhưng vẫn có tâm sở Tùy hỷ, vì khi khởi lên tâm hoan hỷ với sự hạnh phúc với người khác. Những tâm nào có thọ xả thường không có Hỷ, tuy nhiên lại có ở 2 tâm thọ xả này vì đối tượng của Tùy hỷ là đối tượng đang được sự hạnh phúc, tốt đẹp nên khởi tâm hoan hỷ với sự hạnh phúc đó, tuy nhiên có thể là khi gặp lại đối tượng đó nhiều lần rồi, cũng có tùy hỷ nhưng quá nhẹ.

+ Tuệ quyền: có vì là hợp trí

B/ 8 TÂM QUẢ THIỆN DỤC GIỚI TỊNH HẢO

1/ Tâm quả thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ + 2/ ... hữu trợ

+ 3 Giới phần: không thể có mặt trong tâm quả, vì tâm quả không làm việc đồng tốc (Javana). Tâm quả chỉ là kết quả, chỉ làm việc Tục sinh, Hộ kiếp, Tử mà thôi.

+ 2 Vô lượng phần: không có vì tâm quả không làm phận sự đồng tốc

7/ Tâm quả thiện thọ xả ly trí vô trợ + 8/ ... hữu trợ

+ Tuệ quyền: không có vì là ly trí

C/ 8 TÂM DUY TÁC DỤC GIỚI TỊNH HẢO

1/ Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ + 2/ ... hữu trợ

+ 13 Tâm Sở Tợ Tha: CÓ đủ vì Duy tác thọ hỷ, có Hỷ trong đó nên đồng sanh.

+ 19 Tịnh Hảo Biến Hành: CÓ vì đồng sanh trong các tâm

+ 3 Giới Phần: KHÔNG CÓ vì là tâm của bậc Alahan vì đã diệt trừ kiết sử, phiền não chấm dứt, gánh nặng đã đặt xuống.

+ 2 Vô Lượng Phần (Bi, Tùy Hỷ): CÓ vì chúng sanh là đối tượng, nên bậc Alahan vẫn có tâm Bi và Tùy hỷ.

+ Tuệ quyền: có vì Hợp trí

3/ Tâm duy tác thọ hỷ ly trí vô trợ + 4/ ... hữu trợ

Bậc Alahan có hữu trợ: Có vì tâm hơi chần chừ 1 chút, hoặc khi cười, ăn, hay vệ sinh cá nhân thì đâu cần phải có trí tuệ

CITTA - CETASIKA SANGAHO TÂM, TÂM SỞ PHỐI HỢP

IV/ MAHAGGATACITTA - SANGAHO, TÂM ĐÁO ĐẠI PHỐI HỢP

Tīsu Paṭhamajjhānikacittesu tāva aññasamānā terasa cetasikā Viratittayavajjitā dvāvīsati Sobhanacetasikā cāti pañcatimsa dhammā saṅgahaṃ gacchanti. Karunā - Muditā panettha paccekameva yojetabbā. Tathā.

Trước tiên, trong Ba loại TÂM SỞ THIỀN có Ba mươi lăm TÂM SỞ phối hợp như sau: Mười ba TỶ THA và hai mươi hai TÂM SỞ TỊNH HẢO, ngoại trừ BA GIỚI PHẦN = 35.

Ở đây BI và HỖ phải được phối hợp riêng với nhau

Dutiyajjhānikacittesu Vitakka-vajjā

Cùng thể ấy, trong TÂM NHỊ THIỀN, TÂM được loại trừ.

Tatiyajjhānikacittesu Vitakka Vicāravajjā

Trong TÂM TAM THIỀN, TÂM và TỨ được loại trừ

Catutthajjhānikacittesu Vitakka-Vicāra-Pītivajjā

Trong TÂM TỨ THIỀN, TÂM, TỨ, và HỖ được loại trừ

Pañcamajjhānikacittesu pana paṇṇarasasu Appamaññāyo na labbhantīti sabbathāpi sattavisati-Mahaggata cittesu pañcakajjhānavasena pañcadhāva saṅgaho hotīti.

Trong mười lăm loại tâm của NGŨ THIỀN không có TÂM SỞ VÔ LƯỢNG PHẦN.

Trong tất cả Hai mươi bảy loại TÂM ĐÁO ĐẠI có năm phương cách phối hợp tương hợp với NĂM TẦNG THIỀN (Jhāna).

Pañcatimsa catuttimsa -- tettimsa ca yathākkamaṃ Dvattimsa ceva timseti-- pañcadhāva Mahaggate.

Theo thứ tự, có Ba mươi lăm, Ba mươi bốn, Ba mươi ba, Ba mươi hai, và Ba mươi. Những TÂM SỞ CAO THƯỢNG phối hợp với nhau bằng năm cách.

TÂM - TÂM SỞ PHỐI HỢP

TÂM ĐÁO ĐẠI PHỐI HỢP MAHAGGATACITTA - SANGAHO

Tâm đạo đại: 15 Tâm Sắc giới + 12 Tâm Vô sắc giới

Trong Tâm Đáo đại, Sơ thiền có 3
+ Tâm Thiện sơ thiền sắc giới
+ Tâm Quả thiện sơ thiền sắc giới
+ Tâm Duy tác sơ thiền sắc giới

13 TÂM SỞ TỢ THA:

+ 7 Tâm sở Biến hành: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý
+ 6 Tâm sở Biệt cảnh: Tầm, Tứ, Thăng giải, Cần, Hỷ, Dục

25 TÂM SỞ TỊNH HẢO:

+ 19 Tịnh hảo biến hành: Tín, Niệm, Tàm, Quý, Vô tham, Vô sân, Hành xả, Tịnh thân, Tịnh tâm, Khinh thân, Khinh tâm, Nhu thân, Nhu tâm, Thích Thân, Thích tâm, Thuần thân, Thuận tâm, Chánh thân, Chánh tâm.
+ 3 Giới phần: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng
+ 2 Vô lượng phần: Bi, Tùy Hỷ
+ 1 Tuệ quyền.

CHI THIỀN:

+ Tầm
+ Tứ
+ Hỷ (Piti)
+ Lạc
+ Định

SƠ THIỀN

có 5 chi

13 Tâm sở Tợ tha

+

22 Tâm sở tịnh hảo
(25 TSTH – 3 Giới phần)

= 35 Tâm

NHỊ THIỀN

12 Tâm sở Tợ tha
(13TSTT – Tầm)

+

22 Tâm sở tịnh hảo
(25 TSTH – 3 Giới phần)

= 34 Tâm

TAM THIỀN

11 Tâm sở Tợ tha
(13TSTT – Tầm, Tứ)

+

22 Tâm sở tịnh hảo
(25 TSTH – 3 Giới phần)

= 33 Tâm

TỨ THIỀN

10 Tâm sở Tợ tha
(13TSTT – Tầm, Tứ, Hỷ)

+

22 Tâm sở tịnh hảo
(25 TSTH – 3 Giới phần)

= 32 Tâm

NGŨ THIỀN (Sắc giới – Vô SG)

10 Tâm sở Tợ tha
(13TSTT – Tầm, Tứ, Hỷ)

+

20 Tâm sở Tịnh hảo
(25TSTH - 3 Giới phần, 2 Vô lượng phần)

= 30 Tâm

TÂM - TÂM SỞ PHỐI HỢP

+ KHÔNG CÓ 3 GIỚI PHẦN (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng):

vì không phải đúng đối tượng của nó (*đối tượng là Kasina, đối tượng không phải là giới*), nhưng người không có giới (*ngũ giới, bát quan trai giới*) cũng không thể chứng đắc thiền.

+ TÂM SỞ VÔ LƯỢNG PHẦN (Bi, Tùy Hỷ):

không lấy đối tượng là chúng sanh đang đau khổ (hay hạnh phúc) để tu tập thì nó không có phát sanh, không có mặt trong những tâm thiền. Nếu lấy đối tượng là chúng sanh đang đau khổ để tu tập về tâm Bi, đắc sơ thiền thì lúc đó chỉ có tâm sở Bi xuất hiện; và nếu lấy đối tượng là chúng sanh đang hạnh phúc để tu tập thì khi đắc sơ thiền có tâm sở Tùy hỷ xuất hiện, do vậy khi đắc thiền thì chỉ có 1 trong 2 tâm phát sanh, không phát sanh cùng lúc.

Chỉ đồng sanh chung khi lấy đối tượng đó tu tập, không thể có cùng lúc 2 cái.

+ NGŨ THIỀN (chỉ có xả và định): không có Bi và Tùy Hỷ vì là TÂM XẢ

➤ TRONG TÂM QUẢ THIỀN (*tâm Sơ quả Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Ngũ thiền*) có 2 Vô lượng phần (*Bi và Tùy Hỷ*), còn trong Tâm Quả DGTH không có 2 tâm sở Bi và Tùy hỷ: vì trong Tâm Thiền, khi khởi lên Tâm Thiền tu tập, thì không thể đắc thiền, trong Tâm Thiền không thể chứng đắc được. Khi thấy đối tượng thì chỉ khởi tâm lên mà thôi nên không thể đắc những tầng thiền, do vậy không thể cho Tâm Quả có những Tâm Sở đó được.

➤ TRONG TÂM SẮC GIỚI, lấy 1 đối tượng duy nhất để tu thiền nên chứng đắc được, nếu không bị hoại thiền thì khi chết sẽ cho lộ tâm cuối cùng (*tâm cận tử*) là đồng tốc thuộc về thiền có Tâm sở đó => Tử cho tục sinh lại bằng Tâm quả Sơ thiền có tâm sở đã chứng đắc trong đó (*do sự chứng đắc thiền, sự tu tập mãnh liệt, sức mạnh của thiền*)

➤ TÂM SỞ TUỆ QUYỀN: có mặt trong các tầng thiền vì 1 người tục sinh bằng tâm quả thuộc nhị nhân thì không thể đắc thiền.

Muốn đắc thiền phải có tâm nền: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, khi đi vào tu tập thiền thì phải có những tâm hợp trí thì mới đi vào lộ tâm của thiền được. Có khả năng soi sáng, nâng đỡ cho các pháp đồng sanh chung với nó được quân bình, có sự trợ giúp để soi sáng, tâm sở định làm trưởng, và tâm sở Tuệ quyền soi sáng để trợ giúp Định thành tựu được; Làm quân bình các pháp (Tín Tấn Niệm Định Tuệ), Tuệ quyền có khả năng xóa đi sự u mê tối tăm, làm cho tâm trong sạch để chứng đắc thiền, ly dục ly ác bất thiện pháp, trí tuệ phát sanh mới chứng đắc được các tầng thiền.

CITTA - CETASIKA SANGAHO
TÂM, TÂM SỞ PHỐI HỢP

V/ LOKUTTARACITTA

- SANGAHO

TÂM SIÊU THỂ PHỐI

HỢP

Katham?

Lokuttaresu tāva aṭṭhasu paṭhamajjhānikacittesu Aññasamānā terasa cetasikā Appamaññāvajjitā tevisati Sobhanacetasikā cāti chattimsa dhammā saṅgham gacchanti.

Trước tiên, trong tám loại TÂM SỞ THIỀN SIÊU THỂ có Ba mươi sáu tâm sở phối hợp như sau: Mười ba TÂM SỞ TỶ THA, và hai mươi ba TÂM SỞ TỊNH HẢO, ngoại trừ hai TÂM SỞ VÔ LƯỢNG PHẦN =36

Katham? Bằng cách nào?

Tathā Dutiyajjhānikacittesu Vitakkavajjā.

Cùng thể ấy, trong TÂM NHỊ THIỀN SIÊU THỂ, tất cả những Tâm sở kể trên, ngoại trừ TÂM SỞ TÂM.

Tatiyajjhānikacittesu Vitakka-Vicāravajjā.

Trong TAM THIỀN, ngoại trừ TÂM và TỨ

Catutthajjhānikacittesu Vitakka-Vicāra-Pitivajjā.

Trong TỨ THIỀN, ngoại trừ TÂM, TỨ và HỖ

Pañcamajjhānikacittesupi Upekkhāsahagatā te eva saṅgayhantiti sabbathāpi aṭṭhasu Lokuttaracittesu Pañcamajjhānavasena pañcadhāva saṅgho hotīti.

Trong loại TÂM NGŨ THIỀN LIÊN HỢP VỚI XẢ, tất cả những Tâm sở trên, ngoại trừ TÂM, TỨ, HỖ, LẠC.

Như vậy, trong mỗi phương cách, SỰ PHỐI HỢP CỦA NHỮNG TÂM SỞ phát sanh trong TÁM LOẠI TÂM SIÊU THỂ chia làm năm phần, TÙY THEO NĂM TẦNG THIỀN

Chattimsa pañcatimsā ca -- catuttiṃsa yathākkamaṃ Tettiṃsadvayam'iccevaṃ -- pañcadhānuttare ʔitā.

Theo thứ tự, có Ba mươi sáu, Ba mươi lăm, Ba mươi bốn, và 2 Ba mươi ba trong Hai trường hợp cuối cùng.

Đó là Năm phương cách mà các TÂM SỞ PHÁT SANH trong NHỮNG LOẠI TÂM SIÊU THỂ

TÂM - TÂM SỞ PHỐI HỢP

TÂM SIÊU THỂ PHỐI HỢP LOKUTTARACITTA – SANGAHO

Tâm siêu thể: + 4 Tâm Đạo
+ 4 Tâm Quả

13 TÂM SỞ TỢ THA:

+ 7 Tâm sở Biến hành: Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý
+ 6 Tâm sở Biệt cảnh: Tầm, Tứ, Thắng giải, Cần, Hỷ, Dục

25 TÂM SỞ TỊNH HẢO:

+ 19 Tịnh hảo biến hành: Tín, Niệm, Trì, Quý, Vô tham, Vô sân, Hành xả, Tịnh thân, Tịnh tâm, Khinh thân, Khinh tâm, Nhu thân, Nhu tâm, Thích Thân, Thích tâm, Thuần thân, Thuận tâm, Chánh thân, Chánh tâm.
+ 3 Giới phần: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng
+ 2 Vô lượng phần: Bi, Tùy Hỷ
+ 1 Tuệ quyền.

CHI THIỀN:

+ Tầm
+ Tứ
+ Hỷ (Piti)
+ Lạc
+ Định

SƠ THIỀN

có 5 chi

13 Tâm sở Tợ tha

+

23 Tâm sở tịnh hảo
(25 TSTH – 2 Vô lượng phần)

= 36 Tâm

NHỊ THIỀN

12 Tâm sở Tợ tha
(13TSTT – Tầm)

+

23 Tâm sở tịnh hảo
(25 TSTH – 2 Vô lượng phần)

= 35 Tâm

TAM THIỀN

11 Tâm sở Tợ tha
(13TSTT – Tầm, Tứ)

+

23 Tâm sở tịnh hảo
(25 TSTH – 2 Vô lượng phần)

= 34 Tâm

TỨ THIỀN

10 Tâm sở Tợ tha
(13TSTT – Tầm, Tứ, Hỷ)

+

23 Tâm sở tịnh hảo
(25 TSTH – 2 Vô lượng phần)

= 33 Tâm

NGŨ THIỀN

10 Tâm sở Tợ tha
(13TSTT – Tầm, Tứ, Hỷ)

+

23 Tâm sở tịnh hảo
(25 TSTH – 2 Vô lượng phần)

= 33 Tâm

TÂM - TÂM SỞ PHỐI HỢP

TÂM SIÊU THỂ PHỐI HỢP LOKUTTARACITTA – SANGAHO

Tâm siêu thể : + 4 Tâm Đạo
+ 4 Tâm Quả

↪ **TRỪ 2 VÔ LƯỢNG PHẦN:** vì đối tượng của Tâm Siêu thể không phải là chúng sanh, đối tượng là niết bàn

↪ **CÓ 3 GIỚI PHẦN:** có phận sự làm diệt trừ phiền não còn thô thiển mất đi, hỗ trợ trong tâm Đạo Quả. Không còn phận sự gìn giữ, chỉ là nhiệm vụ diệt trừ.

↪ **TUỆ QUYỀN** có mặt vì phá tan màn vô minh

🌀 **CẦN NHỚ:**

+ **Nhị thiền:** Khi đắc tầng thiền thứ 2 thì không còn tâm sở Tầm nữa

+ **Vô lượng phần:** gồm Bi và Hỷ chỉ có từ Sơ thiền đến Tứ thiền

+ **Ngũ thiền** thuộc về Thọ xả nên không có Bi và Hỷ được

+ **Tâm siêu thể luôn có 3 Giới phần:** vì là thuộc về Bát chánh đạo (*giới, định, tuệ*), mà Bát chánh đạo (*Giới: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng; Định: Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định; Tuệ: Chánh kiến, Chánh tư duy*) phải luôn luôn có mặt trong tất cả Tâm siêu thể, làm cho trong sạch hoá các Tâm siêu thể này, do đồng sanh trong Tâm siêu thể nên còn gọi là Bát Thánh đạo.

- Bát chánh đạo (8 chi đạo) chỉ có mặt đồng lúc trong Tâm siêu thể mà thôi, ngoài ra những Tâm khác chỉ có rời rạc. Không thể nói Bát Chánh đạo là con đường duy nhất đi đến Đạo quả, mà **BÁT CHÁNH ĐẠO CHÍNH LÀ THÀNH TỰU ĐẠO QUẢ.**

+ Tứ niệm xứ là con đường duy nhất đi đến con đường thành tựu Đạo quả. Tứ niệm xứ đưa đến sự diệt trừ tham ưu, thành tựu chánh trí ...

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDHASSA**

BÀI GIẢNG
VI DIỆU PHÁP

PHẦN 3 : SỰ PHÂN TÍCH 6 PHÁP RIÊNG BIỆT

+ Room Paltalk: PHATGIAONAMTRUYENNT

Thời gian: Từ 10.01.2020 – 12.06.2020

+ Room Paltalk NGUYENNHUKYVIEN

Thời gian: từ 06.06.2020 – 24.11.2020

+ Room Paltalk VIDIEUPHAPCOBAN

Giảng sư: KING MILANDA A

VI DIỆU PHÁP

PAKINNAKA-SANĠGAHA-VIBHĀGO - SỰ PHÂN TÍCH 6 PHÁP RIÊNG BIỆT

ROOM PALTALK : PHATGIAONAMTRUYENNT - BUỔI 64 - Ngày 10.01.2020

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/258436448550882>

ROOM PALTALK : NguyenNhuKyVien - BUỔI 75 - Ngày 06.06.2020

Link <https://www.facebook.com/100000735830888/posts/3384721878228973/?d=n>

PAKINNAKA - SANĠGAHA - VIBHĀGO : SỰ PHÂN TÍCH 6 PHÁP RIÊNG BIỆT (THỌ, NHÂN, SỰ, MÔN, CẢNH “ĐỐI tượng” và CĂN “Vật”)

☞ Sampayuttā yathāyogaṃ – te paṇṇāsa sabbāvato Cittacetāsikā dhammā – tesam dāni yathārahaṃ : Các TÂM VƯƠNG và TÂM SỞ phối hợp nhau thật có 53 và phát sanh tùy lúc tùy theo đặc tính

☞ Vedanā hetuko kicca – dvārālanavanavattthuto Cittuppādasena dhammā – saṅgaho nāma nīyate : Bây giờ xem Tâm như một đơn vị nguyên thuần.

I/ VEDANĀSAṆGAHO

THỌ PHỐI

+ Tattha vedanāsaṅgahe tāva tividhā vedanā : Sukhaṃ, Dukkhaṃ, Adukkhamasukhaṃ ceti. Sukhaṃ, dukkhaṃ, somanassaṃ, domanassaṃ, upekkhāti ca bhedenā pana pañcadhā hoti.

Trong phân loại về thọ trước tiên, có ba loại thọ là : Lạc, Khổ, và Không lạc – Không khổ. Hoặc nữa, có 5 loại là: Hỷ, Ưu, Lạc, Khổ và Xả.

+ Tattha sukhasahagataṃ kusalavipākāṃ kāyaviññāṇaṃ ekameva./ Trong những tâm này chỉ có loại Tâm Quả Thiện thân thức là liên hợp với Thọ Lạc.

+ Tathā dukkhasahagataṃ akusalavipākāṃ kāyaviññāṇaṃ. / Cùng thể ấy, chỉ có Tâm Quả Bất Thiện thân thức là liên hợp với Thọ Khổ.

+ Somanassa sahagata cittāni pana lobhamūlāni cattāri, dvādasā kāmāvacarasobhanāni, sukha santīraṇa hasanāni ca dveti aṭṭhārasa kāmāvacara cittāni ceva, paṭhama dutiya-tatiya-catutthajjhāna-saṅkhātānicatucattālīsa. Mahaggata-Lokuttara-cittāni cāti dvāsaṭṭhividhāni bhavanti.

Có 62 loại Tâm đồng phát sanh cùng Thọ Hỷ là:

- 18 loại Tâm thuộc Dục Giới, như 4 bắt nguồn từ căn tham, 12 tâm thiện DG, và hai loại: Tâm suy đặc và Tiểu sanh tâm (*tâm làm mím cười*)
- 44 loại tâm Thiên sắc giới và Siêu Thế, liên quan đến Sơ, Nhị, Tam và Tứ Thiền (12 + 32 = 44).

+ Domanassa sahagata cittāni pana dve paṭigha cittāneva.

Chỉ có 2 loại Tâm liên hợp với Sân và đồng phát sanh cùng Thọ Ưu

+ Sesāni sabbānīpi pañcapaṇṇāsa upekkhā sahagata cittānevāti.

Tất cả 55 loại tâm còn lại đồng phát sanh cùng Thọ Xả

+ Sukhaṃ dukkham-upekkhā ti tividhā tattha vedanā

Nơi đây, Thọ có 3 là Lạc, Khổ, và Xả cùng với Hỷ và Ưu là 5.

+ Somanassaṃ domanassam iti bhedenā pañcadhā. Sukhamekattha dukkhañ ca domanassaṃ dvaye ṭhitaṃ Dvāsaṭṭhisu somanassaṃ pañcapaṇṇāsaketarā. / Lạc và Khổ nằm trong một, Ưu trong hai, Hỷ trong 62, và còn lại Xả nằm trong 55.

BUỔI 65 – Ngày 17.01.2020 - ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/2903133936451548>

BUỔI 76 – Ngày 12.06.2020 ROOM NGUYENNHUKYVIEN

https://www.facebook.com/watch/live/?v=3339230309443749&ref=watch_permalink

II/ HETUSANGAHO

NHÂN PHỐI HỢP

+ **Hetusaṅgahe hetavo nāma lobho, doso, moho, alobho, adoso, amoho, cāti chabbidhā bhavanti.**

Trong phần phối hợp về Nhân, có 6 nhân là : Tham, Sân, Si, Vô tham, Vô sân và Vô si..

+ **Tattha pañcadvārāvajjana, dvipañcaviññāṇa, sampañcchana, santīraṇa, votthapana, hasanavasena aṭṭhārasāhetukacittāni nāma.**

Nơi đây có 18 LOẠI TÂM KHÔNG CÓ NHÂN là Ngũ môn hướng tâm, Ngũ song thức, Tiếp thọ tâm, Suy đặc tâm, Xác định tâm và Tiểu sanh tâm.

+ **Sesāni sabbānipi ekasattati cittāni sahetukāneva.**

Tất cả 71 loại Tâm còn lại thì **CÓ NHÂN**.

+ **Tatthāpi dve momūhacittāni ekahetukāni.**

Trong những Tâm còn lại này có 2 liên hợp với Si và chỉ có 1 nhân.

+ **Sesāni dasa akusalacittāni ceva ñāṇavippayuttāni dvādasa kāmāvacarasobhanāni cāti dvāvīsati dvihetukacittāni.**

10 loại Tâm Bất thiện còn lại và 12 loại Tâm Thiện thuộc Dục Giới ly trí cộng chung lại là 22 có hai nhân.

+ **Dvādasa ñāṇasampayutta-kāmāvacara sobhanāni ceva pañcatimsa mahaggata-lokuttaracittāni cāti satta cattāḷisa tihetukacittāni.**

12 loại TÂM THIỆN DỤC GIỚI HỢP TRÍ và 35 loại TÂM THIỀN VÀ SIÊU THỂ cộng chung lại là 47 có ba nhân.

+ **Lobho doso ca moho ca hetu akusalā tayo - Alobhādosāmoho ca kusalābyākatā tathā.**

Tham, Sân, Si, là ba NHÂN BẤT THIỆN. Cùng thể ấy Vô tham, Vô sân và Vô si là Thiện và Vô ký.

+ **Ahetukaṭṭhāraseka hetukā dve dvāvīsati - Dvihetukā matā satta cattāḷisa tihetukā.**

Nên hiểu rằng có 18 loại Tâm KHÔNG CÓ NHÂN, 2 loại có Một Nhân, 22 loại có Hai Nhân, và 47 loại có BA NHÂN.

II/ NHÂN PHỐI HỢP

HETU SANGAHO

Có 6 loại chia làm 2 nhóm

Nhóm A: NHÂN BẤT THIỆN

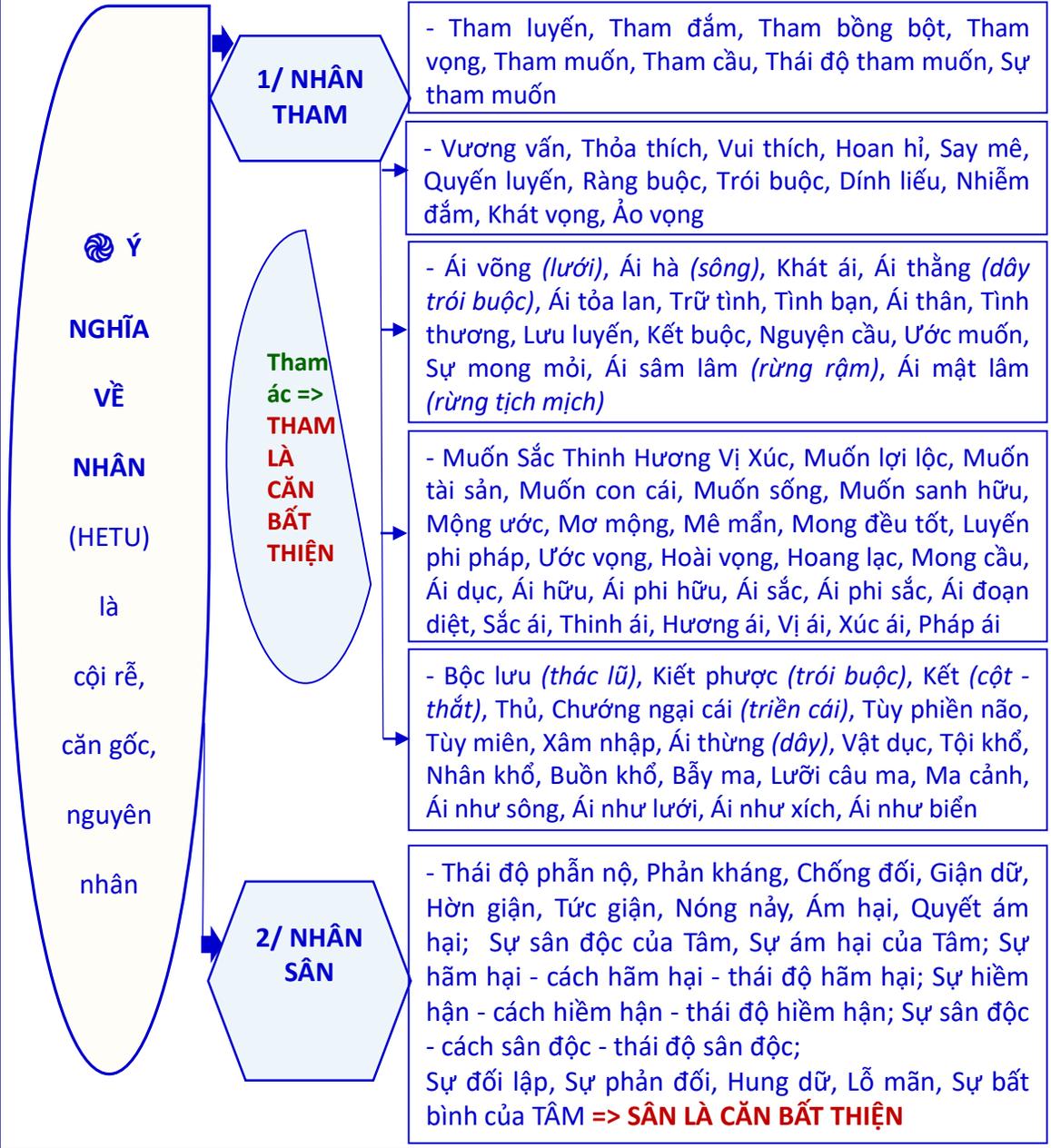
- + Tham
- + Sân
- + Si

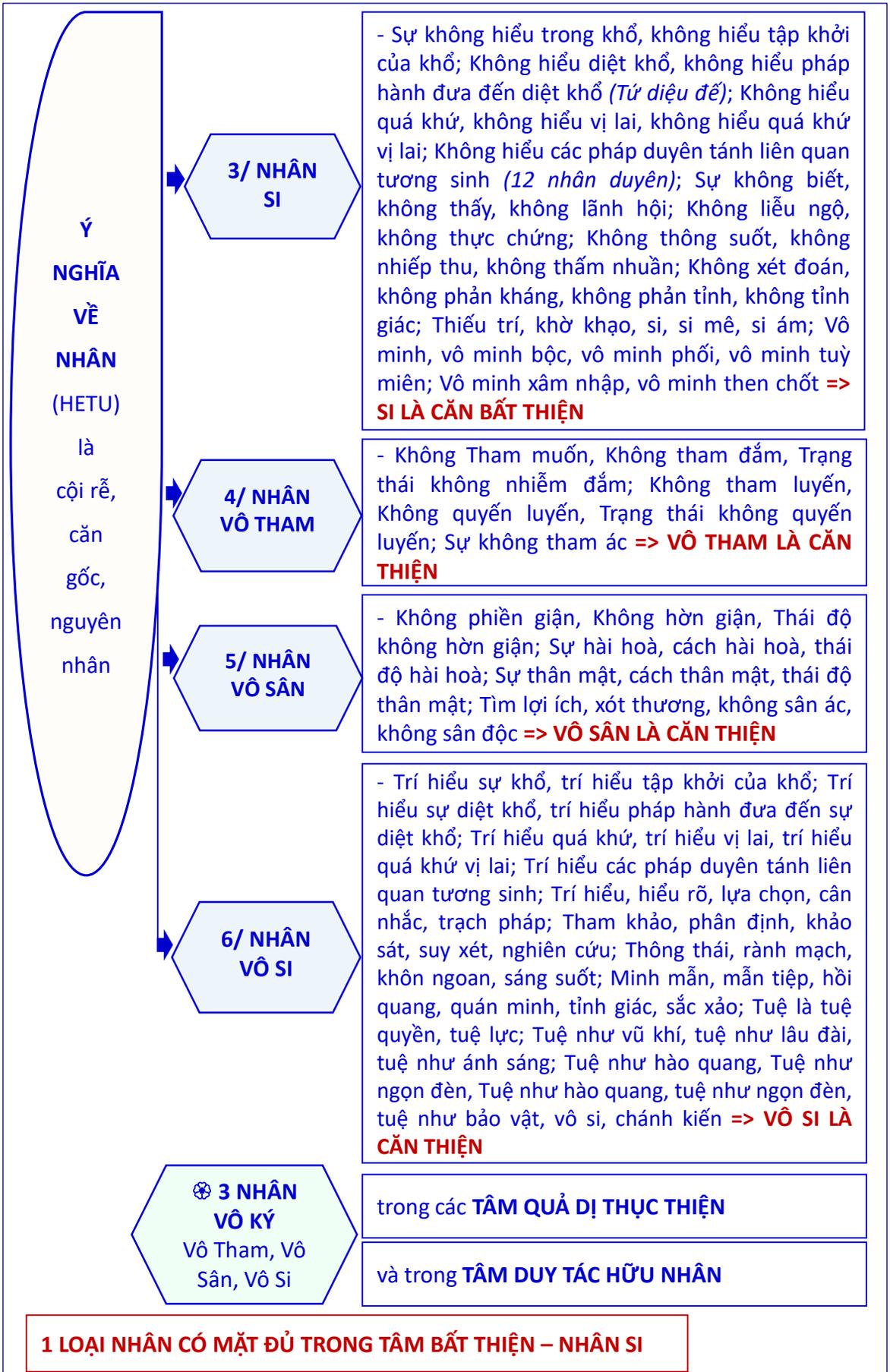
Nhóm B: NHÂN THIỆN và VÔ KÝ

- + Vô Tham
- + Vô Sân
- + Vô Si

NHÂN tính theo GIỚI VỨC

<p>1/ DỤC GIỚI có 9 nhân gồm + Tham + Sân + Si + Vô tham + Vô sân + Vô si + 3 Nhân vô ký (có trong tâm duy tác, tâm quả)</p>	<p>2/ SẮC GIỚI có 6 nhân gồm + Vô tham + Vô sân + Vô si + 3 Nhân vô ký (có trong Tâm Duy tác và Quả thiện SG)</p>	<p>3/ VÔ SẮC GIỚI có 6 nhân gồm + Vô tham + Vô sân + Vô si + 3 Nhân vô ký (có trong Tâm Duy tác và Quả thiện VSG)</p>	<p>4/ SIÊU THỂ (4 ĐẠO, 4 QUẢ) có 6 nhân gồm + Vô tham + Vô sân + Vô si + 3 Nhân vô ký (có trong Tâm Duy tác và Quả thiện Siêu thể)</p>
---	--	--	---





BUỔI 66 – Ngày 07.02.2020 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/252651356047542>

BUỔI 77 – Ngày 13.06.2020 ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/577816013149290/?v=577816013149290>

* **NHÂN
PHỐI HỢP
TÂM VÀ
TÂM SỞ**

NHÓM A

**1/ NHÂN
THAM**

- TÂM: 8 TÂM THAM

- TÂM SỞ: 21 Tâm sở
+ 13 TÂM SỞ TỢ THA
+ 4 TÂM SỞ SI PHẦN (Si, Vô tâm, Vô quý,
Phóng dật vì tham nằm trong tâm bất thiện)
+ 2 TÂM SỞ THAM PHẦN: TÀ KIẾN (có trong
tham hợp tà) + NGÃ MẠN (có trong tham ly tà)
+ 2 TÂM SỞ HÔN PHẦN (Hôn Trầm + Thuy
Miên: tâm tham thuộc về hữu trợ)

**2/ NHÂN
SÂN**

- TÂM: 2 TÂM SÂN

- TÂM SỞ: 21 TÂM SỞ
+ 12 TÂM SỞ TỢ THA (Trừ Hỷ)
+ 4 TÂM SỞ SI PHẦN (Si, Vô Tâm, Vô Quý,
Phóng Dật)
+ 3 TÂM SỞ SÂN PHẦN (Tật, Lận, Hối)
+ 2 TÂM SỞ HÔN PHẦN (Hôn trầm + Thuy
miên)

**3/ NHÂN
SI**

- TÂM: 12 TÂM BẤT THIỆN (vì Si là căn gốc nên
có đủ trong 12 tâm bất thiện)

- TÂM SỞ: 26 TÂM SỞ
+ 13 TÂM SỞ TỢ THA
+ 13 TÂM SỞ BẤT THIỆN (14TSBT – Si)

NHÓM B

**VÔ
THAM VÀ
VÔ SÂN**
thuộc
nhân
thiện,
nằm
trong 19
TSTHBH

- TÂM: 59 TÂM

+ 24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO (8 Tâm đại
thiện, 8 Tâm quả đại thiện, 8 Duy tác)
+ 27 TÂM ĐÁO ĐẠI (15 Tâm sắc giới + 12 Tâm
vô sắc giới)
+ 8 TÂM SIÊU THỂ (4 đạo 4 quả)

- TÂM SỞ: 36 TÂM SỞ

+ 13 TÂM SỞ TỢ THA
+ 23 TÂM SỞ TỊNH HẢO (25 TSTH - Vô tham,
Vô sân)



CÓ 4 PHƯƠNG CÁCH VỀ NHÂN

<p>1/ NHÂN NHÂN HETUHEHU</p> <p>Chính là CỘI RỄ hay còn gọi là 6 nhân: Tham, Sân, Si, Vô tham, Vô sân, Vô si.</p>	<p>2/ DUYÊN NHÂN PACCAYAHETU</p> <p>Duyên từ nhân này trợ sanh cái kia, điều kiện tạo nhân, hay nguyên nhân tác dụng như phương tiện</p>	<p>3/ CHÍ THƯỢNG NHÂN UTTAMAHEHU</p> <p>Nguyên nhân hay điều kiện chánh yếu</p>	<p>4/ PHỔ BIẾN NHÂN SADHĀRAṆAHETU</p> <p>Nguyên nhân thông thường, điều kiện chung phổ biến</p>
--	---	--	--

🌀 KẾT LUẬN :

- ♣ Ahetuka - những loại TÂM VÔ NHÂN : có 18 Tâm Vô nhân
- ♣ Ekahetuka - những TÂM CÓ 1 NHÂN : có 2 Tâm Si
- ♣ Dvihetuka - những loại TÂM CÓ 2 NHÂN:
 - + Bất thiện : có 10 (8 tham + 2 sân);
 - + Thiện : có 12 ly trí (4 thiện, 4 quả, 4 duy tác)
- ♣ Tihetuka - những loại TÂM CÓ 3 NHÂN:
 - + Dục giới tịnh hảo : có 12 Tâm hợp trí;
 - + Đáo đại : có 27;
 - + Siêu thể : có 8

TỔNG CỘNG: 18 + 2 + 10 + 12 + 12 + 27 + 8 = 89 Tâm

III/ KICCA -
SAṄGAHO
TOÁT YẾU SỰ

+ Kicca saṅgahe kiccāni nāma : paṭisandhi - bhavaṅga - vajjanadassana - savana - ghāyana - sāyana - phusana - sampāṭicchana - santīraṇa - votthapana - javana - tadālabhana - cutivasena cuddasavidhāni bhavanti.

Trong phần tóm lược về SỰ có tất cả mười bốn loại là: 1. Tục sinh, 2. Hộ kiếp, 3. Hướng tâm, 4. Thấy, 5. Nghe, 6. Ngủ, 7. Ném, 8. Xúc chạm, 9. Tiếp thân, 10. Quan sát, 11. Xác định, 12. Đồng tốc, 13. Thập di và 14. Tử

+ Paṭisandhibhavaṅgāvajjanapañcaviññāṇaṭṭhānādi - vasena pana tesam dasadhā ṭhānabheda veditabbo./ Lối phân loại các tâm này phải được hiểu rằng có 10 là : 1. Tục sinh, 2. Hộ kiếp, 3. Hướng tâm, 4. Ngũ song thức v..v

+ Tattha dve upekkhāsahagatasantīraṇāni ceva aṭṭha mahāvīpākāni ca nava rūpārūpavīpākāni cāti ekūnavīsati cittāni paṭisandhi - bhavaṅga - cutikiccāni nāma.

Có 19 loại tâm làm nhiệm vụ Tục sinh, Hộ kiếp và Tử. Các loại Tâm ấy là:
1/ 2 loại tâm quan sát, đồng phát sanh với Thọ Xả;
2/ 8 loại Tâm Đại Quả Thiện Dục giới;
3/ 9 loại Tâm Quả thuộc Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

+ Āvajjanakiccāni pana dve. Tathā dassana - savana - ghāyana - sāyana - phusana - sampāṭicchana kiccāni ca./ Hai loại làm nhiệm vụ HƯỚNG TÂM. Cùng thể ấy hai loại làm nhiệm vụ Thấy, Nghe, Ngủ, Ném, Xúc chạm, và Tiếp thân.

+ Tini santīraṇakicchāni / Có 3 loại làm nhiệm vụ quan sát.

+ Manodvārāvajjanameva pañcadvāre votthapana kiccaṃ sādheti
Ý MÔN HƯỚNG TÂM làm nhiệm vụ xác định trong tiến trình Ngũ song thức

+ Āvajjanadvaya-vajjitāni kusalākusalakriyā cittāni pañcapanṇāsa javanakiccāni
Ngoại trừ 2 loại HƯỚNG TÂM, 55 loại là: 12 Tâm Bất thiện, 21 Thiện (8 thiện DG, 5 thiện SG, 4 tâm VSG, 4 đạo), 4 Quả Siêu thế và 18 Duy tác làm nhiệm vụ ĐỒNG TỐC.

+ Aṭṭhamahāvīpākāni ceva santīraṇattayañcāti ekādasa tadālabhanakiccāni
Tám TÂM ĐẠI QUẢ DỤC GIỚI và ba loại Tâm Quan sát làm nhiệm vụ Thập di

+ Tesu pasa dve upekkhāsahagatasantīraṇacittāni paṭisandhi - bhavaṅga - cuti tadārammaṇa santīraṇa-vasena pañca kiccāni nāma /

Trong các loại tâm, hai TÂM QUAN SÁT đồng phát sanh với Thọ Xả, làm 5 nhiệm vụ như Tục sinh, Hộ kiếp, Tử, Thập di, Quan sát.

+ Mahāvīpākāni aṭṭha paṭisandhi - bhavaṅga cuti - tadārammaṇa - vasena catukiccāni / Tám loại TÂM ĐẠI QUẢ DỤC GIỚI làm bốn nhiệm vụ như Tục sinh, Hộ kiếp, Tử và Thập di.

+ Mahaggatavīpākāni nava paṭisandhi-bhavaṅga-cutivasena tikiccāni.
Chín loại TÂM QUẢ ĐÁO ĐẠI làm 3 nhiệm vụ như Tục sinh, Hộ kiếp và Tử.

+ Somanassa-sahagataṃ santīraṇaṃ-tadālabhana- vasena dukiccaṃ
TÂM QUAN SÁT đồng phát sanh với Thọ Hỷ, làm 2 nhiệm vụ như Quan sát và Thập di.

+ Tathā votthapanaṃ ca votthapanāvajjanavasena.
Cùng thể ấy, Ý MÔN HƯỚNG TÂM làm hai nhiệm vụ như Xác định và Hướng tâm.

+ Sesāni pana sabbāni pi javana-manodhātuttika-pañcaviññāṇāni yathāsambhavameka kiccāniti./ Tất cả những loại Tâm còn lại, Đồng tốc, 3 Ý giới, và Ngũ song thức, CHỈ LÀM MỘT NHIỆM VỤ DUY NHẤT khi phát sanh.

+ Paṭisandhādayo nāma kiccabhedenā cuddasa/ Dasadhā ṭhānabhedenā cittuppādā pakāsītā/ Aṭṭhasaṭṭhi tathā dve ca navaṭṭhadve yathākkamaṃ/ Ekadvīticatupañcakkiccatṭhānāni niddise. Có tất cả Mười bốn loại tâm được dạy, tùy theo SỰ như TỤC SINH v.v... và Mười tùy theo LỐI PHÂN LOẠI.

III/ SỰ PHỐI HỢP KICCA SANGAHO

* PHÂN LOẠI
SỰ
CÓ 14

1/ Sự TỤC SINH -
PAṬISANDHI (tâm làm
việc để Tục sinh lại 1 kiếp
sống mới)

2/ Sự HỘ KIẾP -
BHAVAṄGA
(hộ trì kiếp sống, gìn giữ
kiếp sống từ lúc Tục sinh
cho đến trước khi Tâm tử)

3/ Sự THẤY (nhãn thức
làm việc thấy)

4/ Sự NGHE

5/ Sự NGỬI

6/ Sự NÉM

7/ Sự XÚC CHẠM

8/ Sự HƯỚNG TÂM (làm
phận sự hướng về đối
tượng)

9/ Sự TIẾP THÂU (tiếp
thâu cảnh vào)

10/ Sự QUAN SÁT (quan sát
đối tượng)

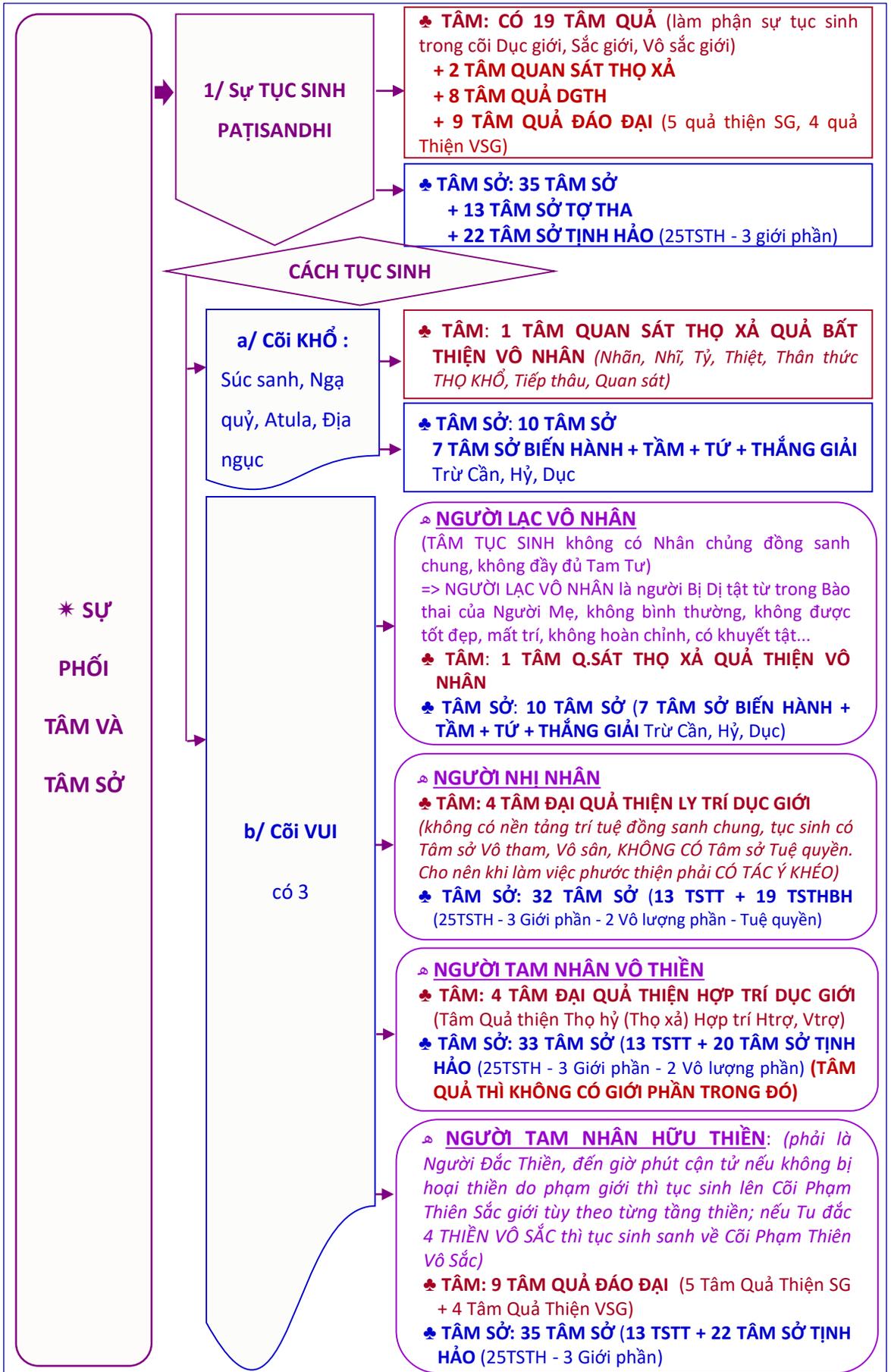
11/ Sự XÁC ĐỊNH

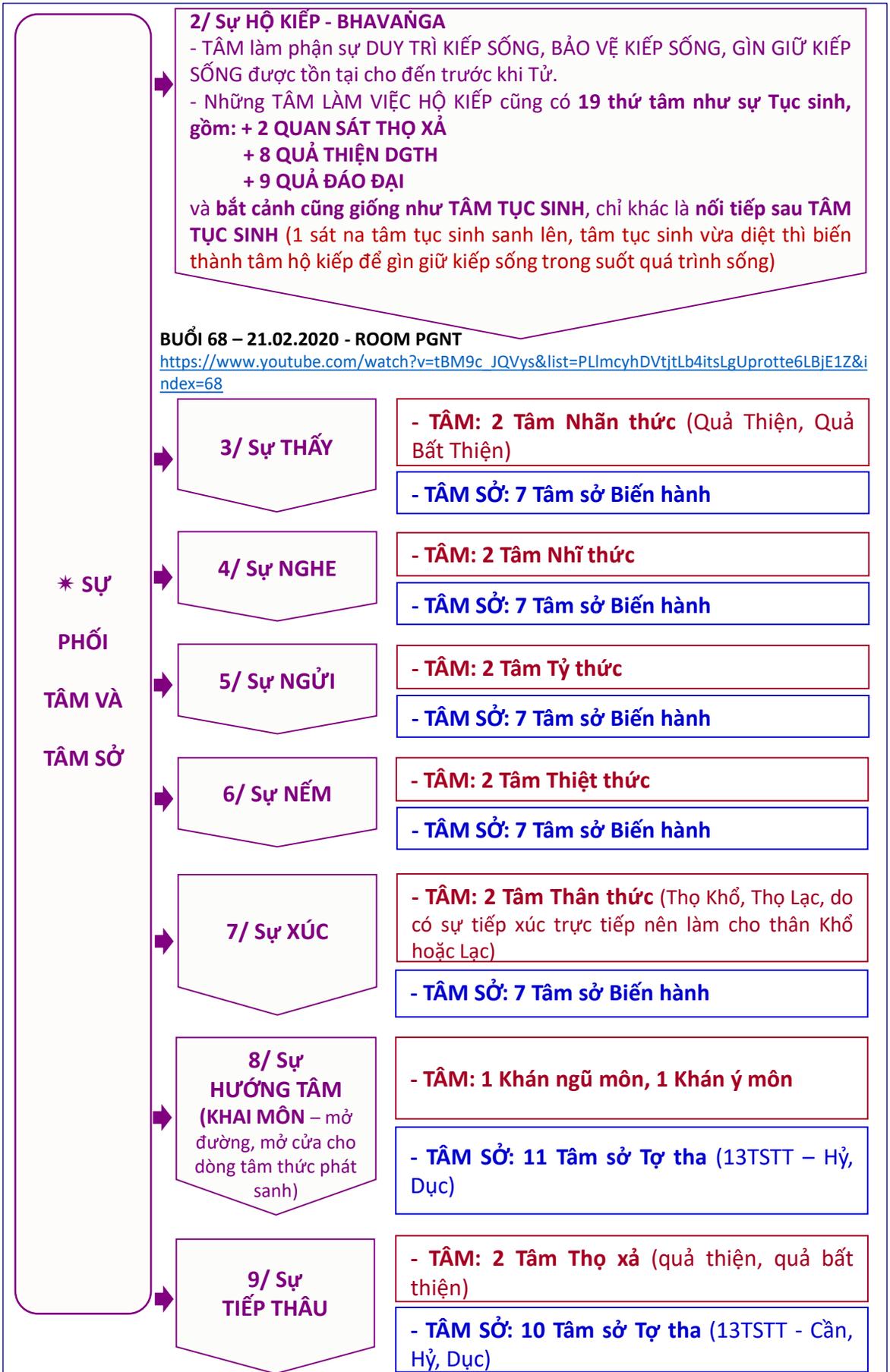
12/ Sự ĐỒNG TỐC (sự tạo
nghiệp – Javana)

13/ Sự THẬP DI (mót hay
na cảnh)

14/ Sự TỬ (sự chấm dứt 1
đời sống)

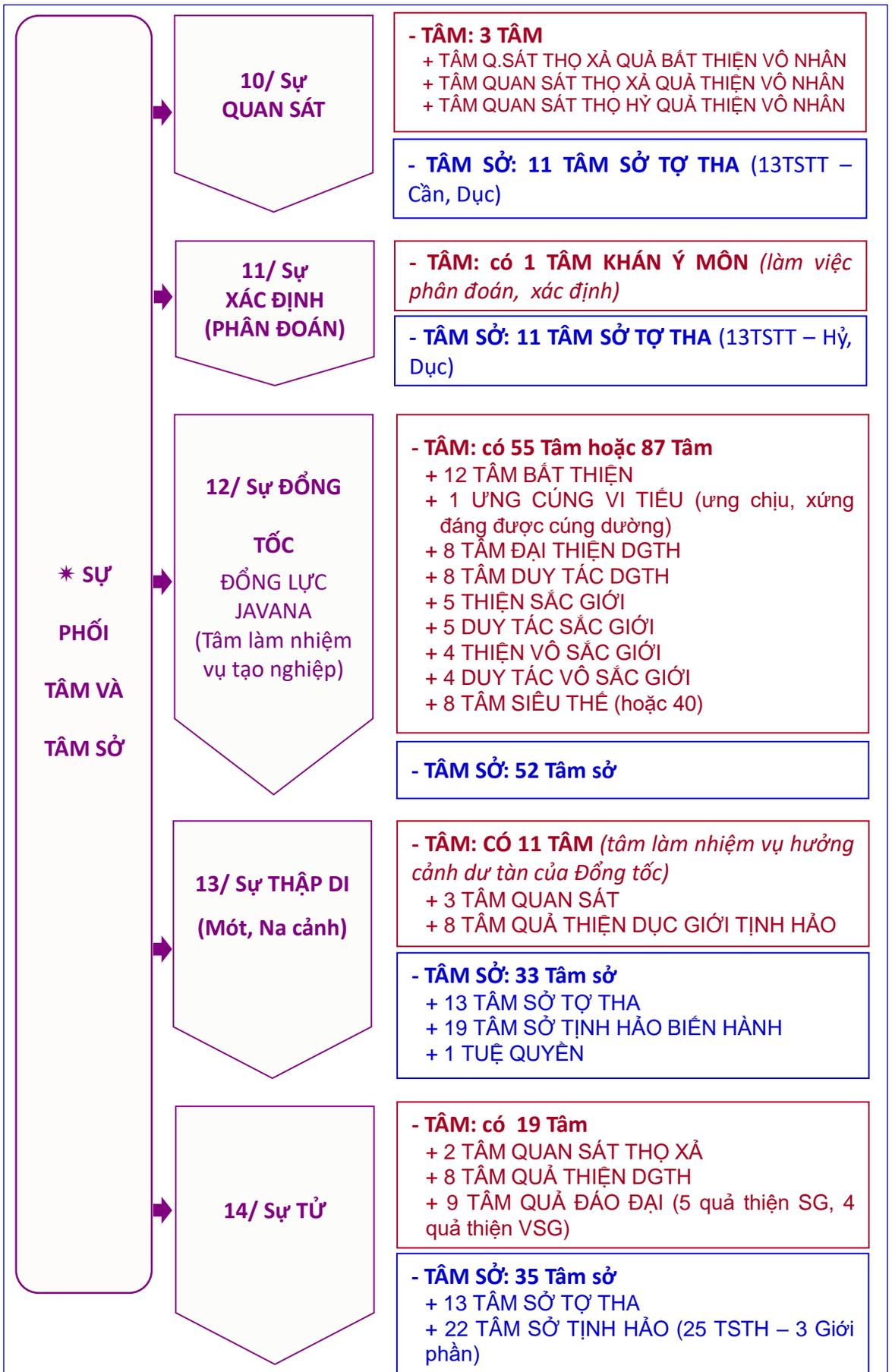
=> TẤT CẢ CÔNG VIỆC PHẬN SỰ CỦA TÂM LÀM
TÙY THEO TỪNG LOẠI TÂM.





BUỔI 68 – 21.02.2020 - ROOM PGNT

https://www.youtube.com/watch?v=tBM9c_JQVys&list=PLImcyhDVjtLb4itsLgUprotte6LBjE1Z&index=68



IV/ DVĀRA- SAṄGAHO

TOÁT YẾU VỀ MÔN

Dvārasaṅgahe
dvārāni nāma
cakkhuvāraṃ
sotadvāraṃ
ghāṇadvāraṃ
jivhādvāraṃ
kāyadvāraṃ
manodvāraṃ
cāti chabbidhāni
bhavanti.

Trong tóm lược
về môn có sáu
loại là :

- + NHÃN MÔN
- + NHĨ MÔN
- + TỠ MÔN
- + THIỆT MÔN
- + THÂN MÔN
- + và Ý MÔN

+ **Tattha cakkhumeva cakkhuvāraṃ, tathā sotādayo sotadvārādīni. Manodvāraṃ pana bhavaṅgaṃ pavuccati.**

Nơi đây, chính con MẮT là Nhãn môn, TAI là Nhĩ môn v.v... Nhưng BHAVAṄGA được gọi là Ý MÔN.

+ **Tattha pañcadvārāvajjana - cakkhuvīññāṇa - sampañcchana - santīraṇa - votthapana kamāvacara - javana-tadālanavasena cha cattāḷisa cittāni cakkhuvāre yathārahaṃ uppajjanti.**

Trong các loại Tâm, bốn mươi sáu loại phát sanh, tùy trường hợp, trong nhãn môn. a. NGŨ MÔN HƯỚNG TÂM; b. NHÃN THỨC; c. TIẾP THỌ; d. SUY ĐẠC; e. XÁC ĐỊNH; f. ĐỒNG TỐC thuộc DỤC GIỚI; g. THẬP DI.

+ **Tathā pañcadvārāvajjana - sotaviññāṇādivasena sotadvārādisupi chacattāḷiseva bhavanti.**

Cùng thể ấy, do NHĨ MÔN và các môn khác, bốn mươi sáu loại Tâm phát sanh như NGŨ MÔN HƯỚNG TÂM, NHĨ THỨC v.v...

+ **Sabbathā pi pañcadvāre catupaññāsacittāni kāmāvacaraṃ evāti veditabbāni./** Nên hiểu biết rằng trong mỗi lối vào, ở năm cửa có năm mươi bốn loại TÂM THUỘC DỤC GIỚI

+ **Manodvāre pana manodvārāvajjana - pañcapaññāsa - javana - tadālanavasena sattasaṭṭhicittāni bhavanti.**

Trong Ý môn có sáu mươi bảy loại tâm phát sanh như Ý MÔN HƯỚNG TÂM, năm mươi lăm ĐỒNG TỐC và THẬP DI.

+ **Ekūnavīsati paṭisandhi - bhavaṅga - cuti - vasena dvāra - vimuttāni.**

Mười chín loại tâm như TỤC SINH, HỘ KIẾP, và TÂM TỬ, không có Môn

+ **Tesu pana dvipañcaviññāṇāni ceva mahaggata - lokuttarajavanāni cāti chattiṃsa yathārahaṃ eka - dvārikacittāni nāma.**

Trong những loại (phát sanh xuyên qua các môn), ba mươi sáu loại tâm như NGŨ SONG THỨC, những loại ĐỒNG TỐC THIỀN và SIÊU THỂ, Có MỘT MÔN, tùy trường hợp

+ **Manodhātuttikaṃ pana pañcadvārikaṃ**

BA Ý GIỚI phát sanh do NĂM MÔN

+ **Sukhasantīraṇa -votthapana-kāmāvacarajavanāni chadvārikacittāni.**

Tâm quan sát liên hợp với THỌ HỬ, Tâm xác định, và những Đồng tốc thuộc Dục Giới phát sanh qua sáu môn

+ **Upekkhāsahagata santīraṇa - mahāvīpākāni chadvārikāni ceva dvāravimuttāni ca./** **Quan sát** liên hợp với THỌ XẢ và những Tâm Đại Quả phát sanh, hoặc qua sáu môn, hoặc không qua môn nào

+ **Mahaggatavīpākāni dvāravimuttāni evāti.**

Những TÂM QUẢ ĐẠO ĐẠI phát sanh không do môn nào

+ **Ekadvārikacittāni pañcadvārikāni ca / Chadvārika vimuttāni vimuttāni ca sabbathā./** **Chattiṃsati tathā tīni ekatiṃsa yathākkamaṃ/** **Dasadhā navadhā cāti pañcadhā paridīpaye.**

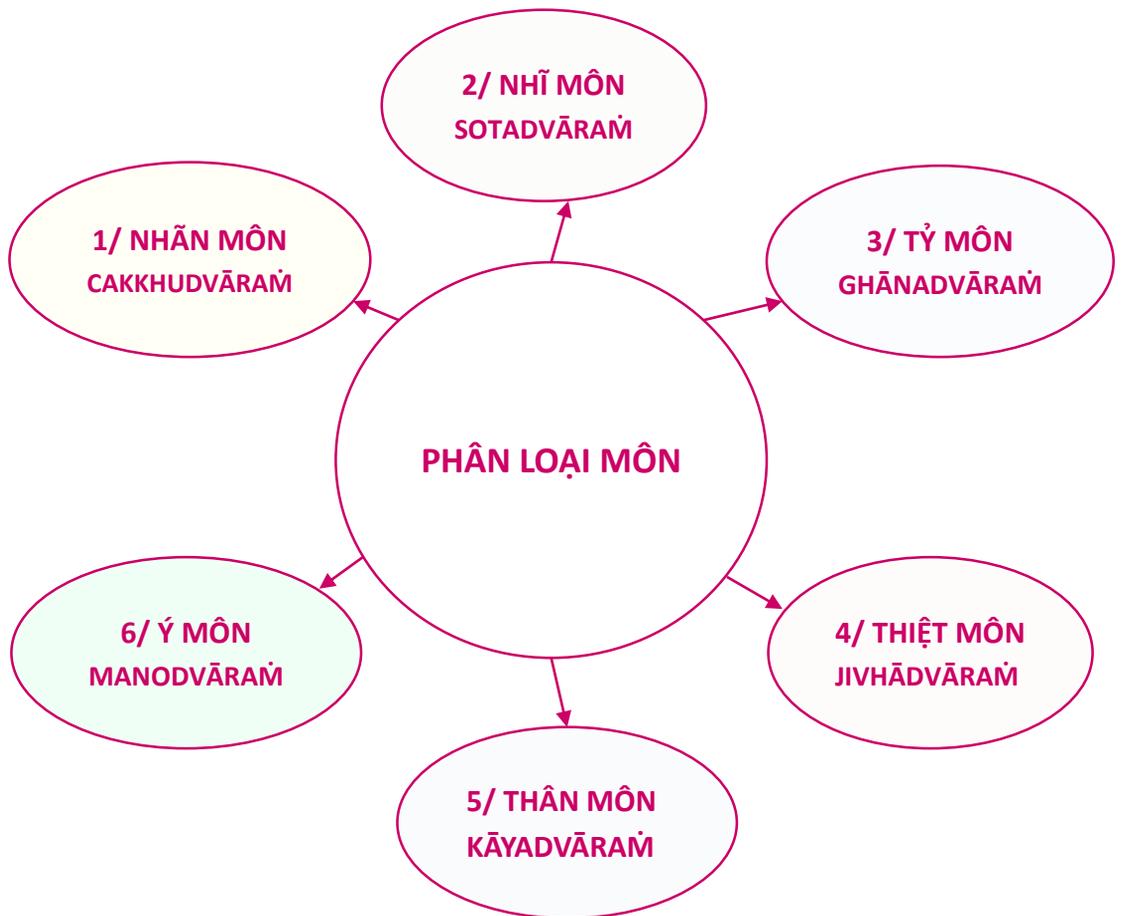
BA MƯƠI SÁU LOẠI TÂM phát sanh qua MỘT MÔN, ba qua NĂM MÔN, BA MƯƠI MỐT qua SÁU MÔN, MƯỜI qua SÁU hoặc không qua môn nào, chín hoàn toàn không qua môn nào. Tất cả có năm đường lối được trình bày.

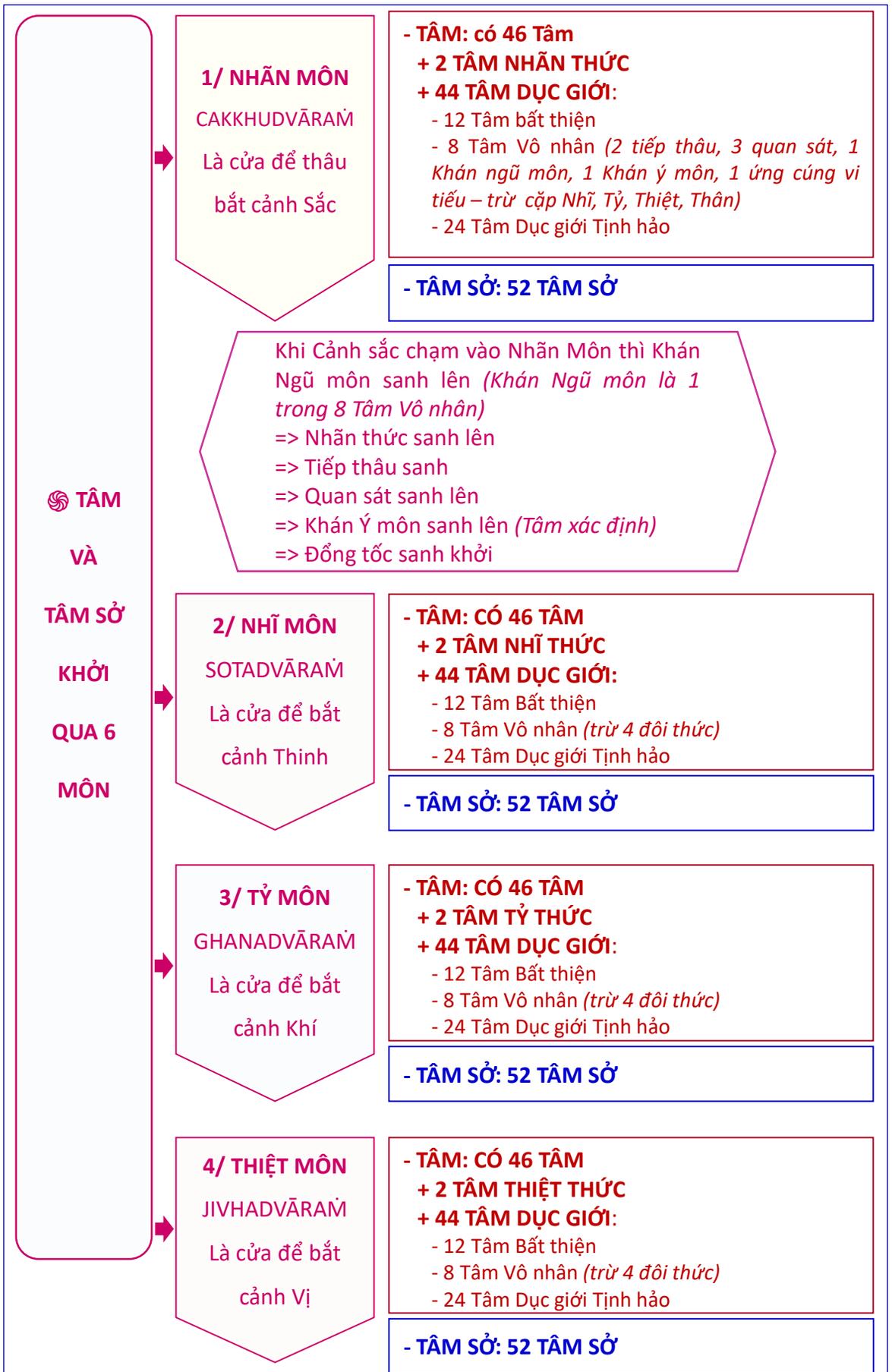
DVĀRA SAṄGAHO MÔN PHỐI HỢP

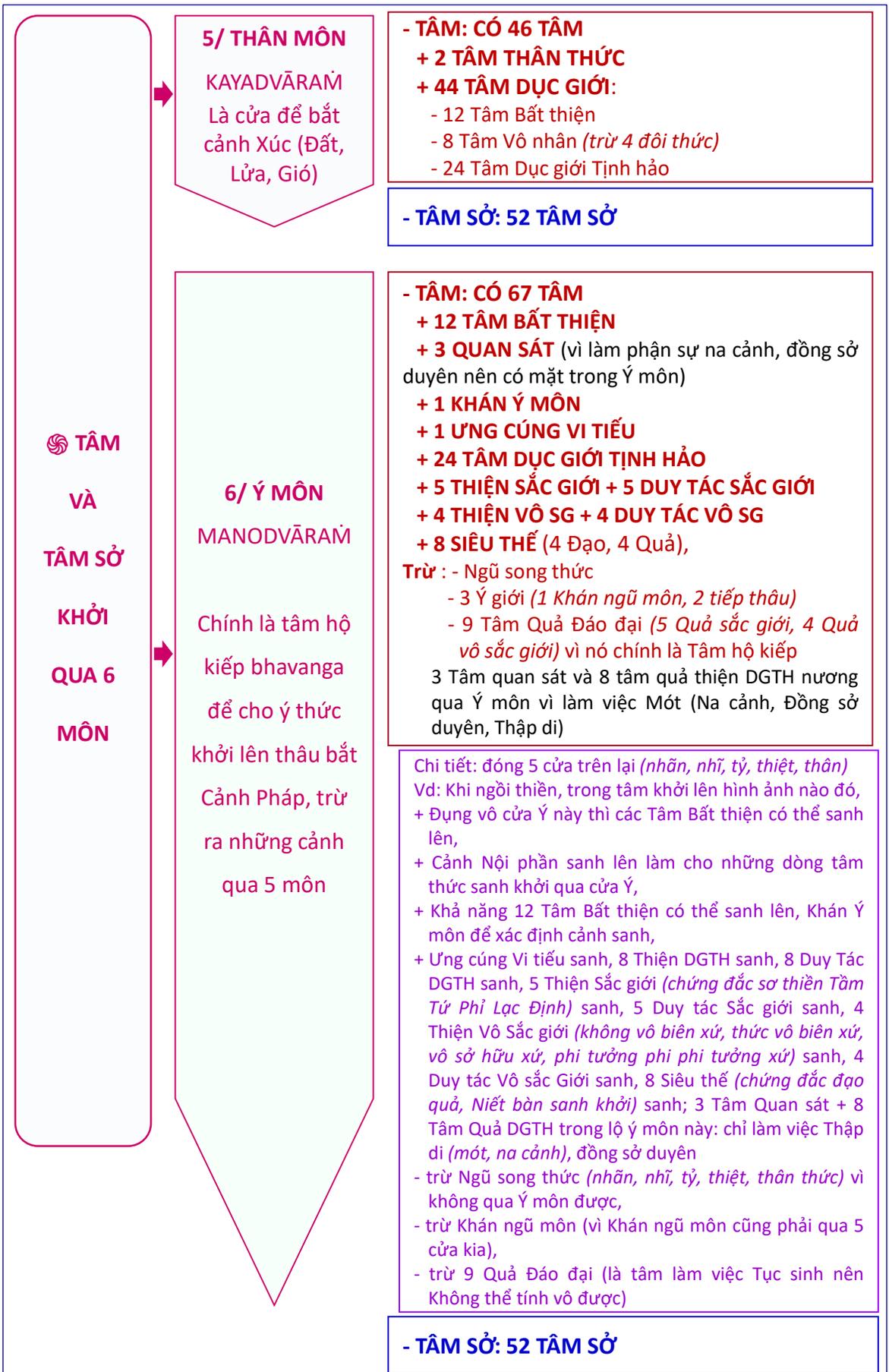
Dvāra: Môn, Cửa

Du = là 2; Ar = đi ra, đi vào

Dvāra = cửa, môn, chỗ mở cửa cho
trong tâm hướng ra, cho cảnh ngoài vô







<p>TÂM</p> <p>NƯỞNG</p> <p>MÔN</p> <p>VÀ KHÔNG</p> <p>NƯỞNG</p> <p>MÔN</p> <p>Phân loại: có</p> <p>5</p>	<p>1/ NHỨT MÔN – EKADVĀRIKAM: CÓ 36 HOẶC 68 TÂM</p> <p>+ NGŨ SONG THỨC (Nhãn Nhĩ Tỷ Thiệt Thân - Thiện và Bất thiện): Mỗi 1 cặp thức chỉ qua được 1 môn, qua 1 cửa của chính nó.</p> <p>+ 18 TÂM ĐỒNG TỐC ĐÁO ĐẠI (<i>Tâm đáo đại là Tâm thiên</i>): 5 Tâm thiện sắc giới + 5 Tâm duy tác sắc giới + 4 Thiện vô sắc giới + 4 Tâm duy tác vô sắc giới: chỉ nương qua Ý MÔN</p> <p>+ 8 hoặc 40 TÂM SIÊU THỂ: chỉ nương qua Ý MÔN</p>
	<p>2/ NGŨ MÔN - PANCADVĀRIKAM (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân): CÓ 3 TÂM + 3 Ý GIỚI (2 Tâm Tiếp Thân + 1 Khán Ngũ Môn) là Tâm có giới hạn trong Ngũ môn, không qua Ý môn</p> <p>- KHÁN NGŨ MÔN (<i>đối kháng cảnh</i>) hướng về 5 cửa => đi qua cả 5 môn</p> <p>- 2 TÂM TIẾP THÂN (<i>thọ xả quả thiện, quả bất thiện</i>): khi bất kỳ cảnh nào sanh lên thì khán ngũ môn sanh lên hướng về cửa đó, rồi nhãn nhĩ tỷ thiệt thân thức sanh lên, sau đó tiếp thân sanh lên cũng nương qua cảnh đó, nương cả 5 cửa => có khả năng đi qua đủ 5 môn</p>
	<p>3/ LỤC MÔN - CHADVĀRIKAM: những loại tâm qua được 6 môn, CÓ 31 TÂM</p> <p>+ 12 TÂM BẤT THIỆN</p> <p>+ 1 QUAN SÁT THỌ HỖ (quan sát lúc này làm nhiệm vụ mót cảnh)</p> <p>+ 1 KHÁN Ý MÔN (làm nhiệm vụ xác định cảnh, về ý môn thì cũng xác định cảnh nhưng về lộ ý)</p> <p>+ 1 ƯNG CÚNG VI TIỂU</p> <p>+ 8 TÂM THIỆN DỤC GIỚI TỊNH HẢO</p> <p>+ 8 DUY TÁC DỤC GIỚI TỊNH HẢO (tâm của bậc Alahan vẫn qua đủ 6 môn)</p>
	<p>4/ LỤC MÔN VÀ KHÔNG MÔN - DVĀRĀVIMUTTĀNEVĀ: qua 6 môn cũng được, và không qua môn nào. CÓ 10 TÂM</p> <p>+ 2 TÂM QUAN SÁT THỌ XẢ (quả thiện, quả bất thiện)</p> <p>- Khi làm việc Quan sát thì nương theo 5 môn, khi làm việc Thập di (<i>mót, na cảnh</i>) thì nương theo 6 môn (<i>nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý</i>)</p> <p>- Nhưng khi làm việc Tục sinh, Hộ kiếp và Tử thì không nương theo môn nào cả vì chính nó là Môn</p> <p>+ 8 TÂM QUẢ DỤC GIỚI TỊNH HẢO</p> <p>- khi làm việc Mót (Thập di, Na cảnh) thì nương theo 6 môn</p> <p>- khi làm việc Tục sinh, Hộ kiếp và Tử thì không nương môn nào</p>
	<p>5/ VÔ MÔN - DVĀRĀVIMUTTĀNEVĀ: CÓ 9 TÂM</p> <p>+ 9 TÂM QUẢ ĐÁO ĐẠI (5 tâm Quả sắc giới, 4 tâm Quả Vô sắc giới) chỉ làm việc TỤC SINH, HỘ KIẾP VÀ TỬ nên chẳng nương Môn nào vì nó chính là MÔN (<i>mỗi Tâm quả làm việc Tục sinh về cõi Sắc giới hay Vô sắc giới</i>). Những Tâm quả này KHÔNG DÍNH ĐẾN CẢNH DỤC GIỚI, KHÔNG LÀM VIỆC MÓT.</p>

BUỔI 71 – 13.03.2020 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.youtube.com/watch?v=rHmqpjWVW0w&list=PLlmcyhDVtjtLb4itsLgUprotte6LBJE1Z&index=71>

03.05.2020 ROOM VIDIEUPHAPCOBAN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/934474763656630/>

BUỔI 87 – 22.08.2020 ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1256134578052812>

V. ĀLAMBANA

SAṄGAHO

TOÁT YẾU VỀ

ĐỐI TƯỢNG (CẢNH)

Ālambanaṅgahe

ālambanāni nāma

rūpāram - maṇaṃ

saddārammaṇaṃ

gandhārammaṇaṃ rasā

- rammaṇaṃ

phoṭṭhabbārammaṇaṃ

dhammāram - maṇaṃ

cāti chabbidhāni

bhavanti.

Trong tóm lược về đối tượng có sáu loại đó là :

Đối tượng của sự THẤY,

Đối tượng của sự NGHE,

Đối tượng của sự NGỬ,

Đối tượng của sự NẾM,

Đối tượng của sự XÚC CHẠM,

và đối tượng của sự HAY BIẾT.

Tattha rūpameva rūpārammaṇaṃ. Tathā saddādayo saddārammaṇādīni. Dhammārammaṇaṃ pana pasāda, sukhumarūpa, citta, cetasika, nibbāna, paññattivasena chaddhā saṅgayhanti.

Nơi đây, chính Sắc là đối tượng của sự thấy. Cùng thể ấy, Âm thanh, Mùi vị v.v... Nhưng đối tượng của sự Biết có 6 là những phần nhạy của ngũ quan (*5 sắc thần kinh*), Sắc tế, Tâm, Tâm sở, Niết Bàn và Khái niệm (*TỤC ĐỂ*).

Tattha cakkhudvārikacittānaṃ sabbesampi rūpam eva ārammaṇaṃ. Tañ ca paccuppannam eva. Tathā sotadvārikacittādīnaṃ pi saddādīni. Tāni ca paccuppannāni yeva.

Với tất cả những loại Nhãn thức, chính hình thể nhìn thấy được là đối tượng. Điều này cũng vậy, chỉ xảy ra trong hiện tại. Cùng thể ấy, Âm thanh v.v... đối với Nhĩ thức v.v... và cũng chỉ thuộc về HIỆN TẠI.

Manodvārikacittānaṃ pana chabbidham pi paccuppannam atītaṃ anāgataṃ kālavimuttaṃ ca yathārahaṃ ālambanaṃ hoti.

Nhưng sáu loại đối tượng của Tâm phát sanh qua Ý môn thì tùy trường hợp, thuộc về Hiện tại, Quá khứ, Vị lai, và Không tùy thuộc Thời gian.

Dvāravimuttānañ ca pana paṭisandhi - bhavaṅga - cuti saṅkhātānaṃ chabbidham pi yathāsambhavaṃ yebhuyena bhavantare chadvāragahitaṃ paccup - panam atītaṃ paññattibhūtaṃ vā kammaṃ kammanimittaṃ gatinimittasammataṃ ālambanaṃ hoti.

Đối với các loại tâm "không tùy thuộc nơi căn môn nào" như Tục Sinh, Hộ Kiếp, và Tử, bất luận đối tượng nào trong sáu đối tượng kể trên cũng có thể phát sanh. Phần lớn các đối tượng này được bám vào xuyên qua sáu căn môn, thuộc về kiếp sống tức khắc trước đó, như là đối tượng quá khứ hay hiện tại, hoặc như những khái niệm. Chúng được gọi là "nghiệp", "biểu tượng của nghiệp", hoặc một "biểu tượng của trạng thái tái sanh"

Tesu cakkhuvīññānādīni yathākkamaṃ rūpādiekekālabanāneva. Manodhātuttikaṃ pana rūpādipañcālabananaṃ. Sesāni kamāvacaravipākāni hasana - cittañcāti sabbathā pi kamāvacarālabanāneva.

Trong những loại tâm này, nhãn thức v.v... tùy trường hợp, có một đối tượng tương ứng duy nhất như sắc, hay thính, hương v.v... Nhưng ba thành phần Tâm (Ý giới) có năm đối tượng như hình sắc v.v... Những loại tâm Quả thuộc Dục Giới còn lại và Tiểu sanh tâm có những đối tượng hoàn toàn thuộc Dục Giới.

V. ĀLAMBANA

SAṄGAHO

TOÁT YẾU VỀ

ĐỐI TƯỢNG (CẢNH)

Ālambanaśaṅgahe

ālambanāni nāma

rūpāram - maṇaṃ

saddārammaṇaṃ

gandhārammaṇaṃ rasā

- rammaṇaṃ

phoṭṭhabbārammaṇaṃ

dhammāram - maṇaṃ

cāti chabbidhāni

bhavanti.

Trong tóm lược về đối tượng có sáu loại đó là :

Đối tượng của sự THẤY,

Đối tượng của sự NGHE,

Đối tượng của sự NGỬ,

Đối tượng của sự NẾM,

Đối tượng của sự XÚC CHẠM,

và đối tượng của sự HAY BIẾT.

Akusalāni ceva ñānavippayuttajavanāni cāti lokuttaravajjitasabbālambanāni.

Những loại tâm Bất Thiện và những Đồng Tốc ly trí, có tất cả các đối tượng, ngoại trừ những đối tượng Siêu Thế.

Ñānasampayutta-kāmāvacarakusalāni ceva pañcamajjhāna - saṅkhātamaññākusalañcāti arahatta - maggaphala vajjitasabbālambanāni.

Những loại Tâm Thiện Dục giới hợp trí và Thắng Trí Thông gọi là Ngũ Thiện, có tất cả những đối tượng, ngoại trừ A La Hán Đạo và A La Hán Quả.

Ñānasampayutta - kāmāvacarakriyā ceva kriyābhiññāvotthapanañcāti sabbathā pi sabbālambanāni.

Những loại Tâm Duy Tác Dục Giới hợp trí, loại Tâm Duy Tác Thông và Tâm xác định có tất cả các loại đối tượng, trong mọi trường hợp.

Āruppesu dutiyacatutthāni mahaggatālambanāni. Sesāni mahaggatacittāni pana sabbāni' pi paññāttālambanāni. Lokuttaracittāni Nibbānā-lambanāni' ti.

Trong những loại Tâm thuộc Vô Sắc Giới, loại thứ nhì và loại thứ tư có những đối tượng Đáo Đại. Đối tượng của tất cả những loại Tâm Thiện còn lại là những khái niệm . Đối tượng của các loại Tâm Siêu Thế là Niết Bàn.

Pañcavīsa parittamhi cha cittāni mahaggate Ekavisati vohāre aṭṭha nibbānagocare

+ Hai mươi lăm loại tâm liên quan đến những đối tượng Dục giới (23 tâm Quả thuộc Dục Giới + 1 Ngũ quan thức + 1 Tiểu sanh tâm = 25);

+ Sáu đến những đối tượng Đáo Đại (Tâm Thiện, Quả và Hành của Nhị Thiện và Tứ Thiện Vô Sắc)

+ Hai mươi một (15 tâm Thiện Sắc Giới và những tâm Thiện, Quả, và Duy Tác) của Sơ Thiện và Tam Thiện Vô Sắc Giới (ākāsānañcāyatana, không vô biên xứ, và ākiñcaññāyatana, vô sở hữu xứ) : 15 + 6 = 21.

+ đến những khái niệm (Kasina);

+ tám đến Niết Bàn.

Viśānuttaramuttamhi aggamaggaphalujjhite Pañca sabbattha chacceti sattadhā tattha saṅgaho.

+ Hai mươi (12 loại tâm Bất Thiện và 8 loại tâm Thiện và Duy Tác thuộc Dục Giới ly trí) loại Tâm liên quan đến tất cả các đối tượng, ngoại trừ những đối tượng Siêu Thế;

+ Năm (bốn loại Tâm Thiện thuộc Dục Giới hợp trí và Tâm Thiện của Ngũ Thiện Sắc Giới (abhiññā kusala citta) liên quan đến tất cả, ngoại trừ Đạo và Quả Alahan.

+ và Sáu (bốn tâm Duy Tác Dục Giới hợp trí, tâm Duy Tác của Ngũ Thiện Sắc Giới và ý môn hướng tâm (manodvārā- vajjana) liên quan đến tất cả.

ĀLAMBA NA SAṄGAHO TOÁT YẾU VỀ ĐỐI TƯỢNG (CẢNH)

Ālambana: căn từ ā + lamb: đeo níu, bám vào

Ārammana: căn từ ā + ram: bám níu, dính mắc,
bám lấy, bắt lấy v.v...

* Vật mà chủ thể đeo vào, dính vào, nắm bắt
lấy... là Đối tượng

Citta Cetasikehi ālambiyatīti: Ālambanaṃ: cái
mà bị Tâm, Tâm sở nắm bắt, đeo níu, nhận biết
... chính đó là Đối tượng, Cảnh.

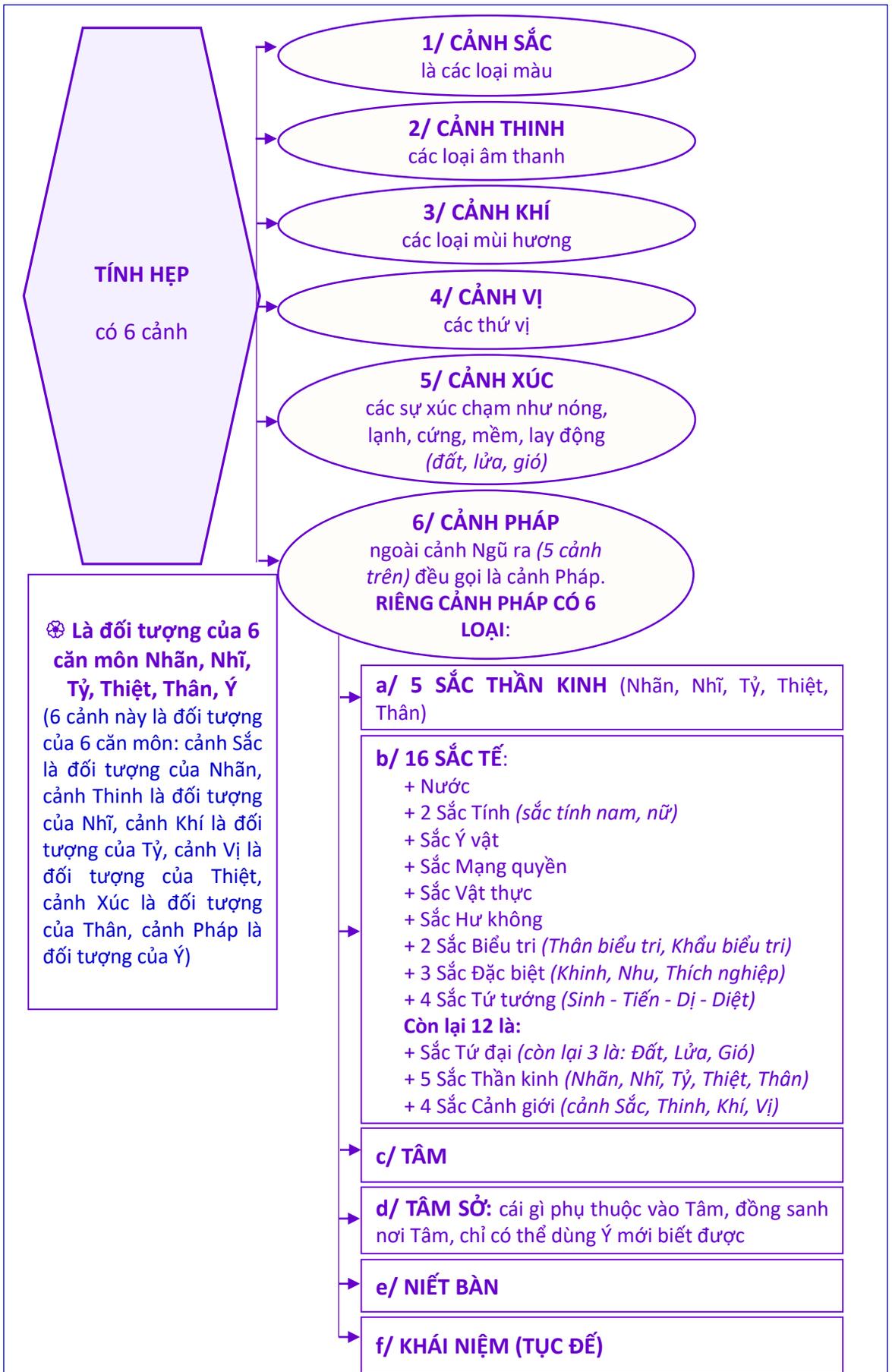
PHÂN LOẠI CẢNH

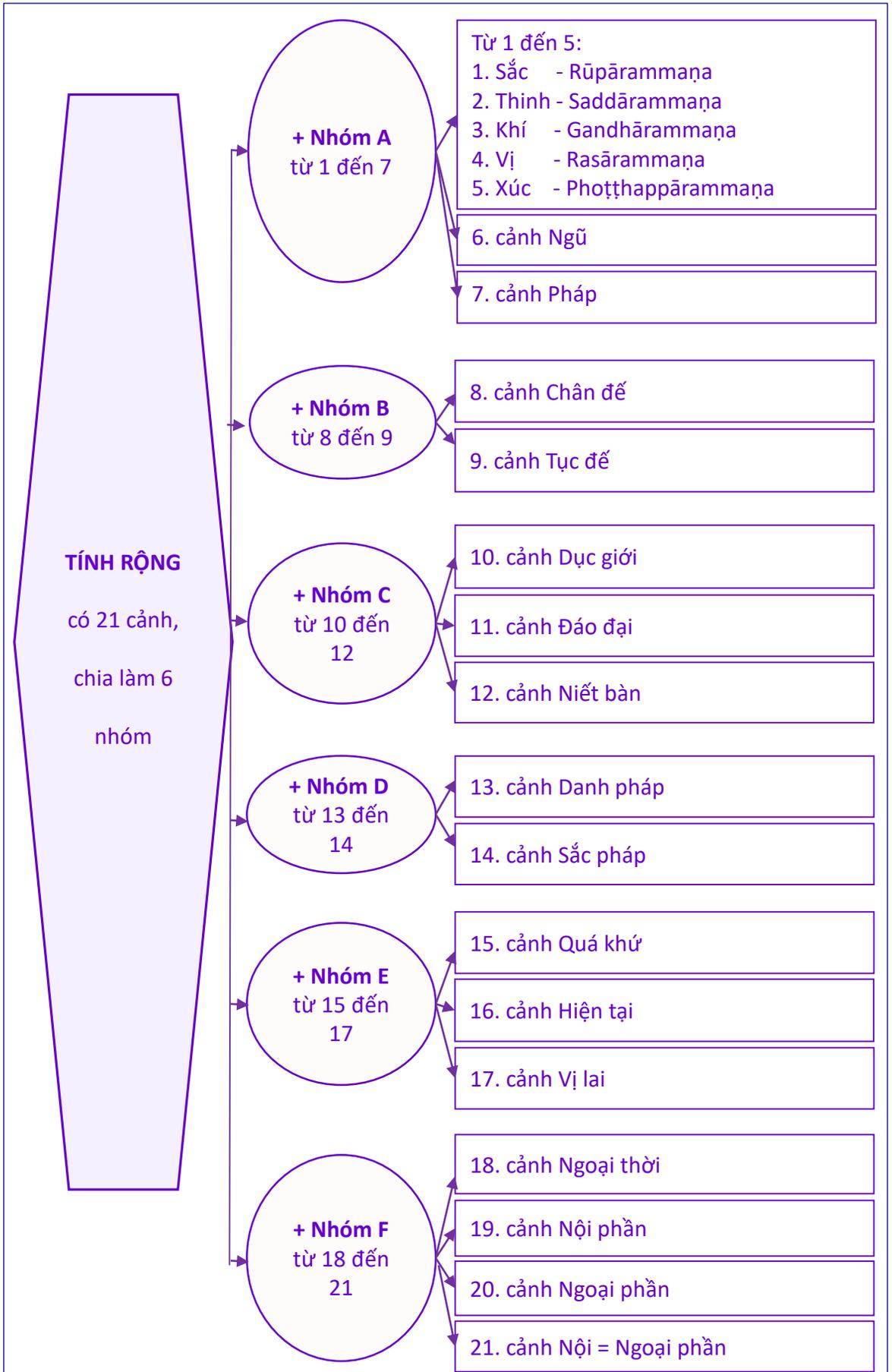
TÍNH HẸP

có 6 cảnh

TÍNH RỘNG

có 21 cảnh,
chia làm 6
nhóm





BUỔI 88 – 29.08.2020 Room NguyenNhuKyVien

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/733935947190437>

+ NHÓM A

từ 1 đến 7

Từ 1 đến 5:

1/ SẮC - RŪPĀRAMMAṆA

2/ THINH - SADDĀRAMMAṆA

3/ KHÍ - GANDHĀRAMMAṆA

4/ VỊ - RASĀRAMMAṆA

5/ XÚC - PHOṬṬHAPPĀRAMMAṆA

TỔNG KẾT: có 48 Tâm (2 + 46)

+ **Biết cảnh nhất định: 2 Tâm**

+ **Biết cảnh không nhất định: 46 Tâm**

* **Biết cảnh NHẤT ĐỊNH: có 2 Tâm**

2 tâm NHÃN THỨC, NHĨ THỨC, TỶ THỨC, THIỆT THỨC, THÂN THỨC => chỉ biết duy nhất cảnh tương ứng.

Vd: 2 tâm Nhãn thức chỉ bắt cảnh Sắc, 2 tâm Nhĩ thức chỉ bắt cảnh Thinh, 2 tâm Tỷ thức chỉ bắt cảnh Khí, 2 tâm Thiệt thức chỉ bắt cảnh Vị, 2 tâm Thân thức chỉ bắt cảnh Xúc.

* **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 46 Tâm, gồm:**

+ **TÂM DỤC GIỚI: 44 Tâm (54 Tâm DG - Ngũ song thức)**

- **12 TÂM BẮT THIỆN** (8 Tham, 2 Sân, 2 Si): vừa bắt 5 cảnh (lộ ngũ), và trong lộ ý còn bắt được cảnh pháp nên được gọi là biết cảnh không nhất định

Ví dụ: Tâm Tham biết được cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, biết đủ cả 5 cảnh. Ngoài 5 cảnh này ra biết luôn cảnh Tục đế (đẹp, xấu...), được gọi là không nhất định vì biết cả 5 cảnh và cả cảnh Pháp

- **8 TÂM VÔ NHÂN** gồm: 3 Ý giới, 3 Quan sát, 1 Khán ý môn, 1 Ứng cúng vi tiểu

* **3 Ý giới (Khán ngũ môn, 2 Tiếp thân)** biết cảnh không nhất định vì nó cũng bắt cảnh Ngũ (Sắc Thinh Khí Vị Xúc) nhưng không cùng lúc mà **tùy theo đối tượng** đi vào nhưng không biết được cảnh Pháp, chỉ biết được cảnh Ngũ mà thôi.

* **3 Quan sát** biết cảnh không nhất định vì vừa bắt được cảnh Ngũ, vừa bắt được cảnh Pháp tùy theo công tác, phận sự của nó (khi làm nhiệm vụ Tục sinh, Hộ kiếp, Tử thì bắt cả cảnh Pháp) => biết được cả 6 cảnh

* **Khán ý môn** bắt cảnh không nhất định vì bắt được cả 6 cảnh (cảnh Ngũ và cảnh Pháp), trong Lộ Ngũ thì làm việc xác định cảnh, trong Lộ Ý thì bắt được cảnh Pháp.

* **Ứng cúng vi tiểu** (là tâm mỉm cười của Vị Alahan) bắt cảnh không nhất định vì cũng bắt được 6 cảnh.

- **24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO: bắt 6 cảnh**

+ **TÂM THÔNG: 02 tâm (Ngũ thiền sắc giới)** bắt cả 6 cảnh (tùy theo) nên xếp vào nhóm bắt cảnh không nhất định

BUỔI 72 - 20.03.2020 - ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.youtube.com/watch?v=fXkcZ2bbGOM&list=PLImcyhDVtjtLb4itsLgUprotte6LBJE1Z&index=72>

Ngày 03.05.2020 ROOM VIDIEUPHAPCOBAN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/934474763656630/>

Ngày 10.05.2020 ROOM VIDIEUPHAPCOBAN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/600143290589961/>

BUỔI 73 – 27.03.2020 - ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.youtube.com/watch?v=HD670EG7UAY&list=PLlmcyhDVtjtLb4itsLgUprotte6LBJE1Z&index=73>

17.05.2020 ROOM VIDIEUPHAPCOBAN <https://www.facebook.com/417596642178593/videos/289832375741790/>

BUỔI 90 – 12.09.2020 room NNVK <https://www.facebook.com/417596642178593/videos/2788827531360164>

+ NHÓM B

từ 8 đến 9

8/ CẢNH CHÂN ĐẾ - PARAMATTHASACCĀRAMMAṆA

Chi pháp: Tâm, Tâm sở, Sắc pháp, Niết bàn

Tổng kết: có 102 Tâm (71 + 31)

+ Biết cảnh Nhất định: 71 tâm

+ Biết cảnh Không nhất định: 31 tâm

* **Biết cảnh NHẤT ĐỊNH: có 71 Tâm** (17 Tâm vô nhân trừ Khán ý môn + 8 tâm Quả thiện dục giới + 3 Thức vô biên xứ + 3 Phi tướng phi phi tướng xứ + 40 tâm Siêu thế) => Thuộc CHÂN ĐẾ vì 5 Pháp này thuộc về SẮC CẢNH SẮC nên thuộc về Pháp Chân đế

+ **17 TÂM VÔ NHÂN** (Ngũ song thức: bắt cảnh Sắc Thinh Khí Vị Xúc, bắt cảnh thuộc về Sắc pháp (sắc cảnh giới) thuộc Chân đế; 2 Tiếp thâu: tiếp nhận cảnh từ Ngũ song thức, 3 Quan sát: bắt cảnh đem vô qua tiếp thâu, rồi quan sát, 1 Khán ngữ môn: mở cửa cho Ngũ song thức bắt được 5 cảnh, 1 UCVT):.

+ **8 TÂM QUẢ THIỆN DGTH** biết Chân đế vì nó làm nhiệm vụ Tục sinh, Tử, Hộ kiếp & Na cảnh (cảnh nội phần)

+ **3 THỨC VÔ BIÊN XỨ** biết cảnh Chân đế vì bắt Cảnh Không vô biên xứ, bắt Tâm Không vô biên xứ

+ **3 PHI TƯỚNG PPTX** bắt tâm Vô sở hữu xứ làm đối tượng

+ **40 SIÊU THỂ** biết cảnh Chân đế vì bắt cảnh Niết bàn

* **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 31 Tâm**

+ **12 TÂM BẤT THIỆN** biết cảnh không nhất định vì bắt được Tục đế và Chân đế

+ **8 TÂM THIỆN DỤC GIỚI TỊNH HẢO + 8 TÂM DUY TÁC DỤC GIỚI TỊNH HẢO** biết được cả Tục đế và Chân đế

+ **KHÁN Ý MÔN**

+ **2 TÂM THÔNG**

9/ CẢNH TỤC ĐẾ - LOKIYASACCĀRAMMAṆA

Chi pháp: Danh chế định và Nghĩa chế định

TỔNG KẾT: có 52 Tâm (21 + 31)

+ Biết cảnh Nhất định: 21 tâm

+ Biết cảnh Không nhất định: 31 tâm

Danh chế định: chia làm 6: Danh chơn, Phi danh chơn, Danh chơn phi danh chơn, Phi danh chơn danh chơn, Danh chơn danh chơn, Phi danh chơn phi danh chơn

Nghĩa chế định: chia làm 7: Hình thức, Hiệp thành, Chúng sanh, Phương hướng, Thời gian, Hư không, Hình tướng.

* **Biết cảnh NHẤT ĐỊNH: có 21 Tâm**

+ **15 TÂM SẮC GIỚI** biết cảnh chế định

+ **3 KHÔNG VBX** biết cảnh chế định vì thuộc Hư không

+ **3 VÔ SỞ HỮU XỨ** biết cảnh chế định

* **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 31 Tâm**

+ **KHÁN Ý MÔN**

+ **12 TÂM BẤT THIỆN**

+ **8 THIỆN DỤC GIỚI**

+ **8 DUY TÁC DỤC GIỚI**

+ **2 TÂM THÔNG**

Buổi 74 – 03.04.2020 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/2562965033917669>

BUỔI 75 - 10.04.2020 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/719015858636426>

BUỔI 76 - 17.04.2020 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1046908239042088>

BUỔI 91 - 19.09.2020 ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/692956264950248>

NHÓM C

: từ 10

đến 12

10. CẢNH DỤC GIỚI - KĀMĀRAMMĀṆA

Chi pháp:

+ 21 SẮC (28 Sắc pháp trừ 7 Sắc cảnh giới: Sắc, Thinh, Khí, Vị, Đất, Lửa, Gió),

+ 54 TÂM DỤC GIỚI và TÂM SỞ THUỘC DỤC GIỚI

TỔNG CỘNG: có 56 tâm (25 + 31)

+ **Biết cảnh Dục giới Nhất định: 25 tâm**

+ **Biết cảnh Không nhất định: 31 tâm**

➤ **Biết cảnh DỤC GIỚI NHẤT ĐỊNH: Có 25 Tâm**

+ 17 TÂM VÔ NHÂN (18 Tâm vô nhân - Khán ý môn): Ngũ song thức, 2 Tiếp thân, 3 Quan sát, Khán ngũ môn, Ưng cúng vi tiểu => Chỉ Biết Cảnh Dục Giới thuộc CHÂN ĐẾ

+ 8 TÂM ĐẠI QUẢ THIỆN DỤC GIỚI TỊNH HẢO: biết cảnh dục giới nhất định thuộc Chân đế vì thuộc về Quả, làm công tác Tục sinh, Hộ kiếp, Tử, Mót nên chỉ BẮT CẢNH DỤC GIỚI

➤ **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 31 Tâm**

+ 12 TÂM BẤT THIỆN

+ 8 TÂM THIỆN DGTH

+ 8 TÂM DUY TÁC DGTH

+ KHÁN Ý MÔN

+ 2 TÂM THÔNG

11. CẢNH ĐÁO ĐẠI - MAHAGATĀRAMMĀṆA (TÂM THIỀN)

Chi pháp: 27 TÂM THIỀN + TÂM SỞ PHỐI HỢP

TỔNG CỘNG: có 37 tâm (6 + 31)

+ **Biết cảnh Nhất định: 6 tâm**

+ **Biết cảnh Không nhất định: 31 tâm**

➤ **Biết cảnh NHẤT ĐỊNH: có 6 tâm**

+ 3 THỨC VÔ BIÊN XỨ: lấy đối tượng là Không Vô Biên Xứ để thành tựu thiền Thức Vô Biên Xứ, chỉ biết CẢNH ĐÁO ĐẠI, không biết gì khác ngoài cảnh đó

+ 3 PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG XỨ

➤ **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 31 tâm**

+ 12 TÂM BẤT THIỆN

+ 8 TÂM THIỆN DGTH

+ 8 TÂM DUY TÁC DGTH

+ KHÁN Ý MÔN

+ 2 TÂM THÔNG

12. CẢNH NIẾT BÀN - NIBBĀNĀRAMMĀṆA

Chi pháp: Nibbāna

TỔNG CỘNG: có 51 tâm (40 + 11)

+ **Biết cảnh Nhất định: 40 tâm**

+ **Biết cảnh Không nhất định: 11 tâm**

➤ **Biết cảnh NHẤT ĐỊNH: có 40 TÂM SIÊU THỂ**

+ 20 TÂM ĐẠO

+ 20 TÂM QUẢ

không biết cảnh nào khác ngoài Niết bàn

➤ **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 11 Tâm**

+ KHÁN Ý MÔN

+ 8 ĐỒNG LỰC DỤC GIỚI HỢP TRÍ

+ 2 TÂM THÔNG

BUỔI 79 – 15.05.2020 - ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.youtube.com/watch?v=1YNzpZrwUz4&list=PLlmcyhDVtjtLb4itsLgUprotte6LBJE1Z&index=79>

24.05.2020 – ROOM VIDIEUPHAPCOBAN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/2624165541180537/>

BUỔI 92 – 26.09.2020 ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/375778740472755>

NHÓM D
từ 13 đến
14

13. CẢNH DANH PHÁP - NĀMĀRAMMAṆA

Chi pháp: Tâm, Tâm sở, Niết bàn

TỔNG CỘNG: có 89 tâm

+ **Biết cảnh Danh pháp Nhất định: 46 tâm**

+ **Biết cảnh Không nhất định: 43 tâm**

➤ **Biết cảnh NHẤT ĐỊNH: có 46 Tâm**

+ **40 TÂM SIÊU THỂ:** 20 Đạo, 20 Quả: Vì chỉ biết cảnh Niết bàn thuộc về Danh pháp

+ **3 THỨC VÔ BIÊN XỨ** (Thiện, Quả, Duy tác): vì bắt cảnh Không vô biên xứ làm đối tượng (KVBX thuộc cảnh Chân đế, chi pháp thuộc về Tâm, bắt cảnh Danh pháp)

+ **3 PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG XỨ** (Thiện, Quả, Duy tác): vì bắt cảnh Vô sở hữu xứ để tu tập thành tựu Phi tướng phi phi tướng xứ (thuộc về Tâm, thuộc cảnh Danh pháp)

➤ **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 43 Tâm**

+ **41 TÂM DỤC GIỚI:** 12 Tâm Bất thiện + 5 Tâm Vô nhân (3 Quan sát, 1 Khán Ý môn, 1 Ứng cúng vi tiểu) + 24 Tâm DGTH => đều biết cả Danh và Sắc pháp nên biết cảnh Không nhất định

- 12 Tâm Bất thiện

- 3 Quan sát: khi cảnh Sắc Tinh Khí Vị Xúc vô thì tâm quan sát biết được cảnh đó, khi làm phận sự mót hay na cảnh thì biết luôn cả Danh.

- 1 Khán Ý môn: làm việc xác định cảnh thì biết cảnh Sắc Tinh Khí Vị Xúc, khi trong lộ ý biết được cảnh pháp, mở đường cho lộ ý.

- 1 Ứng cúng vi tiểu

- 24 Tâm Dục giới Tịnh hảo (8 tâm thiện DGTH, 8 tâm quả thiện DGTH, 8 tâm Duy tác DGTH)

+ **2 TÂM THÔNG** (Thiên nhãn, Thiên Nhĩ): biết cả Danh và Sắc pháp

14. CẢNH SẮC PHÁP - RŪPĀRAMMAṆA

Chi pháp: có 28 sắc

+ **Sắc thô:** có 12 (4 Sắc cảnh sắc (sắc, tinh, khí, vị) + Tam đại (đất, lửa, gió) + 5 Sắc Thần kinh)

+ **Sắc tế:** có 16 (Nước, 2 Sắc Tính, Sắc Ý vật, Sắc Mạng quyền, Sắc Vật thực, Sắc Hư không, 2 Sắc Biểu tri, 3 Sắc Đặc biệt, 4 Sắc Tứ tướng)

TỔNG CỘNG: có 56 tâm

+ **Biết cảnh Nhất định: 13 tâm**

+ **Biết cảnh Không nhất định: 43 tâm**

* **Biết cảnh NHẤT ĐỊNH: có 13 Tâm**

+ **NGŨ SONG THỨC:** biết cảnh nhất định vì chỉ bắt cảnh Sắc Tinh Khí Vị Xúc.

+ **3 Ý GIỚI** (2 Tiếp Thân + 1 Khán Ngũ môn): biết cảnh nhất định vì Khán ngũ môn mở cửa cho Ngũ song thức, tiếp thân 5 cảnh, nhất định là do biết cảnh sắc pháp nhất định.

* **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 43 Tâm**

+ **41 TÂM DỤC GIỚI**

+ **2 TÂM THÔNG** (Thiên nhãn, Thiên Nhĩ): biết cả Danh và Sắc pháp

NHÓM E:
từ 15
đến 17

15. CẢNH QUÁ KHỨ - ĀTĪTĀRAMMAṆA: Là cảnh đã qua, đã diệt, đã mất.

Chi pháp: Tâm, Tâm sở, Sắc pháp (đã diệt)

TỔNG CỘNG: có 49 tâm, gồm:

+ **Biết cảnh nhất định: 6 Tâm**

+ **Biết cảnh không nhất định: 43 Tâm**

➤ **Biết cảnh NHẤT ĐỊNH: có 6 Tâm**

+ **3 THỨC VÔ BIÊN XỨ** (Thiện, Quả, Duy tác): vì biết tâm Không vô biên xứ đã diệt, đã mất (bắt lại cảnh đó).

+ **3 PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ** (Thiện, Quả, Duy tác): vì bắt Vô sở hữu xứ đã diệt.

➤ **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 43 Tâm**

+ **41 TÂM DỤC GIỚI:** 12 Tâm Bất thiện, 5 Tâm Vô nhân (3 Quan sát, 1 Khán ý môn, 1 Ưng cúng vi tiểu), 24 Tâm DGTH: biết cảnh quá khứ, hiện tại, vị lai nên là biết cảnh không nhất định

+ **2 TÂM THÔNG:** biết Túc mạng thông (biết về tiền kiếp quá khứ, tương lai). Trong Lộ phần kháng Đạo quả Siêu thế, thì Cảnh Niết bàn là cảnh vượt ra ngoài thời gian (không phải quá khứ, vị lai).

16. CẢNH HIỆN TẠI - PACCUPPANNĀRAMMAṆA: cảnh phát sanh ngay trong thời điểm hiện tại.

Chi pháp: Tâm, Tâm sở, Sắc pháp (đang hiện hữu)

TỔNG CỘNG: có 56 tâm, gồm:

+ **Biết cảnh nhất định: 13 Tâm**

+ **Biết cảnh không nhất định: 43 Tâm**

➤ **Biết cảnh NHẤT ĐỊNH: có 13 Tâm**

+ **NGŨ SONG THỨC:** là 5 đôi thức (Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức thiện và bất thiện)

+ **3 Ý GIỚI:** Khán ngũ môn + 2 Tiếp thân

Ví dụ: + Lấy cảnh sắc: có 1 bông hoa -> Khán ngũ môn sanh lên mở đường cho cảnh sắc vô, bắt cảnh sắc này ngay hiện tại -> nhường cho Nhãn thức sanh lên bắt cảnh bông hoa ngay thời hiện tại -> tiếp thân bông hoa vô trong dòng tâm thức ngay thời hiện tại đang có, đang hiện hữu

+ Cũng như thế, âm thanh khởi lên, KNM bắt cảnh âm thanh -> Nhĩ thức sanh lên trong thời hiện tại -> nhường cho Tiếp thân thân âm thanh trong thời hiện tại.

+ Mùi hương sanh lên -> KNM sanh hưởng về để bắt cảnh hương (mùi) ngay trong hiện tại -> nhường cho Tỷ thức sanh trong hiện tại -> Tiếp thân sanh.

+ Ăn -> khán ngũ môn sanh để bắt cảnh vị trong hiện tại -> nhường cho thiệt thức sanh lên để biết cảnh vị trong thời hiện tại -> Tiếp thân sanh để thân nhận cảnh vị vô.

➤ **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 43 Tâm**

+ **41 TÂM DỤC GIỚI:** 12 Tâm Bất thiện, 5 Tâm Vô nhân (3 Quan sát, 1 Khán ý môn, 1 Ưng cúng vi tiểu), 24 Tâm DGTH: biết cảnh quá khứ, hiện tại, vị lai nên là biết cảnh không nhất định

+ **2 TÂM THÔNG**

17. CẢNH VỊ LAI - ANĀGATĀRAMMAṆA: cảnh chưa có, cảnh chưa sanh, chưa hiện hữu.

Chi pháp: Tâm, Tâm sở, Sắc pháp (sẽ sanh)

TỔNG CỘNG: có 43 tâm, gồm

+ **Biết cảnh nhất định: không có**

+ **Biết cảnh không nhất định: có 43 tâm**

➤ **Biết cảnh NHẤT ĐỊNH: KHÔNG CÓ**

➤ **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 43 Tâm**

+ **41 TÂM DỤC GIỚI**

+ **2 TÂM THÔNG**

NHÓM F:
từ 18
đến 21

18. CẢNH NGOẠI THỜI - KĀLAVIMUTTĀRAMMAṆA (đối tượng không thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai, đối tượng là ngoài thời gian)
Chi pháp: Niết bàn và Chế định

TỔNG CỘNG: có 92 tâm, gồm:

+ Biết cảnh nhất định: 61 Tâm

+ Biết cảnh không nhất định: 31 Tâm

* **Biết cảnh NHẤT ĐỊNH: 61 Tâm**

+ 15 TÂM SẮC GIỚI (tâm thiện, tâm quả thiện, tâm duy tác sắc giới): chỉ bắt cảnh chế định làm đề mục, có đối tượng là Tục đế.

+ 3 KHÔNG VÔ BIÊN XỨ: bắt đề mục Quang tướng làm đối tượng để thành tựu đắc KV BX, bắt cảnh chế định (cảnh thuộc ngoại thời nhất định).

+ 3 VÔ SỞ HỮU XỨ: bắt cảnh chế định ngoại thời

+ 40 TÂM SIÊU THỂ: chỉ bắt Niết bàn làm đối tượng (N.bàn thuộc cảnh ngoại thời)

* **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 31 Tâm**

+ 12 TÂM BẤT THIỆN

+ 1 KHÁN Ý MÔN

+ 8 THIỆN DỤC GIỚI TỊNH HẢO

+ 8 DUY TÁC DỤC GIỚI TỊNH HẢO

+ 2 TÂM THÔNG

19. CẢNH NỘI PHẦN - AJHATTĀRAMMAṆĀ (đối tượng thuộc bên trong của mình)
Chi pháp: Tâm, Tâm sở và Sắc pháp (thuộc nội thân)

Chi pháp: Tâm, Tâm sở và Sắc pháp (thuộc nội thân)

TỔNG CỘNG: có 62 tâm, gồm:

+ Biết cảnh nhất định: 6 Tâm

+ Biết cảnh không nhất định: 56 Tâm

* **Biết cảnh NHẤT ĐỊNH: 6 Tâm**

+ 3 THỨC VÔ BIÊN XỨ: bắt tâm KV BX đã diệt làm đề mục tu thiền

+ 3 PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ: bắt tâm VSHX (tâm thiền của chính mình) làm đề mục để tu tập.

* **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 56 Tâm**

+ 54 TÂM DỤC GIỚI

+ 2 TÂM THÔNG

20. CẢNH NGOẠI PHẦN - BAHIDDHĀRAMMAṆA (đối tượng ngoài thân của mình)
Chi pháp: Tâm, Tâm sở và Sắc pháp (thuộc ngoại thân)

Chi pháp: Tâm, Tâm sở và Sắc pháp (thuộc ngoại thân)

TỔNG CỘNG: có 117 tâm, gồm:

+ Biết cảnh nhất định: 61 Tâm

+ Biết cảnh không nhất định: 56 Tâm

* **Biết cảnh NHẤT ĐỊNH: 61 Tâm => chỉ bắt cảnh chế định**

+ 15 TÂM SẮC GIỚI

+ 3 KHÔNG VÔ BIÊN XỨ

+ 3 VÔ SỞ HỮU XỨ

+ 40 TÂM SIÊU THỂ

* **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 56 Tâm**

+ 54 TÂM DỤC GIỚI

+ 2 TÂM THÔNG

21. CẢNH NỘI, NGOẠI PHẦN - AJJHATTABAHHIDDHĀRAMMAṆA
(Cảnh trong và ngoài)
Chi pháp: Tâm, Tâm sở, Sắc pháp (nội + ngoại gom lại mà có)

Chi pháp: Tâm, Tâm sở, Sắc pháp (nội + ngoại gom lại mà có)

Thần kinh nhãn: thuộc nội phần xúc chạm với sắc trần là ngoại phần làm phát sinh nhãn xúc là nội phần và ngoại phần

TỔNG CỘNG: có 56 tâm, gồm:

+ Biết cảnh nhất định: không có

+ Biết cảnh không nhất định: 56 Tâm

* **Biết cảnh NHẤT ĐỊNH: không có**

* **Biết cảnh KHÔNG NHẤT ĐỊNH: có 56 Tâm**

+ 54 TÂM DỤC GIỚI

+ 2 TÂM THÔNG

VI. VATTHU

SANĠGAHO

TOÁT YẾU VỀ CĂN (VẬT)

Vatthusanġahe

vatthūni nāma

cakkhu sota ghāṇa

jivhā kāya

hadayavatthu cāti

chabbidhāni

bhavanti.

Trong tóm lược về
những căn trú (vật),
có sáu loại là: Nhãn,
Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân,
và Ý Vật.

Tāni kāmaloke sabbāni pi labbhanti Rūpaloke pana ghāṇādittayam natthi. Arūpaloke pana sabbāni pi na samvijjanti.

Tất cả những loại này cũng vậy (ngoại lệ như cam, mù..), đều nằm trong Dục Giới. Nhưng trong Sắc Giới không có ba căn Tỷ, Thiệt, và Thân. Trong cảnh Vô Sắc Giới không có căn nào.

Tattha pañcaviññāṇadhātuyo yathākkamaṃ ekantena pañca pasāda vatthūni nissāyeva pavattanti. Pañcadvārāvajjana - sampatichanasañkhāta pana manodhātu ca hadayam nissāyeva pavattanti. Tathā avasesā pana manoviññāṇa-dhātu-sañkhāta ca santīraṇa-mahāvīpāka paṭighavaya paṭhamamagga hasana rūpāvacara vasena hadayam nissāyeva pavattanti.

Nơi đây năm thành phần của Ngũ song thức hoàn toàn tùy thuộc nơi năm phần nhạy (Sắc Thần kinh) của bộ phận tương ứng, làm căn trú cho năm thức ấy. Nhưng Ý Giới tức Ngũ môn hướng tâm và 2 Tiếp thọ tâm tùy thuộc nơi ý căn.

Cùng thể ấy, những thành phần tâm còn lại bao gồm: Tâm Quan sát, Tâm Đại Quả, hai loại tâm đồng phát sanh với sân, tâm Sơ Đạo, Tiểu sanh tâm, và những loại tâm thuộc Sắc Giới, tùy thuộc nơi Ý căn.

Avasesā kusalākusala kriyā nuttara vasena pana nissāya vā anissāya. Āruppavīpāka vasena hadayam anissā yevā ti.

Những loại tâm còn lại đều Thiệt, Bất Thiệt, Duy Tác, hoặc Siêu thế đều hoặc tùy thuộc, hoặc không tùy thuộc nơi ý căn. Những tâm Quả thuộc Vô Sắc Giới không tùy thuộc nơi ý căn.

Chavatthū nissitā kāme satta rūpe catubbidhā. Ti vatthū nissitāruppe dhātvekā nissitā matā.

Tecattāḷisa nissāya dve cattāḷisa jāvare. Nissāya ca anissāya pākā ruppā anissitā ti.

Phải nên hiểu rằng trong Dục Giới bảy phần tâm (Ngũ song thức + Khán ngũ môn + Ý thức giới) tùy thuộc nơi sáu căn.

Trong Sắc Giới, bốn (Nhãn thức, Nhĩ thức, Ý giới, Ý thức giới) tùy thuộc nơi ba căn (Nhãn, Nhĩ, Ý căn).

Trong Vô Sắc Giới chỉ đơn giản có một thành phần tâm (Ý thức giới), không tùy thuộc nơi căn nào.

+ Bốn mươi ba loại tâm phát sanh tùy thuộc nơi một căn.

+ Bốn mươi hai phát sanh không tùy thuộc, hoặc tùy thuộc nơi một căn.

+ Những tâm Quả Vô Sắc phát sanh mà không tùy thuộc căn nào cả.

**VATTHU SAṄGAHO –
CĂN, VẬT PHỐI HỢP**

Căn vas: trú ngụ, chỗ trú

Vatthu: căn trú của giác quan (vật)

**SỰ KHÁC BIỆT GIỮA
VẬT VÀ MÔN**

VẬT: chỗ trú ngụ của Tâm
(chỗ để Tâm trú, Tâm nương)

MÔN (DVĀRA): là cửa để cảnh đi vào
(nhãn môn là cửa nhãn để cảnh sắc đi vào, nhãn vật là chỗ để nhãn thức nương)

PHÂN LOẠI:
có 6 gồm

1/ NHÃN VẬT
CAKKHUVATTHU

♣ Chi pháp: **Thần kinh Nhãn**

✚ Tâm trú: **có 2 tâm Nhãn thức**
(thọ xả quả thiện, quả bất thiện vô nhân)

2/ NHĨ VẬT -
SOTAVATTHU

♣ Chi pháp: **Thần kinh Nhĩ**

✚ Tâm trú: **có 2 tâm Nhĩ thức**
(thọ xả quả thiện, quả bất thiện vô nhân)

3/ TỶ VẬT -
GHĀNAVATTHU

♣ Chi pháp: **Thần kinh Tỷ**

✚ Tâm trú: **có 2 tâm Tỷ thức**
(thọ xả quả thiện, quả bất thiện vô nhân)

4/ THIỆT VẬT -
JIVHĀVATTHU

♣ Chi pháp: **Thần kinh Thiệt**

✚ Tâm trú: **có 2 tâm Thiệt thức**
(thọ xả quả thiện, quả bất thiện vô nhân)

5/ THÂN VẬT -
KĀYAVATTHU

♣ Chi pháp: **Thần kinh Thân**

✚ Tâm trú: **có 2 tâm Thân thức**
(thọ Lạc quả thiện, thọ Khổ quả bất thiện vô nhân)

6/ Ý VẬT -
HADAYAVATTHU

♣ Chi pháp: **Sắc ý vật**

✚ Tâm trú: **tất cả tâm TRỪ Ngũ song thức**
(121 – 10 = 111 Tâm)

YAMĪ RŪPAMĪ NISSĀYA - TÂM NƯƠNG Ở SẮC NÀO THÌ SẮC ĐÓ LÀ VẬT

**VẬT PHÂN
THEO CẢNH
GIỚI**

Cảnh giới có 3

gồm:

- 1/ Dục giới,
- 2/ Sắc giới,
- 3/ Vô sắc giới

1/ CÔI DỤC GIỚI (Dục giới gồm có 4 cõi khổ, cõi người, 6 cõi trời dục giới): **có đủ 6 vật** (nếu bị khiếm khuyết về mắt, hay tai ... thì không có vật đó nhưng **SẮC Ý VẬT KHÔNG THỂ THIẾU**)

2/ CÔI SẮC GIỚI:

a. **HỮU TƯỚNG** (hữu tướng là có Tâm – những vị trời có Tâm): **có 3 vật** (Nhãn vật, Nhĩ vật và Ý vật) (những vị tu thiền Sắc giới đạt được thiền sanh về đây, do sự nhầm chán về Tỷ Thiết Thân nên sanh ra không có 3 căn đó)

b. **VÔ TƯỚNG** (vô tướng là không có Tâm, chỉ có Sắc): **không có vật nào** (không có Tâm, những vị tu thiền sắc giới đạt được ngũ thiền sanh về cõi vô tướng, do nguyện lực của họ nhầm chán Tâm nên sanh về đó chỉ có Sắc pháp chứ không có Danh pháp, chỉ có sắc mạng quyền nuôi dưỡng Sắc pháp)

3/ CÔI VÔ SẮC GIỚI: không có vật (cõi trời Phạm thiên vô sắc giới sống chỉ có Tâm, không có vật (Nhãn vật, Nhĩ vật, Tỷ vật, Thiết vật, Thân vật và Ý vật), chỉ có Danh pháp chứ không có Sắc pháp.

**TÂM TRÚ VẬT
có 3 cách**

**1/ TRÚ VẬT
NHẤT ĐỊNH**

Tâm trong cõi Ngũ uẩn là Tâm trú vật nhất định. NHỮNG TÂM NÀO CHỈ CÓ TRONG CÔI NGŨ UẨN, NHỮNG TÂM ẤY TRÚ NƠI VẬT NHẤT ĐỊNH.

- ♣ **CÔI NGŨ UẨN** : Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức uẩn
- + Cõi DG: có 5 uẩn
- + Cõi SG : có 5 uẩn
- + Cõi VS : có 4 uẩn (trừ sắc)
- + Cõi vô tướng : có 1 uẩn (sắc uẩn)
- TỔNG CỘNG: có 43 tâm**
- + Trú vật tương ứng: 10 tâm
- + Trú sắc ý vật: 33 tâm

*** TRÚ VẬT TƯƠNG ƯNG: NGŨ SONG THỨC** (nhãn thức trú nhãn vật, nhĩ thức trú nhĩ vật, tỷ thức trú tỷ vật, thiết thức trú thiết vật, thân thức trú thân vật), mỗi đôi thức trú vật tương ứng với nó.

*** TRÚ SẮC Ý VẬT: có 33 tâm**

- + 2 TÂM SÂN + 3 Ý GIỚI + 3 TÂM QUAN SÁT
- + TIỂU SANH TÂM + 8 TÂM QUẢ THIỆN DGTH
- + 15 TÂM SẮC GIỚI + TÂM SƠ ĐẠO

NOTE: 33 tâm trú Sắc ý vật nhất định

+ 2 *Tâm Sân trú sắc ý vật nhất định*: vì 2 tâm sân không thể có mặt trong các cõi khác (Sắc giới, vô Sắc giới, cõi Phạm thiên KHÔNG CÓ tâm sân), nên chỉ trú ở cõi Ngũ uẩn mà thôi => không có ở Cõi thiên.

+ 3 *Ý giới (2 Tiếp thủ, Khán ngũ môn) cũng trú sắc ý vật nhất định*: khi cảnh Sắc Thịnh Khí Vị Xúc sanh khởi thì KNM sanh khởi, nương theo những cảnh đó, thì nằm trong Dục giới (cõi Ngũ uẩn) nên chỉ trú ở Sắc ý vật cõi ngũ uẩn. Có liên hệ đến 6 căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiết, thân) trong lộ trình tâm sanh lên trong lộ ngũ (lộ Ngũ môn) cho nên là những loại tâm nằm trong cõi ngũ uẩn.

+ 3 *Quan sát cũng trú Sắc ý vật nhất định*: Quan sát cảnh từ Tiếp thủ đưa vào + *Tiểu Sanh tâm (Tâm của vị Alahan)*: do thấy, do nghe phát sinh tâm sinh tiểu nên cũng trú ở sắc ý vật nhất định.

+ 8 *Tâm quả DGTH* (làm phận sự Tục sinh, Hộ kiếp, Tử của chúng sanh thuộc cõi DG): cũng trú ở sắc ý vật nhất định (tâm này không sanh lên ở cõi thiên)

+ 15 *Tâm Sắc giới* (5 thiện SG – chứng thiên, đắc thiên; 5 quả thiện SG - làm phận sự Tục sinh, Hộ kiếp, Tử ở cõi trời SG; 5 duy tác SG): nằm trong 5 uẩn nên nương ở Sắc ý vật nhất định.

+ *Tâm Sơ đạo*: cũng trú ở sắc ý vật nhất định: vì người đắc sơ đạo phải do nghe mới đắc được (thinh văn mới đắc được sơ đạo, phải có lỗ nhĩ, nằm trong cõi ngũ uẩn nên trú Sắc ý vật nhất định)

2/ TRÚ VẬT KHÔNG NHẤT ĐỊNH:

Tâm có cả 3 cõi: những tâm nào lưu chuyển trong 3 cõi (Dục giới, Sắc giới, Vô SG), những tâm ấy trú nơi vật bất định (trú vật không nhất định)

*** TRÚ SẮC Ý VẬT: CÓ 70 TÂM**

- + 8 TÂM THAM
- + 2 TÂM SI
- + KHÁN Ý MÔN
- + 8 TÂM ĐẠI THIỆN DGTH
- + 8 TÂM DUY TÁC DGTH
- + 4 THIỆN VÔ SẮC
- + 4 DUY TÁC VÔ SẮC
- + 35 TÂM SIÊU THỂ (trừ 5 tâm sơ đạo)

3/ VÔ TRÚ

Những Tâm nào chỉ có trong Cõi Vô Sắc giới thì KHÔNG TRÚ VẬT

*** Tâm: 4 TÂM QUẢ VÔ SẮC**

43 TÂM KHỞI LÊN Y CỨ TRÊN 6 VẬT:

- + KĀMAVIPĀKA: Dục giới dị thực: có 23 tâm (ngũ song thức, 2 tiếp thân, 3 quan sát, 8 tâm quả thiện DGTH)
- + PANCA DVĀRĀVAJJANA: Ngũ môn hương tâm: 1
- + HASITUPPĀDA: Tiểu sanh tâm: 1
- + PATIGHA: Hận: 2
- + RŪPĀVACARA: Sắc giới tâm: 15
- + Sotāpattimagga: Dự lưu đạo tâm: 1

42 TÂM KHỞI LÊN Y CỨ TRÊN 6 CĂN VÀ CŨNG KHÔNG Y CỨ TRÊN CĂN NÀO:

- + AKUSALA: Bất thiện trừ 2 hận tâm (tâm sân): 10
- + MANODVĀRĀVAJJANA: Ý môn hương tâm: 1
- + KĀMA, KUSALA + KIRIYĀ: Thiện Dục giới, Duy tác Dục giới: 16
- + ARŪPA, KUSALA + KIRIYĀ: Thiện Vô sắc giới, Duy tác VSG: 8
- + LOKUTTARA: Siêu thế trừ dự lưu đạo tâm: 7 (35)

43 TÂM KHỞI LÊN Y CỨ TRÊN 6 CĂN (VẬT) (Y CỨ TRÊN NHỮNG VẬT NHẤT ĐỊNH):

1/ Kāmavipāka - DỤC GIỚI DỊ THỰC (Tâm quả dục giới): 23 tâm

+ Ngũ song thức (*nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân*): y cứ trên từng vật tương ứng với nó (*nhãn thức trên nhãn vật, nhĩ thức trên nhĩ vật...*)

+ 2 tiếp thân: không y cứ trên 5 vật đó nữa, mà chỉ y cứ trên Sắc Ý vật nhất định

+ 3 quan sát: y cứ trên Sắc Ý vật nhất định

+ 8 tâm quả thiện DGTH (*làm nhiệm vụ Tục sinh, Hộ kiếp, Tử*): y cứ trên Sắc Ý vật nhất định

2/ Panca dvārāvajjana - NGŨ MÔN HƯỚNG TÂM: 1 tâm: trú ở sắc ý vật nhất định

3/ Hasituppāda - TIỂU SANH TÂM: 1 tâm: thân phải có ngũ uẩn thì tiểu sanh tâm mới phát sinh được, nên trú sắc ý vật nhất định

4/ Patigha - HẬN: 2 tâm sân: trú ở sắc ý vật nhất định, vì 2 tâm sân không thể có mặt ở cõi vô sắc giới, không có ở cõi sắc giới, chỉ có mặt ở cõi dục giới)

5/ Rūpāvacara - SẮC GIỚI TÂM: 15 tâm (5 thiện, 5 quả, 5 duy tác: cũng trú ở sắc ý vật mà không thể trú ở nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, 15 tâm này không có mặt ở cõi vô sắc giới)

6/ Sotāpattimagga - DỰ LƯU ĐẠO TÂM: 1 tâm: phải có nghe mới đắc được, thuộc cõi ngũ uẩn nên trú ở sắc ý vật)

TRỪ NGŨ SONG THỨC RA, CÁC TÂM CÒN LẠI THUỘC CỐI NGŨ UẨN ĐỀU Y CỨ TRÊN SẮC Ý VẬT

42 TÂM KHỞI LÊN Y CỨ TRÊN 6 CĂN VÀ CŨNG KHÔNG Y CỨ TRÊN CĂN NÀO (KHÔNG CÓ NHẤT ĐỊNH):

Y cứ trên sắc ý vật (cõi DG, cõi SG) và không y cứ trên vật nào khác (cõi VSG)

1/ Akusala: BẤT THIỆN TRỪ 2 HẬN TÂM: 10 tâm (8 tham, 2 si: có mặt ở cõi Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới: y cứ trên sắc ý vật và không y cứ trên vật nào) nên có ở cõi Ngũ uẩn, cõi Tứ danh uẩn cũng có.

2/ Manodvārāvajjana: Ý MÔN HƯỚNG TÂM: 1 tâm (có trong cõi Ngũ uẩn và cõi Tứ danh uẩn nên y cứ trên sắc ý vật và không y cứ trên vật nào khác). Khán ý môn là làm phân đoán, xác định.

3/ Kāma, Kusala + Kiriya: THIỆN DỤC GIỚI, DUY TÁC DỤC GIỚI: 16 tâm

4/ Arūpa, Kusala + Kiriya: THIỆN VÔ SẮC GIỚI, DUY TÁC VÔ SẮC: 8 tâm

5/ Lokuttara: SIÊU THỂ (TRỪ DỰ LƯU ĐẠO TÂM): 7 tâm (35)

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDHASSA**

**BÀI GIẢNG VỀ
NGƯỜI - PUGGALA-BHEDO
và CÕI - BHŪMI**

Room Paltalk : PHATGIAONAMTRUYENNT + VIDIEUPHAPCOBAN

Thời gian: từ 24.04.2020 – 04.09.2020

Giảng sư: Thầy KING MILANDA A

BUỔI 77 - 24.04.2020 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.youtube.com/watch?v=MQe3olt-h0&list=PLlmcyhDVtjtLb4itsLgUprotte6LBJE1Z&index=77>

BUỔI 84 - 19.06.2020 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/301053657955777/?v=301053657955777>

21.06.2020 - ROOM VIDIEUPHAPCOBAN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/305815067255296/>



Duhetukāna mahetukānañca panettha kriyājavanāni ceva appanājavanāni ca na labbhanti. Tathā ñāṇa - sampayutta vipākāni ca sugatīyaṃ, duggatīyaṃ pana ñāṇavippayuttāni ca mahāvīpākāni na labbhanti.

Nơi đây, với những người mà thức tái sanh do hai nhân hoặc Vô Nhân tạo duyên, các chấp Duy Tác tốc hành tâm và An Chỉ Tốc Hành Tâm không phát sanh. Cùng thể ấy, trong Thiện Thú những tâm Quả liên hợp với tri kiến cũng không phát sanh, trong Ác Thú những loại tâm Quả hợp trí cũng không có.

Tihetukesu ca khīnāsavānaṃ kusalākusalajavanāni ca na labbhanti. Tathā sekhaputhujjanānaṃ kriyājavanāni. Diṭṭhigatasampayuttavicikicchā javanāni ca sekhānaṃ. Anāgāmi-puggalānaṃ pana paṭighajavanāni ca na labbhanti. Lokuttarajavanāni ca yathāsakamariyānaṃ eva samuppajjantīti

- Với bậc "Vô Nhiễm" (A La Hán), trong những vị mà thức tái sanh do ba nhân tạo duyên, không có Đồng tốc thiện hay bất thiện phát sanh. Cùng thể ấy, những chấp đồng tốc duy tác không phát sanh đến hạng phàm nhân (puthujjana) và hạng Hữu học (sekhas).

- Những chấp javanas liên hợp với tà kiến và hoài nghi cũng không phát sanh đến các vị sekhas. Đối với vị A Na Hàm không thể có javana liên hợp với sân. Nhưng các Javanas Siêu Thế, chỉ những bậc Thánh Nhân mới có thể chứng nghiệm, tùy theo mức độ chứng ngộ.

Asekhānaṃ catucattālī sasekhānaṃ uddise-Chapaññāsā vasesānaṃ catupaññāsa sambhavā.-Ayam ettha puggalabhedo

Tùy trường hợp phát sanh, được ghi nhận rằng các bậc Vô Học Alahan có bốn mươi bốn Tâm khởi lên, hạng Hữu Học có năm mươi sáu, ngoài ra, những hạng còn lại có năm mươi bốn loại tâm. Đây là phương thức phân hạng các chúng sanh

CÁC LOẠI NGƯỜI - PUGGALA-BHEDA

Pun: địa ngục
Puggala: căn từ Pun + gala : người
Người: chúng sanh có Danh và Sắc, hoặc Danh hoặc Sắc do nghiệp lực chi phối tác thành
Có 2 mặt

a/ TỤC ĐẾ:

Người, Nhân loại, Chư thiên, Phạm thiên, Súc sanh ...

b/ CHÂN ĐẾ:

+ 5 UẨN (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức);
+ 4 UẨN (Thọ, Tưởng, Hành, Thức);
+ 1 UẨN (Sắc)

PHÂN LOẠI:

Có 12 loại người
Phân thành 2 nhóm :

* Nhóm A : PHÀM NHÂN

- 1/ Người Khổ vô nhân –
AHETUKA PUGGALA
- 2/ Người Lạc vô nhân -
SUGATI AHETUKAPUGGALA
- 3/ Người Nhị nhân -
DAVIHETUKAPUGGALA
- 4/ Người Tam nhân –
TIHETUKAPUGGALA

* Nhóm B : THÁNH NHÂN

- 5/ Người Đạo Nhập Lưu –
SOTĀPATTIMAGGAPUGGALA
- 6/ Người Quả Nhập Lưu –
SOTĀPATTIPHALAPUGGALA
- 7/ Người Đạo Nhất Lai -
SAKADĀGĀMIMAGGAPUGGALA
- 8/ Người Quả Nhất Lai -
SAKADĀGĀMIPHALAPUGGALA
- 9/ Người Đạo Bất Lai -
ANĀGĀMIMAGGAPUGGALA
- 10/ Người Quả Bất Lai -
ANĀGĀMIPHALAPUGGALA
- 11/ Người Đạo Vô Sanh -
ARAHATTAMAGGAPUGGALA
- 12/ Người Quả Vô Sanh -
ARAHATTAPHALAPUGGALA

1/ NGƯỜI KHỔ VÔ NHÂN

AHETUKA PUGGALA

- ☛ Chúng sanh đa khổ thiếu lạc
- ☛ Chúng sanh toàn khổ
- ☛ Chúng sanh khổ thân đói khát
- ☛ Chúng sanh vất vả khổ sở luôn lo sợ

⇒ KHÓ ĐƯỢC SANH TÂM THIỀN và KHÔNG THỂ ĐẮC THIỀN hay ĐẠO QUẢ

Có 4 loại NGƯỜI KHỔ

1/ Súc sanh (Bàng sanh) - TIRACCHĀNA

Loài đi mà lưng nằm ngang, thú hay phi cầm.

2/ Ngạ quỷ - PETA

Loài không có hoặc xa lìa tất cả sự hoan lạc vui vẻ, hằng bị đói khát, không thể thụ hưởng được các thực phẩm của Nhân, Thiên.

3/ Atula (Thần quỷ dữ) - ASURĀ

Những loài không có sự tiến hoá, thiếu tự do, không có hoan lạc, thường rất hung dữ

4/ Địa ngục - NIRAYA

Sự an vui hạnh phúc không có, chúng sanh hằng bị mọi thống khổ, chẳng có sự an vui

♣ TÂM TỤC SINH: TÂM QUAN SÁT THỌ XẢ QUẢ BẤT THIỆN VÔ NHÂN

+ Tâm này là QUẢ của 11 Tâm Bất thiện (8 Tham + 2 Sân + 1 Si Hoài nghi trừ Tâm Si phóng dật)

♣ Tâm si phóng dật KHÔNG THỂ CHO QUẢ TỤC SINH (vì nó loạn động, yếu đuối), chỉ Cho Quả Trong Đời Sống Bình Nhặt.

♣ Tâm Quan sát thọ xả quả bất thiện LÀM VIỆC TỤC SINH vì QUẢ được TRÒN VÀ ĐỦ MẠNH hơn các Tâm Quả khác

TRONG ĐỜI SỐNG BÌNH NHẬT:

* TÂM: có 37 Tâm
+ 12 TÂM BẤT THIỆN
+ 17 TÂM VÔ NHÂN (18 Tâm Vô nhân - Ưng cúng vi tiểu)
+ 8 TÂM THIỆN DỤC GIỚI TỊNH HẢO (4 Thiện Hợp trí, 4 Thiện Ly trí)

* TÂM SỞ: có 52 Tâm sở
+ 13 TÂM SỞ TỢ THA
+ 14 TÂM SỞ BẤT THIỆN
+ 25 TÂM SỞ TỊNH HẢO

2. NGƯỜI LẠC VÔ NHÂN

SUGATI AHETUKA PUGGALA

SUGATI: trạng thái hạnh phúc, vui vẻ

AHETUKA: vô nhân Puggala: người

+ Người có nhiều an lạc hơn người khổ

+ Không bị chịu những thống khổ như người khổ

♣ **TÂM TỤC SINH: TÂM QUAN SÁT THỌ XẢ QUẢ THIÊN VÔ NHÂN:** làm phận sự Tục sinh, hộ kiếp, tử

♣ **TRÚ XỨ:** có mặt CÕI NHÂN LOẠI và CÕI TỬ THIÊN VƯƠNG bậc thấp

**CÓ 3 LOẠI
SANH NGƯỜI
LẠC VÔ NHÂN:**

1/ THAI SANH (cõi nhân loại)

2/ HÓA SANH (cõi Tứ thiên vương): không qua thai bào, biến hiện có liền

3/ SẮC HÓA SANH (cõi vô tướng): tái tục chỉ có SẮC SANH gồm:

+ Sắc mạng quyền (*sắc để gìn giữ sắc pháp được tồn tại sống còn cho đến khi mạng chung*)

+ Sắc nghiệp (*sắc do nghiệp tạo*)

+ Sắc âm dương (*sắc quý tiết*)

+ Sắc vật thực (*sắc dưỡng tố*)

Không có sắc do tâm sanh

Được xếp vào nhóm Người lạc vô nhân vì KHÔNG CÓ TÂM TỤC SANH NÊN KHÔNG CÓ NHÂN (*trước khi được sanh về cõi này họ là người đắc ngũ thiền, do lời nguyện và ý chí mãnh liệt nên sanh về đây 500 kiếp*)

♣ Người lạc vô nhân: không thể đắc thiền hay đạo quả (*vẫn phải tu để gieo trồng thiện pháp cho những kiếp sau để trở thành người tam nhân lại*)

♣ Người lạc vô nhân: có dị tật bẩm sinh

**TRONG ĐỜI SỐNG
BÌNH NHẬT:**

* **TÂM:** có 41 tâm, gồm
+ 12 TÂM BẤT THIỆN
+ 17 TÂM VÔ NHÂN (Trừ Ứng cúng vi tiểu)
+ 8 TÂM THIỆN DGTH
+ 4 TÂM ĐẠI QUẢ THIỆN LY TRÍ DỤC GIỚI (làm việc na cảnh)

* **TÂM SỞ:** có 52 Tâm sở
+ 13 TÂM SỞ TỢ THA
+ 14 TÂM SỞ BẤT THIỆN
+ 25 TÂM SỞ TỊNH HẢO

☯ CÓ 11 LOẠI
NGƯỜI LẠC VÔ
NHÂN

1/ NGƯỜI MÙ BẨM SINH – JACCANDHA : Khi sinh ra không có hệ thần kinh nhãn

+ **Về thai sanh – Gabbhaseyyaka**: từ khi tục sinh trong vòng 3 tháng (11 tuần), sắc thần kinh nhãn không sanh. Sau 3 tháng đó nếu có trường hợp gì khác xảy ra mà họ bị mù thì không tính là người lạc vô nhân.

+ **Về hóa sanh và thấp sanh - Opaṭṭika & Samsedaja**: ngay giây phút tục sinh không có sắc thần kinh Nhãn sanh lên

2/ NGƯỜI ĐẾC BẨM SINH – JACCABADHIRAKA: Khi sinh ra không có hệ thần kinh Nhĩ

3/ NGƯỜI KHÔNG CÓ THẦN KINH TỬ BẨM SINH – JACCĀGHĀNAKA: Khi sinh ra không có hệ thần kinh Tử

4/ NGƯỜI ĐẦN ĐỘN BẨM SINH - JACCAJAḶAKA

5/ NGƯỜI CÂM BẨM SINH – JACCAMŪGAKA

6/ NGƯỜI ĐIÊN BẨM SINH – JACCUMMATTAKA

7/ NGƯỜI VÔ TÍNH - PAṆDAKA: là người không có bộ phận sinh dục nam hay sinh dục nữ

8/ NGƯỜI LƯỠNG TÍNH – UBHATOBYAÑJANAKA: là người không có bộ phận sinh dục cố định, khi nam tính mạnh thì bộ phận sinh dục nam xuất hiện, khi nữ tính mạnh thì bộ phận sinh dục nữ hiển lộ. **Có 2 loại Người Lưỡng tính:**

a/ Nam lưỡng tính: người có thân tướng người nam, nhưng khi gặp người nam khác, dục cảm phát sanh thì bộ phận sinh dục nữ hiển lộ.

♣ **Người nam lưỡng tính**: có thể làm cho người nữ khác mang thai nhưng chính họ thì không

b/ Nữ lưỡng tính: có thân tướng là người nữ, nhưng khi gặp người nữ khác, dục cảm phát sanh thì bộ phận sinh dục nam hiển lộ.

♣ **Người nữ lưỡng tính**: có thể làm cho nữ nhân khác mang thai hoặc chính họ cũng mang thai

9/ NGƯỜI TRUNG TÍNH - NAPUṂSAKAPAṆDAKA: tương tự như người vô tính (*không có bộ phận sinh dục nam hay nữ hay người Vô tướng cũng vậy*)

10/ NGƯỜI CÀ LĂM BẨM SINH – MAMMAKA

11/ NGƯỜI PHI HẢO LẠC ATULA – VINIPĀTIKĀSURA: là hạng Atula sống dọc theo núi non, rừng rậm, sông ngòi, có thân hình quái dị, không khác gì loài Ngạ quỷ.

**NGƯỜI VÔ TƯỞNG ĐƯỢC XẾP VÔ NGƯỜI
LẠC VÔ NHÂN VÌ 2 NGUYÊN NHÂN**

1/ Không có tâm tục sinh nhưng có sắc mạng quyền

2/ Bậc chứng đắc Ngũ thiền sắc giới nhưng chán nản tâm thức cho rằng: vì có tâm thức mới có khổ nên họ nguyện kiếp sau đừng có tâm thức, do thiền lực nên sau khi mạng chung tái sinh về cõi vô tưởng

BUỔI 86 – 03.07.2020 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1137397323306751>

**3. NGƯỜI NHỊ NHÂN
DAVIHETUKA PUGGALA
hoặc DUHETUKA PUGGALA**

♣ **TÂM TỤC SINH:** 1 trong 4 **TÂM QUẢ DỤC GIỚI LY TRÍ** chỉ có 2 nhân Vô tham Vô sân đồng sanh
* Có thân đầy đủ không bị khuyết tật bẩm sinh không khác gì người Tam nhân
* Không thể đắc thiền hay Đạo quả vì không có nhân Vô si làm nền lúc tục sanh

♣ **TRÚ XỬ:** có mặt trong 7 Cõi vui dục giới (*cõi người và 6 cõi trời dục giới*)

**TRONG ĐỜI SỐNG
 BÌNH NHẬT:**

* **TÂM:** có 41 tâm, gồm
+ 12 **TÂM BẤT THIỆN**
+ 17 **TÂM VÔ NHÂN** (Trừ Ưng cúng vi tiểu)
+ 8 **TÂM THIỆN DGTH**
+ 4 **TÂM QUẢ DGTH LY TRÍ**

* **TÂM SỞ:** có 52 Tâm sở
+ 13 **TÂM SỞ TỢ THA**
+ 14 **TÂM SỞ BẤT THIỆN**
+ 25 **TÂM SỞ TỊNH HẢO**

♣ **NGƯỜI KHỔ, NGƯỜI LẠC, NGƯỜI NHỊ NHÂN** gọi là **PHẠM PHU VÔ PHẦN ABHABBA PUTHUJJANA** tức là những hạng người này không có phần đắc Đạo quả

**4. NGƯỜI TAM NHÂN
TIHETUKAPUGGALA**

Là người tục sinh bằng Tâm Quả Tam nhân

♣ **13 TÂM TỤC SINH TAM NHÂN:**
+ 4 **TÂM QUẢ THIỆN DGTH HỢP TRÍ**
+ 9 **TÂM QUẢ ĐÁO ĐẠI**
- **NGƯỜI DỤC GIỚI:** có 4 Tâm Đại quả Dục giới hợp trí
- **NGƯỜI SẮC GIỚI:** 5 Tâm Quả Sắc giới
- **NGƯỜI VÔ SẮC GIỚI:** 4 Tâm Quả Vô Sắc giới

♣ Người Tam nhân có khả năng chứng đắc thiền, Đạo quả ngay trong kiếp sống hiện tiền

TRONG ĐỜI SỐNG BÌNH

NHẬT: tính theo Người –
Cõi, có 3:

1/ NGƯỜI CÔI DỤC GIỚI:

♣ **TÂM:** có 45 Tâm, gồm

+ 12 **TÂM BẤT THIỆN**

+ 17 **TÂM VÔ NHÂN** (trừ Ưng cúng vi tiểu vì là tâm của vị Alahan)

+ 8 **TÂM THIỆN DGTH** + 8 **TÂM QUẢ THIỆN DGTH**

+ nếu đắc thiên cộng thêm

(Ghi nhớ: thời bình nhật của người dục giới nên không có 9 Tâm Quả Đáo đại, Tâm quả đáo đại chỉ có mặt trong cõi Sắc giới, Vô sắc giới. 9 Tâm Thiện Đáo đại nếu đắc thiên thì cộng thêm vô)

♣ **TÂM SỞ:** có 52 Tâm sở

13 **TÂM SỞ TỢ THA** + 14 **TÂM SỞ BẤT THIỆN** + 25 **TÂM SỞ TỊNH HẢO**

2/ NGƯỜI CÔI SẮC GIỚI HỮU TƯỚNG: là người Cõi Sắc giới có **TÂM**

♣ **TÂM:** có 30 Tâm, gồm

+ 1 **Tâm Quả Sắc giới** (làm việc Tục sinh)

+ 10 **TÂM BẤT THIỆN** (trừ 2 sân - vì cõi thiên không có tâm sân, tuy nhiên khi tái sanh lại Cõi dục giới thì vẫn có tâm sân)

+ 2 **TÂM NHÃN THỨC** + 2 **TÂM NHỊ THỨC**

+ 2 **TÂM TIẾP THẬU** + 3 **TÂM QUAN SÁT**

+ **KHÁN NGŨ MÔN** (mở cửa cho Nhãn, Nhĩ)

+ **KHÁN Ý MÔN**

+ 8 **TÂM ĐẠI THIỆN DGTH**

+ nếu đắc thiên cộng thêm

(Ghi chú: Không có Tâm đại quả thiện vì Tâm này chỉ ở cõi Dục giới làm việc Tục sinh, na cảnh)

♣ **TÂM SỞ:** có 48 Tâm sở

+ 13 **TÂM SỞ TỢ THA** + 10 **TÂM SỞ BẤT THIỆN** (trừ 4 Sân phần)

+ 25 **TÂM SỞ TỊNH HẢO**

3/ NGƯỜI CÔI VÔ SẮC:

♣ **TÂM:** có 20 Tâm, gồm

+ 1 (trong 4) **Tâm Quả Vô Sắc** (làm việc Tục sinh)

+ 10 **TÂM BẤT THIỆN** (trừ 2 sân)

+ **KHÁN Ý MÔN**

+ 8 **TÂM ĐẠI THIỆN DGTH**

+ nếu đắc thiên cộng thêm

(Ghi chú: không có Khán ngũ môn vì do hết thân nên không còn. Không có 8 Tâm Đại Quả thiện vì Tâm này chỉ ở cõi Dục giới)

♣ **TÂM SỞ:** có 48 Tâm sở

+ 13 **TÂM SỞ TỢ THA** + 10 **TÂM SỞ BẤT THIỆN** (trừ 4 Sân phần)

+ 25 **TÂM SỞ TỊNH HẢO**

♣ **NGƯỜI KHÔNG VÔ BIÊN XỨ:** có thể chứng 4 thiên vô sắc (20 + 4 = 24)

♣ **NGƯỜI THỨC VÔ BIÊN XỨ** : có thể chứng 3 thiên vô sắc (20 + 3 = 23)

♣ **NGƯỜI VÔ SỞ HỮU XỨ** : có thể chứng 2 thiên vô sắc (20 + 2 = 22)

♣ **NGƯỜI PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ:** có thể chứng 1 thiên vô sắc (20 + 1 = 21)

☉ **CÔI CAO KHÔNG CHỨNG (ĐẮC) TRỞ LẠI THIÊN THẤP HƠN**

GHI CHÚ: Người đắc thiên Sắc - Vô sắc nhưng bị hoại thiên không lấy lại được, mà Tử thì không sanh về được cõi Sắc - Vô sắc

5. NGƯỜI ĐẠO NHẬP LƯU - SƠ ĐẠO SOTĀPATTIMAGGAPUGGALA

- + Người ĐANG sát trừ 3 kiết sử phiền não: Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ
- + Chứng ngộ Niết bàn lần đầu tiên, được tính ngay sát na Tâm đạo đang sanh với 3 sát na tiểu (sanh, trụ, diệt)

- * **TÂM SỞ:** diệt trừ 2 tâm sở Tà kiến, Hoài nghi
- * **TÂM:** diệt trừ 5 tâm bất thiện gồm: 4 tâm tham hợp tà (2 hỷ, 2 xả) và Tâm Si Hoài nghi

◇ ĐOẠN CHỦNG SANH:

- Đoạn tuyệt chủng tử sanh về 4 khổ cảnh (Súc sanh, Ngạ quỷ, Atula, Địa ngục)
- Đoạn trừ sự trở lại Cõi Vui Dục giới lần thứ 8

6. NGƯỜI QUẢ NHẬP LƯU - SƠ QUẢ SOTĀPATTIPHALAPUGGALA

+ Là bậc ĐÃ chứng đắc Đạo Nhập lưu, người mà thành tựu khi trạng thái tâm Đắc đạo sanh lên lần đầu tiên

+ Bậc này được gọi là Sơ Quả, Quả Dự lưu, Tu đà hườn quả.

+ Người Sơ quả là bậc được tính từ Tâm Sơ quả phát sanh lần thứ 1 cho đến sát na diệt của Tâm Dũ Tịnh sanh (tiến bậc - vodānacitta) trong lộ đắc Nhị đạo.

7. NGƯỜI ĐẠO NHẤT LAI, NHỊ ĐẠO SAKADĀGĀMIMAGGAPUGGALA

+ Là Bậc chỉ trở lại cõi nhân loại hoặc cõi chư thiên 1 lần mà thôi, vì ĐANG diệt chủng tử đời thứ 2 Cõi Vui Dục giới

+ Tâm đạo này sanh khởi lần thứ 2 sau khi đã chứng Sơ quả (lần thứ 2 chứng ngộ được Niết bàn)

+ Làm nhẹ thêm 2 phiền não kế: Tham dục và Sân, đồng thời làm suy yếu thêm lần nữa các phiền não bất thiện còn lại (Sân, Tật, Lận, Hối..)

+ Trong lộ đắc Nhị đạo, Tâm Nhị đạo đang sanh trong 3 sát na tiểu (sinh, trụ, diệt)

8. NGƯỜI QUẢ NHẤT LAI - NHỊ QUẢ SAKADĀGĀMIPHALAPUGGALA

+ Bậc Thánh thứ 2 được tính từ khi Tâm Nhị quả phát sanh lần thứ 1 cho đến sát na diệt của Tâm Dũ tịnh sanh trong lộ đặc Tam đạo

+ Bậc Nhị quả là người ĐÃ chứng đắc Nhị đạo. Bậc này gọi là Quả Nhất lai bởi vì chỉ sanh lại cõi vui dục giới 1 LẦN mà thôi (1 kiếp Nhân loại hoặc 1 kiếp Chư thiên)

9. NGƯỜI ĐẠO BẤT LAI - TAM ĐẠO ANĀGĀMIMAGGAPUGGALA

+ Là Bậc Thánh ĐANG SÁT TRỪ hay ĐANG ĐOẠN TẬN 2 phiền não Tham dục và Sân mà người Nhị quả đã làm giảm nhẹ trước đây.

+ Người Tam đạo đặc trong 3 sát na tiểu

+ Đoạn tận chủng tử tái tục Cõi Dục giới

+ Nếu không đặc tiếp Tứ đạo, Tứ quả và cũng không có đắc thiên thì vị ấy sau khi Tử sẽ tái tục sanh về Cõi Sơ thiên do thích hợp và phù hợp cơ tánh Bậc Bất Lai đạo, hết phiền não Sân đặng sanh về Cõi Vô sân (Sắc giới).

+ Nếu vị này có thiên thì tùy theo Bậc mà sanh về cõi thiên đó như: Sơ, Nhị, Tam, Tứ, Ngũ thiên, đồng thời vị này đang làm giảm thêm nữa các pháp bất thiện còn lại

10. NGƯỜI QUẢ BẤT LAI - TAM QUẢ ANĀGĀMIPHALAPUGGALA

+ Là bậc Thánh thành tựu từ Tam đạo bất lai hay gọi là người Tam quả

+ Người Tam quả, Thánh A na hàm được tính từ khi Tâm Tam quả phát sanh lần thứ 1 cho đến sát na diệt của Tâm Dũ tịnh sanh trong lộ đặc Tứ đạo

+ Người Quả Bất lai là người ĐÃ chứng đắc Tam đạo

+ Nếu không đặc tiếp Alahan Đạo, Quả thì sẽ sanh về các cõi tùy theo trường hợp như sau:

Thánh Tam quả không thiên sanh về Cõi Sơ thiên. Nếu đắc từ Nhị, Tam và Tứ thiên thì sẽ sanh về các cõi tương ứng

Đắc Ngũ thiên: dựa trên 5 QUYỀN để làm căn nguyên tái tục về cõi Thánh cư (Ngũ tịnh cư)

TÍN QUYỀN mạnh thì tái tục cõi VÔ PHIÊN THIÊN

TÂN QUYỀN mạnh thì tái tục cõi VÔ NHIỆT THIÊN

NIỆM QUYỀN mạnh thì tái tục cõi THIỆN KIẾN THIÊN

ĐỊNH QUYỀN mạnh thì tái tục cõi THIỆN HIỆN THIÊN

TUỆ QUYỀN mạnh thì tái tục cõi SẮC CỨU CẢNH THIÊN

11. NGƯỜI ĐẠO VÔ SANH - TỨ ĐẠO ARAHATTAMAGGAPUGGALA

+ Là người ĐANG TUYỆT TRỪ tất cả chủng tử tái tục (vô sanh)

+ Bậc thánh ĐANG ĐOẠN TẬN các phiền não còn lại như: Ái sắc, Ái Vô sắc, Ngã mạn, Phóng dật và Vô minh (5 thượng phần kiết sử) (5 hạ phần kiết sử đã diệt trừ từ bậc Tam quả)

+ Bậc thánh ĐANG TỔ NGỘ Niết bàn lần thứ 4, ĐANG chấm dứt và bẻ gãy bánh xe sanh tử luân hồi, chủng tử luân hồi, đoạn trừ Tam luân (cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc), diệt tận tất cả Pháp Bất thiện còn lại.

☞ NGƯỜI TỨ ĐẠO TÂM TỨ ĐẠO CHỈ PHÁT SANH 1 LẦN TRONG 3 SÁT NA TIỂU (sanh, trụ, diệt)

12. NGƯỜI QUẢ VÔ SANH - TỨ QUẢ ARAHATTAPHALAPUGGALA

+ Là bậc từ khi tâm Tứ quả phát sanh lần thứ nhất cho đến sát na diệt của tâm Tử, Niết bàn.

+ Bậc thánh này là VÔ SANH, tức là sau cái sát na diệt của tâm Tử Bậc đó sẽ Niết bàn luôn và không còn sanh lại nữa

+ Bậc thánh Quả Vô sanh có 3 cách:

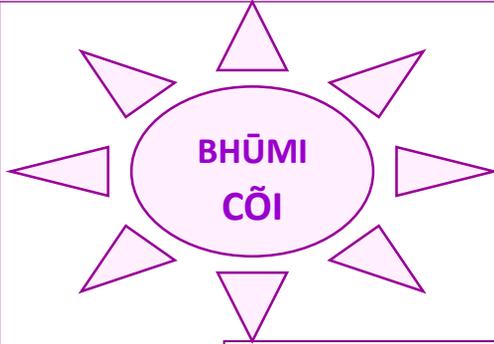
1/ BẤT SANH: nghĩa là không có sự sanh ra, tức không có sự tái tục nữa như vô sanh

2/ ỨNG CỨNG (ƯNG CỨNG): ám chỉ hết phiền não hoàn toàn, đáng làm ruộng phước cho chúng sanh ưng chịu cúng dường

3/ SÁT TẶC: tức là sát trừ và đoạn tuyệt hết giặc phiền não

♣ TÂM MÀ HỢP VỚI ĐẠO ĐỂ VÔ SANH (BÁT CHÁNH ĐẠO THÀNH TỰU) GỌI LÀ TÂM ĐẠO VÔ SANH

♣ THÀNH TỰU TỪ TÂM ĐẠO VÔ SANH GỌI LÀ TÂM QUẢ VÔ SANH



↪ **Tattha apāyabhūmi, kāmasugatibhūmi, rūpāvacara - bhūmi, arūpāvacarabhūmi cāti catasso bhūmiyo nāma.**

Bốn cảnh giới sinh tồn là:

1. Cảnh bất hạnh
2. Cảnh hữu phúc của Dục Giới
3. Cảnh Sắc Giới
4. Cảnh Vô Sắc Giới

Tāsu Nirayo, Tiracchānayoṇi, Pettivisayo, Asurakāyo cāti apāyabhūmi catubbidhā hoti.

Trong bốn cảnh giới sinh tồn này, **Cảnh bất hạnh có bốn là:**

- + Cảnh Khổ (địa ngục)
- + Cảnh Thú (bàng sanh)
- + Cảnh Ngạ quỷ
- + Cảnh Atula

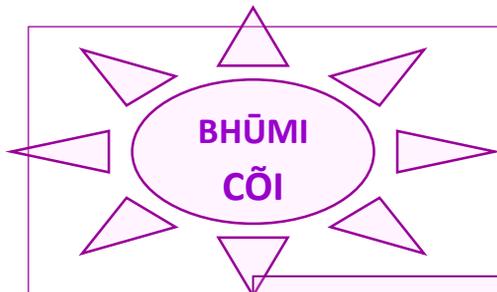
Manussā, Cātummahārājikā, Tāvatisā, Yāmā, Tusitā, Nimmāṇarati, Paranimmitavasavattī cāti Kāmasugati bhūmi sattavidhā hoti.

Cảnh hữu phúc của Dục Giới có bảy là:

- + cảnh người,
- + cảnh Tứ Đại Thiên
- + cảnh Tam Thập Tam Thiên
- + cảnh Dạ Ma Thiên
- + cảnh Đẩu Xuất Đà Thiên
- + cảnh Hoá Lạc Thiên
- + cảnh Tha Hóa Tự Tại Thiên.

Sā panāyam ekādasavidhāpi kāmāvacara-bhūmicceva saṅkham gacchati.

Mười một cảnh sinh tồn này hợp thành Dục Giới.



BHŪMI CŌI

↻ **Brahmapārisajjā, Brahmapurohitā, Mahābrahmā cāti paṭhamajjhānabhūmi.**

↻ **Parittābhā, Appamāṇābhā, Ābhassarā cāti dutiyajjhānabhūmi.**

↻ **Parittasubhā, Appamāṇasubhā, Subhakiṇṇā cāti tatiyajjhānabhūmi.**

↻ **Vehapphalā, Asaññasattā, Suddhāvāsā cāti catutthajjhānabhūmīti Rūpāvacarabhūmi soḷasa-vidhā hoti.**

Avihā, Atappā, Suddassī, Suddassā Akanitthā cāti Suddhāvāsabhūmi pañcavidhā hoti.

Cảnh Sắc Giới có mười sáu là:

1. Cảnh Sơ Thiên, tức Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên, và Đại Phạm Thiên
2. Cảnh Nhị Thiên, tức Thiệu Quang Thiên, Vô Lượng Quang Thiên, và Quang Âm Thiên
3. Cảnh Tam Thiên, tức Thiên Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên, Biển Tịnh Thiên
4. Cảnh Tứ Thiên, tức Quảng Quả Thiên, Vô Tướng Thiên, và Phước Sanh Thiên.

Cảnh Phước Sanh Thiên chia làm năm phần là: Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiệt Hiện Thiên, Thiệt Kiến Thiên, Sắc Cứu Cánh Thiên.

Ākāsānañcāyatanabhūmi, Viññāṇañcāyatanabhūmi, Ākiñcaññāyatanabhūmi, N'evasaññā Nāsaññā- yatanabhūmi cāti Arūpabhūmi catubbidhā hoti.

Cảnh Vô Sắc Giới có bốn là:

1. Không Vô Biên Xứ Thiên;
2. Thức Vô Biên Xứ Thiên;
3. Vô Sở Hữu Xứ Thiên;
4. Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên.

Puthujjanā na labbhanti suddhāvāsesu sabbathā.

Sotāpannā ca sakadāgāmino cāpi puggalā.

Ariyā nopalabbhanti asaññāpāyabhūmisu.

Sesaṭṭhānesu labbhanti Ariyānariyā pi ca.

Trong mọi trường hợp, các bậc Nhất Lai, Dự Lưu và hạng phàm nhân không tái sinh vào cảnh Phước Sanh Thiên (Suddhāsā), cũng gọi là Ngũ Tịnh Cư.

Idamettha Bhūmi - Catukkaṃ.

Trên đây là BỐN CẢNH GIỚI SINH TỒN.

SƠ ĐỒ CỐI

I/ CỐI KHỔ - APĀYABHŪMI
Có 4:

1. ĐỊA NGỤC

2. BÀNG SANH

3. NGẠ QUỶ

4. ATULA

II/ CỐI VUI DỤC GIỚI - KĀMASUGATI
cối vui nào có sự tương hợp, cấu hữu với dục ái, được gọi là Cối Vui Dục Giới. Có 7:

1/ CỐI NGƯỜI – MANUSSABHŪMI

a/ **JAMBŪDĪPA** - NAM THIÊN BỘ CHÂU

b/ **UTTARAKURUDĪPA** - BẮC CẦU LƯU CHÂU

c/ **PUBBAVIDEHADĪPA** - ĐÔNG THẮNG THẦN CHÂU

d/ **APARAGOYANADĪPA** - TÂY NGŨU HÓA CHÂU

2/ CĀTUMMAHĀRĀJKA - TỬ ĐẠ THIÊN VƯƠNG

3/ TĀVATĪMSA - ĐAO LỢI, HAY TAM THẬP TAM THIÊN

4/ YĀMA - DẠ MA

5/ TUSITA - ĐẤU XUẤT ĐÀ

6/ NIMMĀṆARATI - HOÁ LẠC THIÊN

7/ PARANIMMITAVASAVATTI - THA HÓA TỰ TẠI

III/ CỐI SẮC GIỚI RŪPAVACARABHŪMI
nơi mà các vị phạm thiên sắc giới nương trú, sinh sống

NHÓM 1: CỐI SƠ THIÊN
Có 3 cối

1/ CỐI PHẠM CHÚNG THIÊN - **BRAHMAPĀRISAJJBHŪMI**

2/ CỐI PHẠM PHỤ THIÊN **BRAHMAPUROHITABHŪMI**

3/ CỐI ĐẠI PHẠM THIÊN - **MAHĀBRAHMĀBHŪMI**

NHÓM 2: CỐI NHỊ THIÊN
Có 3 cối

1/ CỐI THIẾU QUANG THIÊN - **PARITTĀBHĀ BHŪMI**

2/ CỐI VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN - **APPAMĀṆASUBHĀBHŪMI**

3/ CỐI QUANG ÂM THIÊN - **ĀBHASSARĀ BHŪMI**

NHÓM 3: CỐI TAM THIÊN
Có 3 cối

1/ CỐI THIẾU TỊNH THIÊN - **PARITASUBHĀBHŪMI**

2/ CỐI VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN - **APPAMĀṆASUBHĀBHŪMI**

3/ CỐI BIẾN TỊNH THIÊN - **SUBHAKIṆṆĀBHŪMI**

NHÓM 4: CỐI TỨ THIÊN
Có 7 cối

1/ CỐI QUẢNG QUẢ - **VEHAPPHALABHŪMI**

2/ CỐI VÔ TƯỚNG - **ASAÑÑASATTABHŪMI**

3/ 5 CỐI TỊNH CƯ THIÊN:

a. CỐI VÔ PHIÊN THIÊN - **AVIHĀBHŪMI**

b. CỐI VÔ NHIỆT THIÊN - **ATAPPĀBHŪMI**

c. CỐI THIÊN KIẾN THIÊN - **SUDASSĀBHŪMI**

d. CỐI THIÊN HIỆN THIÊN - **SUDASSĪBHŪMI**

e. CỐI SẮC CỨU CÁNH THIÊN - **AKANIṬṬHĀBHŪMI**

IV/ CỐI VÔ SẮC - ARŪPABHŪMI
là 1 nơi hoàn toàn không có Sắc, Vật chất hay bất kỳ dạng hình thể nào.
Có 4 Cối:

1/ Ākāsañcāyatanassa bhūmi = **ĀKĀSĀNAÑCĀYATANABHŪMI**.
Cối của Thiên Không vô biên, gọi là **cối KHÔNG VÔ BIÊN XỨ**

2/ Viññāṇañcāyatanassa bhūmi = **VIÑÑĀNAÑCĀYATANABHŪMI**
Cối của Thiên Thức vô biên, gọi là **cối THỨC VÔ BIÊN XỨ**

3/ Ākiñcaññāyatanassa bhūmi = **ĀKIÑCAÑÑĀYATANABHŪMI**.
Cối của Thiên Vô sở hữu, gọi là **cối VÔ SỞ HỮU XỨ**

4/ Nevasaññānāsaññāyatanassa bhūmi = **NEVASAÑÑĀNĀSAÑÑĀYATANABHŪMI**
Cối của Thiên Phi tưởng phi phi tưởng, gọi là **cối PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG XỨ**

**I/ CỐI KHỔ -
APĀYABHŪMI**

Bhūmi: cõi, nơi chúng
sinh sinh sống

Apāya: bất hạnh, đau khổ

Có 4 cõi:

1/ Địa ngục – NIRAYO: là nơi sự an vui hạnh
phúc không có

2/ Bàn sanh – TIRACCHĀNA: loài đi lừng
nằm ngang, thú, phi cầm ...

3/ Ngạ quỷ - PETA: loài không có hoặc xa là
tất cả sự hoan lạc vui vẻ

4/ Thần quỷ dữ - ASURĀ: những loài không
có sự tiến hóa, thiếu tự do

↳ Chúng sinh sống trong 4 cõi này tuy có tâm
Thiện khởi lên nhưng rất khó.

**I/ CỐI ĐỊA NGỤC
NIRAYABHŪMI**

Căn từ: + Ni: không có / + Aya: an lạc
Niraya: là nơi chúng sinh sống hoàn
toàn không có sự an lạc hạnh phúc,
luôn bị sự khổ thiếu đốt, tra tấn thân
tâm do ác nghiệp trong quá khứ

Cối Địa ngục: có 3 hạng

**a/ Hạng tội nhân
- ĀGUCĀRĪ:** ác
nghiệp, phạm tội
sinh vào địa ngục

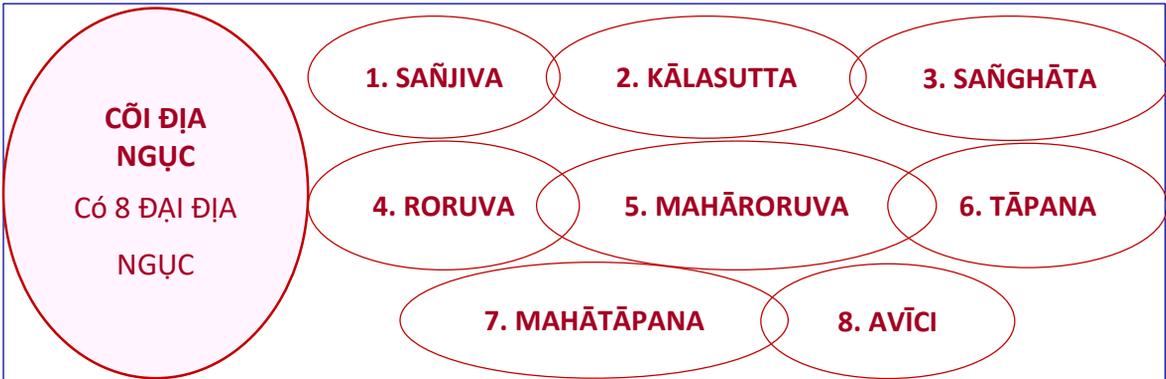
b/ Hạng quỷ sứ - NIRĀYAPĀLA: đây là
những chúng sinh **không phải sinh ra
tại cảnh giới địa ngục** vì tâm tục sinh
của họ không phải là tâm Quan sát thọ
xả quả bất thiện vô nhân mà là **Quả của
Tâm Đại thiện thấp.**

Hạng chúng sinh này là Chư thiên tùy
chúng của Tứ đại thiên vương, là những
La sát – RAKHASA

Trong Địa ngục có những con Kên kên,
Quạ, Diều hâu ... có thân hình kỳ dị chứ
trong Địa ngục không có súc sinh.

**c/ Diêm vương –
YAMARĀJA:**

chính là Vua của
hạng Ngạ quỷ
VEMĀNIKA, khi
thì sống an lạc
như Chư thiên
cõi 33, khi thì
phải chịu khổ
trong cảnh giới
Địa ngục



VỊ TRÍ: nằm sâu trong lòng địa cầu

KHOẢNG CÁCH: mỗi Đại địa ngục cách nhau 1500 do tuần (Yojana) nằm chồng lên nhau theo thứ tự

1 do tuần = 13 miles = 20km
 1500 do tuần x 13 miles = 19.500 miles
 1500 do tuần x 20km = 30.000km

Mỗi ĐẠI ĐỊA NGỤC có 4 CỬA

8 Đại địa ngục x 4 cửa = 32 CỬA

Trong mỗi cửa có 4 HẦM ĐỊA NGỤC

32 cửa x 4 hầm = 128 HẦM ĐỊA NGỤC

Trong mỗi cửa có 1 VỊ ĐIỂM VƯƠNG cai quản

32 cửa x 1 vị = 32 VỊ ĐIỂM VƯƠNG

Mỗi ĐẠI ĐỊA NGỤC có 16 TIỂU ĐỊA NGỤC gọi là ĐA KHỔ ĐỊA NGỤC USSADA

TIỂU ĐỊA NGỤC có 5 tầng

1. GŪTHA - Xú phần địa ngục

2. KUKAKAḶA - Nhiệt khí địa ngục

3. SIPALĪVANA - Rừng gòn gai địa ngục

4. ASIPATTAVANA - Rừng lá kiếm địa ngục

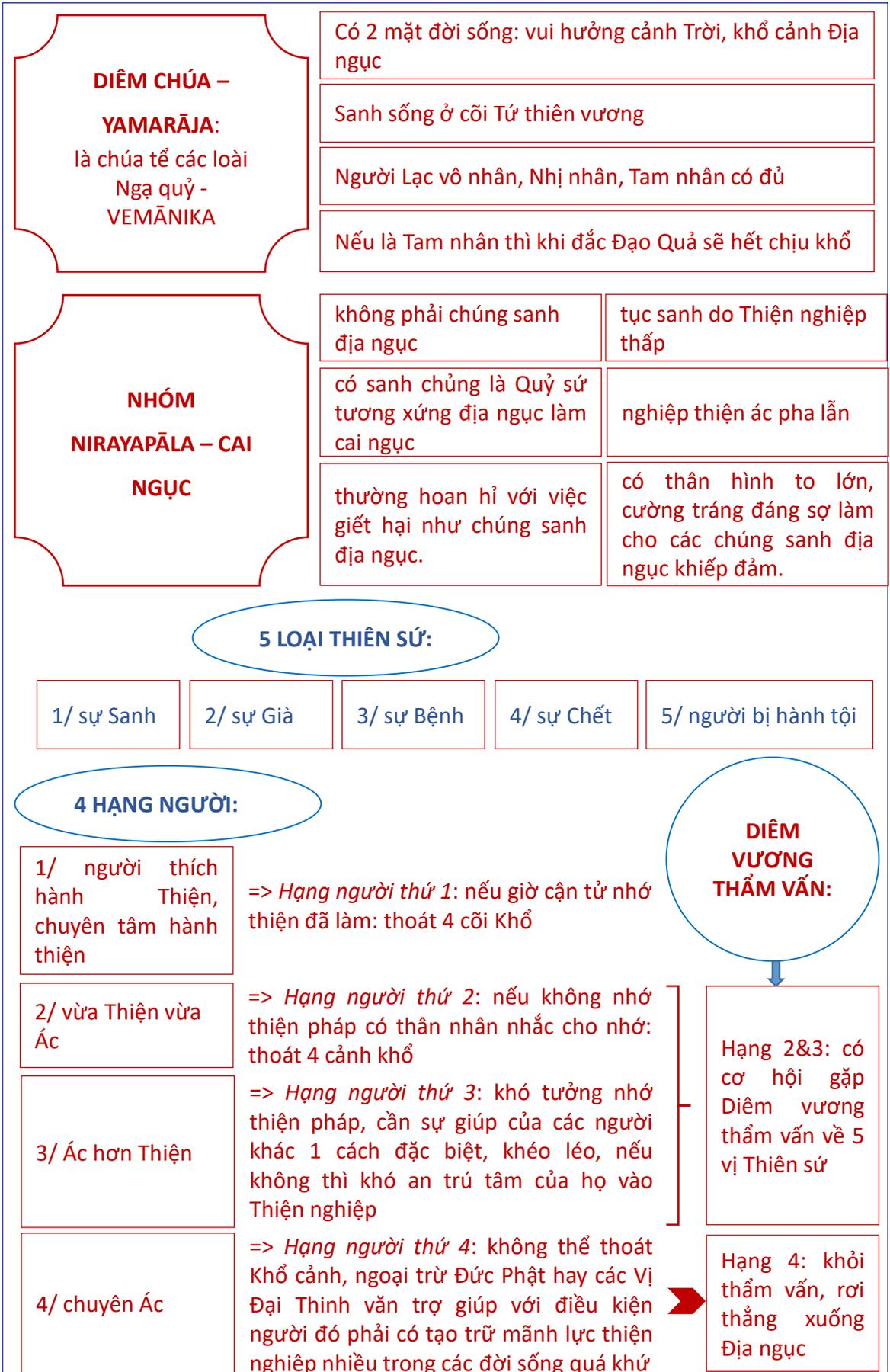
5. VETTARAÑĪ - Nước kiềm địa ngục (Nước mặn có mây gai)

Mỗi TIỂU ĐỊA NGỤC có

4 hướng x 5 tầng = 20 hướng

16 Tiểu địa ngục x 8 Đại địa ngục = 128 TIỂU ĐỊA NGỤC

VỊ TRÍ 5 HẦM TIỂU ĐỊA NGỤC: là các Hầm Địa Ngục Nhỏ, nằm cùng nơi với các Đại địa ngục, cũng có nơi nằm theo Rừng núi, Đại dương, sông Hằng, các Châu nhỏ và các Vùng hoang đảo



8 ĐẠI ĐỊA NGỤC
- MAHĀNIRAYA

1/ SĀNJĪVANARAKA - ĐẰNG HOẠT ĐỊA NGỤC: bị hành hình chết đi sống lại rồi bị hành hình tiếp

3/ SAṄGHĀTANARAKA - ĐỊA NGỤC CHÚNG HIỆP: chúng sanh bị hòn núi to bằng sắt (tiết sơn) được nung đỏ lên đè dập người đó, lún sâu xuống đất

5/ MAHĀRORUVANARAKA (Jālaroruva) - ĐẠI KHIẾU HOÁ ĐỊA NGỤC: tất cả các cửa địa ngục được bao phủ bởi lửa bao trùm chúng sanh để thiêu đốt

7/ MAHĀTĀPANANARAKA (Patāpana) - ĐẠI VIÊM NHIỆT ĐỊA NGỤC: có cột to như núi bằng sắt đốt cháy nung đỏ và bắt chúng sanh ôm cột này tuột cột sắt đang nung đỏ này

2/ KĀLASUTTA - HẮC THẰNG ĐỊA NGỤC: bị quỷ sứ đánh đập bằng roi màu đen, các loại hung khí bén nhọn để hành hình, tra tấn chúng sanh

4/ RORUVANARAKA - KHIẾU HOÁ ĐỊA NGỤC: những chúng sanh bị ngạt thở do xông khói

6/ TĀPANANARAKA (Cūlatāpana) - TIỂU VIÊM NHIỆT ĐỊA NGỤC: ngã quỷ dùng cọc sắt đốt đỏ để tra tấn, thiêu đốt chúng sanh

8/ AVĀCINARAKA - VÔ GIÁN ĐỊA NGỤC: nơi này chúng sanh đông, đứng chật khít, và lửa cháy liên tục không ngừng, chúng sanh không thể chạy đi đâu được. Những người phạm tội nặng nề, ngũ nghịch đại tội sanh xuống đây

2/ CỖI BÀNG SANH – TIRACCHĀNABHŪMI
+ Có 2 loại: Thô và Tế
+ Có 4 loại khác nhau
Cả 4 loài sống trên bờ và dưới nước, thì dưới nước nhiều hơn

TRÚ XỨ: có mặt khắp nơi trừ các Cõi Trời

TÂM TỤC SINH: Tâm Quan sát thọ xả quả Bất thiện vô nhân

TÂM THỜI BÌNH NHẬT: có 37 tâm (12 tâm Bất thiện, 17 Tâm vô nhân trừ sinh tiểu, 8 thiện Dục giới Hữu nhân)

Loại 1: DVIPADATIRACCHĀNA
loại Bàn sanh có hai chân như chim, công, gà...

Loại 2: CATUPPADATIRACCHĀNA
là loại có 4 chân như trâu, bò, ngựa, chó ...

Loại 3 : BAHUPPĀDATIRACCHĀNA
là loại có nhiều chân như rít, cuốn chiếu ...

Loại 4 : APADATIRACCHĀNA
loại bàn sanh không chân như rắn, trùn, cá...

🦋 **Không thể đắc chứng Thiên hay Đạo quả**

3/ CỘI NGẠ QUỶ - PETTIVISAYABHŪMI

Petā: do cách ly sự an lạc, sống đói khát khổ sở

Peta: Ngạ quỷ, dạ xoa, loài sống không hề có hạnh phúc, sống thành từng đoàn

TRÚ XỨ: Ngạ quỷ không có chỗ nương tựa riêng cho nên Ngạ quỷ có chỗ ở cùng khắp như theo rừng, theo núi, vực thẳm, đảo, biển – đại dương, nghĩa địa. Có loài Ngạ quỷ sống nương theo núi như Núi GIJJHAKŪTA, không phải chỉ là đói khát mà thôi, chúng còn phải chịu khổ thọ như những chúng sanh địa ngục

Ngạ quỷ cũng là những ma đói, cô hồn, khuất mày khuất mặt

Có giống thuộc hạ đẳng hay cao cấp

+ **Giống cao cấp** có thể biến hóa muôn hình vạn trạng

+ **Giống hạ đẳng** không thể tự biến hóa nhiều dạng được nhưng chúng có thể hiện nguyên hình cho người khác thấy rồi đổi màu xanh, vàng, trắng, đen ...

HÌNH PHẠT



4/ CỘI ATULA - ASURABHŪMI

Thuộc hoá sanh, đời sống bình nhật luôn trong bất hạnh và không có trú xứ nhất định

Có 3 loại Atula

Loại 1 - DEVA ASURA : **ATULA CHƯ THIÊN**

=> Tục sinh bằng tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân, tối đa nhị nhân

Có 6 nhóm

a/ Vepacitti

b/ Subali

c/ Rāhu

d/ Pahāra

e/ Sambaratī

a, b, c, d, e/
Atula Chư
thiên chuyên
chống đối Chư
thiên cõi đạo
lợi

Trú ngụ dưới
chân núi Tudi

f/ Vinipātika: Atula đọa lạc được xem là atula Chư thiên và được xếp vào thiên chúng Tứ đại thiên vương, chúng sống phiêu bạt khắp nơi, núi rừng, cây cối, trong cõi người

Loại 2 - PETTI ASURA :

ATULA NGẠ QUỶ

Có 3 nhóm

Nhóm 1: Ngạ quỷ - KĀLAKANCIKAPETA

Nhóm 2: Khổ ngày đêm vui - VEMĀNIKAPETA

Nhóm 3: Loài hung dữ, luôn mang vũ khí chiến đấu - AVUDHIKAPETA

Loại 3 - NIRAYA ASURA

ATULA ĐỊA NGỤC

Chúng ở Không gian địa ngục (LOKANTARIKA), nơi tiếp giáp giữa 3 vũ trụ có khoảng không gian bao la nhưng đen tối mù mịt, trong đó có một vùng nước rất lạnh, tội nhân nào rơi xuống là bị tan biến ngay.

Chúng sanh ở đây luôn đi chống ngược đầu như con dơi đu trên cây hay bám trên tường. Chúng bám theo bức tường vũ trụ mà đi (ngoài vũ trụ có bức tường sắt). Vì quá đói khát nên khi đi đụng nhau chúng tưởng đối tượng trước mặt có đồ ăn nên cấu xé lẫn nhau thế rồi rơi xuống nước cực lạnh tan biến mất.

ATULA cũng là một dạng Ngạ quỷ nhưng có nhiều khác biệt nhiều điểm nên được gọi là ASURAKĀYA (atula bộ chúng)

II/ CỠ VUI DỤC GIỚI – KĀMASUGATI

Căn SU + GATI: thiện thú, trú xứ tái sanh tốt đẹp và nhiều may mắn

Kāmacaharitā sugati = Kāmasugati:

CỠ VUI NÀO CÓ SỰ TƯƠNG HỢP, CÂU HỮU VỚI DỤC ÁI, ĐƯỢC GỌI LÀ CỠ VUI DỤC GIỚI

Liên hệ đến: Sắc ái, Thinh ái, Khí ái, Vị ái, Xúc ái, Pháp ái

CÓ 7 CỠ:

NHÂN
GIỚI

TỨ ĐẠI
THIÊN
VƯƠNG

ĐẠO LỢI
THIÊN

DẠ MA
THIÊN

ĐẤU XUẤT
(ĐẤU XUẤT)
THIÊN

HÓA LẠC
THIÊN

THA HÓA
TỰ TẠI
THIÊN

A/ CỠ NGƯỜI – MANUSSABHŪMI

Manussannaṃ etesanti = Manussā:

các chúng sanh được gọi là người, do có tâm sáng chói và dững cảm

Phân loại: có 4 hạng người sống theo 4 châu

**4
CỠ**

1/ JAMBŪDĪPA - NAM THIÊN BỘ CHÂU

2/ UTTARAKURUDĪPA - BẮC CÂU LƯU CHÂU

3/ PUBBAVIDEHADĪPA - ĐÔNG THẮNG THẦN CHÂU

4/ APARAGOYANADĪPA - TÂY NGƯU HÓA CHÂU

1/ NGƯỜI NAM THIỆN BỘ CHÂU – JAMBŪDĪPA

+ Là người đang sống
thuộc nhân loại như
chúng ta
+ JAMBŪD: cây dâm
bụt có rất nhiều ở Ấn
độ thời xưa

Cõi này kém hơn 3 cõi kia vì dân chúng phải làm lụng vất vả hơn, có nhiều sự khổ hơn, nhưng dễ tu hơn và có Chư Phật ra đời.

Tâm của Người Nam Thiện Bộ Châu khác với tâm của người trong 3 châu kia vì có sự dũng cảm sáng chói phần thiện và dữ dằn phần ác

+ **Về phần thiện:** có khả năng tu tiến thành Bạc Chánh Đẳng Giác, Độc Giác, Thượng Thủ Thịnh Văn, Đại Thịnh Văn, Thường Thịnh Văn, Chuyển Luân Vương, Được Chứng thiền, Được Thắng trí thông

+ **Về phần ác:** giết Cha, giết Mẹ, giết Alahan, làm chảy máu Phật, chia rẽ Tăng

Vào thời sơ kiếp, người ta chọn ra một vị Vua tài đức có tên là Manu chính là Đức Bồ tát và sau đổi danh là Mahāsammata. Vua Manu là Vị vua đầu tiên trên địa cầu này.

TUỔI THỌ: bất định tùy theo đức hạnh, cao tột là 1 A tăng kỳ tuổi, đức độ giảm thì tuổi thọ giảm đến 10 tuổi.

TRÚ XỨ: hướng Nam núi Sineru (núi Tudi)

2/ NGƯỜI BẮC CÂU LƯU CHÂU – UTTARAKURUDĪPA

Giữ gìn 5 giới 1 cách
tự nhiên, cho nên khi
mệnh chung thường
tái sinh về Thiên giới

Gatipi nibbattā mato saggeyeva nibbattanti: khi người Bắc câu lưu châu mệnh chung sẽ tái sinh Thiên giới là điều chắc chắn, nhưng lúc mạng chung ở Thiên giới họ có thể sanh về khổ cảnh hoặc bất luận 1 cõi nào cũng có

+ 3 đặc điểm thù thắng của Người Bắc câu lưu châu so với Người Nam thiện bộ châu và Chư thiên Đạo lợi:
a/ Không chấp vàng bạc là của ta
b/ Không luyến tiếc hoặc chấp rằng là con, vợ, chồng của ta
c/ Có tuổi thọ đến 1.000 năm tuổi

+ **VỀ ĐỊA HÌNH (ĐẤT ĐAI):** có dạng hình vuông, do vậy người có khuôn mặt cũng hình vuông

+ Là xứ giàu có, sung sướng nhất trong 4 châu nên khó tu và không có Phật xuất thế

3/ NGƯỜI ĐÔNG THẮNG THẦN CHÂU – PUBBAVIDEHADĪPA

TUỔI THỌ: có 700 năm tuổi

Có khuôn mặt tròn vì địa hình cũng tròn

Người thích đấu tranh, cạnh tranh mua bán

4/ NGƯỜI TÂY NGƯU HÓA CHÂU - APARAGOYANADĪPA

TUỔI THỌ: có 500 năm tuổi

Có gương mặt hình nửa vầng trăng vì địa hình cũng vậy

Trâu bò sanh sản nhiều, thay thế tiền tệ để trao đổi mua bán hàng hóa

TRÚ XỨ: vui vẻ, giàu có, hoan lạc, người đông đúc

TRÚ XỨ CỦA CẢ 4 NHÂN LOẠI: nhân loại nương sống trên mặt địa cầu nằm theo 4 hướng của núi Tudi

Núi Tudi nằm giữa 4 châu, ở giữa 4 hướng, phạm vi còn lại tức là trừ ra 4 châu lớn cùng 2000 châu nhỏ ra, chỉ toàn là nước mà thôi gọi là Đại hải

Mỗi Đại châu có 500 châu nhỏ, tổng cộng là 2000 tiểu châu.

Người trong các Tiểu châu có tuổi thọ tăng giảm tùy theo Đại châu đó

BUỔI 89 - 24.07.2020 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/280172019753068>

B/ CÕI DỤC GIỚI THIÊN

Kāmacahacaritā sugati = Kāmasugati: Cõi vui dục giới, Cõi nhàn cảnh câu hữu với dục ái.

Pañcāhi kāmegūṇehi dibbanti kiṇṭṭīti = Deva, Chư Thiên

Người hưởng thụ với 5 dục Trưởng dưỡng, gọi là Deva.

**DEVA
có 3
loại**

1/ SAMMUTIDEVA (CHẾ ĐỊNH CHƯ THIÊN):

Là Đức vua, Hoàng hậu, Thái tử, công chúa.

2/ UPPATTIDEVA:

là tất cả Chư Thiên và Phạm Thiên.

3/ VISUDDHIDEVA (TỊNH CHƯ THIÊN)

là các bậc A-La-Hán.

UPPATTIDEVA

Chư thiên trong 6 cõi
trời Dục giới

6 CỖI TRỜI DỤC GIỚI:

1/ CĀTUMMAHĀRĀJIKĀ
TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG

2/ TĀVATĪMSA
ĐAO LỢI, HAY TAM THẬP
TAM THIÊN

3/ YĀMA
DẠ MA

4/ TUSITA
ĐẤU XUẤT ĐÀ

5/ NIMMĀRATI
HOÁ LẠC THIÊN

6/ PARANIMMITAVASAVATTI
THA HÓA TỰ TẠI

24.07.2021 – ZOOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/NNKVTheravada/videos/928405304728137>

I/ CĀTUMMAHĀRĀJIKĀ

TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG

Là tên được lấy từ 4 vị
Thiên vương

+ **TUỔI THỌ:** 500 năm cõi trời
1 ngày cõi trời = 50 năm cõi người
365 ngày cõi trời x 50 năm cõi người = 18.250 năm
cõi người
500 năm cõi trời x 18.250 năm cõi người = **9.125.000**
cõi người

+ Có 4 vị Trời cai trị thiên chúng

+ **VỊ TRÍ:** nằm phần giữa núi Sineru (Tudi), cách xa
nhân loại 42.000 do tuần
1 do tuần = 13 miles = 20km
42.000 do tuần x 20km = 840.000km
42.000 do tuần x 13miles = 546.000 miles

THIÊN VƯƠNG 1: DHATARATTHA

TRÌ QUỐC THIÊN VƯƠNG: Cai quản nhóm Càn thất bà –
gandhabba, đóng đô ở triền núi phía đông của Tudi sơn

THIÊN VƯƠNG 2: VIRŪLHAKA

TĂNG TRƯỞNG THIÊN VƯƠNG: Cai quản nhóm Đại
phúc thiên Kumbhanda, Chư thiên bụng to, đóng đô ở
triền núi phía Nam của Tudi sơn

THIÊN VƯƠNG 3: VIRŪPAKKHA

QUẢN MỤC THIÊN VƯƠNG: cai quản loài Rồng, đóng
đô ở triền núi phía Tây của Tudi sơn

THIÊN VƯƠNG 4: KUVERA HAY VESSAVANA

ĐA VĂN THIÊN VƯƠNG: cai quản nhóm Dạ xoa
(Yakkha), đóng đô ở triền núi phía Bắc của Tudi sơn

4 VỊ THIÊN
VƯƠNG CÒN CÓ
BỐN PHẬN
TRÔNG COI, BẢO
VỆ CỖI NHÂN
LOẠI (HỘ THỂ
ĐẠI VƯƠNG –
CATULOKABĀLA
và còn nhiều cái
tên khác)

**CÁC VỊ
THIÊN
DƯỚI
QUYỀN 4
VỊ THIÊN
VƯƠNG**

1/ Pabbataṭṭhadevatā: sơn thần, sống trên núi

2/ Ākāsaṭṭhadevatā: sống trên hư không

3/ Khiḍḍāpadosikadevatā: chư thiên mê dục lạc quên ăn rồi chết

4/ Manopadosikadevatā: chư thiên do sự sân hận đến chỗ chết

5/ Sīvalāhakadevatā: Hàn tiết Thiên, chuyên làm khí trời trở nên lạnh, mát, mưa

6/ Uṇhavaḥakadevatā: Nhiệt tiết Thiên, làm cho nóng, ấm

7/ Candimadevaputtadevatā: sống trong mặt Trăng với thiên chúng

8/ Suriyadevaputtadevatā: sống trong mặt Trời cùng thiên chúng

(dựa theo chú giải sammohavino dani atthakathā)

**TỨ THIÊN
VƯƠNG**
Có 3 nhóm
Thiên nhân

1/ BHUMMAṬṬHADEVATĀ: Chư Thiên ở địa cầu: vị thiên sống trên mặt đất (**ĐỊA CƯ THIÊN**) như: núi non, sông ngòi, nhà cửa, đền tháp, đình miếu, lòng đất hay dưới biển. Không có lâu đài riêng...

2/ RUKKHAṬṬHADEVATĀ: sống trên cây (**THỌ CƯ THIÊN**) có 2 loại: 1 có cung điện trên cây, 1 cũng sống trên cây nhưng không có cung điện riêng.

3/ ĀKĀSATAṬṬHADEVATĀ: sống trong hư không (**KHÔNG CƯ THIÊN**): đều có cung điện riêng. Các chư thiên này sống trên các tinh tú, mặt trăng, mặt trời.. lâu đài được cấu tạo bằng các vật quý như: vàng, bạc, bảo châu.. tùy phước, và luôn di chuyển quanh núi Tudi (các vị này do phước sanh)

Á THẦN

thuộc giới hạ đẳng thiên,
có tính tình hung bạo

Có 4 nhóm:

Nhóm 1: YAKKHO, YAKKHINĪ – Dạ xoa nam, Dạ xoa nữ. Có 2 loại:
a/ có dung sắc thù thắng, chói sáng, có tên là Devayakkha – thiên thần dạ xoa
b/ hình dạng hung tợn, xấu xí, có tên là Tiracchānayakkha – bàng sanh dạ xoa, dạng quỷ sứ luôn muốn hành hạ chúng sanh, hóa hiện quỷ sứ xuống địa ngục trừng trị tội nhân, khi muốn ăn thịt chúng biến thành quạ hay chó khổng lồ



Á THẦN

Nhóm 2: GANDHABBO, GANDHABBĪ - Càn thác bà Nam, Càn thác bà Nữ

Chư thiên sống dựa cây cối có hương, đời sống gắn liền với cây mà họ cư ngụ

Ai đốn cây đem về làm nhà, bàn, tủ... thì họ sẽ đi theo không chịu bỏ đi

Hiện hình xui khiến cho bị tai ương, hoạn nạn ...

Có 10 loại: Càn-thát-bà hay Hương mộc thần, các vị này còn được gọi là Kaṭṭhayakkha (Mộc Dạ-xoa).

- | | |
|-----------------------|---------------------------------------|
| 1/ Mūlagandhabba: | Càn Thát Bà sinh trong rễ cây. |
| 2/ Kandagandhabba: | Càn Thát Bà sinh trong gốc cây. |
| 3/ Sāragandhabba: | Càn Thát Bà sinh trong lõi cây. |
| 4/ Pheggugandhabba: | Càn Thát Bà sinh trong giác cây. |
| 5/ Tacagandhabba: | Càn Thát Bà sinh trong vỏ cây. |
| 6/ Papatikagandhabba: | Càn Thát Bà sinh trong vỏ ngoài. |
| 7/ Saragandhabba: | Càn Thát Bà sinh trong nước thơm. |
| 8/ Dannagandhabba: | Càn Thát Bà sinh trong lá cây. |
| 9/ Pupphagandhabba: | Càn Thát Bà sinh trong hoa, bông. |
| 10/ Phalagandhabba: | Càn Thát Bà sinh trong quả, trái cây. |

➤ Loại Càn Thát bà khác với 10 loại trên là Rukkhaṭṭhadevatā: loài thiên nhân sống trên cây tuy cả hai đều sống trên cây nhưng khi cây bị đốn thì các Thọ cư thiên này bỏ đi qua cây khác, còn Càn-thát-bà trên thì cứ đi theo khúc gỗ ấy.

➤ Một số Gandhabba kiếp trước là nữ nhân kém phước sanh làm Gandhabba thích dựa vào thân phụ nữ, trực tiếp sanh thẳng vào thân phụ nữ rồi sống luôn, có tên là Yoginī. Dân gian hay gọi là quỷ, ma ám.

Có 2 trường hợp dựa:

a/ Nương gá ngay từ trong bụng mẹ

b/ Khi người nữ trưởng thành

Người bị dựa có thể sai khiến Yoginī này đi quấy phá những ai mà họ ghét nhưng cũng phải có cơ hội thích hợp

Ban đêm thân người bị dựa có tỏa ra ánh sáng khi đến ngày trăng tròn, rồi giữa khuya rời nhà đi tìm vật thực ăn (do gandhabba xui khiến) có tên riêng là Junhā.



Á THẦN

☉ **Nhóm 3: KUMBHAṆḌADEVATĀ: La Sát – RAKKHASA:** là ác thần bụng to, mắt lồi, tròng mắt đỏ

- + TRÚ XỨ: có 2 chỗ là cõi người và địa ngục
- + PHẬN SỰ: trông coi gìn giữ núi rừng, ao hồ, sông ngòi, bảo châu, đền tháp cùng các loại cây có hoa thơm và hương mộc
- + Có Mani cực quý ở dưới đáy núi Vepulla thuộc thành Rājagaha, ai vào khu vực này sẽ bị ăn thịt.
- + La sát dưới địa ngục biến thành kên kên, chó dữ ...

☉ **Nhóm 4: NĀGO, NĀGĪ: Rồng đực, Rồng cái.** Có 2 chủng loại:

a/ Vasunadhara

b/ Bhummadeva

- + TRÚ XỨ: trong lòng đất hay dưới đáy núi được gọi là Pathavīdevatā.
- + Khi sống dưới lòng đất, chúng đùa giỡn làm cho mặt đất rung chuyển
- + Chúng cũng thích đi chơi trên mặt đất hóa thành dáng cạp, sư tử hay chó ... nhưng đôi khi chúng vẫn giữ nguyên tướng Rồng
- + Chúng cũng thích hành hạ chúng sanh như Dạ xoa để thỏa mãn dã tánh, chúng xuống địa ngục hóa thành quỷ sứ, chó dữ, kên kên để hành tội nạn nhân

KẾT: CÔI TỨ THIÊN VƯƠNG CÓ 4 VỊ THIÊN VƯƠNG

CÁC VỊ THẦN ...

DẠ XOA

CÀN THÁC BÀ

LA SÁT

☉ Tứ Thiên Vương đóng vai trò lãnh đạo, cai quản các vị thần không để cho quấy phá, sống phóng túng gây hại người khác

☉ Nhớ tưởng niệm đến các vị Tứ Thiên Vương sẽ được bình an và được hộ trì

BUỔI 90 - 31.07.2020 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/2552693095041914>

**II/ CÔI ĐẠO LỢI
(CÔI TAM THẬP TAM
THIÊN)
TĀVATIṂSABHŪMI**

Tettimsati = 33 Te = Tāva
/ bỏ bớt chữ T =
Tāvatiṃsa

Là cảnh giới được thiết
lập sớm nhất trong thế
giới

NGUYÊN NHÂN: Sau khi thế giới bị tiêu hoại trở thành hư không, một trận mưa thật lớn nước lấp đầy khoảng hư không này

THỜI GIAN: lúc đầu nước trong suốt, qua thời gian lâu sau nước mưa từ từ phát sanh cặn bụi, trở nên đậm đặc và đông lại thành khối, rất lâu sau trở thành một tầng núi chính là Núi Tudi

VỊ TRÍ: cõi Đạo lợi nằm ngay trên đỉnh núi Tudi

HÌNH DẠNG: đỉnh núi có hình tròn, ngay giữa là thành phố Sudassana, mặt bằng được cấu tạo bằng 7 báu, ở giữa kinh thành Sudassana có tòa lâu đài tên là Vejayanta tức là cung điện riêng của Vua trời Đế Thích

HOA VIÊN: có 2 hồ sen trong mỗi hướng (cả 4 hướng mỗi hướng có 2 hồ sen), trong vườn hoa có cây Paricchatta, dưới gốc cây có 1 bàn thạch tên là Pandukambala (dùng để cho Đế Thích hoặc các nhân vật đặc biệt ngồi). **NƠI ĐÂY CHÍNH LÀ NƠI ĐỨC PHẬT THUYẾT VI DIỆU PHÁP.**

THÍNH ĐƯỜNG: có 1 thính đường tên là Sudhamma + 1 ngôi tháp ngọc bích tên Culamani, trong tháp có tôn trí chiếc răng nhọn bên phải của Đức Phật và phần tóc mà Ngài cắt bỏ khi xuất gia

4 HƯỚNG TRIỂN NÚI: Đông bằng Bạc, Tây bằng Pha lê, Nam bằng Ngọc bích, Bắc bằng Vàng
+ Nam thiện Bộ châu (là cõi người) ở hướng Nam nên bị ảnh hưởng màu xanh bích
+ Cõi Đạo lợi là tầng trời thứ 2
+ Có 33 vị Thiên chủ, đứng đầu là Vua trời Đế Thích Sakka

Có Pali chú giải:

+ **SAKKAÑCA DĀNAṂ DADĀTĪTI = SAKKO:** Gọi vua Trời Đế Thích bởi hạnh đứng đầu là bố thí với Tâm cung kính.

+ **ASURE JETUṂ SAKKUNĀTĪTI = SAKKO:** Gọi vua trời Đế Thích do bởi năng lực và khả năng chiến thắng Atula dữ (Asura).

+ **TETTIMSĀJANĀNIBBATTANTI ETTHĀTI = TETTIMSĀ:** Cõi mà có 33 vị sanh lên làm vua, nên gọi là Tam Thập Tam Thiên (Đạo Lợi Thiên) là cõi trời 33 vị vua, tục gọi là cõi Ngọc Hoàng Thượng Đế.

II/ CÕI ĐAO LỢI
(CÕI TAM THẬP TAM
THIÊN)
TĀVATIṂSABHŪMI

Tettimsati = 33 Te = Tāva
 / bỏ bớt chữ T =
 Tāvatiṃsa

Là cảnh giới được thiết
 lập sớm nhất trong thế
 giới

Từ câu chuyện: Xưa có 1 khu làng Maggalagāma, nhóm người 33 chàng thanh niên cùng xây dựng nhóm để cùng tạo phước, có anh trưởng nhóm tên Mākha, cả nhóm tạo ra con đường tốt đẹp trong khuôn viên làng, xây nhà, giúp mọi người ... để mọi người được hưởng an lạc thoải mái. Có cất 1 sālā giữa ngã tư đường để người lỡ đường có nơi trú ngụ, giúp đỡ mọi người. Do nguyên nhân đó nên khi chết 33 người này sanh về cõi trời Đao lợi, vị trưởng nhóm sanh làm Vua trời Đế Thích, 32 người kia thành những vị thiên chủ đại uy lực

* **THIÊN NAM:** có dung sắc như thanh niên 20 tuổi

* **THIÊN NỮ:** như gái 16 tuổi

- ☞ Không có tình trạng lão hóa
- ☞ Không bao giờ bị khổ bệnh
- ☞ Thực phẩm thật tinh khiết nên không có vấn đề bài tiết
- ☞ Thiên nữ không có kinh nguyệt, không thai bào
- ☞ Riêng Địa cư thiên ở Địa cầu hay cõi Tứ thiên vương, có 1 số vị giống như người tức là giống như nữ ở nhân loại, cũng có kinh nguyệt, thai nghén
- ☞ Thiên nữ sanh lên ở Đao lợi xuất hiện nơi phòng ngủ vị trời nào thì là vợ của vị đó
- ☞ Thiên nam – Thiên nữ vẫn có yêu đương
- ☞ Một số Nam chư thiên có đến 500 – 700 – 1000 Thiên nữ xinh đẹp làm vợ (Túc hạnh thê)

ĐẶC BIỆT:

- + Chư thiên cõi thấp không thấy được Chư thiên cõi cao
- + Cảnh sắc toàn cảnh đẹp, khả ái khả hỷ
- + Trang phục, trang sức đều là Tịnh sắc, chí đến thân thể cũng là Thiên sắc
- + Thân thơm phức không hề có mùi uế trược
- + Các cảnh khả ái trong cõi Tam thập tam như cảnh khả ái trong vườn Nanda là cảnh tuyệt diệu hơn cả các cảnh đẹp khác

II/ CÕI ĐAO LỢI
(CÕI TAM THẬP TAM THIÊN)
TĀVATIṂSABHŪMI

Tettimsati = 33 Te = Tāva
/ bỏ bớt chữ T =
Tāvatiṃsa

Là cảnh giới được thiết lập sớm nhất trong thế giới

RƯỢU TRỜI:

trong vườn CITTALATĀ có dây leo tên là ĀSĀVATĪ 1000 năm ở cõi Tam thập tam mới có trái 1 lần, bên trong là nước gọi là Thiên thủy hay rượu trời của cõi Tam thập tam. Vị thiên nào uống nước ấy sẽ khiến cho say sưa, thần lực của loại nước ấy làm cho ngủ suốt thời gian 4 tháng mới hết say

KHOẢNG CÁCH:

cõi Tam Thập Tam cách cõi Tứ Thiên Vương 42.000 do tuần, cách cõi Người 84.000 do tuần. TỪ CÕI NÀY TRỞ LÊN (CÕI TRỜI ĐAO LỢI) TOÀN LÀ HƯ KHÔNG.

CÓ 2 HẠNG CHƯ THIÊN:

- 1/ **Địa cư thiên - Bhummaṭṭhadevatā:** là những vị chư thiên có thiên cung trên mặt đất, Đức Đế thích và 32 vị trời sống ở đây
- 2/ **Không cư thiên - Ākāsaṭṭhadevatā:** là những vị Chư thiên có thiên cung lơ lửng trên khoảng hư không, giữa đỉnh núi Tudi (Suneru) với núi Cakkavala

Còn rất nhiều Tòa thiên cung bỏ trống

TUỔI THỌ: 1000 năm tuổi

- 1 ngày đêm = 100 năm cõi nhân loại
- 365 ngày x 100 năm cõi nhân loại = 36.500 năm cõi nhân loại
- 1000 năm x 36.500 năm cõi nhân loại = 36.500.000 năm cõi nhân loại

Người muốn trở thành Đế thích phải hội đủ 7 pháp:

- 1/ Nuôi dưỡng cha mẹ.
- 2/ Tôn kính bậc Trưởng thượng trong gia tộc.
- 3/ Nói lời cam ngôn, dịu ngọt.
- 4/ Không nói lời đâm thọc.
- 5/ Không bôn xén.
- 6/ Có sự chân thật.
- 7/ Chế ngự được tâm sân hận.

III/ CỘI DẠ MA –

YĀMĀBHŪMI

+ Căn từ Yam: tiêu diệt

YĀMĀ: cội tiêu diệt sự nóng bức, khó chịu, không có sự áp bức, nóng nảy khó lãnh chịu

TRÚ XỨ: của những người sống với hạnh lành với tâm mát mẻ

CHỖ Ở: của những Chư thiên đã xả ly sự khổ, đã đến thiên lạc

Thuộc tầng trời thứ 3

VỊ CHÚA CỘI NÀY: có tên là Suyāma hay Yāma, do vậy cội ấy được gọi là Yāma

VỊ TRÍ: Cội YĀMA nằm trong hư không Ākāsaṭṭhadevatā

Không có nhóm Địa cư thiên Bhummaṭṭhadevatā

CHU VI: trải ra rộng bằng bức tường Cakkavāla và thiên cung của các Chư thiên ở cội này đầy khắp

THIÊN CUNG, THIÊN SẢN, THIÊN SẮC THÂN CỦA CHƯ THIÊN CỘI NÀY: vi tế hơn Chư thiên cội Tam thập tam và tuổi thọ cũng lâu hơn nhiều

TUỔI THỌ: 2000 năm tuổi

+ 1 ngày đêm ở cội này = 200 năm cõi người

+ 365 ngày x 200 năm cõi người = 73.000 năm cõi người

+ 2000 năm tuổi x 73.000 năm cõi người = 146.000.000 năm cõi người

IV/ CỘI ĐẤU SUẤT –

TUSITABHŪMI

Gọi là cội Đấu suất vì các Thiên nhân cội này thường có sự hoan hỷ và tươi vui

Cội xa lia nhiệt nã, là nơi nương của các Vị trời thọ hưởng quả phúc, nhất là quả phúc của Ba la mật Pārāmī

VỊ TRÍ: Cội Đấu suất này cách xa Cội Dạ ma 42.000 do tuần

Chư thiên sống trong hoan hỷ, tươi vui, thù thắng ở cội này

Chư vị Bồ tát trước khi hạ sanh về Nhân giới để tu thành tựu Chánh giác

Bồ tát sẽ trở thành Phật Độc giác, Bích chi Phật Paccekabodhisatta

Đức Bồ tát Di lạc Mettaya đang ở cội trời này

Bồ tát Thượng thủ tinh văn cũng ở cội này

THIÊN VƯƠNG: có tên là Santusiya

THIÊN CUNG, THIÊN SẢN, THIÊN SẮC THÂN CỦA CHƯ THIÊN CỘI NÀY: cũng vi tế hơn Chư thiên Cội Dạ ma và tuổi thọ cũng dài hơn nhiều

TUỔI THỌ: 4000 năm tuổi

+ 1 ngày đêm ở cội này = 400 năm cõi người

+ 365 ngày x 400 năm cõi người = 146.000 năm cõi người

+ 4000 năm tuổi x 146.000 năm cõi người = 584.000.000 năm cõi người

V/ CÔI HÓA LẠC THIÊN NIMMĀNARATIBHŪMI

Nimmānaratīnaṃ nivāsā =
Nimmānaratī: cõi của Chư
thiên thọ hưởng ngũ dục mà
tự mình hóa tạo. Do vậy cõi
ấy gọi là Cõi hóa lạc thiên

☸ CÔI HÓA LẠC VÀ CÔI THA HÓA TỰ TẠI THÌ KHÔNG CÓ TÌNH NHÂN

Thiên nam hay Thiên nữ trong cõi này khi nào muốn dục
thì tự hóa hiện ra tình nhân

Từ CÔI TỨ THIÊN VƯƠNG, TAM THẬP TAM, DẠ MA, ĐẤU
XUẤT: cả 4 cõi này tất cả Chư thiên đều có tình nhân

Sự vi tế xinh đẹp của Thiên cung và sắc thân của Chư
thiên cõi này thì thù thắng hơn Chư thiên cõi Đâu xuất,
tuổi thọ cũng dài hơn

TUỔI THỌ: 8000 năm tuổi
+ 1 ngày đêm ở cõi này = 800 năm cõi người
+ 365 ngày x 800 năm cõi người = 292.000 năm cõi
người
+ 8000 năm tuổi x 292.000 năm cõi người =
2.336.000.000 năm cõi người

VI/ CÔI THA HÓA TỰ TẠI -

PARANIMMITAVASAVATTI

Paranimmitavasavattīnaṃ
nivāsā =
Paranimmitavasavatti: cõi
của Chư thiên hưởng ngũ
dục từ nơi Chư thiên khác
hóa tạo cho, do vậy nơi ấy
gọi là Tha hóa tự tại

Chư thiên trong cõi này không có tình nhân riêng của
mình, giống cõi Hóa lạc thiên

Cõi này là trú xứ của Ma vương Māra

SỰ XINH ĐẸP, SỰ THÙ DIỆU CỦA THIÊN CUNG, THIÊN
SẢN, THIÊN SẮC THÂN: cũng vi tế hơn Chư thiên cõi Hóa
lạc thiên, và tuổi thọ cũng lâu hơn

TUỔI THỌ: 16.000 năm tuổi
1 ngày đêm ở cõi này = 1.600 năm cõi người
365 ngày x 1.600 năm cõi người = 584.000 năm cõi
người
16.000 năm tuổi x 584.000 năm cõi người =
9.344.000.000 năm cõi người

ĐIỀU CẦN BIẾT:

- + Các vị Thiên hưởng dục lạc thanh nhã hơn cõi người
- + Không bệnh
- + Hết tuổi thọ sanh tâm buồn bực rồi chết
- + Chết liền biến mất tại chỗ
- + Khi sanh có thân hình trẻ như thiếu niên 16 tuổi
- + Không hề bị lão hóa, da nhăn, tóc bạc
- + Người cai quản cả 6 cõi trời
- + Vị có đại quyền lực thù thắng hơn tất cả Chư thiên trong 6 cõi trời
Dục giới là Thiên tử Vasavattī Māra ở Cõi Tha hóa tự tại
- + Thiên tử Māra là vị tà Chư thiên, không có tâm tịnh tín với Phật
giáo, thường gây trở ngại cho Đấng Chánh Đẳng Giác
- + Phật giáo Cõi trời có nhiều Bạc Thánh
- + Cõi Trời không có những vị xuất gia

BUỔI 92 – 14.08.2020 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/984360448695028>

III/ CÕI SẮC GIỚI - RŪPAVACARA-BHŪMI

- + BHŪMI: xuất nguyên từ căn bhū: nơi có chúng sanh sinh sống
- + RŪPA: Sắc giới
- + AVACARA: cái gì thường hiện hữu, lui tới, có mặt.
- + RŪPAVACARA-BHŪMI: nơi mà các vị Phạm thiên sắc giới nương trú, sinh sống

+ Trú xứ của các vị chứng Thiên Sắc giới tái sinh về

+ Cõi Phạm thiên hữu sắc

+ Nơi chốn để các tâm quả Sắc giới sanh lên

+ BRAHMA: là vị có đức tánh hay pháp tánh cao, ưu việt, được gọi là Phạm thiên

LUẬN VỀ CÕI SẮC GIỚI

Có 16 cõi chia làm 4 nhóm theo các tầng thiên

NHÓM 1:
CÕI SƠ THIÊN
CÓ 3 CÕI:

1/ CÕI PHẠM CHÚNG THIÊN - BRAHMAPĀRISAJJABHŪMI

Parisati bhavā = Pārijjā: các vị Thiên thuộc hạng đồ chúng, không có khả năng hay quyền lực đặc biệt.

Brahmānaṃ Pārisajjā = BrahmApārisajjā: Phạm Chúng Thiên, đồ chúng, tùy tùng của Đại Phạm Thiên.

2/ CÕI PHẠM PHỤ THIÊN - BRAHMAPUROHITABHŪMI

Purohitā: cố vấn, chức vị là người dẫn dắt, chỉ dẫn trong mọi công việc.

Brahmapurohitā: Hạng Phạm Thiên làm cố vấn cho Đại Phạm Thiên, gọi là Phạm Phụ Thiên.

3/ CÕI ĐẠI PHẠM THIÊN - MAHĀBRAHMĀBHŪMI.

Mahanto brahmā = Mahābrahmā: Đại Phạm Thiên, vị Phạm thiên tối thắng hơn 2 loại Phạm Thiên.

Đại Phạm thiên có 3 hạng là:

- Đại Phạm Thiên có hào quang phát ra xa 1000 Cakkavāḷa (vũ trụ), mỹ danh là SAHASSABRAHMA.
- Đại Phạm Thiên có hào quang phát ra xa 2000 Cakkavāḷa, gọi là DVISAHASSABRAHMA.
- Đại Phạm Thiên có hào quang phát ra xa 3000 Cakkavāḷa, gọi là TISAHASSABRAHMA

NHÓM 1:
CỖI SƠ THIÊN
CÓ 3 CỖI:

☸ **TRÚ XỨ:** nằm trên hư không có 3 khu vực riêng của mỗi cõi được cấu tạo bằng 7 báu và luôn sáng chói hào quang. Có đầy Đền đài, hồ sen, hoa viên ... Cách cõi Tha hóa tự tại 5.508.000 do tuần.

☸ Tầng Sơ thiên có 1 vị Phạm vương cai quản, chính vị này là Đại Phạm Thiên có mặt đầu tiên trên Cõi Sơ thiên, vào thời điểm vũ trụ này mới hình thành

☸ Các Phạm thiên sinh sau một số làm cổ vấn, một số làm Phạm chúng thiên

ĐỨC THỂ TÔN THUYẾT TRONG KINH BRAHMAJĀLA RẰNG:
"Khi thế gian bị diệt bằng lửa, bằng nước, bằng gió thì cõi Sơ-thiên này đều bị hủy hoại đi mỗi lần, và khi bắt đầu hình thành thế gian mới, trong cõi Sơ-thiên cũng có một vị Đại Phạm Thiên sinh lên trước, còn Phạm Phụ Thiên và Phạm Chúng Thiên, hai hạng này sinh đến sau"

SỰ KHÁC BIỆT CỦA CÁC PHẠM THIÊN

a/ Vị nào phát triển Sơ Thiên ở mức độ vừa đủ, sau khi chết tái sinh vào cảnh Phạm Thiên đầu tiên (Phạm Chúng Thiên)

b/ Vị nào đã phát triển Sơ Thiên đến mức độ trung bình sẽ tái sinh vào cảnh thứ nhì (Phạm Phụ Thiên)

c/ Vị nào đã hoàn toàn vững vàng trong Sơ Thiên sẽ được tái sinh vào cảnh giới Đại Phạm Thiên, tầng thứ ba.

NHÓM 2:
CỖI NHỊ THIÊN
CÓ 3 CỖI:

1/ CỖI THIỂU QUANG THIÊN - PARITTĀBHĀ BHŪMI:

Phạm Thiên có hào quang ít hơn Phạm Thiên bậc trên, gọi là Thiếu Quang Thiên.

☸ **TRÚ XỨ** của những Phạm thiên có hào quang kém, gọi là "Thiếu quang thiên".

☸ **CHỨC VỤ:** Phạm chúng thiên.

2/ CỖI VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN - APPAMĀÑASUBHĀBHŪMI:

Phạm Thiên có hào quang Vô Lượng.

☸ **TRÚ XỨ** của những vị Phạm thiên có hào quang tỏa vô số khắp cùng, gọi là Vô lượng quang thiên."

☸ **CHỨC VỤ:** quan đại thần trong xứ "Nhị thiên" tức Phạm phụ Thiên.

NHÓM 2:
CÔI NHỊ THIÊN
CÓ 3 CÔI:

3/ CÔI QUANG ÂM THIÊN - ĀBHASSARĀ BHŪMI:

Những Phạm thiên có hào quang phóng tỏa ra từ thân rất xinh đẹp.

Tâm tư các vị này luôn tràn đầy hỷ lạc, trong sáng, thanh tịnh, nên tạo ra sắc tâm tinh khiết, chính do sắc tâm này làm duyên cho sắc thời tiết sinh lên rồi hiển lộ thành hào quang rất xinh đẹp.

☸ CHỨC VỤ: Đại Phạm Thiên.

☸ TRÚ XỨ các vị có hào quang phóng tỏa là Quang âm thiên.

+ Theo kinh KHỞI THỂ NHÂN BỔN - AGGAÑÑA SUTTANTA trong Trường bộ kinh, thủy tổ loài người chính là những vị Phạm thiên cõi Quang Âm này

TỤC SINH
3 CÔI
NHỊ
THIÊN

+ Các Phạm thiên ở tầng Nhị thiên tục sinh bằng: Tâm Quả Nhị thiên Sắc giới và Tâm Quả Tam thiên Sắc giới

+ Tục sinh bằng Tâm Quả Nhị thiên Sắc giới sanh: Thiếu Quang Thiên hoặc Vô lượng Quang thiên

+ Tục sinh bằng Tâm Quả Tam thiên Sắc giới sanh: Quang Âm Thiên

TUỔI
THỌ

+ Phạm thiên Thiếu Quang Thiên: 2 kiếp trái đất

+ Phạm thiên Vô lượng Quang Thiên: 4 kiếp trái đất

+ Phạm thiên Quang Âm Thiên: 8 kiếp trái đất

☸ GHI CHÚ:

- ☛ Sự hoại vũ trụ được ghi nhận là: 7 lần hoại do LỬA thì có 1 lần hoại do NƯỚC.
- ☛ Khi vũ trụ bị hoại do nước thì sẽ hủy diệt hết Cõi Nhị Thiên, do đó số lượng tuổi thọ của vị Phạm Thiên Quang Âm là 8 kiếp trái đất. Nhưng nếu các vị ấy sinh sau hơn thì tuổi thọ không đến 8 kiếp trái đất.

**NHÓM 3:
CỠ TAM THIÊN
CÓ 3 CỠ:**

1/ CỠ THIỂU TỊNH THIÊN - PARITASUBHĀBHŪMI
Phạm thiên có hào quang kém xinh đẹp nhất trong tầng Tam thiên
☸ TRÚ XỨ: những vị Phạm thiên có hào quang kém xinh đẹp trú xứ là Thiếu Quang Thiên
☸ CHỨC VỤ: Phạm Chúng Thiên

2/ CỠ VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN - APPAMĀNASUBHĀBHŪMI.
Là những Phạm thiên có hào quang vô cùng xinh đẹp, rực rỡ huy hoàng
☸ TRÚ XỨ: cõi sanh của các Vô Lượng Tịnh Thiên gọi là Vô Lượng Tịnh
☸ CHỨC VỤ: Phạm Phụ Thiên

3/ CỠ BIẾN TỊNH THIÊN - SUBHAKIṆṆĀBHŪMI
Là cõi của những vị Phạm thiên có hào quang rất xinh đẹp bọc quanh thân
SUBHA: xinh đẹp, lộng lẫy, hào quang như vàng sáng mặt Trăng, các tia đan vào nhau tạo thành vòng tròn tuyệt mỹ.
Như vậy, Phạm thiên có hào quang xinh đẹp biến mãn khắp thân gọi là Biến tịnh thiên
☸ TRÚ XỨ: cõi Biến Tịnh Thiên
☸ CHỨC VỤ: Đại Phạm Thiên

**NHÓM 4:
CỠ TỨ THIÊN
CÓ 7 CỠ:**

1/ CỠ QUẢNG QUẢ - VEHAPPHALABHŪMI: là trú xứ của các vị Phạm thiên có quả phước to lớn
✦ Vipulaṃ phalaṃ etesanti = vehapphalā: có quả phước rộng lớn gọi là Quảng Quả
✦ Vehapphalānaṃ nibbatīti = vehapphalā: trú xứ của Phạm thiên Quảng Quả gọi là Quảng Quả Thiên
☸ TÂM TỤC SINH: Quả Ngũ thiên Sắc giới Xả Thọ
☸ TUỔI THỌ: 500 đại kiếp trái đất

GHI CHÚ:
+ có cả Phạm nhân và Thánh nhân
+ cả 9 cõi (3 sơ thiên, 3 nhị thiên, 3 tam thiên) không được gọi là Quảng Quả vì 3 lý do:
a/ Khi thế gian này bị diệt bằng Lửa thì 3 cõi Sơ thiên bị hoại
b/ Khi thế gian này bị diệt bằng Nước thì 3 cõi Nhị thiên bị hoại
c/ Khi thế gian này bị diệt bằng Gió thì 3 cõi Tam thiên bị hoại
Tất cả Phạm thiên nương trú trong các cõi này đều phải mạng chung, Thiên cung và Thiên sản của các vị ấy cũng bị hủy diệt theo

NHÓM 4:
CỐI TỨ THIÊN
CÓ 7 CỐI:

♣ **ĐƯỢC ĐỊNH DANH LÀ QUẢNG QUẢ VÌ:**

- + Được thoát khỏi nạn hủy diệt do Lửa, Nước, Gió cho nên những vị Phạm thiên sinh trong cõi này dù sinh lên trong thời nào vẫn có Thọ lượng là 500 đại kiếp
- + Tâm Quả Ngũ thiên Xả Thọ được xem là thù thắng, bất động so với các tầng thiên khác

* **TÂM TỤC SINH 9 CỐI THIÊN:**

- + **3 cõi Sơ thiên:** do mãnh lực Thiện Sơ thiên cho Tâm quả tục sinh Sơ thiên sinh về cõi Sơ thiên
- + **3 cõi Nhị thiên:** do mãnh lực Thiện Nhị thiên và Tam thiên cho Tâm quả tục sinh Nhị quả và Tam quả Sắc giới sinh về Cõi Nhị thiên
- + **3 cõi Tam thiên:** do mãnh lực Thiện Tứ thiên cho Tâm quả tục sinh Tứ thiên sinh về cõi Tam thiên

☸ **TẤT CẢ TÂM QUẢ NÀY LÀ NHỮNG TÂM THIÊN TƯƠNG ỨNG HỖ THỌ**

BUỔI 94 – 28.08.2020 - ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/753556128549202>

2/ CỐI VÔ TƯỚNG - ASAÑÑASATTABHŪMI

Là trú xứ của các Phạm thiên không có tâm thức
Được gọi là chúng sinh mặc dù không có Tướng nhưng bởi vì có Sắc Mạng quyền, tục sinh bằng nhóm Sắc Mạng quyền (vật chất không có Sắc Mạng quyền)

- ☸ **TUỔI THỌ:** 500 kiếp trái đất. Do tác ý ly tham đối với Tâm thức, sau khi đạt Ngũ thiên nên tục sinh thành trời Vô tướng
- ☸ **TRÚ XỨ:** 2 cõi Tứ thiên này nằm giữa hư không cách cõi Tam thiên 5.508.000 do tuần

Phần nền của 2 Cối (cối Quảng Quả và Cối Vô tướng) này trong cùng một lãnh vực được hình thành bằng 7 báu đầy đủ với vườn hoa, ao hồ và cây kiểng (không thấy nói có Cung điện)

GHI CHÚ:

- + cả 2 loại Phạm thiên đều có tuổi thọ như nhau
- + Phạm thiên cõi Quảng Quả có thể nhìn thấy Phạm thiên Cối Vô tướng

NHÓM 4:
CỖI TỨ THIÊN
CÓ 7 CỖI:

3/ 5 CỖI TỊNH CƯ THIÊN

Suddhānaṃ anāgāmi arahantānameva āvāsāti = suddhavāsā:
trú xứ thanh tịnh của Bạc A na hàm, A La Hán gọi là Tịnh cư thiên

- + Cõi thuộc Phạm thiên chứng Ngũ thiên Sắc giới nhưng phải là bậc Thánh Tam quả trở lên
- + Cõi Ngũ Tịnh cư được xếp chồng lên từ thấp đến cao

CỖI NGŨ TỊNH CƯ

1/ CỖI VÔ PHIÊN THIÊN - AVIHĀBHŪMI

Appakena kālena attano tīhānaṃ na vijahantīti = Avihā: các Phạm thiên nào không rời bỏ trú xứ của mình dù chỉ trong khoảnh khắc, các Phạm thiên ấy gọi là Avihā (*không chết trước tuổi thọ mạng hoặc những thiên sản của những vị Phạm thiên này vẫn tròn đủ suốt thọ mạng, không hề thay đổi bất luận một loại nào*)

- ✦ Ở cõi Tịnh cư cao hơn, các Phạm thiên A na hàm không sống hết tuổi thọ có được nơi cõi ấy
- ✦ TỰC SANH: Vị thánh A na hàm có tín quyền mạnh - SADDHINDRIYA, chứng đạt ngũ thiên sắc giới sau khi mệnh chung tái sinh về cõi này

2/ CỖI VÔ NHIỆT THIÊN - ATAPPĀBHŪMI

Na tappantīti = atappā: Không có nóng bức, gọi là “Vô nhiệt”.

Vô nhiệt: không có sự nóng bức ở nội tâm, là do các Ngài thường xuyên nhập quả định – PHALASAMĀDHI, nên các phiền não trong nội tâm khó có cơ hội dấy lên, nội tâm của các Ngài luôn an tịnh, mát mẻ.

- ✦ TỰC SANH: vị thánh A na hàm có Tấn quyền mạnh – VIRIYINDRIYA, chứng đạt Ngũ thiên sắc giới sau khi mệnh chung tái sinh về cõi này
- ✦ TRÚ XỨ: ATAPPĀBHŪMI, vô nhiệt Trú xứ là chỗ sanh của các Phạm thiên không có sự nóng bức nơi tâm.

NHÓM 4:
CỖ TỨ THIÊN
CÓ 7 CỖ:

**3/ CỖ THIÊN KIẾN THIÊN -
SUDASSĀBHŪMI**

Thiên kiến: là thấy sanh tâm hoan hỷ, tức khi ai đó nhìn thấy vị Phạm thiên này đều sanh tâm hoan hỷ, an lạc, các Ngài có thân rất là xinh đẹp.

✦ Phạm thiên cõi này có được 4 Nhãn thanh tịnh:

1/ Nhục nhãn - PĀSADACAKKHU: mắt thường, Thần kinh nhãn, thị giác

2/ Thiên nhãn - DIBBADACAKKHU: là mắt do thần thông hay do phước sanh, có khả năng thấy xa, thấy được cảnh sắc mà mắt thường không thấy được.

3/ Pháp nhãn - DHAMMACAKKHU: ba trí Đạo thấp (chưa đạt được trí của bậc A La Hán)

4/ Tuệ nhãn - PAÑÑĀCAKKHU: là mắt trí tuệ, thứ mắt có khả năng thấu triệt tính chất các pháp hay thấy rõ Tứ đế (quán trí, phản quán trí, và các thắng trí).

☞ Không có Phật Nhãn - BUDDHACAKKHU: là mắt giác ngộ, hay là khả năng trí hiểu biết căn cơ trình độ cao thấp của chúng sanh. **CHỈ ĐỨC PHẬT MỚI CÓ PHẬT NHÃN NHƯ VẬY.**

☞ Biến nhãn - SAMANTACAKKHU, là Toàn Giác Trí, Nhứt Thiết Chủng Trí, trí này như mắt thấy suốt Tam Giới Pháp. **CHỈ CÓ ĐỨC PHẬT CHÁNH ĐẲNG GIÁC MỚI CÓ LOẠI BIẾN NHÃN.**

✦ TỤC SANH: vị Thánh A na hàm có Niệm quyền mạnh – SAMĀDHINDRIYA chứng đắc Ngũ thiền sắc giới, sau khi mệnh chung tái sanh về cõi này

**4/ CỖ THIÊN HIỆN THIÊN –
SUDASSĪBHŪMI**

Cõi mà các vị Phạm thiên có Nhãn lực tinh tường hơn các vị Phạm thiên Thiên Kiến

+ Nhục nhãn, Thiên nhãn và Tuệ nhãn hơn hẳn các Phạm thiên Thiên kiến, còn Pháp nhãn thì ngang nhau

✦ TRÚ XỨ: Sudassīnaṃ nibbattāti = SUDASSĪ: “Chỗ trú của Phạm thiên Thiên Hiện, gọi là Thiên Hiện Thiên”.

✦ TỤC SANH: vị Thánh A na hàm có Định quyền mạnh – samādhindriya chứng đắc Ngũ thiền sắc giới, sau khi mệnh chung tái sanh về cõi này

5/ CỖ SẮC CỨU CÁNH THIÊN - AKANIṬṬHĀBHŪMI

**NHÓM 4:
CỖ TỨ THIÊN
CÓ 7 CỖ:**

Đây là trú xứ của các vị Phạm thiên có Ân đức Giới, Định, Tuệ cao nhất so với bất cứ vị Phạm thiên nào trong Cõi Sắc giới kể cả 4 cõi Tịnh cư thấp

Natthi rūpīnaṃ sattānaṃ majjhe kenaci guṇena kaniṭṭhabhāvo etesanti = akaniṭṭhā: “Ân đức Pháp tánh to lớn đạt được so với các Phạm thiên Hữu sắc khác, gọi là AKANIṬṬHĀ (Sắc Cứu cánh)”.

✦ TỤC SANH: vị Thánh A na hàm có Tuệ quyền mạnh – PAÑÑINDRIYA chứng đắc Ngũ thiên sắc giới, sau khi mệnh chung tái sinh về cõi này

✦ TRÚ XỨ: Akaniṭṭhānaṃ nibbattāti = AKANIṬṬHĀ: “Trú xứ của Phạm thiên Sắc cứu cánh, gọi là Sắc Cứu cánh thiên”

ĐẶC BIỆT

↪ Vị Phạm thiên A na hàm cõi Sắc Cứu cánh sẽ viên tịch ngay chính chỗ ấy, tức là trong kiếp Phạm thiên ở Sắc Cứu cánh, vị ấy sẽ chứng quả A la hán

↪ Các Phạm thiên ở 5 Cõi Tịnh cư luôn đồng đẳng theo từng cõi, không có tình trạng cao thấp như các cõi khác ngoài Ngũ Tịnh cư

↪ Muốn sanh về Cõi Ngũ Tịnh cư phải hội đủ 2 điều kiện: chứng Ngũ Thiên và đắc Tam Quả

↪ Nếu ở Cõi Tịnh cư thấp khi hết tuổi thọ nhưng vẫn chưa đắc được A la hán thì sẽ sanh lên Cõi Ngũ tịnh cư cao hơn tu tiếp

↪ Đặc điểm tối hậu này của Cảnh giới này thì trước sau gì cũng đắc A la hán

↪ Nơi cõi Sắc Cứu cánh có bảo tháp Cūḷamanī tôn trí bộ Vương phục cùng Tóc của Bồ tát Siddhattha

↪ Các vị Phạm Thiên này đều nhìn thấy nhau được dù khác Bậc

**TUỔI THỌ
CỦA CÁC
PHẠM THIÊN
CỖ NGŨ
TỊNH CƯ:**

↪ Avihānaṃ kappasahassāni: (Cõi) VÔ PHIỀN là **1.000 kiếp trái đất**

↪ Atappānaṃ dve kappasahassāni: (Cõi) VÔ NHIỆT là **2.000 kiếp trái đất**

↪ Sudassānaṃ cattāri kappasahassāni: (Cõi) THIỆN KIẾN là **4.000 kiếp trái đất**

↪ Sudassīnaṃ aṭṭhakappasahassāni: (Cõi) THIỆN HIỆN là **8.000 kiếp trái đất**

↪ Akaniṭṭhānaṃ soḷasa kappasahassāni āyupamaṇaṃ: (Cõi) SẮC CỨU CÁNH là **16.000 kiếp trái đất**

**MÃNH LỰC CỦA
5 QUYỀN**

Vị có **TÍN QUYỀN** mạnh hơn, sẽ sanh về **CỖI VÔ-PHIỀN**

Vị có **NIỆM QUYỀN** mạnh hơn, sẽ sanh về **CỖI THIỆN-HIỆN**

Vị có **TUỆ QUYỀN** mạnh hơn, sẽ sanh về **CỖI SẮC CỨU CÁNH**

Vị có **TÁN QUYỀN** mạnh hơn, sẽ sanh về **CỖI VÔ-NHIỆT**

Vị có **ĐỊNH QUYỀN** mạnh hơn, sẽ sanh về **CỖI THIỆN-KIỆN**

BUỔI 95 – 04.09.2020 - ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1734095990071917>

**TÊN CỦA CÁC
VỊ PHẠM
THIÊN
TRONG 16
CỖI SẮC GIỚI**

☞ **3 cõi Sơ thiên:** + Phạm chúng Thiên
+ Phạm phụ Thiên
+ Đại phạm Thiên

☞ **3 cõi Nhị thiên:** + Thiếu Quang Thiên
+ Vô lượng Quang Thiên
+ Quang âm Thiên

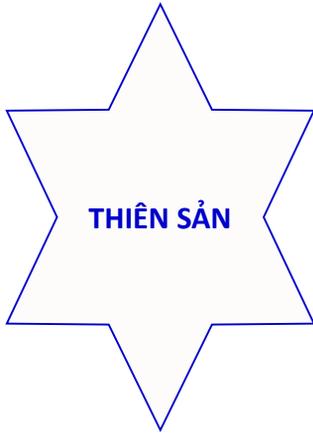
☞ **3 cõi Tam thiên:** + Thiếu tịnh Thiên
+ Vô lượng Tịnh Thiên
+ Biến tịnh Thiên

☞ **7 cõi Tứ thiên Sắc giới:** + Cõi Vô tưởng,
+ Cõi Quảng quả,
+ 5 cõi Tịnh cư: gồm
- Vô phiền thiên
- Vô nhiệt thiên
- Thiện kiến thiên
- Thiện hiện thiên
- Sắc cứu cánh thiên

**NƠI XỨNG
ĐÁNG CÚNG
DƯƠNG:**

☞ Bảo tháp CŪĀMANĪ là nơi tôn trí răng nhọn bên phải và tóc của Bồ tát cắt bỏ khi xuất gia trong Cõi Tam thập Tam thiên (cõi Đạo lợi thiên)

☞ Bảo tháp DUSSA, trang phục của Bồ tát mang trên người lúc rời kinh thành khi xuất gia tôn trí tại Sắc cứu cánh thiên



Trong 6 Cõi trời Dục giới, mỗi Cõi có Thiên sản khác nhau như: Thiên cung, Vườn hoa, Ao hồ, Cây phát sanh tịnh thực cùng các vật khác, mỗi Cõi có khác nhau

Trong Cõi Phạm thiên cũng có như cõi Dục, nhưng có sự khác nhau là: không có cây phát sanh tịnh thực và các Thiên cung, vườn hoa, ao, hồ ... đều thù thắng hơn Dục giới thiên

Phạm thiên có sự hoan hỷ với Thiên cung và Vườn hoa của mình, nhưng THAM DỤC TRIỀN CÁI không có vì khi còn là Nhân loại ĐÃ TU TẬP PHÁP LY THAM DỤC

Phạm thiên không hiện bày Nam tướng hay Nữ tướng nhưng Sắc tướng thì giống như Nam nhân.

ĐỜI SỐNG CỦA VỊ PHẠM THIÊN

♦ Vị có tu tiến Tứ Phạm Trú (Tỳ, Bi, Hỷ, Xả) thường nhập định Tứ Vô Lượng Tâm

♦ RIÊNG CÁC BẬC THÁNH PHẠM THIÊN THÌ NHẬP THIỀN QUẢ

IV/ CÕI VÔ SẮC – ARŪPABHŪMI

là 1 nơi hoàn toàn không có Sắc, Vật chất hay bất kỳ dạng hình thể nào.

Có 4 Cõi:

1/ Ākāśānañcāyatanassa bhūmi = **ĀKĀSĀNAÑCĀYATANABHŪMI.**
Cõi của Thiền Không vô biên, gọi là **cõi KHÔNG VÔ BIÊN XỨ**

2/ Viññāṇañcāyatanassa bhūmi = **VIÑÑĀṆAÑCĀYATANABHŪMI**
Cõi của Thiền Thức vô biên, gọi là **cõi THỨC VÔ BIÊN XỨ**

3/ Ākiñcaññāyatanassa bhūmi = **ĀKIÑCAÑÑĀYATANABHŪMI.**
Cõi của Thiền Vô sở hữu, gọi là **cõi VÔ SỞ HỮU XỨ**

4/ Nevasaññānāsaññāyatanassa bhūmi =
NEVASAÑÑĀNĀSAÑÑĀYATANABHŪMI
Cõi của Thiền Phi tướng phi phi tướng, gọi là **cõi PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG XỨ**

CỐI VÔ SẮC
ARŪPABHŪMI

◆ Cõi chỉ có Tứ Danh uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức), không có Sắc uẩn

◆ Danh uẩn sanh diệt theo Vô Giác duyên từ Tâm tục sinh cho đến khi Tử (vô giác duyên: liên tục không gián đoạn, không ngừng nghỉ)

◆ Có Tà kiến cho rằng: vị Phạm thiên Vô sắc tuy không có Sắc nhưng trong Cõi ấy cũng có Thiên cung, vườn tược, Ao hồ, Cây cảnh ... như Cõi trời Sắc giới.

◆ Phạm thiên Vô sắc sanh lên do mãnh lực thiền Ly Tham nhằm chán trong Sắc nên không hoan hỷ trong Sắc, **Virāgabhāvanā - tu tiến ly tham**

TRÚ XỨ: Arūpabrahmānaṃ avacarā bhūmi = arūpavacarabhūmi: “Cõi lui tới của Phạm thiên Vô sắc, gọi là cõi Vô sắc.”

1/ ĀKĀSĀNAÑCĀYATANABHŪMI - CỐI KHÔNG VÔ BIÊN XỨ

- + Thành tựu thiền với đối tượng Không Vô biên, sau khi thân hoại mạng chung được sanh về cõi này
- + TỤC SANH: bằng Tâm quả Không Vô Biên Xứ

2/ VIÑÑĀṆAÑCĀYATANABHŪMI - CỐI THỨC VÔ BIÊN XỨ.

- + Chứng thiền Thức vô biên xứ mệnh chung sanh về Cõi này
- + TỤC SANH: bằng Tâm quả Thức Vô Biên Xứ

3/ ĀKIÑCAÑÑĀYATANABHŪMI - CỐI VÔ SỞ HỮU XỨ

- + Chứng thiền Vô sở hữu xứ mệnh chung sanh về Cõi này
- + TỤC SANH: bằng Tâm quả Vô Sở Hữu Xứ

4/ NEVASAÑÑĀNĀSAÑÑĀYATANABHŪMI - CỐI PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG XỨ

- + Chứng thiền Phi tướng Phi phi tướng xứ mệnh chung sanh về Cõi này
- + TỤC SANH: bằng Tâm quả Phi tướng Phi Phi Tướng Xứ

TUỔI THỌ:

- ✦ **KHÔNG VÔ BIÊN XỨ:** 2.000 kiếp Trái đất
- ✦ **THỨC VÔ BIÊN XỨ:** 4.000 kiếp Trái đất
- ✦ **VÔ SỞ HỮU XỨ:** 6.000 kiếp Trái đất
- ✦ **PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG XỨ:** 8.400 kiếp Trái đất

KHOẢNG CÁCH TÍNH TỪ CỐI NGƯỜI:

- + Đến Địa ngục Vô Giác: 120.000 do tuần
- + Đến Cõi Tha hóa Tự tại: 252.000 do tuần
- + Đến cõi Phi tướng Phi phi tướng xứ: 71.856.000 do tuần
- Như vậy: Địa ngục Vô Giác cách cõi Phi tướng Phi phi tướng xứ là: 71.976.000 do tuần

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDHASSA**

**BÀI GIẢNG VỀ
KAMMA - NGHIỆP**

Room Paltalk: PHATGIAONAMTRUYENNT

Thời gian: 11.09.2020 – 30.11.2020

GIẢNG SƯ: Thầy KING MILANDA A – FB HOÀNG ĐẶNG

Trình bày sơ đồ: FB ChauNguyen

KAMMA - NGHIỆP

KAMMACATUKA -

Bốn loại nghiệp

Janakam uppatthambakam upapīlakam upaghātañcāti kiccavasena

Theo phương thức tác dụng, có bốn loại nghiệp là:

- Nghiệp Tái Tạo - Sanh nghiệp
- Nghiệp Trợ Duyên - Trì nghiệp
- Nghiệp Bồ Đờng - Chướng nghiệp
- Nghiệp Tiêu Diệt - Đoạn nghiệp

Garukam āsannam āciññaṃ kaṭattākammañcāti pākadānapariyāyena

Theo thứ tự trở quả, có bốn loại nghiệp là:

- Trọng Nghiệp
- Cận Tử Nghiệp
- Thường Nghiệp
- Nghiệp Tích Lũy - Khinh thiếu nghiệp

Diṭṭhadhammavedanīyaṃ upapajjavedanīyaṃ aparāpariyavedanīyaṃ ahosikammañcāti pākakālavasena ca cattāri kammāni nāma.

Theo thời gian trở quả, có bốn loại nghiệp là:

- Hiện nghiệp
- Sanh báo nghiệp
- Hậu báo nghiệp
- Vô hiệu nghiệp

Tathā akusalaṃ, Kāmāvacarakusalaṃ, Rūpāvacarakusalaṃ, Arūpāvacarakusalaṃ cāti pākattānavasena.

Theo nơi chốn trở quả, có bốn loại nghiệp là:

- Nghiệp Bất Thiện
- Nghiệp Thiện Thuộc Dục Giới,
- Nghiệp Thiện Thuộc Sắc Giới
- Nghiệp Thiện Thuộc Vô Sắc Giới.

Taṭṭha akusalaṃ kāyakammaṃ, vacīkammaṃ, mano - kammaṃ cāti kammadvārasena tividhaṃ hoti.

Trong các loại nghiệp này, Nghiệp Bất Thiện có ba, tùy hợp những căn môn xuyên qua đó nghiệp đã được tạo - đó là hành động bằng Thân, hành động bằng Khẩu, và hành động bằng Ý.

Kathaṃ? Pañātipāto, adinnādānaṃ, kamesu micchācāro ca kāyaviññātti sañkhāte kāyadvāre bāhullavuttito kāyakammaṃ nāma.

Thế nào? Sát sanh, Trộm cắp, Tà dâm, là những hành động thường được thực hiện bằng Thân, gọi là THÂN NGHIỆP.

KAMMA - NGHIỆP

KAMMACATUKA -

Bốn loại nghiệp

Musāvādo, piṣuṇavācā, pharusavācā, samphappalāpo cāti vacīviññatti saṅkhāte vacīdvare bāhullavuttito vacīkammaṃ nāma.

Nói dối, nói đâm thọc, nói thô lỗ, và nói nhảm, là những hành động thường được thực hiện xuyên qua lời nói, được gọi là **KHẨU NGHIỆP**

Abhijjhā, vyāpādo, micchādīṭṭhi cāti aññatrā pi viññattiyā manasmim yeva bāhullavuttito mano-kammaṃ nāma.

Tham ái, Sân hận, và Tà kiến là hành động tinh thần thường được thực hiện xuyên qua chính cái tâm, **không có Thân hay Khẩu nghiệp**

Tesu pāṇātipāto pharusavācā vyāpādo ca dosamūlena jāyanti. Kāmesu micchācāro abhijjhā micchādīṭṭhi lobhamūlena. Sesānī cattāri dvīhi mūlehi sambhavanti. Cittuppādasena panetaṃ akusalaṃ sabbathāpi dvādasasavidhaṃ hoti.

Trong các nghiệp này, Sát sanh, nói thô lỗ, và Sân hận bắt nguồn từ căn Sân. Tà dâm, Tham ái bắt nguồn từ căn Tham. Bốn nghiệp còn lại bắt nguồn từ cả hai căn. Tùy hợp theo những loại tâm, Nghiệp Bất Thiện có mười hai

Kāmāvacarakusalam pi ca kāyadvāre pavattaṃ kāyakammaṃ, vacīdvāre pavattaṃ vacīkammaṃ, manodvāre pavattaṃ manokammaṃ c'āti kamma-dvārasena tividhaṃ hoti.

Tathā dāna-sīla-bhāvanā-vasena cittuppādasena pan etaṃ aṭṭhavidhaṃ pi.

Thiện Nghiệp Thuộc Dục Giới có ba, tùy hợp theo những căn môn xuyên qua đó hành động được thực hiện là: hành động có liên quan đến Thân môn, hành động có liên quan đến Khẩu môn, và hành động có liên quan đến Ý môn.

Cùng thể ấy, có ba như Bố thí, Trì giới và Hành thiền. Có tám tùy hợp theo những loại Tâm.

KAMMA – NGHIỆP

KAMMACATUKA -

Bốn loại nghiệp

Dāna - sīla - bhāvanā - pacāyana - veyyāvacca - pattidāna - pattānumodana - dhammasavana-dhamma-desanā - ditṭhijjukammavasena dasavidhaṃ hoti.

Taṃ paṇ etaṃ vīsatividham pi kāmāvacara- kammam icceva saṅkhaṃ gacchati.

Nghiệp Thiện cũng có mười, tùy hợp theo:

1. Bồ thí
2. Trì giới
3. Hành thiền
4. Lễ bái (bậc trưởng thượng)
5. Phục vụ
6. Hồi hướng phước báu
7. Thọ hưởng phước báu (của người khác)
8. Nghe Giáo Pháp
9. Giảng dạy Giáo Pháp
10. Củng cố Chánh Kiến.

Tất cả hai mươi loại này - Bất Thiện Nghiệp và Thiện Nghiệp - được xem là NGHIỆP THUỘC DỤC GIỚI.

Rūpāvacarakusalaṃ pana manokammam eva. Tañ ca bhāvanāmayam appanāpattam jhānaṅgabhedenā pañcavidhaṃ hoti.

Tathā Arūpāvacarakusalañ ca manokammaṃ. Tam pi bhāvanāmayam appanāpattam ālambanabhedenā catubbidhaṃ hoti.

Nghiệp Thiện của cảnh Sắc Giới thuần túy tinh thần và được tạo nên do công trình hành thiền. Tùy hợp theo các yếu tố của Thiền (Jhāna) có năm chi Thiền.

Cùng thế ấy, Nghiệp Thiện của cảnh Vô Sắc là sinh hoạt tinh thần, và cũng bắt nguồn từ công trình hành thiền.

Tùy hợp theo các đề mục của Thiền, thiền Vô Sắc Giới có bốn bậc.

Ettha akusalakammaṃ uddhaccarahitaṃ apāya- bhūmiyaṃ paṭisandhiṃ janeti. Pavattiyaṃ pana sabbam pi dvādasavidhaṃ. Sattākusalapākāni sabbatthāpi kāmaloke rūpaloke ca yathārahaṃ vipaccanti.

Nơi đây, Nghiệp Bất Thiện, ngoại trừ Phóng dật, đưa đến tái sanh trong Khổ Cảnh. Nhưng trong kiếp sống, tất cả mười hai nghiệp (Bất Thiện) đều có trở quả. Bất luận nơi đâu trong Dục Giới và trong Sắc Giới, tùy trường hợp, đều có bảy Tâm Quả Bất thiện.

KAMMA – NGHIỆP

KAMMACATUKA -

Bốn loại nghiệp

Kāmāvacarakusalam pi ca kāmasugatīyam eva paṭisandhim janeti. Tathā pavattiyañ ca mahā- vipākāni. Ahetukavipākāni pana aṭṭha pi sabbatthā pi kāmaloke rūpaloke ca yathārahaṃ vipaccanti.

Nghiệp Thiện trong cảnh Dục Giới đưa đến tái sinh trong trạng thái hữu phúc của Dục Giới. Cùng thể ấy, tám tâm Đại Quả (được chứng nghiệm hạnh phúc trong kiếp sống).

Tám Tâm Quả Vô Nhân (thiện) được chứng nghiệm bất luận ở đâu trong Dục Giới và Sắc Giới, tùy trường hợp.

Tatthāpi tihetukam ukkaṭṭhaṃ kusalaṃ tihetukaṃ paṭisandhim datvā pavatte soḷasavipākāni vipaccati.

Nơi đây, nghiệp Thiện Cao Thượng nhất đồng phát sanh cùng ba nhân đưa đến tái sinh, cùng thể ấy, liên hợp với ba nhân. Trong kiếp sống, nghiệp này tạo điều kiện cho mười sáu loại Tâm Quả.

Tihetukamomakaṃ dvihetukam ukkaṭṭhañ ca kusalaṃ dvihetukaṃpaṭisandhim datvā pavatte tihetukarahitāni dvādasā vipākāni vipaccati. Dvihetukam omakaṃ pana kusalam ahetukam eva paṭisandhim deti. Pavatte ca ahetukavipākāneva vipaccati.

Nghiệp thiện đồng phát sanh cùng ba nhân của hạng thấp và cùng hai nhân của hạng cao, đưa đến tái sinh với hai nhân và tạo duyên cho mười hai Tâm Quả, ngoại trừ những tâm có ba nhân, trong kiếp sống.

Nhưng nghiệp thiện đồng phát sanh cùng hai nhân của hạng thấp, đưa đến tái sinh không nhân nào và tạo duyên cho những Tâm Quả Vô nhân trong kiếp sống.

Tâm thiện không có sự xúi giục, không tạo một (tâm) quả có sự xúi giục. Vài người nói một tâm thiện có sự xúi giục không tạo một tâm quả không có sự xúi giục.

Asañkhāraṃ sasañkhāra-vipākāni na paccati

Sasañkhāraṃ asañkhāra-vipākāni ti kecana.

Tesaṃ dvādasapākāni dasaṭṭha ca yathākkamaṃ,

Yathā vutānusārena yathāsambhavamuddise.

Vài vị pháp sư nói rằng những tư tưởng không có sự xúi giục không tạo quả có sự xúi giục.

Và những tư tưởng có sự xúi giục không tạo tâm quả không có sự xúi giục.

Theo các Ngài, như đã nói trên, sự phát sanh của những tâm quả, theo thứ tự, có mười hai, mười, và tám phải được trình bày đầy đủ.

KAMMA - NGHIỆP

KAMMACATUKA -

Bốn loại nghiệp

Rūpāvacarakusalaṃ pana paṭhamajjhānaṃ parittaṃ bhāvetvā Brahmaṃpārisajjesu uppañjanti. Tadeva majjhimaṃ bhāvetvā Brahmaṃpurohitesu, paṇītaṃ bhāvetvā Mahā Brahmesu.

Về nghiệp thiện của cảnh Sắc Giới, những vị đã phát triển Sơ Thiền ở mức độ thấp thì sanh vào cảnh Phạm Chúng Thiên. Những vị cùng phát triển tầng Thiền này ở mức độ trung bình, sanh vào cảnh Phạm Phụ Thiên. Phát triển đến mức độ cao, sanh vào cảnh Đại Phạm Thiên

Tathā dutiyajjhānaṃtatiyajjhānañca parittaṃ bhāvetvā Parittābhesu. Majjhimaṃ bhāvetvā Appamāṇābhesu; paṇītaṃ bhāvetvā Ābhassaresu. Catutthajjhānaṃ parittaṃ bhāvetvā Paritasubhesu; majjhimaṃ bhāvetvā Appamāṇasubhesu; paṇītaṃ bhāvetvā Subhakiṇhesu. Pañcamajjhānaṃ bhāvetvā Vehapphalesu.

Tameva saññāvirāgaṃ bhāvetvā Asaññāsattesu.

Cùng thế ấy, phát triển Nhị Thiền và Tam Thiền ở mức độ thấp các Ngài sanh vào cảnh Thiếu Quang Thiên. Phát triển ở mức độ trung bình các Ngài sanh vào cảnh Vô Lượng Quang Thiên. Phát triển đến mức độ cao thì các Ngài sanh vào cảnh Quang Âm Thiên.

Phát triển Tứ Thiền ở mức độ thấp thì các Ngài sanh vào cảnh Thiền Tịnh Thiên.

Phát triển đến mức trung bình, các Ngài sanh vào Vô Lượng Tịnh Thiên.

Phát triển đến mức độ cao thì các Ngài sanh vào cảnh Biến Tịnh Thiên.

Phát triển Ngũ Thiền, các Ngài sanh vào cảnh giới của những vị Quảng Quả Thiên.

Phát triển Thiền mà không đeo níu theo tâm nào thì các Ngài sanh vào cảnh Vô Tưởng Thiên, những chúng sanh không có tâm.

Anāgāmino pana Suddhāvāsesu uppañjanti. Arūpāvacarakusalañ ca yathākkamaṃ bhāvetvā arūppesu uppañjanti.

Các vị Bất Lai sanh vào những cảnh Phước Sanh Thiên.

Khi phát triển tâm thiện thuộc Vô Sắc Giới các Ngài sanh vào những cảnh giới Vô Sắc theo thứ tự tương ứng.

Itthaṃ mahaggataṃ puññaṃ yathābhūmi vavatthitaṃ Janeti sadisaṃ pākaṃ paṭisandhippavattiyaṃ. Idamettha Kammacatukkaṃ.

Như vậy, phước lành cao thượng được xác định trùng hợp theo cảnh giới, tạo những quả tương đương, cả hai, lúc tái sanh và trong kiếp sống. **ĐÂY LÀ BỐN LOẠI NGHIỆP.**

**SƠ ĐỒ
NGHIỆP**
Có 16 loại phân thành 4
nhóm

Nhóm 1: PHẬN SỰ CỦA NGHIỆP
có 4

- a/ Sanh Nghiệp - JANAKAKAMMA
- b/ Trì Nghiệp - UPATTHAMBHAKAKAMMA
- c/ Chướng Nghiệp - UPAPĪĀKAKAMMA
- d/ Đoạn Nghiệp - UPAGHĀTAKAKAMMA

Nhóm 2: NĂNG LỰC CỦA NGHIỆP
có 4

- a/ Trọng Nghiệp - GARUKAKAMMA
- b/ Cận Tử Nghiệp - ĀSANNAKAMMA
- c/ Tập Quán Nghiệp - Thường Nghiệp - ĀCINNAKAMMA
- d/ Kinh Thiểu Nghiệp - Tích Lũy Nghiệp - KATATTĀKAMMA

Nhóm 3: NGHIỆP THỜI
có 4

- a/ Hiện Báo Nghiệp - DIṬṬHIDHAMMAVEDANĪYAKAMMA
- b/ Sanh Báo Nghiệp - UPAJJAVEDANĪYAKAMMA
- c/ Hậu Báo Nghiệp - APARĀPARIYAVEDANĪYAKAMMA
- d/ Vô Hiệu Nghiệp - AHOSIKAMMA

Nhóm 4: LÃNH VỰC NGHIỆP
có 4

- a/ Nghiệp Bất Thiện thuộc Dục Giới - KĀMĀVACARA AKUSALĀM
- b/ Nghiệp Thiện thuộc Dục Giới - KĀMĀVACARA KUSALĀM
- c/ Nghiệp Thiện thuộc Sắc Giới - RŪPĀVACARAKUSALĀM
- d/ Nghiệp Thiện thuộc Vô Sắc Giới - ARŪPĀVACARAKUSALĀM



KAMMA – NGHIỆP: là Hành động, Ý tạo tác

Cetanā: cố ý, tâm sở Tư: cố ý tạo tác là nghiệp

* Cetanāhaṃ, bhikkhave, kammaṃ vadāmi: Này các Tỳ khuru, **Như Lai dạy: Cố ý là Nghiệp**

* Lobho nidānaṃ kammānaṃ samudayāya: Tham là tập khởi khiến các Nghiệp sanh lên

☞ 6 nhân: Tham, Sân, Si, Vô tham, Vô sân, Vô si là tập khởi khiến Nghiệp sanh (Thân, Khẩu, Ý)

☞ Ý nghiệp là TỐI TRỌNG

KAMMACATUKA

NHÓM 4 NGHIỆP

Có 16 loại phân thành 4 nhóm:

**A/ Nhóm 1:
PHẬN SỰ CỦA
NGHIỆP**

Có 4:

1/ Sanh nghiệp

2/ Trì nghiệp

3/ Chướng nghiệp

4/ Đoạn nghiệp

1/ SANH NGHIỆP – JANAKAKAMMA:

♦ Nghiệp tạo nên Danh uẩn và Sắc uẩn trong thời tục sinh

♦ Nghiệp làm cho Tâm quả dị thực sanh lên trong thời tái tục, tức Thức Tục sinh - PAṬISANDHI VIÑÑĀṆA

☞ **CHI PHÁP NHÂN** (nhân để tạo ra sanh nghiệp): **28 tâm**

+ 11 tâm Bất thiện (12 tâm BT - Tâm Si Thọ xả phóng dật vì tâm này không thể cho quả tục sinh, không cho thức tái tục được)

+ 8 tâm Thiện DGTH

+ 5 tâm Thiện Sắc giới

+ 4 tâm Thiện Vô sắc giới

☞ **TÂM QUẢ TỤC SINH: 19 tâm**

+ 2 tâm Quan sát vô nhân (thọ xả quả thiện, thọ xả quả bất thiện)

+ 8 tâm Quả thiện DGTH

+ 5 tâm Quả thiện Sắc giới

+ 4 tâm Quả thiện Vô sắc giới

☞ **TƯ TÂM SỞ DẪN TÁI SANH THUỘC HẠNG NGƯỜI**

Tư Tâm sở	+	11 tâm Bất thiện	=	Tâm Quan sát Thọ xả Quả Bất thiện Vô nhân, tái sanh làm NGƯỜI KHỔ (súc sanh, nạ quý, atula, địa ngục)
Tư Tâm sở	+	4 tâm Thiện DGTH Ly trí thiếu Tư	=	Tâm Quan sát Thọ xả Quả thiện Vô nhân, tái sanh làm NGƯỜI LẠC VÔ NHÂN

A/ Nhóm 1:
PHẬN SỰ CỦA
NGHIỆP

Có 4:

- 1/ Sanh nghiệp
- 2/ Trì nghiệp
- 3/ Chương nghiệp
- 4/ Đoạn nghiệp

Tư Tâm sở	+	4 tâm Thiện DGTH ly trí đủ Tư	=	Tâm quả thiện DGTH ly trí, tái sanh làm NGƯỜI NHỊ NHÂN
Tư Tâm sở	+	4 tâm Thiện DGTH hợp trí thiếu Tư	=	Tâm quả thiện DGTH ly trí, tái sanh làm NGƯỜI NHỊ NHÂN
Tư Tâm sở	+	4 tâm Thiện DGTH hợp trí đủ Tư	=	Tâm quả thiện DGTH hợp trí, tái sanh làm NGƯỜI TAM NHÂN

↳ **TƯ TÂM SỞ DẪN TÁI SANH VÀO CÁC CẢNH GIỚI**

Tư Tâm sở	+	11 tâm Bất thiện	+	8 tâm Thiện DGTH	=	CỒI DỤC GIỚI
Tư Tâm sở	+	5 tâm Thiện Sắc giới	=	CỒI SẮC GIỚI THIÊN		
Tư Tâm sở	+	4 tâm Thiện Vô Sắc giới	=	CỒI VÔ SẮC GIỚI THIÊN		
Tư Tâm sở	+	Ngũ thiền Sắc giới	=	CỒI VÔ TƯỚNG THIÊN		

↳ **NGHIỆP LÀM CHO SẮC SANH KHỞI**

Chi pháp: Có 18 Sắc:

- | | |
|------------------|--------------------|
| + 8 sắc Bất ly | + 5 sắc Thần kinh |
| + 1 sắc Hư không | + 1 sắc Mạng quyền |
| + 1 sắc Ý vật | + 2 sắc Tánh |

↳ **SẮC NGHIỆP TỤC SINH:** có 3 nhóm sắc nghiệp sanh khởi cùng lúc với tâm Tục sinh:

a/ Thân Thập pháp – KĀYADASAKA:

8 sắc Bất ly + sắc Mạng quyền + sắc thần kinh
Thân = 10

b/ Tánh Thập pháp – BHĀVADASAKA

8 sắc Bất ly + sắc Mạng quyền + sắc Tánh (nam, nữ) = 10

c/ Tâm sở Y (y cứ cho tâm nương) Thập pháp – VATTHUDASAKA:

8 sắc Bất ly + sắc Mạng quyền + sắc Ý vật = 10

A/ Nhóm 1:
PHẬN SỰ CỦA
NGHIỆP

Có 4:

1/ Sanh nghiệp

2/ Trì nghiệp

3/ Chương nghiệp

4/ Đoạn nghiệp

2/ TRÌ NGHIỆP - UPATTHAMBHAKAKAMMA

“KAMMANTARAM

VĀ

KAMMANIBHATTAKHANDHASATĀNAM

VĀ

UPATTHAMBHETĪTI = UPATTHAMBHAKAKAMMAM”:

✦ Nghiệp nào trợ giúp các nghiệp khác gìn giữ sự nối tiếp các Uẩn gọi là Trì Nghiệp

✦ Nghiệp nào trợ giúp ủng hộ cho nghiệp khác và làm cho các Uẩn tiếp nối sanh lên từ nghiệp khác, nghiệp đó gọi là Trì Nghiệp

✦ Nghiệp trợ giúp ủng hộ nâng đỡ cho nghiệp tái tạo

✦ Cùng loại với Sanh nghiệp (Thiện, Bất thiện)

✦ Tồn tại cho đến khi Tử tâm xuất hiện

✦ Sanh nghiệp được Trì nghiệp nuôi dưỡng

↳ **CÓ 2 LOẠI:**

a/ Trì nghiệp thời Tục sinh: là gìn giữ Sanh nghiệp này cho đến khi chúng sanh ấy mệnh chung

b/ Trì nghiệp thời Bình nhật: là nuôi dưỡng các Quả Thiện, Bất thiện sanh lên cho phát triển

- Trì nghiệp sẽ chấm dứt khi Quả nghiệp hết thời hạn

- Trì nghiệp chấm dứt khi bị nghiệp khác xen vô cắt đứt

CHI PHÁP:

★ Cõi Dục giới: + Tâm sở Tư

+ 12 tâm Bất thiện

+ 8 tâm Thiện DGTH

★ Cõi Đáo đại (Sắc giới, Vô Sắc giới):

+ Tâm sở Tư

+ 9 tâm Thiện Đáo đại

↳ Các vị Phạm thiên tục sinh bằng Tâm Quả thiên

↳ Đời sống của các vị Phạm thiên được duy trì bởi nghiệp nuôi dưỡng, Trì nghiệp

↳ Nghiệp nuôi dưỡng chính là Tâm sở Tư trong các Tâm thiện thiên

**A/ Nhóm 1:
PHÂN SỰ CỦA NGHIỆP**

Có 4:

1/ Sanh nghiệp

2/ Trì nghiệp

3/ Chướng nghiệp

4/ Đoạn nghiệp

3/ CHƯỚNG NGHIỆP - UPAPĪĀKAKAMMA

↳ Loại nghiệp có chức năng ngăn cản không cho Sanh nghiệp phát triển

↳ Làm giảm suy năng lực, ngăn chặn, và làm chậm trễ sự trở quả của Nghiệp tái tạo

↳ Nếu Trì nghiệp nuôi dưỡng, ủng hộ Sanh nghiệp thì Chướng nghiệp ngăn che, đình trệ sự phát triển của Sanh nghiệp

↳ Nếu Sanh nghiệp là Thiện, thì Chướng nghiệp sẽ là Bất thiện; Nếu Sanh nghiệp là Bất thiện, thì Chướng nghiệp sẽ là Thiện

↳ Trong thời Bình nhật:

+ Khi có Ác quả đang trở, Chướng nghiệp sanh lên để làm giảm sức mạnh của ác quả

+ Khi Thiện nghiệp đang trở quả lành, Chướng nghiệp sanh lên làm giảm sức mạnh của Thiện nghiệp

CHI PHÁP: + Tâm sở Tư trong 12 tâm bất thiện
+ 8 tâm đại thiện

NGHIỆP CẢN TRỞ CHƯỚNG NGHIỆP KHÔNG CÓ TRONG CỖ SẮC HAY CỖ VÔ SẮC

4/ ĐOẠN NGHIỆP – UPAGHĀTAKAKAMMA

↳ Nghiệp sanh vào cắt đứt các Nghiệp khác, hoặc cắt đứt Quả của các nghiệp khác

↳ Loại nghiệp có sức mạnh cắt đứt Sanh nghiệp luôn cả Trì nghiệp

↳ Đoạn nghiệp luôn đối lập với Sanh nghiệp

↳ Đoạn nghiệp có LỰC mạnh hơn Chướng nghiệp

↳ Đoạn nghiệp có thể tiêu diệt Sanh nghiệp

↳ Chướng nghiệp làm cản trở sự thành tựu của Sanh nghiệp thì Đoạn nghiệp diệt trừ Sanh nghiệp

↳ Đoạn nghiệp có thể là Thiện, có thể là Bất thiện

B/ Nhóm 2:

NĂNG LỰC NGHIỆP

Có 4:

- 1/ Trọng nghiệp
- 2/ Cận tử nghiệp
- 3/ Thường nghiệp
- 4/ Khinh thiếu nghiệp

I/ TRỌNG NGHIỆP - GARUKAKAMMA

- ↳ Loại nghiệp mà cho quả sanh lên chắc chắn, không bị vô hiệu, nghiệp đó gọi là Trọng nghiệp
- ↳ Nghiệp cho quả chắc chắn bởi vì không có nghiệp nào khác có khả năng ngăn chặn được, nên gọi là Trọng nghiệp
- ↳ Là loại nghiệp Thiện hay Bất thiện nghiêm trọng có khả năng cho quả ngay trong kiếp hiện tại hoặc trong kiếp sau

☞ TRỌNG NGHIỆP NÀO CÓ SỨC MẠNH HƠN TRỌNG NGHIỆP KHÁC THÌ SẼ LÀ PHÁP CHO QUẢ

☞ CÒN CÁC TRỌNG NGHIỆP CÓ SỨC MẠNH YẾU HƠN THÌ KHÔNG THÀNH TỰU VIỆC CHO QUẢ MÀ CHỈ HỖ TRỢ THÔI

Có 2 loại:

1/ ÁC NGHIỆP, VÔ GIÁN NGHIỆP – ĀNANTARIYAKAMMA

- Ngũ nghịch đại tội:
 - a/ Giết Mẹ
 - b/ Giết Cha
 - c/ Giết Vị thánh A la Hán
 - d/ Chia rẽ Tăng
 - e/ Làm chảy máu thân Phật
- Tham Tà kiến liên quan đến Nghiệp Tà kiến Nhất định (tà mạng, tà cần...)
- Sân căn liên quan đến Ngũ nghịch đại tội

*** SỨC MẠNH CỦA ÁC NGHIỆP:**

- + **Mạnh nhất:** Tà kiến nhất định
- + **Thứ nhì:** Chia rẽ Tăng
- + **Thứ ba:** làm chảy máu thân Phật
- + **Thứ tư và thứ 5:** giết Cha, giết Mẹ tùy theo giới đức (hơn, bằng, không)
 - Hơn:** Mẹ giới đức cao hơn, thì nặng hơn Cha; Cha giới đức cao hơn, thì nặng hơn Mẹ
 - Bằng:** cả 2 bằng hoặc không có giới hạnh thì Mẹ nặng hơn

B/ Nhóm 2:
NĂNG LỰC NGHIỆP

Có 4:

- 1/ Trọng nghiệp
- 2/ Cận tử nghiệp
- 3/ Thường nghiệp
- 4/ Khinh thiếu nghiệp

GHI CHÚ: Nghiệp nhất định Tà kiến - NIYATAMICCHAṬṬHIKAMMA

Phân từ: Niyata + micchā + diṭṭhi + kamma

- + Niyata: nhất định, chắc chắn
- + Micchā: sai lệch sự thật
- + Diṭṭhi: sự thấy (kiến chấp)
- + Kamma: hành động

Nghiệp nào cho quả chắc chắn nối tiếp nhau không gián đoạn sự chết do thấy sai sự thật, nghiệp đó gọi là Nhất định tà kiến - NIYATAMICCHAṬṬHIKAMMA

➤ **Nghiệp VÔ TÌNH GIẾT CHA MẸ:** Không biết vẫn bị Vô gián nghiệp

➤ **BÊN NGƯỜI BÊN THÚ:** thì không bị Vô gián nghiệp nhưng vẫn mang Trọng nghiệp

➤ **GIẾT BẬC A LA HÁN:** Vô tình vẫn bị Vô gián nghiệp

➤ **Chưa phạm vào 1 trong 5 tội trên,** nhưng với ác ý mạnh xúc phạm vào Tăng chúng, hoặc gây thương tích cho vị thánh A la hán sẽ rơi vào địa ngục

➤ **SADI VÀ CƯ SĨ:** không tạo nghiệp chia rẽ Tăng nhưng nếu có tìm cách chia rẽ vẫn bị Trọng nghiệp

➤ **CHẢY MÁU THÂN PHẬT:**
+ Không thể giết Đức Phật Chánh Đẳng Giác, chỉ có thể làm bị thương, chảy máu
+ Dù không giết được Đức Phật, không phạm vào cổ sát nhưng vẫn phạm vào Vô gián nghiệp

↪ **CHI PHÁP:**
+ Tư Tâm sở trong 4 Tham Tà kiến Nhất định
+ 2 Tâm Sân liên hệ Ngũ nghịch đại tội

2/ THIÊN NGHIỆP - KUSALAKAMMA

↪ Trọng nghiệp về thiên: đức thiên cao hơn sẽ cho quả, thiên thấp hơn sẽ trở nên vô hiệu

↪ Phạm vào Trọng nghiệp: thiên bị vô hiệu NGAY TỨC KHẮC

↪ Siêu thế cũng được xem là Trọng nghiệp thiện nhưng vì có năng lực tiêu trừ nghiệp hữu nên không xếp vào Trọng nghiệp

↪ **CHI PHÁP:**
+ 9 tâm Thiện Đáo đại



II/ CẬN TỬ NGHIỆP - ĀSANNAKAMMA
ĀSANNA: gần chết
ĀSANNAKAMMA: cận tử nghiệp, nghiệp kề cận lúc tử

↳ Những điều thiện hay bất thiện khởi sinh lúc cận kề cái chết

↳ Sanh khởi trong lúc lâm chung

↳ Lộ tâm diễn hoạt cuối cùng của kiếp sống

↳ Là điều kiện sanh khởi cho một kiếp sống mới

↳ Thiện tâm cuối sẽ cho tái sinh CỒI VUI

↳ Ác tâm cuối sẽ cho tái sinh CỒI KHỔ



↳ Người thường hành thiện khi đến cận tử những nghiệp xấu ác hay chợt nhớ các điều xấu ác đã từng làm thì bị sanh về Cảnh Khổ

↳ Người thường hành ác nhưng giờ phút lâm chung chợt nghĩ đến thiện lành đã làm thì được sanh về Cõi an vui

↳ NHƯNG KHÔNG VÌ VẬY MÀ CÁC NGHIỆP THIỆN HAY BẤT THIỆN BỊ MẤT ĐI

↳ CHI PHÁP:
+ Tư Tâm sở trong 11 Tâm Bất thiện
+ 8 tâm Thiện DGTH

III/ TẬP QUÁN NGHIỆP, THƯỜNG NGHIỆP - ĀCINNAKAMMA

↳ Hành động thiện, bất thiện thường làm thành thói quen, tập quán và thường nhớ đến
a/ Việc làm được lặp đi lặp lại thường xuyên
b/ Việc làm được yêu thích, làm thường => tạo nên đặc tính riêng của người đó, khuynh hướng sống của người đó

↳ Khi sắp lìa đời nhớ lại các việc thường làm, các nghiệp này sẽ rơi vào Cận tử nghiệp nếu không có Trọng nghiệp

B/ Nhóm 2:

NĂNG LỰC NGHIỆP

Có 4:

- 1/ Trọng nghiệp
- 2/ Cận tử nghiệp
- 3/ Thường nghiệp
- 4/ Kinh thiếu nghiệp

IV/ KHINH THIỂU NGHIỆP, TÍCH LŨY NGHIỆP - KATATTĀKAMMA

KATATTĀ: tích trữ, tích tụ, dự trữ

↳ Các hành động ngoài 3 loại nghiệp trên (Trọng nghiệp, Cận tử nghiệp, Thường nghiệp) được gọi là Kinh thiếu nghiệp

↳ Nghiệp nhẹ nên còn được gọi là Kinh thiếu nghiệp

↳ Nghiệp vô tình, không trực tiếp tạo nghiệp với đối tượng

↳ Thường thì không cho quả . Nếu có thì có 2 trường hợp:

- a/ Chúng sanh chết cột oan trái
- b/ Khi không có Trọng nghiệp hay Thường nghiệp cho quả thì nó mới cho quả cho nên mới được gọi là Tích lũy nghiệp

↳ **CHI PHÁP:**

- + Tư Tâm sở trong 12 Tâm Bất thiện
- + 8 tâm đại thiện

**C/ Nhóm 3:
NGHIỆP THỜI -**

PĀKAKĀLAKAMMA

Nghiệp cho quả theo thời gian tùy theo căn cứ nơi lộ tâm đồng tốc (Javana – 7 sát na đồng tốc)

* **Sát na thứ 1:** cho quả ngay trong kiếp hiện tại, HIỆN BÁO NGHIỆP

* **Sát na thứ 7:** cho quả kiếp kế, SANH BÁO NGHIỆP

* **5 sát na còn lại:** cho quả vô hạn định cho đến khi Niết bàn, HẬU BÁO NGHIỆP

Nghiệp thời có 4:

- 1/ Hiện báo nghiệp
- 2/ Sanh báo nghiệp
- 3/ Hậu báo nghiệp
- 4/ Vô hiệu nghiệp

**1/ HIỆN BÁO NGHIỆP -
DIṬṬHIDHAMMAVEDANĪYAKAMMA**

Nghiệp cho quả ngay trong hiện tại, Thiện hay Bất thiện là Hiện báo nghiệp. Có 2 cách:

a/ CÁCH 1: Từ 1 đến 7 ngày

↳ **Về Thiện nghiệp:** có 3 điều kiện:

- Đối tượng cúng dường phải là bậc có ân đức vừa xuất khỏi thiên diệt
- Có tâm hoan hỷ, tinh tín với bậc ấy
- Có vật cúng dường trong sạch, hợp pháp

↳ **Về Ác nghiệp:** là khi xúc phạm đến các bậc Đại thánh, A la hán

b/ CÁCH 2: từ ngày thứ 8 trở về sau: như sát sanh, giết người, hãm hiếp ... thì quả sẽ trở ngay trong kiếp hiện tại

↳ **CHI PHÁP:**

- + Tâm sở TỨ trong 12 Tâm bất thiện
- + 8 tâm thiện DGTH thuộc sát na tâm Đồng lực thứ 1 (yếu nhất vì đơn độc sanh lên, không có sự trợ giúp của những sát na cùng giống loài với nó)

↳ **QUẢ CỦA CÁC TÂM QUẢ VÔ NHÂN:**

- + Thiện (8 tâm) hay
 - + Bất thiện (7 tâm)
- Trở sanh ngay trong hiện tại làm cho Sắc nghiệp, Sắc Quý tiết (sắc âm dương) do nghiệp trợ như các bộ phận trong cơ thể, màu da đẹp, xấu đều do Quả vô nhân sanh lên cả.

↳ **HIỆN BÁO NGHIỆP SẼ TRỞ NÊN VÔ HIỆU NGHIỆP**

- + Hiện báo nghiệp: là nghiệp yếu nhất (nếu không cho quả trong đời sống hiện tại thì vô hiệu luôn)
- + Có thể cho quả hoặc không, do vậy không có sự thành tựu chắc chắn (tính từ ngày thứ 8 trở đi)

a/ Không bị nghiệp đối nghịch lấn áp (vd: thiện không bị bất thiện xen vô)

b/ Có hữu trợ từ 4 pháp cụ túc và 4 pháp suy vong

c/ Có năng lực hùng mạnh, kiên trì trước khi thực hiện

d/ Nghiệp đã tạo liên hệ đến các Bậc Thánh

**4
PHƯƠNG
CÁCH CÓ
THỂ CHO
RA QUẢ**

C/ Nhóm 3:

**NGHIỆP THỜI -
PĀKAKĀLAKAMMA**

Nghiệp cho quả theo thời gian tùy theo căn cứ nơi lộ tâm đồng tốc (Javana – 7 sát na đồng tốc)

* **Sát na thứ 1:** cho quả ngay trong kiếp hiện tại, HIỆN BÁO NGHIỆP

* **Sát na thứ 7:** cho quả kiếp kế, SANH BÁO NGHIỆP

* **5 sát na còn lại:** cho quả vô hạn định cho đến khi Niết bàn, HẬU BÁO NGHIỆP

Nghiệp thời có 4:

- 1/ Hiện báo nghiệp
- 2/ Sanh báo nghiệp
- 3/ Hậu báo nghiệp
- 4/ Vô hiệu nghiệp

GHI CHÚ:

4 PHÁP CỤ TỨC VÀ 4 PHÁP SUY VONG

a/ SANH HỮU CỤ TỨC – GATISAMPATTI: Người được sanh lên trong cõi vui như Nhân loại, Chư Thiên hay Phạm Thiên, trợ giúp cho Quả thiện được trở sanh theo

+ SANH HỮU SUY VONG – GATIVIPATTI: Người sanh vào cõi khổ như Bàng sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục ... trợ giúp cho Ác Quả được trở sanh theo

b/ THỜI ĐIỂM CỤ TỨC - KĀLASAMPATTI: là thời điểm nào mà người được ở trong quốc độ có Vua chúa Chánh kiến cai trị và Phật giáo vẫn còn tồn tại, đời sống an bình hạnh phúc.

+ THỜI ĐIỂM SUY VONG – KĀLAVIPATTI: thời điểm nào mà người ở trong quốc độ có Vua chúa Tà kiến cai trị và Phật giáo đã bị tiêu hoại.

c/ TÁI SANH CỤ TỨC – UPADHISAMPATTI: sau khi sanh ra có đầy đủ bộ phận thân thể không bị khiếm khuyết, hữu trợ cho Thiện pháp sanh ra.

+ TÁI SANH SUY VONG - UPADHIVIPATTI: là sau khi sanh ra, các bộ phận thân thể bị khiếm khuyết không đầy đủ.

d/ SỞ HÀNH CỤ TỨC – PAYOGASAMPATTI: người nương vào Chánh tinh tấn, Chánh tư duy rồi kiến tạo Thân nghiệp, Khẩu nghiệp và Ý nghiệp theo thiện hạnh, không sai phạm Pháp luật Nhà nước và không phạm giới luật Phật giáo

+ SỞ HÀNH SUY VONG – PAYOGAVIPATTI: ám chỉ đến người nương vào Tà tinh tấn, Tà tư duy rồi hành động Thân nghiệp, Khẩu nghiệp và Ý nghiệp theo ác hạnh, sai phạm Pháp luật Nhà nước và phạm vào giới luật Phật giáo

BUỔI 101 - 16.10.2020 - ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT
<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/3406454936058239/>

➡ **2/ SANH BÁO NGHIỆP – UPAJAVEDANĪYAKAMMA:**
Nghiệp thiện, Bất thiện cho quả đời sau, kiếp kế cận thứ 2

+ Tư Tâm sở trong đồng lực thứ 7 là Nghiệp cho Quả trong kiếp thứ 2

C/ Nhóm 3:

NGHIỆP THỜI -

PĀKAKĀLAKAMMA

Nghiệp cho quả theo thời gian tùy theo căn cứ nơi lộ tâm đồng tốc (Javana – 7 sát na đồng tốc)

* **Sát na thứ 1:** cho quả ngay trong kiếp hiện tại, HIỆN BÁO NGHIỆP

* **Sát na thứ 7:** cho quả kiếp kế, SANH BÁO NGHIỆP

* **5 sát na còn lại:** cho quả vô hạn định cho đến khi Niết bàn, HẬU BÁO NGHIỆP

Nghiệp thời có 4:

- 1/ Hiện báo nghiệp
- 2/ Sanh báo nghiệp
- 3/ Hậu báo nghiệp
- 4/ Vô hiệu nghiệp

+ Nghiệp Ngũ nghịch vô gián và nghiệp Tà kiến nhất định cũng do Tư Tâm sở trong đồng lực bất thiện thứ 7

+ Tư Tâm sở cho quả tục sinh kiếp kế và quả trong thời bình nhật là riêng biệt, không đồng nhất

+ Không có năng lực cho quả sang kiếp thứ 3

+ Hết kiếp thứ 2 mà chưa cho quả thì trở nên Vô hiệu nghiệp

↳ **CHI PHÁP:** Tư Tâm sở có trong 12 tâm Bất thiện + 8 tâm Đại thiện ở sát na thứ 7 trong lộ đồng tốc (Javana)

BỐ THÍ CHO QUẢ HIỆN TIỀN

1/ VATTHUSAMPADĀ

người thọ thí là Bạc A la hán hoặc bạc A na hàm

2/ PACCAYASAMPADĀ

vật thí đem đến dâng cúng là vật thí thanh tịnh

3/ CETANĀSAMPADĀ:

chủ thí có đầy đủ tác ý mạnh mẽ

4/ GUṆĀTIREKASAMPADĀ:

bạc A la hán hoặc bạc A na hàm thọ thí có được ân đức đặc thù như vừa xả thiên diệt

3/ HẬU BÁO NGHIỆP -

APARĀPARIYAVEDANĪYĀṆKAMMA

Aparāpara: kiếp khác nữa, kiếp sau sau đó

+ Nghiệp mà cho quả trong kiếp khác nữa gọi là Hậu báo nghiệp

+ Quả phải nhận được trong kiếp khác nữa kể từ kiếp thứ 3 ... đối với nghiệp nào, nghiệp đó gọi là Hậu báo nghiệp

+ Tâm sở Tư tính từ sát na thứ 2 đến thứ 6 của Lộ đồng tốc

+ APARAPARIYĀYABHAVA: kể từ kiếp thứ 3 ... cho đến kiếp sau cùng khi chứng đắc được Niết bàn

+ Hậu báo nghiệp nào CHO QUẢ trong thời bình nhật rồi, Hậu báo nghiệp đó cũng chấm dứt năng lực không cho quả tiếp tục được nữa cho dù người đó chưa Niết bàn

+ Hậu báo nghiệp nào CHƯA CÓ CƠ HỘI CHO QUẢ trong thời bình nhật, Hậu báo nghiệp đó sẽ có cơ hội cho quả tiếp tục được suốt cho đến khi người đó Niết bàn

C/ Nhóm 3:

NGHIỆP THỜI -

PĀKAKĀLAKAMMA

Nghiệp cho quả theo thời gian tùy theo căn cứ nơi lộ tâm đồng tốc (Javana – 7 sát na đồng tốc)

* **Sát na thứ 1:** cho quả ngay trong kiếp hiện tại, HIỆN BÁO NGHIỆP

* **Sát na thứ 7:** cho quả kiếp kế, SANH BÁO NGHIỆP

* **5 sát na còn lại:** cho quả vô hạn định cho đến khi Niết bàn, HẬU BÁO NGHIỆP

Nghiệp thời có 4:

- 1/ Hiện báo nghiệp
- 2/ Sanh báo nghiệp
- 3/ Hậu báo nghiệp
- 4/ Vô hiệu nghiệp

"APARĀPARAVEDANĪYAṀ PANA VIPĀKAṀ ADATVĀ NA NASSATI" "Hậu báo nghiệp thường KHÔNG TIÊU HOẠI NẾU CHƯA ĐƯỢC CHO QUẢ"

4/ VÔ HIỆU NGHIỆP – AHOSIKAMMA:

Nghiệp nào đã tạo ra, đã thực hiện xong mà không cho Quả thì gọi là Vô hiệu nghiệp

+ Tư Tâm sở trong sát na đồng lực số 1 nếu không cho quả trong kiếp hiện tại thì Vô hiệu nghiệp

+ Tư Tâm sở trong sát na thứ 7 nếu không cho quả trong kiếp vị lai thì Vô hiệu nghiệp

ĐẶC BIỆT:

+ Tư Tâm sở trong sát na thứ 2 đến thứ 6 Hậu báo nghiệp: nếu đã cho quả trong thời bình nhật rồi thì sẽ không cho quả tiếp nữa; nếu chưa cho quả thì cơ hội cho quả sẽ vẫn có đến khi Niết bàn, như vậy sẽ **không có trường hợp** VÔ HIỆU NGHIỆP của HẬU BÁO NGHIỆP

+ Không chủ tâm: Tạo Bất thiện hay Thiện nghiệp mà thiếu chủ tâm, hời hợt, không có ý hướng đến mục đích, ngẫu nhiên...nếu không có cơ hội cho quả trong thời bình nhật thì cũng sẽ Vô hiệu nghiệp

+ Hoán chuyển nghiệp:

a/ Bất thiện nghiệp:

- Phát nguyện sẽ không tạo ác bất thiện nghiệp nữa
- Thực hiện nhiều Thiện pháp

b/ Thiện nghiệp:

- Thực hiện Thiện nghiệp cần có trí tuệ, đầy đủ Tam Tư, Tứ Tư (tiền, hiện, hậu, hậu hậu)
- Không cho Thiện nghiệp đã gieo trở thành Vô hiệu nghiệp

D/ Nhóm 4:
LÃNH VỰC NGHIỆP

có 4

1/ NGHIỆP BẤT THIỆN thuộc DỤC GIỚI

2/ NGHIỆP THIỆN thuộc DỤC GIỚI

3/ NGHIỆP THIỆN thuộc SẮC GIỚI

4/ NGHIỆP THIỆN thuộc VÔ SẮC GIỚI

1/ NGHIỆP BẤT THIỆN THUỘC DỤC GIỚI

Có 3 tính theo Môn:

a/ Thân môn Bất thiện nghiệp – KĀYADVĀRA

- có 3: + Sát sanh
+ Trộm cắp
+ Tà hạnh

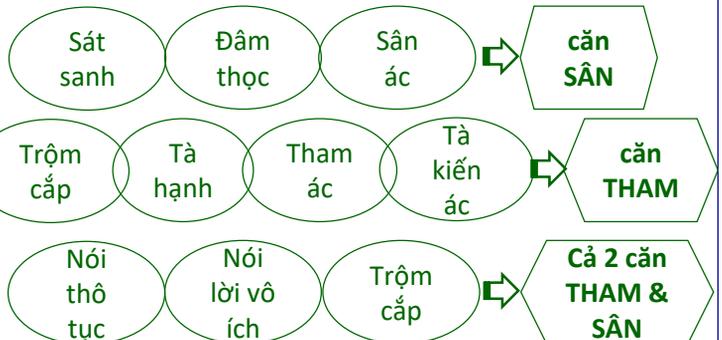
b/ Ngữ môn (Khẩu môn) Bất thiện nghiệp – VACĪDVĀRA.

- có 4: + Nói dối
+ Nói đâm thọc
+ Nói thô tục
+ Nói lời vô ích

c/ Ý môn Bất thiện nghiệp – MANODVĀRA

"Manodvāre pavattaṃ kammaṃ = Manokammaṃ":
Hành động bất thiện sanh lên bằng đường tâm gọi là Ý nghiệp.

- có 3: + Tham ác
+ Sân ác
+ Tà kiến ác



CHI PHÁP:

12 Tâm Bất thiện phối hợp với Tâm sở Tư

+ **HIỆN BÁO NGHIỆP:** cho 7 quả Bất thiện vô nhân (ngũ song thức, tiếp thân, quan sát)

+ **SANH BÁO NGHIỆP:** cho 7 quả Bất thiện vô nhân trong kiếp kế

+ **HẬU BÁO NGHIỆP:** cho 7 quả Bất thiện vô nhân tính từ kiếp thứ 3 cho đến khi Niết bàn

ĐẶC BIỆT:

+ **CHO QUẢ TỤC SINH:** cận tử nghiệp chỉ có 11 tâm Bất thiện trừ Si phóng dật làm nhân, cho Tâm Tục sinh là **Quan Sát Thọ Xả Quả Bất Thiện Vô Nhân**

**D/ Nhóm 4:
LÃNH VỰC NGHIỆP**

có 4

**1/ NGHIỆP BẤT
THIỆN thuộc DỤC
GIỚI**

**2/ NGHIỆP THIỆN
thuộc DỤC GIỚI**

**3/ NGHIỆP THIỆN
thuộc SẮC GIỚI**

**4/ NGHIỆP THIỆN
thuộc VÔ SẮC GIỚI**

2/ NGHIỆP THIỆN THUỘC DỤC GIỚI

có 3:

**a/ Thân
Nghiệp
Thiện
có 3:**

1/ PĀṆĀTIPĀTAVIRATI: Tránh xa sát sanh

2/ ADINNĀDĀNAVIRATI: Tránh xa trộm cắp

3/ KĀMESUMICCHĀCĀRAVIRATI: Tránh xa tà hạnh

Thực hiện: Tâm sở Chánh nghiệp và Tâm sở Chánh mạng

**b/ Ngữ
Nghiệp
Thiện
có 4:**

1/ MUSĀVĀDAVIRATI: Tránh xa nói dối

2/ PISUṆAVĀCĀVIRATI: Tránh xa nói đâm thọc

3/ PHARUSAVĀCĀVIRATI: Tránh xa nói thô tục

4/ SAMPHAPPALĀPAVIRATI: Tránh xa lời nói vô ích

Thực hiện: Tâm sở Chánh ngữ và Tâm sở Chánh mạng

**c/ Ý
Nghiệp
Thiện
có 3:**

1/ ANABHIJJHĀ: Thu thúc không cho Tham ác sanh lên

2/ ABYĀPĀDA: Thu thúc không cho Sân ác sanh lên

3/ SAMMĀDIṬṬHI: Quan kiến chân chánh

Thực hiện: Tâm sở Vô tham, Tâm sở Vô sân và Tâm sở Tuệ quyền

👉 **CHI PHÁP:** 8 Tâm Thiện Dục giới tịnh hảo phối hợp với Tâm sở Tư

+ **Hiện Báo Nghiệp:** có 16 tâm Quả Dục giới (8 tâm Quả thiện Vô nhân, 8 tâm Quả thiện DGTH)

+ **Sanh Báo Nghiệp:** có 16 tâm Quả thiện Dục giới

+ **Hậu Báo Nghiệp:** có 16 tâm Quả thiện dục giới

+ **Cận Tử Nghiệp:** có 9 quả (8 tâm Quả thiện Dục giới hữu nhân, 1 tâm Quan sát Thọ xả Quả Thiện Vô Nhân)

**D/ Nhóm 4:
LÃNH VỰC NGHIỆP**

có 4

**1/ NGHIỆP BẤT
THIỆN thuộc DỤC
GIỚI**

**2/ NGHIỆP THIỆN
thuộc DỤC GIỚI**

**3/ NGHIỆP THIỆN
thuộc SẮC GIỚI**

**4/ NGHIỆP THIỆN
thuộc VÔ SẮC GIỚI**

✦ Tâm Quan Sát Thọ Xả Quả Thiện: tục sinh làm
NGƯỜI LẠC VÔ NHÂN

✦ 4 Tâm Quả Thiện Dục giới Ly Trí: tục sinh làm
NGƯỜI NHỊ NHÂN

✦ 4 Tâm Quả Thiện Dục giới Hợp Trí: tục sinh làm
NGƯỜI TAM NHÂN

**10 NGHIỆP SANH PHƯỚC
(PHÚC HÀNH TÔNG)
PUÑÑAKIRIYAVATTHU**

1. Bố Thí - DĀNAMAYA

2. Trì Giới - SĪLAMAYA

3. Tu Tiến -
BHĀVANĀMAYA

4. Cung Kính -
APACĀYANAMAYA

5. Phục Vụ -
VEYYĀVACCAMAYA

6. Hồi Hương -
PATTIDĀNAMAYA

7. Tùy Hỷ -
PATTĀNUMODANĀMAYA

8. Thỉnh Pháp -
DHAMMASSAVANAMAYA

9. Thuyết Pháp -
DHAMMADESANĀMAYA

10. Cải Chánh Tri Kiến -
DIṬṬHUKATAMAYA

**10 BẤT THIỆN
NGHIỆP**

**3 THÂN ÁC -
KĀYADUCCARITA**

1. Sát sanh - PĀṆĀTIPĀTA

2. Trộm cắp - ADINNĀDĀNA

3. Tà hạnh dục lạc - KĀMESU
MICCHĀCĀRĀ

**4 KHẨU ÁC -
VĀCĪDUCCARITA**

4. Nói dối - MUSĀVĀDA

5. Nói ly gián - PISUṆĀVĀCĀ

6. Nói độc ác - PHARUSAVĀCĀ

7. Nói chuyện phiếm -
SAMPHAPPALĀPA

**3 Ý ÁC -
MANODUCCARITA**

8. Tham lam - ABHIJJHĀ

9. Sân hận - BYĀPĀDA

10. Tà kiến - MICCHĀDIṬṬHI

10 BẤT THIỆN NGHIỆP VÀ 10 THIỆN NGHIỆP ĐƯỢC GOM VÀO NHÓM NGHIỆP THUỘC DỤC GIỚI

D/ Nhóm 4:
LÃNH VỰC NGHIỆP

có 4

1/ NGHIỆP BẤT
THIỆN thuộc DỤC
GIỚI

2/ NGHIỆP THIỆN
thuộc DỤC GIỚI

3/ NGHIỆP THIỆN
thuộc SẮC GIỚI

4/ NGHIỆP THIỆN
thuộc VÔ SẮC GIỚI

ĐỨC PHẬT DẠY:

**“CETANĀ’HAM BHIKKHAVE KAMMAṀ VADĀMI,
CETAYITVĀ KAMMAṀ KAROTI KĀYENA VĀCĀYA
MANASĀ”.**

Này chư Tỳ khưu, sau khi đã có tác ý, rồi mới tạo nghiệp bằng Thân, bằng Khẩu, bằng Ý. **Do đó Như Lai dạy “TÁC Ý GỌI LÀ NGHIỆP”**

BUỔI 103 - 30.10.2020 - ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/659674494917922>

3/ NGHIỆP THIỆN THUỘC SẮC GIỚI

Đơn thuần chỉ khởi lên bằng Ý nghiệp

Ngài Anuruddha: "MANOKAMMAMEVA" thuần nhất bằng Ý nghiệp

Thân nghiệp, khẩu nghiệp chỉ hỗ trợ trong công việc tu tập trong giai đoạn cận định trở về trước

↳ **CHI PHÁP: Sơ, Nhị, Tam, Tứ và Ngũ thiền**

+ SƠ THIỀN: cho tâm quả tục sinh về cõi Sơ thiền (cõi Phạm thiên sơ thiền)

+ NHỊ, TAM THIỀN: cho tâm quả tục sinh về cõi Nhị thiền

+ TỨ THIỀN: cho tâm quả tục sinh về cõi Tam thiền

+ NGŨ THIỀN: cho tâm quả tục sinh về cõi Tứ thiền

4/ NGHIỆP THIỆN THUỘC VÔ SẮC GIỚI

Chỉ đơn thuần có Ý nghiệp (không có Thân nghiệp, Khẩu nghiệp)

↳ **CHI PHÁP:** Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ

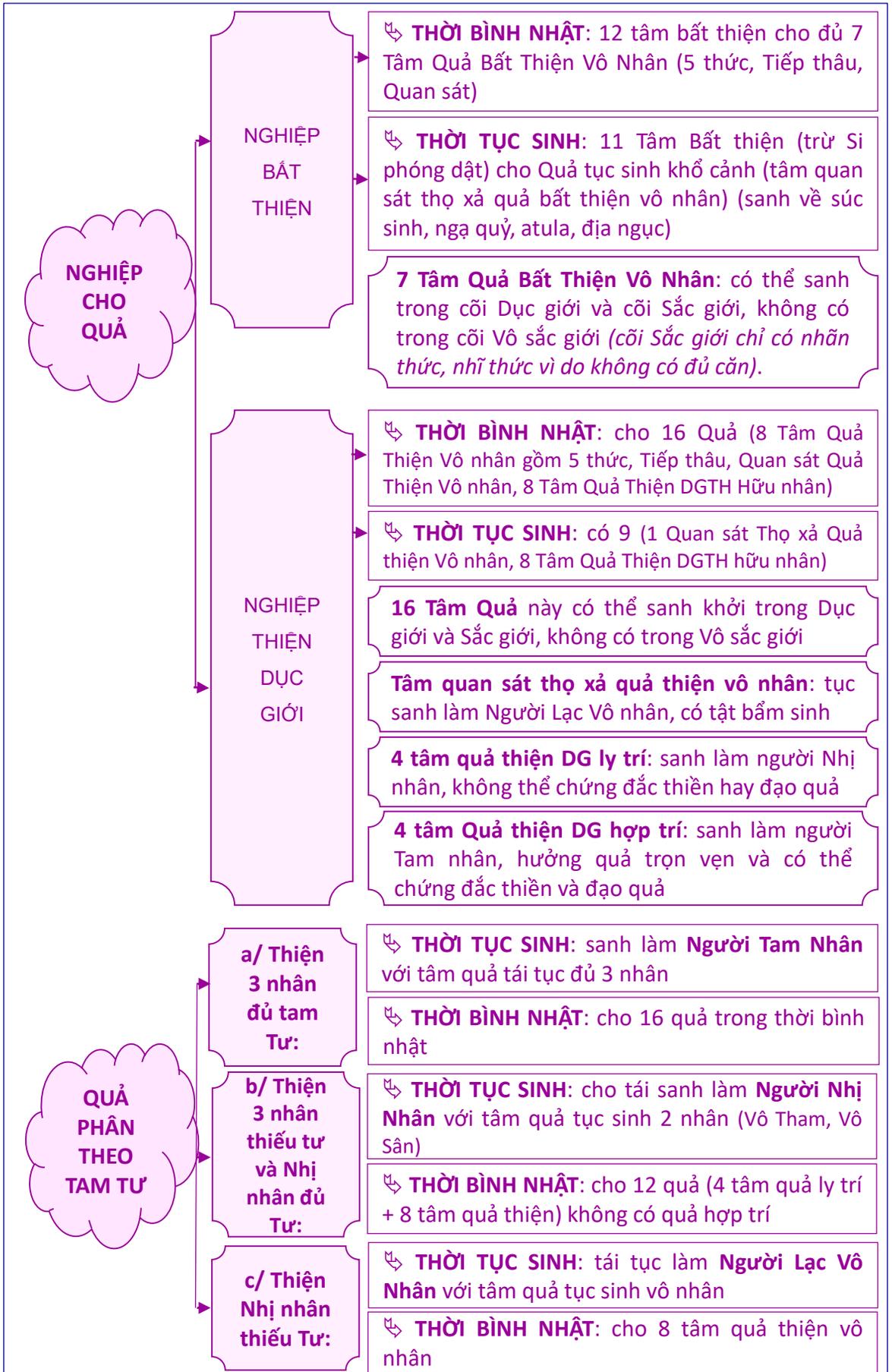
Cho Tâm Quả tục sinh tương ứng với Tâm

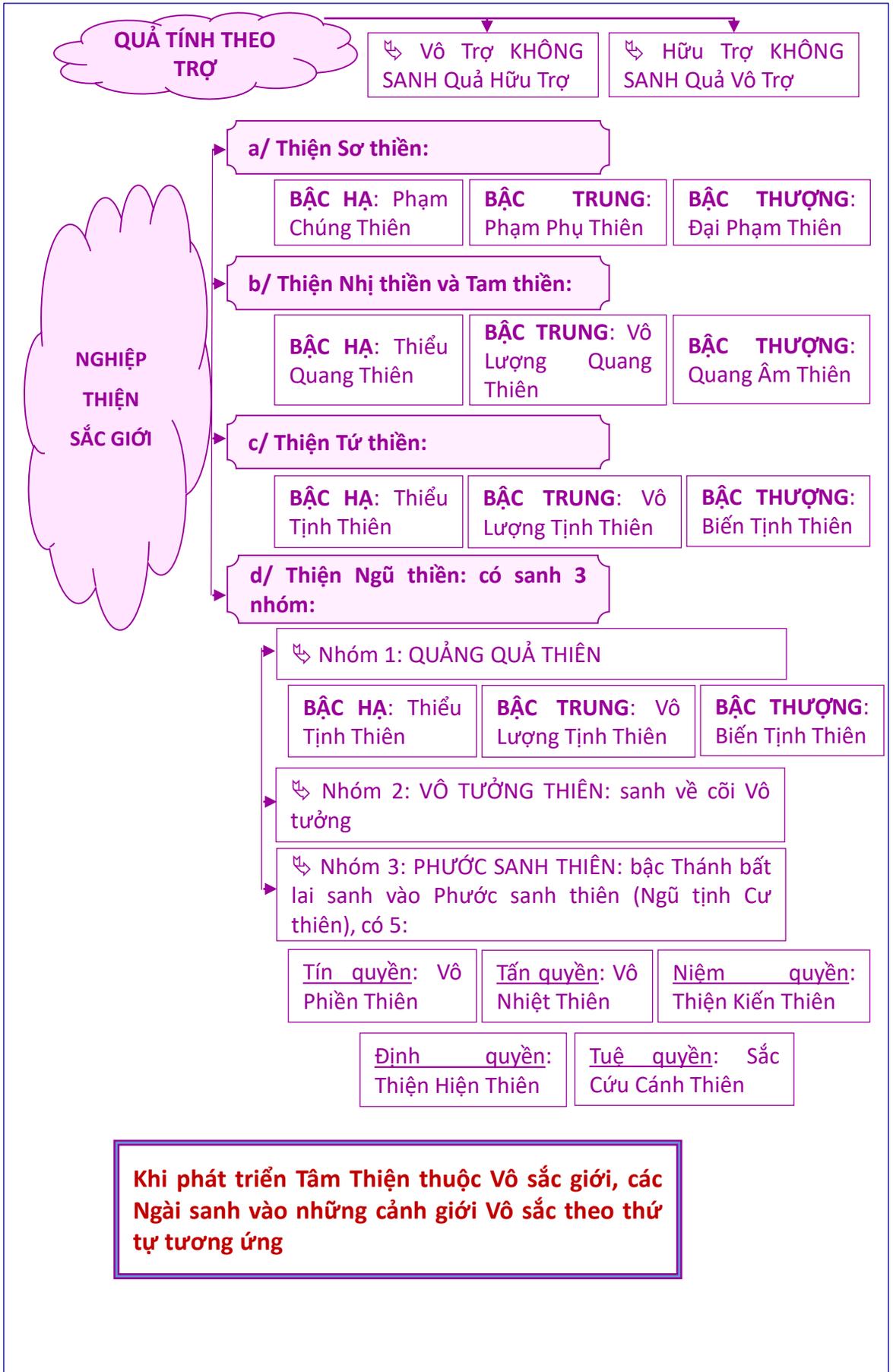
(chứng đắc KVBX sẽ cho ra tâm quả tục sinh KVBX,

chứng đắc TVBX sẽ cho ra tâm quả tục sinh TVBX,

chứng đắc VSHX sẽ cho ra tâm quả tục sinh VSHX,

chứng đắc PTPPTX sẽ cho ra tâm quả tục sinh PTPPTX)





Khi phát triển Tâm Thiện thuộc Vô sắc giới, các Ngài sanh vào những cảnh giới Vô sắc theo thứ tự tương ứng

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDHASSA**

**GIÁO TRÌNH VI DIỆU PHÁP CƠ BẢN
ABHIDHAMMA**

**SẮC PHÁP
PHẦN 1**

Room Paltalk : NGUYENNHUKYVIEN

THỜI GIAN : 04/07/2020 – 01/08/2020

Giảng sư: KING MILANDA A

**RŪPA-
SAṄGAHAVIBHĀGO
PHÂN TÁCH SẮC PHÁP**

Rūpasamuddesa:

Liệt kê các sắc

Cattāri mahābhūtāni, catunnañ ca mahābhūtānaṃ upādāya rūpanti dvidhampetaṃ rūpaṃ ekādasa-vidhena saṅgahaṃ gacchati.

Sắc có hai phần là: Bốn Đại Chánh Yếu, và những chuyển hóa của Sắc (sắc y đại sanh). Hai phần này gồm mười một loại.

Katham? Bằng cách nào?

1/ Paṭhavīdhātu, āpodhātu, tejodhātu, vāyodhātu bhūtarūpaṃ nāma.

Những tính chất chánh yếu của Sắc pháp - nguyên tố có đặc tính duỗi ra (Đất), nguyên tố có đặc tính làm dính liền (Nước), nguyên tố nhiệt (Lửa), và nguyên tố di động (Gió).

2/ Cakkhu, sotam, ghāṇaṃ, jivhā, kāyo, pasādarūpaṃ nāma.

Những tính chất nhạy của sắc pháp tức Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, và Thân.

3/ Rūpaṃ, saddo, gandho, raso, āpodhātuvajjitaṃ bhūtattayaśaṅkhātaṃ phoṭṭhabbañ ca gocaraṃ rūpaṃ nāma.

Những cảnh giới làm đối tượng của Sắc pháp, tức Sắc, Thính, Hương, Vị, và Xúc. Xúc nằm trong ba Đại (nguyên tố vật chất) ngoại trừ nguyên tố (nước) có đặc tính làm dính liền.

4/ Itthattaṃ, purisattaṃ bhāvarūpaṃ nāma.

Những tính chất của Sắc pháp về tánh, tức Nam tánh và Nữ tánh.

5/ Hadaḃavattu hadaḃarūpaṃ nāma.

Tính chất của sắc pháp về Tâm, tức Sắc Ý vật

6/ Jīvitindriyaṃ jīvitarūpaṃ nāma.

Tính chất của Sắc pháp về đời sống, tức khả năng sống (Sắc Mạng quyền).

7/ Kabalīkāro āhāro āhārarūpaṃ nāma.

Tính chất dinh dưỡng của Sắc pháp, tức Sắc Vật thực

**RŪPA-
SAṄGAHAVIBHĀGO
PHÂN TÁCH SẮC PHÁP**

Rūpasamuddesa:

Liệt kê các sắc

Iti ca aṭṭhārasavidhampetaṃ sabhāvarūpaṃ, salakkhaṇarūpaṃ nipphannarūpaṃ rūparūpaṃ, sammasanarūpanti ca saṅgahaṃ gacchati.

Như vậy mười tám loại tính chất của sắc pháp được gom lại:

- a/ theo những đặc tính cố hữu của nó;
- b/ theo những đặc tướng tiêu biểu của nó;
- c/ như được cấu tạo do nhân duyên;
- d/ như luôn luôn biến đổi;
- e/ như thích nghi để suy niệm.

8/ Ākāśadhātu paricchedarūpaṃ nāma.

Tính chất phân giới hạn của Sắc pháp: tức nguyên tố không gian (Hư không)

9/ Kāyaviññatti vacīviññatti viññattirūpaṃ nāma.

Tính chất truyền thông của sắc pháp tức sự biểu lộ bằng thân (Thân biểu tri) và sự biểu lộ bằng lời nói (Khẩu biểu tri).

10/ Rūpassa lahutā mudutā kammaññatā viññattidvayaṃ vikārarūpaṃ nāma.

Những hiện tượng biến đổi của Sắc pháp như nhẹ nhàng (Khinh), mềm dịu (Nhu), Thích nghiệp và hai hình thức biểu lộ (Biểu tri)

11/ Rūpassa upacayo santati jaratā aniccatā lakkhaṇarūpaṃ nāma.

Những đặc tướng của Sắc pháp tức sự sanh khởi, sự liên tục, sự hư hoại và vô thường

Jātirūpameva panettha upacayasantatināmena pavuccatīti ekādasavidhampetaṃ rūpaṃ aṭṭhavīsati vidhaṃ hoti sarūpavasena.

Nơi đây đặc tính sanh khởi và liên tục có nghĩa là hiện tượng sanh của Sắc pháp.

Như vậy, mười một hiện tượng của Sắc pháp được xem là hai mươi tám, tùy theo đặc tính cá biệt cố hữu.

RŪPA – SẮC PHÁP

Căn từ Rup: bị tan vỡ, phân tán

RŪPA: cái gì thay hình đổi dạng hay có một hình thể khác do có ảnh hưởng những điều kiện vật lý nghịch chiều (như nóng, lạnh, cứng, mềm...)

+ Sắc là những gì luôn biến đổi và hoại diệt

+ Sắc chỉ tồn tại trong 17 chấp tư tưởng hay 17 sát na tâm

+ Sắc biến đổi nhanh chóng đến nỗi ta không thể gõ 2 lần đúng vào 1 nơi

+ Sắc ý nghĩa gần nhất là: hình thể, phần vật chất, cơ thể vật chất, vật vô tri giác ...

* ĐẶC TÍNH CỦA SẮC

có 8:

1/ Vô nhân – AHETUKA : vì chúng không có liên hệ gì về nhân

2/ Hữu duyên – SAPACCAYA: vì chúng có 4 duyên liên hệ như nghiệp, tâm, thời tiết và vật thực

3/ Cảnh lậu – SĀSAVAM: vì chúng là cảnh của lậu hoặc

4/ Cấu tạo – SANKHATĀM: vì được cấu tạo (cấu thành) bởi do 4 duyên nghiệp, tâm, thời tiết và vật thực

5/ Tại thế - LOKIYA: trực thuộc thế gian (Dục giới, Sắc giới)

6/ Thuộc dục giới – KĀMĀVACARAM: vì là cảnh của dục ái, phạm vi ngũ trần

7/ Không có đối tượng – ANĀRAMMANĀM: vì không thể biết cảnh

8/ Không thể bị trừ - APPAHĀTAPPAM: không là đối tượng sát trừ

🌀 SẮC
PHÂN
LOẠI có 2

1/ SẮC TỨ ĐẠI –
MAHĀBHŪTĀNI: có 4

2/ SẮC Y ĐẠI SINH –
UPĀDĀYARŪPANI: có 24

1/ SẮC TỨ ĐẠI
MAHĀBHŪTĀNI

Có 4:

1/ PAṬHAVI-DHĀTU, NGUYÊN TỐ ĐẤT

Căn từ puth: nói rộng ra, dẫn ra, duỗi ra, trương ra

◊ ĐẶC TÍNH PAṬHAVI – ĐẤT: cứng và mềm

Khả năng: nâng đỡ, chịu đựng, hứng chịu các sắc đồng sanh

Sắc nào thành chỗ cho các sắc đồng sanh nương nhờ được gọi là Đất

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: Cứng hoặc mềm (Kukkhalatta lakkhanā)

b/ Phận sự: duy trì, chính yếu tố đất có phận sự choáng chỗ hay tạo vị trí duy trì các Sắc đồng sanh

c/ Sự thành tựu: hứng chịu

d/ Nhân cần thiết: có tam đại còn lại (nước, lửa, gió)

2/ ĀPO-DHĀTU, NGUYÊN TỐ NƯỚC.

căn "ap", đến, hay từ "ā" + căn "pāy" là lớn lên, trưởng thành

◊ ĐẶC TÍNH ĀPO - NƯỚC

- Chảy ra và quên tụ lại
- Đượm nhuận các sắc đồng sanh
- Làm cho có sự tiến hóa tốt đẹp
- Gìn giữ không cho các sắc khác bị rời ra

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: chảy ra hay kết hợp lại

b/ Phận sự: có cách tiến hóa, nhờ sự chảy ra và quên lại nên nước làm cho các sắc đồng sanh đượm nhuận tươi tốt

c/ Sự thành tựu: là kết hợp, siết chặt lại

d/ Nhân cần thiết: có tam đại còn lại (đất, lửa, gió)

* Đặc thù của Nước là KHÔNG THỂ TIẾP XÚC QUA 5 GIÁC QUAN

* Nước là SẮC TẾ

* LẠNH – NÓNG: không phải là đặc tính của nước

1/ SẮC TỬ ĐẠI –
MAHĀBHŪTĀNI

Có 4:

3/ TEJO-DHĀTU, NGUYÊN TỐ LỬA

Căn từ Tij: làm cho sắc bén, chín muồi

◆ ĐẶC TÍNH TEJO - LỬA: Nóng và Lạnh, Âm và Dương

Lửa ở trong thân có 5 cách:

- a/ Là chất ấm trong thân - Unmātejo
- b/ Là chất nóng trong hơi thở - Samtappanatejo
- c/ Là chất nóng quá độ, bệnh nhiệt - Dahanatejo
- d/ Là Lửa làm cho thân già - Khiranatejo
- e/ Là Lửa làm cho tiêu vật thực - Pācakatejo

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng
thái: là
cách nóng

b/ Phận
sự: làm
cho chín

c/ Sự
thành
tựu: là
ấm áp

d/ Nhân cần
thiết: có tam
đại còn lại (Đất,
Nước, Gió)

4/ VĀYO-DHĀTU, NGUYÊN TỐ GIÓ

Căn từ vāy: di động, rung động

◆ ĐẶC TÍNH VĀYO – GIÓ

- Lay động, thay đổi chỗ
- Kèm các sắc đồng sanh đứng vững

◆ ĐẶC TƯỚNG GIÓ, có 2:

- 1/ Tĩnh phong: làm cho các sắc đồng sanh được quân bình, thăng bằng
- 2/ Động phong: làm cho các sắc di động, lay chuyển

☸ GIÓ Ở TRONG THÂN, có 6 cách:

- 1/ Là Gió thổi lên (Uddhanagamavāyo) (ợ, ngáp, ắc xì..)
- 2/ Là Gió thổi xuống (Adhogamavāyo) (đánh dấm, xì hơi..)
- 3/ Là Gió thổi trong bụng thường xuyên (Kucchithtavāyo)
- 4/ Là Gió trong ruột già (Kotthāsavāyo)
- 5/ Là Gió đi khắp châu thân (angaman.gānusārīvāyo)
- 6/ Là hơi thở vô ra (Assāsapassāsavāyo).

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng
thái: lay
động hay
căng ra

b/ Phận
sự: làm
cho lay
động

c/ Sự thành
tựu: là sự
chuyển động,
sự kéo đi, sự
dời chỗ

d/ Nhân cần
thiết: có tam
đại còn lại
(đất, nước,
lửa)

☸ SẮC TỬ ĐẠI
gom chung lại
được gọi là TỬ ĐẠI
CHUNG HAY TỬ
ĐẠI MINH

**2/ SẮC Y ĐẠI
SINH
UPĀDĀYA
RŪPĀNI**

Là những sắc y
cứ nơi Sắc tứ
đại mà sinh ra
(sở tạo sắc)

**Có 10 thành
phần (24 Sắc):**

1/ Sắc Thần kinh, tinh sắc hay phần nhạy của Sắc pháp - PASĀDA-RŪPA, có 5: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân

2/ Sắc cảnh giới – GOCARARŪPA, có 4: Sắc, Thinh, Khí, Vị

3/ Sắc Tánh - ITTHATTAMĀ PURISATTAMĀ, có 2: Sắc nam tánh, Sắc nữ tánh

4/ Sắc Ý vật – HADAYAVATTHU

5/ Sắc Mạng quyền – JĪVITINDRIYA

6/ Sắc Vật thực - KABALĪKĀRO ĀHĀRO

7/ Sắc Hư không – ĀKĀSADHĀTU

8/ Sắc Biểu tri – VIÑÑATTI, có 2: Thân biểu tri, Khẩu biểu tri

9/ Sắc Đặc biệt – VIKĀRARŪPA (còn gọi là tánh cách biến đổi của Sắc pháp), có 3: Sắc Khinh, Sắc Nhu, Sắc Thích nghiệp

10/ Sắc Tứ tướng - LAKKHAṆARŪPA, có 4: Sinh, Tiến, Dị, Diệt

TỔNG CỘNG CÓ 28 SẮC GỒM:

24 SẮC Y ĐẠI SINH + SẮC TỨ ĐẠI (4)

I/ SẮC THẦN
KINH (TINH
SẮC)
PASĀDA-
RŪPA
có 5 thành
phần nhạy
của 5 căn là:
Nhãn, Nhĩ, Tỷ,
Thiệt, Thân

1/ THẦN KINH NHÃN – CAKKHUPASĀDA

**MẮT
CÓ 2
THÀNH
PHẦN:**

a/ **Phù trần căn:** là thành phần con mắt thịt bao gồm 9 sắc là: 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, sắc, khí, vị, vật thực) + sắc Mạng quyền

b/ **Tinh sắc (thần kinh nhãn):** là tinh chất nằm ở giữa mắt, có dạng như đầu con chí đực nằm trong các lớp võng mạc, được gọi là thần kinh Nhãn vì có khả năng thấy được các Sắc.

Có 10 Sắc:

+ 8 Sắc Bất ly (Đất, Nước, Lửa, Gió, Sắc, Khí, Vị, Vật thực)
+ sắc Mạng quyền
+ Sắc thần kinh Nhãn

TỨ Ý NGHĨA

a/ **Trạng thái:** sự nhạy, sự trong ngần của sắc thần kinh Nhãn

b/ **Phận sự:** thâm bất cảnh SẮC

c/ **Sự thành tựu:** là chỗ nương cho Nhãn thức

d/ **Nhân cần thiết:** có sắc Tứ đại sanh do từ ái thủ (*sắc do nghiệp tham ái sắc từ đời trước*)

2/ THẦN KINH NHĨ – SOTAPASĀDA: là sắc tinh chất có dạng như lông cừu nằm khoanh tròn trong lỗ tai, có khả năng ghi nhận âm thanh

Có 10 Sắc:

+ 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, sắc, khí, vị, vật thực)
+ 1 sắc Mạng quyền + 1 Sắc thần kinh Nhĩ

TỨ Ý NGHĨA

a/ **Trạng thái:** sự trong ngần của sắc thần kinh Nhĩ

b/ **Phận sự:** thâm bất cảnh THINH

c/ **Sự thành tựu:** là chỗ nương cho Nhĩ thức

d/ **Nhân cần thiết:** có sắc tứ đại sanh do từ ái thủ

**I/ SẮC THẦN
KINH (TINH
SẮC)
PASĀDA-
RŪPA**

có 5 thành phần
nhạ
y của 5 căn là:
Nhãn, Nhĩ, Tỷ,
Thiệt, Thân

**QUẢ BẤT THIỆN
SANH LÀM DUYÊN
CHO TÂM ĐỒNG
TỔC BẤT THIỆN
SANH**

3/ THẦN KINH TỶ - GHĀNAPASĀDA: Là tinh sắc có dạng như móng chân dê nằm trong lỗ mũi có khả năng thu nhận cảnh mùi (hương)

Có 10 Sắc:

+ 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, sắc, khí, vị, vật thực)
+ 1 sắc Mạng quyền + 1 Sắc thần kinh Tỷ

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: sự trong ngần của sắc thần kinh Tỷ

b/ Phận sự: thu bắt cảnh KHÍ

c/ Sự thành tựu: là chỗ nương cho Tỷ thức

d/ Nhân cần thiết: có sắc tứ đại sanh do từ Ái thủ

4/ THẦN KINH THIẾT - JIVHĀPASĀDA: Là tinh sắc có dạng như lông con nhím nằm trên lưỡi, có khả năng tiếp nhận cảnh Vị

Có 10 Sắc:

+ 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, sắc, khí, vị, vật thực)
+ 1 sắc Mạng quyền + 1 Sắc thần kinh Thiệt

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: sự trong ngần của sắc thần kinh Thiệt

b/ Phận sự: thu bắt cảnh VỊ

c/ Sự thành tựu: là chỗ nương cho Thiệt thức

d/ Nhân cần thiết: có Sắc Tứ đại sanh do từ ái thủ

5/ THẦN KINH THÂN - KĀYAPASĀDA: Là tinh sắc được trải khắp châu thân (trừ tóc, móng và da chết), có khả năng thu nhận cảnh xúc chạm.

Có 10 Sắc:

+ 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, sắc, khí, vị, vật thực)
+ 1 sắc Mạng quyền + 1 Sắc thần kinh Thân

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: sự trong ngần của sắc thần kinh Thân

b/ Phận sự: thu bắt cảnh XÚC (đất, lửa, gió)

c/ Sự thành tựu: là chỗ nương cho Thân thức

d/ Nhân cần thiết: có cảnh Xúc (đất, lửa, gió)

II/ SẮC CẢNH

GIỚI

GOCARARŪPA

Chính là đối tượng của 5 căn, là cảnh của 5 sắc thần kinh, là sở tri của Ngũ song thức

Có 4 sắc là: Sắc, Thinh, Khí, Vị
+ Riêng Xúc không được kể vì Xúc là do 3 đại (đất, lửa, gió)

1/ SẮC CẢNH SẮC – RŪPĀRAMMANA

- + Cái gì làm đối tượng cho mắt biết thì đó là Sắc Cảnh Sắc
- + Cái gì diễn đạt lên hình dạng, hình tướng của sự vật, cái đó là cảnh Sắc
- Nói cách khác, cái gì mắt thấy được, tâm nhãn thức biết được, cái đó là cảnh Sắc
- ♣ Nhưng khi có sự biết được Sắc như thế này, như thế kia (tròn, dài, vàng, xanh, trắng...) thì KHÔNG LÀ CẢNH SẮC nữa, mà là CẢNH PHÁP.

Ví dụ: mắt thấy cảnh sắc, lộ tâm Nhãn thức sanh khởi (cảnh Sắc vô thì rung động, đứt dòng => tâm Nhãn thức sanh lên, lộ Tâm Nhãn thức sanh lên diệt mất đi => thì hộ kiếp sanh khởi hàng loạt) => lộ ý môn sanh khởi (lúc này không còn là lộ Nhãn thức nữa mà qua lộ ý) => thu vén hình ảnh => định nghĩa hình ảnh => xác định hình ảnh là cái gì (lúc xác định hình ảnh thì không còn là Chân đế mà là Tục đế)

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: sắc bị thấy bởi mắt	b/ Phận sự: chuyên làm cảnh cho Nhãn thức	c/ Sự thành tựu: thành Sắc Thực cho mắt (vật thực cho con mắt)	d/ Nhân cần thiết: có sắc Tứ đại hay 8 Sắc bất ly
---	--	---	--

2/ SẮC CẢNH THINH – SADDĀRAMMANA

- + Bất kỳ cái gì làm cho Nhĩ thức biết được, cái đó là Cảnh Thinh
- + Những âm thanh nào phát ra là đối tượng của thần kinh Nhĩ làm duyên cho Nhĩ thức sanh lên biết được, cái đó là sắc cảnh Thinh.
- + Nhưng với sự phân biệt được tiếng này - tiếng kia, âm thanh hay - dở, âm thanh của người - thú... thì đó là Cảnh Pháp

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: sắc thinh đối nhĩ (sắc bị nghe)	b/ Phận sự: làm cho Nhĩ thức biết được	c/ Sự thành tựu: thành Thinh thực cho Nhĩ	d/ Nhân cần thiết: có sắc Tứ đại
---	---	--	---

II/ SẮC CẢNH GIỚI

GOCARARŪPA

Chính là đối tượng của 5 căn, là cảnh của 5 sắc thần kinh, là sở tri của Ngũ song thức

Có 4 sắc là: Sắc, Thinh, Khí, Vị

+ Riêng Xúc không

được kể vì Xúc là do 3 đại (đất, lửa, gió)

3/ SẮC CẢNH KHÍ – GANDHĀRAMMANA

- + Vật thể nào mà tự nó cho Tỷ thức biết được bằng cách tỏa mùi, đó là cảnh Khí
- + Sắc nào là đối tượng của thần kinh Tỷ và làm cho Tỷ thức sanh lên biết được, sắc đó là cảnh Khí (cảnh mùi)
- + Nhưng tâm phân biệt được mùi thơm, hôi, thúí, tanh... thì không là cảnh mùi nữa mà đó là cảnh Pháp

TỨ Ý NGHĨA

a/ **Trạng thái:** sắc bị Tỷ thức nhận ra mùi

b/ **Phận sự:** làm cho Tỷ thức biết được

c/ **Sự thành tựu:** thành Hương thực cho Tỷ

d/ **Nhân cần thiết:** có sắc Tứ đại

4/ SẮC CẢNH VỊ - RASĀRAMMANA

- + Cái gì cần phải có sự nếm bằng lưỡi để biết được, cái đó là Cảnh Vị
- + Hay sắc nào làm đối tượng cho thần kinh Thiệt duyên cho Thiệt thức sanh lên biết được, là cảnh Vị
- + Sự nhận biết phân biệt ra được vị cay, chua ... đó là cảnh Pháp

TỨ Ý NGHĨA

a/ **Trạng thái:** sắc đối thần kinh Thiệt (sắc bị nếm)

b/ **Phận sự:** làm cảnh cho Thiệt thức biết

c/ **Sự thành tựu:** thành Vị thực cho Thiệt

d/ **Nhân cần thiết:** có sắc Tứ đại

🌀 **RIÊNG CẢNH XÚC – PHOTTHABBĀRAMMANA:** là cảnh đối Xúc với Thần kinh Thân làm cảnh cho Thân thức biết được.

Cảnh Xúc có 3 pháp tạo nên sự Xúc là: Đất, Lửa, Gió

Do vậy, **HÀNH CẢNH SẮC** thay vì chỉ có 4 (sắc, thính, khí, vị) nhưng nếu tính luôn cảnh Xúc thì có cả thảy là 7 (Sắc, Thính, Khí, Vị + Đất, Lửa, Gió)

III/ SẮC GIỚI

TÍNH –

BHĀVARŪPA

Sắc nào biểu hiện được giới tính của chúng sanh, sắc đó là Sắc Giới tính
Có 2 sắc: Sắc nam tính và Sắc nữ tính

1/ SẮC NAM TÍNH – PURISABHĀVARŪPA

Loại Sắc mà tiêu biểu lên cách tính nam, xác định tư cách Nam tính, có trạng thái cứng cõi, hùng mạnh và có những khía cạnh riêng biệt như: sắc diện, tay chân, dáng vóc rắn rỏi, có bộ phận sinh dục nam, râu ria, lông, một vài bộ phận thuộc phần nam v.v... hoặc những sinh hoạt có đặc tính Nam như những trò chơi cứng rắn: bắn bi, chơi đáo, đánh lộn ...

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: tướng cách Nam	b/ Phận sự: làm thành cách Nam tính	c/ Sự thành tựu: có sắc Nam căn	d/ Nhân cần thiết: có Tứ đại sắc thuộc sắc nghiệp
--------------------------------------	--	--	--

2/ SẮC NỮ TÍNH – ITTHIBHĀVARŪPA

Sắc mà làm chuẩn để xác định hay trình bày lên cách nữ tính, sắc đó là sắc nữ tính; trạng thái mềm dịu, nhu mì, sắc diện, tay chân, vóc dáng ẻo lả, mảnh mai v.v...Đặc biệt là có sắc nữ căn và 1 vài bộ phận của nữ tánh

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: tướng cách Nữ	b/ Phận sự: làm thành cách Nữ tính	c/ Sự thành tựu: có sắc Nữ căn	d/ Nhân cần thiết: có Tứ đại sắc (sắc do nghiệp tạo)
-------------------------------------	---	---------------------------------------	---

IV/ SẮC Ý VẬT –

HADAYAVATTHU

+ Y cứ nơi sắc mà tâm nương là Sắc ý vật
+ Sắc nào làm chỗ nương cho Ý giới (1 Khán ngũ môn, 2 Tiếp thân), Ý thức giới: sắc ấy chính là Sắc Ý vật

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: sắc cho tâm nương	b/ Phận sự: làm thành căn cứ địa cho tâm	c/ Sự thành tựu: bảo bọc, gìn giữ tâm	d/ Nhân cần thiết: có Tứ đại sắc (sắc do nghiệp tạo)
---	---	--	---

V/ SẮC MẠNG

QUYỀN

JĪVITINDRIYARŪPA

Là sắc tự duy trì sự sống còn cho chính nó và các sắc nghiệp đồng sanh; Không có sắc này, các sắc do nghiệp tạo không thể tồn tại được trong 3 sát na tiểu (sanh, trụ, diệt); sắc mạng quyền còn tồn tại được do nương hòa đại trong thân; các sắc khác như: sắc Tâm tạo, sắc Vật thực, sắc Âm dương thì tự tồn tại, không dựa vào sắc Mạng quyền này

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: bảo tồn các sắc đồng sanh

b/ Phận sự: làm cho sắc nghiệp (sắc do nghiệp tạo) sống còn

c/ Sự thành tựu: duy trì sự tồn tại

d/ Nhân cần thiết: có Tứ đại sắc quân bình

VI/ SẮC VẬT

THỰC -

ĀHĀRARŪPA

Sắc nào mà làm thành chất dưỡng trợ cho các sắc khác được phát triển tốt đẹp, đó là sắc vật thực

Vật thực (tứ thực) có 4:

1/ Đoàn Thực

2/ Xúc Thực

3/ Tư Niệm Thực

4/ Thức Thực

ĐOÀN THỰC CHÍNH LÀ SẮC VẬT THỰC, nó là chất dưỡng tố (ojā) trong các món ăn và do nhờ có nó mà chúng sanh được tồn tại, khỏe mạnh

Sắc Vật thực có 2:

1/ Vật thực ngoại: chất bổ bên ngoài bổ sung thêm vào bên trong cơ thể

2/ Vật thực nội: có quan tự dinh dưỡng của mỗi bợn sắc tức là sự tồn tại, sự còn của tất cả sắc

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: trợ sanh sắc

b/ Phận sự: làm cho sắc được phát triển, tồn tại, tươi mát, tốt đẹp

c/ Sự thành tựu: nuôi dưỡng sắc uẩn

d/ Nhân cần thiết: vật thực thích hợp

VII/ SẮC HƯ

KHÔNG –

ĀKĀSARŪPA

Chỗ nào mà không thể đụng, rờ, chạm: cái đó là sắc Hư không

Có 4 cách phân loại:

1/ Hư không Vũ trụ

2/ Khoảng trống như: lỗ mũi, lỗ tai, miệng, hang, hố

3/ Đề mục thiên về hư không (Không Vô Biên Xứ)

4/ Giao giới hư không, ranh giới giữa các phần tử Sắc, trong mỗi bợn sắc đều phải có ranh giới riêng để tách biệt rõ từng loại Sắc, khoảng không giữa 2 Sắc gọi là Sắc Giao giới

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: khoảng không không giữa 2 bợn sắc	b/ Phận sự: làm riêng biệt, rõ rệt từng bợn sắc	c/ Sự thành tựu: phân chia bợn sắc	d/ Nhân cần thiết: có khoảng cách của sắc
---	--	---	--

BUỔI 84 - 01.08.2020 - ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/300206217893329/?v=300206217893329>

VIII/ SẮC BIỂU

TRI

VINNATTIRŪPA

Sắc nào biểu lộ được ý muốn hay làm cho người khác hiểu được ý, sắc đó là Sắc biểu tri

Có 2:

+ Thân biểu tri

+ Khẩu biểu tri

1/ THÂN BIỂU TRI - KĀYAVINNATTI

Sự hiện bày bằng cách cử động thân cho người khác biết được như: ngoắt tay, vẫy tay chào, lắc đầu, gật đầu...gọi là Thân biểu tri.

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: sự biểu hiện bằng thân cho người khác hiểu	b/ Phận sự: làm cho hiểu được qua cách nêu bày nơi thân	c/ Sự thành tựu: có thân hành động	d/ Nhân cần thiết: có Gió phát sanh do từ Tâm
--	--	---	--

2/ KHẨU BIỂU TRI - VACĪVINNATTIRŪPA

Sắc nào làm cho phát sanh ra tiếng, ra lời nói cho người khác nghe hiểu được, sắc đó là sắc khẩu biểu tri

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: sự biểu hiện bằng khẩu cho người khác hiểu	b/ Phận sự: làm cho hiểu ý qua lời nói	c/ Sự thành tựu: khẩu phát ngôn	d/ Nhân cần thiết: nguyên tố Đất phát sanh do từ Tâm
--	---	--	---

IX/ SẮC ĐẶC

BIỆT –

VIKĀRARŪPA:

Những gì nói lên đặc thù chi tiết của sắc thì gọi là sắc đặc biệt

Có 3 loại :

1/ Sắc Khinh

2/ Sắc Nhu

3/ Sắc Thích nghiệp

1/ SẮC KHINH - RŪPALAHUTĀ, (lightness)

Cái mà làm cho thân thể được nhẹ nhàng dễ chuyển động được gọi là Sắc Khinh (*xác chết luôn nặng hơn người sống*).

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: nhẹ nhàng	b/ Phận sự: làm cho thân nhẹ và loại trừ sự nặng	c/ Sự thành tựu: khinh nhẹ	d/ Nhân cần thiết: có sắc khinh (sắc nhu + thích phụ trợ)
---------------------------------	---	-----------------------------------	--

2/ SẮC NHU - MUDITĀRŪPA

Khi nào có sự uyển chuyển mềm mại, dễ sử dụng của sắc khi đó có Sắc Nhu

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: Sự mềm mại, không thô cứng	b/ Phận sự: làm cho thân mềm và loại trừ sự cứng	c/ Sự thành tựu: dễ dàng hành động	d/ Nhân cần thiết: có sắc nhu (sắc khinh + thích phụ trợ)
--	---	---	--

3/ SẮC THÍCH NGHIỆP - RŪPAKAMMANNA

Sự thích ứng, thích hợp với công việc là Sắc Thích nghiệp

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: thích ứng với việc làm	b/ Phận sự: làm cho thích hợp và loại trừ sự không thích hợp	c/ Sự thành tựu: thích hợp, không bệnh	d/ Nhân cần thiết: có sắc Thích nghiệp
--	---	---	---

**X/ SẮC TỨ
TƯƠNG –
LAKKHANARŪPA**

Sắc nào mà từ đó có thể xác định được tánh chất hữu vi, tánh biến đổi, sắc đó là sắc tứ tướng.

Có 4 loại là:

- 1/ Sắc Sinh
- 2/ Sắc Tiến
- 3/ Sắc Dị
- 4/ Sắc Diệt

1/ SẮC SINH - UPACAYARŪPA

Sắc nào được sinh khởi lần trước tiên, có mặt đầu tiên ngay vào sát na tâm tục sinh, sắc đó là sắc sinh (xem phần sự sanh khởi sắc)

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: sắc vừa mới sanh	b/ Phận sự: tạo sự sanh khởi các sắc	c/ Sự thành tựu: đầy đủ sắc mới sanh	d/ Nhân cần thiết: có sắc đồng sanh
--	---	---	--

2/ SẮC TIẾN - SANTATIRŪPA:

Sau khi sắc sinh hiện khởi tròn đủ rồi sắc tiếp sau đó sanh khởi liên tiếp làm cho tiến hoá lớn thêm lên, gọi là sắc tiến

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: sự diễn tiến của sắc	b/ Phận sự: dẫn tiếp nối theo sau	c/ Sự thành tựu: liên tục không ngưng, không gián đoạn	d/ Nhân cần thiết: có sắc tiến
--	--	---	---------------------------------------

3/ SẮC DỊ - JARATARŪPA:

Sắc nào trở nên cần cỗi, biến hoại, suy tàn, sắc đó gọi là sắc dị, sắc lão. **Sự lão có 2:**

- 1/ Ẩn lão:** Sự lão hoá trong từng phút từng giây của cơ thể là sự ẩn lão
- 2/ Hiện lão:** sự già, da nhăn, tóc bạc, răng rụng, mắt mờ... là hiện lão

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: cách tàn úa của sắc	b/ Phận sự: dẫn đến sự lão mại	c/ Sự thành tựu: lão hoá	d/ Nhân cần thiết: có sắc tiêu mòn
---	---------------------------------------	---------------------------------	---

4/ SẮC DIỆT – ANICCATĀRŪPA

Là cách đang diệt, vừa sắp tiêu mất, giai đoạn hoại sắc. Sắc vô thường, biến diệt từ cái có đến cái không

TỨ Ý NGHĨA

a/ Trạng thái: hoại diệt, cách hư hao làm cho hư mất	b/ Phận sự: làm diệt đi sắc lão mại	c/ Sự thành tựu: tiêu mất	d/ Nhân cần thiết: có sắc đang diệt
---	--	----------------------------------	--

☉ Có 2 loại Sắc: SẮC RÕ VÀ SẮC KHÔNG RÕ

+ Sắc rõ: từ Đất đến sắc Vật thực = 18

+ Sắc ko rõ: 10 sắc còn lại là: sắc Hư không đến sắc Diệt cuối cùng.

SẮC PHÁP PHÂN LOẠI THEO THỂ TÍNH

- 1/ AJJHATTIKARŪPA - SẮC NỘI: **5 sắc Thần kinh**
- 2/ BĀHIRARŪPA - SẮC NGOẠI: **23 sắc còn lại**
- 3/ VATTHURŪPA - SẮC VẬT: **5 sắc Thần kinh và Sắc Ý vật.**
- 4/ AVATTHURŪPA - SẮC PHI VẬT: **22 sắc còn lại**
- 5/ DVĀRARŪPA - SẮC MÔN (là sắc làm nhân sanh cho lộ ngũ môn và thân nghiệp, khẩu nghiệp): **5 sắc Thần kinh, 2 Sắc Biểu tri.**
- 6/ ADVĀRARŪPA – SẮC PHI MÔN: **21 sắc còn lại**
- 7/ INDRIYARŪPA - SẮC QUYỀN: **5 sắc Thần kinh, 2 Sắc Tính, Sắc Mạng quyền**
- 8/ ANINDRIYARŪPA - SẮC PHI QUYỀN: **20 sắc còn lại**
- 9/ OLĀRIKARŪPA - SẮC THÔ: **5 sắc Thần kinh, 7 Sắc Cảnh giới (visayarūpa).**
- 10/ SUKHUMARŪPA - SẮC TẾ: **16 sắc còn lại** (nước + 2 sắc tính + sắc ý vật + sắc mạng quyền + sắc Vật thực + sắc hư không + 2 sắc biểu tri + 3 sắc đặc biệt + 4 sắc tứ tướng = 16 sắc)
- 11/ SANTIKERŪPA - SẮC GẦN: **5 sắc Thần kinh, 7 Sắc Cảnh giới.**
- 12/ DŪRERŪPA - SẮC XA: **16 sắc còn lại.**
- 13/ SAPPATIGHARŪPA - SẮC HỮU ĐỐI XÚC: **5 sắc Thần kinh, 7 Sắc Cảnh giới.**
- 14/ APPATIGHARŪPA - SẮC VÔ ĐỐI XÚC: **16 sắc còn lại**
- 15/ UPĀDINNARŪPA - SẮC THỦ: **18 Sắc Nghiệp** (5 sắc thần kinh, 2 sắc tính, 8 sắc bất ly, 1 sắc hư không, 1 sắc mạng quyền, 1 sắc ý vật)
- 16/ ANUPĀDINNARŪPA - SẮC PHI DO THỦ: **10 sắc còn lại** (1 sắc vật thực + 2 sắc biểu tri + 3 sắc đặc biệt + 4 sắc tứ tướng) (gồm có 40: 15 sắc tâm, 13 sắc quý tiết, 12 sắc vật thực)
- 17/ SANIDASSANARŪPA - SẮC HỮU ĐỐI KIẾN: **Sắc Cảnh sắc**
- 18/ ANIDASSANA - SẮC VÔ ĐỐI KIẾN: **27 sắc còn lại.**
- 19/ GOCASAGGĀHAKARŪPA - SẮC THU CẢNH: **5 sắc Thần kinh** (1+2 = khoảng cách; 3,4,5 = trực tiếp nhận cảnh)
- 20/ AGOCARAGGĀHAKARŪPA - SẮC BẤT THU CẢNH: **23 sắc còn lại.**
- 21/ AVINIBBHOGORŪPA - SẮC BẤT LY: **4 đại hiện (Đất, Nước, Lửa, Gió) + Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Vật thực.**
- 22/ VINIBBHOGARŪPA - SẮC HỮU LY: **20 sắc còn lại.**

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDHASSA**

**GIÁO TRÌNH VI DIỆU PHÁP CƠ BẢN
ABHIDHAMMA**

**SẮC PHÁP
PHẦN 2**

Room Paltalk: VIDIEUPHAPCOBAN

THỜI GIAN: 05/07/2020 – 16/08/2020

Room Paltalk: NGUYENNHUKYVIEN

THỜI GIAN: 08/08/2020 – 15/08/2020

Giảng sư: KING MILANDA A

**KALĀPA-YOJANĀ -
CÁC NHÓM SẮC
PHÁP**

Ekuppādā ekanirodhā ekanissayā sahavuttino ekavīsati rūpa-kalāpā nāma.

Có hai mươi một tổng hợp Sắc pháp xét vì các sắc pháp này đồng sanh, đồng diệt, cùng có chung một nền tảng, và cùng tồn tại chung.

Tattha jīvitam avinibbhogarūpañca cakkhunā saha cakkhudasakanti pavuccati. Tathā sotādīhi saddhim sotadasakam, ghāṇadasakam, jivhādasakam, kāyadasakam, itthibhāvasakam, pumbhāva-dasakam, vatthudasakañ cāti yathākkamam yojetabbam. Avinibbhogarūpameva jīvitena saha jīvitavakanti pavuccati. Ime nava kamma - samuṭṭhāna-kalāpā.

Nơi đây Sắc Mạng quyền và 8 Sắc Bất ly cùng với mắt gọi là "nhóm mười thành phần Mắt". Cùng thể ấy, "mười thành phần Tai", "mười thành phần Mũi", "mười thành phần Lưỡi", "mười thành phần Thân", "mười thành phần Nữ tánh", "mười thành phần Nam tánh", "mười thành phần Ý vật". Những tám sắc bất ly cùng với Mạng quyền, được gọi là "chín thành phần Mạng căn". Chín tổng hợp sắc pháp này do Nghiệp tạo

Avinibbhogarūpam pana suddhaṭṭhakam. Tadeva kāyaviññattiyā saha kāyaviññattinavakam vacī-viññattisaddehi saha vacīviññattidasakam; lahu - tādīhi saddhim lahutādi - ekādasakam kāyaviññatti - lahutādi - dvādasakam vacīviññattisadda - lahutādi - terasakañ cāti cha cittasamuṭṭhānakalāpā.

Những Sắc pháp không thể tách rời nhau hợp thành "tám sắc bất ly". Cùng với Thân Biểu tri, các sắc pháp này hợp thành "chín thành phần thân biểu"; cùng với ngữ biểu tri và tiếng động, hợp thành "mười thành phần ngữ biểu"; cùng với những đặc tính Khinh, Nhu, và Thích nghiệp, "mười một thành phần khinh nhu thích"; "mười hai thành phần thân biểu, Khinh, Nhu, Thích nghiệp"; và mười ba thành phần ngữ biểu, tiếng, đặc tính khinh, nhu, và thích nghiệp. Sáu tổng hợp này của Sắc pháp do Tâm tạo.

KALĀPA-YOJANĀ -

CÁC NHÓM SẮC

PHÁP

Suddhaṭṭhakaṃ, saddanavakaṃ, lahutādi ekādasakaṃ, sadda-lahutādi dvādasakaṃ cāti cattāro utusamuṭṭhāna-kalāpā.

Tám sắc bất ly, chín thành phần Tiếng, mười thành phần Khinh, Nhu và Thích nghiệp; mười hai thành phần Tiếng, Khinh, Nhu, và Thích nghiệp. Bốn pháp này do hiện tượng Thời tiết tạo.

Suddhaṭṭhakaṃ, lahutādekādasakaṃ cāti dve āhāra - samuṭṭhāna -kalāpā.

Tám Sắc Bất ly, và mười một thành phần Khinh, Nhu và Thích nghiệp là hai nhóm Sắc pháp do vật thực tạo.

Tattha suddhaṭṭhakaṃ, saddanavakaṃ cāti utu - samuṭṭhāna - kalāpā bahiddhā pilabbhanti. Avasesā pana sabbe pi ajjhattikameva. Kammacittotukāhāra - samuṭṭhānā yathākkamaṃ. Nava cha caturo dveti kalāpā ekavīsati. Kalāpānaṃ paricchedalakkhaṇattā vicakkhaṇā. Na kalāpaṅgaṃ iccāhu ākāsaṃ lakkhaṇānica. Ayamettha kalāpa-yojanā.

Trong những tổng hợp các sắc pháp này có hai do hiện tượng thời tiết tạo, 8 Sắc Bất ly và thành-phần-tiếng cũng từ bên ngoài. Tất cả còn lại là hoàn toàn ở bên trong. Có hai mươi một tổng hợp sắc pháp: chín, sáu, bốn và hai, theo thứ tự, được tạo nên do Nghiệp, Tâm, hiện tượng Thời tiết, và Vật thực. Vì sắc Hư không và các đặc tướng của sắc pháp “SINH-TIẾN-DỊ-DIỆT” chỉ nêu rõ tánh tự nhiên, bậc hiền trí dạy rằng hai thành phần này không nằm trong tổng hợp các sắc pháp. Đây là sự hình thành những tổng hợp các sắc pháp.

KALĀPA - YOJANĀ
CÁC NHÓM SẮC PHÁP

4 NHÂN TẠO SẮC

1. SẮC NGHIỆP

2. SẮC TÂM

3. SẮC ÂM DƯƠNG (SẮC QUÝ TIẾT)

4. SẮC VẬT THỰC

CÓ 21 NHÓM SẮC

9 do NGHIỆP

6 do TÂM

4 do ÂM DƯƠNG (thời tiết)

2 do VẬT THỰC

A/ SẮC DO NGHIỆP TẠO
KAMMAJĀ:

Sắc do Tâm sở Tư (nghiệp) tạo (thiện hay bất thiện): những sắc pháp do Nghiệp đã làm trong quá khứ tạo

Có 18 Sắc do Nghiệp tạo:

♣ **8 sắc Bất ly** (Đất, Nước, Lửa, Gió, Sắc, Khí, Vị, Vật thực) Luôn luôn có mặt trong tất cả các sắc pháp (do Nghiệp, do Tâm, hay Thời tiết... đều có 8 sắc này), KHÔNG BAO GIỜ TÁCH RỜI ĐƯỢC.

♣ **5 sắc Thần kinh** (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân) Khi tục sinh thì những sắc thần kinh bắt đầu xuất hiện (do nghiệp trong quá khứ cho ra những sắc thần kinh này), những sắc thần kinh này không thể do Tâm, Thời tiết hay Vật thực tạo ra được.

♣ **2 sắc Tính** (nam, nữ) Sắc tính: do Nghiệp trong quá khứ cho ra tính Nam hay tính Nữ

♣ **1 sắc Ý vật** Sắc ý vật (sắc làm chỗ cho tâm nương): phải do nghiệp tạo ra để cho tâm tục sanh nương.

♣ **1 sắc Mạng quyền** Sắc mạng quyền (sắc nuôi dưỡng gìn giữ mạng sống cho những sắc nghiệp được tồn tại)

♣ **1 sắc Hư không** (khoảng cách giữa 2 cái sắc)

<p>A/ SẮC DO NGHIỆP TẠO KAMMAJĀ:</p> <p>Sắc do Tâm sở Tư (nghệp) tạo (thiện hay bất thiện): những sắc pháp do Nghệp đã làm trong quá khứ tạo</p>	<p>PHÂN NHÓM: Có 9 nhóm:</p>	
	<p>Nhóm 10 sắc: có 8</p>	<p>1/ Nhóm Mắt: 8 sắc bất ly + sắc thần kinh Nhãn + sắc Mạng quyền</p>
		<p>2/ Nhóm Tai: 8 sắc bất ly + sắc thần kinh Nhĩ + sắc Mạng quyền</p>
		<p>3/ Nhóm Mũi: 8 sắc bất ly + sắc thần kinh Tỷ + sắc Mạng quyền</p>
		<p>4/ Nhóm Lưỡi: 8 sắc bất ly + sắc thần kinh Thiệt + sắc Mạng quyền</p>
		<p>5/ Nhóm Thân: 8 sắc bất ly + sắc thần kinh Thân + sắc Mạng quyền</p>
		<p>6/ Nhóm Nam tính: 8 sắc bất ly + sắc Nam tính + sắc Mạng quyền</p>
		<p>7/ Nhóm Nữ tính: 8 sắc bất ly + sắc Nữ tính + sắc Mạng quyền</p>
		<p>8/ Nhóm Sắc Ý vật: 8 sắc bất ly + sắc Ý vật + sắc Mạng quyền</p>
		<p>Nhóm 9 sắc: có 1</p>
<p>NHỮNG NHÓM DO NGHIỆP TẠO LIÊN TỤC SANH KHỞI</p>		
<p>B/ SẮC DO TÂM TẠO CITTAJĀ</p> <p>Những loại sắc được phát sanh do tâm tạo ra (khi tâm khởi lên 1 loại tư tưởng thì sẽ tạo những loại sắc như vậy)</p> <p>có 6 nhóm:</p>	<p>1. NHÓM BÁT THUẦN: 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, sắc, khí, vị, vật thực) khi chưa có hành động về thân và khẩu thì chỉ tạo ra được 8 sắc bất ly (vd hơi thở ra vô cũng chỉ do tâm tạo ra)</p>	
	<p>2. NHÓM THÂN BIỂU TRI: có 9 sắc: 8 sắc bất ly + Thân biểu tri: khi có hành động về thân, khởi lên muốn di chuyển, giơ tay, lắc tay ... thì thân biểu tri phát sanh do tâm tạo</p>	
	<p>3. NHÓM KHẨU BIỂU TRI: có 10 sắc: 8 sắc bất ly + Khẩu biểu tri + sắc cảnh Thinh: khi khởi tâm muốn nói</p>	
	<p>4. NHÓM ĐẶC BIỆT: có 11 sắc: 8 sắc bất ly + 3 Sắc đặc biệt (Khinh, Nhu, Thích nghiệp): Tâm làm cho sắc pháp được mềm mại, nhu nhuyễn, dễ chịu</p>	
	<p>5. NHÓM THÂN ĐẶC BIỆT: có 12 sắc: 8 sắc bất ly + Thân biểu tri + 3 Sắc đặc biệt: khi thân di chuyển, co duỗi dễ dàng => có 3 sắc đặc biệt hỗ trợ cho mình</p>	
	<p>6. NHÓM KHẨU - THINH ĐẶC BIỆT: có 13 sắc: 8 sắc bất ly + Khẩu biểu tri + sắc cảnh Thinh + 3 Sắc đặc biệt: khi khởi tâm lên muốn nói, thì nói ra phát ra khẩu biểu tri và âm thanh đi theo, kèm theo 3 sắc đặc biệt giúp cho chúng ta dễ nói, nói lưu loát, mềm mại.</p>	

C/ SẮC DO ÂM

DƯƠNG TẠO

UTUSAMUTTHĀNA

có 4 nhóm:

1. NHÓM BÁT THUẦN: 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, sắc, khí, vị, vật thực)

2. NHÓM THINH: có 9 sắc: 8 sắc bất ly + sắc cảnh Thinh

3. NHÓM ĐẶC BIỆT: có 11 sắc: 8 sắc bất ly + 3 Sắc đặc biệt (Khinh, Nhu, Thích nghiệp)

4. NHÓM THINH ĐẶC BIỆT: có 12 sắc: 8 sắc bất ly + sắc cảnh Thinh + 3 sắc đặc biệt (Khinh, Nhu, Thích nghiệp)

**D/ SẮC DO VẬT
THỰC TẠO**

OJĀSANKHĀTO

có 2 nhóm

1. NHÓM BÁT THUẦN: 8 sắc bất ly (Đất, Nước, Lửa, Gió, Sắc, Khí, Vị, Vật thực)

2. NHÓM ĐẶC BIỆT: có 11 sắc: 8 sắc Bất ly + 3 sắc Đặc biệt

TỔNG CỘNG: có 21 nhóm gồm:

+ 9 (do Nghiệp tạo)

+ 6 (do Tâm tạo)

+ 4 (do Âm dương tạo)

+ 2 (do Vật thực tạo)

RŪPASAMUṬṬHĀNA
- NAYA
SỰ KHỞI SANH
CỦA CÁC SẮC
PHÁP

* Kammaṃ, cittaṃ, utu, āhāro cāti cattāri rūpa - samuṭṭhānāni nāma.

Sắc pháp khởi sanh bằng bốn phương cách, đó là:

- | | |
|--------------|-----------------|
| 1/ Nghiệp | 2/ Tâm |
| 3/ Thời Tiết | và 4/ Vật Thực. |

* Tatthā kāmāvacaram rūpāvacaram cā ti pañcavīsati - vidham pi kusalākusalakammam - abhisāṅkhatam ajjhattika - santāne kmmasamuṭṭhānarūpaṃ paṭisandhimupādāya khaṇe samuṭṭhāpeti.

Sắc Pháp Khởi Sanh Do Nghiệp. Nơi đây, hai mươi lăm loại thiện và bất thiện nghiệp thuộc Dục Giới và Sắc Giới, trong sự liên tục bên trong chính ta, tạo nên những sắc pháp do nghiệp sanh, trong từng chặp tư tưởng, bắt đầu từ khi được thọ thai (tức từ lúc thức nối liền khởi sanh).

* Arūpavipākadvipañcaviññānavajjitam pañcasattati - vidham pi cittaṃ cittasamuṭṭhānarūpaṃ paṭhama - bhavaṅgam upādāya jāyantameva samuṭṭhāpeti. Tattha appanājavanaṃ iriyāpathampi sannāmeti. Votthapanakāmāvacarajavanābhiññā pana viññat-timpi samuṭṭhāpentī. Somanassa - javanāni panettha terasahasanaṃ pijanenti.

Sắc Pháp Khởi Sanh Do Tâm. Bảy mươi lăm loại tâm, ngoại trừ những tâm Quả thuộc Vô Sắc Giới và năm cặp thức, tạo nên Sắc pháp do Tâm tạo, ngay vào lúc chặp bhavaṅga (hộ kiếp) đầu tiên khởi phát. Nơi đây những chặp tâm Thiền Javanas (tốc hành) điều hòa tư thể (oai nghi) của thân. Nhưng những xác định Tâm, những chặp tốc hành tâm (javanas) thuộc Dục Giới và những Siêu Trí tâm cũng tạo những phương tiện truyền thông (cử chỉ và lời nói). Nơi đây mười ba tốc hành tâm liên hợp với thọ hỷ cũng tạo tiểu sanh tâm (tâm làm mỉm cười).

* Sītuṇhotu - samaññātā tejo – dhātu - ṭhitippattāva utu - samuṭṭhānarūpaṃ ajjhattañ ca bahiddhā ca yathārahaṃ samuṭṭhāpeti.

Sắc Pháp Khởi Sanh Do Điều Kiện Thời Tiết. Nguyên tố lửa (Hỏa Đại) bao hàm cả hai, nóng và lạnh khi đến giai đoạn trụ (trong ba giai đoạn sanh, trụ, diệt) thì tạo nên cả hai, tùy trường hợp, các Sắc pháp bên trong và Sắc pháp bên ngoài, do điều kiện thời tiết sanh.

RŪPASAMUṬṬHĀNA

- NAYA

SỰ KHỞI SANH

CỦA CÁC SẮC

PHÁP

* Ojā - sankhāto āhāro āhārasamuṭṭhānarūpaṃ ajjho - haraṇakāle ṭhānappattova samuṭṭhāpeti.

Sắc Pháp Khởi Sinh Do Vật Thực. Vật thực, được gọi là tinh chất dinh dưỡng, trong khi tiêu hóa đến giai đoạn trụy, tạo nên những Sắc pháp do vật thực sanh.

* Tattha hadaya - indriyarūpāni kammajañeva viññatti - dvayaṃ cittajameva, saddocittotujo, lahutādittayaṃ utucittāhārehi sambhoti.

Nơi đây trái tim và (tám) sắc mạng căn khởi sinh do nghiệp. Hai phương tiện truyền thông (biểu lộ bằng thân - thân biểu, và bằng lời nói - ngữ biểu) chỉ sinh khởi do Tâm.

* Avinibbhogarūpāni ceva ākāsadhātu ca catūhi sambhūtāni. Lakkhaṇarūpāni na kutoci jāyanti.

Tiếng nói sinh khởi do Tâm và điều kiện Thời tiết. Ba đặc tính nhẹ v.v... sinh khởi do điều kiện thời tiết, tâm, và vật thực. Những đặc tính không thể tách rời nhau của Sắc pháp và nguyên tố Hư không khởi sinh do bốn nguyên nhân.

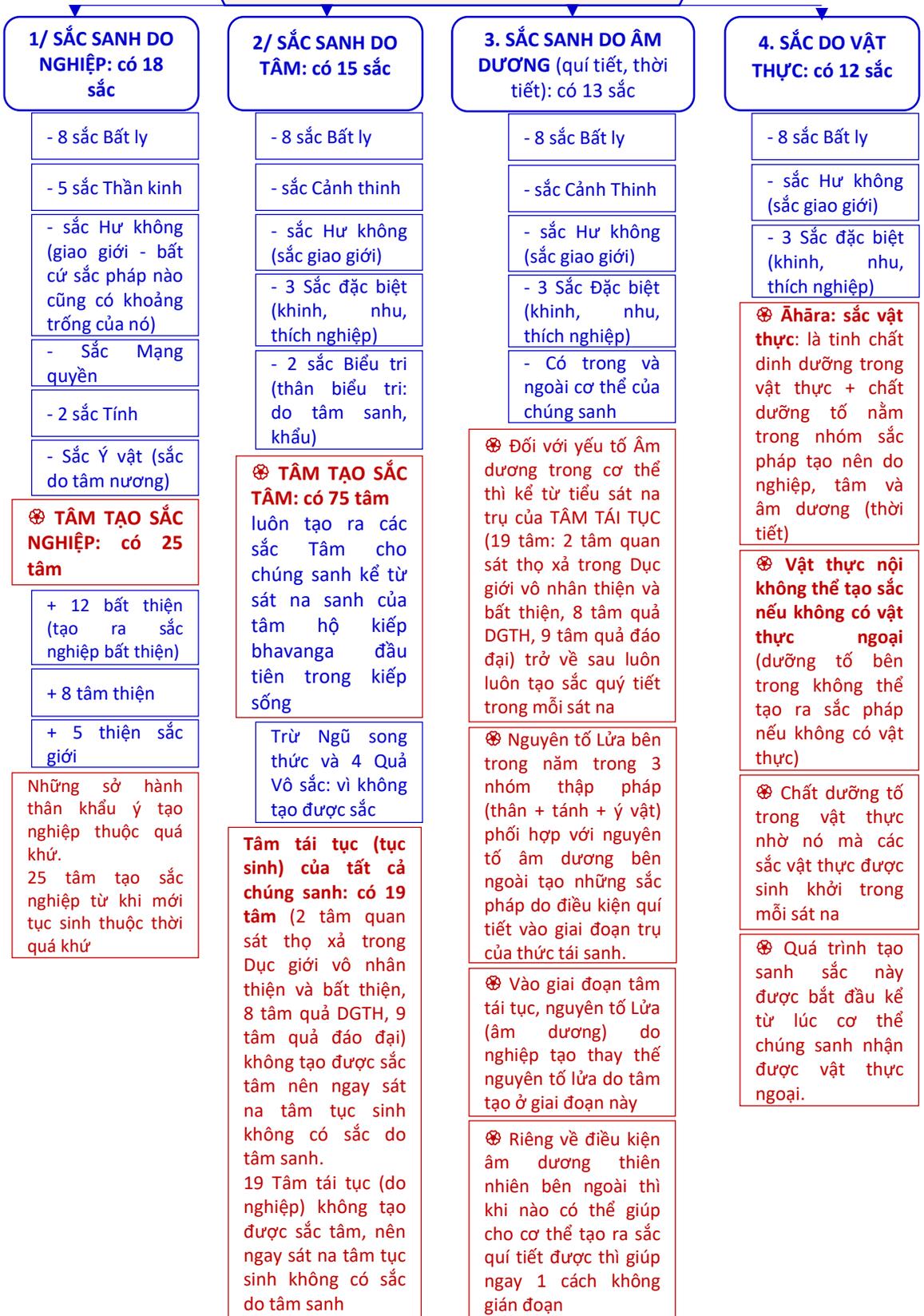
* Aṭṭhārasa paṇṇarasa terasa dvādasāti ca. Kammacittotukāhārajāni honti yathākkamaṃ.

Mười tám, mười lăm, mười ba và mười hai, theo thứ tự, do Nghiệp, Tâm, điều kiện Thời tiết, và Vật thực tạo.

* Jāyamānādirūpānaṃ sabhāvattā hi kevalaṃ. Lakkhaṇāni na jāyanti kehicīti pakāsitaṃ. Ayam ettha rūpasamuṭṭhānanayo.

Các đặc tính của sắc pháp không do nguyên nhân nào. Những dấu hiệu cá biệt của Sắc pháp khởi sinh v.v... không do nguyên nhân nào tạo, được nói như vậy, vì hoàn toàn cố hữu dính liền theo các pháp ấy.

I/ SỰ KHỞI SANH CỦA CÁC SẮC PHÁP
4 nhân sanh SẮC:



NOTE:

Tất cả TÂM TÁI TỤC của chúng sanh và TÂM VIÊN TỊCH của vị Alahan bị trừ ra là vì những nguyên do như sau:

♣ 19 tâm làm việc tái tục (2 tâm quan sát thọ xả trong Dục giới vô nhân thiện và bất thiện, 8 tâm quả DGTH, 9 tâm quả đáo đại) – 4 tâm tái tục cõi Vô sắc = 15 tâm còn lại: là tâm tái tục vì chúng là những tâm mới hiện hữu trong kiếp sống nên yếu ớt nên sát na tâm tái tục không thể tạo ra sắc do tâm tạo (lúc đó chỉ có nghiệp trong quá khứ tạo)

♣ Về TÂM VIÊN TỊCH (tâm tử) của vị Alahan, sở dĩ không tạo được sắc tâm vì đây là trường hợp đặc biệt, tâm của vị ấy đã hoàn toàn đoạn tận phiền não nên tâm tử không tạo sắc nghiệp được.

♣ Đối với các chúng sanh khác thì Tâm Tử vẫn tạo được sắc nghiệp

ĐIỀU ĐÁNG GHI NHỚ:

+ 75 tâm (trừ Ngũ song thức và 4 quả Vô sắc) tạo được sắc tâm phải tạo vào thời điểm sát na sanh vì tới sát na trụ và diệt thì chúng trở nên yếu đuối không thể tạo sắc tâm được.

+ theo Visuddhimagga, ở cõi Người khi được ăn uống đầy đủ thì có thể nhịn trong 1 tuần lễ cơ thể vẫn không hề hấn gì.

+ ở cõi Chư thiên thì 1 bữa ăn có thể nuôi sống trọn 1 tháng hoặc 2 tháng.

+ riêng SẮC TƯ TƯỢNG không có nhân sanh, chúng chỉ là từng giai đoạn biến thái của sắc.

II/ PHÂN LOẠI SẮC NGHIỆP

Có 2 loại:

1/ Cố định: gọi là sắc nghiệp cố định vì các sắc ấy chỉ sanh ra do nghiệp quá khứ mà thôi và chúng chỉ có trong cơ thể chúng sanh.

Có 9 sắc:

- 5 sắc Thần kinh

- 2 sắc Giới tính

- sắc Ý vật

- sắc Mạng quyền

2/ Bất định: là vì các sắc ấy có thể sanh trong cơ thể chúng sanh mà cũng có thể xuất hiện trong các vô sinh vật và 1 lý do khác nữa là các sắc ấy có thể được tạo ra do nhiều nhân sanh khác chứ không hẳn chỉ riêng nghiệp.

Có 9 sắc:

- 8 sắc Bất ly

- sắc Hư không (giao giới - bất cứ sắc pháp nào cũng có khoảng trống của nó)

1/ SẮC NGHIỆP

TỤC SINH:

Có 3 nhóm 10

(thập pháp)

a/ Sắc Thần kinh Thân: có 10 sắc:

8 sắc Bất ly + sắc Mạng quyền + sắc Thần kinh Thân

b/ Sắc Tính: có 10 sắc:

8 sắc Bất ly + sắc Mạng quyền + sắc Tính (nam/nữ)

c/ Sắc Ý vật: có 10 sắc

8 sắc Bất ly + sắc Mạng quyền + sắc Ý vật

♣ **Từ sát na tâm Tục sinh:** sắc do nghiệp quá khứ sanh....
đến sát na thứ 17: 3 nhóm sắc x 17 sát na tâm = 51 nhóm
sắc sanh khởi

🌀 CHÚ Ý: SẮC NGHIỆP DIỆT ĐỒNG LÚC VỚI TÂM TỬ

2/ SẮC TÂM:

Có 15 sắc do Tâm

tạo:

♣ 15 sắc gồm:

- + 2 sắc Biểu tri (thân biểu tri, khẩu biểu tri)
- + sắc Cảnh Thinh
- + 8 sắc Bất ly
- + sắc Giao giới (Hư không)
- + 3 sắc Đặc biệt (Khinh, Nhu, Thích nghiệp)

🌀 SẮC
TÂM CỐ
ĐỊNH VÀ
BẤT ĐỊNH:

+ Cố định: 2 sắc Biểu tri (Thân, Khẩu)

+ Bất định: 13 sắc còn lại

♣ Sắc Tâm Bất Định bởi chúng có thể
được trợ sanh bằng nhiều điều kiện
khác ngoài Danh pháp

♣ Sắc cảnh Thinh: Nếu là tiếng người hay tiếng thú thì
cũng phải do 2 nhân trợ sanh là tâm và quý tiết

♣ Nếu là những tiếng động phát ra từ những vật vô tri
như: tiếng xe, nước chảy, gió thổi ...là do quý tiết (âm
dương thời tiết) làm điều kiện trợ sanh.

♣ 3 sắc Đặc biệt (Khinh, Nhu, Thích nghiệp):

- + Bên trong thân: đôi khi do tâm sanh, do quý tiết
sanh hoặc do vật thực tạo nên như khi thân thoải mái
thì cơ thể có cảm giác nhẹ nhàng, linh hoạt, uyển
chuyển
- + Bên ngoài thân: Khi thời tiết khí hậu tốt đẹp hay do
thức ăn thích hợp thì cơ thể cũng đủ 3 sắc đặc biệt
- *** 3 Sắc Đặc biệt luôn đi chung nhau và chỉ có trong
cơ thể sinh vật mà thôi

♣ 8 sắc Bất ly + sắc Giao giới (sắc Hư không): đều là
những sắc tâm bất định do nhiều nguyên nhân tạo

**3/ SẮC QUÝ TIẾT
(SẮC ÂM DƯƠNG)**
có 13

♣ **13 sắc gồm:**

- + sắc Cảnh Thịnh
- + 3 sắc Đặc biệt (Khinh, Nhu, Thích nghiệp)
- + 8 sắc Bất ly
- + 1 sắc Giao giới (Hư không)

☯ **TẤT CẢ ĐỀU BẤT ĐỊNH KHI THÌ NHÂN NÀY TRỢ SANH, KHI THÌ NHÂN KHÁC TRỢ SANH**

**4/ SẮC VẬT THỰC
(DƯƠNG TỐ)**
có 12

♣ **12 sắc gồm:**

- + 3 sắc Đặc biệt (Khinh, Nhu, Thích nghiệp)
- + 8 sắc Bất ly
- + 1 sắc Giao giới (Hư không)

☯ **TẤT CẢ ĐỀU BẤT ĐỊNH**

☯ **SẮC TỨ TƯỚNG (Sinh, Tiến, Dị, Diệt)**
KHÔNG CÓ NHÂN SANH (Do sự biến đổi của các sắc kia)

III/ YẾU TỐ TRỢ SANH

☯ **Có 1 yếu tố:**
11 sắc, gồm:
+ 9 sắc do **Nghiệp tạo** (5 sắc Thần kinh, 2 sắc Tính, sắc Ý vật, sắc Mạng quyền)
+ 2 sắc do **Tâm tạo** (2 sắc Biểu tri)

☯ **Có 2 yếu tố (do Tâm và Thời tiết tạo):**
Sắc cảnh Thịnh

☯ **Có 3 yếu tố (Tâm, Quý tiết, Vật thực):**
3 Sắc Đặc biệt

☯ **Có 4 yếu tố (do Nghiệp, Tâm, Thời tiết, Vật thực):**
9 sắc gồm:
8 Sắc bất ly
+ sắc Giao giới

☯ **Có 0 yếu tố:**
sắc Tứ tướng

RŪPAPAVATTIKKAMO
SỰ KHỞI SANH CỦA
CÁC SẮC PHÁP
LỘ TRÌNH DIỄN TIẾN
CỦA SẮC

* Sabbānipanetāni rūpāni kāmaloke yathārahaṃ anūnāni pavattiyam upalabbhanti. Paṭisandhiyam pana saṃsedajānaṃ ceva opapātikānaṃ ca cakkhu - sota - ghāṇa - jivhā - kāya - bhāva - vatthu - dasaka - saṅkhā - tāni satta - dasakāni pātubhavanti, ukkaṭṭhavasena. Omakavasena pana cakkhu-sota - ghāṇa - bhāva - dasakāni kadāci pi na labbhanti. Tasmā tesam vasena kalāpahāni veditabbā.

Tất cả các sắc pháp ấy đều có trong đời sống ở Dục Giới, tùy trường hợp, không thiếu sót. Nhưng đối với những chúng sanh thuộc loại thấp sanh và hóa sanh, vào lúc được thọ thai, có tối đa là bảy thập pháp – tức mười-thành-phần-mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tánh nam hay tánh nữ, và ý căn. Tối thiểu, đôi khi không có mười-thành-phần-mắt, tai, mũi và tánh nam hay nữ. Do vậy, cần phải hiểu các chúng sanh kia như là không có các tổng hợp sắc ấy.

* Gabbhaseyyaka - sattānam pana kāya - bhāva - vatthu - dasaka - saṅkhātāni tīṇi dasakāni pātubhavanti. Tathā, pi bhāvadasakaṃ kadāci na labbhati. Tato param pavattikkāle kamena cakkhudasakādīnīca pātubhavanti.

Đối với hạng thai sanh, (vào lúc tái sanh) có ba thập pháp (3 nhóm 10) - mười-thành-phần-thân, mười-thành-phần-tánh nam hay tánh nữ, và ý căn. Tuy nhiên đôi khi không có mười-thành-phần-tánh nam hay nữ khởi sanh. Từ lúc được thọ thai, và về sau trong đời sống, dần dần mười-thành-phần-mắt v.v... tuần tự khởi sanh.

* Iccevaṃ paṭisandhim upādāya kammamuṭṭhānā dutiyacittam upādāya citta-samuṭṭhānā t̄hītikālam upādāya utusamuṭṭhānā ojāpharaṇam upādāya āhārasamuṭṭhānā cāti catusamuṭṭhānarūpa-kalāpa-santati Kāmaloke dīpajālā viya naḍīsoto viyaca yāvatāyukaṃ abbhocchinnaṃ pavattati.

Như vậy các sắc pháp được tạo nên theo bốn phương cách - do Nghiệp, từ lúc được thọ thai; do Tâm, từ chấp tư tưởng thứ nhì; do hiện tượng Thời Tiết, vào giai đoạn trụ; do Vật thực, từ khi tinh chất dinh dưỡng được phân hóa - và liên tục chảy trôi không gián đoạn, trong Dục Giới, cho đến lúc chết, như một ngọn đèn, hay như một dòng suối.

* Maraṇakāle pana cuti - cittopari sattarasama cittassa t̄hīti kalam upādāya kammajarūpāni na uppajanti. Puretaram uppanāni ca kammaja-rūpāni cuticitta - samakālameva pavattitvā nirujjhanti. Tato param cittajāhāraja-rūpaṃ ca vocchijjhati. Tato param utusamuṭṭhānarūpaparamparā yāva mata - kaḷebara - saṅkhātā pavattanti.

Nhưng vào lúc lâm chung, từ chấp tư tưởng thứ mười bảy - đếm ngược lại từ chấp tử tâm - bắt đầu ở giai đoạn trụ, sắc pháp do nghiệp tạo không còn sanh khởi nữa. Các sắc pháp đã khởi sanh trước đó tồn tại cho đến chấp tử tâm rồi chấm dứt.

RŪPAPAVATTIKKAMO
SỰ KHỞI SANH CỦA
CÁC SẮC PHÁP
LỘ TRÌNH DIỄN TIẾN
CỦA SẮC

* *Icevaṃ matasattānaṃ punadeva bhavantare Paṭisandhim upādāya tathā rūpaṃ pavattati.*

Tiếp theo là các sắc pháp do Tâm tạo và các sắc pháp do Vật thực tạo cũng chấm dứt. Sau đó có sự tồn tại của những sắc pháp do những biến đổi vật lý, trong cái được gọi là xác chết. Như vậy, đối với người chết, các sắc pháp khởi sinh trở lại cùng một thể ấy, trong kiếp sống kế đó, ngay vào lúc được thọ thai (từ thức tái sinh)

* *Rūpaloke pana ghāṇa-jivhā-kāya-bhāva-dasakāni ca āhāra-jalāpāni ca na labbhanti. Tasmā tesam paṭisandhikāle cakkhu-sota-vatthuvaseṇa tīṇi dasa-kāni jīvitāvakāni cāti cattāro kammaṣaṃsaṅgāni kalāpā, pavattiyāṃ cittotusaṃsaṅgāni ca labbhanti.*

Trong cảnh Sắc Giới, mười-thành-phần mũi, lưỡi, thân, tánh nam hay nữ, và những sắc pháp do Vật thực tạo, không sinh khởi. Như vậy, với những chúng sanh ấy, vào lúc tái sinh có bốn sắc pháp sinh khởi do Nghiệp tạo “ba thập pháp là mười-thành-phần-Mắt, Tai và Ý căn, và chín thành-phần-Mạng-căn. Trong kiếp sống, những sắc pháp do Tâm và những biến đổi vật lý tạo khởi phát

* *Asañña-sattānaṃ pana cakkhu-sota-vatthu-saddāni pi na labbhanti. Tathā sabbānipi cittajarūpāni. Tasmā tesam paṭisandhikāle jīvitāvakameva. Pavattiyāṃ saddavajjitaṃ utusaṃsaṅgāni rūpaṃ atiricchati.*

Nhưng đối với những chúng sanh vô tưởng, không có mắt, tai, ý căn và tiếng khởi sinh. Cùng thể ấy, những sắc pháp do tâm tạo không sinh khởi. Như vậy, vào lúc tái sinh chỉ có chín-thành-phần-Mạng-căn khởi sinh. Trong khoảng thời gian của đời sống các sắc pháp do những biến đổi vật lý tạo tiếp tục, ngoại trừ tiếng.

* *Icevaṃ kāmarūpāsaññi-saṅkhātesu tisu ṭhānesu paṭisandhipavatti-vasena duvidhā rūpappavatti veditabbā.*

Như vậy trong ba cảnh Dục Giới, Sắc Giới và Vô Tưởng (Asañña) tiến trình sắc pháp phải được hiểu bằng hai phương cách, bằng thức tái sinh (lúc tái sinh) và trong đời sống.

* *Aṭṭhavisati kāmesu honti tevīsa rūpīsu Sattara sevasaññīnaṃ arūpe natthi kiñci pi.*

Saddo vikāro jaratā maraṇaṃ copapattiyāṃ

Na labbhanti pavatte tu na kiñci pi na labbhati.

Ayamettha rūpa-pavattikkamo.

Trong Dục Giới có 28 Sắc pháp, trong Sắc Giới có 23 (trừ 3 tỷ, thiệt, thân và 2 sắc tính)

Trong Cảnh giới Vô Tưởng (Asañña Plane) có 17 (trừ 5 “nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân”- tinh - 2 sắc tánh - sắc ý vật- sắc mạng quyền - hư không), nhưng trong cảnh Vô Sắc Giới thì không có sắc pháp nào khởi sinh.

Vào lúc tái sinh, tiếng, biến đổi, hoại diệt và vô thường không sinh khởi. Trong kiếp sống không có gì là không có.

Nơi đây là phương cách mà các sắc pháp khởi sinh

IV/ SẮC PHÁP TRONG CƠ

THỂ CHÚNG SANH

Sắc Nghiệp: là yếu tố trợ sanh cơ bản cho Người và Thú

Các Sắc khác có nhiệm vụ hỗ trợ làm cho các sắc được hoàn chỉnh hơn trong cơ thể chúng sanh

Không có Sắc Nghiệp thì không là chúng sanh

V/ CÁC SẮC LÀM NHIỆM VỤ HỖ TRỢ

Có 4 phương cách hỗ trợ Sắc Quý tiết:

1/ KAMMAPACCAYA-UTUJARŪPA: Sắc Quý tiết do Nghiệp trợ

2/ CITTAPACCAYA-UTUJAŪPA: Sắc Quý tiết do Tâm trợ

3/ UTUPACCAYA-UTUJAŪPA: Sắc Quý tiết do Quý tiết trợ

4/ ĀHĀRAPACCAYA-UTUJAŪPA: Sắc Quý tiết do Vật thực trợ

Do Sắc Quý tiết có 4 loại như vậy nên cơ thể chúng sanh lúc nào cũng có Sắc Quý tiết, thậm chí tới lúc chỉ còn là một xác chết Sắc Quý tiết vẫn tiếp tục kéo dài thời gian có mặt.

Riêng về Sắc Nghiệp và Sắc Vật thực thì chỉ có mặt trong thời gian chúng sanh còn sống, khi chúng sanh đã chết thì chúng cũng chấm dứt theo.

VI/ PHÂN LOẠI SẮC TÂM

Sắc tâm không bao giờ đi một mình, nó phải nương 3 loại sắc kia (Nghiệp, Thời tiết, Vật thực) mà sinh khởi nghĩa là phải có cơ thể, chúng sanh mới có sắc tâm, còn không thì thôi

Có 7 loại:

1/ Sắc tâm thông thường: như hơi thở ra vào

2/ Sắc tâm trong việc cười

3/ Sắc tâm trong việc khóc

4/ Sắc tâm trong việc phát triển nói chuyện

5/ Sắc tâm trong các việc tiểu oai nghi

6/ Sắc tâm trong tứ đại oai nghi

7/ Sắc tâm trong việc kèm giữ thăng bằng của tứ đại oai nghi

CHI PHÁP: có 15 sắc do Tâm tạo:
8 sắc bất ly + sắc Thinh + sắc Giao giới + 2 Biểu tri + 3 sắc Đặc biệt.

Chia 2 loại:

1/ **Sắc Hiển lộ: có 10:** Sắc cảnh Sắc, Sắc cảnh Thinh, Sắc cảnh Xúc (đất, lửa, gió), 2 sắc Biểu tri, 3 sắc Đặc biệt

2/ **Sắc Ẩn:** có 5: Nước, Khí, Vị, Vật thực, Sắc giao giới

SẮC TÂM TẠO HÀNH

Là sắc hiện bày và chuyển động do tâm khiến, tâm tạo hành động.

Có 75 tâm (107 tâm) tạo được Sắc Tâm

89 tâm - Ngũ song thức - 4 quả vô sắc = **75 tâm**

121 tâm - Ngũ song thức - 4 quả vô sắc = **107 tâm**

**PHÂN
LOẠI
THEO 7
CÁCH**

1/ Cười

* Tâm làm việc cười: có 13 gồm :
4 tâm Tham thọ hỷ 1 tâm Vi tiểu
4 Đại thiện Thọ hỷ 4 Duy tác Thọ hỷ

* Sắc làm việc cười: có 14 sắc gồm:
8 sắc Bất ly 1 sắc Thịnh 1 sắc Hư không
1 sắc Khẩu biểu tri 3 sắc Đặc biệt

2/ Khóc

* Tâm làm việc khóc : 2 tâm Sân

* Sắc làm việc cười: có 14 sắc gồm:
8 sắc Bất ly 1 sắc Thịnh 1 sắc Hư không
1 sắc Khẩu biểu tri 3 sắc Đặc biệt

**3/ Nói,
đọc**

* Tâm làm việc nói, đọc: có 32 gồm :
1 Khán ý môn
29 Đồng lực Dục giới (12 Bất thiện, 8 Thiện DGTH, 8
Duy tác DGTH, 1 Ứng ứng vi tiểu)
2 Tâm Thông

* Sắc làm việc nói, đọc: có 14 sắc gồm:
8 sắc Bất ly 1 sắc Thịnh 1 sắc Hư không
1 sắc Khẩu biểu tri 3 sắc Đặc biệt

**4/ Tiểu
oai nghi**

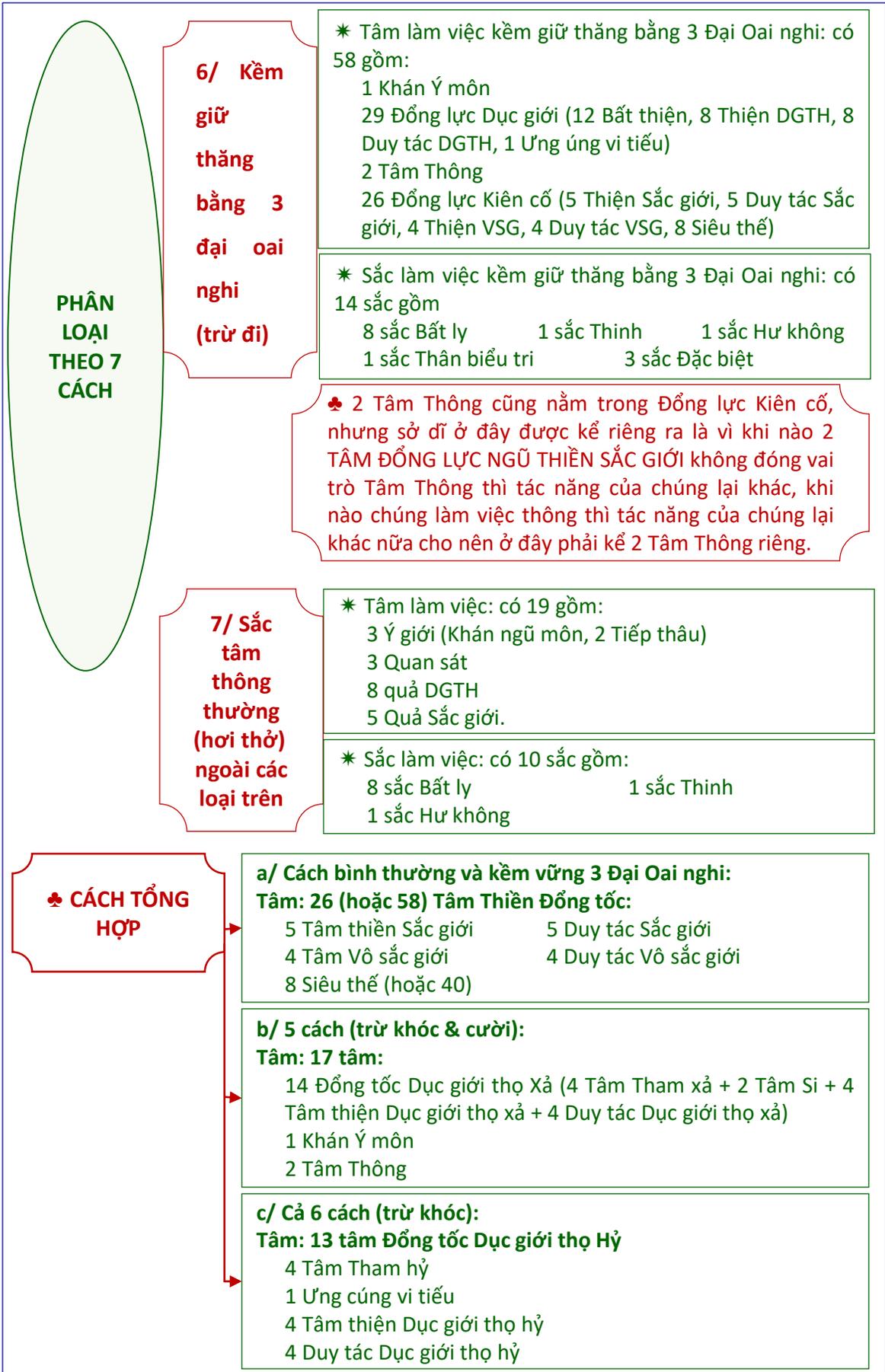
* Tâm làm việc Tiểu oai nghi: có 32 gồm :
1 Khán ý môn
29 Đồng lực Dục giới (12 Bất thiện, 8 thiện DGTH, 8
duy tác DGTH, 1 Ứng ứng vi tiểu)
2 Tâm thông

* Sắc làm việc Tiểu oai nghi: có 14 sắc gồm:
8 sắc Bất ly 1 sắc Thịnh 1 sắc Hư không
1 sắc Thân biểu tri 3 sắc Đặc biệt

**5/ Tứ
đại oai
nghi:
đi, đứng
nằm,
ngồi**

* Tâm làm việc Tứ đại oai nghi: có 32 gồm :
1 Khán ý môn
29 Đồng lực Dục giới (12 Bất thiện, 8 Thiện DGTH, 8
Duy tác DGTH, 1 Ứng ứng vi tiểu)
2 Tâm Thông

* Sắc làm việc Tứ đại oai nghi: có 14 sắc gồm:
8 sắc Bất ly 1 sắc Thịnh 1 sắc Hư không
1 sắc Thân biểu tri 3 sắc Đặc biệt



RŪPAPAVATTIKKAMO
SỰ KHỞI SANH CỦA CÁC SẮC PHÁP
LỘ TRÌNH DIỄN TIẾN CỦA SẮC

+ Sắc hiện hữu trong các cõi

CỖI DỤC GIỚI: tất cả sắc đều có mặt

CỖI SẮC GIỚI: không có 3 sắc thần kinh Tỷ, Thiệt, Thân và 2 sắc Tính

CỖI VÔ SẮC: không có sắc nào

+ Hạng loại chúng sanh khi thọ thai

- THẤP SANH VÀ HÓA SANH:

Tối đa có 7 nhóm: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Sắc Tính, Sắc Ý căn

Tối thiểu: đôi khi không có mắt, tai, mũi, sắc tính

- THAI SANH VÀ NOÃN SANH: Có 3 nhóm: Thân, Sắc Tính, Sắc Ý căn

Đôi khi không có Sắc Tính (nam, nữ)

Trong lúc được thọ thai và về sau trong đời sống, sẽ phát triển dần dần 10 thành phần Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi tuần tự sanh khởi

+ Lộ sắc diễn tiến chậm hơn lộ tâm 17 lần (khi tâm sanh diệt 17 lần thì lộ sắc chỉ sanh lên có 1 lần)

PHÂN LOẠI SỰ DIỄN BIẾN CỦA SẮC

Có 9 cách:

1/ Thời tái tục

2/ Thời thụ thai 1 tuần lễ

3/ Thời thụ thai tuần thứ 2 (2 tuần)

4/ Thời thụ thai tuần thứ 11

5/ Thời 5 sắc thần kinh sanh đủ

6/ Thời nhập thiền diệt

7/ Thời xả thiền diệt

8/ Thời tử ngũ môn

9/ Thời tử ý môn

1/ THỜI TỤC SANH

Nhóm Sắc Nghiệp: có 3 nhóm

a. Nhóm thần kinh thân: có 10:
+ 8 sắc bất ly
+ sắc Mạng quyền
+ sắc Thần kinh Thân

b. Nhóm sắc tính: có 10:
+ 8 sắc bất ly
+ sắc Mạng quyền
+ sắc Tính

c. Nhóm sắc ý vật: có 10:
+ 8 sắc bất ly
+ sắc Mạng quyền
+ sắc Ý vật

★ cả 3 nhóm 10 cùng sanh trong thời điểm tâm tái tục, tại tiểu sát na sanh

★ Sát Na Tâm có 3 sát na Tiểu, mỗi Sát Na Tiểu có 3 Nhóm Sắc (3 nhóm sắc nghiệp: thần kinh Thân, Tính, Sắc Ý vật)
+ 17 sát na đại: 3 sát na tiểu x 17 = 51 x 3 nhóm 1 = 153 nhóm sắc
Hoặc mỗi sát na tiểu có 3 nhóm, sát na đại có 3x3 = 9 nhóm sắc sanh khởi
+ 17 sát na đại x 9 nhóm = **153 nhóm sắc**

★ **3 thời:** - Thời sanh: sát na tâm tục sinh có 3 nhóm x 3 sát na tiểu = 9 nhóm
- Thời diệt: sát na cuối cùng: 3 nhóm x 3 = 9 nhóm
- Thời trụ: từ sát na thứ 2 sau sát na tâm tục sinh đến trước sát na thứ 17 = 135 nhóm còn lại

2/ THỜI THỤ THAI 1 TUẦN LỄ:

Nhóm Sắc Nghiệp Mạng quyền sanh khởi
Thuộc nhóm 9 sắc: + 8 Sắc Bất ly
+ sắc Mạng quyền

★ Mỗi sát na tiểu tăng lên 1 nhóm
Sát na đại: 3 sát na tiểu x 17 sát na đại = 51 nhóm

★ Như vậy sau khi thụ thai 1 tuần, sắc nghiệp có 4 nhóm là:
+ sắc Thần kinh Thân
+ sắc Tính
+ sắc Ý vật
+ sắc Mạng quyền

**TỔNG CỘNG:
153 nhóm (thời tục sanh)
+ 51 nhóm (thời thụ thai)
= 204 NHÓM SẮC**

3/ THỜI THỤ
THAI TUẦN
THỨ 2 (2
TUẦN)

★ **Sắc Vật thực sanh**

★ Mỗi sát na tiểu sanh 1 nhóm
- Sát na đại = $3 \times 17 = 51$ nhóm

4/ THỜI THỤ
THAI TUẦN
THỨ 11

★ **4 nhóm Sắc Nghiệp sanh:**

+ Thần kinh Nhãn
+ Thần kinh Nhĩ
+ Thần kinh Tỷ
+ Thần kinh Thiệt

★ Sát na tiểu: 4 nhóm Sắc Nghiệp x 3 sát na tiểu = 12 nhóm

- Sát na đại = 12 nhóm x 17 = **204 nhóm**

SẮC NGHIỆP TỔNG SỐ:

204 nhóm (tuần thứ 1)

+ 204 nhóm (tuần 11) =

408 NHÓM SẮC

5/ THỜI 5 SẮC
THẦN KINH
SANH ĐỦ

★ **Ngũ song thức phát khởi bất kỳ lúc nào**

★ Khi Ngũ song thức phát sanh thì Sắc Tâm phải bớt đi 1 nhóm, vì **NGŨ SONG THỨC KHÔNG SANH SẮC TÂM.**

6/ THỜI NHẬP
THIÊN DIỆT

★ Sau 2 sát na Phi tướng Phi phi tướng vị Thánh nhập thiên diệt thọ tướng định **KHÔNG CÓ TÂM**

★ **Sắc Tâm bắt đầu giảm bớt từng nhóm**

7/ THỜI XẢ
THIÊN DIỆT

★ **Tâm quả phát sanh (A la hán, A na Hàm)**

★ **Sắc Tâm sanh một nhóm**
- Sát na đại: $1 \times 17 = 17$ nhóm

**8/ THỜI TỬ
NGŨ MÔN**

★ Sắc Tâm thiếu 1 nhóm khi có Ngũ song thức sanh

★ Sắc Tâm bắt đầu diệt khi Sắc Nghiệp dứt hẳn

**9/ THỜI TỬ Ý
MÔN**

★ Sắc Nghiệp diệt giống Tử Ngũ môn, chỉ khác là Sắc Tâm không bị giảm trước 1 nhóm bởi do Ngũ song thức

★ Sắc Tâm bắt đầu diệt từ khi Sắc Nghiệp chấm dứt trở về sau 17 sát na thì Sắc Tâm cũng diệt hẳn

GHI NHẬN:

♣ Khi lâm chung, đến sát-na tâm thứ 17 của tử tâm, khi lộ trình tâm cuối cùng được chấm dứt với một trong ba đối tượng như sau:

+ Kamma,

+ Kammanimitta

+ và Gati-nimitta (Nghiệp, Nghiệp tướng và Thú tướng) thời sự diễn tiến các sắc pháp do nghiệp sanh được cắt đứt.

♣ Các Sắc Pháp do Nghiệp sanh đến phút cuối cùng được chấm dứt với Tử tâm.

♣ Rồi Sắc Tâm và Sắc Vật thực cũng chấm dứt sự phát sanh các Sắc pháp. Chỉ còn sắc Thời tiết còn ảnh hưởng hoạt động cho đến khi thi thể bị tan rã hoàn toàn.

GHI CHÚ:

✦ Sắc Nghiệp tục sanh khởi sanh sẽ có Sắc Âm Dương phụ trợ và Sắc Tâm cũng sanh theo

✦ Sắc Nghiệp sanh trước, Sắc Âm Dương sanh sau Sắc Nghiệp, Sắc Tâm sanh sau Sắc Âm Dương

✦ Nhóm Sắc Tâm sanh tại sát na Hộ kiếp thứ nhất sau Tâm Tục Sinh

✦ Nhóm Sắc Âm Dương sinh cùng Tâm Tục Sinh nhưng ở Tiểu Sát Na Trụ

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDHASSA**

BÀI GIẢNG VỀ
CITTAVĪTHI
LỘ TRÌNH TÂM

Room Paltalk: VIDIEUPHAPCOBAN

THỜI GIAN: 23.08.2020 – 11.04.2021

Room Paltalk: PHATGIAONAMTRUYENNT

THỜI GIAN: 06.11.2020 – 21.05.2021

Giảng sư: **KING MILANDA A**



Cha vatthūni, cha dvārāni, cha ālambanāni, cha viññāṇāni, cha vīthiyo, chadhā visayappavatti cāti vīthisaṅgahe chachakkāni veditabbāni.

VỀ SỰ TỔNG HỢP LỘ TRÌNH CỦA TÂM, 6 loại mỗi loại 6 thứ cần phải biết: 6 Vật, 6 Môn, 6 Cảnh, 6 Thức, 6 Lộ trình, 6 Sự Trình bày của đối tượng.

Vīthimuttānaṃ pana kamma-kammanimitta- gatinimitta-vasena tividhā hoti visayappavatti.

ĐỐI VỚI TÂM THOÁT LY NGOÀI LỘ TRÌNH, đối tượng hiện khởi có ba: Nghiệp, Nghiệp tướng và Thú tướng.

Tattha vatthudvārālambanāni pubbe vuttanayeneva.

Ở đây, các Vật, Môn và Cảnh đã nói trước rồi.

Cakkhaviññāṇaṃ, sotaviññāṇaṃ, ghānaviññāṇaṃ, jivhāviññāṇaṃ, kāyaviññāṇaṃ, manoviññāṇaṃ cāti cha viññāṇāni.

6 thức là Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức.

Vīthiyo pana cakkhudvāravīthi, sotadvāravīthi, ghānavdāravīthi, jivhādvāravīthi, kāyadvāravīthi, manodvāravīthi cāti dvārasena vā.

THEO CÁC MÔN, lộ trình của tâm có 6: Lộ trình qua Nhãn môn, lộ trình qua Nhĩ môn, lộ trình qua Tỷ môn, lộ trình qua Thiệt môn, lộ trình qua Thân môn, lộ trình qua Ý môn.

Cakkhaviññāṇavīthi, sotaviññāṇavīthi, ghānaviññāṇavīthi, jivhāviññāṇavīthi, kāyaviññāṇavīthi, manoviññāṇavīthi cāti viññāṇavasena vā dvārapavattā cittappavattiyo yojetabbā.

HAY THEO THỨC CŨNG CÓ SÁU. Lộ trình của Nhãn thức, lộ trình của Nhĩ thức, lộ trình của Tỷ thức, lộ trình của Thiệt thức, lộ trình của Thân thức, lộ trình của Ý thức. Như vậy sự diễn tiến của tâm đối với các môn cần phải tương quan như vậy.

PHÂN LOẠI ĐỐI TƯỢNG

Atimahantaṃ, mahantaṃ, parittaṃ atiparittaṃ cāti pañcadvāre, manodvāre, vibhūtamavibhūtaṃ c'āti chadhā visayappavatti veditabbā.

ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY THEO SÁU HÌNH THỨC NHƯ SAU:

- + Ngang qua 5 Môn: Rất lớn, Lớn, Nhỏ và Rất nhỏ.
- + Ngang qua Ý môn: Rõ và không rõ.

CITTA VĪTHI - LỘ TRÌNH TÂM
PANCADVĀRA VĪTHI - LỘ NGŨ MÔN

LỘ TRÌNH TÂM -
CITTA VĪTHI

Katham? Uppādaṭṭhitibhavaṅgavasena khaṇatta - yaṃ ekacittakkhaṇaṃ nāma. Tāni pana sattarasa - cittakkhaṇāni rūpadhammānamāyu.

Như thế nào? Một sát-na tâm gồm có ba giai đoạn Sanh, Trú và Diệt. 17 sát-na tâm như vậy là Tuổi thọ của các Sắc Pháp.

Ekacittakkha - ñātītāni vā, bahucittakkhaṇātītāni vā ṭhitippattāneva pañcālambanāni pañcadvāre āpātham āgacchanti.

Năm đối tượng vật chất nhập vào (tâm) theo con đường của năm môn (cửa giác quan) lúc ở giai đoạn Tĩnh, khi một hay nhiều chấp tư tưởng vừa trôi qua.

Tasmā yadi ekacittakkhaṇātitaṅkaṃ rūpārammaṇaṃ cakkhussa āpātham āgacchati. Tato dvikkhattuṃ bhavaṅge calite bhavaṅgasotaṃ vocchinditvā tameva rūpārammaṇaṃ āvajjentaṃ pañcadvārāvajjanacittaṃ uppajjitvā nirujjhati. Tato tassānantaraṃ tameva rūpaṃ passantaṃ cakkhuvīññānaṃ, sampañicchantam sampañicchana cittaṃ, santīrayamānaṃ santīraṇacittaṃ, vavathapentaṃ votthapanacittaṃ cāti yathākkamaṃ uppajjitvā nirujjhanti.

Do đó tiến trình tâm diễn tiến như sau:

Thí dụ như một đối tượng của nhãn quan vừa qua một chấp, theo đường của mắt. Kế đó tâm bhavaṅga rung động trong một chấp rồi diệt chấm dứt dòng bhavaṅga. Liền sau đó Ngũ môn hướng tâm phát sanh và chấm dứt sự hay biết chính đối tượng của mắt đó.

Tiếp theo là những chấp tư tưởng sau đây tuần tự phát sanh và chấm dứt: Nhãn thức, nhìn thấy hình dáng của đối tượng; Tiếp thọ tâm, thân nhận hình dáng ấy; Quan sát tâm, quan sát hình dáng ấy; Xác định tâm, xác định hình dáng ấy.

Tato paraṃ ekūnatiṃsakāmāvacarajavanesu yaṃ kiñci laddhapaccayaṃ yebhuyyena sattakkhattuṃ javati. Javanānubandhāni ca dve tadārammaṇapākāni yathārahaṃ pavattanti. Tato paraṃ bhavaṅgapāto.

Tiếp theo, một trong 29 Dục giới tốc đồng tốc tâm do nhân duyên chi phối, phần lớn tồn tại đến 7 sát-na. Theo sau đồng tốc là hai Đồng sở duyên (Thập di, Mót) tùy theo mà khởi lên. Tiếp đến, lộ trình chìm vào hộ kiếp.

Ettāvatā cuddasacittuppādā dve bhavaṅgacalanāni pubbevātitaṅkamekacittakkhaṇanti katvā sattarasa cittakkhaṇāni paripūrenti. Tato paraṃ nirujjhati. Ālambanametam atimahantaṃ nāma gocaraṃ.

Như vậy một đối tượng SỐNG ĐẦY ĐỦ cho đến 17 tâm sát-na sau khi được thân nhận chậm đến một tâm sát-na, tức là 14 tâm sanh ra ở trên lộ trình, hai sự rung động của hữu phần. Sau đó tâm ấy diệt. Một đối tượng như vậy gọi là rất lớn.

**LỘ TRÌNH TÂM -
CITTAVĪTHI**

Yāva tadāmbanuppādā pana appahontātītakam- āpātham āgataṃ āmbanam mahantaṃ nāma. Tattha javanāvasāne bhavaṅgapātova hoti. Natthi tadāmbanuppādo.

Một đối tượng được gọi là LỚN nếu được thâm nhận chậm hơn và không thể tồn tại cho đến khi đồng sở duyên (mót) khởi lên. Đến cuối đồng tốc tâm, đối tượng ấy chìm vào hộ kiếp và đồng sở duyên tâm không khởi lên.

Yāva javanuppādāpi appahontātītakamāpātham āgataṃ āmbanam parittam nāma. Tattha javanam pi anuppajjitvā dvattikkhattum vottapanameva pavattati. Tato param bhavaṅgapātova hoti.

Một đối tượng được gọi là NHỎ nếu được thâm nhận chậm hơn và không thể tồn tại cho đến khi đồng tốc tâm khởi lên, ở đây đồng tốc tâm không khởi lên, xác định tâm phải tồn tại hai hay ba tâm sát-na. Xong lại chìm vào Hộ kiếp.

Yāva vottapanuppādā ca pana appahontātītakam āpātham āgataṃ nirodhāsannamāmbanam atiparittam nāma. Tattha bhavaṅgacalanameva hoti. Natthi vīthiccittuppādo.

Một đối tượng SẮP SỬA DIỆT được gọi là rất nhỏ nếu được thâm nhận rất chậm và không thể tồn tại cho đến khi xác định tâm khởi lên. Ở đây Hộ kiếp chỉ rung động, lộ trình tâm không khởi lên.

Icevaṃ cakkhuvāre, tathā sotadvārādīsu c'āti sabbathāpi pañcadvāre tadāmbana-javana-vottapanamoghavāra-saṅkhātānam catunnam vārānam yathākkamaṃ āmbaṇabhūtā visayappavatti catudhā veditabbā.

Như vậy đối với nhãn môn. Cũng vậy đối với Nhĩ môn v.v... tổng cộng tất cả 5 Môn, có 4 sự trình bày của đối tượng, tùy theo thứ tự, theo 4 cách, được biết là:

- 1/ Chấm dứt ở Thập Di - TADĀLAMBANA-VĀRA
- 2/ tồn tại cho đến Tốc hành tâm
- 3/ Xác Định Tâm - VOTTHAPANAVĀRA
- 4/ Không đáng kể, chỉ khiến cho Hộ kiếp rung động.

Vīthiccittāni satteva cittuppādā catuddasa Catupaññāsa vitthārā pañcadvāre yathārahaṃ.

Có bảy phương cách (7 chặp tư tưởng) và mười bốn loại tâm khác nhau trong tiến trình tâm

1. Āvajjana
2. Pañcaviññāṇa
3. Sampaticchana
4. Santīraṇa
5. Vottapana
6. Javana (7 chặp), và
7. Tadāmbana.

Bảy chặp này trở thành 14, nếu tính riêng 7 chặp Javana, và 2 chặp Tadāmbana.

Tính với đầy đủ chi tiết, có 54 Tâm Dục giới tùy trường hợp, xuyên qua năm Môn.

Ayamettha pañcadvāre vīthiccittappavattinayo.

Đây là phương thức diễn tiến của tiến trình tâm phát sanh xuyên qua năm môn.

LỘ TRÌNH TÂM - CITTAVĪTHI
Lộ Tâm có tất cả 455 lộ
Có 4 nhóm lớn

1/ Lộ Tâm Ngũ môn
 có 120 lộ

2/ Lộ Ý môn
 có 61 lộ

3/ Lộ Kiên cố
 có 164 lộ

4/ Lộ Nhập Nibbāna đặc biệt
 có 110 lộ

I/ LỘ TÂM NGŨ MÔN
PANCADVĀRA VĪTHI
 có 4

1/ Cảnh rất lớn - ATIMAHANTĀRAMMAṆA

2/ Cảnh lớn - MAHANTĀRAMMAṆA

3/ Cảnh nhỏ - PARITTĀRAMMAṆA

4/ Cảnh rất nhỏ - ATIPARITTĀRAMMAṆA

Lộ Ngũ môn cận tử -
MARAṆĀSANNACITTAVĪTHI
 có 2

1/ Sát na chót có Na Cảnh -
ADĀLAMBANA có Hộ kiếp hoặc không
rời Tử

2/ Sát na chót Đồng Lực có Hộ kiếp
khách - ĀGANTUKABHAVANĀGA hoặc
không rời Tử

★ Mỗi loại có 2 lộ
2 loại có: 4 lộ x 5 môn = 20 LỘ

**II/ LỘ Ý MÔN
MANODVĀRA CITTA VĪTHI**

có 21

1/ Lộ Ý Môn Thông Thường: có 2

a/ Thời bình nhật có 4: cảnh rất rõ, cảnh rõ, cảnh không rõ, cảnh rất không rõ (mơ hồ)

b/ Thời cận tử có 2: Tử rời Tục sinh, tử rời Nibbana

2/ Lộ Ý Môn Đặc Biệt: có 10

a/ Lộ Tâm Chứng Đặc Thiển - ĀDIKAMMIKAJHĀNA VITHĪ

b/ Lộ Tâm Đặc Đạo - MAGGAVĪTHI

c/ Lộ Tâm Hiện Thông - ABHIÑÑĀVĪTHI

d/ Lộ Tâm Nhập Thiển An Chỉ - APPANĀCITTAVITHĪ

e/ Lộ Tâm Nhập Thiển Quả - PHALASAMĀPATTICITTAVĪTHI

f/ Lộ Tâm Nhập Thiển Diệt - NIRODHASAMĀPATTIVĪTHI

g/ Lộ Tâm Nhập Niết-Bàn Liên Thiển - JHĀNASAMANANTARAVĪTHI

h/ Lộ Tâm Nhập Niết-Bàn Liên Thông - ABHIÑÑĀSAMANANTARAVĪTHI

i/ Lộ Tâm Nhập Niết-Bàn Phản Kháng Chi Thiển - PACCAVEKKHANASAMANANTARAVĪTHI

j/ Lộ Tâm Đặc Đạo Tột Mạng - JĪVITASAMASĪSĪVĪTHI

LỘ TRÌNH TÂM - CITTAVĪTHI

Căn từ Vī + Ī

VĪTHI: là 1 lối đi, 1 diễn tiến

Quy trình, hệ thống, diễn hoạt, diễn tiến, dòng chảy, lộ trình

CITTAVĪTHI: lộ trình diễn hoạt của Tâm

Có 2 loại:

A/ LỘ TÂM NGŨ MÔN

PANCADVĀRA CITTA VĪTHI

B/ LỘ TÂM Ý MÔN

MANODVĀRA CITTA VĪTHI

Nói rộng có 6 lộ

6 thứ:

**1/ 6 Môn
CHA
DVĀRA:**
Nhãn, Nhĩ,
Tỷ, Thiệt,
Thân và Ý
môn

**2/ 6 Thức
CHA
VIÑÑĀṆA:**
Nhãn, Nhĩ,
Tỷ, Thiệt,
Thân và Ý
thức

**3/ 6 Vật -
CHA
VATTHU:**
Nhãn, Nhĩ,
Tỷ, Thiệt,
Thân và Ý
vật (trái tim)

**4/ 6 Cảnh -
CHA
ĀRAMMAṆA**
: Sắc, Thinh,
Khí, Vị, Xúc,
Pháp

**5/ 6 Lộ
trình -
CHA
VĪTHI:** lộ
Ngũ môn
+ lộ Ý
môn

**6/ 6 Diễn tiến
cảnh - CHA
VISAYAPPĀVATTI**
: rất lớn, lớn;
nhỏ, rất nhỏ;
rõ, không rõ.

**A/ LỘ TRÌNH
TÂM NGŨ MÔN
- PANCADVĀRA
CITTA VĪTHI**

PANCA: là 5
DVĀRA: môn,
cửa
CITTA: tâm
VĪTHI: 1 lối đi, 1
diễn hoạt, 1
diễn tiến ...
PANCADVĀRA
CITTA VĪTHI: lộ
trình diễn hoạt
của Tâm xuyên
qua 5 môn

LỘ NGŨ MÔN: Nhãn môn, Nhĩ môn, Tỷ môn, Thiệt môn, Thân môn

★ Theo sự tác động cảnh, có 4:

1/ cảnh Rất lớn 2/ cảnh Lớn
3/ cảnh Nhỏ 4/ cảnh Rất nhỏ

★ Theo tính chất cảnh, có 4:

1/ Rất tốt 2/ Tốt
3/ Xấu 4/ Rất xấu

★ Theo thời, có 3:

1/ Bình nhật 2/ Cận tử 3/ Tục sinh

★ Theo số lượng thời bình nhật: có 75 lộ

+ Cảnh rất lớn: 1 lộ + Cảnh lớn: 2 lộ
+ Cảnh nhỏ: 6 lộ + Cảnh rất nhỏ: 6 lộ
☞ Có 15 lộ x 5 môn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân môn) = 75 lộ

★ Theo sát na Tâm: có 100 lộ

+ Cảnh rất lớn: 3 lộ + Cảnh lớn: 4 lộ
+ Cảnh nhỏ: 6 lộ + Cảnh rất nhỏ: 7 lộ
☞ Có 20 lộ x 5 môn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân môn) = 100 lộ

**♣ LỘ NGŨ MÔN CẢNH RẤT LỚN
PANCADVĀRĀTIMAHANTĀRAMMAṆA**

+ Pancadvārā: 5 môn, 5 cửa vào ra
(Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân)

**CẢNH RẤT LỚN THỜI BÌNH
NHẬT TIMAHANTĀRAMMAṆA**

Đầy đủ 4 nhân trợ sanh:

1/ Lộ Nhãn Môn:

- + Cakkhupasāda: Tinh nhãn (t.kinh nhãn)
- + Rūpāramaṇa: có cảnh Sắc hiện bày
- + Āloka: Có ánh sáng đủ mạnh
- + Manasikāra: có sự chú ý

2/ Lộ Nhĩ Môn:

- + Sotapasāda: Tinh nhĩ (thần kinh nhĩ)
- + Saddārammaṇa: Có cảnh Thinh rõ lớn
- + Ākāsa: Có khoảng trống, không bị cách âm
- + Manasikāra: Có sự chú ý

3/ Lộ Tỷ Môn:

- + Ghānapasāda: Tinh tỷ (thần kinh tỷ)
- + Gandhārammaṇa: Có cảnh Mùi mạnh rõ
- + Vāya: phải có gió chuyển đúng hướng
- + Manasikāra: có sự chú ý

4/ Lộ Thiệt Môn:

- + Jhāpasāda: Tinh thiệt (thần kinh thiệt)
- + Rasārammaṇa: Có cảnh Vị rõ
- + Āpo: Phải có nước miếng hòa vị chất
- + Manasikāra: có sự chú ý

5/ Lộ Thân Môn:

- + Kāyapasāda: Tinh thân (thần kinh thân)
- + Phoṭṭhabbārammaṇa: có cảnh Xúc (nóng, lạnh, mềm cứng, êm xốc...)
- + Pathavī: Có chất đất
- + Manasikāra: có sự chú ý

 **VỚI CÁC NGUYÊN NHÂN NÀY LÀM PHÁT SINH LỘ TRÌNH TÂM
CẢNH RẤT LỚN**

NHƯ VẬY:

☞ **Cảnh rất lớn** -
ATIMAHANTĀRAMMAṆA: khi 4 nhân
sinh mạnh, lớn trội

☞ **Cảnh lớn** - MAHANTĀRAMMAṆA:
khi 4 nhân trợ sanh không đủ mạnh,
vừa rõ

☞ **Cảnh nhỏ** - PARITTĀRAMMAṆA:
khi 4 nhân trợ sanh yếu kém, không
rõ

☞ **Cảnh rất nhỏ** -
ATIPARITTĀRAMMAṆA: khi cả 4 nhân
trợ sanh quá yếu kém.

GHI CHÚ:

✦ 1 trong 5 cảnh trần (Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc) (cảnh ngoại) soi chiếu thẳng vào 1 trong 5 môn với sự tác động mạnh, cực rõ làm phát sanh lộ tâm rất lớn

✦ làm phát sanh 7 loại tâm khách (tâm được mời tới)

✦ cảnh đi vào xúc chạm ngay vào Sát na sinh của tâm Hộ kiếp vừa qua - ATĪTABHAVAṆGA

✦ cảnh Sắc (Thinh, Khí, Vị, Xúc) đồng sanh với Hộ kiếp vừa qua

✦ Tiếp theo sau với 2 sát na Hộ kiếp: Hộ kiếp rúng động - BHAVAṆGACALANA và Hộ kiếp dứt dòng - BHAVAṆGUPACCHEDA

✦ Tâm khách (tâm ở ngoài) mới sanh lên

CÓ 3 PHƯƠNG THỨC PHÁT SANH LỘ TRÌNH TÂM:

1/ Chốt na cảnh (mót)
- TADĀLAMBANA

2/ Chốt đồng lực -
JAVANA

3/ Chốt hộ kiếp khách -
ĀGANTUKABHAVAṆGA

30.08.2020 - ROOM VIDIEUPHAPCOBAN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1817796961701237>

BUỔI 105 - 13.11.2020 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1125123297903123>

SỰ DIỄN TIẾN LỘ TRÌNH TÂM 5 MÔN

I/ CẢNH RẤT LỚN: Lấy Nhãn môn làm tiêu chuẩn

I.1.1/ CHÓT NA CẢNH: Có 17 Sát na tâm như sau

H/ 1-V, 2-R, 3-D/ 4- K, 5-N, 6-T, 7-Q, 8-X, 9-15 J, 16-17 N.

Trong đó: H: Hộ kiếp (hữu phần): Tâm lúc đó chưa có đối tượng nào xâm nhập vô, chưa bị tác động (ví dụ: ngủ say sưa thì tâm đang chìm vào hộ kiếp)

V: Hộ kiếp Vừa qua - ATĪTABHAVANĀ

R: Hộ kiếp Rúng động - BHAVAṄGACALANĀ

D: Hộ kiếp Dứt dòng - BHAVAṄGUPACCHEDĀ

K: Khán ngũ môn - PAÑCADVĀRĀVAJJANĀ (tâm KNM sanh lên để hướng về cảnh sắc đó, nơi con mắt)

N: Nhãn thức - CAKKHUVIÑÑĀṆĀ (sanh lên làm phận sự bắt lấy cảnh sắc)

T: Tiếp thu - SAMPAṬICCHANĀ (tiếp thu vào dòng tâm thức)

Q: Quan sát - SANTĪRAṆĀ (quan sát cảnh đó xem là gì)

X: Xác định - VOṬṬHAPANĀ (xác định cảnh là gì)

J: Đồng lực - JAVANĀ (xử lý cảnh, hưởng cảnh (cảnh đẹp tâm tham sanh khởi, hoặc cảnh xấu tâm sân sanh khởi)

N: Na cảnh - TADĀLAMBANĀ (để tâm hưởng lại cảnh dư mót của cảnh rất lớn)

**DIỄN
HOẠT
LỘ
TÂM:**

↳ **SÁT NA:** có 14 tâm khách (không kể 3 sát na Hộ kiếp vừa qua, Rúng động, Dứt dòng) (tâm Hộ kiếp là tâm chủ)

↳ **CHẶNG:** có 7 (Khán ngũ môn, Nhãn thức, Tiếp thu, Quan sát, Xác định, Đồng lực, Na cảnh)

↳ **THỨ TÂM KHÁCH:** có 46 Tâm Dục giới (trừ 4 đôi thức) (54 tâm DG – cặp Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức)

↳ **NGƯỜI:** có 8 hạng người (4 phàm nhân và 4 Thánh Quả) (không có 4 thánh Đạo vì thánh Đạo bắt Níp Bàn, không bắt cảnh Sắc)

↳ **CỒI:** có 11 Cối Dục giới (4 Cối Khổ và 7 Cối Vui Dục giới)

Câu chuyện ví von về lộ tâm này:

- + Nằm ngủ dưới gốc xoài: hộ kiếp - H
- + Trái xoài rụng: hộ kiếp vừa qua - V
- + Bị âm thanh tác động: hộ kiếp rúng động - R
- + Giật mình thức giấc ngồi dậy: hộ kiếp dứt dòng - D
- + Đưa mắt hướng về nơi có tiếng động: Khán ngũ môn - K
- + Nhìn thấy trái xoài: Nhãn thức - N
- + Bước đến nhặt: Tiếp thu - T
- + Săm soi xem xét: Quan sát - Q
- + Thấy xoài chín: Xác định - X
- + Cặp trái xoài 7 miếng: 7 sát na Đồng lực - J
- + Ăn xong còn chếp miệng 2 cái: 2 sát na Na cảnh - N
- + Nằm xuống ngủ tiếp: Hộ kiếp cơ bản hiện khởi

I/ CẢNH RẤT LỚN: Lấy Nhãn
môn làm tiêu chuẩn

**GHI
CHÚ**

☞ **Khán ngữ môn và Ngũ song thức:** ngoài phạm sự riêng còn có phạm sự làm cho cảnh lộ rõ

☞ **Tiếp thấu, Quan sát, Khán ý môn:** làm thêm công tác hoàn chỉnh cảnh

☞ **Đồng lực:** hưởng trọn cảnh

☞ **Na cảnh:** hưởng cảnh dư sót của đồng lực

☞ **Javana Đồng lực trong lộ Ngũ môn:** luôn là các Tâm dục giới (12 Tâm Bất thiện, 8 Tâm Đại thiện Dục giới Tịnh hảo, 8 Tâm Duy tác Dục giới, 1 Ưng cúng Vi tiểu = 29 tâm Đồng lực thuộc Dục giới)

**LỰC
CỦA 7
SÁT NA
ĐỒNG
TỐC:**

Javana: Căn từ JU: chạy nhanh, đồng lực, đồng tốc
Javana: tìm ẩn sức mạnh và lưu giữ HẠT GIỐNG NGHIỆP – BĪJAKAMMA

Sát na 1:

yếu nhất vì sanh đầu tiên và không có sự hỗ trợ của các sát na đồng loại và chỉ cho quả ngay trong kiếp hiện tại, nếu không thì hết, tức là HIỆN BÁO NGHIỆP

Sát na thứ 7:

yếu thứ 2 vì sắp cận kề sự diệt và chỉ cho quả trong kiếp kế tới tức SANH BÁO NGHIỆP

Sát na thứ 2 đến thứ 6:

riêng sát na thứ 4 là mạnh nhất vì ở giai đoạn cực thịnh và là sát na QUYỀN, 5 sát na này cho quả bất định ngày giờ kể từ kiếp thứ 2 về sau cho đến khi Niết bàn, tức HẬU BÁO NGHIỆP

06.09.2020 - ROOM VIDIEUPHAPCOBAN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1675539842623172>

BUỔI 106 - 20.11.2020 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/815422999002031>

I/ CẢNH RẤT LỚN: Lấy Nhãn môn làm tiêu chuẩn

I.1.2/ TÂM NA CẢNH – TADĀLAMBANA CITTA

Các từ đồng nghĩa: Đồng sở duyên, Mót, Thập di

TADĀ: chính cái đó ĀRAMMAṆA: cảnh

TADĀLAMBANA: chính cảnh cũ

↳ Tâm mà nhận cảnh từ Đồng lực, sanh sau liền với Đồng lực chính là Na cảnh hay Đồng sở duyên, Mót, Thập di

✦ **NHIỆM VỤ:** hưởng cảnh dư từ Đồng tốc (Đồng lực), mót cảnh

✦ **NHÂN SANH NA CẢNH:** có 2

a/ Cảnh rất Lớn thuộc Lộ Ngũ môn b/ Cảnh rất Rõ thuộc Lộ ý môn

✦ **THỜI NA CẢNH SANH,** có 2:

a/ Thời bình nhật: Na cảnh xen giữa Đồng tốc và Hộ kiếp

b/ Thời cận tử: Na cảnh xen giữa Đồng tốc và Tử tâm

✦ **ĐIỀU KIỆN NHÂN TỐ SANH NA CẢNH,** có 3:

a/ Đồng lực Dục giới (Đồng tốc DG) (Sắc giới, Vô sắc giới không thể phát sanh được Na cảnh, vì những cảnh này thuộc đồng lực về Thiên, không có cảnh bất ngờ, lộn xộn): vì tâm Na cảnh là tâm thuộc về Dục giới

b/ Người thuộc Dục giới

c/ Tâm lộ phải là cảnh thuộc Dục giới (cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Pháp ...)

GHI NHẬN

☞ 2 sát na Na cảnh cần có vì cảnh của Đồng lực quá lớn (làm trốn cho chậm lại để trở lại lộ trình tâm bình thường)

☞ Hưởng cảnh dư tàn của Đồng lực

☞ Cảnh thuộc Dục ái (cảnh nằm trong phạm vi của Dục giới)

☞ Không sanh trong cảnh Đáo đại (cảnh thiên Sắc giới, Vô Sắc giới) và Siêu thế

☞ Chỉ sanh trong cõi Dục giới

☞ Không có khả năng tạo ra nghiệp (vì Na cảnh thuộc về Tâm Quả chứ không thuộc về nhân, chỉ hưởng cảnh tàn dư)

✦ **TÂM LÀM VIỆC NA CẢNH:** 11 Tâm Quả thuộc Dục giới

+ 8 Tâm Quả Đại thiện Dục giới tịnh hảo

+ 3 Tâm Quan sát Vô nhân (2 Quan sát Thọ Xả, 1 Quan sát Thọ Hỷ)

✦ **PHÂN THEO NGƯỜI:**

a/ Người Khổ: 1 tâm Quan sát Thọ xả Quả Bất thiện Vô nhân

b/ Người lạc và người Nhị nhân: có 7 tâm (3 Quan sát, 4 tâm Quả thiện Ly trí) làm việc Na cảnh

c/ Người Tam nhân và 4 bậc Thánh Quả (Tư đà hườn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán) ở cõi Dục giới: có 11 tâm (3 Quan sát và 8 Tâm Đại quả Thiện Dục giới)

I/ CẢNH RẤT LỚN: Lấy Nhãn
môn làm tiêu chuẩn

I.2/ CHÓT ĐỒNG LỰC: có 15 sát na Tâm như sau:

H - 1.V - 2.R - 3.D - 4.K - 5.N - 6.T - 7.Q - 8.X - 9->15. J

Trong đó: Hộ kiếp: H

1/ Hộ kiếp vừa qua : V 2/ Hộ kiếp rúng động: R

3/ Hộ kiếp dứt dòng: D

4/ Khán ngữ môn sanh lên hướng về cảnh: K

5/ Ngũ song thức sanh lên (tùy theo cảnh): N

6/ Tiếp đầu sanh (thâu cảnh vào dòng tâm thức) : T

7/ Quan sát cảnh : Q

8/ Xác định cảnh : X

9 – 15/ Đồng tốc : J

**DIỄN
HOẠT
LỘ
TÂM:**

↪ **SÁT NA:** có 12 tâm khách (15 sát na tâm – 3 tâm chủ)

↪ **CHẶNG:** có 6, thuộc tâm khách (Khán ngữ môn, Ngũ song thức, Tiếp đầu, Quan sát, Xác định, Đồng tốc)

↪ **THỨ TÂM:** có 38 tâm khách (12 tâm BT: nằm ở đồng lực, 10 tâm vô nhân: nằm ở KNM, NST, TT, QS, XĐ trừ 4 đôi thức, 8 tâm thiện DGTH: nằm ở đồng lực, 8 tâm duy tác DGTH: nằm ở đồng lực)

↪ **NGƯỜI:** 4 phàm (người Khổ, người Lạc, Nhị nhân, Tam nhân) + 4 thánh Quả (Tu đà hườn, Tu đà hàm, A na hàm, A la hán)

↪ **CÔI:** 26 cõi có đủ 5 uẩn trừ 4 cõi Vô sắc (do không có sắc) và cõi Vô tướng (do không có tâm)

13.09.2020 - ROOM VIDIEUPHAPCOBAN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/320801595809683>

BUỔI 107 – 04.12.2020 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/669834323693591>

I/ CẢNH RẤT LỚN: Lấy Nhãn
môn làm tiêu chuẩn

I.3/ CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH - ĀGANTUKABHAVAṄGA

ĀGANTUKA - Người mới đến

BHAVANGA - Hữu phần, hộ kiếp

ĀGANTUKABHAVAṄGA:

- ↪ Là 1 loại tâm đặc biệt phát sanh trong trường hợp đặc biệt
- ↪ Có cảm thọ riêng biệt
- ↪ Cảnh riêng biệt
- ↪ Không phải là Tâm hộ kiếp chính trong Tâm lộ

ĀGANTUKABHAVAṄGA: đóng vai trò hòa giải giữa 2 cảm thọ Ưu và Hỷ

DIỄN HOẠT LỘ TÂM: có 16 sát na:

1.V - 2.R - 3.D - 4.K - 5.N - 6.T - 7.Q - 8.X - 9->15.J, 16.HK

Trong đó: 1/ Hộ kiếp vừa qua: V	2/ Hộ kiếp rúng động: R
3/ Hộ kiếp dứt dòng: D	4/ Khán ngũ môn: K
5/ Ngũ song thức: N	6/ Tiếp thâu: T
7/ Quan sát: Q	8/ Xác định: X
9-15/ Đồng tốc: J	16/ Hộ kiếp khách: HK

★ **SÁT NA:** có 12 sát na tâm khách (Hộ kiếp khách không tính vô) (tính từ Khán ngũ môn đến Javana)

★ **CHẶNG:** có 6 (KNM, NST, TT, QS, XĐ, ĐT)

★ **THỨ TÂM:** có 11 gồm: 9 tâm vô nhân (trừ 4 đôi thức và Ưng cúng vi tiểu) + 2 tâm Sân

★ **NGƯỜI:** có 4 (người Nhị nhân, người phàm Tam nhân, người Sơ quả, người Nhị quả)

★ **CÕI:** 7 cõi vui Dục giới (cõi Người và 6 cõi trời Dục giới: Tứ đại thiên vương, Đao lợi, Dạ ma, Đâu suất, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại)

⊗ **TẤT CẢ 4 HẠNG NGƯỜI NÀY ĐỀU TỤC SINH BẰNG TÂM ĐẠI QUẢ HỖ THỌ (cả hợp trí và ly trí) VÀ Ở CÕI DỤC GIỚI**

⊗ **KHÔNG CÓ ĐỐI VỚI 2 HẠNG NGƯỜI TỤC SINH BẰNG TÂM QUAN SÁT XẢ THỌ VÔ NHÂN**

⊗ **CÕI KHỔ KHÔNG CÓ LOẠI TÂM NÀY BỞI VÌ TỤC SINH BẰNG TÂM QUAN SÁT THỌ XẢ QUẢ BẤT THIỆN VÔ NHÂN**

I/ CẢNH RẤT LỚN: Lấy Nhãn
môn làm tiêu chuẩn

✦ **NHÂN SANH HỘ KIẾP KHÁCH:** có 3 nhân

1. Tục sinh bằng Tâm Đại Quả Hỷ Thọ (người Khổ, người Lạc vô nhân không có)
2. Chuyên bắt cảnh Dục giới
3. Đồng lực phải là 1 trong 2 TÂM SÂN

✦ **NHIỆM VỤ:**

- Hóa giải xung lực của 2 Thọ thuộc Đồng lực Sân và Hộ kiếp Hỷ thọ
- Xen giữa Lộ Đồng tốc và Hộ kiếp làm nhiệm vụ như trái độn để kết nối nhịp cầu giữa 2 thọ Ưu và Hỷ. **ĐỒNG LỰC SÂN KHÔNG THỂ CHUYỂN LIỀN QUA HỘ KIẾP HỶ THỌ**

✦ **TÂM LÀM VIỆC HÒA GIẢI:** 1 trong 6 Tâm quả Dục giới thuộc XẢ THỌ (2 tâm Quan sát Thọ xả quả thiện – bất thiện + 4 Tâm Quả thiện Dục giới XẢ THỌ)

✦ **ĐỐI VỚI CẢNH:** CỰC LỚN, LỚN, CỰC TỐT, TỐT, CỰC XẤU, XẤU: Hai Tâm Quan sát Xả thọ sanh làm nhiệm vụ Hộ kiếp khách

✦ **4 TÂM ĐẠI QUẢ DỤC GIỚI XẢ THỌ:** trong trường hợp Đồng lực Sân cực Mạnh:

- thì 2 tâm Quả Ly trí XẢ THỌ sanh với người Nhị nhân
- nếu sân lực tương đối: thì 2 Quan sát Xả thọ
- 2 tâm quả hợp trí XẢ THỌ sanh với Người 3 nhân
- nếu sân lực tương đối thì 2 tâm quả ly trí xả thọ

✦ **CẢNH CỰC TỐT SANH ĐỒNG LỰC SÂN**

- 1/ Cảnh khủng khiếp kinh hoàng
- 2/ Cảnh phát sanh đột ngột thành linh
- 3/ Do tưởng hoang vu
- 4/ Do điên đảo tưởng chi phối

KẾT

☞ Đối với Lộ Tâm Cảnh Rất Lớn chỉ có 1 Hộ kiếp vừa qua cùng với 3 phương cách tâm lộ như trên.

☞ Đối với Hộ kiếp khách, Lộ Đồng tốc phải là tâm Sân

☞ Hộ kiếp khách phải là Xả Thọ

20.09.2020 - ROOM VIDIEUPHAPCOBAN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1255349101495099>

BUỔI 108 - 11.12.2020 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1254971168207781>

II/ CẢNH LỚN:

PANCADVĀRAMAHANTĀRAMMNAVĪTHI

MAHANTĀRAMMAṆA: cảnh lớn là vì:

- ◆ Cảnh không quá lớn nên lực tác động không đủ để xúc tác vào dòng suối Hộ kiếp ngay.
- ◆ Qua 2 hoặc 3 hộ kiếp vừa qua rồi Cảnh mới làm rung động dòng Hộ kiếp

↪ **CÓ 2 PHƯƠNG THỨC DIỄN TIẾN ĐỐI VỚI LỘ NGŨ MÔN CẢNH LỚN (KHÔNG CÓ NA CẢNH):**

- a/ Chót Đồng lực b/ Chót Hộ kiếp khách

↪ **CÓ 4 LỘ DỰA THEO 2 PHƯƠNG THỨC TRÊN:**

- a/ Có 2 hoặc 3 Hộ kiếp vừa qua và chót Đồng lực
b/ Có 2 hoặc 3 Hộ kiếp vừa qua và chót Hộ kiếp khách (tâm tục sinh là thọ Hỷ, chót đồng lực là tâm Sân => có Hộ kiếp khách sanh lên)

II.1/ LỘ CHÓT ĐỒNG LỰC: Có 16 sát na, do vậy nên không thể có 2 Na cảnh: 1.V - 2.V - 3.R - 4.D - 5.K - 6.N - 7.T - 8.Q - 9.X - 10->16.J

- | | | | |
|----------------------|---|-----------------------|---|
| 1/ Hộ kiếp vừa qua | V | 2/ Hộ kiếp vừa qua | V |
| 3/ Hộ kiếp rung động | R | 4/ Hộ kiếp dứt dòng D | |
| 5/ Khán ngũ môn | K | 6/ Ngũ song thức | N |
| 7/ Tiếp thân | T | 8/ Quan sát | Q |
| 9/ Xác định | X | 10-16/ Đồng tốc | J |

DIỄN
HOẠT
LỘ
TÂM:

✦ **SÁT NA: 12 sát na Tâm Khách (KNM, NST, TT, QS, XĐ, 7 ĐToc)**

✦ **CHẶNG: có 6 (gồm KNM, NST, TT, QS, XĐ, ĐT)**

✦ **THỨ TÂM: có 38 tâm Dục giới gồm:**

- + 12 tâm Bất thiện
- + 10 Tâm Vô nhân (trừ 4 đôi Thức)
- + 8 Thiện Dục Giới Tịnh hảo
- + 8 Duy Tác Dục giới Tịnh hảo

Note: 12 Bất thiện: nằm ở chặng Đồng lực, ngay chỗ 7 sát na đồng lực, thuộc về nhân, tâm tạo nghiệp
10 Tâm Vô nhân (trừ 4 đôi Thức): nằm ở chặng 1 đến 5 là KNM, NST, TT, QS, XĐ
8 Thiện Dục Giới Tịnh hảo: nằm ở chặng Đồng lực J
8 Duy Tác Dục giới Tịnh hảo: nằm ở chặng Đồng lực J (đồng tốc)

II/ CẢNH LỚN:

PANCADVĀRAMAHANTĀRAMMṆAVĪTHI

DIỄN HOẠT LỘ TÂM:

☸ RIÊNG 8 TÂM QUẢ THIỆN DGTH KHÔNG CÓ: VÌ TÂM HỘ KIẾP LÀ TÂM CHỦ, KHÔNG CÓ NHỮNG TÂM KHÁCH NHẢY VÔ, CHỈ LÀM NHIỆM VỤ TỤC SINH, HỘ KIẾP, TỬ & NA CẢNH.

✦ **NGƯỜI:** có 8 gồm: 4 phàm (Người Khổ, người Lạc, Nhị nhân, Tam nhân) + 4 thánh quả (Sơ, Nhị, Tam, Tứ quả). **Không có 4 thánh Đạo vì chỉ 1 sát na Đạo là đã qua Quả liền nên không tính vô**

✦ **CÔI:** 26 Cõi Ngũ uẩn (31 Cõi trừ Cõi Vô tướng (là cõi không có Tâm) và 4 Cõi Vô sắc (vì cõi vô sắc không có cảnh Ngũ, chỉ có cảnh Ý)

✦ ĐẶC BIỆT:

- Nhãn thức và Nhĩ thức có đủ 26 cõi
- Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức có 11 cõi Dục giới
- Các cõi Phạm thiên Sắc giới không có các thức này

II.2/ LỘ CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH: có 17 sát na

1.V - 2.V - 3.R - 4.D - 5.K - 6.N - 7.T - 8.Q - 9.X - 10->16.J - 17.HK

1/ Hộ kiếp vừa qua	V	2/ Hộ kiếp vừa qua	V
3/ Hộ kiếp rúng động	R	4/ Hộ kiếp dứt dòng	D
5/ Khán ngũ môn	K	6/ Ngũ song thức	N
7/ Tiếp thân	T	8/ Quan sát	Q
9/ Xác định	X	10-16/ Đồng tốc	J
17/ Hộ kiếp khách	HK		

DIỄN HOẠT LỘ TÂM:

✦ **SÁT NA:** 12 Sát na (KNM, NST, TT, QS, XĐ, 7 ĐToc)

✦ **CHẶNG:** có 6 (6: KNM, NST, TT, QS, XĐ, ĐT)

✦ **THỨ TÂM:** có 11 tâm gồm:

- + 2 Khán môn (KNM, KYM)
- + 2 Tâm Nhãn thức (hoặc Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân)
- + 2 tâm Tiếp thân + 3 Quan sát + 2 Đồng lực Sân

✦ **NGƯỜI:** có 4 gồm: Nhị nhân, Tam nhân, Sơ Quả, Nhị Quả và TỤC SINH PHẢI LÀ TÂM QUẢ DỤC GIỚI HỖ THỌ.

BẬC TAM QUẢ TRỞ LÊN KHÔNG CÒN TÂM SÂN NỮA (vì đã diệt trừ được tâm sân). **NGƯỜI TAM QUẢ, NGƯỜI TỨ QUẢ LỘ TÂM KHÔNG CÓ HỘ KIẾP KHÁCH.**

✦ **CÔI:** 7 cõi vui Dục giới (cõi Người + 6 cõi Trời Dục giới)

27.09.2020 - ROOM VIDIEUPHAPCOBAN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/3571663409521086>

BUỔI 109 - 18.12.2020 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/3327855277323588>

III/ LỘ NGŨ MÔN CẢNH NHỎ - PANCADVĀRA PARITTĀRAMMAṆAVĪTHI

PARITTĀRAMMAṆA: cảnh nhỏ

↳ Cảnh đi vào Môn (cửa) yếu không đủ lực để tác động vào dòng hộ kiếp nên phải có từ 4 đến 9 Hộ kiếp vừa qua mới rung động Hộ kiếp

↳ Tâm lộ chỉ sanh đến sát na Xác định (KYM) và chỉ có 2 hoặc 3 sát na

↳ Không có Lộ Đồng tốc sanh sau đó

↳ Có 6 tâm lộ tính từ Hộ kiếp vừa qua có 4 sát na

LỘ TÂM: 1/4V – 2/R – 3/D – 4/K – 5/N – 6/T – 7/Q – 8->9/X

DIỄN HOẠT LỘ TÂM:

✦ **SÁT NA:** có 6 (KNM, NST, TT, QS, 2XĐ)

✦ **CHẶNG:** có 5 (KNM, NST, TT, QS, XĐ)

✦ **THỨ TÂM:** có 9 (2 hướng tâm (KNM, KYM), 2 nhãn thức (nhĩ, tỷ...), 2 tiếp thu, 3 quan sát)

✦ **NGƯỜI:** có 8 (4 phàm + 4 Thánh quả; KHÔNG CÓ 4 THÁNH ĐẠO vì chỉ sanh 1 sát na rồi sang Quả)

✦ **CÕI:** có 26 cõi Ngũ uẩn (31 cõi - cõi Vô tưởng và 4 Cõi Vô sắc)

GHI CHÚ

+ Nhãn thức và Nhĩ thức có đủ 26 cõi (4 cõi Khổ + 7 Cõi Vui Dục giới + 16 Cõi Sắc giới trừ cõi Vô tưởng)

+ Tỷ, Thiệt, Thân thức có 11 cõi Dục giới (4 Cõi Khổ + 7 Cõi Vui Dục giới), cõi Phạm thiên Sắc giới không có các thức này (không có Tỷ, Thiệt, Thân thức)

+ Quan sát Hỷ thọ vẫn có thể sanh trong lộ này nếu là Cảnh Tốt.

**IV/ LỘ NGŨ MÔN CẢNH RẤT NHỎ -
PANCADVĀRATIPARITTĀRAMMANṆAVĪTHI**
TIPARITTĀRAMMANṆA: Cảnh Rất nhỏ

↳ Là cảnh quá nhỏ, quá yếu, muội lược, không rõ ràng

↳ Chỉ đến Hộ kiếp rúng động

↳ Không thể khởi sanh tâm khách

↳ Có từ 10 đến 16 Hộ kiếp vừa qua

↳ Hộ kiếp rúng động có vài sát na

↳ Có 7 lộ tính từ lộ có 10 Hộ kiếp vừa qua ... lộ thứ 7 có 16 hộ kiếp vừa qua

Lộ 1: có 10 HV

Lộ 2: có 11 HV

Lộ 3: có 12 HV

Lộ 4: có 13 HV

Lộ 5: có 14 HV

Lộ 6: có 15 HV

Lộ 7: có 16 HV => **Sau đó mới đến Rúng động**

LỘ TÂM: 1/ 10V – 2/ 11->13: R

1-10/V: Hộ kiếp vừa qua 11-13/R : Hộ kiếp rúng động

Ví dụ: 1-11: V ; 12-14: R ; H

**DIỄN
HOẠT
LỘ
TÂM:**

✦ **SÁT NA:** Không có sát na tâm khách

✦ **CHẶNG:** Không có chặng

✦ **THỨ TÂM:** Không có tâm khách

✦ **NGƯỜI:** có 8 (4 phàm + 4 Thánh quả)

✦ **CỖI:** có 26 cỡi Ngũ uẩn (31 cỡi - cỡi Vô tướng và 4 cỡi Vô sắc)

KẾT

CẢNH RẤT LỚN:
có 1 Hộ kiếp vừa qua

CẢNH LỚN: có 2 hoặc 3 Hộ kiếp vừa qua

CẢNH NHỎ: chỉ sanh đến Xác định tâm (KYM)

CẢNH CỰC NHỎ: thì chỉ đến Hộ kiếp rúng động

TỔNG CỘNG:
có 100 lộ Ngũ môn thời bình nhật

✦ **CẢNH RẤT LỚN:** có 3 lộ

✦ **CẢNH LỚN:** có 4 lộ

✦ **CẢNH NHỎ:** có 6 lộ

✦ **CẢNH RẤT NHỎ:** có 7 lộ

20 lộ (3+4+6+7) x 5 môn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân) = 100 lộ

**MANODVĀRE VĪTHI-
CITTAPPAVATTINAYO**

**TIẾN TRÌNH TÂM KHỞI
PHÁT XUYÊN QUA Ý MÔN**

Manodvāre pana yadi vibhūtamāmbanāṃ āpātham āgacchati, tato param bhavaṅga-calana-manodvārā-vajjanajavanāvasāne tadārammaṇapākāni pavattanti. Tato param bhavaṅgapāto.

Avibhūte panāmbane javanāvasāne bhavaṅgapātova hoti. Natthi tadāmbanuppādoti.

➤ Trong Ý môn, khi một đối tượng "sáng" nhập vào bằng đường lối này, tâm quả đăng ký khởi phát khi chập BHAVAṄGA giao động, ý môn hướng tâm, và javana chấm dứt. Sau đó chìm biến vào BHAVAṄGA.

➤ Trong trường hợp một đối tượng "tối", có sự chìm biến vào BHAVAṄGA sau khi luồng JAVANA chấm dứt mà không tạo điều kiện cho tâm quả đăng ký khởi sanh.

Vitthiccittāni tīneva cittuppādā daseritā.

Vitthārena panetthekacattāḷisa vibhāvaye.

Ayamettha Paritta-javanavāro.

➤ Ba phương cách và mười loại tâm khác nhau trong tiến trình tâm được dạy. Sẽ được giải thích rằng, vào chi tiết, có 41 loại tâm ở đây.

ĐÂY LÀ PHƯƠNG CÁCH ĐIỂN TIẾN CỦA JAVANA PHỤ.

**APPANĀ-
VĪTHICITTAPPAVATTINAYO**

TIẾN TRÌNH TÂM AN

CHỈ

Appanājavanavāre pana vibhūtāvibhūtabhedo natthi.
Tathā tadālambanuppādo ca.

↳ Trong phương cách diễn tiến của JAVANA APPANĀ (tuyệt đối an trụ) không có sự phân biệt giữa "sáng" và "tối". Cùng thể ấy không có Tâm Quả đăng ký (Na cảnh).

Tattha hi ñāṇasampayutta kāmāvacarajavanānam aṭṭhannaṃ aññatarasmim̐ parikammupacārānuloma-gotrabhū nāmena catukkhattum tikkhattumeva vā yathākkamaṃ uppajjitvā niruddhe tadanantameva yathārahaṃ catutthaṃ pañcamaṃ vā chabbīsati mahaggatalokuttarajavanesu yathābhinihārasena yaṃ kiñci javanaṃ appanāvīthimotarati. Tato paraṃ appanāvasāne bhavaṅgapātova hoti.

↳ Trong trường hợp này, bất luận tâm nào trong tám JAVANAS thuộc Dục Giới liên hợp với Tri kiến, khởi sanh, theo thứ tự, ba hoặc bốn lần, như chập tâm "**chuẩn bị**" (PARIKAMMA), "**cận hành**" (UPACĀRA), "**thuận thứ**" (ANULOMA), và "**chuyển tánh**" (GOTRABHŪ). Tức khắc sau khi những chập tâm này chấm dứt, trong chập thứ tư hay thứ năm, tùy trường hợp, bất luận tâm JAVANA nào trong 26 loại tâm Cao Thượng (thiền) và Siêu Thế nhập vào tiến trình Thiền, tùy hợp theo sự cố gắng thích ứng.

Tattha somanassasahagatajavanānantaraṃ appanāpi somanassasahagatāva pāṭikaṅkhitabbā. Upekkhā-sahagatajavanānantaraṃ upekkhāsahagatāva. Tatthāpi kusalajavanānantaraṃ kusalajavanañ ceva heṭṭhimañcaphalattayamappeti. Kriyājavanānantaraṃ kriyā javanaṃ arahattaphalañ ca appeti.

↳ Ở đây, tức khắc theo sau một javana với thọ hỷ, một JAVANA APPANĀ (satna định) với thọ hỷ ắt sẽ khởi phát. Sau một JAVANA đồng phát sanh với thọ xả, một JAVANA APPANĀ liên hợp với Thọ Xả ắt phát sanh.

↳ Ở đây cũng vậy, một JAVANA APPANĀ Thiện sẽ nối tiếp theo sau một JAVANA Thiện và (trong trường hợp chứng ngộ - samāpatti) sẽ tạo duyên cho ba Quả thấp hơn khởi phát.

Sau một JAVANA Hành, sẽ có một javana hành và Quả A La Hán nối tiếp.

APPANĀ-
VĪTHICITTAPPAVATTINAYO

TIẾN TRÌNH TÂM AN
CHỈ

Dvattimsa sukhapuññamhā dvādasopekkhakāparam
Sukhitakriyato aṭṭha cha sambhonti upekkhakā.

↳ Sau Tâm Thiện (có ba nhân, TIHETUKA) liên hợp với Thọ Hỷ, 32 (loại tâm) khởi phát (4 thiện Sắc + 28 thiện Siêu thế);

↳ Sau Tâm Thiện (có ba nhân) liên hợp với Thọ Xả, 12 loại (1 Ngũ thiên sắc + 4 Thiên Vô sắc + 7 Ngũ thiên Siêu thế);

↳ Sau Tâm Hành (có ba nhân) liên hợp với Thọ Hỷ, 8 loại (4 Thiên Duy tác Sắc + 4 Thiên A la hán Quả);

↳ Và sau Tâm Hành (có ba nhân) liên hợp với Thọ Xả, có sáu loại tâm (1 Ngũ Thiên sắc + 4 Thiên Vô sắc + Ngũ Thiên A la hán quả).

Puthujjanāna sekkhānaṃ kāmapuññā tihe tuto
Tihetukāmakriyato vitarāgānaṃ appanā.

Ayamettha manodvāre vīthi-cittappavattinayo.

↳ Đối với hạng phàm nhân và hạng "còn phải tu tập" (sekha) Tâm Quả Appanā (phát khởi) sau tâm thiện có ba nhân thuộc Dục Giới, nhưng đối với những vị "không còn tham ái" là sau Tâm Hành thuộc Dục Giới.

ĐÂY LÀ PHƯƠNG CÁCH ĐIỂN TIẾN CỦA TIẾN TRÌNH TÂM PHÁT SANH QUA Ý MÔN.

B/ TIẾN TRÌNH TÂM Ý MÔN

MANODVĀRACITTAVĪTHI

Tiến trình diễn tiến tâm qua Ý môn còn gọi là Lộ ý môn

Ý môn: là tâm hộ kiếp (còn gọi là tâm Hữu phần)

Quy trình diễn biến: được phát khởi từ nội phần thuộc ý thức

+ Cảnh của Lộ Ý thuộc Nội phần khác với Cảnh ngũ (Sắc, Thính, Hương, Vị, Xúc) nên được gọi là Cảnh pháp

PHÂN LOẠI:

có 2 gồm

1/ LỘ Ý MÔN THÔNG THƯỜNG:

Là Lộ tâm diễn hoạt trong đời thường, không đặc thiên, không đặc Đạo, Quả, Thần thông. Có 2:

a/ Lộ ý môn Bình nhật: là dòng tâm thức diễn hoạt hằng ngày trong đời sống.

Có 4 loại:

+ Cảnh rất rõ

+ Cảnh rõ

+ Cảnh không rõ

+ Cảnh rất không rõ

b/ Lộ ý môn Cận tử: là dòng tâm thức diễn hoạt trong giờ phút lâm chung, cận tử.

Có 2 loại:

+ Tử rời tục sinh

+ Tử rời Niết bàn

2/ LỘ Ý MÔN ĐẶC BIỆT: có 10

a/ Lộ Đặc Thiên

b/ Lộ Đặc Đạo

c/ Lộ Hiện Thông

d/ Lộ Nhập Thiên An Chỉ

e/ Lộ Nhập Thiên Quả

f/ Lộ Nhập Thiên Diệt

g/ Lộ Nhập Niết Bàn Liên Thiên

h/ Lộ Nhập Niết Bàn Liên Thông

i/ Lộ Nhập Niết Bàn Phán Kháng Chi Thiên

j/ Lộ Đặc Đạo Tột Mạng

DUYÊN SINH LỘ Ý có 14 loại

1/ DIṬṬHATO: do 6 cảnh từng thấy trước đây nay trạng lại

2/ DIṬṬHASAMBANDHATO: do 6 cảnh hiện có liên tưởng đến 6 cảnh đã từng gặp

3/ SUTATO: do từng học, từng nghe nói đến điều này, cảnh này, nay trạng lại

4/ SUTASAMBANDHANA: do 6 cảnh hiện có giống 6 cảnh đã từng gặp nên liên tưởng đến

5/ SADDHĀYA: do mãnh lực của đức tin

6/ RŪCIYĀ: do mãnh lực của sự hoan hỷ, hưng phấn hài lòng tác động

7/ ĀKĀPARAPARIVITAKKENA: do sự suy nghiệm

8/ DIṬṬHINIJJHĀNAKHANTIYĀ: do mãnh lực suy xét của trí tuệ và chủ kiến đúng đắn, sự phân đoán tác động

9/ NĀNAKAMMABALENA: do sức mạnh của nghiệp tác động (điềm nghiệp)

10/ NĀNĀ IDDHIBALENA: do sức mạnh của tha nhân tác động như trường hợp thôi miên thuật

11/ DEVATOPASAMHĀRAVASENA: do thần lực thiên nhân kích động, Chư thiên chuyển tâm

12/ DHĀTUKHOBHAVASENA: do rối loạn cơ thể như bị lên cơn sốt, cảm mạo... làm cho Tứ đại trong thân bị rối loạn

13/ ANUBODHAVASENA: do có tri kiến đúng đắn về Tứ Diệu Đế tức là dựa trên 3 loại trí: Trí Văn, Trí Tư, Trí Tu

14/ PAṬIVEDHAVASENA: do thánh trí tác động, sự hiểu thấu Tứ Diệu Đế

BUỔI 111 – 01.01.2021 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/676763969661214>

**ĐỐI TƯỢNG
CỦA LỘ Ý
MÔN:**

↳ Lộ Ý môn bắt tất cả đối tượng, ngoại trừ cảnh Ngũ (Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc – cảnh Xúc: đất lửa gió) thuộc thời hiện tại (ngay sát na bắt cảnh)

↳ Sắc Hiện tại (trừ 7 sắc Cảnh giới: SCS, SCT, SCK, SCV, Đ, L, G chỉ phát sanh trong thời hiện tại, thuộc Lộ ngũ môn) + sắc Quá khứ + sắc Vị lai + Danh pháp + Chế định pháp

**HỘ KIẾP VỪA
QUA -
ATĪTABHAVAṄGA**

↳ Do có sắc Hiện tại thành tựu hay Sắc Rõ nên có Hộ kiếp vừa qua

↳ Cảnh sắc Quá khứ, sắc Vị lai, Danh pháp và Chế định không có Hộ kiếp vừa qua

11.10.2020 ROOM VIDIEUPHAPCOBAN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/701189080753296>

BUỔI 112 – 08.01.2021 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/229730522060715>

LỘ Ý MÔN THỜI BÌNH NHẬT CÓ 4

1/ CẢNH RẤT RÕ: có 22 lộ (cảnh sanh khởi trong dòng tâm thức rất rõ ràng). Với 3 phương thức:

- ↪ Chót na cảnh
- ↪ Chót đồng lực
- ↪ Chót hộ kiếp khách

a. CHÓT NA CẢNH:

↪ Từ 1 đến 5 sát na HKVQ (18 sắc rõ hiện tại: 4 sắc tứ đại, 5 sắc thần kinh, 4 sắc cảnh giới, 2 sắc tính, sắc ý vật, sắc mạng quyền, sắc vật thực)

↪ 1 Không có Hộ kiếp vừa qua (khi cảnh là Danh pháp hoặc Chế định)

Tổng cộng có 6 lộ

LỘ TRÌNH CÓ 1 HỘ KIẾP VỪA QUA: HKVQ – R – D – KYM – 7J – 2Na – H

✦ **SÁT NA:** 10 Sát na (1 KYM + 7 Đồng tốc + 2 Na cảnh)

✦ **THỨ TÂM:** có 41 thứ tâm gồm:

+ Khán Ý môn

+ 29 Đồng lực Dục giới (12 Bất thiện, 8 Đại Thiện Dục giới, 8 Duy Tác Dục giới, 1 Ưng Cúng Vi Tiểu)

+ 11 tâm Na cảnh (3 tâm Quan sát vô nhân + 8 Đại quả DGTH)

✦ **CHẶNG:** có 3 chặng (KYM + Đồng tốc + Na cảnh)

✦ **NGƯỜI:** có 8 gồm: 4 Phàm + 4 Thánh quả

✦ **CÔI:** có 11 cõi Dục giới (4 cõi khổ: địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, atula + 7 cõi vui dục giới: người, tứ đại TV, dạ ma, đao lợi, đầu suất, tha hóa, hóa lạc). Na cảnh không có trên các Cõi Thiên.

1/ CẢNH RẤT RÕ: có 22 lộ

b. CHÓT
ĐỒNG LỰC:

↳ Từ 1 đến 7 sát na Hộ kiếp vừa qua

↳ 1 Không có Hộ kiếp vừa qua

Tổng
cộng có
8 lộ

LỘ TRÌNH KHÔNG CÓ HỘ KIẾP VỪA QUA: H – R – D – KYM – 7J – H

✦ **SÁT NA:** có 8 Sát na (1 KYM + 7 Đồng tốc)

✦ **THỨ TÂM:** có 30 thứ tâm gồm:

+ Khán Ý môn

+ 29 Đồng lực Dục giới (12 Bất thiện, 8 Đại Thiện Dục giới, 8 Duy Tác Dục giới, 1 Ưng Cúng Vi Tiểu)

✦ **CHẶNG:** có 2 chặng (KYM + Đồng lực)

✦ **NGƯỜI:** có 8 gồm: 4 Phàm + 4 Thánh quả

✦ **CỖI:** có 30 cõi (31 cõi – Cõi Vô tướng); vì đối tượng là Danh pháp (Tâm, Tâm sở) và Chế định, không có Na cảnh.

LỘ TRÌNH CÓ 1 HỘ KIẾP VỪA QUA: như trên, chỉ thêm 1 HKVQ:

H – V – R – D – KYM – 7J – H

✦ **CỖI:** có 26 cõi ngũ uẩn liên hệ đến 18 sắc rõ (31 Cõi - 4 Cõi vô sắc - 1 Cõi vô tướng)

6 LỘ CÒN LẠI: tương tự, chỉ thêm dần 1 sát na HKVQ

1/ CẢNH RẤT RÕ: có 22 lộ

c. CHÓT HỘ
KIẾP KHÁCH:

↳ Từ 1 đến 7 sát na Hộ kiếp vừa qua

↳ 1 Không có Hộ kiếp vừa qua

Tổng
cộng
có 8 lộ

LỘ TRÌNH KHÔNG CÓ HỘ KIẾP VỪA QUA, CÓ HỘ KIẾP KHÁCH:
R – D – KYM – 7J – HKK – H

✦ SÁT NA: có 8 Sát na tâm khách (1 KYM + 7 Đồng tốc)

✦ CHẶNG: có 2 chặng (KYM + Đồng lực)

✦ THỨ TÂM: có 3 gồm: + Khán Ý môn
+ 2 tâm Sân (do có Hộ kiếp khách)

✦ NGƯỜI: có 4: Nhị nhân, Tam nhân, Sơ quả, Nhị quả
(được tục sinh bằng tâm quả Dục giới Hỷ thọ, khi khởi lên tâm sân thì có HKK xen vô để dung hòa lại).

✦ CÕI: có 7 Cõi vui Dục giới (không có cõi khổ vì tục sinh bằng tâm quả thọ hỷ, không có ở cõi thiền vì cõi này không còn tâm sân)

7 LỘ CÒN LẠI: tương tự, chỉ thêm dần 1 sát na HKVQ

TỔNG CỘNG: CÓ 22 LỘ

- ◆ CHÓT NA CẢNH: có 6: 1 không HKVQ + 5 có HKVQ
- ◆ CHÓT ĐỒNG LỰC: có 8: 1 không HKVQ + 7 có HKVQ
- ◆ CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH: có 8: 1 không HKVQ + 7 có HKVQ

2/ CẢNH RỖ

Phân loại: có 2 phương thức:

- ↳ Chót đồng lực
- ↳ Chót hộ kiếp khách

**PHƯƠNG THỨC
MỖI LỘ
có 8:**

↳ 1 lộ không có HKVQ

↳ 7 lộ có HKVQ

Như vậy cả 2 phương thức có 16 tâm lộ (chót đồng lực: có 8 và chót hộ kiếp khách: có 8)

A. CHÓT ĐỒNG LỰC: có 2

→ 1/ KHÔNG CÓ HKVQ: diễn tiến như sau: **H – R – D – KYM – 7J – H**

✦ **SÁT NA:** có 8 Sát na (1 KYM + 7 Đồng lực)

✦ **CHẶNG:** có 2 chặng (KYM + Đồng lực)

✦ **THỨ TÂM:** có 30 tâm khách gồm:

+ 1 Khán Ý môn

+ 29 Đồng lực Dục giới (12 Bất thiện, 8 Đại Thiện Dục giới, 8 Duy Tác Dục giới, 1 Ưng Cúng Vi Tiểu)

✦ **NGƯỜI:** có 8: 4 Phàm + 4 Thánh quả

✦ **CÔI:** có 30 Cõi (31 cõi – Cõi Vô tướng)

→ 2/ CÓ 1 HỘ KIẾP VỪA QUA: cũng diễn tiến như trên, chỉ thêm 1HKVQ, cụ thể như sau: **H – V – R – D – KYM – 7J – H**

6 LỘ CÒN LẠI TƯƠNG TỰ, CHỈ THÊM 1 HỘ KIẾP VỪA QUA

B. CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH: có 2

→ 1/ KHÔNG CÓ HKVQ: diễn tiến như sau: **H – R – D – KYM – 7J – HKK – H**

✦ **SÁT NA:** có 8 Sát na (KYM + 7 Đồng lực)

✦ **CHẶNG:** có 2 chặng (KYM + Đồng lực)

✦ **THỨ TÂM:** có 3 tâm khách gồm:

+ 1 Khán Ý môn

+ 2 Tâm Sân

✦ **NGƯỜI:** có 4: 2 Phàm Hữu nhân (*Nhị Nhân, Tam Nhân*) + 2 Thánh Quả (*Sơ Quả, Nhị Quả*) (khi tục sinh bằng tâm Đại quả Thọ hỷ mà có lộ đồng tốc là sân thì có HKK xen vào)

✦ **CÔI:** có 7 cõi vui Dục giới (không có 4 cõi khổ vì tục sinh bằng tâm Đại quả DG thọ hỷ, không có ở cõi thiên vì cõi thiên không có tâm sân)

→ 2/ CÓ 1 HỘ KIẾP VỪA QUA: cũng diễn tiến như trên, chỉ thêm 1HKVQ, cụ thể như sau: **H – V – R – D – KYM – 7J – HKK – H**

6 LỘ CÒN LẠI TƯƠNG TỰ, CHỈ THÊM 1 HỘ KIẾP VỪA QUA

3/ CẢNH KHÔNG RÕ

Phân loại: có 2 Tâm lộ:

a/ CÓ 3 SÁT NA KHÁN Ý MÔN: H – R – D – 3KYM – H

b/ CÓ 2 SÁT NA KHÁN Ý MÔN: H – R – D – 2KYM – H

✦ **SÁT NA:** có 3 hoặc 2 Khán Ý môn

✦ **CHẶNG:** có 1 chặng (KYM)

✦ **NGƯỜI:** có 8: 4 Phàm + 4 Thánh quả

✦ **CÔI:** có 30 Cõi (31 cõi – Cõi Vô tướng)

GHI CHÚ: ở thời Bình nhật, Lộ Ý môn Cảnh Không rõ chỉ khởi lên khi người ta nhớ lại 6 cảnh 1 cách hời hợt, khi ấy tâm tư vẫn hững hờ thờ ơ

4/ CẢNH KHÔNG KHÔNG RÕ

↳ Chỉ khởi trong giấc ngủ

↳ Cảnh không không rõ chỉ là 1 cảnh mờ ảo, 1 nét gọn của dòng tâm thức

DIỄN TIẾN TÂM LỘ CẢNH MƠ HỒ: H – 2R – H

HỘ KIẾP + Hộ kiếp Rúng động

+ Hộ kiếp Rúng động HỘ KIẾP

✦ **TÂM:** không có tâm khách

✦ **CHẶNG:** không có

✦ **NGƯỜI:** có 8: 4 Phàm + 4 Thánh quả

✦ **CÔI:** có 30 Cõi (31 cõi – Cõi Vô tướng)

✦ **LỘ TÂM:** chỉ có 1 lộ

TỔNG KẾT

LỘ Ý MÔN THÔNG THƯỜNG (THỜI BÌNH NHẬT) CÓ ĐƯỢC 41 LỘ

+ Cảnh cực rõ: có 22 lộ

+ Cảnh rõ: có 16 lộ

+ Cảnh không rõ: có 2 lộ

+ Cảnh không không rõ: có 1 lộ

LỘ Ý NỐI TIẾP LỘ NGŨ

Là cách Lộ Ý nối tiếp theo Lộ Ngũ môn:
Lộ Nhãn, Lộ Nhĩ, Lộ Tỷ, Lộ Thiệt, Lộ Thân môn

1/ LỘ Ý NỐI TIẾP LỘ NHÃN MÔN

Có 4 lộ:

- + ATĪTAGAHAṆAVĪTHI: Lộ nối tiếp
- + SAMŪHAGGAHAṆAVĪTHI: Lộ gom thu
- + ATTHAGGAHAṆAVĪTHI: Lộ định nghĩa
- + NĀMAGGAHAṆAVĪTHI: Lộ định danh

a/ LỘ NỐI TIẾP

ATĪTAGAHAṆAVĪTHI

ATĪTA: phía trước,
GAHAṆA: bám lấy
ATĪTAGAHAṆAVĪTHI: lộ
bám lấy, nối tiếp theo
lộ trước

- ↳ Khi lộ Nhãn môn diệt, Lộ Nối tiếp sanh nối theo sau
- ↳ Giữa 2 lộ có hàng ngàn, hàng trăm ngàn các sát na hộ kiếp sanh diệt
- ↳ Cảnh sắc trong lộ Nhãn môn đã diệt trở thành CẢNH SẮC QUÁ KHỨ, nó khởi lên qua Ý môn nên tâm lộ nối tiếp này không có HKVQ

TÂM LỘ: H - R - D - KYM - 7J thuộc dục giới sanh lên (cảnh sắc dục giới nối tiếp lộ ngũ dục giới)

✦ Nếu lộ Nhãn môn **có Na cảnh** thì lộ Ý nối tiếp cũng có Na cảnh và Cảnh Sắc Quá khứ ở lộ này là Cảnh Cực Rõ vì có Na cảnh

✦ Nếu lộ Nhãn môn **không có Na cảnh** thì Lộ Nối tiếp chỉ đến Đồng lực rồi trở về Hộ kiếp căn bản và Cảnh Sắc Quá khứ ở lộ này là Cảnh Rõ

b/ LỘ GOM THU

SAMŪHAGGAHAṆAVĪTHI

SAMŪHA: gom góp lại

- + Khi Lộ Nối tiếp diệt đi, Lộ Thu gom sanh khởi tiếp theo
- + Giữa 2 lộ có hàng ngàn, hàng trăm ngàn hộ kiếp sanh, rồi mới tiếp đến 1 Tâm Lộ Ý môn khác sanh lên để thu gom cảnh sắc quá khứ

TÂM LỘ: H - R - D - KYM - 7J - H

✦ Nếu cảnh cực rõ thì có 2 sát na Na cảnh rồi tâm lộ trở về hộ kiếp

c/ LỘ ĐỊNH NGHĨA
ATTHAGGAHAṆAVĪTHI

↳ Khi Lộ thu gom cảnh diệt đi, Lộ Định Nghĩa sanh khởi tiếp theo sau
↳ Trải qua hàng ngàn hàng trăm ngàn Hộ kiếp, liền tiếp theo đó là Lộ Định Nghĩa Cảnh Sắc
↳ Đến giai đoạn này thuộc về CHẾ ĐỊNH PHÁP (Pháp Tục đế)

TÂM LỘ: R - D - KYM - 7J (7J thuộc về chế định pháp)

GHI CHÚ:

- ✦ 7J bắt cảnh Chế định pháp
- ✦ Ở tâm lộ này dù cảnh cực rõ hay rõ CŨNG KHÔNG CÓ NA CẢNH vì cảnh ở đây thuộc Chế Định Pháp nên không có cảnh thực tính pháp. Do đó Tâm Đồng lực không níu kéo cảnh

d/ LỘ ĐỊNH DANH
NĀMAGGAHAṆAVĪTHI

↳ Nối tiếp theo lộ Định nghĩa, 1 tâm lộ khác khởi lên để định danh cảnh sắc

↳ Giữa 2 lộ cũng có hàng ngàn hàng trăm ngàn hộ kiếp

↳ Lộ này có nhiệm vụ đặt cho cảnh sắc 1 cái tên thích ứng theo ngoại hình

↳ Tên này đã từng biết nên lộ này có tên Lộ Định Danh

TÂM LỘ: R - D - KYM - 7J - H

- ✦ Bắt cảnh Danh Chế Định nên không có Na Cảnh

13.12.2020 ROOM VIDIEUPHAPCOBAN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1013282842511581>

BUỔI 115 – 29.01.2021 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/2779751272237403>

2/ LỘ Ý NỐI TIẾP LỘ NHĨ MÔN

a/ LỘ NỐI TIẾP ATĪTAGAHAṆAVĪTHI

- ↳ Khi lộ Nhĩ thức diệt, Hộ kiếp sanh Lộ Nối tiếp sanh nối theo sau
- ↳ âm hưởng cảnh thính quá khứ xâm nhập vào dòng tâm
- ↳ âm hưởng sóng âm như tiếng chuông ngân, tiếng nhạc, tiếng tụng kinh ... khi ấy Lộ nối tiếp khởi lên

TÂM LỘ: H – R – D – KYM – 7J

✦ 2 sát na Na cảnh: nếu Tâm lộ Nhĩ môn có Na cảnh và cảnh trong lộ này là Cảnh Cực rõ rồi trở về Hộ kiếp

b/ LỘ THU GOM SAMŪHAGGAHAṆAVĪTHI

- ↳ Sau Lộ Nối tiếp, Hộ kiếp sanh ... Lộ Thu gom sanh theo sau
- ↳ Phận sự: thu vén Cảnh Thính quá khứ qua âm hưởng di sóng của cảnh Thính

TÂM LỘ: H – R – D – KYM – 7J

✦ 2 sát na Na cảnh: nếu 2 lộ trước (lộ Nhĩ môn và lộ Nối tiếp) có Na cảnh và cảnh ở Lộ này là Cảnh Rất rõ rồi trở về Hộ kiếp

c/ LỘ ĐỊNH DANH NĀMAGGAHAṆAVĪTHI

- ↳ Khác với Lộ Ý nối Lộ Nhãn môn, ở đây Lộ Định danh xuất hiện trước Lộ Định nghĩa
- ↳ Lộ Thu gom diệt, tiếp sau Hộ kiếp ... Lộ Định danh theo sau
- ↳ PHẬN SỰ: 1 Tâm lộ sanh lên đặt cho âm thanh quá khứ 1 tên gọi thích ứng theo tính cách thể tục, như tiếng người, tiếng thú, tiếng nhạc ...

TÂM LỘ: H – R – D – KYM – 7J

✦ KHÔNG CÓ Na cảnh vì nhận Chế định làm cảnh

d/ LỘ ĐỊNH NGHĨA ATTHAGGAHAṆAVĪTHI

- ↳ Lộ Định danh cảnh Thính diệt, Hộ kiếp..... lộ Định nghĩa sanh theo sau
- ↳ Lộ Định nghĩa: đặt ý nghĩa cảnh Thính ấy.
- ↳ Lộ này có phận sự nhận diện ý nghĩa của cảnh Thính như sự van nài, sự ra lệnh, sự hờn dỗi ...

TÂM LỘ: H – R – D – KYM – 7J

✦ KHÔNG CÓ Na cảnh

**2/ LỘ Ý NỐI TIẾP
LỘ NHĨ MÔN**

GHI NHẬN

✦ Thực tế phức tạp hơn nhiều, từ Lộ này sang Lộ khác được lặp đi lặp lại rất nhiều lần

✦ Với cảnh Thịnh càng phức tạp, lộ Thu gom sanh khởi càng nhiều Lộ hơn

✦ Không có Lộ Thu gom khi chỉ có đơn âm

✦ 4 lộ trên là cơ bản, đôi khi có trường hợp nhiều hơn tùy theo Cảnh

**LỘ NHÃN
MÔN NỐI
SAU 5 LỘ Ý**

Ví dụ: Cái
nháy mắt:

a/ Lộ nối tiếp - ATĪTAGGAHAṆAVĪTHI sanh khởi nhận cảnh sắc quá khứ là cái nháy mắt đã diệt mất.

b/ Lộ thu gom - SAMŪHAGGAHAṆAVĪTHI: thu vén cái nháy mắt quá khứ

c/ Lộ định nghĩa - ATTHAGGAHAṆAVĪTHI: khởi lên theo sau lộ Thu gom cảnh Sắc để biết ý nghĩa cái nháy mắt

d/ Lộ Thân biểu tri - KĀYAVIÑÑATTIGAHAṆAVĪTHI: khởi lên tiếp theo sau lộ Định nghĩa để biết sự kiện cái nháy mắt

e/ Lộ Hiểu ý - ADHIPPĀYAGGAHAṆAVĪTHI: lộ hiểu nghĩa cao nhất sanh khởi kế tục lộ Thân biểu tri để hiểu ý của đối tượng

**LỘ NHĨ MÔN
THEO SAU 6 LỘ
Ý**

Trước tiên là lộ Nhĩ môn, chỉ nghe 1 cách đơn thuần chưa có ý niệm về Danh hay Nghĩa chế định

a/ Lộ nối tiếp - ATĪTAGGAHAṆAVĪTHI: lộ Ý nối tiếp lộ Nhĩ để nắm bắt cảnh Thịnh quá khứ

b/ Lộ thu gom - SAMŪHAGGAHAṆAVĪTHI: theo sau lộ Nối tiếp để thu vén những âm hưởng di sóng

c/ Lộ định danh - NĀMAGGAHAṆAVĪTHI: theo sau lộ Thu gom có phận sự định danh cảnh Thịnh theo Danh chế định

d/ Lộ định nghĩa - ATTHAGGAHAṆAVĪTHI: khởi lên sau Lộ định danh để hiểu cảnh Thịnh theo Nghĩa chế định

e/ Lộ ngữ bày tỏ (Khẩu biểu tri) - VACĪVIÑÑATTIGAHAṆAVĪTHI: khởi lên tiếp theo Lộ định nghĩa để ý thức được ý nghĩa tiếng gọi

f/ Lộ hiểu ý - ADHIPPĀYAGGAHAṆAVĪTHI: lộ hiểu nghĩa cao nhất nối đuôi theo lộ Ngữ bày tỏ để nhận biết ý muốn của nhân vật, ý nghĩa hay mục đích tiếng gọi

**CÁC LỘ
TỶ - THIỆT - THÂN
CŨNG TƯƠNG TỰ**

LỘ CHIÊM BAO – SUPINACITTAVĪTHI

Khi ngủ say, dòng Hộ kiếp (hộ trì kiếp sống) liên tục không ngừng nghỉ
Chiêm bao khi có Lộ tâm Khách sanh nơi Ý môn

NHÂN SANH CHIÊM BAO
Có 4:

1/ Rối loạn cơ thể:

- + Tứ đại bất ổn khiến sanh chiêm bao
- + Do gió kích động mạnh tạo nên sự hỗn loạn cơ thể kích động đến Sắc Ý vật
- + Do mật mắt quân bình
- + Do đàm bị xáo trộn mất quân bình
- + Do bệnh: sốt, nóng lạnh ...

2/ Quá khứ trạng lại: đã từng thấy, nghe ...

3/ Do Chư thiên hay do tha lực tác động

4/ Do nghiệp (điềm nghiệp)

LỘ CHIÊM BAO
Có 12 lộ:
(6 + 4 + 1 + 1)

+ Cảnh cực rõ: có 6 lộ
(HKVQ: Hộ kiếp vừa qua)

↳ Chót na cảnh có 2 lộ: không HKVQ và có 1 HKVQ

↳ Chót Đồng lực có 2 lộ: không HKVQ và có 1 HKVQ

↳ Chót Hộ kiếp khách có 2 lộ: không HKVQ và có 1 HKVQ

+ Cảnh rõ: có 4 lộ
(HKVQ: Hộ kiếp vừa qua)

↳ Chót Đồng lực có 2 lộ: không HKVQ và có 1 HKVQ

↳ Chót Hộ kiếp khách có 2 lộ: không HKVQ và có 1 HKVQ

+ Cảnh không rõ: có 1 lộ:

Có 2 sát na Khán Ý môn và không có Hộ kiếp vừa qua

+ Cảnh mơ hồ: có 1 lộ:

2 Hộ kiếp rúng động



GHI CHÚ

✦ Chỉ sanh trong khi ngủ không sâu, chập chờn, mơ màng

✦ Ngủ say không có Lộ chiêm bao

✦ Sanh khởi với 4 hạng Phạm nhân và 3 Quả hữu học (3 bậc thánh: Sơ, Nhị và Tam quả)

✦ Bậc A la hán (bậc Tứ quả) không có chiêm bao

✦ Bậc thánh Tam quả rất ít có chiêm bao vì đã viên mãn định phần nhưng vì còn phiền não dư sót

✦ Địa ngục không có chiêm bao

✦ Chư thiên không có chiêm bao vì có sắc tế và không có 4 nhân sanh chiêm bao (vật thực tế, không bệnh)

✦ Điềm nghiệp của Chư thiên lúc báo tử chỉ khởi lên lúc còn thức tỉnh

✦ Có đồng lực sanh nhưng không tạo nghiệp thành quả dị thực

✦ Chỉ có 1 Hộ kiếp vừa qua sanh khởi vì có đối tượng là sắc rõ

Trường
hợp đang
ngủ:

☞ có người kêu hoặc lay động thân

☞ lộ Nhĩ môn hoặc lộ Thân môn sanh

☞ tiếp theo là lộ Nối tiếp

☞ không có những tâm lộ khác nối tiếp (thu gom, định danh, định nghĩa)

☞ bây giờ mới có Lộ chiêm bao và tâm nhận cảnh Thịnh hoặc cảnh Xúc

☞ đó cũng là loại sắc rõ thành tựu hiện tại nên có Hộ kiếp vừa qua

VÌ SAO CHỈ
CÓ 1 MÀ
KHÔNG CÓ
2 HOẶC 3
HỘ KIẾP
VỪA QUA:

✦ Vì sắc rõ làm thành cảnh trong lộ Chiêm bao là loại sắc thô

✦ Trong trạng thái chập chờn, cảnh tác động đến dòng Hộ kiếp đang muội lực nên chỉ cần 1 sát na Hộ kiếp vừa qua thì tâm Hộ kiếp bị rúng động ngay

✦ Sắc tế không thể hiển lộ sức mạnh để làm cảnh cho dòng tâm thức đang trong trạng thái muội lực

LỘ TÂM CẬN TỬ - MARAÑASANNACITTAVĪTHI

Marañā: tử, chết
Āsanna: kề cận, gần kề
Marañāsanna: cận kề cái chết.
Marañāsannacittavīthi - LỘ TÂM CẬN TỬ

CHẾT: sự chấm dứt một đời sống của 1 Ngũ uẩn hay Tứ danh uẩn

✦ Chết vĩnh hằng: Viên Tịch - PARINIBBĀNA của Bạc vô lậu không còn tái sinh

SỐNG LẠI: tái sinh từ đời sống cũ hay chuyển tiếp từ ngũ uẩn cũ sang ngũ uẩn mới đối với chúng sanh còn tái tục

Chết là sự diệt tận của 3 pháp

1/ Mạng quyền - JIVITINDRIYA

2/ Hơi nóng - USUNĀ # TEJODHATU (lửa)

3/ Tâm thức - VIÑÑĀNA

LỘ TÂM CẬN TỬ
CÓ 2 loại:

1/ LỘ NGŨ MÔN CẬN TỬ - PAÑCADVĀRAMARAÑASANNAVĪTHI
có 2

a. Sát na chót có na cảnh (có hộ kiếp hoặc không) rồi Tử
- Javana - Na - H - T
- Javana - Na - T

b. Sát na chót đồng lực (có hộ kiếp hoặc không) rồi Tử
- Javana - H - T
- Javana - T

Mỗi loại có 2 lộ x 2 loại x 5 môn = 20 Lộ Ngũ Môn Cận Tử
Về Đồng lực, có 5 sát na

LỘ TÂM:

1a/ Dòng tâm thức diễn biến như sau:

H - V - R - D - KNM - NST - TT - QS - XĐ - 5J - 2Na - H - Tử
H - V - R - D - KNM - NST - TT - QS - XĐ - 5J - 2Na - Tử

SÁT NA: 12 sát na tâm khách (KNM, NST, TT, QS, XĐ, 5J, 2Na)

THỨ TÂM: 45 thứ tâm khách (54 tâm dục giới – 9 đồng lực duy tác: 1 UCVT + 8 Duy tác Dục giới)

CHẶNG: có 7 chặng (KNM, NST, Tt, QS, XĐ, Javana, Na)

NGƯỜI: có 6 hạng người (4 phàm và 2 thánh quả thấp) (trừ người Tam quả và người Tứ quả)

**Trừ
ra:**

1/ Bậc tam quả vì:

+ đã diệt trừ tham dục
+ tâm chung, tâm của các Ngài luôn hướng về các Pháp đã chứng đắc, do vậy 5 trần không thể xâm nhập
+ khi mệnh chung chắc chắn sanh về Ngũ tịnh cư hoặc Cõi Thiên đã chứng, hoặc cõi Sơ thiên (bậc Tam Lạc Quán)

2/ Bậc Tứ quả vì:

+ khi tâm chung các Ngài hướng về viên tịch – PARINIBBĀNA
+ Chỉ khởi ở LỘ Ý MÔN CẬN TỬ

CÕI: 11 cõi Dục giới

1b/ Dòng tâm thức diễn biến như sau:

H - V - R - D - KNM - NST - TT - QS - XĐ - 5J - H - Tử
H - V - R - D - KNM - NST - TT - QS - XĐ - 5J - Tử

SÁT NA: 10 sát na (KNM, NST, TT, QS, XĐ, 5J)

THỨ TÂM: có 37 thứ tâm khách (54 tâm Dục giới – 9 đồng lực Duy tác DG (1 UCVT + 8 Duy tác DG) – 8 tâm Đại quả DG)

CHẶNG: có 6 chặng (KNM, NST, Tt, QS, XĐ, Javana)

NGƯỜI: có 6 hạng người (4 phàm và 2 thánh quả thấp) (trừ người Tam quả và người Tứ quả)

CÕI: Lộ nhãn môn, lộ Nhĩ môn có trong 26 cõi Ngũ uẩn; Lộ Tỷ, Thiệt, Thân môn có trong 11 cõi dục

LỘ NỐI TIẾP SAU KHI TỬ:

Tử – Tục sinh – 14H – R – D – KYM – 7J (tham) – 2Na – H

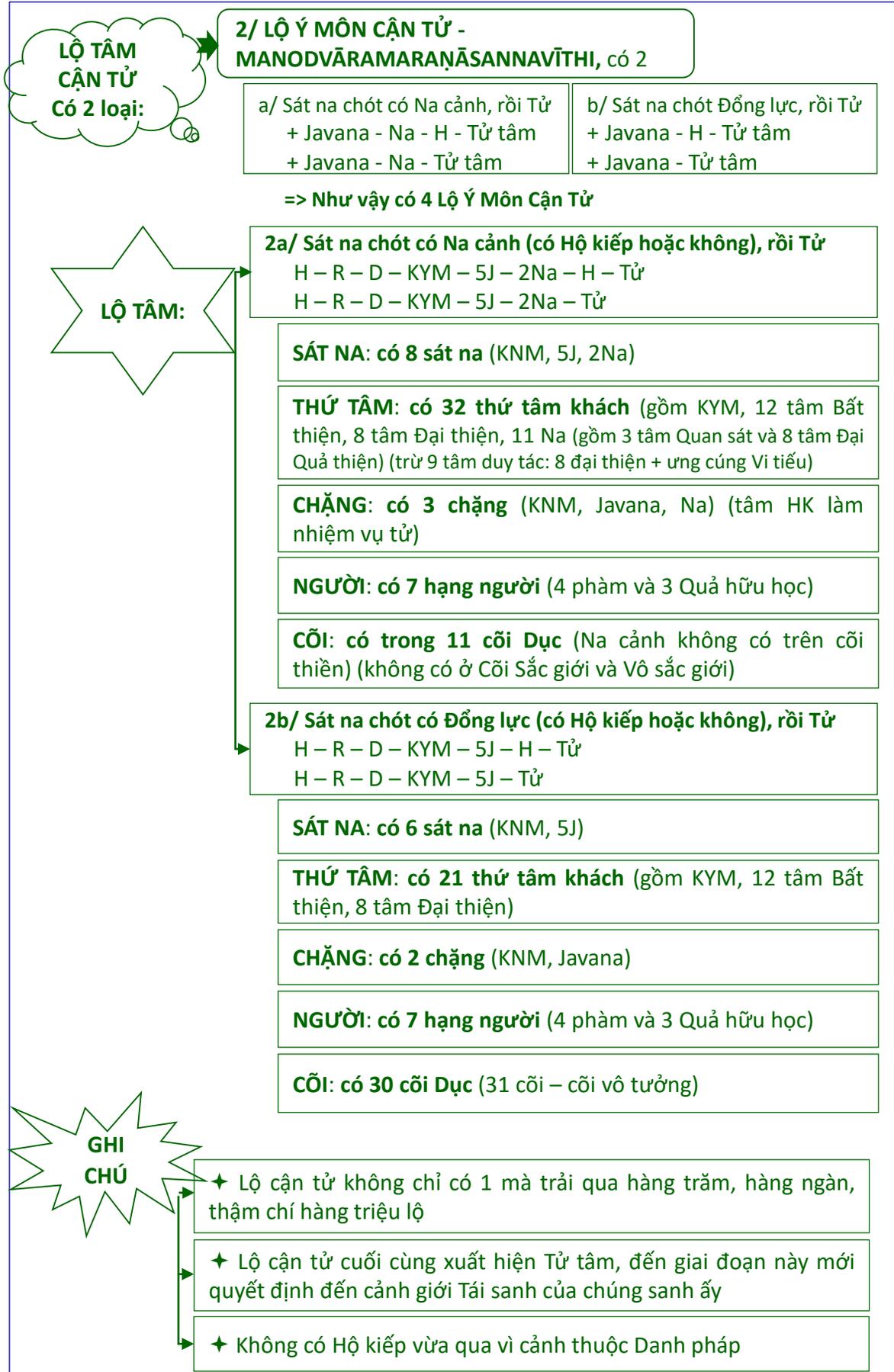
CHÚ THÍCH:

- Trong Lộ tâm qua Ngũ môn, ở giờ phút cận tử, thường được trình bày bằng 2 lộ tâm liên tục là lộ Cận tử và lộ Tục sinh
- Chúng sanh sau khi chết sẽ được tái sanh ngay tức khắc
- Thường thì tâm đồng tốc phải có đủ 7 sát na, nhưng khi sắp chết hay lúc bị ngắt xủ hoặc khi Đức Phật hiện song thông thì tâm đồng tốc chỉ có 5 sát na
- Tâm tử là sát na **cuối cùng** của đời sống cũ, tâm Tục sinh là sát na **đầu tiên** của kiếp sống mới

BUỔI 121 - 19.03.2021 ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/271201784459655>

03.01.2021 VDPCB <https://www.facebook.com/417596642178593/videos/455758785588019>



CẢNH NGHIỆP CẬN TỬ NGHIỆP:

Có 3 loại cảnh nghiệp:

1/ Trọng nghiệp thành
Cảnh nghiệp (Thiện, Bất
thiện)

2/ Thường nghiệp

3/ Tích lũy nghiệp
(Khinh thiếu nghiệp)

BUỔI 122 – 19.03.2021 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1394351990941427>

LỘ TÂM TỤC SINH

PAṬISANDHIVIÑÑĀNAVĪTHI

Lộ tâm nối tiếp sau Lộ Tử là Lộ tâm Tục sinh

Paṭisandhi: nối liền, nối tiếp từ kiếp sống
cũ sang kiếp sống mới

LỘ TÂM:

Tử// Tục sinh – 14 Hộ kiếp – R – D – KYM – 7J – 2Na – H

**GHI
CHÚ**

✦ **14 HỘ KIẾP:** sau tâm Tục sinh cần phải có 14 Hộ kiếp để tăng cường sự vững chắc cho Danh Pháp và Sắc Ý vật đủ mạnh

✦ **7 JAVANA:** là **Đồng Lực Tham**, có sách cho rằng phải là Tham thọ Hỷ do vì hoan hỷ với kiếp sống mới cho dù là Bồ tát Chánh Đẳng Giác tái sinh trong kiếp chót, đồng lực này cũng phải là Tham vì nó chịu ảnh hưởng từ Tâm Tục sinh, Tâm Tục sinh bị thúc đẩy bởi Vô minh tùy miên và Ái tùy miên

✦ **NA CẢNH:** lộ tâm Tục sinh trong cõi Dục giới đều phải có na cảnh vì:

- Dư hưởng của sự tham ái với cảnh dục mạnh
- Cảnh của Lộ Tục sinh là cảnh rõ, rất rõ
- Cảnh không rõ thì không sanh Đồng Lực



1/ CẢNH VUI sanh về CẢNH KHỔ:

- ✦ Có ở 7 cõi Vui Dục giới: Tạo ác nghiệp khi lâm chung, ác nghiệp hay nghiệp tướng đó hiện bày qua Ý môn
LỘ TÂM: KYM - 5 Javana Bất thiện - 2Na - Tử - Tục sinh
- ✦ Tử tâm và tâm Tục sinh có cảnh thuộc quá khứ
- ✦ Cảnh Thú tướng qua Ý môn, Tử và Tục sinh nhận cảnh hiện tại
- ✦ Cảnh Nghiệp tướng qua 5 môn: Tử - Tục sinh là cảnh hiện tại (cảnh hiện vào 1 trong 5 môn, trải qua 16 sát na tâm của lộ cận tử, cảnh khi ấy còn tuổi thọ 1 sát na tâm, tâm Tái tục sanh lên nhận lấy cảnh Khổ nghiệp tướng này).
16 sát na tâm: 3 sát na Hộ kiếp (V-R-D) – KNM – NST – TT – QS – XD (KYM) – 5J – 2Na – Tử tâm
- ✦ Cũng trong trường hợp này, nếu có xen Hộ kiếp rồi Tử thì: Tử cảnh hiện tại, Tục sinh cảnh Quá khứ vì đủ 17 sát na

2/ CẢNH KHỔ sanh về CẢNH KHỔ:

- ✦ Từ cảnh Khổ này sanh sang cảnh Khổ khác do Nghiệp quá nặng, tích lũy quá nhiều ác nghiệp: Địa ngục sanh qua Ngạ quỷ, Ngạ quỷ sanh qua Thú
- ✦ Nếu là cảnh Nghiệp, cảnh Nghiệp tướng xuất hiện ở Ý môn trong thời cận tử, chúng sanh này Tử cảnh Quá khứ - Tục sinh cảnh Quá khứ.
- ✦ Nếu cảnh Thú tướng xuất hiện ở Ý môn của Lộ cận tử: Tử cảnh hiện tại – Tục sinh cảnh hiện tại
- ✦ Nếu cảnh Nghiệp tướng xuất hiện ở 1 trong 5 môn của Lộ cận tử thì: Tử cảnh hiện tại – Tục sinh cảnh hiện tại, hay Tục sinh cảnh Quá khứ nếu cảnh đồng diệt với Tâm Tử.



3/ CẢNH KHỔ sanh về CẢNH VUI:

✦ Đang ở Khổ cảnh tạo nghiệp Thiện, khi lâm chung cảnh Nghiệp, Nghiệp tướng hay Thú tướng thuộc Thiện làm thành cảnh cho Lộ cận tử với Đồng lực Thiện Dục giới

4/ CẢNH VUI sanh về CẢNH VUI:

Có 2 loại Thiện nghiệp: Dục giới và Đáo đạ

+ Dục giới có 3 cảnh: Nghiệp, Nghiệp tướng, Thú tướng
+ Đáo đạ chỉ có 1 cảnh là: Nghiệp tướng thời cận tử mà thôi

4.1/ Người lâm chung có Thiện nghiệp Dục giới

a/ Cảnh NGHIỆP hoặc Cảnh NGHIỆP TƯỚNG nơi Ý môn

- Tâm Tử sanh lên bắt cảnh Nghiệp, Nghiệp Tướng quá khứ rồi diệt đi
- Tâm Tục sinh hiện khởi nhận lấy cảnh nghiệp hoặc cảnh Nghiệp tướng quá khứ
- Sanh về nhà cảnh Dục giới, vì bị dẫn dắt bởi sức mạnh của phiền não cấu uế chưa sát trừ
- Đây là Tử tâm Quá khứ tục sinh cảnh Quá khứ

b/ Khi cảnh NGHIỆP TƯỚNG phát sanh tại 1 trong 5 môn:

- Chúng sanh ấy Tử cảnh hiện tại và Tục sinh cảnh Hiện tại

c/ Khi cảnh THÚ TƯỚNG (trú xứ nơi tái sanh vào) xuất hiện nơi Ý môn:

- Chúng sanh này tử cảnh Hiện tại – tục sinh cảnh Hiện tại

4.2/ Người lâm chung có Thiện nghiệp Đáo đạ: Người tích lũy THIỆN NGHIỆP ĐÁO ĐẠ, Lộ cận tử không có Na cảnh

Trong Lộ cận tử chỉ có cảnh NGHIỆP TƯỚNG liên quan đến Thiên Ấn xứ như: Đất Nước Lửa Gió Xanh Vàng Trắng Đỏ

Có 2 loại cảnh Nghiệp tướng trong trường hợp này:

a/ Cảnh Nghiệp tướng là Quang tướng chế định đối với: Thiện Sắc giới, và 2 loại Thiện Vô sắc giới là Không Vô Biên Xứ và Vô Sở Hữu Xứ

b/ Cảnh Nghiệp tướng là Quang tướng Chân đế đối với: Thiện thức Vô Biên Xứ và Thiện Phi tướng Phi phi tướng Xứ có đối tượng là Quang tướng Chân đế. Chúng sanh này có Tử tâm cảnh Quá khứ, tục sinh cũng là cảnh Quá khứ.

17.01.2021 ROOM VIDIEUPHAPCOBAN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/737090440558109>

BUỔI 117 – 19.02.2021 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/3037532833160454>

LỘ NHẬP NIẾT BÀN – PARINIBBĀNACITTAVĪTHI

PARI: viên mãn, trọn vẹn / NI: không
VĀNA: sự ham muốn, sự kết dệt, võng ái
I + V = BB / NI + VĀNA = NIBBĀNA

PARINIBBĀNA:

✦ sự viên mãn, sự viên tịch hoàn toàn không còn dính mắc vào vòng sanh tử

✦ sự làm tắt, tiêu diệt, tuyệt chủng sự tái sanh trong tương lai

✦ sự giải thoát cuối cùng khỏi đau khổ tái sanh và chuyển sinh

✦ cái chết sau kiếp sống cuối cùng của một vị A la hán

✦ viên tịch Níp bàn

VỊ THÁNH TỨ QUẢ KHÔNG BAO GIỜ VIÊN TỊCH TRONG LỘ NGŨ MÔN

Có 2 loại lộ Nhập
Niết bàn:

A/ TÂM LỘ NIẾT BÀN THÔNG THƯỜNG
có 4:

1/ Chót Na cảnh, Hộ kiếp, Niết bàn

2/ Chót Na cảnh và Niết bàn

3/ Chót Hộ kiếp và Niết bàn

4/ Chót Đồng lực và Niết bàn

B/ LỘ NIẾT BÀN ĐẶC BIỆT
có 4:

1/ Lộ Niết bàn liên thiên -
JHĀNASAMANANTARAVĪTHI

2/ Lộ Niết bàn phản khán chi thiên -
PACCAVEKKHANASAMANANTARAVĪTHI

3/ Lộ Niết bàn liên thông -
ABHIÑÑĀSAMANANTARAVĪTHI

4/ Lộ Niết bàn chí mạng -
JĪVITASAMASĪSĪVĪTHI

**A/ TÂM LỘ
NIẾT BÀN
THÔNG
THƯỜNG**

Có 4:

➔ **1/ Chót Na cảnh xen Hộ kiếp, Niết bàn:**
R - D - KYM - 5J - 2Na - H - TỬ / NIẾT BÀN

★ **SÁT NA:** có 8 (KYM, 5J, 2Na)

★ **CHẶNG:** có 3 (KYM, Javana, Na)

★ **THỨ TÂM:** có 21 (KYM, 8 tâm Duy tác Dục giới, UCVT, 8 tâm Đại quả, 3 tâm Quan sát)

★ **NGƯỜI:** có 1: người Tứ quả (do có Na cảnh nên chỉ ở Dục giới)

★ **CÔI:** 7 cõi vui Dục giới

➔ **2/ Chót Na cảnh không xen Hộ kiếp rời Niết bàn:** giống như trên

3/ Chót Đồng lực xen Hộ kiếp:
R - D - KYM - 5J - H - TỬ / NIẾT BÀN

★ **SÁT NA:** có 6 (KYM, 5J)

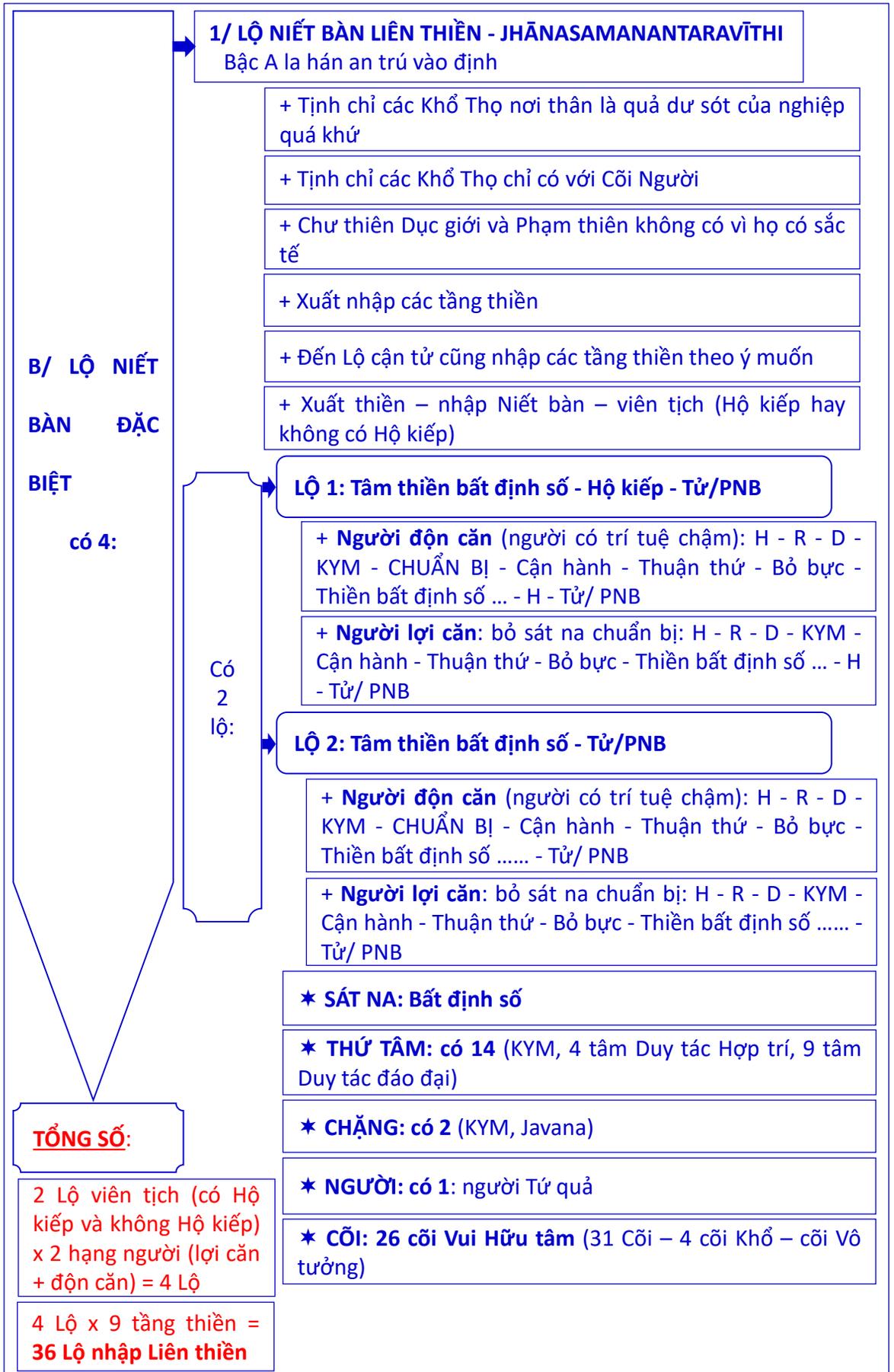
★ **CHẶNG:** có 2 (KYM, Javana)

★ **THỨ TÂM:** có 10 (KYM, 8 tâm Duy tác Dục giới, UCVT)

★ **NGƯỜI:** có 1: người Tứ quả

★ **CÔI:** 26 cõi vui hữu tâm (31 Cõi – 4 cõi khổ – cõi vô tưởng)

➔ **4/ Chót Đồng lực rời Niết bàn:**
giống như trên, bỏ Hộ kiếp



**B/ LỘ NIẾT
BÀN ĐẶC
BIỆT**

có 4:

**2/ LỘ NIẾT BÀN PHẢN KHÁN CHI THIỀN –
PACCAVEKKHANASAMANANTARAVĪTHI**
Phản: quay lại, trở lại / Khán: nhìn, xem

+ Bậc Thánh Tứ quả phải là **bậc có trí già mạnh** (lợi căn)

+ Khi ấy thời gian rất gấp rút, lại phải quán sát chi thiền

+ An trú vào định nhập làm tịnh chỉ các Khổ thọ có nơi thân

+ Xuất thiền rồi phản khán chi thiền

+ Lộ phản khán này có hàng trăm hàng ngàn lộ theo thích ứng

+ Lộ cận tử (viên tịch) sanh khởi, không xen Hộ kiếp hoặc có

+ Dứt sát na viên tịch (tử tâm) vị A la hán vô dư Niết bàn

Có 2
lộ: có
xen
Hộ
kiếp
hoặc
không
Hộ
kiếp

LỘ 1: ĐỒNG LỰC – Hộ Kiếp – Tử/PNB

a/ Nhập định: Cận hành – Thuận thứ – Bỏ bực – Thiền bất định số

b/ Phản khán chi thiền: H – R – D – KYM – 7J (sanh hàng trăm ngàn lộ)

c/ Cận tử: H – R – D – KYM – 5J – H – Tử/PNB

LỘ 2: ĐỒNG LỰC – Tử/PNB

a/ Nhập định: Cận hành – Thuận thứ – Bỏ bực – Thiền bất định số

b/ Phản khán chi thiền: H – R – D – KYM – 7J (sanh hàng trăm ngàn lộ)

c/ Cận tử: H – R – D – KYM – 5J – Tử/PNB

★ **SÁT NA:** có 6 (KYM, 5 Javana)

★ **THỨ TÂM:** có 5 (KYM, 4 tâm Duy tác Hợp trí)

★ **CHẶNG:** có 2 (KYM, Javana)

★ **NGƯỜI:** có 1: bậc Tứ quả

★ **CÔI:** 26 cõi Vui Hữu tâm (31 Cõi – 4 cõi khổ – cõi vô tưởng)

**B/ LỘ NIẾT
BÀN ĐẶC
BIỆT**

có 4:

TỔNG SỐ: có 48 tâm lộ viên tịch phản khán chi thiên
(10 lộ + 8 lộ + 6 lộ + 4 lộ + 20 lộ)

+ **Phản khán Sơ thiên:** có 10 lộ viên tịch sanh kế tục lộ phản khán Sơ thiên là:
5 chi thiên (tầm tứ hỷ lạc định) x 2 hạng người (độn căn, lợi căn) = **10 lộ viên tịch**

+ **Phản khán Nhị thiên:** có 8 lộ viên tịch sanh kế tục lộ phản khán Nhị thiên là:
4 chi thiên (bỏ tầm) x 2 hạng người (độn căn, lợi căn) = **8 lộ viên tịch**

+ **Phản khán Tam thiên:** có 6 lộ viên tịch sanh kế tục lộ phản khán Tam thiên là:
3 chi thiên (bỏ tầm tứ) x 2 hạng người (độn căn, lợi căn) = **6 lộ viên tịch**

+ **Phản khán Tứ thiên:** có 4 lộ viên tịch sanh kế tục lộ phản khán Tứ thiên là:
2 chi thiên x 2 hạng người (độn căn, lợi căn) = **4 lộ viên tịch**

+ **Phản khán Ngũ thiên:** có 5 tầng Ngũ thiên (KVBX, TVBX, VSHX, PTPPTX). Mỗi tầng Ngũ thiên có 4 lộ viên tịch sanh kế tục lộ phản khán chi thiên.
2 chi thiên (xả, định) x 2 hạng người (độn căn, lợi căn) = 4 lộ viên tịch
4 lộ viên tịch x 5 tầng Ngũ thiên = **20 lộ viên tịch**

BUỔI 119 – 05.03.2021 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

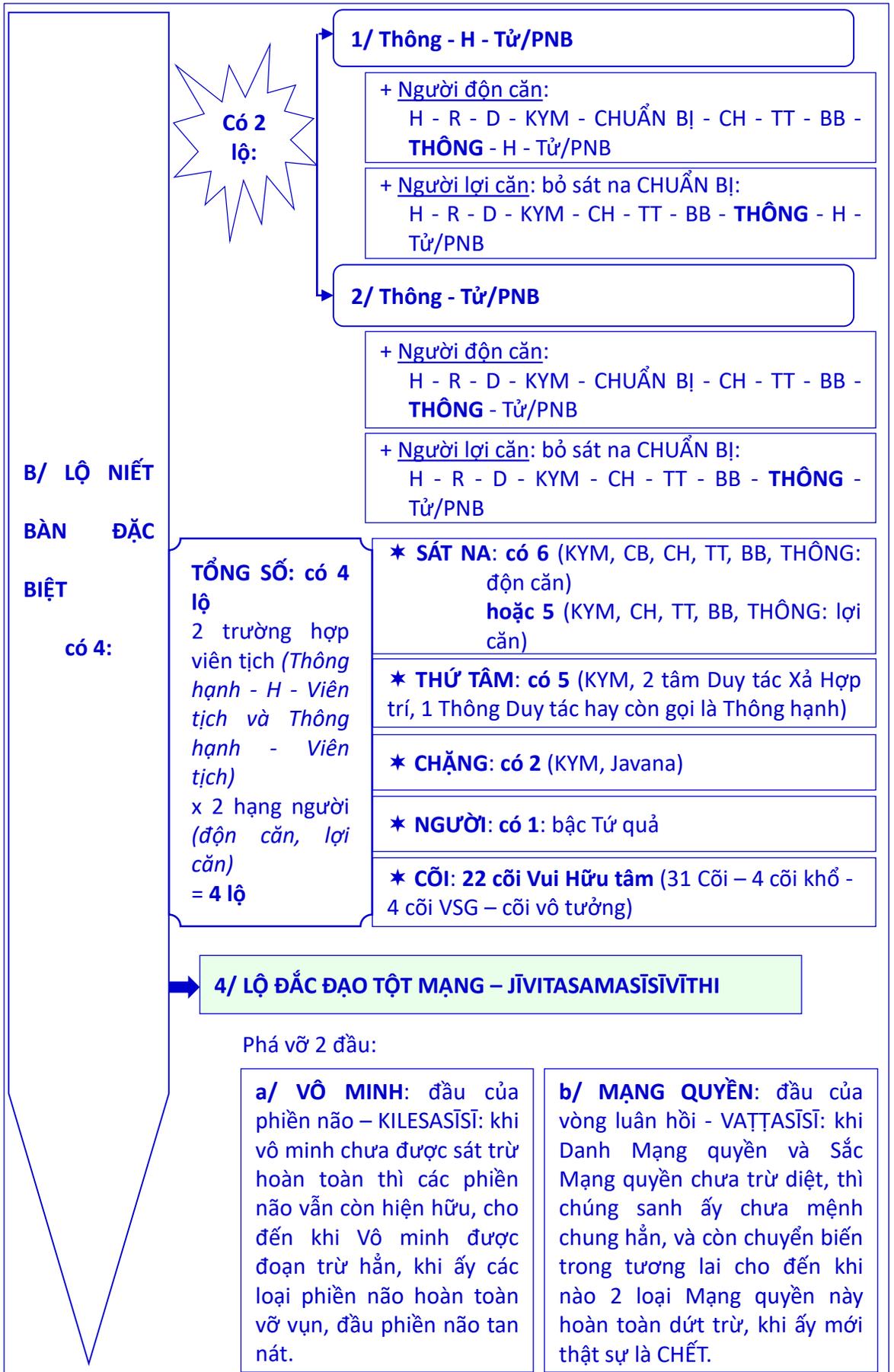
<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1105380716568333>

**3/ LỘ NIẾT BÀN LIÊN THÔNG -
ABHIÑÑĀSAMANANTARAVĪTHI**

ABHIÑÑĀSAMANANTARA: chỉ cho thần túc thông-
IDDHIVIDHA

Muốn hóa hiện thần thông lực trước khi viên tịch, vị A la hán phải:

+ Nhập thiên cơ (Ngũ thiên sắc giới) – Pādakajhāna, lộ tâm chuẩn bị chuyển qua Thông
↳ Xuất khỏi thiên cơ, chú nguyện phép lạ nào mà mình muốn thị hiện
↳ Nhập lại thiên cơ lần nữa
↳ Xuất thiên cơ lần thứ 2
↳ Lộ tâm thông hạnh (tâm của vị A la hán) xuất hiện
↳ Thông chỉ có 1 SÁT NA DUY NHẤT
↳ Lộ cận tử viên tịch Niết bàn PNB



“JĪVITENA SAMAM AVIJĀSĪSAM SASSĀTI JĪVITASAMASĪSĪ” – “Người đắ Đạo tốt mạng là người chấm dứt đầu Vô minh cùng với 2 thứ Mạng quyền”

+ Không hẳn là cùng chấm dứt 2 đầu trong cùng 1 sát na tâm

+ Đắc Tứ đạo/ Tứ Quả, phá vỡ đầu Vô minh và phải có Lộ phản khán đạo sanh nhiều lần

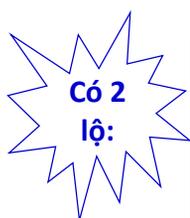
+ Khi Viên tịch, 2 Mạng quyền đồng diệt cho nên 2 đầu không cùng một thời gian

+ Người muốn đắ đạo tốt mạng phải là người Lợi căn

BUỔI 120 - 12.03.2021 - ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/720926398598309>

**B/ LỘ NIẾT
BÀN ĐẶC
BIỆT
có 4:**



LỘ 1: H – Tử/PNB

a/ Lộ đắ Tứ quả:

H - R - D - KYM - **CẬN HÀNH** - TT - Vũ tịnh (tiến bậc) - 1 sát na Tứ đạo - 3 sát na Tứ quả

b/ Lộ phản khán Đạo Quả:

H - R - D - KYM - 7 Đồng lực (*sanh hàng trăm ngàn lộ*) (7 Javana thuộc về tâm Duy tác DGTH Hợp trí)

c/ Lộ Cận tử:

H - R - D - KYM - 5 đồng lực - H - Tử/PNB

LỘ 2: Đồng lực – Tử/PNB

Như lộ 1, nhưng không có Hộ kiếp rời Tử/PNB (tâm Tử là Tâm Đại Quả Hợp trí Vô trợ)

★ **SÁT NA:** + Lộ phản khán Đạo Quả: có 8 (KYM, 7J)
+ Lộ cận tử: có 6 (KYM, 5J)

★ **THỨ TÂM:** có 5 (KYM, 4 tâm đại hạnh Hợp trí – hay còn gọi là 4 tâm Duy tác DGTH Hợp trí)

★ **CHẶNG:** có 2 (KYM, Javana)

★ **NGƯỜI:** có 1: bậc Tứ quả

★ **CÔI:** 7 cõi Vui Dục giới (*không có ở cõi Phạm thiên Sắc giới, vì cõi Phạm thiên sắc giới này sanh bằng hóa sanh, sắc pháp thuộc về sắc tế, không bị chết vì thân đau đớn, không có sự chán nản trong tư tưởng sắp chết*)

B/ LỘ NIẾT BÀN

ĐẶC BIỆT

TỔNG SỐ: có 22 lộ

Có 2 trường hợp:

a/ Quán xét Đạo, Quả, Niết bàn rồi Viên tịch chỉ có 2 lộ theo 2 mô thức:

- + Đồng lực – Viên tịch;
- + Đồng lực – H – Viên tịch.

1 trong 2 tâm lộ này chắc chắn sẽ khởi lên cho vị đắc đạo tột mạng.

b/ Quán xét phiền não đã sát trừ rồi Viên tịch, có 20 lộ:

10 kiếp sử phiền não đã sát trừ x 2 mô thức viên tịch = 20 lộ

1 trong 20 tâm lộ này sẽ khởi lên cho Vị thánh Vô lậu tột mạng, nhưng không chắc chắn

TỔNG KẾT: có 110 tâm lộ Viên tịch tột mạng đặc biệt

- Liên thiên: 36
 - Liên thông: 04
 - Phản khán chi thiên: 48
 - Tột mạng: 22
- = 110 lộ

LỘ Ý MÔN ĐẶC BIỆT CÓ 10

1/ Lộ trình Đắc
Thiền

2/ Lộ Đắc
Đạo

3/ Lộ Hiện
Thông

4/ Lộ Nhập Thiền an
chỉ

5/ Lộ Nhập thiền
quả

6/ Lộ Nhập thiền
diệt

7/ Lộ Nhập Niết Bàn liên
thiền

8/ Lộ Nhập Niết
Bàn liên thông

9/ Lộ Nhập Niết Bàn
phản khán chi thiền

10/ Lộ Đắc đạo
tột mạng

1/ LỘ ĐẮC THIỀN -
ĀDIKAMMIKAJHĀNAVĪTHI
ĀDI: khởi lên đầu tiên,
tức là Tâm lộ nhập
thiền cảnh lần đầu

LỘ TÂM:

H - V - R - D - KYM - CB - CH - TT - BB - Thiền - H

sát-na Chuẩn bị
- PARIKAMMA

sát-na Cận hành
- UPACĀRA

sát-na Thuận
thứ - ANULOMA

sát-na Chuyển tánh
(bỏ bực) -
GOTRABHŪ

sát-na tâm Thiền – JHĀNA: là
tâm Sơ Thiền Thiện, Sơ Thiền
Duy tác (bậc Alahan)

+ Từ CHUẨN BỊ, CẬN HÀNH, THUẬN THỨ, BỎ BỰC: là tâm
Đại thiện (hoặc Duy tác nếu là Vị A la hán) Thọ hỷ Hợp trí.
- Nếu Lợi căn: thuộc Vô trợ (thì không có CHUẨN BỊ)
- Nếu Độn căn: Hữu trợ

✦ **SÁT NA: có 6** (KYM, 5J – người độn căn) hoặc 5 (KYM, 4J – người lợi căn)

✦ **THỨ TÂM: có 27 tâm** (KYM, 4 Thiện DG Hợp trí, 4 Duy tác DG hợp trí, 5 thiện sắc giới, 4 thiện VSG, 5 Duy tác sắc giới, 4 Duy tác VSG)

Tính theo tầng thiền: từ Sơ thiền đến Tứ thiền đều có: KYM, 2 Thiện DG Hợp trí thọ Hỷ, 2 Duy tác DG Hợp trí thọ Hỷ

+ **Sơ thiền: có 7** (... , Sơ thiền thiện Sắc giới, Duy tác sơ thiền SG)

+ **Nhị thiền: có 7** (... , Nhị thiền thiện Sắc giới, Duy tác Nhị thiền SG)

+ **Tam thiền: có 7** (... , Tam thiền thiện Sắc giới, Duy tác Tam thiền SG)

+ **Tứ thiền: có 7** (... , Tứ thiền thiện Sắc giới, Duy tác Tứ thiền SG)

+ **Ngũ thiền: có 15** (KYM, 2 Thiện DG Hợp trí Xả, 2 Duy tác DG hợp trí Xả, Ngũ thiền thiện SG, Duy tác Ngũ thiền SG, 4 thiền thiện VSG, 4 Duy tác VSG)

✦ **CHẶNG: có 2** (KYM, Javana)

✦ **NGƯỜI: có 5** (1 phàm Tam nhân + 4 Thánh quả)

✦ **CỐI: có 26 cõi** (31 cõi - 4 cõi khổ - 1 cõi Vô tướng)

1/ LỘ ĐẮC THIỀN - ĀDIKAMMIKAJHĀNAVĪTHI
 ĀDI: khởi lên đầu tiên, tức là Tâm lộ nhập thiền cảnh lần đầu



GHI CHÚ:

- ✦ Người Độn Căn có 6 sát na, Người Lợi Căn chỉ có 5 sát na (bỏ Chuẩn Bị)
- ✦ Người Độn Căn tục sinh với tâm Quả hợp trí Hữu trợ, Người Lợi Căn tục sinh với tâm Quả hợp trí Vô trợ
- ✦ **Chuẩn bị:** sát na tâm chuẩn bị tiến tới 1 trạng thái tâm cao hơn (tâm Thiền)
- ✦ **Cận hành:** sát na tâm gần đạt đến sát na tâm Thiền
- ✦ **Thuận thứ:** hợp với sát na trước và thuận với sát na sau
- ✦ **Bỏ bực:** sát na tâm dứt bỏ trạng thái Dục giới để phát triển bước vào tâm Thiền
- ✦ **Thiền:** sát na tâm an trú trong 1 đề mục, thiêu đốt các phiền não 1 cách tạm thời (tính theo phạm tam nhân)
- ✦ Đối tượng của sát na Thiền là QUANG TƯỚNG CHẾ ĐỊNH
- ✦ Tên sát na thiền là ĐỔNG LỰC AN CHỈ - APPANĀSAMĀDHIJAVANA. Sau An chỉ, Hộ kiếp sanh trở lại
- ✦ Lộ tâm liền kề an chỉ kế tiếp Hộ kiếp là: LỘ Ý với Đổng lực Thiện hợp trí phản khán chi thiền – PACCAVEKKHANAVĪTHI, tái hiện nhiều lượt rồi diệt 1 cách thích ứng
- ✦ Từ Sơ thiền đến Tứ thiền (thiền 5 bậc), các đồng lực CB – CH – TT – BB là **Thọ Hỷ**
- ✦ Từ Ngũ thiền Sắc giới đến Vô sắc giới, đồng lực CB – CH – TT – BB là **Thọ xả**
- ✦ Lộ đắc thiền chỉ với 5 sát na đồng tốc. Có 3 trường hợp với 5 sát na đồng tốc: 1/ Bị hôn mê bất tỉnh
 2/ Sắp lâm chung
 3/ Đức Phật thị hiện song thông



SỰ KHÁC BIỆT CẢNH THIỀN:

✦ Quang tướng Cận định do chướng ngại của Tham dục cái nên không sáng chói bằng Quang tướng Sơ thiền	✦ Quang tướng Sơ thiền còn chướng ngại Tầm nên không sáng chói bằng quang tướng của Nhị thiền	✦ Quang tướng của Nhị thiền còn chướng ngại Tứ ...	✦ Quang tướng Tam thiền còn chướng ngại Hỷ ...	✦ Quang tướng Tứ thiền còn chướng ngại Lạc
--	---	--	--	---

2/ LỘ ĐẮC ĐẠO – MAGGAVĪTHI

Có 2 loại:

1/ Lộ đắc Sơ đạo
(Phàm chuyển tộc
Thánh) – đắc Tu đà
hườn đạo

2/ Lộ Nhị, Tam, Tứ
đạo (tu tiến lên đạo
cao)

2.1/ Lộ đắc Sơ đạo:

**H - R - D - KYM - CHUẨN BỊ - CẬN HÀNH - THUẬN
THỨ - CHUYỂN TỘC - ĐẠO - QUẢ QUẢ - H**

Người lợi căn bỏ sát na Chuẩn bị

Chuẩn bị -
PARIKAMMA

Cận hành -
UPACĀRA

Thuận thứ -
ANULOMA

Chuyển tánh (bỏ bực)
- GOTRABHŪ

Đạo -
MAGGA

Quả -
PHALA

✦ **SÁT NA: có 8** (KYM – CB – CH – TT – CT – Đạo – Quả Quả)

✦ **CHẶNG: có 2** (KYM, Javana)

✦ **THỨ TÂM: có 15 tâm** (KYM, 4 Thiện DG Hợp trí, 5 sơ Đạo, 5 sơ Quả)

✦ **NGƯỜI: có 3** (người phàm Tam nhân, Sơ Đạo, Sơ Quả)

✦ **CỖI: 17 cõi** (31 cõi - 4 cõi Khổ - cõi Vô tướng - 5 cõi Tịnh Cư Thiên - 4 cõi VSG)

2.2/ Lộ đắc 3 đạo cao:

**H - R - D - KYM - CHUẨN BỊ - CẬN HÀNH - THUẬN
THỨ - TIẾN BẬC - ĐẠO - QUẢ QUẢ - H**

✦ **SÁT NA: có 8** (KYM – CB – CH – TT – TB – Đạo – Quả Quả)

✦ **CHẶNG: có 2** (KYM, Javana)

✦ **THỨ TÂM: có 35 tâm** (KYM, 4 tâm thiện DG Hợp trí, 5 tâm nhị đạo, 5 tâm Tam đạo, 5 tâm Tứ đạo, 5 Nhị quả, 5 Tam quả, 5 Tứ quả)

✦ **NGƯỜI: có 7** (người Nhị, Tam, Tứ Đạo, Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả)

✦ **CỖI: 26 cõi** (31 cõi - 4 cõi Khổ - cõi Vô tướng)

**2/ LỘ ĐẮC ĐẠO –
MAGGAVĪTHI**
 Có 2 loại:
 1/ Lộ đắc Sơ đạo
 2/ Lộ Nhị, Tam, Tứ
 đạo



- ✦ Đồng lực luôn là 7 sát na
- ✦ Người lợi căn bỏ sát na chuẩn bị, thêm 1 quả (thành 3 quả): (Độn căn: CB CH TT TB Đạo 2 Quả, Lợi căn: CH TT TB Đạo 3 Quả)
- ✦ Cảnh của các tâm thiện DGHT: CB – CH – TT là cảnh 1 trong 3 đặc tướng thuộc Hữu vi pháp : Vô thường tướng (ANICCĀLAKKHAṆA), Khổ tướng (DUKKHALAKKHAṆĀ) và Vô ngã tướng (ANATTĀLAKKHAṆA).
- ✦ Riêng sát na Chuyển tộc hay Tiến bậc lấy Niết bàn làm cảnh nhưng chưa có khả năng sát trừ kiết sử phiền não
- ✦ Cảnh của các tâm đạo không hề khác nhau dù có cao thấp khác nhau theo bậc Thánh nhưng Niết bàn không hề khác

**PHIỀN
NÃO
SÁT
TRỪ:**

- ✦ SƠ ĐẠO-QUẢ: Tà kiến và Nghi cùng 4 đường ác đạo đoạn tận
- ✦ NHỊ ĐẠO-QUẢ: giảm Dục ái và Sân
- ✦ TAM ĐẠO-QUẢ: diệt tuyệt Dục Ái và Sân
- ✦ TỨ ĐẠO-QUẢ: Ái Sắc, Ái Vô Sắc, Ngã mạn, Phóng dật, Vô minh đoạn tuyệt

**PHÂN
ĐỊNH
TRÍ:**

- ✦ Vị tri quyền - ANAÑÑĀTANASSĀMĪTINDRIYA: Trí Sơ đạo đang sát trừ phiền não, chứng ngộ Niết bàn lần đầu tiên (biết cái chưa từng biết)
- ✦ Dĩ tri quyền - AÑÑĪNDRIYA: trí sát trừ phiền não từ Sơ Quả đến A la hán Đạo (biết cái đã từng biết)
- ✦ Cụ tri quyền - AÑÑĀTĀVINDRIYA : trí trong A la hán Quả (biết hoàn toàn, biết đầy đủ trọn vẹn cảnh Niết bàn)

- ✦ 4 TÂM ĐẠO CHỈ SANH 1 LẦN 1 SÁT NA, sanh sau liền kề là 2 hoặc 3 quả thuộc Vô gián duyên
- ✦ Tâm Đạo sát trừ phiền não, Tâm Quả hỗ trợ dập phụ cho tắt lịm



✦ **TÍN QUYỀN MẠNH:** quán vô thường tướng đặc Sơ đạo gọi là bậc Tùy Tín hành, từ Sơ Quả đến A la hán Quả gọi là bậc Tín giải

✦ **ĐỊNH QUYỀN MẠNH:** quán Khổ tướng, đặc 4 Đạo và 4 Quả gọi là bậc Thân chứng

✦ **TUỆ QUYỀN MẠNH:** quán Vô ngã tướng đặc Sơ đạo gọi là Tùy pháp hành, 7 đạo cao tiếp gọi là bậc Kiến đặc



✦ **TUỆ QUYỀN MẠNH:** 1 lần cõi dục = Nhất sanh dự lưu

✦ **TUỆ - ĐỊNH NGANG NHAU:** 2 đến 6 lần = Lục sanh dự lưu

✦ **TUỆ QUYỀN YẾU:** 7 lần = Thất sanh dự lưu



☯ Tiếp theo tâm lộ đặc đạo, Hộ kiếp sanh khởi rồi 1 lộ Ý môn khởi lên có phận sự xem xét, phản khán lại Lộ Đặc đạo gọi là Tâm lộ Phản khán Đạo

☯ 4 tâm thiện DG hợp trí làm phận sự Đồng lực, phản khán trong 3 lộ Sơ, Nhị, Tam đạo

☯ 4 tâm Duy tác DG hợp trí làm phận sự phản khán cho lộ Tứ đạo (đạo quả liền nhau) (vì đặc A la hán nên dùng 4 tâm duy tác DGHT)

LỘ TÂM: H – R – D – KYM – 7Java – H



1/ Phản khán Đạo vừa chứng đặc

2/ Phản khán Quả vừa đạt thành

3/ Phản khán Niết bàn được chứng ngộ

4/ Phản khán phiền não đã sát trừ

5/ Phản khán phiền não còn dư sót



✦ **3 cách đầu (Phản khán Đạo vừa chứng đắc, Phản khán Quả vừa đạt thành, Phản khán Niết bàn được chứng ngộ):**

do tâm Đồng lực hợp trí đảm nhận (Thiện, Duy tác)

✦ **Cách 4 (Phản khán phiền não đã sát trừ):**

do bậc Tứ Đạo – Quả đảm nhận cùng với 3 Đạo Quả trước

✦ **Cách 5 (Phản khán phiền não còn dư sót):**

chỉ có 3 Đạo – Quả (trừ Tứ Đạo Quả) vì phiền não còn dư sót. Vị Thánh Tứ đạo không còn phiền não dư sót nên không có cách thứ 5, chỉ có 4 cách phản khán

**TUỆ PHẢN KHÁN
CÓ 19 THỨ:**

=> 3 Lộ Đạo của vị Thánh hữu học x 5 = 15 Tuệ phản khán

=> Riêng lộ Tứ đạo có 4 Tuệ phản khán

TỔNG CỘNG: có 19 lộ phản khán đạo (15 + 4)

BUỔI 127 – 30.04.2021 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/293035938968809>

04.04.2021 - room VIDIEUPHAPCOBAN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/451596469451265>

**3/ LỘ THIỀN CƠ -
PĀDAKAJHĀNAVĪTHI CA
và LỘ HIỆN THÔNG -
ABHIÑÑĀVĪTHI CA**

☯ PĀDA: nền tảng, cơ bản

PĀDAKAJHĀNAVĪTHI:
lộ tâm thiền cơ bản chuẩn bị cho Lộ Tâm thông

Lộ thiền cơ là Lộ Ngũ thiền Sắc giới

☯ ABHIÑÑĀVĪTHI: Lộ hiện thông

ABHI + ÑĀ = ABHIÑÑĀ:
Thắng Trí Thông

Trước tiên:

- + Nhập thiền cơ (ngũ thiền Sắc giới) chuẩn bị cho Lộ hiện thông
- + Tiếp đến nhập Lộ thông

☯ **LỘ TÂM THIỀN CƠ:**

H - R - D - KYM - CHUẨN BỊ - CẬN HÀNH - THUẬN THỨ - CHUYỂN TÁNH - THIỀN H
Người lợi căn: bỏ sát na Chuẩn bị

☯ **LỘ TÂM HIỆN THÔNG:**

H - R - D - KYM - CHUẨN BỊ - CẬN HÀNH - THUẬN THỨ - CHUYỂN TÁNH - THÔNG - H
Người lợi căn: bỏ sát na Chuẩn bị

✦ **SÁT NA: có 6** (KYM, CB, CH, TT, CT, THÔNG)

✦ **CHẶNG: có 2** (KYM, Javana)

✦ **THỨ TÂM: có 7 thứ tâm** (KYM, 2 tâm Thiện DGHT thọ xả, 2 tâm Duy tác DGHT thọ xả, 2 tâm thông: 1 ngũ thiền thông thiện, 1 ngũ thiền thông duy tác) (thọ xả vì là Ngũ thiền (chỉ có xả và định)

✦ **NGƯỜI: có 5** (gồm 1 phàm Tam nhân + 4 thánh Quả) (đối tượng của Sơ Nhị Tam Tứ đạo là Niết bàn nên không tính vô, còn Thông là cảnh thiền Sắc giới) (Người phàm tam nhân -> đắc Ngũ thiền SG -> đắc Sơ đạo, sơ Quả -> Thánh quả Tu đà hườn -> nhập Ngũ thiền SG -> xả thiền -> nhập Lộ Thông)

✦ **CÔI: có 22 cõi vui ngũ uẩn** (31 cõi - 4 cõi khổ - vô tưởng - 4 VSG) (gồm 7 cõi Dục giới + 15 cõi Sắc giới)

GHI CHÚ:

✦ Nhập Ngũ thiền Sắc giới với áng xứ chỉ là Kāsina (đất nước lửa gió xanh vàng trắng đỏ hư không ánh sáng), không thể là áng xứ khác

✦ Xuất Ngũ thiền Sắc giới chú nguyện **THÔNG** theo ý muốn

✦ Chú nguyện: với lộ ý môn thông thường có tên là **LỘ CHUẨN BỊ - PARIKAMMAVĪTHI.**

LỘ TÂM: H - R - D - KYM - 7 javana DGHT - H (lặp đi lặp lại nhiều lần)

✦ Nhập lại Thiền cơ khi tâm lộ Chuẩn bị diệt đi gọi là **LỘ THUẬN THỨ - ANULOMAVĪTHI** (thuận theo cái trước và chiều theo cái sau)

✦ Khi vừa xuất khỏi Lộ thiền cơ này, **LỘ HIỆN THÔNG** khởi lên và những gì vị thiền giả ước nguyện sẽ được thành tựu

**CÁC LOẠI THẦN THÔNG –
IDDHIVIDHA:**

Là sự thành tựu
những năng lực
đặc biệt

Có 10 loại Thần
thông:

1/ Thành tựu thần thông do quyết định: với 1 thân, vị ấy muốn hóa thành trăm, ngàn thân ..., vị ấy quyết định “ta hãy hóa thành nhiều thân”, trí lực này nương vào TƯ TÂM SỞ

2/ Thành tựu thần thông do biến hóa: từ bỏ thân bình thường để hóa thành 1 thân khác do năng lực ĐỊNH

3/ Thành tựu thần thông do trí đạo A la hán: như mọi phiền não được sát tuyệt trong tâm Tứ Đạo, đây là thành tựu của trí đạo A la hán

4/ Thành tựu thần thông do Ý: tạo ra từ thân vị ấy một thân sắc khác y như vậy do Ý sanh

5/ Thành tựu thần thông do Định tướng: như trường hợp Ngài Sàriputta nhập trong Diệt Thọ Tướng Định bị Dạ xoa Nanda đánh chùy vào đầu nhưng vẫn vô sự, đây là sự thành tựu do Định tướng đang sanh

6/ Thành tựu thần thông do Xả Niệm: hành giả không ghê tởm đối với những vật đáng ghê tởm do nhờ Xả niệm được vững mạnh

7/ Thành tựu thần thông do Quả nghiệp: như trường hợp chim bay giữa hư không thoát mái, hoặc 1 số loài Ngạ quỷ du hành giữa không trung

8/ Thành tựu thần thông do phước: như Vua chuyển luân du hành khắp 4 châu cùng với binh chủng

9/ Thành tựu thần thông do năng lực chú thuật: như các chú thuật gia phi hành giữa hư không

10/ Thành tựu thần thông do năng lực tinh tấn: như các môn nghệ thuật được thiện xảo do tinh cần rèn luyện

Thần thông trong
tâm lộ hiện thông
ám chỉ 3 loại thành
tựu là:

→ 1/ do Quyết định

→ 2/ do Biến hóa

→ 3/ do Ý sanh

**4/ LỘ NHẬP THIỀN
(NHẬP ĐỊNH) -
APPANĀCITTAVĪTHI**

+ Trong phần
tâm lộ hiện
thiền này đề
cập đến 5
loại **Thông
lực thể gian**
- **LOKA
IDDHIVIDHA**

→ IDDHIVIDHA - Thần thông

→ DIBBASOTA - Thiên nhĩ thông

→ CETOPARIÑÑĀṆA - Tha tâm thông

→ PUBBENIVĀSĀNUSSATI - Túc mạng
thông

→ DIBBAKKHU - Thiên nhãn thông

NHỮNG YẾU TỐ CẦN QUAN SÁT

có 5:

→ 1/ Trú xứ đang ngụ như thế nào?

→ 2/ Thời tiết khi ấy ra sao?

→ 3/ Loại vật thực đã dùng ra sao?

→ 4/ Sự đặc định khởi lên trong oai nghi nào?

→ 5/ Trạng thái tâm khi ấy ra sao?

Muốn nhập định lâu dài, cần tu
tập 5 pháp Vāsī cho thuần thục

**5 PHÁP TỰ
TẠI VĀSĪ:**

→ **a/ TÁC Ý HƯỚNG TÂM TỰ TẠI - ĀVAJJANAVASĪ:**
tác ý đến chi thiền nào, chi thiền ấy sanh khởi lên
theo ý muốn lâu hay mau tùy ý.

→ **b/ NHẬP THIỀN TỰ TẠI - SAMĀPAJJANAVAS:**
muốn nhập định trong oai nghi nào, bất cứ thời
điểm nào, bất cứ nơi đâu đều được như ý.

→ **c/ TRÚ THIỀN TỰ TẠI - ADHIṬṬHĀNAVASĪ:** an trú
trong thiền bao lâu đều như ý, 5 phút sẽ kéo dài 5
phút ...

→ **d/ XUẤT THIỀN TỰ TẠI - VUṬṬHĀNAVASĪ:** muốn
xuất thiền bất kỳ lúc nào như ý

→ **e/ PHẢN KHÁN CHI THIỀN TỰ TẠI -
PACCAVEKKHAṆAVASĪ:** muốn xem xét chi thiền
nào, chi thiền ấy hiện bày rõ ràng cho vị ấy, lâu
mau tùy theo ý.

**TÂM LỘ: H - R - D - KYM - CHUẨN BỊ - CẬN HÀNH -
THỤẬN THỨ - CHUYỂN TÁNH - THIỀN VÔ SỐ....**

5/ LỘ NHẬP THIỀN
QUẢ -
PHALASAMĀPATTI
CITTAVĪTHI

Lộ nhập thiền quả chỉ có bậc Thánh nhân mới nhập vào được
Muốn hưởng quả Niết bàn đã chứng được thuộc thiền Siêu thế, vị ấy an trú định để hưởng giải thoát lạc ấy

TÂM LỘ: H - R - D - KYM - 3 HOẶC 4 SÁT NA THUẬN THỨ
- THIỀN QUẢ VÔ SỐ CÁI ...

✦ **SÁT NA:** vô số cái

✦ **CHẶNG:** có 2 (KYM, Javana)

✦ **THỨ TÂM:** có 29 (gồm: KYM, 4 thiện DG hợp trí, 4 duy tác DG hợp trí, 20 tâm quả Siêu thế)

✦ **NGƯỜI:** có 4 (Tứ thánh Quả)

✦ **CÔI:** có 26 (31 cõi - 4 cõi khổ - cõi vô tưởng)

GHI CHÚ:

✦ Trước khi nhập phải chú nguyện “SIÊU THẾ PHÁP NÀO MÀ TÔI ĐÃ CHỨNG ĐẮC, HÃY KHỞI LÊN TRONG TÔI TRONG SUỐT THỜI GIAN ĐÓ, XIN CHO HỮU VI CẢNH VẮNG MẶT”

✦ Quán Tứ niệm xứ đến Hành Xả tuệ, khi 5 quyền cân bằng phát sanh Thuận thứ tuệ, sau đó nhập Quả định Siêu thế

↳ Đắc Thiền chỉ tịnh (sơ nhị tam tứ thiền) trước khi đắc Đạo

↳ Chứng Sơ thiền - đắc Sơ đạo - nhập Sơ quả Sơ thiền vô số cái ...

↳ Nếu về sau chỉ đắc được Thiền cao nhưng không đắc Đạo cao thì chỉ nhập được Sơ Quả Sơ Thiền

↳ Thánh Lạc Quán không thể nhập Thiền Quả

↳ Đạt Thánh Quả cao rồi không thể nhập Thiền Quả thấp hơn

TỔNG SỐ TÂM LỘ: có 40 lộ

+ 4 Thánh Quả x 5 bậc thiền (sơ, nhị, tam, tứ, ngũ thiền) = 20 lộ

+ 20 lộ x 2 hạng người (độn căn, lợi căn) = 40 lộ

**6/ LỘ NHẬP THIỀN
DIỆT –
NIRODHASAMĀ
PATTIVĪTHI**

Chỉ dành riêng cho bậc Tam quả và Tứ quả muốn tịnh chỉ Danh uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức) tận hưởng vô dư Niết bàn tạm thời – PARINIBBĀNA

TÂM LỘ: H – R – D – KYM – CHUẨN BỊ – CẬN HÀNH – THUẬN THỨ – CHUYỂN TÁNH – 2 sát na Thiền PTPPT / Không Tâm / QUẢ – 14 Hộ kiếp – R – D – KYM – 7Javana – H

✦ **SÁT NA:** có 7 hoặc 8 (KYM, CB, CH, TT, CT, 2 sát na thiền PTPPT, Quả)

✦ **CHẶNG:** có 2 (KYM, Javana)

✦ **THỨ TÂM:** có 9 (gồm: KYM; 2 thiện DG hợp trí xả; 2 duy tác DG hợp trí xả; 2 đồng lực PTPPT (1 thiện PTPPT, 1 duy tác PTPPT); Tam quả Ngũ thiền và Tứ quả Ngũ thiền)

✦ **NGƯỜI:** có 2 (Tam Quả và Tứ Quả)

✦ **CÔI:** có 22 (31 cõi - 4 cõi khổ - cõi vô tưởng – 4 cõi vô sắc)

**NHỮNG SỰ VIỆC CẦN LÀM TRƯỚC KHI
NHẬP ĐỊNH DIỆT:
4 phạm sự trước tiên như sau:**

→ 1/ NĀNABADDHA-AVIKOPANA: Chú nguyện cho các vật dụng (parikkhāra) ngoại thân của mình không vì một lý do nào bị hư hại.

→ 2/ SAṄGHAPAṬIMĀNANA: Chú nguyện tự xuất khỏi thiền Diệt khi chư Tăng muốn triệu tập.

→ 3/ SATTHUPAKKOSANA: Chú nguyện tự xuất khỏi thiền Diệt khi Bậc Đạo sư muốn gặp mặt.

→ 4/ ADDHĀNAPARICCHEDA: Quán xét tuổi thọ của mình, có sống được tối thiểu 7 ngày hay không? Khi quán xét thấy tuổi thọ mình không thể sống đến 1 tuần lễ nữa, vị Thánh Bất lai sẽ không nhập thiền Diệt, dành thời gian đó để tu tiến thành đạt A La Hán.

**6/ LỘ NHẬP THIỀN
DIỆT –
NIRODHASAMĀ
PATTIVĪTHI**

**RIÊNG CÁC VỊ
THÁNH A LA
HÁN SẼ:**

☞ Hoặc chú nguyện xuất khỏi thiền Diệt trước ngày viên tịch, để giáo giới các đệ tử hay từ giả các bậc đồng phạm hạnh

☞ Hoặc không nhập thiền Diệt.

☞ **NẾU Ở CỠ NGƯỜI:** Trong bốn sự việc trên, ba điều đầu có thể không chú nguyện cũng được, nhưng điều thứ tư bắt buộc phải làm.

☞ **NẾU Ở CỠ CHƯ THIÊN HAY PHẠM THIÊN GIỚI:** có thể không làm điều gì cả (nếu có cũng chỉ là điều thứ tư)

☞ Sẽ không một tai hại nào xảy ra đến tính mạng cũng như những vật tùy thuộc của vị ấy khi đang nhập thiền diệt

**PHƯƠNG THỨC
NHẬP THIỀN DIỆT:**

☞ trú xứ thanh vắng, yên tịnh

☞ nhập vào thiền tịnh theo tuần tự từ Sơ thiền đến Vô sở hữu xứ thiền, khi xả thiền Vô sở hữu xứ, Ngài thực hiện 4 việc cần làm trước ở trên rồi nhập vào thiền Diệt.

☞ **TÂM LỘ:** R – D – KYM – CB – CH – TT – CT - 2 sát na thiền PTPPT - dứt sát na thứ 2 thiền PTPPTX - Danh uẩn diệt mất trong vòng 7 ngày

☞ Khi xuất định Diệt, tâm Thánh quả mà vị ấy có (Tam Quả hay Tứ Quả) sanh khởi trước

ĐIỀU CẦN THIẾT:

✎ Tầng thiền vị Thánh nhập Diệt Thọ Tướng Định phải có trước khi đắc Tam hay Tứ Đạo

✎ Phải có được Ngũ thiền (Sắc giới, Vô sắc giới) khi chứng đắc Tam đạo hay Tứ đạo

THEO QUY LUẬT

✎ Đồng 1 loại Thọ:
+ Từ sát na Chuẩn bị cho đến 2 sát na tâm thiền PTPPTX đều là Xả thọ
+ Tâm quả Siêu thế sanh khởi trước tiên trong Lộ xuất định cũng phải câu hành với Xả Thọ

✎ Làm chủ các tầng thiền: vị Thánh Tam quả hay Tứ quả phải làm chủ được các tầng thiền, tức là phải an trú trong thiền chỉ tịnh từ Sơ thiền cho đến PTPPTX thiền theo như ý

✎ Về 2 sát na tâm thiền: tâm sanh diệt rất nhanh, để cắt đứt cảnh đang có không thể làm ngay được, phải có ít nhất 2 sát na thì cảnh khách mới chấm dứt

✎ Trong lộ nhập thiền diệt, tác ý của vị thánh là: cắt đứt mọi cảnh, cho dù đó là cảnh Chế định, Hữu vi hay Vô vi để đạt đến trạng thái Không Tâm.

✎ Lại nữa, phải là 2 sát na PTPPT để tịnh chỉ tâm hành Thọ và Tướng vì PTPPTX thiền là trạng thái dường như có Thọ Tướng, dường như không có Thọ Tướng, rất thuận lợi trong việc tịnh chỉ tâm hành, các sát na thiền khác không có tiêu chuẩn này vì các Danh pháp hiện rõ

GHI NHẬN: Lộ diệt Thọ Tướng Định chỉ có ở cõi Ngũ uẩn đắc thiền, ở cõi Vô sắc không thể tuần tự nhập từ Sơ thiền đến PTPPTX thiền đạt đến Diệt Thọ Tướng Định

CÓ 4 LỘ TÂM DIỆT THỌ TƯỚNG ĐỊNH:

2 bậc Thánh nhân (Tam, Tứ quả) x 2 hạng người (độn căn, lợi căn) = 4 LỘ

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDHASSA**

BÀI GIẢNG VỀ
PACCAYA-SANĠGAHA-
VIBHĀGO
Toát yếu về duyên

Room Paltalk: NguyenNhuKyVien

Thời gian: 05.12.2020 – 03.04.2021

Room Paltalk: PHATGIAONAMTRUYENNT

Thời gian: 28.05.2021 – 13.08.2021

Giảng sư: KING MILANDA A

PATICCASAMUPPĀDA

Avijjāpaccayā sankhārā
Sankhārapaccayā viññānam
Viññānapaccayā nāmarūpam
Nāmarūpapaccayā salāyatanam
Salāyatanapaccayā phasso
Phassapaccayā vedanā
Vedanāpaccayā tanhā
Tanhāpaccayā upādānam
Upādānapaccayā bhavo
Bhavapaccayā jāti
Jātipaccayā jarāmaranam
Sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti
Evame tassa kavalassa dukkhakkhandhassa
samudayo hoti

DEPENDENT ORIGATION

Dependent on Ignorance arise Conditioning Activities.

Dependent on Conditioning Activities arises Relinking Consciousness.

Dependent on Relinking- Consciousness arise Mind and Matter.

Dependent on Mind and Matter arise the six Spheres of Sense.

Dependent on the Six Spheres of Sense arises Contact.

Dependent on Contact arises Feeling.

Dependent on Feeling arises Craving.

Dependent on Craving arises Grasping.

Dependent on Grasping arise Actions (Kamma bhava).

Dependent on Actions arises Birth.

Dependent on Birth arise Decay, Death, Sorrow, Lamentation, Pain, Grief, and Despair.

Thus does the entire aggregate of suffering arise.

THẬP NHỊ DUYÊN KHỞI

Tùy thuộc nơi Vô Minh phát sanh Hành.

Tùy thuộc nơi Hành phát sanh Thức.

Tùy thuộc nơi Thức phát sanh Danh - Sắc.

Tùy thuộc nơi Danh- Sắc phát sanh Lục Căn.

Tùy thuộc nơi Lục Căn phát sanh Xúc.

Tùy thuộc nơi Xúc phát sanh Thọ.

Tùy thuộc nơi Thọ phát sanh Ái.

Tùy thuộc nơi Ái phát sanh Thủ.

Tùy thuộc nơi Thủ phát sanh Hữu.

Tùy thuộc nơi Hữu có Sanh.

Tùy thuộc nơi Sanh có Lão, Tử, Sầu Muộn, Ta Thán, Đau Khổ, Buồn Rầu, và Thất Vọng.

Đó là trọn vẹn các yếu tố cấu thành đau khổ.

**PACCAYA-
SAṄGAHA-
VIBHĀGO**

TOÁT YẾU VỀ DUYÊN

Yesaṃ saṅkhatadhammānaṃ ye dhammā paccayā yathā
Taṃ vibhāgam' ihedāni pavakkhāmi yathārahaṃ.

Nơi đây, theo đường lối thích nghi, tôi sẽ tỉ mỉ phân tách
bằng cách nào những pháp tạo duyên tác hành liên hệ với
các pháp được cấu tạo tùy duyên.

Paṭicasamuppādanayo, Paṭṭhānanayo cati paccayaṅgaho
duvidho veditabbo.

Tattha tabbhāvabhāvibhāvākāramattopalakkhito
paṭicasamuppādanayo.

Paṭṭhānanayo pana āhaccapaccayaṭṭhitimārabha pavuccati.
Ubhayaṃ pana vomissetvā papañcenti ācariyā.

Đại cương những tương quan có hai phần;

A/ Định Luật Phát Sanh Tùy Thuộc, và

B/ Định Luật Duyên Hệ Tương Quan.

Trong hai phần này, Định Luật Tùy Thuộc Phát Sanh, hay
Thập Nhị Duyên Khởi, được đánh dấu bằng sự phát sanh
suông của một trạng thái, tùy thuộc nơi một trạng thái
khác trước đó. Khi có trạng thái này thì trạng thái kia khởi
phát.

Định Luật Duyên Hệ Tương Quan đề cập đến sự hiện hữu
của những điều kiện liên hệ với một điều kiện khác.

Các vị Pháp Sư pha trộn lẫn lộn hai pháp này để giải thích.

Tattha avijjāpaccayā saṅkhārā, saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ,
viññāṇa-paccayā nāmarūpam, nāmarūpa-paccayā
saḷāyatanaṃ, saḷāyatana-paccayā phasso, phassa-paccayā
vedanā, vedanā-paccayā taṇhā, taṇhā-paccayā upādānam,
upādāna-paccayā bhavo, bhava-paccayā jāti, jāti-paccayā
jarā-maraṇa-soka-parideva-dukkha-doma- nassupāyāsā
sambhavanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa
samudayo hotīti ayamettha paṭicasamuppādanayo.

Định Luật Tùy Thuộc Phát Sanh.

Nơi đây: Tùy thuộc nơi Vô Minh, Hành phát sanh.

Tùy thuộc nơi Hành, Thức tái sanh phát sanh.

Tùy thuộc nơi Thức tái sanh, Danh và Sắc phát sanh.

Tùy thuộc nơi Danh và Sắc, Lục Căn phát sanh.

Tùy thuộc nơi Lục Căn, Xúc phát sanh.

Tùy thuộc nơi Xúc, Thọ phát sanh.

Tùy thuộc nơi Thọ, Ái phát sanh.

Tùy thuộc nơi Ái, Thủ phát sanh.

Tùy thuộc nơi Thủ, Hữu phát sanh.

Tùy thuộc nơi Hữu, Sanh phát sanh.

Tùy thuộc nơi Sanh, phát sanh Lão, Tử, Sầu Muộn,

Ta Thán, Đau Khổ, Buồn Rầu và Thất Vọng.

Như vậy phát sanh trọn vẹn toàn khối đau khổ.

**PACCAYA-
SAṄGAHA-
VIBHĀGO
TOÁT YẾU VỀ DUYÊN**

Tattha tayo addhā; dvādasāṅgāni; vīsātākārā; tisandhi; catusaṅkhepo; tīṇi vaṭṭāni; dve mūlāni ca veditabbāni.

Nơi đây, đó là Định Luật Tùy Thuộc Phát Sanh. Nên hiểu rằng có ba thời kỳ, mười hai chi (yếu tố), hai mươi phương cách, chia làm bốn nhóm, ba sự liên hệ, bốn phân hạng, ba vòng quanh, và hai nhân.

Katham?

Avijjā, saṅkhārā atīto addhā; jāti, jarā, maraṇam anāgato addhā; majjhe aṭṭha paccuppanne addhāti tayo addhā.

Như thế nào?

Vô Minh và Hành thuộc về quá khứ; Sanh, Lão, Tử thuộc về Vị lai; tám chi ở khoảng giữa thuộc về Hiện tại. Như vậy có ba thời kỳ.

Avijjā, saṅkhārā, viññāṇam, nāmarūpaṃ, saḷāyata- nam, phasso, vedanā, taṇhā, upādānam, bhavo, jāti, jarāmarāṇanti dvādasāṅgāni. Sokādivacanam panettha nissandaphalanidassanam.

Vô Minh, Hành (Thiện và Bất thiện), Thức tái sanh, Danh-Sắc, Lục Căn, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão, và Tử là mười hai chi. Những danh từ Sầu Muộn, Ta Thán v.v... là hậu quả của Sanh.

Avijjāsaṅkhārāggahaṇena panettha taṇhūpādāna-bhavā pi gahitā bhavanti. Tathā taṇh'ūpādānabhavagga- haṇena ca avijjāsaṅkhārā, jātijarāmarāṇaggahaṇena ca viññāṇādiphalapañcakameva gahitanti katvā.

Nơi đây, khi đề cập đến Vô Minh và Hành, thì Ái, Thủ và Hữu cũng được bao hàm trong đó. Cùng thế ấy, khi đề cập đến Ái, Thủ, và Hữu thì Vô Minh và Hành cũng được bao hàm trong đó. Khi đề cập đến Sanh, Lão và Tử thì năm hậu quả cùng với những loại tâm của nó cũng được bao hàm trong đó.

Atīte hetavo pañca idāni phalapañcakam
Idāni hetavo pañca āyatim phalapañcakanti
Vīsātākārā, tisandhi, catusaṅkhepā ca bhavanti.

Như vậy có:

1. năm nhân thuộc về quá khứ, và
2. năm quả trong hiện tại;
3. năm nhân trong hiện tại, và
4. năm quả thuộc vị lai.

Có hai mươi phương cách, ba mối liên hệ, và bốn phân hạng.

PACCAYA-

SAṄGAHA-

VIBHĀGO

TOÁT YẾU VỀ DUYÊN

Avijjā taṇhūpādāna ca kilesavaṭṭam; kammabhava- saṅkhāto bhavekadeso; saṅkhārā ca kammavaṭṭam; upapattibhavasāṅkhāto bhavekadeso; avasesā ca vipāka-vaṭṭanti tīnivaṭṭāni.

Avijjātaṇhāvasena dve mūlāni ca veditabbāni.

Ba Luân chuyển là:

1. Vô Minh, Ái, và Thủ thuộc về Vòng Quanh của những Ô nhiễm.
2. Một phần của sự trở thành (Bhava, Hữu) được biết là những hành động và những sinh hoạt tâm linh (Thiện và Bất thiện) trong hiện tại (Bhava), là Vòng Quanh của Nghiệp.
3. Một phần của sự trở thành (Hữu) được biết là kiếp sống mới (Upapattibhava), và phần còn lại thuộc về Vòng Quanh của Quả.
Vô minh và Ái dục phải được hiểu là hai nhân.

1. Tesamevaca mūlānaṃ nirodhena nirujjhati

Jārāmaṇaṃ mucchāya pīḷitānamabhiṇhaso

Āsavānaṃ samuppādā avijjā ca pavattati.

2. Vaṭṭamābandhamiccevaṃ tebhūmakamanādikaṃ

Paṭicasamuppādoti paṭṭhapesi mahāmuni.

Tóm lược:

Bằng cách tận diệt những nhân này Vòng Quanh luân chuyển chấm dứt.

Vô minh, xuất phát từ những nhiễm ô, tăng trưởng trong sự áp bức càng lúc càng gia tăng của trạng thái già và chết.

Bậc Đại Hiền Trí đã giải thích tình trạng rối rắm của những kiếp sống vô cùng tận trong Tam giới như thế ấy, bằng "Định Luật Tùy Thuộc Phát Sanh".

BUỔI 95 - 05.12.2020 - ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/697045691238860>

BUỔI 131 - 28.05.2021 - ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/186537913253919>

PAṬICCASAMUPPĀDA - THẬP NHỊ DUYÊN KHỞI

Paṭicca: bởi vì, vì lẽ

Samuppāda: phát sanh, xuất phát

PAṬICCASAMUPPĀDA: phát sanh bởi vì, tùy thuộc phát khởi, duyên khởi tùy thuộc, định luật khởi sanh do nguyên nhân, duyên sinh, duyên khởi...

PACCAYAM PATICCASAMUPPAJJATITI:
PATICCASAMUPADO: cái gì sanh ra
được do nhờ bởi duyên thì được gọi là
Duyên sinh

IMASMIM SATI, IDAM HOTI;
IMASMIM ASATI, IDAM NAHOTI:
cái này có, cái kia có; nếu cái này
không, cái kia không



1/ Vô minh - AVIJJĀ

2/ Hành - SAMKHĀRA

3/ Thức - VIÑÑĀNA

4/ Danh sắc - NĀMARŪPĀ

5/ Lục nhập - SALĀYATANA

6/ Xúc - PHASSA

7/ Thọ - VEDANĀ

8/ Ái - TAṆHĀ

9/ Thủ - UPĀDĀNA

10/ Hữu - BHAVA

11/ Sinh - JĀTI

12/ Lão tử - JARĀMARAṆA

**I/ AVIJJĀPACCAYĀ SANKHĀRĀ –
VÔ MINH DUYÊN HÀNH**

AVIJJĀ: vô minh.
Vô: không – Minh: sáng
Vô Minh: không sáng suốt, không hiểu biết, không nhận chân ra được sự thật của vạn hữu

ANTAVIRAHITE SAMSĀRE SATTE
JAVĀPETI - Cái gì làm nguyên nhân cho chúng sanh mãi mãi lăn trôi theo vòng luân hồi vô tận, cái đó chính là Vô Minh

+ Thế gian Vô thường, Khổ, Vô ngã mà ta cho là Thường, Lạc, Ngã = VÔ MINH

+ Không Tuệ tri Tứ Diệu Đế = VÔ MINH

+ Không Hiểu biết 12 Duyên khởi = VÔ MINH

MỘT SỐ TỪ MÔ TẢ VÔ MINH

- Thiếu Trí - Lack Of Knowledge
- Thiếu Tuệ - Lack Of Insight
- Thiếu Hiểu Biết - Lack Of Understanding
- Thiếu Lãnh Hội - Lack Of Comprehension
- Không Thông Minh - Unintelligence
- Mờ Mịt - Confuse

ĐỐI NGHỊCH VÔ MINH: MINH - VIJJĀ - KNOWLEDGE: sáng suốt
Tuệ tri Tứ Diệu Đế, thấu rõ lý Duyên khởi
Căn gốc: tâm sở Si (gốc của Vô minh)
Moha: Si: từ căn Muh: mê mờ, lầm lạc
Moha: chính là cội nguồn, là căn gốc và luôn có mặt trong các tâm Bất thiện.
Moha: chính là 1 trong 3 nhân Bất thiện: Tham, Sân, Si

"Sự không hiểu về Khổ, sự không hiểu về Khổ tập, sự không hiểu về Khổ diệt, sự không hiểu về Khổ diệt Hành lộ - con đường đưa đến sự diệt khổ.
ĐÂY GỌI LÀ VÔ MINH."

HÀNH - SANKHĀRĀ

Cái gì tạo thành, tạo sanh, tạo tác hay cái gì tạo nên những cái được tạo, đó chính là Hành.

PHÁP BẢN THỂ: Tâm sở Tư – Cetanā (trong 7 tâm sở biến hành)

CETANĀ

+ chi phối và quyết định mọi Hành

+ đôn đốc, xúi giục các Pháp

+ làm cho các Pháp cùng sanh nắm bắt cảnh

+ hoàn tất nhiệm vụ, sắp đặt các Pháp đồng sanh làm theo.

HÀNH CÓ 3

a/ APUDBHISAMKHĀRĀ - PHI PHÚC HÀNH:

Tâm sở Tư phối hợp cùng các Tâm sở tương ưng đồng sanh khởi 1 trong 12 Tâm Bất thiện xui khiến:

➤ + **THÂN**: Sát sanh - Pānātipāta, Trộm cắp - Adinnādāna, Tà hạnh trong dục lạc - Kāmesumicchācārā

➤ + **KHẨU**: Nói dối - Musāvāda, Nói Ly gián - Pisunāvācā, Nói Độc ác - Pharusavācā, Nói Phù phiếm - Samphappalāpa

➤ + **TÂM (Ý)**: Tham lam - Abhijjhā, Sân hận - Byāpāda, Tà kiến - Micchāditti

b/ PUNNĀBHISAMKHĀRĀ - PHÚC HÀNH:

Tâm sở Tư cùng các tâm sở tương ưng đồng sanh 1 trong 8 Tâm Thiện Dục giới, 5 Thiện Sắc giới.

Sẽ tạo ra các tâm quả thiện Dục giới, tâm quả thiện Sắc giới và Sắc nghiệp thiện.

c/ ANNEJĀBHISAMKHĀRĀ - BẤT ĐỘNG HÀNH:

Tâm sở Tư cùng các tâm sở tương ưng đồng sanh 1 trong 4 tâm Thiện Vô sắc giới và sẽ tạo ra các tâm Quả Vô sắc giới

BUỔI 132 - 04.06.2021 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/227100555889271>

GHI CHÚ:

+ Tâm sở Tư trong Tâm Đạo Siêu thế - LOKUTTARAMAGGACITTA không được xem là Hành.

+ Trí chính là yếu tố nổi bật trong Tâm Siêu thế.

+ Tư chỉ hỗ trợ giúp cho Trí diệt trừ Vô minh.

+ Tư thì nổi bật trong các Tâm Hiệp thế với nhiệm vụ tạo nghiệp.

+ Vô minh nổi bật trong các Tâm Bất thiện nhưng ngủ ngầm trong các Tâm Thiện.

+ Thiện và Bất thiện đều bắt nguồn từ Vô Minh

BUỔI 97 - 19.12.2020 - ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/697045691238860>

**II/ HÀNH DUYÊN THỨC –
SANKHĀRA-PACCAYĀ VIÑÑĀNAM**

Viññāṇa, Sanskrit: Vijñāna: Thức

THỨC TÁI TỤC - PATISANDHI VIÑÑĀNA: 19 tâm quả tục sinh, gồm:

+ 2 Tâm Quan sát thọ xả + 8 Tâm Quả Thiện DGTH

+ 5 Tâm Quả Sắc giới + 4 Tâm Quả Vô sắc giới

+ Theo phương cách khác, lấy hết các Tâm quả Hiệp thế duyên cho Hành, gồm:

+ 15 Tâm Quả Vô nhân + 8 Tâm Quả Thiện Dục giới

+ 5 Tâm Quả Sắc giới + 4 Tâm Quả Vô sắc giới

= 32 Tâm Quả do Hành làm duyên

**TÂM QUẢ BẤT THIỆN VÔ
NHÂN:**

THỜI BÌNH NHẬT: có 7 Tâm Quả sanh khởi (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Tiếp thân, Quan sát) do bởi Phi phúc hành làm nhân

**THỜI TỤC
SINH:**

+ **TÂM:** Tâm Quả Quan sát Bất thiện Vô nhân

+ **NGƯỜI:** người Khổ

+ **CỒI:** 4 cõi Khổ (súc sinh, nạ quý, atula, địa ngục) do 11 Tâm Bất thiện làm nhân trừ tâm Si phóng dật (vì không có khả năng tạo quả tục sinh)

TÂM QUẢ THIỆN VÔ NHÂN:

THỜI BÌNH NHẬT: có 8 Tâm Quả Thiện Vô nhân sanh khởi do Phúc hành

THỜI TỤC SINH: do 4 Tâm Thiện DG Ly trí và thiếu Tam Tư làm nhân

+ TÂM: Tâm Quan sát Thọ xả Quả thiện Vô nhân

+ NGƯỜI: người Lạc vô nhân

+ CÔI: 4 cõi Người và Tứ Thiên vương thấp (thần cây, thần núi, dạ xoa...)

BUỔI 133 - 11.06.2021 – room PHATGIAONAMTRUYEN

<https://www.youtube.com/watch?v=iEriyMbQxCg>

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/779939469577938>

8 TÂM QUẢ THIỆN DỤC GIỚI HỮU NHÂN:

sanh khởi do 8 Tâm Thiện DGTH làm nhân. CÓ 3 CÁCH:

a/ 4 TÂM THIỆN LY TRÍ ĐỦ TAM TƯ:

làm nhân cho ra 12 quả

THỜI BÌNH NHẬT: + 8 Tâm Quả Thiện Vô nhân

+ 4 Tâm Quả Thiện Dục giới Ly trí

THỜI TỤC SINH:

+ TÂM: 1 trong 4 Tâm Quả Ly trí Dục giới

+ NGƯỜI: người Nhị nhân

+ CÔI: 7 cõi Vui dục giới (cõi Người và 6 cõi trời Dục giới)

b/ 4 TÂM THIỆN TƯƠNG ƯNG

TRÍ THIẾU TAM TƯ: làm nhân cho 12 quả

THỜI BÌNH NHẬT: + 8 Tâm Quả Thiện Vô nhân

+ 4 Tâm Quả Thiện Dục giới Ly trí

THỜI TỤC SINH:

+ TÂM: 1 trong 4 Tâm Quả Ly trí

+ NGƯỜI: người Nhị nhân

+ CÔI: 7 cõi Vui dục giới (cõi Người và 6 cõi trời Dục giới)

c/ 4 TÂM THIỆN TƯƠNG ƯNG
TRÍ ĐỦ TAM TƯ: làm nhân cho
16 quả

THỜI BÌNH NHẬT: + 8 Tâm Quả Thiện Vô nhân
+ 8 Tâm Quả Thiện Dục giới Hữu nhân

THỜI TỤC
SINH:

+ TÂM: 1 trong 4 Tâm Quả Thiện Dục giới Hợp trí

+ NGƯỜI: người Tam nhân

+ CÕI: 7 cõi Vui dục giới (cõi Người và 6 cõi trời Dục giới)

5 TÂM QUẢ THIỆN SẮC GIỚI:

Sanh khởi do bởi 5 Tâm Thiên Thiện Sắc giới
làm nhân và **CHỈ LÀM PHẬN SỰ TÁI TỤC**

THỜI TỤC
SINH:

+ TÂM: 1 trong 5 Tâm Quả Thiện Sắc Giới

+ NGƯỜI: người Tam nhân

+ CÕI: có 16 cõi Sắc giới (**Cõi Sơ thiên:** Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Đại phạm thiên; **Cõi Nhị thiên:** Thiếu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Quang âm thiên; **Cõi Tam thiên:** Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên; **Cõi Tứ thiên:** Quảng quả, Vô tưởng, Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên, Thiện kiến thiên, Thiện hiện thiên, Sắc cứu cánh thiên)

4 TÂM QUẢ THIỆN VÔ SẮC GIỚI:

sanh do bởi Bất động hành tức 4 tâm thiên
thiện Vô sắc giới làm nhân và **CHỈ LÀM**
PHẬN SỰ TÁI TỤC

THỜI TỤC
SINH:

+ TÂM: 1 trong 4 tâm Quả thiện Vô Sắc giới

+ NGƯỜI: người Tam nhân

+ CÕI: 4 cõi Vô sắc (cõi Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng Phi phi tưởng xứ)

TỔNG KẾT:

Trong 32 tâm Quả Hiệp thể có 19 tâm Quả làm việc tục sinh sang kiếp sống mới (là 2 Tâm Quan sát Thọ xả Vô nhân (thiện, bất thiện), 8 Tâm Quả Thiện Dục giới Hữu nhân, 5 Tâm Quả Thiện Sắc giới, 4 Tâm Quả Thiện Vô sắc giới)

BUỔI 98 – SH tùy duyên <https://www.facebook.com/417596642178593/videos/306225527481115>

BUỔI 99 - 09.01.2021 - ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/421072269013330>

BUỔI 134 - 18.06.2021 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/325091545899557>

III/ THỨC DUYÊN DANH - SẮC
VINNĀNAPACCAYĀ NĀMARŪPAM
NĀMA: Danh RŪPAM: Sắc
PACCAYĀ: Duyên VIÑÑĀNA: Thức

- + Danh và Sắc là 2 thành phần riêng biệt nhưng chúng được sanh khởi do từ Thức.
- + Danh: Thọ (tso Thọ), Tưởng (tso Tưởng), Hành (50 tâm sở còn lại) đồng hiện khởi với Thức
- + Thức có mặt thì Danh có mặt, 4 pháp này là 4 pháp **BẤT KHẢ PHÂN LY** còn được gọi là **TỨ DANH UẨN**

CÔI VÔ SẮC: Thức
duyên Danh

CÔI VÔ TƯỚNG:
Thức duyên cho
Sắc

**CÔI SẮC GIỚI VÀ DỤC
GIỚI:** thì Thức duyên đủ 2
Danh và Sắc

III.1 / THỨC DUYÊN CHO DANH:

Có 35 tâm sở (có 2 Bi và Tùy Hỷ trong tâm Quả Sắc giới) phối hợp với các tâm Quả hiệp thể nói chung (trừ 14 tâm sở Bất thiện)

+ **2 Tâm quả Quan sát Vô nhân:** có 10 Tâm sở Tợ tha (trừ Cẩn, Hỷ, Dục) => Tục sinh làm Người Khổ và Người Lạc Vô nhân

+ **8 Tâm Quả Thiện Dục giới Hữu nhân:**

1 + 2 (Thọ hỷ Hợp trí Vô trợ, Hữu trợ): **13 + 20 = 33** (trừ 3 Giới phần và 2 Vô lượng phần)

3 + 4 (Thọ hỷ Ly trí Vô trợ, Hữu trợ): **13 + 19 = 32** (trừ 3 Giới phần, 2 Vô lượng phần, Trí)

5 + 6 (Thọ xả Hợp trí Vô trợ, Hữu trợ): **12 + 20 = 32** (trừ 3 Giới phần, 2 Vô lượng phần, Hỷ)

7 + 8 (Thọ xả Ly trí vô trợ, Hữu trợ): **12 + 19 = 31** (trừ 3 Giới phần, 2 Vô lượng phần, Trí, Hỷ)

1: tâm quả thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ / 2: tâm quả thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ

3: tâm quả thiện thọ hỷ ly trí vô trợ/ 4: tâm quả thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ

5: tâm quả thiện thọ xả hợp trí vô trợ / 6: tâm quả thiện thọ xả hợp trí hữu trợ

7: tâm quả thiện thọ xả ly trí vô trợ/ 8: tâm quả thiện thọ xả ly trí hữu trợ

III/ THỨC DUYÊN DANH - SẮC VINNĀNAPACCAYĀ NĀMARŪPAM

+ 9 Tâm Quả Đáo đạị:

- SƠ THIỀN: 13 (ts Tợ tha) + 22 (25 ts Tịnh hảo - 3 Giới phần) = 35 (không có Giới phần vì không phải là đối tượng, nếu không tu 2 Vô lượng phần thì trừ luôn 2 vô lượng phần)
- NHỊ THIỀN: 12 (trừ Tầm) + 22 (25 ts Tịnh hảo - 3 Giới phần) = 34 tâm sở
- TAM THIỀN: 11 (trừ Tầm Tứ) + 22 (25 ts Tịnh hảo - 3 Giới phần) = 33 tâm sở
- TỨ THIỀN: 10 (trừ Tầm, Tứ, Hỷ) + 22 (25 ts Tịnh hảo - 3 Giới phần) = 32 tâm sở
- NGŨ THIỀN SẮC GIỚI VÀ VÔ SẮC GIỚI: 10 (trừ Tầm, Tứ, Hỷ) + 20 (25 ts Tịnh hảo - 3 Giới phần, 2 Vô lượng phần) = 30 tâm sở

BUỔI 100 - 16.01.2021 – ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/1032593933886227>

BUỔI 135 - 25.06.2021 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/827059414887364>

TẶNG KINH: dụ người đến: lúc Đức Phật thuyết Tặng Kinh nói đến sự lợi ích tốt đẹp để người khác biết và đến với giáo pháp.

TẶNG LUẬT: trói người đó lại: phải gìn giữ giới luật, trói mình trong phạm vi giới luật, không thể sống bừa bãi đượcbằng sợi dây giới luật để thân tâm được tốt đẹp.

TẶNG LUẬN (VIDIEUPHAP): giết người đó: khi học đến tặng luận, lúc chưa học thì cha to rằng thân này là của ta... khi học thì cho thấy không có gì là của ta, chỉ có danh và sắc. từ sắc pháp thì chia chẻ ra có 28 sắc...do duyên kết hợp lại, Tâm chia ra Tâm (121) và Tâm sở (52), giết người đó không cho người đó dính mắc vào cái gì là ta, là của ta

III.2/ THỨC DUYÊN CHO SẮC:

Là Thức (Thức Tục sinh) duyên cho phần vật chất
Thức Tục sinh duyên 3 nhóm sắc 10 pháp

3 NHÓM SẮC NGHIỆP:

khi 1 người tục sinh trở lại thì do nghiệp tạo

a/ Nhóm sắc thần kinh Thân: khi 1 người tục sinh, Thức tục sinh sanh thì tạo nên chúng sanh, có thức và 1 chút xíu vật chất sanh khởi lúc đó (cái chút xíu đó là thuộc về sắc pháp – có thân nên là thần kinh thân sanh khởi đầu tiên, rồi từ đó mới có mắt tai mũi lưỡi ... phát sanh tiếp) => do Nghiệp tạo

b/ Nhóm sắc Tính: ngay vết đầu tiên đã biết nam hay nữ, cũng do nghiệp quá khứ tạo

c/ Nhóm sắc Ý vật (sắc để tâm nương): cũng do nghiệp tạo

=> cả 3 bọn sắc này cùng sanh khởi ngay SÁT NA SINH (3 sát na tiểu đầu tiên) của Tâm Tục sinh

Mỗi sát na Tâm được chia làm 3 sát na tiểu (Sanh, Trụ, Diệt)

Mỗi sát na tiểu có đủ 3 nhóm đồng sanh

$17 \text{ sát na tâm} \times 3 \text{ sát na tiểu} = 51 \text{ sát na tiểu}$

$51 \text{ sát na tiểu} \times 3 \text{ nhóm} = 153 \text{ nhóm (sắc Thần kinh, sắc Tính, sắc Ý vật)}$

3 NHÓM SẮC NÀY được biết chính là **3 NHÓM SẮC NGHIỆP** được hiện khởi ngay **SÁT NA SINH** của **TÂM TỤC SINH** nên chúng được gọi là **SẮC NGHIỆP TỤC SINH**

Tổng số 3 nhóm SẮC NGHIỆP TỤC SINH: có 30 sắc đồng sanh khởi

1/ Nhóm sắc Thần kinh Thân:
8 sắc Bất ly (*tứ đại: đất, nước, lửa, gió => bất phân ly; sắc cảnh sắc: màu sắc; sắc cảnh khí: mùi, sắc cảnh vị; sắc vật thực*) + sắc Mạng quyền + sắc thần kinh Thân = **10 sắc**

2/ Nhóm sắc Tính:
8 sắc Bất ly + sắc Mạng quyền + sắc Tính (*nam, nữ*) = **10 sắc**

3/ Nhóm sắc Ý vật:
8 sắc Bất ly + sắc Mạng quyền + sắc Ý vật = **10 sắc**

**IV/ DANH SẮC DUYÊN LỤC NHẬP -
NĀMARŪPA PACCAYĀ SALĀYATANA**

6 nhập sanh khởi do
duyên từ Danh Sắc

1/ Nhãn nhập – CAKKHĀYATANA: mắt hay thần kinh Nhãn, giác quan nhìn cảnh sắc

2/ Nhĩ nhập – SOTĀYATANA: là tai hay thần kinh Nhĩ, giác quan nghe tiếng

3/ Tỷ nhập – GHĀNAYATANA: là mũi hay thần kinh Tỷ, giác quan ngửi mùi

4/ Thiệt nhập – JIVHĀYATANA: là lưỡi hay thần kinh Thiệt, giác quan nếm vị

5/ Thân nhập – KĀYĀYATANA: là thần kinh Thân, giác quan xúc chạm vật thể

6/ Ý nhập – MĀNĀYATANA: bao gồm 32 tâm Quả Hiệp thế (15 tâm Quả Vô nhân + 8 tâm Đại Quả Dục giới Hữu nhân + 5 tâm Quả Sắc giới + 4 tâm Quả Vô sắc giới)

5 nhập đầu tiên chính là 5 sắc Thần kinh (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân) => do Nghiệp tạo

DANH DUYÊN:

+ **Đối với cõi Vô sắc:**
Danh làm duyên - Ý xứ

+ **Đối với cõi Vô tưởng:**
không có 6 nhập (vì cõi Vô tưởng không có Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Tâm)

+ **Đối với cõi Sắc giới Hữu tưởng:**
có 3 - Nhãn xứ, Nhĩ xứ và Ý xứ

+ **Đối với cõi Dục giới:**
có 6 Xứ nhưng đôi khi bị khiếm khuyết

+ **3 cõi Khổ: Ngạ quỷ, Atula, Địa ngục:**
CÓ ĐỦ 6 xứ

**V/ LỤC NHẬP DUYÊN CHO XÚC -
SALĀYATANA PACCAYĀ PHASSA**

Do có 6 nội nhập tiếp xúc với 6 ngoại xứ duyên cho Xúc

NỘI - NGOẠI XÚC	Sắc xúc	+	Nhãn nhập	→	duyên Nhãn xúc (sắc xúc chạm thần kinh nhãn, duyên nhãn xúc)
	Thính xúc	+	Nhĩ nhập	→	duyên Nhĩ xúc (phát khởi âm thanh như tiếng nhạc... xúc chạm vào thần kinh nhĩ => chuyển vô dòng tâm thức duyên cho Nhĩ xúc)
	Khí xúc	+	Tỷ nhập	→	duyên Tỷ xúc (mùi xúc chạm vào thần kinh tỷ - lỗ mũi duyên ra tỷ xúc)
	Vị xúc	+	Thiệt nhập	→	duyên Thiệt xúc (cay, chua, mặn.. xúc chạm thần kinh thiệt – lưỡi, duyên thiệt xúc)
	Đất-Lửa-Gió xúc	+	Thân nhập	→	duyên Thân xúc (cứng mềm, nóng lạnh, gió... đụng lên thần kinh thân=> làm duyên cho Thân xúc, nước thuộc sắc tế nên không thể cảm nhận bằng thân xúc)
	Pháp xúc	+	Ý nhập	→	duyên Ý xúc

**XÚC DO 6 NỘI-
NGOẠI XÚC TẠO
có 6:**

<p>1/ Nhãn xúc: chính là Tâm sở Xúc đồng sanh trong cặp Nhãn thức</p>	<p>2/ Nhĩ xúc: chính là Tâm sở Xúc đồng sanh trong cặp Nhĩ thức</p>	<p>3/ Tỷ xúc: chính là Tâm sở Xúc đồng sanh trong cặp Tỷ thức</p>	<p>4/ Thiệt xúc: chính là Tâm sở Xúc đồng sanh trong cặp Thiệt thức</p>	<p>5/ Thân xúc: chính là Tâm sở Xúc đồng sanh trong cặp Thân thức</p>	<p>6/ Ý xúc: chính là Tâm sở Xúc đồng sanh trong 22 tâm Quả hiệp thể (trừ cặp Ngũ song thức)</p>
--	--	--	--	--	---

PHẠM THIÊN VÔ SẮC: Ý xúc

PHẠM THIÊN SẮC GIỚI HỮU TƯỢNG: Nhãn xúc, Nhĩ xúc và Ý xúc

PHẠM THIÊN VÔ TƯỢNG: không có Xúc

CHÚNG SANH CÔI DỤC GIỚI: có 6 (tùy lúc)

CHÚNG SANH ĐỊA NGỤC, NGẠ QUỶ, ATULA: có đủ 6 xúc

BUỔI 103 - 06.02.2021 – ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/2978563772400360>

BUỔI 137 - 09.07.2021

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/348722203316167>

**VI/ XÚC DUYÊN CHO THỌ -
PHASSA PACCAYĀ VEDANĀ**

Do duyên 6 Xúc (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý) trên, tức Tâm sở Xúc hợp trong 32 Tâm Quả Hiệp thể duyên 6 Thọ sanh

**THỌ do 6 Xúc
duyên sanh
có 6:**

**1/ Nhãn
thọ:** là
tâm sở
Thọ hợp
trong cặp
Nhãn
thức

**2/ Nhĩ
thọ:** là
tâm sở
Thọ hợp
trong cặp
Nhĩ thức

**3/ Tỷ
thọ:** là
tâm sở
Thọ hợp
trong
cặp Tỷ
thức

**4/ Thiệt
thọ:** là
tâm sở
Thọ hợp
trong cặp
Thiệt
thức

**5/ Thân
thọ:** là
tâm sở
Thọ hợp
trong cặp
Thân
thức

6/ Ý thọ: là
tâm sở Thọ
hợp với 22
tâm Quả
Hiệp thể (trừ
cặp Ngũ
song thức)

**SỰ
TƯƠNG
QUAN
GIỮA 6
THỌ:**

NGŨ SONG THỨC: 5 cặp Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân thọ
+ 4 cặp đầu (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt) chỉ là thọ Xả
+ Thân Thọ có 2: Khổ và Lạc

Ý THỌ: riêng Ý thọ có 2 là: Hỷ và Xả (22 tâm quả Hiệp thể: 2 tâm quả bất thiện, 3 tâm quả thiện, 8 tâm quả DGTH, 9 tâm quả Đáo đại)

**6 THỌ CÓ MẶT
TRONG CÁC CÕI:**

CÕI VÔ SẮC: có 1 (Ý thọ)

**CÕI SẮC GIỚI HỮU
TƯƠNG:** có 3 (Nhãn,
Nhĩ, Ý thọ)

CÕI VÔ TƯƠNG (là cõi
không có Xúc): không có
Thọ

CÕI DỤC GIỚI: có 6 thọ
(nếu khiếm khuyết thì
tùy theo)

**CÕI ĐỊA NGỤC, NGẠ
QUỖ, ATULA:** có đủ 6
thọ

**6 THỌ VỚI CÁC
HẠNG NGƯỜI:**

NGƯỜI KHỔ: bàng sanh có 6 thọ
hoặc tùy theo, riêng Địa ngục,
Ngạ quỷ, Atula: có đủ 6 thọ

NGƯỜI LẠC VÔ NHÂN: có 6 thọ
(tùy theo)

NGƯỜI LẠC PHẠM HỮU NHÂN
(nhị hay tam nhân): có 6 thọ (tùy
theo)

4 NGƯỜI ĐẠO: có 1 (Ý thọ)

4 NGƯỜI QUẢ: có 6 thọ (tùy
theo)

VII/ THỌ DUYÊN ÁI – VEDANĀ PACCAYĀ TANHĀ

Lấy cả 3 Thọ: Khổ, Lạc và Xả

Ái: tâm sở tham Lobha

Ái (taṇhā), Dục (kāma), ô nhiễm (rāga).....

Thọ duyên Ái: tức là tâm sở Thọ đồng sanh trong 32 tâm Quả hiệp thể trợ duyên cho Ái sanh

32 tâm Quả Hiệp thể tính theo duyên:

15 Tâm Quả Vô nhân
(18 tâm vô nhân – 3
tâm duy tác)

+ Ngũ song thức:

- Tiền sanh duyên: do 5 Xứ duyên sanh 5 Thức (5 xứ (nhãn nhĩ tỷ thiệt thân xứ) do Nghiệp trong quá khứ tạo)

- Đồng sanh duyên: tâm sở Thọ đồng sanh trong 5 thức

+ 2 tâm Tiếp thân: thuộc Vô gián duyên từ Ngũ song thức

+ 3 tâm Quan sát: Vô gián duyên từ Tiếp thân. Nếu lấy 2 tâm Quan sát là tâm quả tục sinh: do Nghiệp duyên (dị thời nghiệp duyên)

8 Tâm Đại quả Dục giới

do Nghiệp duyên

9 Tâm Quả Đáo đại

do Nghiệp duyên

THỌ DUYÊN ÁI

Thọ: có 3: Khổ, Lạc, Xả

- **Khổ duyên Ái**: do khao khát được thoát Khổ

- **Lạc duyên Ái**

- **Xả duyên Ái**

➤ **Ái chính là Tâm sở Tham**

**VII/ THỌ DUYÊN ÁI –
VEDANĀ PACCAYĀ TANHĀ**

**ÁI LIÊN HỆ
VỚI CẢNH:
có 6**

**Lấy Cảnh
Sắc làm
tiêu biểu:**

1/ **Sắc Ái** - RŪPATAṆHĀ

2/ **Thinh ái** -
SADDATAṆHĀ

3/ **Khí ái** -
GANDHATAṆHĀ

4/ **Vị ái** - RASSATAṆHĀ

5/ **Xúc ái** -
PHOTTHABBATAṆHĀ

6/ **Pháp ái** -
DHAMMATANAṆHĀ

Sắc duyên Nhãn xứ thuộc Cảnh Duyên

Nhãn xứ duyên Nhãn thức = vật Tiền sanh duyên

Nhãn thức duyên Nhãn thọ = Đồng sanh duyên

Nhãn thọ duyên cho Sắc ái = Thường cận y duyên
(thói quen, tập quán tiềm ẩn thường làm)

Nhĩ thọ duyên cho
Thinh ái

Tỷ thọ duyên cho Khí
ái

Thiệt thọ duyên cho Vị
ái

Thân thọ duyên cho
Xúc ái

Ý thọ duyên cho Pháp ái

BUỔI 138 - 16.07.2021 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/516129346338060>

**ÁI DUYÊN THEO
TRI KIẾN
Có 3:**

1/ **Dục ái** -
KĀMATANAṆHĀ:
sự tham đắm trong
các dục

2/ **Hữu ái** -
BHAVATAṆHĀ:
ái tham liên hệ
thường kiến

3/ **Phi hữu ái** -
VIBHAVATAṆHĀ:
ái tham liên hệ đoạn
kiến

TỔNG SỐ ÁI:

6 (ái) x 3 (tri kiến) = 18 ái

18 ái x 2 (nội, ngoại phần) = 36 ái

36 ái x 3 thời (quá khứ, hiện tại, vị
lai) = 108 ái

VIII/ ÁI DUYÊN THỦ
TANHĀ PACCAYĀ UPĀDĀNAM

THỦ
có 6 là:

Sắc
Thủ

Thịnh
Thủ

Khí
Thủ

Vị
Thủ

Xúc
Thủ

Pháp
Thủ

THỦ
phân
theo Chi
pháp:
có 4 loại

1/ Dục thủ - KĀMUPĀDĀNA: khi có sự bám thủ, đeo níu vào các trần cảnh với trần đầy ái nhiễm phát sanh từ Ái, khi đó có Dục Thủ

Nói cách khác là khi nào có sự thèm khát dục vọng, thích thú trong dục lạc, khát khao, say đắm, nổi lửa dục, Vô Tàm Vô Úy, phóng thân vào trong dục, khi đó có Dục thủ

2/ Tà Kiến Thủ - DITTHUPĀDĀNA: khi có sự bám thủ vào các kiến chấp sai lầm như: chấp thủ rằng Thế giới là thường còn vĩnh cửu, bản ngã là trường tồn bất sanh bất diệt, khi đó có Tà kiến Thủ.

Hoặc có quan kiến cho rằng không có Nhân có Quả, không có sự chứng đắc Thánh trí, không có đời này đời sau (Xem thêm trong Trường bộ Kinh – kinh Phạm võng)

3/ Giới cấm Thủ - SĪLABBATTUPĀDĀNA:

SĪLABBATA: có 2 từ ghép là SĪLA và VATA

V => BB: SĪLABBATA

SĪLA: hành động thường làm, giới.

VATA: áp dụng, thực tập, hành động

SĪLABBATA: giữ giới cấm nỗ lực tròn đầy

Khi có những quan kiến chấp thủ cho rằng do tuân thủ các cách tu tập tà lệch, lể lạc, cúng tế ... sẽ làm cho tâm được trong sạch hóa, đó là Giới cấm thủ.

KẾT LUẬN: Tin tưởng lễ nghi hay bất cứ phương cách thực hành nào mà không phải là Tứ Niệm Xứ sẽ đem lại giải thoát, thì đó là Giới cấm thủ

4/ Ngã luận Thủ - ATTAVĀDUPĀDĀNA: Khi có sự hiểu sai chấp quấy về Tự ngã: Sắc là tự ngã, Tự ngã trong Sắc, Thọ là tự ngã, Tự ngã trong Thọ, như vậy là Ngã luận thủ (ngã chấp thủ)

GHI CHÚ:

+ Đối với Tứ thủ, 3 Thủ sau (Tà Kiến Thủ, Giới cấm Thủ, Ngã luận Thủ) gom lại là **Tà kiến thủ**. Do vậy chỉ còn 2 thủ là **Dục thủ** và **Tà kiến thủ**.

+ Sự đoạn trừ kiến thủ được tìm thấy trong Dư lưu đạo, còn Dục thủ thì nhờ vào A la hán đạo mới đoạn trừ được

+ **Dục thủ** có mặt trong 8 tâm tham nhưng **Kiến thủ** chỉ hiện diện trong 4 tâm tham liên hợp Tà kiến, do vậy Dục thủ được nói trước tiên.

DỤC THỦ chính là tâm sở Tham, TÀ KIẾN THỦ là tâm sở Tà kiến

BUỔI 106 – 13.03.2021 – ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/2826961424219500>

BUỔI 139 - 23.07.2021 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/4435257696505740>

**IX/ THỦ DUYÊN HỮU
UPĀDĀNA PACCAYĀ BHAVA**

HỮU: cái gì trở thành, cái có, hiện hữu, sẽ có, sẽ trở thành

Hữu có 2 loại: **Nghiệp Hữu và Sanh Hữu**

**1/ Nghiệp Hữu
KAMMABHAVA**

+ Nghiệp: sự tạo tác, sự cố tạo

+ Nghiệp hữu: có 3: Thân Nghiệp, Khẩu nghiệp và Ý nghiệp

a/ Thân nghiệp: là sự cố tạo tác bằng Thân hành, sai khiến làm các việc Thiện hoặc Bất thiện

CHI PHÁP: Tâm sở Tư + 12 tâm Bất thiện + 8 tâm Thiện DGTH

b/ Khẩu nghiệp: là sự cố tạo tác bằng Khẩu hành, sai khiến lời nói Thiện hoặc Bất thiện

CHI PHÁP: Tâm sở Tư + 12 tâm Bất thiện + 8 tâm Thiện DGTH

c/ Ý nghiệp: sự tư duy tạo tác các ý nghĩ Thiện hoặc Bất thiện thuộc Hiệp thế

CHI PHÁP: Tâm sở Tư + 12 tâm Bất thiện + 8 tâm Thiện DGTH + 9 Tâm thiện Đáo đạ (thuộc nhóm Ý nghiệp nên có Tâm Đáo đạ)

NGHIỆP HỮU & HÀNH tương đương với nhau

**2/ Sanh Hữu
UPAPATTIBHAVA**

Khi có sự sanh, sự hiện hữu các uẩn trong các Cõi do Nghiệp hữu, khi đó có Sanh Hữu

2a/ Sanh Hữu nói gọn, có 3:

a/ Dục hữu

b/ Sắc hữu

b/ Vô Sắc hữu

2b/ Sanh Hữu nói rộng, có 3 nhóm 3:

1/ Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu

2/ Hữu tướng hữu, Vô tướng hữu, Phi tướng Phi phi tướng hữu

3/ Nhất uẩn hữu, Tứ uẩn hữu, Ngũ uẩn hữu

TỔNG SỐ 3 NHÓM SANH HỮU: 3 x 3 = 9

Tất cả Sanh hữu này được tìm thấy trong 31 cõi trong Tam giới

2/ Sanh Hữu
UPAPATTIBHAVA

2b/ Sanh Hữu nói rộng, có 3 nhóm 3:

1/ Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu

a/ Dục hữu – KĀMABHAVA:

có 11 cõi thuộc Dục giới đủ 5 uẩn (4 cõi Khổ + 1 cõi nhân loại + 6 cõi trời Dục giới = 11 cõi)

b/ Sắc hữu – RŪPABHAVA:

có 16 cõi thuộc Sắc giới đủ 5 uẩn và 1 uẩn. Có sự hiện hữu của các vị Phạm thiên ở 16 cõi Sắc giới

c/ Vô sắc hữu – ARŪPABHAVA:

có 4 cõi thuộc Vô sắc giới có Tứ danh uẩn. Có sự hiện hữu của các vị Đại Phạm thiên 4 cõi Vô sắc

2/ Hữu tướng hữu, Vô tướng hữu, Phi tướng Phi phi tướng hữu

d/ Hữu tướng hữu – SANNĪBHAVA: cõi có Tướng.

Có 29 Cõi Hữu tướng: 11 cõi Dục giới + 15 Cõi Sắc giới (trừ cõi Vô tướng) + 3 Cõi Vô sắc giới (trừ Phi tướng Phi phi tướng)

Có sự hiện hữu của các chúng sanh có TƯỚNG THỒ trong 29 Cõi Dục Sắc và Vô sắc (trừ 1 cõi Vô tướng và 1 cõi Phi tướng Phi phi tướng)

e/ Vô tướng hữu – ASANNĪBHAVA:

có 1 Cõi Vô tướng với Sắc uẩn, có sự hiện hữu của chúng sanh thuộc Cõi Vô tướng.

f/ Phi tướng Phi phi tướng hữu – ASANNĪNĀSANNĪBHAVA:

có 1 Cõi thuộc Tứ danh uẩn. Có sự hiện hữu của các Vị Đại phạm thiên cõi Vô sắc cao nhất.

3/ Nhất uẩn hữu, Tứ uẩn hữu, Ngũ uẩn hữu

g/ Nhất uẩn hữu – EKAVOKĀRABHAVA:

là chỉ có 1 uẩn duy nhất (sắc uẩn), tức chúng sanh thuộc Cõi Vô tướng hữu

h/ Tứ uẩn hữu – CATUVOKĀRABHAVA:

có 4 uẩn (Thọ, Tướng, Hành, Thức) tức Danh uẩn thuộc các vị Đại phạm thiên cõi Vô sắc

i/ Ngũ uẩn hữu – PANCAVOKĀRABHAVA:

có 5 uẩn với tất cả chúng sanh có đủ Danh – Sắc thuộc 11 cõi Dục giới và 15 cõi Sắc giới (trừ Vô tướng)

GHI CHÚ:

+ Đối với loại HỮu nào phát sanh do từ Dục, cái đó gọi là Dục HỮu

+ HỮu nào phát sanh do Ly Dục, nhưng Ái Sắc, là Sắc HỮu

+ HỮu nào phát sanh do Ly Sắc, Ái Vô Sắc, là Vô sắc HỮu

+ HỮu nào có Tướng, là HỮu Tướng

+ HỮu nào không có tướng, là HỮu Vô tướng

+ HỮu nào có tướng thô, là HỮu tướng HỮu

+ HỮu nào không có mặt tướng thô (tướng tế), là Phi tướng Phi phi tướng HỮu

+ có HỮu 5 uẩn, HỮu 4 uẩn và HỮu 1 uẩn, tất cả HỮu này đều do Nghiệp tác thành

+ KHÔNG CÓ NGHIỆP HỮU, THỜI KHÔNG CÓ SANH HỮU

**THỦ DUYÊN
HỮU
TƯỚNG
ƯNG**

+ **Dục Thủ** duyên cho **Dục HỮu**: có đủ 5 uẩn và thuộc Tướng HỮu

+ **Sắc Thủ** duyên **Sắc HỮu**: 5 uẩn có và 1 uẩn cũng có, Tướng HỮu có và Vô tướng HỮu có

+ **Vô sắc Thủ** duyên **Vô sắc HỮu**: có Tứ Danh uẩn, Tướng HỮu có và Phi tướng Phi phi tướng HỮu có

Như vậy, đối với 3 HỮu: Dục HỮu, Sắc HỮu, Vô sắc HỮu duyên từ Tứ Thủ.

Từ đó có được: **3 x 4 = 12 HỮu**

**X/ HỮU DUYÊN SINH
BHAVA PACCAYĀ JĀTI**

Hữu duyên Sinh chỉ lấy phần Nghiệp
Hữu, không thể là Sanh Hữu



12 tâm
Bất
thiện

8 tâm Đại
thiện
DGTH

5 tâm
Thiện Sắc
giới

4 tâm
Thiện Vô
Sắc giới

= 29 tâm

✘ Mọi sự khác biệt về giai cấp, dòng tộc, trú xứ, loại sanh thú khi sanh, chính do các NGHIỆP này

SINH – JĀTI:

có nghĩa là có sự phát sanh, sự hiện hữu của các Uẩn, do Nghiệp Hữu trong hiện tại duyên cho sự sanh trong tương lai.

Nói cách khác, là có sự hiện hữu của 2 thành phần Danh và Sắc

**1/ Danh
sanh:**

khi có Nghiệp Hữu làm duyên tạo nên Tâm và Tâm sở sanh khởi

**2/ Sắc
sanh:**

là có sự phát sanh của các Sắc do Nghiệp còn được gọi là Sắc Nghiệp sanh
Có 3 bợn Sắc nghiệp: sắc Thần kinh Thân, sắc Tính (nam, nữ), sắc Ý vật => gọi là Sắc sanh

**THỜI SANH
có 3 cách:**

+ Thời Tục sinh sanh – PATISANDHIJĀTI:

có nghĩa là Danh và Sắc nghiệp trong thời tục sinh sanh

+ Tiếp diễn sanh – SANTATIJĀTI:

tức là Danh Sắc liên tiếp sanh khởi không gián đoạn cho đến khi mạng chung

+ Sát na sanh – KHANIKAJĀTU:

Nói về phần Danh tức là tiến trình sanh diệt của mỗi sát na tâm có 3 sát na tiểu là: sinh, trụ, diệt;

Còn về phần Sắc thì mỗi bợn sắc tiến trình sanh diệt có đến 51 sát na tiểu tính theo 17 sát na tâm.

Mỗi sát na tâm có 3 sát na tiểu: $3 \times 17 = 51$ sát na tiểu, cũng có 3 giai đoạn là:

- SANH lấy 1 sát na tiểu đầu tiên;

- TRỤ thì lấy 49 sát na tiểu giữa,

- DIỆT thì lấy 1 sát na tiểu cuối của tiến trình 1 bợn sắc.

CÁCH SINH:

có 4 cách

1/ Noãn Sinh -
ANDAIAJĀTI

2/ Thai Sinh -
JALĀBUJAJĀTI

3/ Thấp Sinh -
SANSEDAJAJĀTI

4/ Hóa Sinh -
OPAPĀTIKAJĀTI

UẨN SINH:

có 3

1/ Ngũ Uẩn Sinh
(Sinh trong 26 cõi Ngũ Uẩn: 11 Dục
giới, 15 Sắc giới trừ Vô tưởng)

2/ Tứ Uẩn Sinh
(Sinh trong 4 cõi
Vô Sắc)

3/ Nhất Uẩn Sinh
(Sinh trong cõi Vô
Tưởng)

BUỔI 108 - 27.03.2021 – ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/484345812611683>

BUỔI 141 - 06.08.2021 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/vuonhoachanhphap/videos/324397272764899>

XI/ SANH DUYÊN LÃO TỬ JĀTI PACCAYĀ JARĀMARANAM

do duyên từ Sinh nên Lão tử hiện hữu

LÃO

khi nào có sự lão
hóa, sự già nua,
sự cũ nát ... khi đó
là Lão

Có 2 loại:

1/ Sắc thân Lão – RŪPAKĀYAJARĀ:

là 49 sát na trụ của Sắc pháp, tức giai đoạn đình trụ phi sinh diệt

2/ Danh thân Lão – NĀMAKĀYAJARĀ:

là sát na trụ của Tâm, mỗi sát na Tâm có 3 sát na tiểu là Sanh, Trụ, Diệt

TỬ

khi nào có sự tiêu
hoại, sự hoại diệt,
sự chấm dứt, sự
sống còn, khi đó là
Tử

Có 3 loại

1/ Tử thông thường:

là sự chấm dứt mạng căn hay còn gọi là sự chấm dứt hơi thở, sự ngưng hẳn 1 đời sống của loài hữu tình tùy theo hạng loại chúng sanh

2/ Sát na Tử:

là sự rơi vào sát na diệt của Danh và Sắc

3/ Tận diệt Tử:

là sự tử của các Vị A La Hán chấm dứt hoàn toàn mọi sự sanh diệt trở lại trong tương lai hay nói cách khác là trạng thái nhập diệt tư cách Niết bàn của Đức Phật Toàn Giác, Đức Phật Độc Giác và Chư vị A La Hán

Khi nói đến Sinh duyên Lão Tử là phải nói đến, Sầu (SOKA), Bi (PARIDEVA), Khổ (DUKKHA), Ưu (DOMANASSA), và Não (UPĀYĀSA). Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này

Sinh duyên Lão Tử
JĀTI PACCAYĀ
JARĀMARANAM
phải có giai đoạn

Sầu - SOKA: sự âu sầu do mất mát mọi thứ như: bà con thân thuộc, của cải, danh vọng, sự nghiệp, sức khỏe, giới đức Sầu là 1 nỗi khổ trong tâm

Bi - PARIDEVA: sự thống khổ, khóc than phát xuất từ âu sầu đau khổ, Bi là âm vang của Sầu

Khổ - DUKKHA: sự Khổ thân, khổ Thọ về thân như bệnh

Ưu - DOMANASSA: là đau nơi Tâm, cảm thọ Ưu của Tâm

Não - UPĀYĀSA: là tình trạng não nề do chịu đựng quá nặng về tinh thần khi mất mát người thân. Não nặng hơn Ưu về tâm trạng.

SẦU - BI - KHỔ - ƯU - NÃO là những hậu quả tất yếu của Sanh

XII/ LÃO TỬ DUYÊN VÔ MINH **JARĀMARANAM PACCAYĀ AVIJJĀ**

Sanh duyên Lão Tử có đầy đủ Danh, Sắc tức có đủ 5 uẩn

Như vậy có đầy đủ Tứ lậu (Dục lậu, Hữu lậu, Kiến lậu, Vô minh lậu)

Do đó **PHÁP LẬU** là duyên **VÔ MINH** đồng nghĩa **LÃO TỬ DUYÊN VÔ MINH**

BUỔI 109 - 03.04.2021 – ROOM NGUYENNHUKYVIEN

<https://www.facebook.com/417596642178593/videos/127362686027631>

BUỔI 142 - 13.08.2021 – ROOM PHATGIAONAMTRUYENNT

<https://www.facebook.com/vuonhoachanhphap/videos/982441312596960>

**3 THỜI –
ADDHĀ:**

Quá khứ - Hiện tại - Vị lai

a/ **Thời Quá khứ:** VÔ MINH - HÀNH

b/ **Thời Hiện tại:** THỨC - DANH SẮC - LỤC NHẬP – XÚC - THỌ - ÁI - THỦ - HỮU

c/ **Thời Vị lai:** SINH - LÃO TỬ

**12 CHI –
ANGA:**

Tức là 12 nhân duyên

VÔ MINH -> HÀNH -> THỨC -> DANH SẮC -> LỤC NHẬP -> XÚC -> THỌ -> ÁI -> THỦ -> HỮU -> SINH -> LÃO TỬ

**20 HÀNH
TƯỚNG –
VISATĀKĀRA:**

+ 5 nhân **Hành tướng Quá khứ:** VÔ MINH + HÀNH gom thành chung với 3 chi ÁI + THỦ + HỮU

+ 5 quả **Hành tướng Hiện tại:** THỨC, DANH SẮC, LỤC NHẬP, XÚC, THỌ

+ 5 nhân **Hành tướng Hiện tại:** ÁI + THỦ + HỮU, VÔ MINH + HÀNH

+ 5 quả **Hành tướng Tương lai:** THỨC, DANH SẮC, LỤC NHẬP, XÚC, THỌ

Do vậy, chúng ta có được 20 hành tướng là: 5 nhân quá khứ + 5 quả hiện tại + 5 nhân hiện tại + 5 quả vị lai = 20

+ Được gọi là Nhân vì các pháp này thuộc lãnh vực tạo tác, gây nghiệp, chúng là pháp nhân và có khả năng tạo quả

+ Được gọi là Quả vì chúng được hiện hữu, được sanh ra là do bởi các nhân tạo. Trong 5 Quả hiện tại "Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ" trong đó có cả "Sinh, Lão tử" vì khi 5 quả này được hiện khởi thì khi đó là Sinh, khi chúng trở già thì gọi là Lão và khi chúng bị tiêu hoại, chết đi thì gọi là Tử. Cùng thế đó, 5 Quả vị lai cũng tương tự.

**3 MỐI NỐI –
TĪSANDHI:**

1/ **HÀNH - THỨC:** đây chính là mối nối giữa Nhân Quá khứ qua Quả Hiện tại

2/ **THỌ - ÁI:** đây chính là mối nối giữa Quả Hiện tại và Nhân Hiện tại

3/ **HỮU – SINH:** đây chính là mối nối giữa Nhân Hiện tại và Quả Tương lai

**4 YẾU LỢC –
TUSANKHEPA**

Yếu lược 1: VÔ MINH – HÀNH: thuộc Nhân Quá khứ

Yếu lược 2: THỨC - DANH SẮC - LỤC NHẬP – XÚC - THỌ: thuộc Quả Hiện tại

Yếu lược 3: ÁI - THỦ - HỮU: thuộc Nhân Hiện tại

Yếu lược 4: SINH - LÃO - TỬ: thuộc Quả tương lai

**3 LUÂN –
TINIVAVATTĀ
NI:**

1/ **Phiền não luân:** có 3 chi pháp: **VÔ MINH - ÁI - THỦ**

2/ **Nghiệp luân:** có 2 chi pháp: **NGHIỆP HỮU - HÀNH**

3/ **Quả luân:** có 8 chi pháp: **SANH HỮU - THỨC - DANH SẮC - LỤC NHẬP - XÚC - THỌ - SINH - LÃO TỬ**

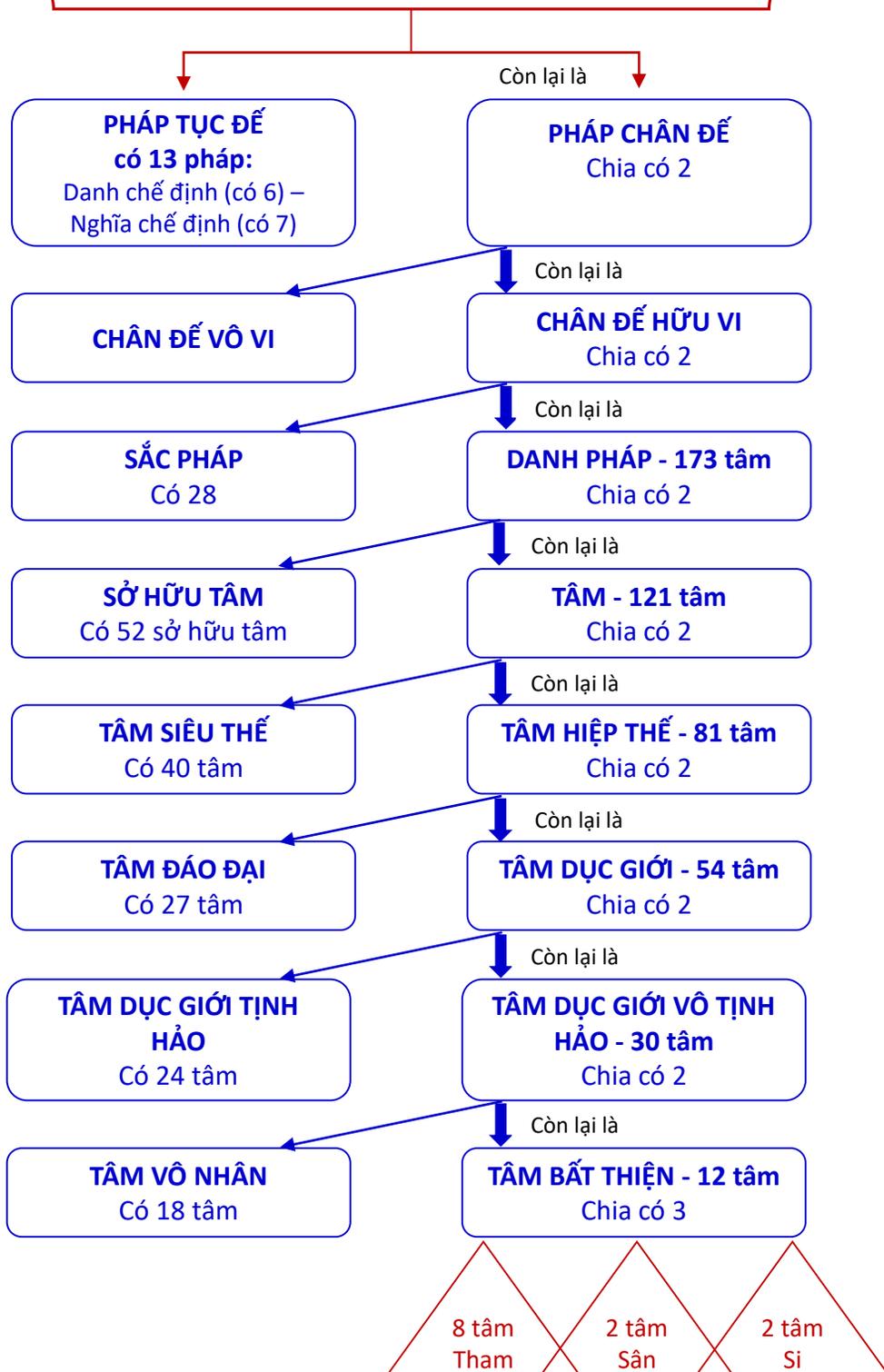
2 CĂN – MŪLA: Chính là 2 cội rễ, 2 gốc rễ của bánh xe Sanh Tử này

Căn 1: VÔ MINH - căn thuộc gốc rễ của đời Quá khứ

Căn 2: ÁI - là căn gốc của đời Hiện tại

SƠ ĐỒ SIÊU LÝ HỌC CƠ BẢN

TẤT CẢ LÀ PHÁP
LÀ TẤT CẢ HIỆN TƯỢNG CỦA TAM GIỚI
chia có 2



TẤT CẢ LÀ PHÁP
LÀ TẤT CẢ HIỆN TƯỢNG
CỦA TAM GIỚI
 chia có 2

PHÁP TỤC ĐẾ
SAMMUTISACCA
 có 13

DANH CHẾ ĐỊNH
NĀMAPAÑÑATTI

- 1/ Danh chân chế định
- 2/ Phi danh chân chế định
- 3/ Danh chân, Phi danh chân chế định
- 4/ Phi danh chân, Danh chân chế định
- 5/ Danh chân, Danh chân chế định
- 6/ Phi Danh chân, Phi danh chân chế định

NGHĨA CHẾ ĐỊNH
ATTHAPAÑÑATTI

- 1/ Hình thức chế định
- 2/ Hiệp thành chế định
- 3/ Chúng sanh chế định
- 4/ Phương hướng chế định
- 5/ Thời gian – thời tiết chế định
- 6/ Hư không chế định
- 7/ Tiêu biểu (hình tướng) chế định

PHÁP CHÂN ĐẾ
PARAMATTHASACCA
 Chia có 2

CHÂN ĐẾ VÔ VI
SAÑKHATADHAMMA

CHÂN ĐẾ HỮU VI
ASAÑKHATADHAMMA
 Chia có 2

SẮC PHÁP, có 28, gồm:

- a/ **Sắc Tứ đại (có 4):** Đất, Nước, Lửa, Gió
- b/ **Sắc Y đại sinh (có 24):** sắc Thần kinh (5), sắc Cảnh giới (4), sắc Tánh (2), sắc Ý vật, sắc Mạng quyền, sắc Vật thực, sắc Hư Không, sắc Biểu tri (2), sắc Đặc biệt (3), sắc Tứ tướng (4)

DANH PHÁP, có 173 tâm

SỞ HỮU TÂM, Có 52 sở hữu tâm:

- a/ **Tâm sở Tợ tha: có 13:** Biến hành (7), Biệt cảnh (6)
- b/ **Tâm sở Bất thiện: có 14:** Si phần (4), Tham phần (3), Sân phần (4), Hôn phần (2), Nghi (1)
- c/ **Tâm sở Tịnh hảo: có 25:** TSTH Biến hành (19), Giới phần (3), Vô lượng phần (2), Tuệ quyền (1)

TÂM - 121 tâm, Chia có 2

- a/ **Tâm Siêu thế:** có 40 (20 Đạo, 20 Quả)
- b/ **Tâm Hiệp thế: có 81, chia 2:**
 - b.1/ Tâm Đáo đại: 27 tâm
 - b.2/ Tâm Dục giới: 54 tâm, chia 2:
 - b.2.1/ Tâm DGTH: 24 tâm
 - b.2.2/ Tâm DG Vô tịnh hảo: 30 tâm, chia 2:
 - b.2.2.1/ Tâm Vô nhân: 18 tâm
 - b.2.2.2/ Tâm Bất thiện: 12 tâm, chia 3: **8 Tham, 2 Sân, 2 Si**

TÂM HIỆP THỂ

Có 81 tâm, gồm: + Tâm Dục giới: 54 tâm
+ Tâm Đáo đại: 27 tâm

54 TÂM DỤC GIỚI KĀMĀVACARA CITTA

12 TÂM BẤT THIỆN:

➤ 8 TÂM THAM:

1+2: Tâm tham thọ Hỷ Hợp tà Vô trợ - Hữu trợ
3+4: Tâm tham thọ Hỷ Ly tà Vô trợ - Hữu trợ
5+6: Tâm tham thọ Xả Hợp tà Vô trợ - Hữu trợ
7+8: Tâm tham thọ Xả Ly tà Vô trợ - Hữu trợ

➤ 2 TÂM SÂN: Tâm sân Thọ ưu hợp phần Vô trợ - Hữu trợ

➤ 2 TÂM SI: Tâm si thọ xả Hoài Nghi - Phóng dật

18 TÂM VÔ NHÂN:

➤ 15 TÂM QUẢ VÔ NHÂN:

+ 7 Tâm quả Bất thiện Vô nhân: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân (khổ), Tiếp đầu, Quan sát Thọ Xả quả Bất thiện Vô nhân.
+ 8 Tâm quả Thiện Vô nhân: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân (thọ Lạc), Tiếp đầu, Quan sát (Xả, Hỷ) thọ Xả Quả Thiện Vô nhân.

➤ 3 TÂM DUY TÁC VÔ NHÂN: Khán Ngũ môn thọ Xả, Khán Ý môn thọ Xả, Ưng cúng Vi tiểu thọ Hỷ

24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO

➤ 8 TÂM ĐẠI THIỆN DGTH:

Tâm Đại Thiện Thọ Hỷ (Thọ Xả) Hợp trí (Ly trí) Vô trợ (Hữu trợ)

➤ 8 TÂM QUẢ THIỆN DGTH:

Tâm Đại Quả Thọ Hỷ (Thọ Xả) Hợp trí (Ly trí) Vô trợ (Hữu trợ)

➤ 8 TÂM DUY TÁC DGTH:

Tâm Duy tác Thọ Hỷ (Thọ Xả) Hợp trí (Ly trí) Vô trợ (Hữu trợ)

27 TÂM ĐÁO ĐẠI MAHAGGATA CITTA

15 TÂM SẮC GIỚI:

5 TÂM THIỆN SẮC GIỚI:

- Tâm thiện Sơ thiền Sắc giới
- Tâm thiện Nhị thiền Sắc giới
- Tâm thiện Tam thiền Sắc giới
- Tâm thiện Tứ thiền Sắc giới
- Tâm thiện Ngũ thiền Sắc giới

5 TÂM QUẢ THIỆN SẮC GIỚI:

- Tâm Quả Sơ thiền Sắc giới
- Tâm Quả Nhị thiền Sắc giới
- Tâm Quả Tam thiền Sắc giới
- Tâm Quả Tứ thiền Sắc giới
- Tâm Quả Ngũ thiền Sắc giới

5 TÂM DUY TÁC SẮC GIỚI:

- Tâm Duy tác Sơ thiền Sắc giới
- Tâm Duy tác Nhị thiền Sắc giới
- Tâm Duy tác Tam thiền Sắc giới
- Tâm Duy tác Tứ thiền Sắc giới
- Tâm Duy tác Ngũ thiền Sắc giới

12 TÂM VÔ SẮC GIỚI:

4 TÂM THIỆN VÔ SẮC GIỚI:

- Tâm thiện Không vô biên xứ
- Tâm thiện Thức vô biên xứ
- Tâm thiện Vô sở Hữu xứ
- Tâm thiện Phi tưởng PPT xứ

4 TÂM QUẢ THIỆN VÔ SẮC GIỚI:

- Tâm Quả thiện Không vô biên xứ
- Tâm Quả thiện Thức vô biên xứ
- Tâm Quả thiện Vô sở Hữu xứ
- Tâm Quả thiện Phi tưởng PPT xứ

4 TÂM DUY TÁC VÔ SẮC GIỚI:

- Tâm Duy tác Không vô biên xứ
- Tâm Duy tác Thức vô biên xứ
- Tâm Duy tác Vô sở Hữu xứ
- Tâm Duy tác Phi tưởng PPT xứ

TÂM SIÊU THỂ
LOKUTTARA CITTĀNI

Có 40 tâm, gồm: + Tâm Đạo: 20 tâm
+ Tâm Quả: 20 tâm

20 TÂM ĐẠO
LOKUTTARA MAGGA CITTĀNI

5 TÂM SƠ ĐẠO –
Nhập lưu đạo tâm

- Sơ đạo Sơ thiền
- Sơ đạo Nhị thiền
- Sơ đạo Tam thiền
- Sơ đạo Tứ thiền
- Sơ đạo Ngũ thiền

5 TÂM NHỊ ĐẠO –
Nhứt lai đạo tâm

- Nhị đạo Sơ thiền
- Nhị đạo Nhị thiền
- Nhị đạo Tam thiền
- Nhị đạo Tứ thiền
- Nhị đạo Ngũ thiền

5 TÂM TAM ĐẠO –
Bất lai đạo tâm

- Tam đạo Sơ thiền
- Tam đạo Nhị thiền
- Tam đạo Tam thiền
- Tam đạo Tứ thiền
- Tam đạo Ngũ thiền

5 TÂM TỨ ĐẠO –
Vô sanh đạo tâm

- Tứ đạo Sơ thiền
- Tứ đạo Nhị thiền
- Tứ đạo Tam thiền
- Tứ đạo Tứ thiền
- Tứ đạo Ngũ thiền

20 TÂM QUẢ
LOKUTTARA PHALA CITTĀNI

5 TÂM SƠ QUẢ –
Nhập lưu Quả tâm

- Sơ quả Sơ thiền
- Sơ quả Nhị thiền
- Sơ quả Tam thiền
- Sơ quả Tứ thiền
- Sơ quả Ngũ thiền

5 TÂM NHỊ QUẢ –
Nhứt lai Quả tâm

- Nhị quả Sơ thiền
- Nhị quả Nhị thiền
- Nhị quả Tam thiền
- Nhị quả Tứ thiền
- Nhị quả Ngũ thiền

5 TÂM TAM QUẢ –
Bất lai Quả tâm

- Tam quả Sơ thiền
- Tam quả Nhị thiền
- Tam quả Tam thiền
- Tam quả Tứ thiền
- Tam quả Ngũ thiền

5 TÂM TỨ QUẢ –
Vô sanh Quả tâm

- Tứ quả Sơ thiền
- Tứ quả Nhị thiền
- Tứ quả Tam thiền
- Tứ quả Tứ thiền
- Tứ quả Ngũ thiền

TÂM SỞ - CETASIKA

Có 52 tâm sở, chia làm 3 nhóm:

A. AÑÑASAMĀNA CETASIKA - TÂM SỞ TỌ THA, có 13 (telasa) loại, chia 2 nhóm

I. SABBACITTASĀDHĀRAṆA - TÂM SỞ BIẾN HÀNH, có 7

1/ PHASSA - Xúc, có 6:
Nhãn (cảnh sắc + tk nhãn),
Nhĩ (cảnh thính + tk nhĩ),
Tỷ (cảnh hương + tk Tỷ),
Thiệt (cảnh vị + tk thiệt),
Thân (cảnh xúc + tk thân),
Ý (cảnh pháp + Ý xứ - tâm hộ kiếp)

2/ VEDANĀ - Thọ, có 2:
+ Thân Thọ
+ Tâm Thọ

3/ SAÑÑĀ - Tưởng, có 3:
+ tưởng Bất thiện,
+ tưởng Thiện,
+ tưởng Vô ký

4/ CETANĀ - Tư
5/ EKAGGATĀ - Nhất hành
6/ JĪVITINDRIYAM - Mạng quyền
7/ MANASIKĀRO - Tác ý

Cāti sattime Cetasikā
Sabbacittasādhāraṇā nāma
Bảy tâm sở này nằm chung
trong tất cả các loại tâm

II. PAKIṆṆAKA CETASIKA - TÂM SỞ BIỆT CẢNH, Có 6

1/ VITAKKA - Tầm
2/ VICĀRA - Tư
3/ ADHIMOKKHA - Thăng giải
4/ VIRIYA - Cần
5/ PĪTI - Hỷ
6/ CHANDA - Dục

Cāti cha ime Cetasikā
pakiṇṇakā nāma
Sáu loại tâm sở này được gọi
là "Riêng Biệt" hay Biệt Cảnh
(Pakiṇṇakā)

B. AKUSALA CETASIKA - TÂM SỞ BẤT THIỆT, Có 14 (cuddasa) loại, chia 5 nhóm

I. MOCATUCACETASIKA - TÂM SỞ BẤT THIỆT BIẾN HÀNH (SI PHẦN), có 4

1/ MOHO - Si
2/ AHIRIKAṀ - Vô Tàm
3/ ANOTTAPPAMĀ - Vô Quý
4/ UDDHACCAMĀ - Phóng Dật

II. LOTIKACETASIKA - THAM PHẦN, có 3

5/ LOBHO - Tham
6/ DIṬṬHI Tà kiến
7/ MĀNO - Ngã mạn

III. DOCATUKACETASIKA - SÂN PHẦN, có 4

8/ DOSO - Sân
9/ ISSĀ - Tật
10/ MACCHARIYAMĀ - Lận
11/ KUKKUCAMĀ - Hối

IV. THĪDUKACETASIKA - HÔN PHẦN, có 2

12/ THĪNAM - Hôn trầm
13/ MIDDHAMĀ - Thụỵ miên

V. VICIKICCHĀCETASIKA - NGHI, có 1

14/ VICIKICCHĀ - Hoài nghi

Cāti cuddasime Cetasikā
Akusalā nāma
Mười bốn Tâm sở này
được gọi là "Bất Thiện"

C. SOBHANA CETASIKA - TÂM SỞ TỊNH HẢO, Có 25 (pañcavīsati) loại, chia 4 nhóm

I. SOBHANASĀDHĀRAṆĀ - TÂM SỞ TỊNH HẢO BIẾN HÀNH, có 19

1/ SADDHĀ - Tín
2/ SATI - Niệm
3/ HIRI - Tàm
4/ OTTAPPAMĀ - Quý
5/ ALOBHO - Vô Tham
6/ ADOŠO - Vô Sân
7/ TATRAMAJHATTATĀ - Hành Xả
8/ KĀYAPASSADDHI - Tịnh Thân
9/ CITTAPASSADDHI - Tịnh Tâm
10/ KĀYALAHUTĀ - Khinh Thân
11/ CITTALAHUTĀ - Khinh Tâm
12/ KĀYAMUDUTĀ - Nhu Thân
13/ CITTAMUDUTĀ - Nhu Tâm
14/ KĀYAKAMMAÑÑATĀ - Thích Thân
15/ CITTA-KAMMAÑÑATĀ - Thích Tâm
16/ KĀYAPĀGUÑÑATĀ - Thuần Thân
17/ CITTA-PĀGUÑÑATĀ - Thuần Tâm
18/ KĀYUJJUKATĀ - Chánh Thân
19/ CITTUJJUKATĀ - Chánh Tâm

II. VIRATIYO - GIỚI PHẦN, Có 3

20/ SAMMĀVĀCĀ - Chánh Ngữ
21/ SAMMĀKAMMANTO - Chánh Nghiệp
22/ SAMMĀ-ĀJĪVO - Chánh Mạng

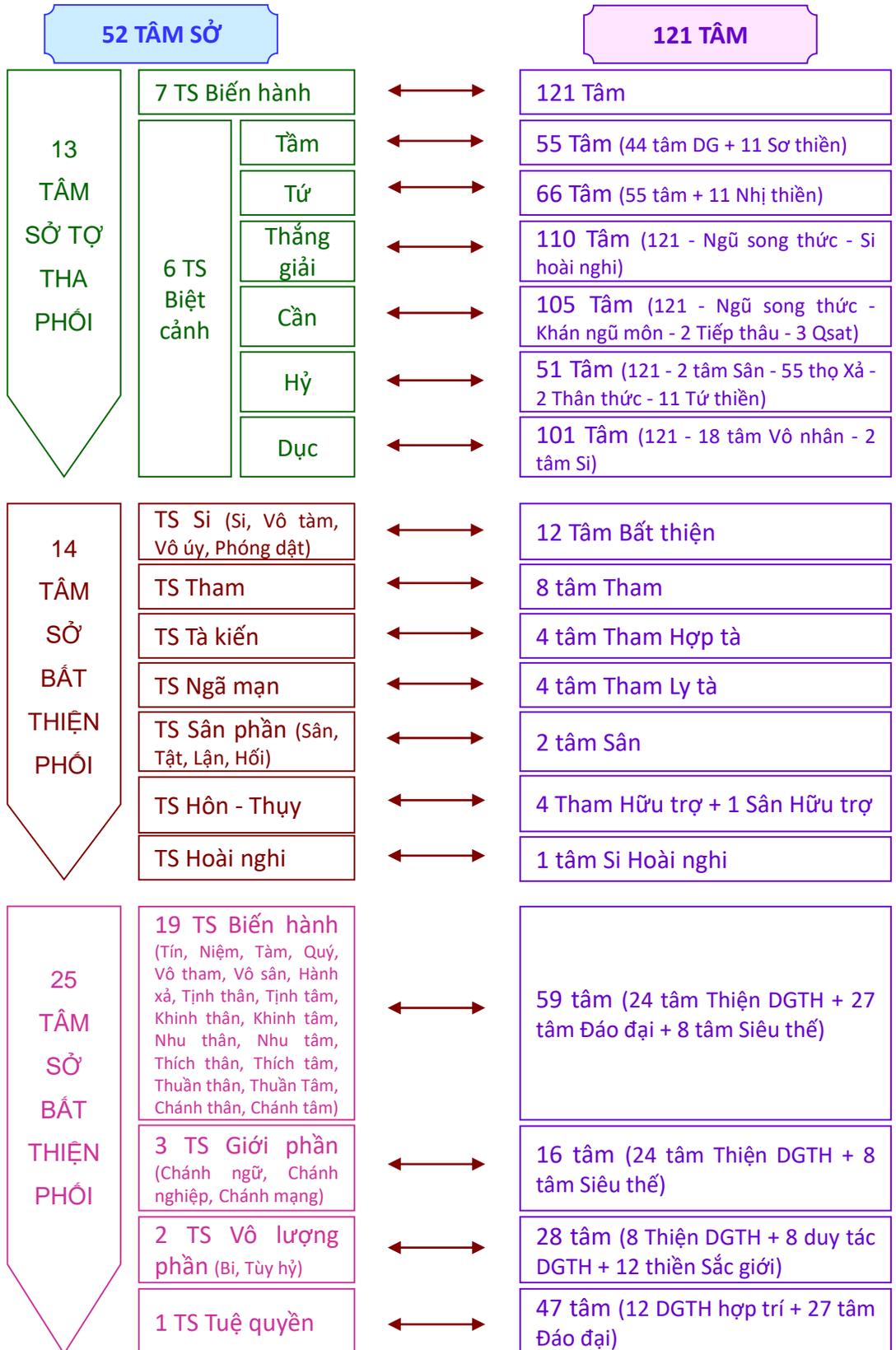
III. APPAMAÑÑĀ - VÔ LƯỢNG PHẦN, Có 2

23/ KARUṆĀ - Bi
24/ MUDITĀ PANA - Tùy Hỷ

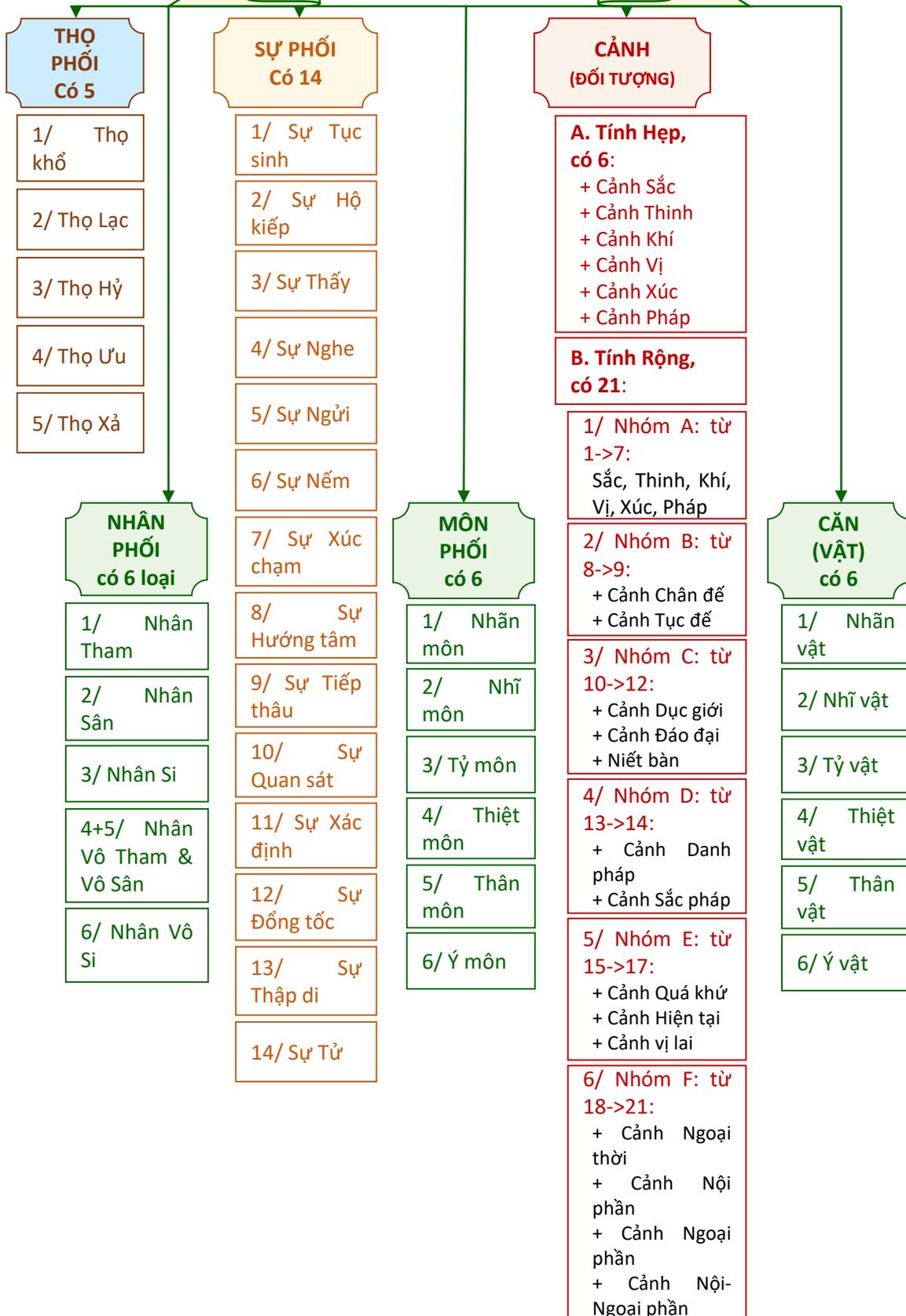
IV. PAÑÑINDRIYA - TUỆ QUYỀN, 25 (pañcavīsati) có

Paññindriyena saddhim pañcavīsatime
Cetasikā Sobhanāti veditabbā. Ettavatā
ca - Terasaññasamānāca_
cuddasākusalā tathā. Sobbanā
pañcavīsati - dvipaññāsa pavucare
Với Tuệ Quyền, hai mươi lăm Tâm sở
này, trong mọi trường hợp, phải được
hiểu là "Tịnh Hảo"

SƠ ĐỒ BÀI GIẢNG TÂM SỞ & TÂM PHỐI HỢP



SƠ ĐỒ BÀI GIẢNG SỰ PHÂN TÍCH 6 PHÁP



SƠ ĐỒ BÀI GIẢNG
NGƯỜI: có 12, chia 2 nhóm

PHÀM NHÂN: có 4

1/ Khổ vô nhân

2/ Lạc vô nhân

3/ Người Nhị nhân

4/ Người Tam nhân

THÁNH NHÂN: có 8

1/ Người Đạo Nhập lưu

2/ Người Quả Nhập lưu

3/ Người Đạo Nhất lai

4/ Người Quả Nhất lai

5/ Người Đạo Bất lai

6/ Người Quả Bất lai

7/ Người Đạo Vô sanh

8/ Người Quả Vô sanh

SƠ ĐỒ BÀI GIẢNG
CÔI: có 31, chia 4 nhóm

I/ CÔI KHỔ:
có 4

1/ Địa ngục

2/ Bàn sanh

3/ Ngạ quỷ

4/ Atula

II/ CÔI VUI DỤC GIỚI:
Có 7

1/ Cõi Người, có 4:
+ Nam thiện bộ châu
+ Bắc câu lưu châu
+ Đông thẳng thần châu
+ Tây ngư hóa châu

2/ Tứ đại thiên vương

3/ Đạo lợi, Tam thập tam thiên

4/ Dạ ma

5/ Đấu xuất đà

6/ Hóa lạc thiên

7/ Tha hóa tự tại

III/ CÔI SẮC GIỚI:
Có 16

1/ Cõi Sơ thiên, có 3:

+ Phạm chúng thiên
+ Phạm phụ thiên
+ Đại phạm thiên

2/ Cõi Nhị thiên, có 3:

+ Thiếu quang thiên
+ Vô lượng quang thiên
+ Quang âm thiên

3/ Cõi Tam thiên, có 3:

+ Thiếu tịnh thiên
+ Vô lượng tịnh thiên
+ Biến tịnh thiên

4/ Cõi Tứ thiên, có 7:

+ Quảng quả thiên
+ Vô tưởng thiên
+ Phước sanh thiên, chia 5 phần:
- Vô phiến thiên
- Vô nhiệt thiên
- Thiện kiến thiên
- Thiện hiện thiên
- Sắc cứu cánh thiên

IV/ CÔI VÔ SẮC:
có 4

1/ Không vô biên xứ thiên

2/ Thức vô biên xứ thiên

3/ Vô sở hữu xứ thiên

4/ Phi tưởng Phi phi tưởng xứ thiên

SƠ ĐỒ BÀI GIẢNG
NGHIỆP: có 16, chia 4 nhóm

I/ PHẬN SỰ CỦA NGHIỆP: có 4	II/ NĂNG LỰC: có 4	III/ NGHIỆP THỜI: có 4	III/ LÃNH VỰC NGHIỆP: có 4
1/ Sanh nghiệp	1/ Trọng nghiệp	1/ Hiện báo nghiệp	1/ Nghiệp bất thiện thuộc Dục giới
2/ Trì nghiệp	2/ Cận tử nghiệp	2/ Sanh báo nghiệp	2/ Nghiệp thiện thuộc Dục giới
3/ Chướng nghiệp	3/ Tập quán nghiệp	3/ Hậu báo nghiệp	3/ Nghiệp thiện thuộc Sắc giới
4/ Đoạn nghiệp	4/ Kinh thiếu nghiệp (tích lũy nghiệp)	4/ Vô hiệu nghiệp	4/ Nghiệp thiện thuộc Vô Sắc giới

SƠ ĐỒ BÀI GIẢNG
SẮC PHÁP: có 28

A/ SẮC TỨ ĐẠI: có 4	B/ SẮC Y ĐẠI SINH : Có 24
1/ Nguyên tố ĐẤT	1/ Sắc Thần kinh, có 5: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân
2/ Nguyên tố NƯỚC	2/ Sắc Cảnh giới, có 4: Sắc, Thinh, Khí, Vị
3/ Nguyên tố LỬA	3/ Sắc Tánh, có 2: Nam, Nữ
4/ Nguyên tố GIÓ	4/ Sắc Ý vật
	5/ Sắc Mạng quyền
	6/ Sắc Vật thực
	7/ Sắc Hư không
	8/ Sắc Biểu tri, có 2: Thân, Khẩu
	9/ Sắc Đặc biệt, có 3: Kinh, Nhu, Thích nghiệp
	10/ Sắc Tứ tướng, có 4: Sinh, Tiến, Di, Diệt

TỔNG KẾT LỘ TÂM

Gom thâu: có 455 lộ

1/ LỘ NGŨ MÔN: có 120 lộ. Có 5:

↳ Cảnh rất lớn: 15 lộ

↳ Cảnh lớn: 20 lộ

↳ Cảnh nhỏ: 30 lộ

↳ Cảnh rất nhỏ: 35 lộ

↳ Tử ngũ môn: 20 lộ

2/ LỘ Ý MÔN: có 61 lộ. Có 7:

↳ Cảnh rất rõ: 22 lộ

↳ Cảnh rõ: 16 lộ

↳ Cảnh không rõ: 2 lộ

↳ Cảnh rất không rõ: 1 lộ

↳ Tử ý môn: 4 lộ

↳ Nhập Niết bàn ý môn: 4 lộ

↳ Chiêm bao: 12 lộ

3/ LỘ KIÊN CỐ: có 164 lộ. Có 7:

↳ Đắc thiên: 36 lộ

↳ Đắc sơ đạo: 10 lộ

↳ Đắc 3 đạo cao: 30 lộ

↳ Nhập thiên: 40 lộ

↳ Hiện thông: 4 lộ

↳ Nhập thiên quả: 40 lộ

↳ Nhập thiên diệt: 4 lộ

4/ LỘ NHẬP NIẾT BÀN ĐẶC BIỆT: có 110 lộ. Có 4:

↳ Niết bàn liên thiên: 36 lộ

↳ Niết bàn liên thông: 4 lộ

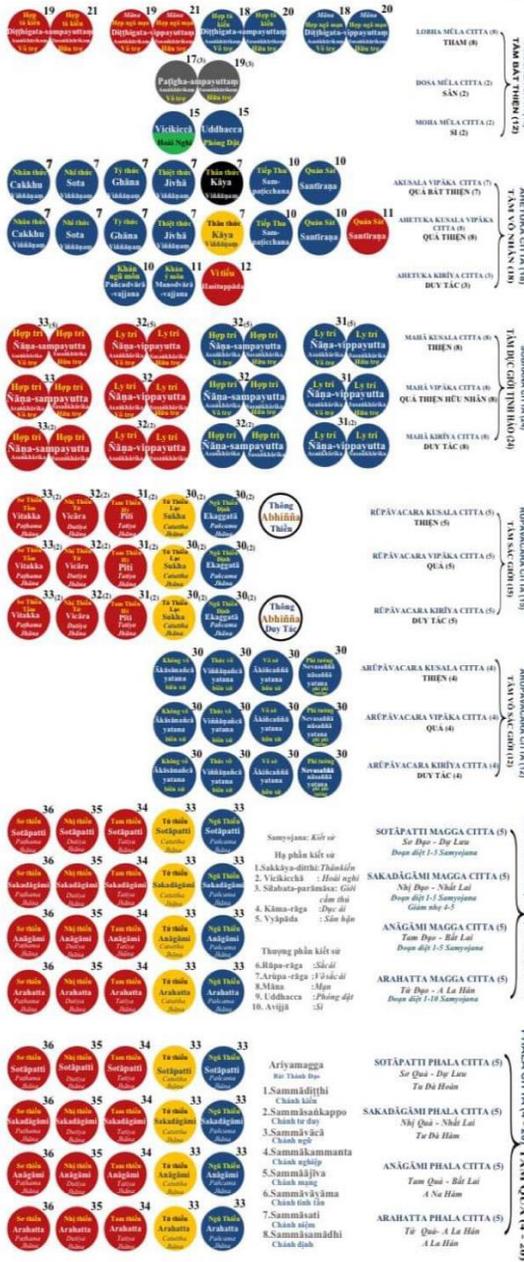
↳ Niết bàn phản khán chi thiên: 48 lộ

↳ Niết bàn đắc đạo tột mạng: 22 lộ

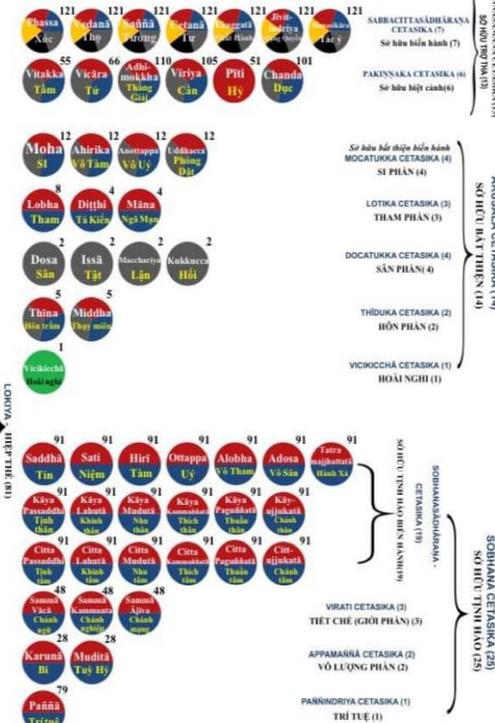
ABHIDHAMMA

NĀMADHAMMA - DANH PHÁP(2)

CITTA - TÂM VƯƠNG (89 - 121)



CETASIKA - TÂM SỞ (52)



RŪPADHAMMA - SẮC PHÁP (28)



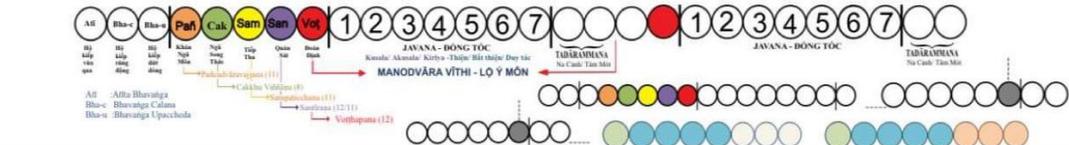
NĀMAPAÑNATTI - DANH CHẾ ĐỊNH



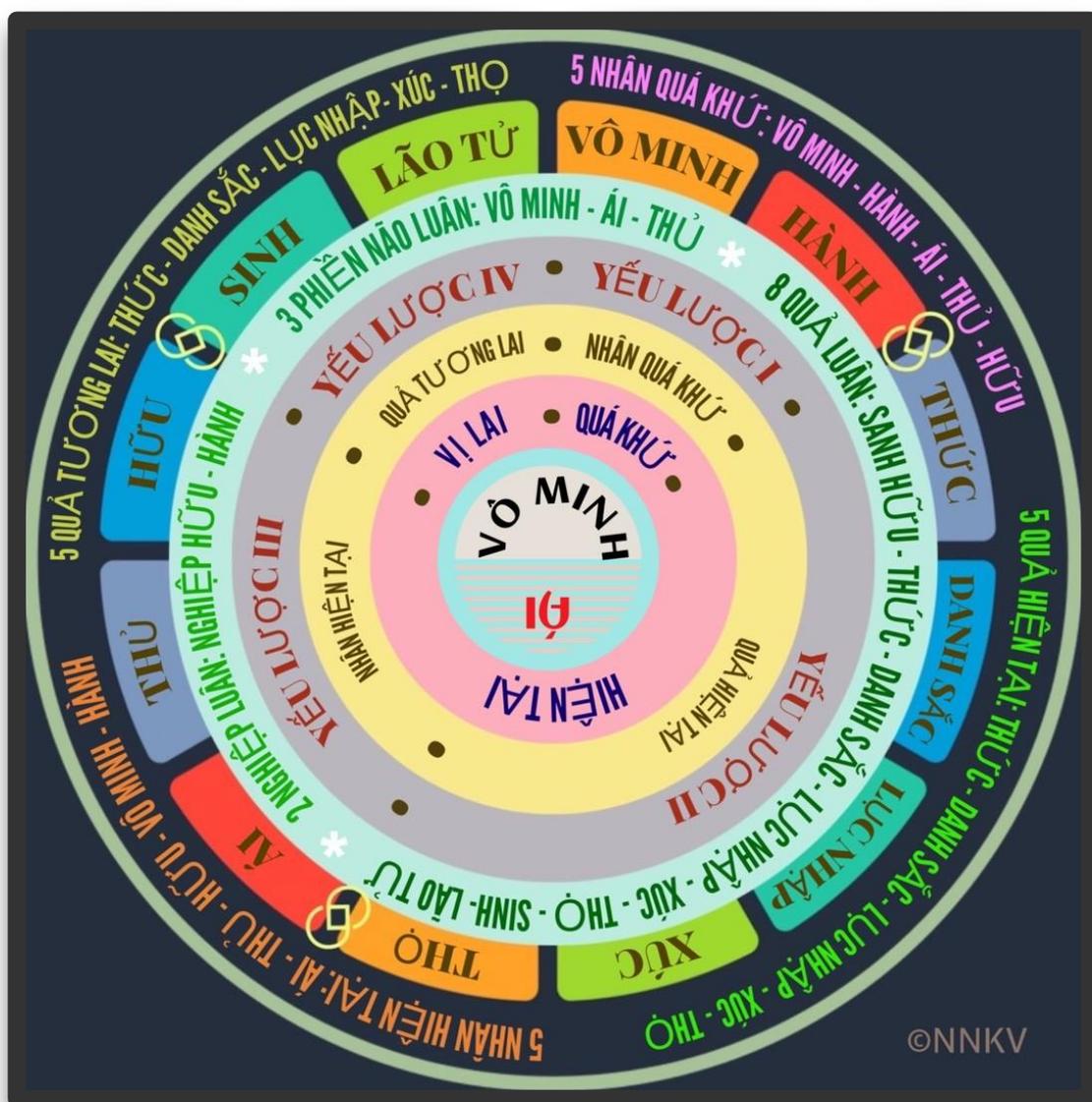
ATTHAPAÑNATTI - NGHĨA CHẾ ĐỊNH



CITTA VĪTHI - LỘ TRÌNH TÂM (17 SẮT NA TÂM)

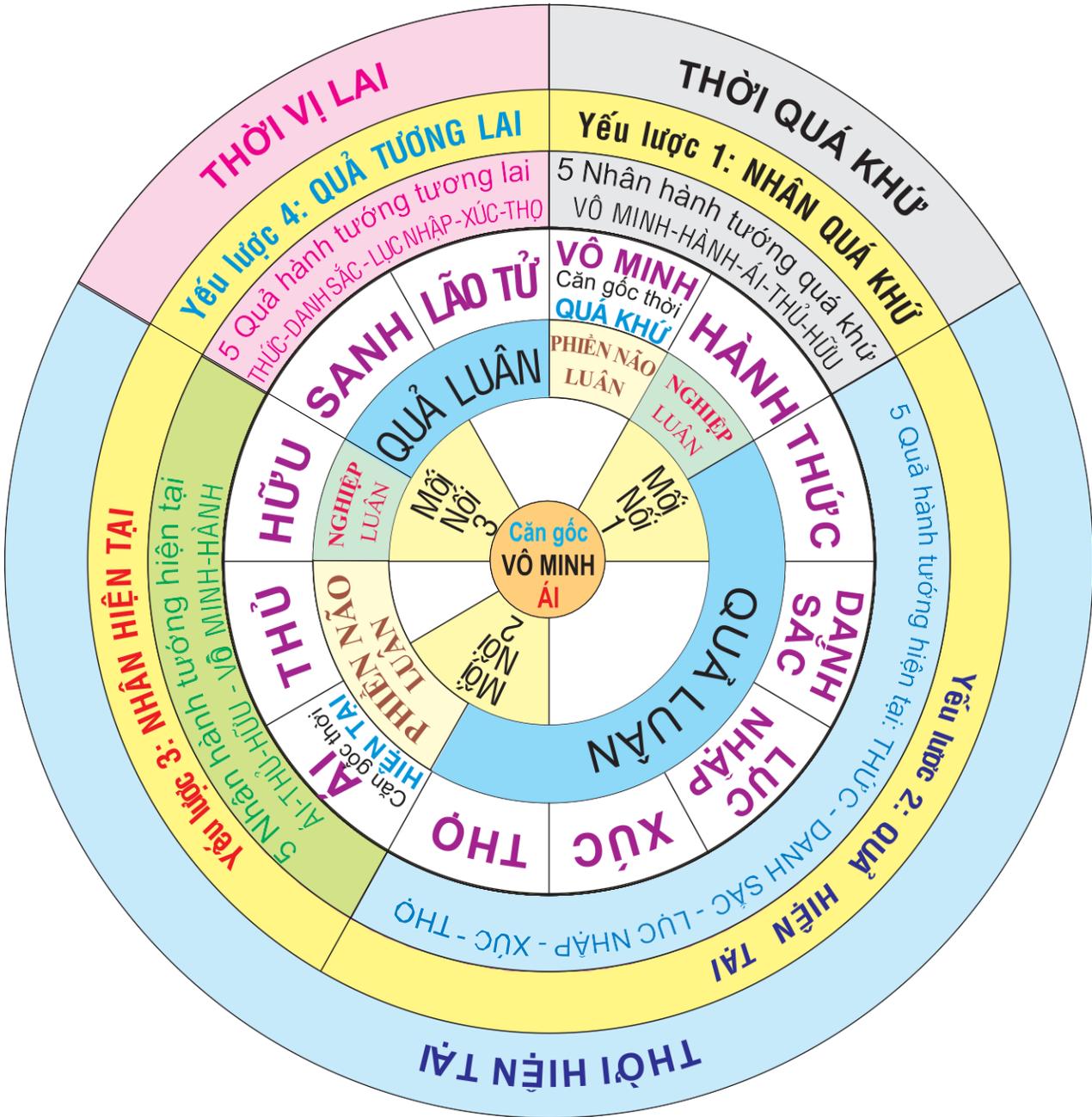


SƠ ĐỒ 12 NHÂN DUYÊN



NGUYÊN NHƯ THỰC HIỆN

SƠ ĐỒ 12 NHÂN DUYÊN



Thực hiện: *Châu Nguyễn*

MỤC LỤC BÀI GIẢNG

1/ TÂM	Trang 4
2/ TÂM SỞ	Trang 62
3/ TÂM SỞ PHỐI HỢP TÂM	Trang 153
4/ TÂM – TÂM SỞ PHỐI	Trang 160
5/ SỰ PHÂN TÍCH 6 PHÁP	Trang 178
6/ NGƯỜI – CỖ	Trang 213
7/ NGHIỆP	Trang 256
8/ SẮC PHÁP	Trang 281
9/ LỘ TRÌNH TÂM	Trang 319
10/ THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN	Trang 381

PHÁP THÍ THẮNG MỌI THÍ

Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti

SÁCH ẨM TỔNG KHÔNG BÁN